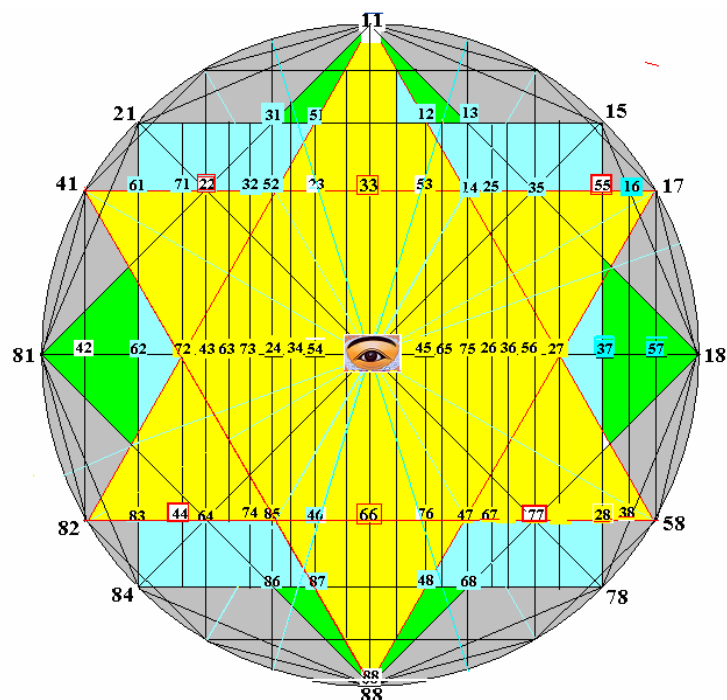


DỊCH LÝ CAO ĐÀI

PHẦN CƠ BẢN. QUYỂN II



Tây-ninh Thánh-địa, mùa Hoa Đạo nở.

Đình-Hội niên 2007

Nữ Soạn-giả

NGUYỄN THUY

Triết lý và con người



“Một thi-sĩ xứ Perse gọi triết-lý là bản-thảo lúc đem in đã bay mất hai trang: đầu và cuối.

Triết-lý thường gồm ba loại vấn đề sau:

- **Nhân-sinh hà tại?** 人生何在 Tại sao tôi sinh ra ở trên đời? Vì nguyên-nhân nào?

- **Tại thế hà như?** 在世何如 Và sinh ra để làm gì? Tức là triết lý nhân-sinh.

- **Hậu thế hà như?** 後世如何 Sau này sẽ ra sao? Tức là vấn đề cứu cánh của con người.

Trong ba loại đó thì vấn đề nguyên-ủy vạn-vật cũng như về loài người và cứu cánh cuối-cùng của con người thuộc trang đầu và trang cuối đã mất, nghĩa là không thể tìm ra câu trả lời thỏa-mãn cho trí khôn”.

Thế nên, triết-lý hiện nay dù phức-tạp, lòng người còn chia cách, nhưng biết xây-dựng trên nền tảng hoà hiệp, lo gì không tiến đến nền triết-lý ĐẠI ĐỒNG. Bởi:

- **Chủ-nghĩa Đại-Đồng là dung nạp**, dang tay đón nhận với sự không so-đo lọc lừa.

- **Chủ-thuyết Đại-Đồng tuyệt-đối không cưỡng bức**, không chấp nhận lấy một bỏ một.

- **Chủ-thuyết Đại-Đồng không chấp nhận có kẻ thù** mà tất cả là đồng-sanh, đồng-hành, là huynh đệ.

DỊCH LÝ CAO ĐÀI hôm nay sẽ trả lại cho hai trang đầu và cuối đã mất để tất cả cùng đi đến ĐẠI ĐỒNG đầy tình Thương-yêu và một niềm tin nhiều hứa hẹn.



Lời nói đầu

Lời nói đầu tiên của chúng tôi là chân thành cảm ơn tất cả những Bạn-bè gần xa đã hưởng ứng đọc giùm những Soạn phẩm mà tôi đã cho ra đời trót mấy năm nay và sách in ra hoàn toàn biểu không, nhưng nếu không đến tay được nhiều Bạn chỉ vì một sơ sót là Tôi không gởi đến từng Bạn được. Xin thứ lỗi cho! Mong rằng các Bạn có điều kiện đọc trên mạng Internet **www Dichlycaodai.Net** của Soạn giả, được phổ biến rộng rãi hơn.

Đồng thời rất cảm ơn những người Bạn đầu chưa một lần gặp-gỡ, nhưng tinh thần phụng-sự sẵn có đã giúp chúng tôi hoàn thành những trang Web để có dịp truyền thông trên mạng Quốc tế như các Bạn Đạo ở Australia thực hiện các Ebook, như các Bạn trẻ ở Mỹ là Phạm-Hiến và Vũ-Hồ đã thiết kế và Kỹ-thuật trang Web Dichlycaodai.Net Hiện tại số sách đã in ra trên 15 đề tài. Riêng Dịch-lý Cao-Đài tổng cộng 14 quyển

Ngoài ra còn một số đề tài đã in nhưng chưa phổ biến rộng. Những Tập này và kế tiếp là chứng minh Thể pháp của Đạo Cao Đài qua 64 quẻ Dịch.

Tinh-thần của Dịch-lý Cơ bản quyển II này chúng tôi cố gắng xiển dương những yếu-lý của Dịch qua Thể pháp của Đạo Cao-Đài, những nền tảng để bước vào 64 quẻ Dịch sắp tới, đồng thời sẽ khai triển BÁT-QUÁI BIẾN HOÁ TOÀN ĐỒ, tức là hình bìa của Quyển Dịch-lý từ lâu được nằm trên bìa trang sách. Chính đây đã thể hiện rõ sự vận hành của Dịch để hình thành một Bát-Quái Hư vô, tức là Bát Quái luyện Đạo mà xưa nay các nhà tu Tiên gọi là Pháp luân thường chuyển.

Trong Bát-quái này cũng đã hiện hình đủ cả “KIM TỰ THÁP” nữa. Sau quyển Dịch-lý II này là bắt đầu lý

giải 64 quẻ Dịch qua các Thể pháp của Đạo Cao-Đài. Ví dụ như hai quẻ đầu của Thượng Kinh là Càn 1 tượng ngôi Đức Chí Tôn, Khôn 2 tượng ngôi Đức Phật-Mẫu, thì chúng tôi soạn chung một quyển Dịch III là “Càn Khôn Thiên Địa”. Những quyển kế tiếp thì cứ 6 Quẻ làm thành một quyển cho đến quẻ sau cùng là quẻ 64 là Hoả Thuỷ Vị-tế tượng cho cuộc “Luân hồi sanh tử”.

Trong chương trình làm việc này tôi đã thể hiện một sự phổ truyền chân lý Cao-Đài đến các Bạn đọc một cách rộng rãi hơn là dành cho những Bạn đọc chưa nghiên cứu về Dịch thì có những đề tài chuyên biệt dựa theo quẻ Dịch, như quẻ Kiền tượng Đức Chí-Tôn thì có đề tài “Đức Chí Tôn Ngọc-Hoàng Thượng-Đế”. ..

Kể từ ngày được sự trợ lực của cháu Hiến ở Mỹ quốc và Trinh, Khôi ở Thanh-Điền (V.N) và nhiều nhiều Bạn nữa, giúp cho các phương tiện về kỹ thuật in ấn. Cảm lòng hiếu thảo của Hiến muốn dâng công quả này cho người Mẹ trong lúc tuổi hoàng hôn bóng xế, xin trân-trọng ghi ơn người Mẹ của Hiến là Bà Nguyễn Thị Đôi sanh năm 1926 hiện ở Tây-ninh, chúc Bà trường thọ.

Tôi nguyện sẽ làm vừa lòng các Đọc giả kính mến.

Một nguyện ước sau cùng trong đời tôi là ghi chép lại tất cả những lời dạy Đạo của Đức Chí-Tôn, Phật Mẫu và của Đức Hộ-Pháp, để xiển dương tinh thần Đạo-pháp, hệ-thống-hoá thành từng chương mục cho đọc giả dễ tìm..

Xin đón nhận những lời chỉ dẫn cùng những sự góp ý chân thành, chúng tôi sẽ điều chỉnh cho thật hoàn hảo hầu dâng lên cho Hội-Thánh toàn quyền xử dụng.

Thánh địa, in lại ngày 21-7 Mậu-Tý
(ĐI 25-10-2008) có sửa chữa ít nhiều.

Nữ Soạn giả
NGUYỄN THUY

- Đại cương về Dịch-lý Cao-Đài
 - Toán học qua Hà-Đồ và Lạc thư:
 - Những con số trên bàn tay
 - Số biến hoá của Tứ tượng.
 - Bát-quái Tiên Thiên và phương vị
- ***

CHƯƠNG I

A- ĐẠI CƯƠNG về NỀN DỊCH LÝ CAO-ĐÀI

Phỏng theo lời nhận định của Ông Phan Bội-Châu đã nói rằng: Triết học Đông-phương xưa nay có ba nhà:

- Một là **Phật-học**.
- Hai là **Lão học**.
- Ba là **Dịch-học**.

Nhưng **Phật-học** thì lý-tưởng quá cao, mà con đường tu là xuất thế. Lão học chỉ lấy thuyết Âm Dương làm nền tảng cũng theo đường xuất thế.

Vì sao đường lối tu của Phật, Lão phải xuất thế?

- Vì nhân-loại buổi ấy Thánh đức còn nhiều, về địa lý thì đất đai rộng-rãi, đất rộng người thưa. Tính tình người còn hiền hậu, còn giữ nguyên cái chân tính của “*Nhân chi sơ tánh bản thiện*”, không bị ảnh hưởng của ngoại lai nhiều. Thế nên việc tu thuở ấy giống như người chơi cây kiềng, nhàn rãi, thư thái. Tìm đến non cao núi thẳm, lánh chốn phồn hoa để hướng đến một cái thú tuyệt vời là tầm Tiên noi Phật. Thật ra nếu không tu thì người thuở ấy cũng vẫn hiền từ nhân hậu lắm rồi! Thời Thượng đức mà!

Lão-học thì cũng vẫn một nhà xuất thế như Phật, tìm chốn non Thần động Thánh để thích chí thanh nhàn, tu Tiên luyện pháp: Quá cao xa và đòi hỏi thời gian. Thế kỷ này liệu thế nào mà tu-hành cho được? Nếu cả nước đồng xuất thế thì lấy ai lo cho dân-tộc, làm sao đất nước mở

mang? Nhân sanh sẽ đi vào đường lối tiêu cực hay sao?

“Nay nếu chiết trung ở trong các nhà Triết-học Đông phương vừa tinh-vi, vừa thiết thực, vừa thấu lý, vừa thích dụng thời chẳng gì bằng Dịch-học.

Vì lòng ưu thời mẫn thế gốc ở tâm lòng Từ-bi thời DỊCH chẳng khác gì Phật, tùy thì thức thế dù trăm đường biến hóa, thời Dịch có lẽ hay hơn Lão. Nếu nghiên-cứu về Dịch-học thì Phật-học và Lão-học cũng quán thông, gần gũi cùng thiên-lý, Âm Dương lý số thông cùng vạn vật.

Thời buổi này:

*Đạo Cao-Đài cho biết **Phật độ 6** tức nguyên nhân tức là phép tu theo Phật là cho hiểu nguồn gốc KHỔ của con người là do *lục căn*, bởi khi tiếp xúc với *lục trần* thì sinh ra *lục dục*. Nếu nhờ biết tu thì biến tất cả thành ra *lục thức* để đến chỗ cao thượng hơn là đạt cho được *Lục thông* để khỏi bị đoạ vào *Lục đạo luân hồi*. **Là chủ yếu ở số 6.**

*Thời kỳ **Tiên Đạo thì độ được 2** tức nguyên nhân tức là nói về lý Âm Dương, là lý tương đối hữu hình: Hễ có sinh thì có diệt, có sướng thì có khổ, hai ý nghĩa này cứ đắp đổi nhau không bao giờ dứt như bóng với hình. Bởi cõi trần này là *cõi nhị nguyên* phải vậy. Muốn chấm dứt sự luân hồi nhân quả phải diệt nhân thì không có quả nghiệp. Thế nên nói rằng: Phật sợ nhân, chúng sanh sợ quả. Vì Phật sợ nhân nên không gây nhân thì đâu phải gặt hái kết quả. Chúng nhân cứ làm liều không suy nghĩ khi gặt hái những quả xấu rồi mới sợ thì đã muộn rồi! **Chủ yếu ở số 2.**

Đây là **tổng số 8** tức nguyên nhân ($6+2=8$) mà hai thời kỳ qua đã độ được, tức là các Đấng Giáo-Chủ đã để lại cho nhân loại hiểu biết về giá trị siêu mầu của Bát-quái biến hoá, nên ông Phan-Bội-Châu mới nói:

“Nếu nghiên cứu về Dịch-học thì Phật-học và Lão-học cũng quán thông, gần-gũi cùng thiên-lý, Âm

Dương lý số thông cùng vạn vật” là vậy.

Còn lại **92** tức nguyên nhân tức là người đến trần mê chưa thấu được Đạo lý chân truyền, nên Đức Chí-Tôn lập thêm cho hai Bát-quái nữa làm hành trang cho bước đường trở về với cảnh thật đó là Con đường thiêng liêng hằng Sống hay là Cảnh Niết Bàn.

Nay là ngươn hội của Đại-Đạo Tam-Kỳ Phổ-Độ Tam giáo qui nguyên Ngũ chi phục nhứt, năm châu chung chợ, bốn biển chung nhà. Do vậy mà phương diện khoa học mở-mang, đầy-đủ máy-móc, phương tiện in ấn, truyền thông dễ dàng, không như ngày xưa viết tay, khắc bản, thì liệu cho ra đời được mấy quyển?

Đức Hộ-Pháp tha-thiết đến nền Dịch-học nên nhấn mạnh rằng:

...“Nếu ta lấy cái học-thuyết hiện tại của Âu Mỹ hoà với DỊCH-LÝ để giải cho rõ, ta cảm thấy cái lý học Á Đông đã đến chỗ tuyệt-đối huy-hoàng.

Hiện tại biết bao nhà Bác-học Âu-Mỹ tận tụy tìm kiếm học-thuyết về Dịch-lý của Á-đông ...

Bản-Đạo cảm thấy một làn sóng mới trong thời đại nguyên-tử này có thể giúp chúng ta không những về khoa học mà còn về Lý-học nữa.

- Người Âu-Tây còn quý DICH-HỌC là như vậy.

- Người Nhựt cũng biết quý DỊCH-LÝ như vậy.

Chúng ta dòng dõi con Rồng cháu Tiên trên một dải đất ngàn năm văn-vật đã hấp thụ được hai cái văn hóa Đông Tây không lẽ lại để cho cái Triết-học Đông phương một ngày càng tàn-tạ, thật là “túi mình có ngọc báu mà không biết lại ngửa tay đi xin người từng hột gạo”

May sao, cũng là tiền duyên Bản-Đạo lại gặp Tác giả Dịch Kinh Tân khảo trong lúc nước biển gia vong, sự tồn vong của nước VIỆT-NAM đang như trứng để đầu

giàn. **Bản-Đạo cảm thấy Kinh này là cả một Triết học Á Đông độc nhất vô nhị, mà chính là những Bí-pháp Cổ truyền của Đạo CAO-ĐÀI, một Đạo-giáo VIỆT-NAM hoàn-toàn nảy sanh ở cái Triết lý hoàn-toàn Á-đông mà KINH này gồm hết những lý thuyết cao siêu mà ông Nguyễn-Mạnh-Bảo đã nêu cao tinh-thần ĐẠI-ĐẠO.**

Trong lúc nhân tình xáo trộn, đạo-lý suy đồi ai ai cũng nhìn về danh với lợi, một chân trời xa thẳm u ám sau một cơn ác-mộng ghê hồn, Bản-Đạo thấy giờ đã điểm phải phổ-thông nền ĐẠI-ĐẠO, gieo rắc cho khắp cả nhân loại một nhân-chính êm-dịu để tồn-tại nhân-sinh”...

Nay kẻ hậu học lần theo vết chân của người xưa, của Chư thần, Thánh, Tiên, Phật, của các bậc tiền bối, tìm giờ từng trang Thiên Thư, từng bài Thuyết Đạo của Đức Hộ-Pháp hầu kết hợp với lý Âm Dương, khai triển bằng những công thức Toán, Lý học. Vừa học hỏi, vừa ghi chép thành bài, thành chương, mục đích là hệ-thống-hoá cốt cho dễ đọc, dễ tìm. Đồng thời thân trao đến những bạn tri âm, tri kỷ, đọc giùm hầu góp ý đổi trao bằng những suy nghĩ xây dựng chân thành, để cho tư tưởng ngày càng phát huy rộng rãi hơn, tiến bộ hơn. Giữa lúc mà cái tinh thần Dịch lý lên cao, nhưng hầu hết là sách Dự đoán, Bói toán, Bát trạch chánh tông... mà lý Đạo Cao-Đài vẫn còn hạn chế.

Bởi những hiểu biết cao rộng về Dịch-lý các bậc Tiên Hiền của chúng ta đã mang theo trong lòng huyết lạnh, ngày nay đoàn hậu học chúng ta bơ vơ. Xin góp nhặt ít hiểu biết đơn sơ này để làm vui lòng cho nhau trong những ngày chiều hôm nắng xế. Tất cả những sự non kém về trí tài cũng vẫn còn nằm trong định luật của Hoá công.

Thân mến làm quà cho tình đồng Đạo, cho Bạn đồng sanh về những sắc màu Tôn giáo. Đây cũng là nghiệp dĩ hầu đưa nhân loại đến chân trời hạnh phúc.

B-Toán học qua Hà Đồ và Lạc Thư

Vấn đề xuất hiện của Hà-Đồ:

Hà Đồ và Lạc Thư là hai tài liệu quý giá, liên quan đến Kinh Dịch. Sự phối hợp giữa Hà-đồ, Lạc Thư vào Kinh Dịch được ứng dụng rất rộng rãi, nhất là trong lãnh vực: nguyên-tử-học, Y-học, Đạo học.. Ở đây chúng ta đặt nặng về Đạo học Đông phương nhiều hơn. Sách viết:

“Hà xuất Đồ, Lạc xuất Thư, Thánh nhân tác chi” 河出圖

洛出書聖人則之 tức nhiên sông Hà xuất hiện Đồ, sông Lạc xuất hiện Thư, bậc Thánh-nhân coi đó mà bắt chước.

Từ đó có thể hiểu rằng một số nhà Toán học sau Đức Khổng-Tử vào đời Hán đã tìm ra công thức Toán cao cấp để giải thích về sự thành hình của vũ-trụ. Họ đã cố gắng thu gọn lại thành công thức tổng quát bằng Đồ hình gồm nhiều con số. Thêm nữa, nếu đọc lại giai đoạn lịch sử từ Tần đến Hán, thì tư tưởng của các Môn đệ thường đặt ở đầu câu hai tiếng “Tử viết” để làm tăng giá trị hơn lên.

Hà đồ và Lạc Thư cũng ở vào trường hợp trên, cũng là làm tăng niềm tin cho kẻ hậu học, tức là tin vào “Công thức toán” của mình. Vì vậy có sự nhân-cách-hoá rằng: *“Đời Vua Phục-Hy có con Long-Mã xuất hiện trên sông Hà. Nhà vua bèn bắt chước theo những vết vằn của nó để vạch ra Bát-Quái gọi là Hà đồ”.*

Chúng ta nghĩ rằng vấn đề chủ yếu không phải là những chấm đen trắng trên lưng con Long-Mã. Cho dù có đi nữa, nó cũng không cho ta thấy các nhà toán học đã đưa nó vào ứng dụng như thế nào trong suốt mấy ngàn năm từ Phục-Hy đến đời Hán. Chỉ có vào đời Hán nó mới được ứng dụng nhất là trong lãnh vực Y-học một cách tuyệt vời. Song song là những nhà Tôn giáo cũng đã dựng thành một

triết lý siêu nhiên. Nhưng nhất là Đạo Cao-Đài mới được thành hình một cách rõ-rệt. Bây giờ người Cao-Đài mới dám nhìn nhận rằng: Dịch như một tấm vải, mà Tôn giáo là một thực dụng, như cái áo cắt ra từ tấm vải ấy. Thế nên Dịch là Đạo hay nói khác đi: Đạo là Dịch.

Thánh ngôn xác nhận:

“Thầy đã nói với các con rằng: Khi chưa có chi trong Càn Khôn Thế giới thì Khí Hư vô sanh ra có một Thầy và ngôi của Thầy là Thái-cực.

Thầy phân Thái-cực ra Lưỡng-nghi, Lưỡng-nghi phân ra Tứ Tượng, Tứ tượng biến Bát-Quái, Bát-quái biến hoá vô cùng mới lập ra Càn Khôn thế giới. Thầy lại phân tánh Thầy mà sanh ra vạn vật là: vật chất, thảo mộc, côn trùng, thú cầm, gọi là chúng sanh”.

Có thấy biết rõ được như vậy chúng ta mới đỡ mất công dự vào sự nghi hoặc vừa vô ích, vừa không lối thoát của một số nhà nghiên cứu về vấn đề Đạo Dịch.



C-Những con số trên bàn tay và sự vận hành

Nhìn trên hai bàn tay có 10 con số, Thánh nhân chia thành hai loại tức là số Âm và số Dương:

Những con số lẻ gọi là số Dương, như: 1,3,5,7,9.

Những con số chẵn gọi là số Âm, như: 2,4,6,8,10.

Số Dương gọi là Thiên. Số Âm gọi là Địa.

1- Số Hà Đồ

Thế nên Không truyện nói:

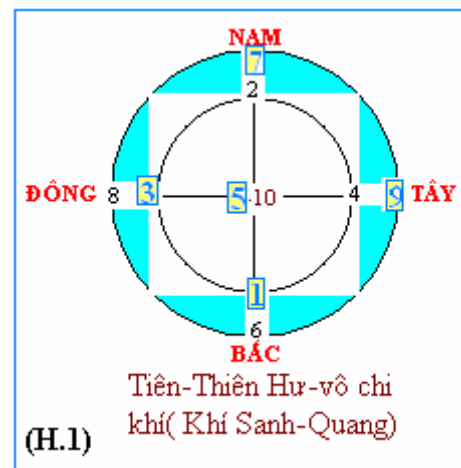
Trời 1, đất 2 (Thiên nhất, Địa nhị)

Trời 3, đất 4 (Thiên tam, Địa tứ)

Trời 5, đất 6 (Thiên ngũ, Địa lục)

Trời 7, đất 8 (Thiên thất, Địa bát)

Trời 9, đất 10 (Thiên cửu, Địa thập)



Hà-đồ. Ngôi của nó là 1, 6 ở dưới; 2,7 ở trên; 3,8 ở trái; 4,9 ở phải; 5,10 ở giữa.

Số 5 làm gốc (là Mẹ tượng trưng Phật-mẫu), số 10 làm số con.

*Vậy 1,2,3,4 làm ngôi Tứ tượng.

*Sau nữa đến 6,7,8,9 làm số Tứ tượng.

- Hai lão số ở Tây Bắc: số 9 là lão dương, số 6 là lão âm.

QUÊ ĐỊA THIÊN THÁI

KHÔN VI ĐỊA	6	—	—	THƯỢNG LỤC
	5	—	—	LỤC NGŨ
	4	—	—	LỤC TỨ
	3	—	—	CỬU TAM
CÀN VI THIÊN	2	—	—	CỬU NHỊ
	1	—	—	SƠ CỬU

Hào Dương gọi là hào Cửu

Hào Âm gọi là hào Lục

Hai Thiểu-số ở Đông Nam: số 7 là Thiểu dương, số 8 là Thiểu âm. Áp dụng Số 9 là lão dương, số 6 là lão âm vào phương thức tính các Hào trong một quẻ Dịch. Ví như :

hào Dương gọi là hào Cửu, hào Âm gọi là hào Lục. Mỗi vạch gọi là **Hào**. Hào có hào Dương tượng một gạch liền. Hào Âm tượng một gạch đứt.

Đọc hào đọc từ dưới lên: dưới cùng là hào Sơ. Trên cùng là Hào thượng.

Ba hào hợp lại thành Quẻ đơn. Sáu hào hợp lại thành Quẻ kép, được kết hợp dưới nhiều dạng thức khác nhau, do đó mà sinh ra nhiều biến dạng khác nhau.

Các số ấy đều có loại của nó giao dịch thay đổi ở ngoài, tức nhiên nhìn các con số ở vòng bên trong là **số sinh 1,2,3,4, nếu cộng với số 5 ở giữa (trung ương) thì được số thành: 6,7, 8, 9.**

Như $1+5=6$, nên mới có câu: “*Thiên nhứt sanh Thủy, Địa lục thành chi*” tức là số trời là 1 sinh ra nước, bị Ngũ hành phân hoá, nên hợp với 5 làm ra số thành là 6.

Tương tự cũng có:

$2+5=7$ là *Địa **nhị** sanh Hỏa, thiên **thất** thành chi*

$3+5=8$ là *Thiên **tam** sanh Mộc, địa **bát** thành chi.*

$4+5=9$ là *Địa **tứ** sanh Kim, thiên **cửu** thành chi.*

Số sinh là còn ở vô vi, số thành chỉ cái hữu thể, hay nói khác đi số sanh là còn ở phần Thể, số thành là Dụng.

Thí dụ: như **Càn 1**(Tiên Thiên Bát quái) nhưng qua Hậu thiên là **Càn 6** (Lục càn). Hay là lửa ở Tiên thiên là lửa trời số 1, nhưng lửa ở Hậu thiên là Ly 3. Người ta chỉ dùng lửa ở Hậu thiên mà không thể dùng lửa Tiên Thiên.

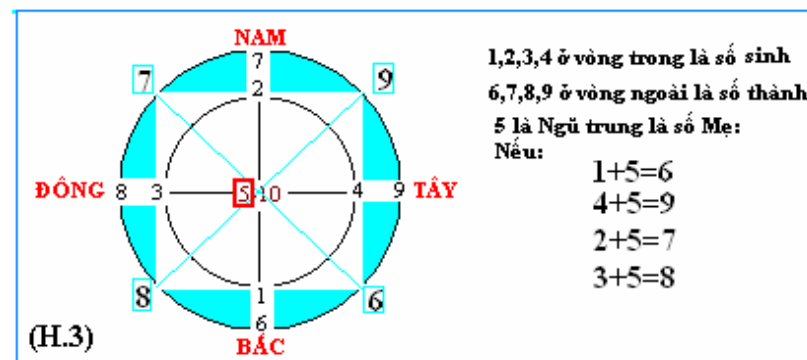
Thấy ra: có 5 số trời, 5 số đất. Năm ngôi tương đắc, mà các ngôi có sự hoà-hợp nhau. Nếu cộng từng loại Âm Dương thì ra: Trời số 25 và Đất số 30

Cộng chung là: **55** Tổng cộng của Âm Dương số.



2-Luận về 100 trứng

là giòng giống Rồng Tiên và 100 ức nguyên nhân có khác nhau không?



Trở về với số Hà đồ của Kinh Dịch mà xét những số ấy để thấy rằng giống Rồng Tiên của ta phát xuất từ một triết lý cao siêu vô cùng. Nhiều người cho rằng Dịch là của Việt-Nam làm khởi điểm, nhưng việc ấy không quan trọng bằng người Việt-Nam có am tường lý Dịch siêu mầu hay không? Nếu không dầu cha ông có để lại tài nguyên quý giá như đất nước Việt-Nam chúng ta nhiều ngàn năm trước đây thì chỉ để làm môi tham cho kẻ thực dân họ sẽ tìm tới chiếm hữu mà thôi. Kết quả là dân Việt này qua mấy ngàn năm chịu nô lệ ngoại bang rồi!

Bây giờ quả thật Ông cha chúng ta đã quá am tường về lý Dịch này mới dám dựng nên một truyền thuyết cao siêu như vậy: Việt-Nam giòng giống Tiên Rồng mà!

Như chúng ta đã một lần bàn về Tiên Thiên và Hậu Thiên Bát-Quái ở Dịch-Lý Cao-Đài Quyển I .Xác nhận:

- Tiên-Thiên Bát-Quái thành quả là **con số 9**.
- Hậu Thiên Bát-Quái thành quả là **con số 10**

Do lẽ đó Thầy mới ban cho bài thơ rằng:

Chín Trời, mười Phật cũng là TA,

**Truyền Đạo chia ra nhánh nhóc ba,
Hiệp một chủ quyền tay nắm giữ,
Thánh, Tiên, Phật Đạo vốn như nhà.**

Quả nhiên như vậy, vì số 9 là chỉ Tiên Thiên Bát Quái, số 10 là chỉ Hậu Thiên Bát-Quái. Chính Thượng-Đế đã chiết chơn linh cho các vị Giáo-chủ mở ra nhiều Tôn giáo khắp hoàn cầu để độ dẫn nhân loại, vì có nhiều chơn linh tán hóa không đồng đều nên phải có nhiều Tôn giáo. Nhưng chỉ có ba Tôn giáo điển hình là Phật, Tiên, Thánh. Thầy cũng đã xác nhận rồi “*Cái nhánh các con là nhánh chính mình Thầy làm Chủ, sau các con sẽ hiểu*”.

Nếu Thầy chia ra được thì ngày giờ này Thầy Qui hiệp cũng được, đó là lý do cho thấy rằng, nay là buổi Hạ ngươn hầu hần nên Thầy đến “Qui nguyên Tam giáo phục nhứt Ngũ chỉ” trong ý muốn của Thầy.

Như vậy dân Việt-Nam này phải được sự chọn mặt gởi vàng, một sự tin tưởng của Đấng Thượng-Đế Ngài mới dám giao cho mỗi Đạo Trời chứ! Bởi vì Việt-Nam được kết tinh hai luồng tư tưởng từ Bát-Quái Tiên Thiên và Bát Quái Hậu Thiên nên mới có được số 100 trượng của Mẹ Âu-Cơ sản sinh. Mà Thủy tổ là ông Lạc Long Quân, tượng Dương và Bà Âu-Cơ tượng là Âm, cả hai phối hợp mới sinh giòng giống này. Số 100 trượng do đâu?

*Như đã biết **Tiên Thiên Bát-Quái** là hiệp đủ 10 con số mới có thành quả đây:

Thấy ra: có 5 số trời, 5 số đất. Năm ngôi tương đắc, mà các ngôi có sự hoà-hợp nhau. Nếu cộng từng loại âm dương thì ra: **Trời số 25** = (1+3+5+7+9) là số lẻ

Đất số 30 = (2+4+6+8+10). Là số chẵn

Cộng chung là: 55 Tổng cộng của Âm Dương số.

*Qua **Hậu Thiên Bát-Quái** chỉ còn lại chín con số mà thôi, nên khi làm bài toán cộng như trên sẽ có kết quả là: (Xem lại Dịch lý Cao-Đài I cùng Soạn giả)

Trời số 25 = (1+3+5+7+9)

Đất số 20 = (2+4+6+8). Không có số 10

Cộng chung là: 45 Tổng cộng của Âm Dương số. Bây giờ hiệp hai lần Tổng số này lại được một thành quả: **55+45=100. Chính là 100 trượng của Mẹ Âu-Cơ.**

Nhưng rồi Cha mẹ chia đôi ra đi mỗi người về nơi khởi thủy của mình: Cha Rồng dẫn 50 con xuống biển. Mẹ Tiên dẫn 50 con lên núi. Con số 50 này là do (100:2) tức là ngày nay Đạo Cao-Đài dùng Trung Thiên Bát-Quái hay Bát Quái Đồ Thiên, chính là 50 Thiên Nhân Thầy trong toàn bộ hình Thiên Nhân của Đền Thánh làm biểu tượng.

Số đại diện là 50, bởi vì số ấy lấy ở Hà Đồ giữa cung: Thiên số 5 đến Địa số 10 mà được số ấy, tức là cái số tốt cùng của Trời đất, đến cái kiếp thứ năm là có sự an nhàn nghỉ ngơi, là tượng cái khí thái hoà của Âm Dương giao hoà nhau, hoà nhau một Dương 1 và một Âm 0 (không). Vì sao Dương 1 Âm 0 ?

Bởi Càn ☰ 3 nét liền thay bằng dấu chấm ☶ nếu kéo thẳng xuống sẽ thành số 1, quẻ khôn ☴ biểu tượng bằng 3 nét đứt, thay vào đó bằng 6 dấu chấm ☲ nếu ta nối liền các điểm này lại sẽ là số 0 nên mới có sự yên vui sung sướng. Vì lẽ đó đến cái mức của một cõi thì có sự nghỉ ngơi cho nên có sự đại diện số, lấy tượng hoà số 5 trời với 10 đất tức là số 50.

Ngay trong Đền-Thánh đã biểu tượng bằng 50 Thiên Nhân trong toàn bộ hình ảnh nơi Đền cũng không ngoài ý-nghĩa ấy. Tức nhiên là chung quanh Đền nơi các

khung cửa sổ trang trí 23 Thiên nhân Thầy.

Cả hai mặt trong ngoài là 46 Thiên Nhân .

Trên Quả Càn Khôn 1 Thiên Nhân

Trên Cung Đạo Đền Thánh 1 Thiên Nhân

Nơi Phi Tướng Đài 1 Thiên Nhân

Bên trong Thông Thiên Đài 1 Thiên Nhân

Tổng cộng là 50 Thiên Nhân Thầy

Số 50 cũng là tượng cho Bát quái Đồ Thiên hay còn gọi là Trung thiên đồ.

Đạo là lý phải dùng Lý mà luận, nên gọi là lý luận.

Ngày nay Đức Chí-Tôn cũng cho biết Đức Phật Mẫu đã cho xuống 100 ức nguyên nhân, chở họ đến bằng 24 chiếc thuyền Bát-Nhã. Như vậy số 100 trượng của Mẹ Âu-Cơ với số 100 ức nguyên nhân có khác nhau không?

- Cũng vẫn cùng một lý, tức nhiên số 100 này là do số của Tiên Thiên Bát-Quái và số của Hậu Thiên Bát-Quái hợp lại mà ra. Dầu luận thế này hay thế khác cũng cùng một lý là muốn làm sáng tỏ về các lý lẽ của Bát Quái mà thôi. Vì tính cách quan trọng của Bát-quái trong ngươn hội này phải được khai triển một cách toàn diện.

Kinh đã xác nhận:

“Ba mươi sáu cõi Thiên tào.

“Nhập trong Bát-quái mới vào Ngọc Hư”

Đây là sự ứng dụng về Thể pháp hồi lúc mới khai Đạo: lời Minh thệ có 36 chữ ứng với 36 cõi Thiên Tào nên:

Thầy dạy về việc lập Minh thệ.

“Các Môn đệ đi từ người đến trước bàn Ngũ Lô mà thề:

Tên gì? Họ gì? “**Thề rằng: Từ đây biết một Đạo Cao Đài Ngọc Đế, chẳng dối dạ dối lòng, hiệp đồng chư Môn-đệ gìn luật lệ Cao Đài, như sau có lòng hai thì Thiên tru địa lục**” (36 chữ)

Lập Minh thệ tức là làm Lễ nhập môn. Chỉ với 36 chữ này là định cho sự thăng đoạ đó: Nếu giữ đúng lời Minh thệ thì thăng về Tam thập lục thiên tức là “Ba mươi sáu cõi Thiên tào”, trái lại thì Tam thập lục động lại mời.

Hai chữ “Nhập môn” chính nghĩa là vào cửa. Nhập là vào, môn là cửa. Vào cửa Đại-Đạo Tam-kỳ Phổ-Độ vậy.

3-Tại sao khi Nhập-môn làm Môn đệ của Đức Chí Tôn mà còn bắt lập Minh thệ nữa?

Muốn làm Môn-đệ của Đấng Cao-Đài trước như thế phải làm Lễ Nhập-môn. Tại sao sự tu-hành mà còn phải bắt buộc quá vậy?

Lời Thuyết Đạo của Đức Hộ-Pháp có giải rành:

“*Buổi Chí-Tôn đến tạo Quốc-Đạo cho nòi giống Rồng Tiên này chính Ngài cầm Cơ đi đến các Tỉnh, kêu từ nhà, gọi từ đĩa con, cho không biết bao nhiêu bài khuyên dạy, tạo thành Tôn-giáo CAO ĐÀI là QUỐC ĐẠO. Tưởng chưa có người nào đem cả tinh thần, tâm đức mà thi ân cho ai dường ấy. Đức Chí-Tôn đến độ rồi, lập giáo rồi lại bắt Minh thệ.*

Hỏi tại sao Ngài lại bắt Minh thệ, buộc con cái phải hiệp đồng cùng nhau, mỗi người có một chút Đức-tin. Thầy bảo qui Đức-tin ấy lại, phải có tâm đức, tin tưởng, yêu ái lẫn nhau, phải nhìn nhận có Thầy, có Đức-tin nơi Thầy”. (TĐII/42)

Lại nữa vì tính cách quan trọng hơn là Thầy còn giao cho cả ngôi Trời nữa kia!

Đức Hộ-Pháp thuyết 12-7 Mậu-Tý (1948):

“*Phương ngôn Pháp có câu “Aide-toi le ciel t'aidera” và Tiên Nho chúng ta nói “Tận nhơn lực tri thiên mạng” điều này hiển nhiên chơn thật lạ lùng chúng ta rán cố gắng hết sức mình thì Chí Tôn mới ban cho cái huyền*

linh của Ngài, nếu không rán không thể gì hưởng được, mấy Em nhận biết điều ấy, chúng ta do Chí-Tôn kêu gọi đứng gầy dựng, ta phải cố gắng, vì lẽ không thặng tức ta phải đọa. Mấy Em nhớ, Đạo của mấy Em chúng Qua đã tạo dựng cho mấy Em đặng ngày kia mấy Em tiếp theo Chơn Truyền Luật Pháp thay thế cho mấy Qua đặng truyền nghiệp cho hậu tấn.

Pháp nói “Chaque soldat a un bâton de maréchal dans son sacoché”, nghĩa là: Mỗi tên lính đều có cây gậy của ông Thống Chế trong bị của họ, Qua nói rằng: Mỗi vị Tín đồ đều có cái mào của Giáo Tông và Hộ-Pháp đội trước trên đầu, không lấy được là lỗi tại mấy Em, chẳng lẽ có một người mà người đó chết rồi là diệt tiêu nền Đạo.

Ngày kia không có gì vui hứng cho Qua hơn, khi thấy xuất hiện trong mấy Em, khi Qua đã già vô tịnh thất an dưỡng tinh thần, mà thấy đặng mấy Em ở dưới bước lên ngôi địa vị cao trọng của Qua”.

Tức nhiên, vì tầm mức quan trọng như thế: hôm nay là Tín hữu Cao-Đài thì mai ngày sẽ nắm cả sự nghiệp của Đạo là Giáo-Tông, là Hộ-Pháp mà điều hành cơ Đạo. Nếu không có luật buộc như vậy, thì những kẻ như Kim-Quan-Sứ lộng hành bán cả đất trời, thì nghiệp Đạo này sẽ ra sao?

Lưu ý:

Xin đừng lầm: Tiên Thiên Bát-quái phải **hiệp đủ 10 con số**: tức là: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10. Trong đó có chia ra Âm Dương, chẵn lẻ. Nhưng khi biến hóa, nằm trên đồ Bát quái Tiên Thiên thì những số đối qua tâm có **tổng số là 9**:

$$\text{Càn } 1 + \text{Khôn } 8 = 9$$

$$\text{Ly } 3 + \text{Khảm } 6 = 9$$

$$\text{Đoài } 2 + \text{Cấn } 7 = 9$$

$$\text{Chấn } 4 + \text{Tốn } 5 = 9$$

($4 \times 9 = 36$). Ấy là 36 cõi Thiên tào như nói trên vậy)

*Nhưng đối với Bát-Quái Hậu-Thiên, chỉ xử dụng có **9 con số** mà thôi là: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 (Không có con số 10). Thế nên khi những con số được xếp trên đồ hình Hậu Thiên thì những số đối qua tâm cộng lại **tổng số là 10**.

Khi nói “**Chín trời, mười Phật cũng là Ta**” là nói cái thành quả của **Bát-Quái Tiên Thiên là 9**.

Thành quả của **Bát Quái Hậu Thiên là 10**

Bát quái Hậu thiên thì các thành quả là 10 như:

$$\text{Ly } 9 + \text{Khảm } 1 = 10 \quad \text{Chấn } 3 + \text{Đoài } 7 = 10$$

$$\text{Tốn } 4 + \text{Cấn } 6 = 10 \quad \text{Khôn } 2 + \text{Càn } 8 = 10$$

Như vậy Thầy đã xác định rõ-ràng là Ngài nắm cả Tiên Thiên và Hậu Thiên Bát-Quái vào tay.

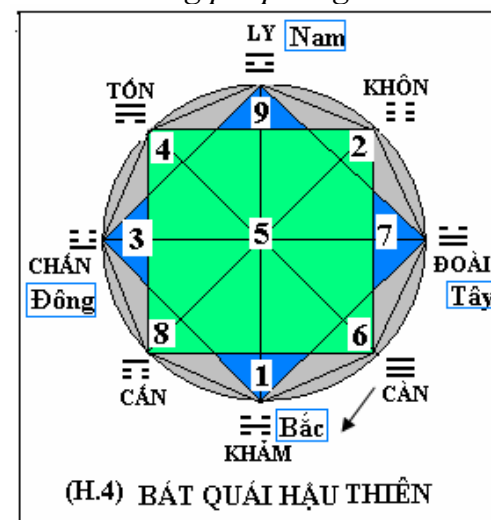
Kinh cũng nói:

Tiên-Thiên, Hậu Thiên

Tịnh dục Đại-Từ-Phụ

Kim ngưỡng cổ ngưỡng

Phổ tế tổng pháp tông...



Thế nên, khi nói về con Rồng cháu Tiên là nói cái khởi thủy của việc lập thành Bát-Quái, nên Tiên Thiên hoàn thành ở **con số 9**, Hậu Thiên hoàn thành ở **con số 10**

Thầy nói tiếp *“Truyền Đạo chia ra nhánh nhóc ba”* tức nhiên trước Thầy đã tùy theo phong hoá của mỗi địa phương mà truyền Đạo có ba Tôn giáo chính là: Phật, Tiên, Thánh. Ba Tôn giáo ấy xem như là *“nhánh nhóc”* nghĩa là cũng đều phát xuất chung một cội mà ra. Ngày nay Thầy đã qui hiệp thành một mối Tam-Kỳ Phổ-Độ, nên là *“Hiệp một Chủ quyền tay nắm giữ”*. Vậy thì dù *“Thánh, Tiên, Phật đạo vốn như nhà”*. Ấy cũng gồm về một nguồn Chánh giáo mà thôi.

(Xin xem tiếp phần Khai triển Bát-quái biến hoá toàn đồ có nói rõ con số 100)

4- Chín mươi hai ức nguyên-nhân bị đoạ trần:

Bài kinh Thích giáo có nói rõ:

“Huệ đặng bắt diệt,

“Chiếu Tam thập lục thiên,

“Chi quang minh đạo pháp trường lưu,

“Khai Cửu thập nhị Tào chi mê muội.”

Đây quả thật nói về Tiên Thiên Bát quái. Nhờ có nó mới mở được khiếu lương năng, lương tri, giống như có được một ngọn *“Huệ đặng bắt diệt”*, vì Bát-quái Tiên Thiên như một cánh cửa của Đạo Dịch. Nay có sẵn nhiều mối Đạo lưu truyền, nối tiếp nhau, từ đó khai thông cho chín mươi hai ức nguyên nhân còn đang mê-muội.

Hỏi vậy 92 ức nguyên nhân này từ đâu mà có?

Nhìn lại đồ hình Bát-Quái Tiên-thiên để thấy rõ. Như trên đã nói thành quả của Tiên Thiên Bát-quái là 9 (**Cửu**). Hai trục giao nhau tạo thành hình chữ **thập**. Sự cấu hợp cũng chia thành Âm Dương thuận nghịch: bên phải là Âm, bên trái là Dương, hai phần gọi là **nhị**. Chính

con số **Cửu thập nhị** là đây. Một Bát-quái khởi đầu như vậy mà chưa am tường tức là còn **mê muội**. Đã như vậy thì làm sao tiếp tục khảo-cứu những môn học khó-khăn huyền bí của Đạo-pháp cho được. Vì lẽ đó mà các Đấng luôn kêu gọi *“92 ức nguyên nhân mau tỉnh mộng”*.

Tìm hiểu 92 ức nguyên nhân:

Đức Hộ-Pháp nói:

“Phần người có nguyên nhân, hóa nhân, qui nhân.

Hại thay 100 ức nguyên nhân do Đức Chí-Tôn đã để lại mặt thể này, đặng làm bạn với các đảng chơn hồn trong Vạn Linh sanh chúng của Ngài đã đào tạo thì:

- Phật-vị có sáu ức.

- Tiên-Vị có hai ức.

- Còn chín mươi hai ức nguyên nhân bị đoạ trần.

Từ ngày Đạo bị bế họ có lắm công tu mà thành thì không thành. Tội nghiệp thay, vì 92 ức nguyên nhân ấy mà chính mình Đức Chí Tôn phải giáng trần mà lập nền chơn giáo của Ngài, chúng ta đã ngó thấy cái Thánh ân, đặc biệt hơn hết là Đức Chí-Tôn đã thấy rõ rằng: Các nguyên nhân ấy không phương gì tự giải thoát đặng vì quá tội tình, quá mê luyến hồng trần hoặc đào tạo quả kiếp nặng nề quá đỗi, vì có cho nên tu thì có tu mà thành thì không có thành, tức nhiên từ ngày Đạo bế thì cơ siêu thoát đã mất tại mặt thể này, chính mình Đức Chí Tôn biết rằng không thể gì các nguyên nhân tự mình đạt cơ giải thoát đặng.

Hôm nay Ngài đến lập nền Chơn-giáo của Ngài chúng ta đã ngó thấy lòng yêu ái vô tận của Ngài là thế nào?

“Theo Phật pháp thì được:

- 24 chuyến thuyền Bác nhữ chở họ đến,

- Không chừng có đến 100 ức nguyên nhân.

Phật Tổ độ được 6 ức, Lão-Tử độ 2 ức, còn lại 92 ức nguyên nhân đến hạ nguơn này chưa thoát khổ nên Chí Tôn mới đến khai Đạo Cao-Đài ” .

5- Lý do nào có các con số trên ?

Đạo là lý, nên phải suy từ lý, khởi đoan khi Càn Khôn định vị thì Đức Chí-Tôn giao quyền cho Phật Mẫu quán khí Hư vô, do đó mà nền Đại-Đạo có đủ Âm Dương để bảo tồn cơ sanh hóa.

Căn cứ theo bài Di-Lạc chơn kinh, thì:

- Cung Hạo Nhiên là *Phật*.
- Cung Hồn nguơn là *Pháp*.
- Cung Hư-vô là *Tăng*.

Vốn số Tam có đủ cơ năng phát sinh tiếng nổ, Đạo sanh từ Thái-cực. Đạo là tự hữu, Pháp là tự hữu, Tăng là hằng hữu .

- Chí-Tôn chủ Ngũ khí .
- Phật-Mẫu chủ Ngũ hành.
- Hộ-Pháp chủ Ngũ lời.

Khí Ngũ hành phân hóa đặng với Ngũ khí trong không gian phát tiếng nổ là chỗ Hộ-Pháp làm quân bình khí sanh quang cho vạn vật nơi cõi đất có sự sống. Do vậy:

- Chí-Tôn hoàn thành ở Bát-quái. (8)
- Phật-Mẫu thành lập Bát cảnh cung (8)
- Biến tạo ra Bát phẩm chơn-hồn. (8)

Chính 3 con số Bát đó hiệp thành $24 = (3 \times 8)$. Đó là 24 ánh linh quang của ba ngôi, nói là 24 chuyến thuyền Bát Nhã.

Sau rồi Đức Chí-Tôn phân tánh để lập Đạo cứu đời. Từ nhứt kỳ độ được 6 ức nguyên nhân. Số 6 chỉ sự thành do *thiên nhứt sanh thủy, địa lục thành chi*. Vạn vật khởi đầu đều do nước, hóa trưởng cũng do nước. Nước là

nguồn sanh lực đầu tiên để tạo nên nhứt điểm *Tinh* của người ấy là *Đạo sanh nhứt, thành ở Lục* là vậy.

Tiên độ 2 ức. Với pháp tu chuyển *Tinh* hóa *Khí* thì trên nguyên lý về được cùng hai Đấng tạo đoan chỉ có Chơn-thần và Linh-hồn mà thôi, nên lấy lý tượng cho số:

Các nguyên nhân đã xuống trần phải chuyển hóa trong Bát phẩm chơn hồn.

Về được với Đức Chí-Tôn và Phật-Mẫu nhờ còn giữ Bát-bửu-nang: Hiếu Đễ, Trung Tín, Lễ nghĩa, Liêm Sĩ ($6+2=8$) của Đức Mẹ giao cho khi xuống thế. Chừng về với pháp thân bằng Thần của vạn linh kết thành. Còn 92 ức nguyên nhân là chỉ số lượng cho số **cửu (9)** là pháp định vị cho thuyết nhị nguyên về Âm Dương đó.

***Kinh Nho-giáo có dạy:**

Quế hương nội điện. Văn thi thượng cung

Cửu thập ngũ hồi chuông thiện quả,

Ư thi thơ chi phổ

Lời Kinh rằng: Trên cõi thiêng-liêng có một Toà nhà lớn gọi là Điện Quế Hương, trong đó có một Cung ở bên trên hết gọi là Cung Văn-Thi. Đó là nơi thường ngự của Đức Không-Tử, Giáo chủ Nho-giáo. Ngài đã 95 lần đến với thế giới này để truyền dạy bằng những kinh sách báu.

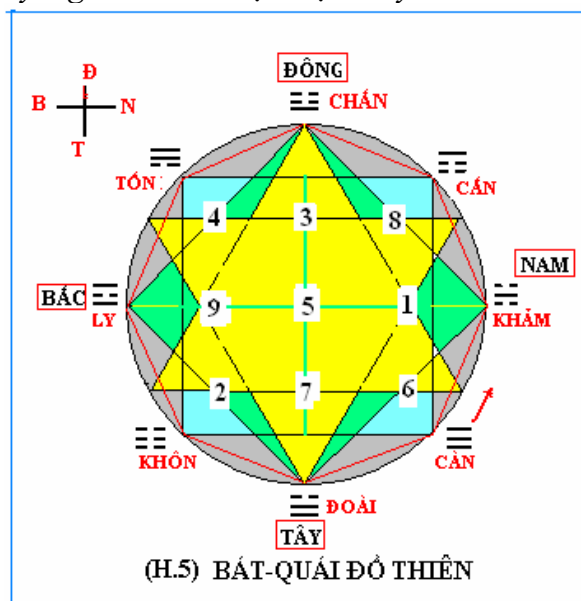
Thật ra con số 95 này chỉ là con số biểu tượng để nói lên lý Dịch nhiệm-mầu của Bát-quái Đồ thiên mà Đạo Cao-Đài đang sử dụng.

Nhìn vào Bát quái Hậu-thiên (trang 19) thấy trước nhứt là trục đứng Nam Bắc. Chính Nam là quẻ Ly số 9 (**Cửu**). Hai trục Nam Bắc, Đông Tây tạo thành hình chữ **thập** + Giữa Bát quái này có số 5 là số **Ngũ** gọi là ngũ

trung. Những yếu-tố này làm nên Bát-quái Hậu thiên của thời Văn-Vương, nhưng ngày nay Đức Khổng-Thánh đến trong ngươn hội Cao-Đài Ngài thay mặt cho Thánh giáo nắm Cơ chuyển thể và Cứu thể trong buổi Thượng-ngươn này, Đức Chí-Tôn đã chuyển Bát quái Hậu thiên thành Bát quái Đồ thiên quay theo chiều nghịch với chiều kim đồng hồ; đó là con đường trở về, gọi là Phán bản hoàn nguyên, Kinh gọi là **hồi**. Trong câu **Cửu thập Ngũ hồi** là ý-nghĩa ấy. Nói rõ ra là buổi Cao-Đài Đức Chí-Tôn mở cho nhân loại con đường trở về gọi là phán bản hườn nguyên, tức nhiên chuyển nghịch Bát quái Hậu Thiên một vòng 180° đồng thời xoay ngang qua thành ra Bát-Quái Đồ Thiên.

Chương thiện quả là gieo trồng giống quý. Bài Giới Tâm kinh rằng:

*Nguyễn Khổng Thánh bảo toàn Nho giáo,
Lấy Nghĩa-Nhân Đại-Đạo truyền ra.*



Thế nên nhìn vào Hậu thiên Bát-quái trước đây con đường vận hành là thuận theo chiều kim đồng-hồ, thì khởi ở Càn, đến Khảm, Cấn, Chấn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài.

Nếu người cứ thuận theo cuộc đời như dòng nước xuôi về biển cả thì bao giờ mới trở lại quê xưa vị cũ là quê hương thật của con người? Do vậy mới có Đạo Cao-Đài xuất hiện, Ngài mở Đạo để đưa ra mật pháp mật truyền mà cứu rỗi nguyên nhân.

Nay là buổi “*Thiên địa tuần hườn châu nhi phục thủy*”, tức là trời đất đã mãn một vòng xoay, chuyển nghịch lại nên phải trở lại điểm ban đầu. Muốn vậy phải xoay ngược một vòng 180°.

Vì lẽ đó mà Bát-quái Cao-Đài Đức Chí-Tôn cho chuyển nghịch lại với Bát quái Hậu Thiên.

Tuy nhiên số của các Cung trong Bát-quái Đồ Thiên (Bát-Quái Cao-Đài) không đổi, vẫn lấy theo số của Bát quái Hậu-Thiên nhưng chuyển nghịch mà thôi, nên Đạo vẫn phát xuất từ phương Đông. Tức nhiên trời đất vận hành đã giáp một vòng rồi, bấy giờ trở lại điểm ban đầu, lấy theo qui luật Đạo khởi phát từ phương Đông là vậy.

Phương hướng Bát-quái này hoàn toàn thay đổi, chính là hướng của Đền Thánh hiện tại là Đông Tây (Trực đứng), Nam Bắc (trục nằm). Còn hai khán đài: Đông khán đài và Tây khán đài cũng như Đông lang và Tây lang không phải là lấy theo hướng mà muốn nói rằng Đạo Cao Đài là một Tôn giáo Đại-Đồng nên từ lối kiến trúc đến cách phổ truyền cũng là lấy theo tinh thần Đông Tây hoà hợp.

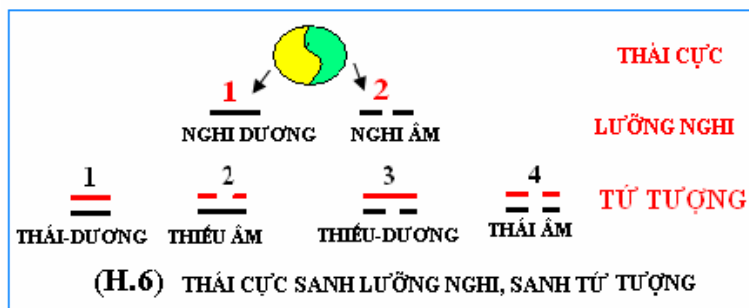
Đây là ý muốn của Thượng-Đế, Đức Hộ-Pháp nói: “*Sở dĩ Đức Chí-Tôn chọn đất nước Việt-Nam này làm Thánh-Địa để phổ-độ chúng sanh Kỳ ba, chỉ vì Việt Nam là nơi kết hợp được tinh hoa của các nguồn văn-minh*

trên Thế giới, Việt-Nam là nơi tổng hợp các ngành đạo đức: NHO, LÃO, THÍCH và cũng là nơi gặp-gỡ của hai nền văn minh Đông Tây”.



D- SỐ BIẾN HOÁ của TỨ TƯỢNG

Đây là **Tứ tượng** nằm trên đồ ngang.
Dưới là **Tứ tượng** đặt trên đồ tròn.



1- Nguyên tắc:

Sự phân chia này theo nguyên tắc sau đây:

- Khối Thái-cực đầu tiên tự phân ra làm hai, ấy là hai ngôi: ngôi Âm và ngôi Dương. *Dịch nói là Thái cực sinh Lương nghị.* Trong Lương-nghị cũng tự phân mỗi thứ làm hai hình tượng nữa thành Tứ tượng: Gọi là *Lương nghị sinh Tứ Tượng*.

Bốn số đầu: 1, 2, 3, 4 là bốn tượng.

- 1 là Thái-Dương - 2 là Thiếu Âm
- 3 là Thiếu Dương - 4 là Thái Âm

Tên gọi Lão Âm, Lão Dương cũng là *Thái âm* và *Thái dương* đó vậy.

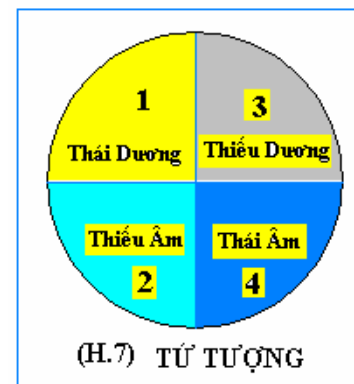
Chính trong Tứ tượng này phát sinh hai số Ngũ:

- **Nhứt ngũ** là do $1+4=5$ tức là Thái Dương hiệp với Thái Âm.

- **Nhị ngũ** là do $2+3=5$ tức là do Thiếu Âm cộng

với Thiếu Dương mà ra.

- **Còn Tam Ngũ** là do: Ngũ khí, Ngũ hành và Ngũ tạng hợp thành, tức nhiên ($3 \times 5 = 15$).



5 và 10 ở giữa là chỗ phát-huy ra cái *vi dương* tức là cái Dương nhỏ tí ti, là Mẹ rồi sinh ra con.

6, 7, 8, 9 là số THÀNH của Tứ tượng. Theo sự sinh và thành của Âm Dương, thì cái “Vi Dương” bắt đầu sinh ra ở trong Hai thể Dương: 1 là Thái Dương và 3 là Thiếu Dương.

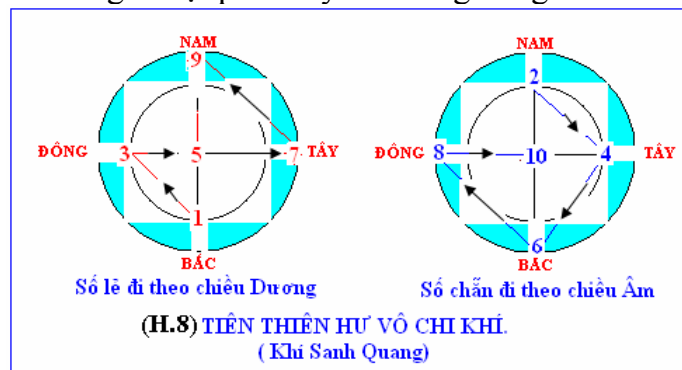
Bắt đầu ở trong rồi phát huy từ Bắc, hướng lên qua bên tả, sang hữu và thành số ở hướng Nam: **số 7 là Thiếu dương, số 9 là Thái dương** tức là thành số hai thể Dương của 3 và 1 vậy.

Thế Âm là cái “vi âm” sinh ra hai thể ở trong là 2 và 4 đi từ Nam qua bên hữu (Tây) xuống đến Bắc và Đông, **thành số ở 6 là Thái Âm và 8 là Thiếu Âm**. Số 6 và 8 là thành số của hai thể Âm 4 và 2. (*Vi Âm đi theo chiều nghịch nên mới nói 6 là Thái Âm, rồi 8 là Thiếu âm*)

Từ đó nên trong quẻ khi nói đến **hào Âm thì gọi hào Lục (Thái âm), hào dương thì gọi là hào Cửu (Thái dương)**. Bởi Thái là già, già thì chết, rồi có sự biến đổi lại. Đó là nói cái sơ thủy phát huy của Âm Dương và sự thành số sơ khai của nó, sau với sự huy động các số đều phân ra liên tiếp mãi mãi mà thành muôn vật.

Nếu lấy sự liên hành của độ số thì đường đi khởi từ hướng Bắc số 1 sang hữu rồi qua tả nghịch hành với sự sinh thành số. Đây là nơi phát-huy ra, tức như ở chỗ

“không số” bắt đầu phát huy ra con số 1, rồi 1 thành 2, 2 thành 3, lại trở về chỗ giữa là 10 tức là nơi cơ khí thái hòa của Âm Dương để lại phát huy ra những vòng mới nữa.



Đây tức là đường liên số chỉ cái định luật liên tiếp của thể hệ ngũ những ý nghĩa tiêu cực tức là Dương cực Âm sinh, nhưng luật “Song tiến số” đó là cái vòng bất diệt của tạo hóa, phô bày ở dưới thể gian của muôn vật. Đó phải chăng là một luật định thiên liêng mà muôn vật đều phải tuân theo vậy.

2- Những trường hợp biến đổi của các số:

Số Tương đắc nghĩa là 1 và 2, 3 và 4, 5 và 6, 7 và 8, 9 và 10. Như vậy các số chẵn lẻ đã tự tương đắc nhau.

Số hợp nghĩa là 1 và 6, 2 và 7, 3 và 8, 4 và 9, 5 và 10 đều là hai số hợp nhau.

- 25 nghĩa là do 5 số lẻ cộng lại với nhau
- 30 nghĩa là 5 số chẵn cộng lại với nhau.

Biến hoá nghĩa là:

- 1 biến** sanh Thủy (nước) **6 hoá** thành nó.
- 2 hoá sinh Hoả (lửa), 7 biến thành nó.
- 3 biến** sinh Mộc (cây), **8 hoá** thành nó.
- 4 hoá sinh Kim (kim khí), 9 biến thành nó.
- 5 biến** sinh Thổ (Đất), **10 hoá** thành nó.

Sự cảm ứng:

Nói đến **Quí thần** là nói về vô hình, là sự linh ứng. Nhưng ngày nay chúng ta không đề cập đến Quí thần vì đây là những tay diệt hoá, chỉ có Thần-linh mới là nguồn sinh hoá mà thôi.

Như vậy thì sự tương đắc và tương hợp của các số: *Thiên số có 5 số là 1,3,5,7,9, cộng lại là 25, tức là 5 số lẻ.* *Địa số có 5 số là 2,4,6,8,10 cộng lại là 30, tức là 5 số chẵn* Nhờ có những số đó mà biến hoá luôn luôn thành muôn vật, nhưng thoát kỳ thủy thì số 1 là ở con số không số mà ra. Khi vũ trụ chưa thành cõi bao la vô cùng, là cõi âm-u tịch-mịch thì lúc đó mới sinh ra Thái-cực hay là một **vi dương**, một thể đức nhỏ bé hết sức, nhờ có sự huy động của cái **kiếp thứ bảy** trải qua rung động cõi vô cùng tận.

Người Mẹ lúc đó mới có thai (có Mang) mà con lớn lên từ trong ra ngoài như cái hạt sen. Tự nhiên có sự huy động tràn lan khắp cả vũ trụ bằng cái cánh rất nhanh ở trong cõi âm-u thối ở trên mặt nước im lặng của cõi đời.

Vì lẽ ấy nói là *1 biến thì sinh Thủy* tức là lúc mới đầu cái vi dương huy động, có động thì có biến mà sinh ra cõi hỗn độn cho nên tượng là Thủy, theo cái nghĩa Thần linh thì Nước là cõi hỗn-độn huy động đầu tiên thành tương hợp với số 6.

Kinh Ngọc-Hoàng có câu:

Khí phân Từ Tượng.

Oát triển vô biên

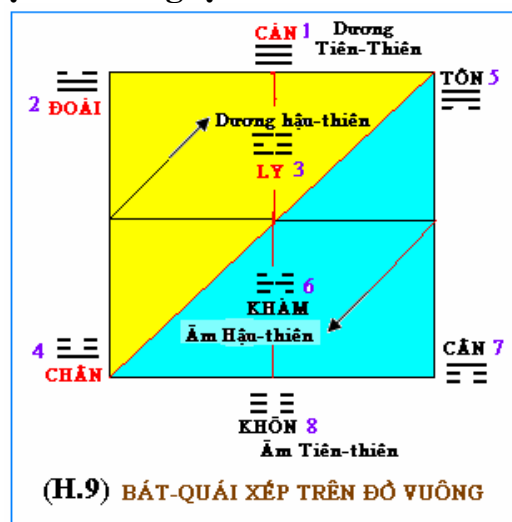
Khí là chất hơi. Cái nguyên thủy là Khí. Bắt đầu từ vô hình đến lúc hữu hình thì Khí phân bố mà dựng nên trời đất. Chính nó là nguồn gốc của trời đất vậy..

Từ trong cái Khí ban đầu tức là Thái cực. Thái cực phân ra làm hai do tính chất nặng nhẹ, thanh trọc khác nhau, gọi là Lưỡng-nghi, nói chung là Âm Dương đó.

Lưỡng nghi lại phân ra làm hai hình tượng nữa gọi là Lưỡng nghi phân Tứ Tượng.

Số 4 là cơ-quan hữu tướng biến hình, tức là Âm Dương biến sanh. Nho-gia gọi là Lưỡng-nghi sanh Tứ tượng là vậy. Số 4 cũng có nghĩa là 1+3, tức là do lý Thái cực điều-hành với ba ngôi vạn hữu, nên hể đến 4 là biến hóa ra rồi. Một vài thí dụ làm điển hình cho sự biến hóa của Tứ Tượng (Xem phần sau về các con số)

3-Dịch là đi nghịch số:



Nếu ta lấy sự phát triển của cái vi Dương mà quẻ Chấn ☳ số 4 là quẻ có một Dương nhỏ ở dưới đáy lên, rồi đến quẻ Ly ☲ số 3 là quẻ có hai dương mà giữa có hào Âm, rồi đến quẻ Đoài ☱ là quẻ Dương thịnh số 2, sau đến quẻ Càn ☰ số 1 tức là quẻ Dương cực.

*Dương cực thì Âm sinh:

Sau quẻ Càn đến quẻ Tốn ☴ là Quẻ số 5 ở dưới có hào Âm mới sinh, rồi đến quẻ Khảm ☵ là quẻ số 6 trong có một hào Dương ở giữa, đến quẻ Cấn ☶ là

quẻ số 7 tức là quẻ Âm đã thịnh, sau cùng đến quẻ Khôn ☷ số 8 là quẻ thuần Âm tức là cực Âm vậy.

*Âm cực thì Dương sinh:

Sau quẻ Khôn thì tiếp đến quẻ Chấn ☳, là quẻ có một Dương sinh và sự vận chuyển cứ liên tiếp như vậy mãi.

Sự vận chuyển của 8 quẻ đều do hai định lý cần thiết của lý Dịch, do vậy mà ngôi thứ của 8 quẻ mới thật chính xác. Theo trên là sự thành hình của một Bát quái hoàn toàn theo thiên lý nhất định của tạo hoá và theo thứ tự phân chia trong Hà Đồ, có được sự vận chuyển từ quẻ Chấn đến quẻ Càn là thuận về sự tiến triển của Dương sinh, nhưng những số của các quẻ đều là nghịch số cả (Chấn 4, Ly 3, Đoài 2, Càn 1). Chỉ từ quẻ Tốn đến quẻ Khôn là thuận số, tức là Tốn 5, Khảm 6, Cấn 7, Khôn 8.

4-Vì sao Dịch nói từ quẻ Tốn đến Khôn là quẻ chưa sinh?

-Vì rằng: phạm trong cõi Tiên Thiên tức là trong khi chưa khai thiên lập địa thì sự chiêm nghiệm và phân chia còn đang ở trong phạm vi vô hình, chưa thành hình tức là thể Âm chưa sinh.

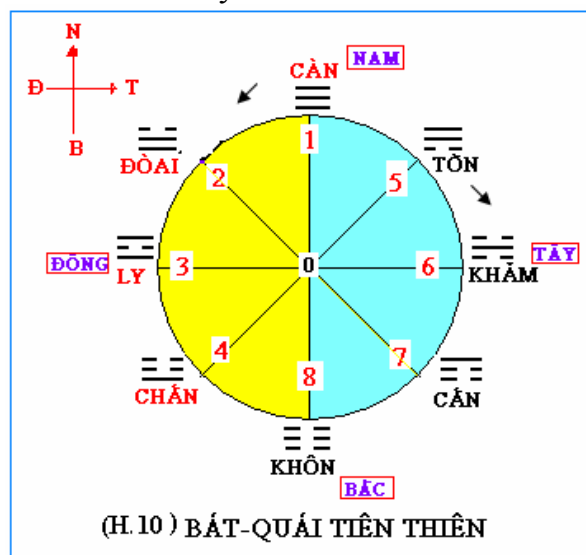
Hoá cho nên từ quẻ Tốn cho đến quẻ Khôn là những quẻ chưa sinh. Nếu suy ngược lại thì lấy 4 mùa mà so-sánh, tức là lấy sự vận chuyển của 4 mùa trong năm là thuận: Xuân, Hạ, đến Thu rồi qua Đông. Theo nhiệt độ của 4 mùa mà giải thì:

Mùa Xuân mát mẻ từ tháng giêng đến tháng 3.

Bắt đầu từ tháng 4 thì nhiệt độ lên dần đến tháng 5 là tháng cực nóng hay là Hạ chí. Đến tháng 6 nhiệt độ dần dần trở lại lạnh giá. Từ tháng 10 cho đến tháng 12 (chạp), mà tháng 11 là thật lạnh hay là Đông chí. Lạnh cực thì nóng bắt đầu sinh rồi mùa Xuân lại trở lại.

Theo sự vận chuyển ấy là **thuận**, nhưng lấy quẻ làm tượng biểu chương Âm Dương thì ta thấy những số thứ tự của các quẻ đi từ số lớn đến số nhỏ và trong 64 quẻ sau này sự luận nghĩa cũng đều do ở những lý như trên đã giải.

Cũng vì những lẽ ấy nên mới nói rằng: **Từ quẻ Chấn đến quẻ Kiền là thuận, từ quẻ Tốn đến quẻ Khôn là nghịch** và sau này ngôi và hướng của 64 quẻ cũng theo luận điệu trên mà an bày.



5-Nhìn Tượng của Bát-quái vào thể hữu hình:

Thuyết quái truyện nói rằng: **Trời đất** định ngôi, **Núi trảm** thông khí, **Sấm gió** xác nhau, **Nước lửa** không bắn nhau. Tám quẻ cợ xác nhau, cái qua rồi là thuận, biết cái sắp tới là nghịch.

Vì sao vậy?

Càn ở hướng **Nam**. Khôn ở hướng **Bắc**,
Ly ở **Đông**. Khảm ở **Tây**.

Chấn ở Đông Bắc. Đoài ở Đông Nam.

Tốn ở Tây Nam. Cấn ở Tây Bắc.

Từ quẻ Chấn đến quẻ Cấn là thuận về Dương tiên:

Chấn ☳ **Ly** ☲ **Đoài** ☱ **Cấn** ☶

Tức nhiên Dương tiên lên từ từ đến lúc chỉ toàn là Dương.

Từ quẻ Tốn đến quẻ Khôn là nghịch:

Tốn ☴ **Khảm** ☵ **Cần** ☶ **Khôn** ☷

Tức nhiên Âm cũng tiên dần đến lúc chỉ toàn là Âm.

Hướng và vị 64 quẻ sau này cũng theo lẽ trên mà an vị. Đây là Đồ **Tiên Thiên Bát quái** là chỉ nói đến những hiện tượng trên cõi trời bao la, hay nói về thiên thể vô hình, dù rằng lại có những hiện tượng rõ ràng để giải nghĩa như trên, nhưng đồ **Tiên Thiên** vẫn là nói vào thời kỳ mà trời đất chưa tạo lập, nhưng cái vận hành của Tiên Thiên Bát quái rất là hữu lý. Bởi có sự vận hành theo thiên lý mới có sự liên lạc của các quẻ theo ngôi thứ trước sau với nhau, nhưng phương vị chưa thật là hẳn chỉ đích ngôi nào vậy.

Thực tế, ở hướng Bắc thì lạnh, nhiều Âm khí, hễ Âm nặng thì lắng xuống dưới. Ở về hướng Nam thì nóng, nhiều Dương khí, Dương khí thanh thì bốc lên trên. Do vậy mà khi định phương hướng thì để hướng Bắc ở dưới bản đồ, ngược lại hướng Nam đặt ở trên bản đồ.

Phật giáo Tâm kinh có lời rằng:

“Hỗn độn Tôn sư. Càn Khôn chủ tế.

“Qui Thế giới u nhứt khí chi trung”...

Nghĩa là: Trong thời Hỗn độn là thời kỳ mà trời đất chưa phân định, tức là còn thời hỗn mang, trong ấy Khí hư-vô là Khí rất nhẹ nhàng, tinh khiết, bàng bạc khắp Càn khôn, vũ trụ, kết tụ muôn đời nhiều kiếp, rồi hóa sinh ngôi Thái-Cực, đó là Đức Chí-Tôn Ngọc Hoàng Thượng-Đế. Thái Cực mới phân hóa Âm Dương. Âm-quang thì do Đức

Phật-Mẫu Chưởng-quản, Dương-quang thì do Đức Chí Tôn Chưởng-quản. Hai khí Âm Dương mới phối hợp vào nhau mà hóa sanh Tiên Phật.

Thánh giáo dạy: “*Một Chơn-Thần Thầy mà hóa sanh thêm chư Phật, chư Tiên, chư Thánh, chư Thần và toàn cả nhơn loại trong Càn khôn thế giới, nên chỉ các con là Thầy, Thầy là các con*”

Quả thật, khi nhìn vào Đồ hình thấy rõ:

- Phía trên là quẻ **Càn** (Ở hướng Nam)
- Phía dưới là quẻ **Khôn** (ở hướng Bắc)

Đây là hình ảnh của thuở hồng môn, Đức Chí-Tôn cầm quyền chủ tể nắm pháp Càn khôn, thâu toàn thể giới vào trong một Khí (Hư vô).

Vì lẽ Tiên Thiên Bát-quái có hình 8 quẻ tượng cái vị trí trong không thiên mà khí Dương nóng, nhẹ, bốc lên trên tượng bằng quẻ CÀN là quẻ thuần Dương an vị ở hướng Nam. Khí Âm nặng lắng xuống dưới, tượng bằng quẻ KHÔN là quẻ thuần Âm, an vị ở hướng Bắc.

Theo tính cách của Âm Dương và hai định lý căn bản của Dịch-lý cùng với đồ hình Tiên Thiên thì:

Càn ☰ là quẻ thuần Dương, ở *hướng Nam*, có nhiệt độ của khí dương nóng bốc lên trên.

Khôn ☷ là quẻ thuần Âm, lạnh ở *hướng Bắc*, lắng xuống dưới.

Hướng Đông là lúc mặt trời mọc, tức là lúc khí Dương nóng bắt đầu bao bọc cái âm-u còn lại, nên lấy tượng quẻ **LY** ☲ có hai hào dương ở trên và dưới, bao cái Âm ở giữa.

Hướng Tây là hướng mặt trời lặn, tức là lúc khí Âm bắt đầu bao bọc cái khí Dương còn lại, cho nên lấy quẻ **Khảm** ☵ có hai hào Âm trên và dưới bao hào dương

ở giữa. Người xưa đã rõ tính cách vật lý học một cách sâu xa chứ không phải không biết. Ví như công thức hoá học của **nước là H₂O**, có nghĩa là hai nguyên tử Hydro kết hợp với một Oxy thành một phân tử nước. Hydro là Âm nên tượng bằng 2 hào Âm. Oxy là Dương nên tượng bằng một hào Dương ở giữa tạo thành Khảm, là nước.

Như vậy: 4 quẻ ở bốn phương chính đều có một ý nghĩa rất hợp với thiên-lý.

Lấy 4 quẻ trên an theo bốn hướng chính trong Tiên Thiên Bát quái, thì có được quẻ CHẤN ☳ ở hướng Đông Bắc, tượng trạng thái vi dương bắt đầu khởi từ dưới bốc lên khi cái khí Âm đã cực thịnh.

Quẻ TỐN ☰ ở hướng Tây Nam bên quẻ Càn tượng cái vi Âm bắt đầu sinh, khi khí Dương đã cực thịnh.

Quẻ ĐOÀI ☱ ở hướng Đông Nam là trạng thái âm dương khí đang bốc lên lấn-áp gần hết cái Âm khí còn lại để đến chỗ cực thịnh của khí Dương tượng của quẻ Càn ở hướng Nam.

Quẻ CẤN ☶ ở hướng Tây Bắc là trạng thái âm khí đang lắng xuống lấn áp gần hết khí dương còn lại để đến chỗ cực thịnh của khí Âm tượng của quẻ Khôn ở hướng Bắc.

Xem đó thì Càn Khôn định vị ở Nam và Bắc. Xét đến thiên lý và sự tiêu trường, thịnh suy của Âm Dương an bày theo thể, tượng của 6 quẻ mà xếp theo vị trí.

Câu Kinh tiếp theo là:

Ốc trần hườn ư song thủ chi nội,

Huệ đẳng bất diệt.

Chiếu Tam thập lục thiên chi quang minh..

Đạo pháp trường lưu.

Khai Cửu thập nhị tào chi mê muội”...

Nghĩa là: Theo kinh Phật, trong vũ-trụ không biết bao nhiêu là thế giới.

- Hiệp một ngàn thế giới thành ra một Tiểu Thiên thế giới.

- Hiệp một ngàn Tiểu Thiên thế giới thành một Trung thiên thế giới,

- Hiệp một ngàn Trung Thiên thế giới thành một Đại thiên thế giới. Thông thường, gọi một Đại Thiên thế giới là Tam thiên Đại thiên Thế giới. Cõi mà ta đang sống đây gọi là Thế giới ta bà hay Sa-bà thế giới.

Thế mà Đức Thượng-đế gồm thâu cả thế giới về trong một Khí Hư-vô “*Qui Thế giới u nhứt khí chi trung*”.

Cũng do nơi Khí Hư vô mới có ngôi Thái cực. Từ Thái-Cực mới có Âm Dương, Đạo cũng từ trong Khí Âm Dương đó. Đạo vốn vô vi, biến hóa không cùng, sanh ra Đức Nhiên-Đăng Cổ Phật tức là nguồn ánh sáng tự nhiên. Phật là vị Tôn sư được hóa sinh từ trong Khí Hư-vô. Trong thời kỳ hỗn độn, Càn khôn thế giới cũng do Khí Hư-vô tạo thành. Vậy có phải Ngài có thể tóm thâu Càn Khôn thế giới về trong một Khí Hư vô chăng? Để rồi Ngài cũng có thể nắm giữ cõi trần hoàn trong hai bàn tay. Nhưng ở đây phải hiểu một cách sâu xa hơn, đó là nói cõi trần hoàn nằm trong sự chi phối của hai Khí Âm Dương.

Nhờ ánh sáng trí huệ ví như cây đèn được thắp sáng lên để xóa tan bóng tối, tức là sự vô minh tự trong bản tâm mình. Cây đèn huệ ấy không tắt, soi sáng được ba mươi sáu tầng Trời. Nó lưu tồn mãi từ kiếp này qua kiếp khác.

Nay Đấng Chí Tôn giảng cơ tiếp diễn mở Đại-Đạo Tam-Kỳ Phổ-Độ. Hiệp đủ Phật, Tiên, Thánh, là thời-kỳ kiết quả độ đủ chín mươi hai ức nguyên-nhân về nơi nguyên thủy. Có câu: “*Thiên Địa tuần hoàn châu nhi phục thĩ Tam Giáo qui nguyên*” nên pháp Đạo chấp tay hoa sen

đã thành trái. Là biểu hiệu của Tam-Kỳ Phổ-Độ này vậy. Ngày xưa Đức Chí-Tôn ban ân huệ cho Thần Tiên Thánh Phật thế nào, thì nay Ngài cũng ban ân huệ cho cả nhân loại như thế ấy. Nên khi một người mới Nhập-môn vào cửa Đạo thì Ngài ban đủ: ÁN, PHÁP, BÙA, CHÚ nắm trong tay:

Án: là Án Tý gọi là Án Kiết quả (là kết trái, tức nhiên tu là thành) mà Án này của Đức Chí-Tôn. Người Môn Độ Cao-Đài ngày nay được phép thông công với Đức Chí-Tôn bằng Án này cũng như liên lạc với Đức Chí-Tôn qua số điện thoại hằng ngày hằng bữa vậy.

Pháp: tức là pháp Âm Dương, thủy Hỏa ký tế; nghĩa là nước Thánh dùng để giải bịnh, trừ căn: “*Ma-Ha Thủy năng hỷ oan khiên giải trừ nghiệt chương chi tội*”. Giá trị của nước Thánh mỗi người có thể tự cầu nguyện lấy mà dùng, tức là một phương pháp câu thông được với cả thầy các Đấng huyền linh, như điện có sẵn trong nhà, khi cần chỉ bấm công tắc là sử dụng được như ý muốn. Buổi Cao Đài ngày nay Đức Chí-Tôn cũng ban cho mỗi người được giữ một “Công-Tắc” trong tay rồi đó chứ (Đức Hộ-Pháp là người nắm pháp Thiên điều có tên là Phạm Công-Tắc, tức là mỗi người được nắm “công tắc” này để về cửa Phật)

Bùa: tức là bùa chữ “Khí” dùng trừ tà diệt mị. Bùa cũng là một thứ “Linh tự”. Khi sử dụng “bùa” như một hiện tượng đánh Fax ngày nay trên máy vi-tính đó vậy, nó có giá trị chính xác và nhanh lẹ gấp nhiều lần hơn là gửi thư, cũng là phương pháp thông công với cõi vô hình hết sức là khoa học, mà là siêu khoa-học.

Chú: tức là câu chú của Thầy. Niệm “*Nam mô Cao-Đài Tiên Ông Đại Bồ tát Ma-Ha-Tát*” để được giải

thoát. Vì lẽ câu này đã có ý nghĩa Qui Tam giáo trong ấy. Câu chú của Thầy như một cuộc điện thoại khẩn cấp báo.

Vì cái sứ mạng và huyền diệu nhiệm mầu như thế ấy nên Thầy mới bắt buộc khi vào Đạo phải Nhập môn. Khi đã nhập môn rồi tức là lần bước vào Thánh Thể của Đức Chí-Tôn đó vậy.

6-Thánh Thể Đức Chí Tôn

Đức Hộ-Pháp thuyết Đạo tại Đền Thánh, đêm 29 tháng 10 năm Quý Tỵ

“Thánh Thể Đức Chí Tôn chẳng phải trong Hội Thánh mà thôi, mà cả toàn con cái của Ngài Nam, Nữ, nếu Qua không nói đến mấy em mới sơ sanh, nó cũng là đám Thánh Thể của Ngài, là buổi may duyên của chúng nó ngộ Đạo “Bá Thiên vạn kiếp nan tao ngộ”. Bởi cái may duyên ấy do nơi mấy em đào tạo nó, một phần tử buổi sơ sinh tức nhiên, kể từ hạng sơ sinh Đức Chí-Tôn đã đến lựa từ khi mấy em đã có trí khôn ngoan cho nhập Thánh-Thể của Ngài đứng vào hàng Chức-Sắc Thiên-Phong gọi là Chư Thánh, mấy em mới nên người “Tam thập nhi lập”.

Cái phẩm vị Thiêng Liêng của mấy em nơi mặt thể, Phó Trị Sự, Thông Sự đối với ngôi Giáo Tông, Hộ-Pháp, trong khi tuổi của mấy em đã tri thiên mạng rồi, rất ngộ nghĩnh thay Đức Chí-Tôn lấy công bình ấy đặt lập Thánh Thể của Ngài, Ngài để một kiểu vở, một khuôn luật Tạo đoan hay là một gia đình kia không khác gì hết. Mấy em đã ngộ thấy trong Đạo, Đức Chí-Tôn đã để:

- Hàng Tín-Đồ đối với Đại-Từ-Phụ.*
- Phó-Trị-Sự và Thông Sự đối với Phẩm Giáo Tông và Hộ-Pháp.*
- Chánh-Trị-Sự đối với Phẩm Đầu-Sư.*

Thì mấy em thử nghĩ coi khuôn khổ Thánh Thể của Ngài không có một cái gì sơ sót hết.

Tỉ như một hột kia chúng ta gieo xuống, nó hột xoài thì sanh xoài, mít thì sanh ra mít, khi mấy em gieo hột mít xuống rồi mấy em quả quyết nó sẽ có cây mít, thì cây mít có ngay. Khuôn luật vẫn có một mà thôi. Qua nghĩ cái độc tâm của người có những quỷ quyền tưởng đâu sẽ tiêu diệt Thánh Thể của Đức Chí Tôn. Qua nói thiệt, nếu dưới mặt thể gian này tiêu diệt cả Thánh-Thể của Đức Chí-Tôn được, thì không còn ai nữa.

Từ Tín Đồ đến Hội Thánh chẳng hề khi nào tiêu diệt nó được, kẻ nào muốn tiêu diệt Đạo Cao Đài tốt hơn đừng sanh ra bởi chẳng hề khi nào muốn tiêu diệt Đạo đặng, khuôn luật vẫn vậy.

Hôm nay Qua giảng một điều thiết yếu cho mấy Em nghe quyền siêu thoát. Mấy em xét coi nơi mình mấy Em từ chân, tay trong xác thân cho tới cả tinh thần đầu óc mấy Em nó đều có linh cảm cả.

Khốn nạn thay! Con người không biết thương nhau mà lại ghét lẫn nhau, mà hễ ghét lẫn nhau tức nhiên ghét Thánh-Thể Đức Chí-Tôn, nếu ghét Thánh-Thể Đức Chí Tôn rồi, thì ngày Qua về cảnh Thiêng Liêng đứng trước Cực Lạc Thế Giới, mấy em chẳng hề khi nào chối tội đặng. Nếu mấy em thương nhau không được thì không được phép ghét nhau”. Đại-Đạo ngày nay là nhất quán

7-Thử tìm hiểu pháp Bất ÁN TÝ:

Lạ là gì?

Bất cứ một Tôn-giáo nào: dù là Đạo thờ cúng Ông Bà cũng vậy, dân-tộc Á-Đông này coi sự Lễ bái là đứng hàng đầu trong các nghi thức.

- Lễ bái để tỏ lòng trân-trọng với một Đấng sinh thành đã cho ta một cái thân sanh là công của cha mẹ.

- Để tỏ lòng ngưỡng-mộ với bậc siêu phàm như người có công dựng nước và giữ nước. Tạo Đạo cứu Đời.

- Để tỏ lòng ngưỡng vọng với một Đấng tối thượng mà chính nhân-loại phải hết lòng bái phục là Trời.

Chung qui sự lễ bái là để phát khởi Đạo tâm. Có câu “Lễ bái thường hành tâm Đạo khởi”.

Nay, buổi Tam-Kỳ Phổ-Độ Đức Chí-Tôn giảng dạy những nghi-thức về việc bái lạy ấy.

Thánh-ngôn Thầy dạy về Bái lễ:

“*Khi bái lễ, hai tay con chấp lại, song phải để tay trái ấn TÝ, tay mặt ngửa ra nằm dưới, tay trái để lên trên*”.

- Lạy là gì?

Là tỏ ra bề ngoài, lễ kính trong lòng.

- Chấp hai tay lại là tại sao?

Tả là Nhứt, hữu là Nguyệt, vị chi Âm-Dương; Âm Dương hiệp nhứt phát khởi Càn-Khôn, sanh sanh hóa hóa. Tức là Đạo.

- Lạy kẻ sống thì **hai lạy** là tại sao?

Là nguồn cội của nhơn-sanh lưỡng hiệp Âm-Dương mà ra. Ấy là Đạo.

- Vong phàm **bốn lạy** là tại sao?

Là vì hai lạy là của phần người, còn một lạy Thiên, một lạy Địa.

- Lạy Thần lạy Thánh thì **ba lạy** là tại sao?

Là lạy Đấng vào hàng thứ ba của Trời và cũng chỉ rằng lạy Tinh-Khí-Thần hiệp nhứt. Ấy là Đạo.

- Lạy Tiên lạy Phật thì **chín lạy** là tại sao?

Là tại chín Đấng Cửu-Thiên khai hóa.

- Còn lạy **Thầy mười hai lạy** là tại sao?

Các con không biết đâu?

Thập nhị Khai-Thiên là Thầy, Chúa cả Càn-Khôn Thế Giới; nắm trọn thập nhị Thời-Thần vào tay; số mười hai là số riêng của Thầy”. (Thánh-ngôn I/11)

Giải-thích Cách Lạy và bắt Ấn Tý

a/-Cách lạy:

Trước khi lạy, đưa tay đã bắt Ấn kiết-quả lên trán, rồi để xuống ngực mới xá.

Khi lạy xòe bàn tay ra mà úp xuống đất, ngón tay cái của bàn tay mặt đặt lên ngón cái của bàn tay trái. Tức là Lưỡng-nghi sinh Tứ tượng, hiệp lại là 4, cộng với 8 ngón còn lại là 12. Số 12 tượng cho Thập Nhị Địa chi ..

Riêng hai bàn tay có cả thảy 10 ngón tức là thập Thiên can.

Thập thiên can phối hợp với Thập nhị Địa chi thành ra một cặp Âm Dương làm nên vũ-trụ càn khôn thế giới này. Kinh Phật-Mẫu có dạy:

“Thập Thiên Can bao hàm vạn tượng,

“Tùng Địa Chi hóa trưởng Càn Khôn”

Mười thiên can là: Giáp, Ất, Bính, Đinh, Mậu, Kỷ, Canh, Tân, Nhâm, Quý, hiệp với 12 Địa chi là: Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi, biến hóa ra hình tướng bao la làm cho thế giới rộng lớn thêm lên.

Đó là Bát-quái biến hóa vô cùng mới thành ra Càn Khôn thế giới.

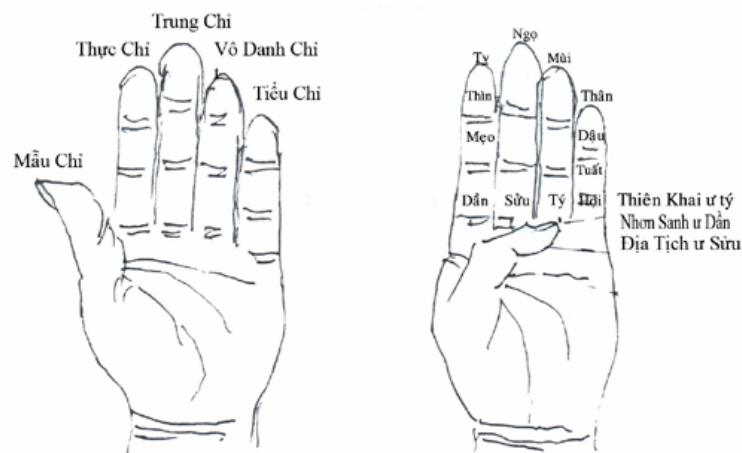
b/. Giải nghĩa lạy chấp tay:

Người có hai bàn tay là đủ Âm Dương:

Tay trái là Dương. Tay phải là Âm. Mỗi bàn tay có 5 ngón, tượng Ngũ hành, nên chỉ hai bàn tay có đủ cả Ngũ hành Dương và Ngũ hành Âm, tức nhiên nắm vào tay hai con số ngũ, gọi là Nhị Ngũ (55).

Mỗi bàn tay có 5 ngón:

- Ngón cái gọi là *mẫu chỉ* (ngón mẹ của các ngón)
- Ngón trỏ gọi là *thực chỉ* (chỉ đúng sự thực)
- Ngón giữa gọi là *trung chỉ* (ngón ở chính giữa)
- Ngón áp út là *Vô danh chỉ* (ngón tay không tên)
- Ngón út gọi là *Tiểu chỉ* (ngón tay nhỏ nhất)



(H.11) Cách bắt Ấn Tý

Trong số 5 ngón còn một ngón không tên kêu là *vô danh chỉ*. Sách có câu: “Vô danh Thiên Địa chi thủy” là trước khi Trời Đất chưa khai, thì một khí không không, sau khi định hội Tý mới mở Trời nên chữ **Tý ở tại góc Ngón tay vô danh**. Khi mở Trời Đất rồi mới xuất hiện nên gọi là “*hữu danh vạn vật chi mẫu*” nghĩa là muôn vật có hình chất đều thọ nơi mẫu mới hóa sanh.

Nay đến hội Tam Kỳ kết quả, là độ hết cả quần linh về cõi Niết Bàn, chẳng để một điểm Chơn linh nào ở miền Đông độ, nên ngón tay cái là mẫu, chỉ vào chữ Tý của chính bàn tay này tức là cơ “*Âm Dương hữu hạp biến sanh*” còn lại 4 ngón, đó là Tứ Dương tượng cho 4 phẩm cấp: **Thần, Thánh, Tiên, Phật**.



Còn bàn tay hữu là Âm, ngón cái chỉ vào chữ Dần tay tả, bốn ngón đều bao ngoài. Tay hữu là Âm, bốn ngón này là Tứ Âm, tượng 4 phẩm cấp thuộc hàng chúng sanh, đó là: **Vật chất hồn, Thảo-mộc-hồn, Thú cầm hồn, Nhơn-hồn**. Do vậy hai bàn tay là chỉ nhơn vật quần linh, tận qui nguyên vị. Gồm chung cả tám ngón tay tượng là Bát phẩm chơn hồn đều do Đức Phật-Mẫu tạo hoá.

Tay tả là Dương mà có ngón tay cái là Âm tự bấm vào, còn tay hữu là Âm mà có ngón cái chỉ vào cung Dần bên tay tả, để tất cả đều có Âm Dương hoà quyện vào nhau.

Vậy nên kinh Dịch nói: “*Âm nội hữu chơn dương, dương nội hữu chơn âm. Âm dương lưỡng cá tứ, năng hữu kỳ nhơn tri*”. Nghĩa là trong Âm lại có Dương, trong Dương lại có Âm. Hai ngón cái của hai bàn tay là đủ cả Âm Dương tức là hai. Khi lạy xuống thì hai ngón này gát chồng lên tréo nhau mà hiệp lại mới thành ra bốn.

Khi hai bàn tay chấp lại là mười ngón, ứng với Thập Thiên Can. Mỗi bàn tay có 5 ngón là Ngũ hành Dương hiệp với Ngũ Hành Âm.

Theo pháp Đạo Cao-Đài khi bắt Ấn Tý rồi lạy xuống thì hai ngón cái gát tréo lên nhau, ngón cái của bàn tay mặt đặt lên ngón cái của bàn tay trái, tức là lấy Âm bao Dương, hóa thành bốn. Hiệp lại với 8 ngón tay còn lại

thành ra 12. Số 12 ứng với thập nhị Địa chi. Như vậy với hai bàn tay có đủ Thập Thiên can hợp với Thập Nhị Địa Chi, tạo nên sự biến hóa, hợp với đức của Càn khôn vũ trụ.

Khoa Dịch lý cao siêu, thông hiểu luật của trời đất là lẽ biến hoá mà mình đang nắm cả vũ trụ vào trong tay.

8-Cách lạy qua ba thời kỳ:

1/-*Nhứt kỳ Phổ-Độ*: Đức Lão Tử giảng thể dạy Đạo Tiên, phải chấp hai tay kiết nhị, như bông sen búp. Khi lạy thì xoè hai tay úp xuống đất, cúi đầu xuống ba lạy kêu là *khê thủ*.

2/- *Nhị kỳ Phổ-Độ*: Đức Thích Ca giảng sanh dạy Đạo Phật, thì chấp tay hiệp chuông hoa khai. Khi lạy thì ngửa hai bàn tay để xuống đất mà cúi đầu xuống, kêu là *hòa nam*.

Khi Đức Khổng-Tử giảng sanh dạy Đạo Thánh, cách lạy là cung tay đến mày mà lạy kêu là *phủ phục*.

3/-*Tam-Kỳ Phổ-Độ*:

Nay Đấng Chí Tôn giảng cơ tiếp diễn mở Đại-Đạo Tam-Kỳ Phổ-Độ. Hiệp đủ Phật, Thánh, Tiên là thời-kỳ kiết quả độ đủ chín mươi hai ức nguyên nhân về nơi nguyên thủy. Có câu: “*Thiên Địa tuần hoàn châu nhi phục thủy Tam Giáo qui nguyên*” chấp tay hoa sen đã thành trái.

Buổi Tam-kỳ Phổ-Độ, trước khi lạy phải bắt Ấn Tý, gọi là Kiết quả, nghĩa là thời-kỳ này đã thành trái. Tu thì thành, dữ thì đọa. Thường phạt phân minh.

Thử hỏi tại sao qua hai thời-kỳ Phổ-Độ trước người Tu thì nhiều mà thành thì ít?

Như trên đã nói qua hai thời kỳ qua giống như cây trồng mới nở hoa: hoa còn búp, rồi đến thời-kỳ các cánh hoa rơi rụng thì làm sao mà gieo trồng cho được, đây chỉ là thời gian chuẩn bị. Nay thời Tam-Kỳ Phổ-Độ mới đúng là thời kỳ gặt hái kết quả, nên tu thì thành là vậy.

9-Con người cũng đủ 4 bát Quái:

Con người có hai bàn tay là đủ Âm Dương. Mỗi bàn tay có năm ngón là tượng cho Ngũ hành Dương và ngũ hành Âm.

Mỗi tay cũng như chân, mỗi mỗi đều có một xương dài ở cánh tay trong tượng Dương và hai xương ở cánh tay ngoài tượng Âm, hợp lại thành ba, tượng cho tam tài. Ngoài là năm ngón tay hoặc 5 ngón chân, hợp với số 3 thành ra là 8. Tất cả có 4 chi như vậy là tượng cho 4 Bát Quái của Tiểu Thiên Địa. Đạo Cao-Đài tượng cho Đại Thiên địa cũng đang xử dụng đến bốn Bát-Quái.

Mỗi bàn tay có 14 lông tức là hai lần con số 7. Bốn lần 7 như vậy là 28 là con số Nhị thập bát tú. Vi diệu lắm thay!

Chính là ý-nghĩa của câu “*Ôc trần hườn ư song thủ chi nội*” có nghĩa là nắm giữ cả cõi trần hoàn trong hai bàn tay. Nhưng ở đây cũng nên hiểu rộng ra đó là cõi trần hoàn nằm trong sự chi phối của hai lý Âm Dương.

Thế nên người tu là tìm hiểu cho thấu suốt để: Trên thông thiên văn. Dưới đạt địa lý. Giữa quán nhân sự.

Đức Chí-Tôn lập Đạo trong buổi Hạ-ngươn này thể hiện cơ tuần-huần châu nhi phục thủy, Tôn-chỉ lấy Tam giáo qui nguyên Ngũ chi Phục nhứt để đưa nhân-loại đến Đại-Đồng. Lấy theo nguyên-lý của vũ-trụ thì:

- Thiên khai ư Tý, trời khai vào hội Tý
- Địa tịch ư Sửu, đất thành hình ở hội Sửu
- Nhơn sanh ư Dần, có nhơn-loại vào hội Dần.

Nay là buổi “Nhơn sanh ư Dần” nên đây là phần hành của Đức Di-Lạc. Do vậy mà hình ảnh của Ngài ngự ở mặt tiền Đền-thánh, cõi cạp để làm biểu tượng là năm Dần

***Thiên khai ư Tý**: Vì trước khi trời đất chưa khai thì chỉ là một khí không không mờ昧. Sau khi định hội

Tý mới mở trời, nên chữ Tý đặt ở ngón vô danh (ngón tay không tên, gần bên ngón út, nên gọi là áp út). Có câu “*Vô danh Thiên địa chi thủy*” 無名天地之始 (không tên là trước khi có trời đất)

***Địa tích ư Sứu:** là khi mở trời rồi: đất mới được thành hình, do khí nhẹ bay lên làm trời, khí nặng lắng xuống thành đất. Cơ biến hóa này do Mẫu (mẹ) tượng trưng ngón tay cái trên bàn tay gọi là Mẫu chỉ. Vạn-vật hữu hình trong trời đất này đều do Mẹ tạo thành, có câu “*Hữu danh vạn-vật chi mẫu*” 有名萬物之母.

Đạo Cao-Đài xác nhận trong vũ-trụ bao la đều do Phật-Mẫu điều hành, Phật-Mẫu nắm cơ hữu tượng. Chí Tôn nắm phần vô tượng.

***Nhơn sanh ư Dân:** Tức là nay qua Hội Dân là thời kỳ của nhơn-loại, là người. Bây giờ đủ cả “Cha, Mẹ, Con” tức nhiên là Tam tài thống hiệp. Người đứng vào ngôi cùng với trời đất tức là Thiên, Địa, Nhân.

Đạo-pháp đã đúng hội Tam-Kỳ kết quả. Cao-Đài xuất thế là hiệp với Thiên thơ đã định:

“*Tam kỳ khai hiệp Thiên thi,*

“*Khoa môn Tiên vị ngộ kỳ Phật duyên*”.

Do vậy mà Ấn Tý của thời kỳ thứ ba Đại-Đạo Tam Kỳ Phổ-Độ là thời kỳ Thiên Địa hoàng khai.

Đã qua ba thời kỳ mở Đạo:

- *Nhứt kỳ phổ-độ* là tượng bông sen búp, nên hai bàn tay đưa thẳng ra đặt úp vào nhau.

- *Nhị Kỳ phổ-độ* là tượng cái bông tàn đi để chuyển tiếp thành trái, hai bàn tay nắm lại với nhau.

- *Tam kỳ Phổ-Độ* này thật sự đã thành hình, kết quả, có nghĩa là tu thì thành: Hiền thẳng, dữ đọa. Nhưng khi đạt kết quả rồi không phép hưởng riêng một mình, mà

phải gieo trồng lại, tiếp tục cho nhơn sanh hưởng nhờ, luân-lưu cho khắp cả Đại-Đồng thế giới cùng chung hưởng mới gọi là phổ-độ. Xem thế là chỉ hai bàn tay mà nắm cả Càn Khôn vũ trụ. Kinh nói là “*Ốc trần hoàn ư song thủ chi nội*”. Thế nên Kỳ ba Phổ-Độ này mới gọi là Cơ Đại-Ân-Xá của Chí-Tôn là vậy.

Nhìn chung thì mỗi pháp Đạo đều có liên quan mật thiết với nhau và đều nhất quán.



E-Bát-quái Tiên-thiên và phương vị: khởi điểm từ 8 quẻ đơn để đến 64 quẻ kép:

Tìm ý-nghĩa Bát Quái Tiên Thiên qua câu Kinh:

Nhất là câu “*Khai Cửu thập nhị tào chi mê muội*”:

Là số “*chín mươi hai ức*” nguyên nhân bị đọa trần.

Bát-quái Tiên-thiên cũng có thể vẽ trên vòng tròn, đồng thời định phương vị cho Bát-quái này đã có từ đời Phục-Hi Hoàng-Đế.

Bát-quái kết hợp bởi hai trục:

- Trục đứng là Nam Bắc định-vị bởi hai quẻ **Càn khôn**.

- Trục ngang là Đông Tây định-vị hai quẻ **Ly Khảm**.

Bốn quẻ còn lại nằm vào các vị-trí phụ thuộc.

Tức nhiên theo thứ-tự của Bát-quái Tiên thiên là: Càn, Đoài, Ly, Chấn quay theo chiều nghịch với chiều kim đồng-hồ, theo chiều Dương.

Các quẻ mới sinh là: Tốn, Khảm, Cấn, Khôn, quay theo chiều thuận với chiều kim đồng hồ, theo chiều Âm.

Do vậy mà từ 8 quẻ đơn, khi nhân lên gấp 8 lần nữa thành ra 64 quẻ kép, bấy giờ căn cứ vào ý-nghĩa mà Thánh-nhân xếp thành hai quyển: Thượng kinh và Hạ kinh.

Thượng kinh khởi đầu bằng hai quẻ CÀN KHÔN, cuối cùng là hai quẻ KHẨM LY.

Hạ kinh khởi bằng hai quẻ HÀM HẰNG, kết thúc bằng hai quẻ KỶ TẾ và VỊ TẾ

1-Số của Bát-quái Tiên-Thiên vẫn có giá trị khi thành hình quẻ kép

Càn 1, Đoài 2, Ly 3, Chấn 4, Tốn 5, Khảm 6, Cấn 7, Khôn 8.

Nếu cộng các quẻ đôi nhau qua tâm (gọi là xuyên tâm đối.) sẽ có tổng-số giống nhau là 9, như:

$$\text{Càn } 1 + \text{khôn } 8 = 9$$

$$\text{Ly } 3 + \text{khảm } 6 = 9$$

$$\text{Đoài } 2 + \text{Cấn } 7 = 9$$

$$\text{Chấn } 4 + \text{Tốn } 5 = 9$$

Thế nên **Bát-quái Tiên Thiên có số 9**, gọi là **CỬU**

Bát-quái này có 4 quẻ đã sinh ra trước là Dương, ấy là Càn, Đoài, Ly, Chấn nên quay theo chiều nghịch với chiều kim đồng-hồ. Đường quay ấy sẽ đi vào bên trong để đến **Tốn** bắt đầu một chu-kỳ mới là Tốn, Khảm, Cấn, Khôn lại đi thuận với kim đồng-hồ (xem hình trang 32). Như một hơi thở: một ra một vào không bao giờ ngừng trong buồng phổi vậy.

Các quẻ đôi nhau từng đôi một do ý nghĩa tương đồng:

Càn ☰ tượng cha, đối qua tâm là **Khôn** ☷ tượng mẹ.

Đoài ☱ thiếu-nữ đối qua tâm là **Cấn** ☶ tượng Thiếu-nam.

Ly ☲ là trung-nữ, đối qua tâm là **Khảm** ☵ trung nam.

Chấn ☳ trưởng nam, đối qua tâm là **Tốn** ☴ tượng trưởng nữ.

Dịch-lý luôn gắn liền nhau bởi Âm Dương một cách tương đối, tương điều-hòa với nhau thật chắc-chẽ.

Đặc biệt là Càn ở Nam. Khôn ở Bắc. Đây là thời-kỳ nhất bản tán vạn thù, tức là thời-kỳ đi ra, nghĩa là các chơn-linh đến trần để học hỏi và tán-hóa, như thời gian từ

trước đến giờ, số nguyên-nhân đến trần là 100 ức; qua hai thời-kỳ ân-xá các vị Giáo-chủ độ được 8 ức nguyên nhân. [100 ức - (Phật độ 6 ức + Tiên độ 2 ức)] = 92 ức nguyên nhân còn lại nơi cõi trần. Vì 92 ức nguyên-nhân này mà Chí-Tôn lo cứu vớt. Xem hình vẽ sẽ thấy các con số đối chiếu để làm biểu tượng cho các lý lẽ trên: Những con số ấy chỉ là nói lý, chứ không phải là con số hữu định. Bởi vì:

Các quẻ đối có tổng-số đều là 9 (gọi là **cửu**)

Hai trục giao nhau tạo thành hình chữ **thập** +

Đồ tròn chia 8 quẻ ra làm hai (**Nhị**) phần có đủ âm dương rõ-rệt: Càn, Đoài, Ly, Chấn thuộc Dương; Tốn, Khảm, Cấn, Khôn thuộc âm. Âm dương phân hai là nhị khí. Hình ảnh này biểu tượng cho con số **“Cửu thập nhị tào chi mê muội”** đó vậy, tức là 92 ức nguyên-nhân còn đang mê-muội, là không thông hiểu đạo-đức chánh truyền của nguyên-lý càn-khôn vũ-trụ đã đặt định.

Khi biến thành 64 quẻ kép (8x8) thì số và phương vị của Bát-quái Tiên Thiên không đổi, chỉ khác một điều là nhân rộng lên mà thôi. Thí dụ: kiền đơn là 1, (Kiền kép) là Bát-thuần Kiền là 11. Khôn đơn là 8, (Khôn kép) là Bát thuần Khôn là 88.

Bởi Bát-Quái Tiên-Thiên như cánh cửa để đi vào Đạo Dịch. Từ đây mới có thể nhìn thấy lý biến hóa vô cùng tận, mới thấy chân trời Đạo-pháp thật bao la. Vì chỗ cao siêu, tuyệt vời ấy mà xưa nhân loại đã khổ công tìm, nhưng không được may duyên có được điểm tựa làm chuẩn là nền Đại-Đạo như ngày nay nên cứ phải loanh quanh, rớt lại rồi bày ra phương bói toán, tìm phong thủy, tuy rằng rất hay nhưng thời gian dễ bị phai nhòa mà biến thành mê tín làm cho mất cái khí thể nhiệm mầu mà Thánh nhân đã dày công biên soạn. Tuy vậy mà trong sự rủi vẫn có điều may, nhờ vậy mà Tần-Thủy-Hoàng Đế xem

thường nên không đốt sách DỊCH trong vụ án “Đốt sách chôn học trò” mới còn lại đến ngày giờ này.

Khi Đức Chí-Tôn khai Đạo là muốn phô bày tất cả những nét kỳ bí, nhiệm mầu mà hết sức khoa học. Từ đây, mỗi một nhà chuyên môn đều thấy được sự diệu dụng của DỊCH và áp dụng tuyệt đối trong chuyên môn của mình.

Tuy nhiên, nay Đức Chí-Tôn mở Đạo, Đức Hộ-Pháp giảng thể thừa hành sứ mạng thể thiên hành hoá, Ngài mở Thễ pháp trước nên mới duy trì được Bí-pháp đến ngày nay. Nhắc lại lời của Đức Hộ-Pháp nói rằng:

“Bản-Đạo vâng lệnh Đức Chí Tôn xuống thế mở Đạo, thì Đức Chí-Tôn mới hỏi rằng:

- Con phục lệnh xuống thế mở Đạo, con mở Bí-pháp trước hay là mở Thễ-pháp trước?

Bản-Đạo trả lời:

- Xin mở Bí-pháp trước.

- Chí-Tôn nói:

- Nếu con mở Bí-pháp trước thì phải khổ đa!

Đang lúc đời cạnh-tranh tàn bạo, nếu mở Bí pháp trước, cả sự bí-mật huyền-vi của Đạo, Đời thấy rõ xúm nhau tranh giành phá hoại thì mới Đạo phải ra thế nào?

Vì thế nên mở Thễ-pháp trước, dẫu cho đời quá dữ có tranh-giành phá hoại cơ thể hữu-vi hữu-hủy đi nữa thì cũng vô hại, xin miễn mặt Bí pháp còn là Đạo còn.

* Bí-pháp là Hiệp-Thiên-Đài giữ.

*Thễ-pháp là Cửu-trùng-đài mở-mang bành trướng”

Nay nhân Thễ-pháp mà thấy rõ được Bí-pháp, thật là suy chẳng cạn, luận chẳng cùng. Có như vậy nền Đạo này mới lưu lại đến thất ức niên chứ!

Điều ấy chắc chắn quả thật như vậy, thế nên người Đạo Cao-Đài muốn bảo thủ chơn truyền là phải nắm vững

về mặt Bí-pháp, tức nhiên phải thấy rõ rằng mỗi mỗi Thễ pháp mà Đức Chí-Tôn đặt định nơi cửa Đạo này không phải là điều đơn giản, nên Thầy có nói là “một cái đầu cũng không thể sửa” là vì tính cách yếu trọng của nó, nên chỉ từ câu Kinh tiếng kệ, đến cả nghi thức cúng kính, cùng là Lễ Nhạc khi Thầy đã qui định rồi thì đó chính là chơn truyền của nền Đại-Đạo. Vì sự cần yếu Thầy mới bày ra cho có qui củ cũng như sự sắp xếp tai, mắt, mũi, miệng trên gương mặt của con người không thể thay đổi vị trí được.

2-Kiên Khôn làm cánh cửa của Đạo Dịch:

Như Kinh đã nói: *Huệ đăng bất diệt. Chiếu Tam thập lục thiên* tức nhiên nhờ đèn huệ soi sáng nên thấu đáo được chân tướng của sự vật, suốt thông được 36 tầng trời. Chính con số 36 này là do bốn lần con số 9 của Bát quái Tiên Thiên mà chúng ta vừa nói trên, là $(4 \times 9 = 36)$ mà Kinh đã truyền để, cho biết sự yếu trọng của Bát-Quái:

Ba mươi sáu côi Thiên Tào,

Nhập trong Bát-Quái mới vào Ngọc-Hư

Thử nhìn lại ở mặt tiền Đền Thánh có hai lầu: lầu Chuông và lầu trống, **mỗi lầu cao 36 thước**, cũng là con số của hai quẻ KIÊN KHÔN đã đặt vào đấy như hai cánh cửa để qui nạp tất cả giáo lý chân truyền, không đâu mà ra ngoài lý Dịch của Đạo Cao-Đài cả. Đây cũng là chứng tỏ quyền uy tối thượng của Ông Thầy Trời đang ngự trị.

(Càn ☰ tượng 3 nét liền, Khôn ☷ tượng 6 nét đứt)

Do vậy mà ghép liền hai con số 36 chính là hình ảnh của KIÊN KHÔN) đó là ý-nghĩa “Thống ngự vạn vật” vậy.

Nếu lấy số 36 làm thành bài toán cộng ($3+6=9$), tổng số là **9**. Hai lần có số chiều cao như nhau, tức là hai số 9 (99) gọi là số Cửu. Điều này ứng hợp với câu Sám:

“Cửu cửu Càn Khôn dĩ định,
“Thanh minh thời tiết hoa tàn”.

(xem tiếp Bát-quái biến hoá toàn đồ sẽ rõ số 99 hơn)

Thật thế, nếu người tu hành mà không suốt thông lý Đạo hẳn nhiên còn thiếu, như một thuyền trưởng ra biển khơi mà đánh mất địa bàn đó vậy! Nhưng sở dĩ Đức Chí Tôn phải mở Đạo nhiều nơi, vì trình độ của nhơn sanh tiến hóa không đồng đều. Bởi vì người có ba phẩm hạng.

Bát quái Tiên-Thiên là cánh cửa để đi vào Đạo Dịch, nếu không am tường những nguyên tắc căn bản của Bát Quái này thì khó mong mà khám phá được kho tàng Dịch lý quá ư to lớn mà các Vị Tiên Thánh đã dày công nghiên cứu trên 6.000 năm, dành cho nhân loại một túi khôn vô cùng quý giá.

3-Thứ tự vận hành của Hà-Đồ:

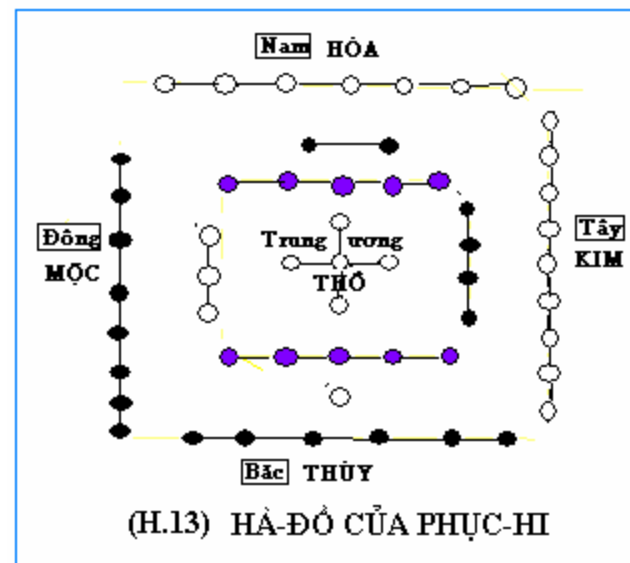
Thánh nhân nói rằng trên sông Hà xuất hiện Đồ, trên sông Lạc xuất hiện Thư. Rồi từ đó mới làm ra phép tắc, qui luật nên gọi là Hà đồ, Lạc thư là do từ đây.

Hà đồ là bức đồ được tìm thấy khi vua Phục-Hi trị vì thiên hạ, thấy con Long Mã xuất hiện ở sông Hà, ông lấy làm hài lòng vì nhận được cái vãn: tức là số từ 1 đến 10 như trên đã nói, để vạch ra 8 quẻ. Sắp xếp lại thì được **55 nốt trên lưng**.

Phân biệt ra thì tròn là số của Hà đồ, vuông là số của Lạc thư. Hà đồ thể tròn mà dụng vuông.

Hà-Đồ là Đạo tự nhiên, là bản-đồ trên lưng con Long-Mã có nhiều điểm:

Điểm tròn trắng tượng Dương.



Điểm tròn đen tượng Âm.

- 1 với 6 phía sau (thuộc hướng Bắc, biểu hiện cho mùa Đông thuộc hành Thủy)
 - 2 điểm với 7 điểm phía trước (hướng Nam, biểu hiện cho mùa HẠ, thuộc hành Hỏa).
 - 3 với 8 bên trái (là ở hướng Đông, biểu-hiện cho mùa Xuân, thuộc hành Mộc).
 - 4 với 9 bên mặt (là hướng Tây, biểu hiện cho mùa Thu, thuộc hành Kim).
 - 5 với 10 chính giữa (trung-ương, Tứ quý thuộc hành Thổ)
- Cả thầy năm ngôi tượng-hình cho khí Ngũ-Hành:

Tóm lại:

- 1 với 6 phía sau, tượng hình Bắc-phương *Nhâm Quý*, Thủy.
- 2 với 7 phía trước, tượng Nam-Phương *Bính Đinh*, Hỏa.
- 3 với 8 bên trái tượng hình Đông-phương *Giáp Ất*, Mộc.
- 4 với 9 bên mặt, tượng hình Tây-phương *Canh Tân*, Kim
- 5 với 10 chính giữa, tượng hình Trung ương *Mô-Kỷ Thổ*.

Năm điểm ở chính giữa cũng tượng hình Thái-Cực hàm nhứt-khí, tức là Thái-cực bao hàm một khí.

Tổng cộng hết là **55 điểm mà kỳ thiết là nhị ngũ**, bởi vì nếu tính hàng ngang là *hai con số ngũ đứng liền nhau* (gọi đó là *Âm ngũ-hành* và *Dương ngũ-hành*). Tuy là nhị ngũ mà cũng chỉ là nhứt ngũ mà thôi. Bởi Âm với Dương như hình với bóng, cũng chỉ là một: Là Thái cực.



4- Luận về Y lý:

Hà đồ là cái hình vẽ của Phục Hi đã tạo ra để hình tượng Thiên Đạo theo thể vô hình, tức là nói về Tiên thiên hay là cái Thiên lý trước khi sáng tạo trời đất. Tất nhiên theo lý “*Thiên địa vạn vật nhất thể*” nghĩa là trời đất và vạn vật cùng một thể với nhau.

Tiến trình sinh hoạt ấy theo hai chiều thuận nghịch, hay nói khác đi cứ một ra một vào như hơi thở của con người thoát ra từ trong lồng ngực. Vậy thì:

- *Trong cõi vô hình*: Từ trong phát triển ra ngoài.
- *Trong cõi hữu hình*: Từ ngoài trở lại vào trong.

Theo như Hà đồ bắt đầu nảy ra số 1 tức là cái vi dương nhỏ mới nảy ra ở phương Bắc, cũng vì lẽ ấy mà Thánh nhân lấy sự huy động ở **hướng Bắc mà tượng là quẻ Khảm**, chính nơi này mà nó tạo ra cái trứng cho cõi đời.

Kinh Phật-Mẫu có nói:

“*Kể từ hỗn độn sơ khai,
“Chỉ-Tôn hạ chỉ trước Đài Linh-Tiêu,
“Lưỡng nghi phân Khí Hư vô,
“Diêu-Trì Kim-Mẫu nung lò hoá sanh.
“Âm Dương biến tạo Chơn thần,
“Lo cho nhơn vật về phần hữu vi”...*”

Như vậy Hà-Đồ thì số 1 là Dương mới sinh ra ắt có sự động. **Số 1** là số Dương đầu tiên tượng *Thái Dương*. Dương đến cùng cực thì Âm sinh cho nên thành **số 2** tức là số của *Thiếu Âm*, số 2 là số chẵn, là số âm nhỏ nhất.

Số 1 sinh ra ở *hướng Bắc* mà số 2 là số đối của nó tức là ở *hướng Nam*.

Hỏi tại sao số 1 sinh ở hướng Bắc?

Theo người Trung-Hoa thì trên bản đồ trực đứng là Bắc Nam. Hướng Bắc là ở trên đối chiếu xuống thì: trên là Bắc, dưới là Nam. Đây là muốn lấy cái lý vi dương phát sinh mà cái Âm khí ôm bọc lấy, nó dần dần bốc lên trên mà thành hình người hay vật, theo vị trí của bào thai trong bụng Mẹ khi xuất thế thì đầu quay về phía dưới. Như vậy mới là thuận nên cái lý vi dương tượng số 1 ở hướng Bắc mà lại ở dưới, nghịch hẳn với những nguyên tắc của phương Tây lấy hướng Bắc ở trên.

Khi mà 1 là *Thái Dương* huy động thì cái trứng trinh khiết mới nhận được điểm linh quang của Thượng Đế tức là ngôi Thái cực có trước. Điểm Thái cực ấy chính là “*Con mắt*” là nguyên tử đầu tiên. Đạo Cao-Đài lấy biểu tượng “**Thiên Nhân Thầy**” cũng không ngoài lý do ấy.

Khi Dương đến cùng cực thì cái 2 sinh ra, mà số 2 là số đối với số 1, cho nên trong Hà đồ có số 2 ở trên gọi là hướng Nam. Theo bào thai tượng là chỗ xương, phân hai thành *hai chân*. Số 2 là tượng *Thiếu Âm* tức là khí Âm còn non đó. Khi đến cùng thì 2 là 3 và theo nghịch lại về tay trái tức là phía lưng bào thai, tượng cái xương sống thành một đường thẳng, mà 3 tượng là *Thiếu Dương*. Theo Khoa học huyền bí thì cái xương sống là con đường dẫn khí trong người. Trong xương sống có *3 cái lỗ để sinh Hoả khí lưu chuyển, tượng Tam tài*. Từ số 3 đến số 4 vẫn theo một chiều, thì số 4 ở về bên tay phải tượng *Thái Âm*,

xem trong bào thai tức là hai chân và hai tay thu vào với nhau thành 4 điểm, gọi là **Tứ tượng**.

Chỗ này Kinh có giải rõ:

“Khí phân Tứ tượng. Oát triển vô biên”

Như người phân ra Nam Nữ: Nếu là Nam thì gọi là Tứ Dương, còn Nữ thì định là Tứ Âm. Khi đến tuổi cặp kê họ tác hợp với nhau hiệp thành Bát Quái, tức nhiên Tứ Dương hợp với tứ Âm, từ đó mới biến hoá ra thêm.

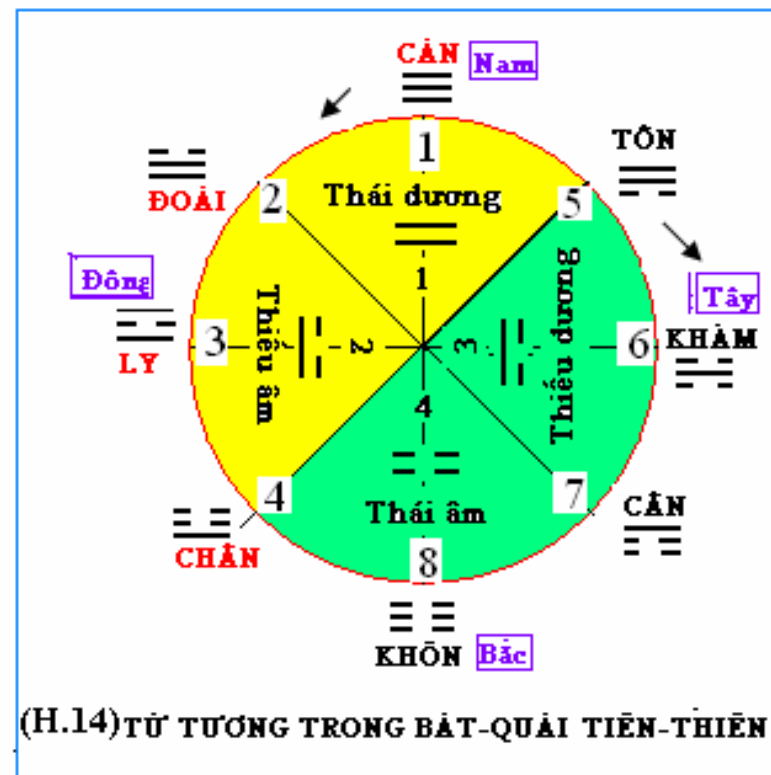
Đó là lấy cơ thể của người mà xét lúc còn là bào thai trong bụng mẹ chưa thành ra ở cõi hữu hình. Người ta là một Tiểu thiên địa có thể đối chiếu với Tiên, Hậu Thiên Bát-quái là theo các quang khiêu mà các nhà Huệ nhãn thấy được. Như vậy từ lúc mới là một vi dương, nhỏ rồi thành hình dần dần đều theo định luật của Thiên lý. Sự huy động giống với những thể ở trong Đại Thiên địa vậy.

Hoá cho nên lấy cái lý ấy mà so-sánh cho rộng thấy rằng Thái-hư là rất linh diệu. Song Thái-Hư chỉ là một mà thôi. Cái một không thể sinh hoá được, tất phải có cái hai. Nếu cái 2 không thành lập thì cái 1 không thấy. Cái 1 không thấy thì cái dụng của cái 2 cũng ngừng nghỉ. Hai thể là hư thực, động tĩnh, tụ tán, trong đục, đến cùng cực thì chỉ là một mà thôi.

Cái 2 trên đây tức là Lưỡng nghi của Thái cực trong Kinh Dịch vậy. Khi Âm Dương phân tách ở cái một thì là Thái Hư. Thế nên ngày xưa vua Phục-Hi thấy rõ như vậy mà phân theo Hà-Đồ “Một” ở hướng Bắc, “Hai” ở hướng Nam.

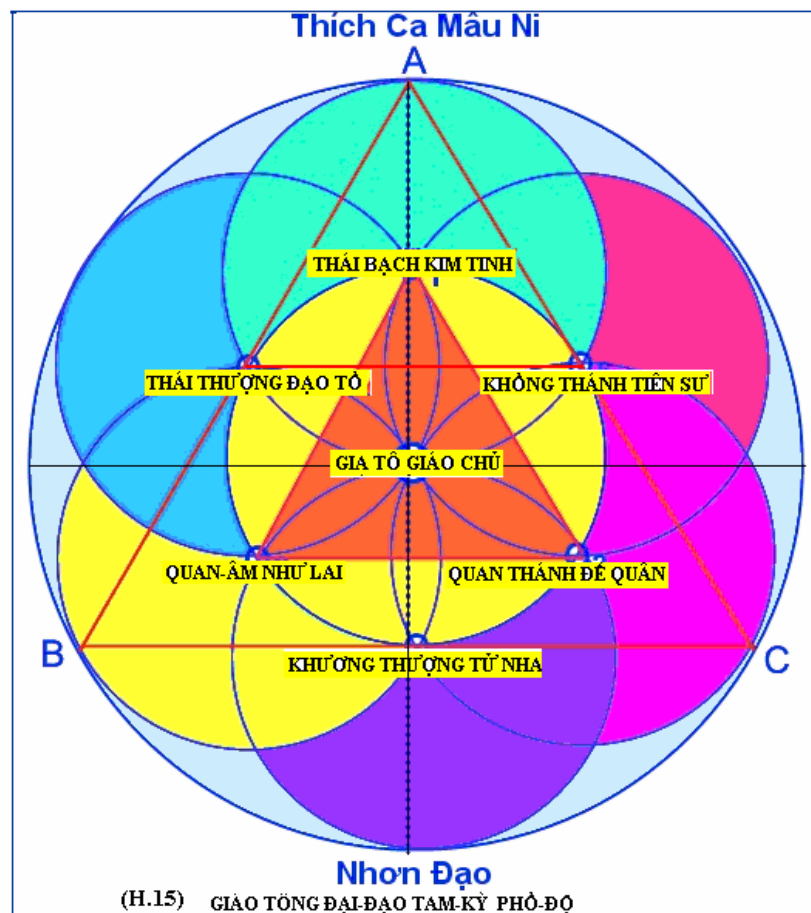
Cái gì cũng vậy: có cảm trước rồi mới thấy sau, nếu không có cái một thì làm sao có cái hai.!

Nói đến những con số vận hành trên của Hà đồ là nói đến Ngũ hành sinh và thành.đó vậy.



Trên đây là Tứ Tượng nằm trong Bát-quái Tiên Thiên, để thấy rằng Bát-Quái có mặt ở mọi nơi mọi chỗ, không đâu mà ra ngoài luật định của Càn Khôn vũ trụ. Đó là nguyên lý, người học Đạo duy có tìm ra lý để hợp thức hoá các công thức trên cho đủ lẽ mà thôi.





CHƯƠNG II

Đây là Thái cực toàn đồ

A- Trên đồ hình này biểu tượng đủ cả Tam giáo, Tam Trấn Oai-nghiêm và Ngũ chi Đại-Đạo:

1- Phương pháp vẽ (H.15)

Đầu tiên vẽ một vòng tròn lớn biểu tượng Càn khôn vũ trụ, tâm 0 ở chính giữa là ngôi Đức Chí-Tôn Ngọc

Hoàng Thượng-Đế là Chúa tể vũ-trụ và vạn vật. Đạo Cao Đài biểu tượng bằng “Thiên Nhân Thầy” tức nhiên người Tín hữu thờ “Một Mắt trái” để ngưỡng vọng ngôi Trời.

Một vòng tròn giữa là ngôi Chúa Jésus, Gia-Tô Giáo-chủ, Chuông-giáo Đạo Thánh. Đây cũng là giao điểm của hai đường kính tạo thành hình chữ thập, là hình ảnh cây Thánh giá mà Chúa đã chịu nạn cho nhân-loại. Ngày nay ai dám có tinh thần phụng sự cao, dám thọ khổ là sớm hiệp cùng Đức Thượng-Đế, là hiệp vào tâm đó vậy.

Sáu vòng tròn xếp chồng lên nhau có đường kính bằng với vòng tròn giữa. Mỗi tâm có hình ảnh một Đấng Giáo-chủ của nhân loại qua các thời-kỳ mà ngày nay Đạo Cao-Đài đều ngưỡng vọng. Dịch gọi là “Các hữu Thái-cực” tức nhiên dưới mắt Thượng-Đế các Đấng Giáo-chủ của Tam giáo đều được đồng quyền đồng đẳng như nhau.

Một tam giác đều nội tiếp trong vòng tròn lớn tượng trưng Tam giáo được phổ truyền rộng khắp, dù có rất nhiều Tôn-giáo nhưng chung qui cũng gồm về ba mối Đạo chánh truyền là: Phật, Tiên, Thánh mà thôi. Tam giáo được biểu tượng qua hình ảnh ba cạnh của tam giác đó. Tuy ba Tôn-giáo nhưng có đến bốn vị Giáo-chủ gọi là “Tứ giáo Thánh nhân” chứ không thể gọi là Tứ giáo được. Bởi

vì hai vị Chuồng-Giáo của Thánh Đạo đồng thời trấn ở hai phương Đông và Tây, tức nhiên Đức Thánh Khổng-Phu Tử là ông Thánh Ta, còn Đức Chúa Jêsus là ông Thánh Tây. Đây là lời xác nhận của Đức Hộ-Pháp như thế. Có như vậy mới nói “Qui nguyên Tam giáo” và “Phục nhứt Ngũ chi” vào thời buổi Đại-Đạo Tam-Kỳ Phổ-Độ này.

Tam giác đều là tam giác có ba cạnh bằng nhau, ba góc bằng nhau, bằng 60o. Tam giác có ba cạnh còn nói lên ý-nghĩa một mà ba, mà ba cũng là một. Dịch biểu tượng là hai quẻ Càn Khôn. Vì lẽ đó tam-giác-đều rất phổ biến qua các biểu tượng của Đạo Cao-Đài.

Trong đồ hình này cấu tạo bởi 7 vòng tròn nhỏ có đường kính bằng nhau. Số 7 này có một giá trị cao siêu và yếu trọng trong nền Tôn giáo. Nó là tượng trưng cho Thất tình, thất khiếu, Thất bửu (xem qua con số 7)

2-Đạo Cao-Đài thờ “Thánh Tượng Ngũ Chi”

Đạo trải qua thời-gian, Hội-Thánh cũng đã nhiều lần thay đổi Thánh Tượng Thầy. Tuy nhiên, về hình ảnh của Thánh-tượng có nhiều mẫu khác nhau, nhưng điểm chính-yếu vẫn là “**Con mắt Thầy**” ở chính giữa.

Hình ảnh Thánh Tượng này chỉ là một sự triển khai của đồ (hình 15) ở trên mà thôi, vị trí Các Đấng Giáo chủ cũng hiệp một, nên cả hai cùng một ý-nghĩa.

Trong hiện tại, Hội-Thánh định cho toàn Đạo thờ “Thánh Tượng Ngũ Chi”. Dưới Thiên-Nhân-Thầy có hình các Đấng Giáo-Chủ xưa: Tam-Giáo, Tam-Trần, Ngũ Chi trong ý-nghĩa Tam-Giáo qui nguyên Ngũ Chi phục nhứt:

1/-Tam Giáo:

Trên đồ hình: Tam giác trên cùng tượng trưng Tam giáo ở Nhị kỳ Phổ Độ có các đỉnh làm biểu tượng cho:

. **Phật-Đạo**: Ở giữa là **Thích Ca Như Lai**, Giáo-Chủ Đạo Phật.

. **Tiên-Đạo**: Phía tả là Đức **Thái-Thượng Đạo Tổ**, Giáo-Chủ Đạo Tiên.

. **Thánh-Đạo**: Phía hữu là Đức **Khổng Thánh Tiên-Sư**, Giáo Chủ Đạo Thánh. (Tả hữu là ở ngoài nhìn vào)

2/-Tam Trấn Oai-nghiêm:

Nhị kỳ đã qua, nay là thời Tam Kỳ Phổ độ Tam giáo qui nguyên Ngũ chi Phục nhứt. Đức Chí-Tôn phải lập Tam Trấn Oai nghiêm thay quyền Tam giáo. Đây là tam giác nội tiếp trong vòng tròn giữa, càng thấy sự yếu trọng của Tam trấn như thế nào!



(H.16) THÁNH TƯỢNG NGŨ CHI

Tam Trấn thay mặt cho Tam Giáo:

Phật : Phía tả là Đức **Quan Âm Như Lai**, chủ về Phật Đạo.

Tiên: Ở giữa là Đức **Thái Bạch Kim Tinh**, chủ về Tiên Đạo.

Thánh: Phía hữu là Đức **Quan Thánh Đế Quân**, chủ về Thánh Đạo.

3/-Ngũ Chi Đại-Đạo:

Từ trên kể xuống thì Ngũ Chi ở hàng giữa là:

Phật Đạo: Đức Phật Thích Ca Mâu-ni, Giáo Chủ Phật Đạo.

Tiên Đạo: Đức Thái Bạch Kim-Tinh Chưởng-giáo Đạo Tiên thay quyền Tiên Đạo.

Thánh Đạo: Đức Gia-Tô Giáo chủ (Chúa Jésus-Christ) Giáo chủ Thánh Đạo.

Thần Đạo: Đức Khương Thượng Tử-Nha, Giáo-chủ Thần Đạo.

Nhơn Đạo: Tượng 7 cái Ngai thể về Nhơn Đạo gồm có: Một Ngai Giáo-Tông, ba Ngai Chưởng-Pháp, ba Ngai Đầu-Sư. Tức nhiên người đứng đầu lãnh đạo Nhơn sanh về phần Nhơn-Đạo là *Giáo-Tông Đại Đạo Tam-Kỳ Phổ-Độ*.

Trong tượng Ngũ-chi nhận thấy có phần chính-yếu là Thiên-Nhân Thầy ở chính giữa với số tia hào-quang khác nhau tùy theo mẫu Thánh Tượng. Kế đến là mặt trời và mặt trăng tức là Âm Dương nhị khí. Dưới là Tam-giáo, kế Tam Trấn và Ngũ chi

Như vậy mỗi vị đều đứng vào tâm của mỗi vòng tròn, tức là mỗi vị là một Thái-cực với sự yếu trọng khác nhau. Đặc biệt nhất trong thời Tam-Kỳ Phổ-Độ này hình ảnh Chúa Jésus Thánh-Đạo là Chúa Cứu Thế đứng vào tâm của vòng tròn tức nhiên hoà nhập cùng Thượng Đế. Đó là Thọ khổ, là một trong năm bước Khổ vậy. Thế nên người tu trong buổi Tam-Kỳ Phổ-Độ là hành đủ Tam lập, là Phụng-sự Vạn linh tức là phụng sự cho Chí-linh.

3- (Trường hợp khác) Thờ tượng Tam Trấn:

Về sau Hội-Thánh chấn-chỉnh lại để ban cho toàn Đạo thờ “Tượng Tam Trấn”. Trong Tượng Tam-Trấn không có in hình các Đấng Giáo Chủ, nhưng phần dưới Thiên Nhân Thầy có ba khuôn vẽ bằng Cổ Tự, đó là Thánh-danh của các Đấng Tam Trấn Oai Nghiêm thay quyền Tam giáo trong buổi Tam Kỳ Phổ Độ này:

Thánh-tượng này phía trên có 6 chữ:

大道三期普渡 (ĐẠI-ĐẠO TAM-KỲ PHỔ-ĐỘ)

dưới cùng là danh-hiệu Tam-trấn, từ trái sang phải:

- QUAN-ÂM BỒ-TÁT.

- THÁI-BẠCH KIM TINH

- QUAN-THÁNH ĐẾ-QUÂN

4-Y-nghĩa Thánh Tượng Thiên Nhân:



(H.17) TƯỢNG TAM TRẤN

Thánh Tượng Thiên Nhân tượng trưng Đức Thượng-Đế là Đấng Thánh Hoàng trước Ngôi Thái Cực, với quyền năng tối thượng, toàn tri, toàn năng của Ngài. Đây là quyền Chúa tể của Càn khôn thế-giới. Thầy dạy:

“Thầy đã nói với các con rằng: Khi chưa có chi trong càn khôn Thế Giới thì khi Hư-Vô sanh ra có một Thầy và ngôi của Thầy là Thái-Cực.

Thầy phân Thái Cực ra Lưỡng-Nghi, Lưỡng-Nghi phân ra Tứ-Tượng, Tứ-Tượng biến Bát-Quái, Bát-quái biến-hóa vô cùng, mới lập ra Càn-Khôn Thế Giới. Thầy lại phân tánh Thầy mà sanh ra vạn-vật là: vật chất, thảo mộc, côn-trùng, thú-cầm, gọi là chúng-sanh.

Các con đủ hiểu rằng:

Chi-chi hữu-sanh cũng do bởi Chơn-linh Thầy mà ra, hễ có sống, ắt có Thầy. Thầy là Cha của sự-sống, vì vậy mà lòng háo-sanh của Thầy không cùng tận.

Cái sống của cả chúng-sanh, Thầy phân-phát khắp Càn-Khôn Thế-Giới, chẳng khác nào như một nhành hoa trong cội, nó phải đủ ngày giờ Thầy nhứt định mới trở bông và sanh trái đặng trồng nữa, biến hóa ra thêm; nếu như ai bẻ hoa ấy nửa chừng thì là sát một kiếp sanh không cho biến-hóa.

Mỗi mạng sống đều hữu căn hữu kiếp, dầu nguyên sanh hay hóa-sanh cũng vậy, đến thế này lâu mau đều định trước, nếu ai giết mạng sống, đều chịu quả-báo không sai; biết đâu là cái kiếp sanh ấy chẳng phải là Tiên, Phật bị đọa luân-hồi mà ra đến đời ấy.

Cái mạng sống là Thầy, mà giết Thầy thì không phải dễ, các con gắng dạy nhơn-sanh điều ấy (TNII/62)

5/-Tinh-thần tín-ngưỡng của người Việt-Nam:

Dân Việt-Nam vốn một lòng sùng thượng Đấng Thượng-Đế nên đã bao thời gian bất cứ nền Đạo mới nào du nhập vào cũng được đón nhận và Tín ngưỡng hết lòng. Nay, cửa Đạo Cao-Đài đã chính thức Qui Tam giáo hiệp Ngũ chi, cho nên quyền hành của Thượng-Đế bao trùm tất cả, biểu tượng số 12 là số riêng của Thầy.

Thánh ngôn Thầy xác nhận:

“Thập nhị khai thiên là Thầy, Chúa cả Càn-khôn

thế giới năm trợn Thập nhị thời thân vào tay. Số 12 là số riêng của Thầy”.

Tất cả những nghi thức cúng kính, thờ phượng, nghi lễ theo Tôn giáo Cao-Đài ngày nay... đều bày ra dưới nhiều hình thức. Nhưng chung qui cũng để bày ra trước mắt cho nhơn sanh thấu đáo lẽ huyền-vi màu-nhiệm của Đấng Tạo-hoá, hầu noi theo chơn truyền mà để bước về cùng Thầy trong con đường Chân, Thiện, Mỹ. Tất cả những yếu lý ấy gọi là Bí-pháp chơn truyền.

6/- Đạo Thiên chúa không có Bí-pháp:

Qua lời của Đức Hộ-Pháp thuyết về Bí PHÁP tại Đền Thánh, đêm 05-04 Năm Kỷ Sửu (02-05-1949)

“Đối với các triết lý Bí Pháp buổi nọ, bây giờ nhơn loại tăng tiến quá lẽ, thành thử các vị Giáo Chủ đã lập luật pháp, nhưng luật pháp đơn sơ ấy, ngày nay không có đủ quyền năng trị tâm thiên hạ nữa.

Bởi thế cho nên nền Tôn Giáo mới hơn các nền Tôn Giáo khác có mặt tại địa cầu này là nền Thiên Chúa Giáo, vị Giáo Chủ sáng suốt, vị Giáo Chủ ngôn ngữ hoạt bát, tinh thần minh hoạt hơn hết, là Đức Chúa Jêsus Christ, nhưng hại thay trong Thế pháp Ngài đủ quyền năng đem đủ giáo lý của Ngài đặng làm nền tảng tâm lý của nhơn loại. Nhưng về mặt Bí Pháp chơn truyền, Ngài chỉ có nói một điều, các Môn Đệ nhứt là các vị Thánh Tông Đồ: “Có nhiều lý lẽ cao siêu ta chưa có thể nói với các người đặng, dầu ta có nói các người cũng chưa hiểu.”

Vì cơ cho nên Bí Pháp Chơn Truyền của Công Giáo không có, không có thể có; bởi theo Bí Pháp, theo lời Đức Chúa Jêsus Christ thì buổi nọ Bí Pháp Chơn Truyền của Ngài chưa có thể gì nói cho thiên hạ nghe đặng.”

Vì sao? Về phần sâu xa thì Đức Hộ-Pháp cho biết rồi, còn về phần hữu vi thì biểu tượng cây Thập Tự giá là một vật cứng ngắt không linh động, là hai đường kính giao nhau của vòng tròn. Trong khi đó Phật giáo tượng chữ VẠN 卐 tức là “Pháp luân thường chuyển” nên linh hoạt, luân chuyển luôn luôn. Ngày nay Đạo Cao-Đài phối hợp tất cả các pháp ấy: hình ảnh chữ Thập ở giữa là tượng cho sự Thọ khổ của Chúa, nên ảnh Chúa đứng vào tâm. Lại còn dùng đến hai chữ Vạn thuận nghịch: một là các chơn linh xuống trần học hỏi, hai là chữ Vạn nghịch lại là đường trở về. Thế nên, buổi Tam-Kỳ Phổ-Độ là bày tất cả Bí pháp đó vậy.

B- BA THỜI-KỲ KHAI ĐẠO

Từ khi mới có nhân-loại và xã-hội đến giờ đã có ba kỳ Đại-Ân-xá. Riêng về Cựu-Lục-địa (Thái Tây Cận Đông Á Tể Á). Có ba kỳ Phổ-Độ như là:

1-Nhứt Kỳ Phổ Độ: Tức là Nhứt thiết Long-Hoa Thiên khai Tý Hội, thuộc vào thời-đại Đức Phục-Hi bên Tàu. Trong thời-kỳ này trước sau có mấy vị Thánh-nhân ra đời cứu thế:

-Phật giáo: Đức Nhiên Đăng Cổ-Phật Chương giáo

-Tiền giáo: Đức Thái Thượng Đạo Quân (tiên thân của Đức Lão-Tử) Chương giáo Đạo Tiên.

-Thánh giáo: Đức Văn Tuyên Đế Quân Chương giáo Đạo Thánh.

2-Nhị Kỳ Phổ Độ: Tức là Nhị Thiết Long-Hoa, Thiên khai Sửu Hội. Trong thời-kỳ này lần lượt có các vị Thánh nhân ra đời cứu thế:

-Phật giáo: Đức Thích-Ca Mâu-Ni làm Chương giáo

-Tiền giáo: Đức Lý Lão Đàm, hay Lão-Tử Chương Giáo (Hậu thân của Đức Thái-Thượng Đạo Tổ)

-Thánh giáo: Đức Thánh Khổng Phu-Tử (Thánh Ta)

Đức Gia-Tô Giáo-chủ Đạo Thánh (Thánh Tây).

3-Tam Kỳ Phổ Độ: tức là Tam thiết Long-Hoa Thiên khai Dần Hội hay Huỳnh-Hội. Kỳ này Đức Ngọc Hoàng Thượng-Đế giáng điển linh lập Đạo qui các Giáo lại làm một và không giao quyền Giáo-chủ cho người phạm nữa.

Vì sao vậy?

Là vì trước kia năm châu bốn biển thiếu sự đi lại, phải sống lẻ-loi riêng biệt. Bởi thế, Đức Thượng-Đế phải phái những vị Giáo chủ hạ phạm tại mỗi châu tùy phong tục mà mở Đạo. Nay qua Tam-kỳ Phổ-Độ Tam giáo Qui nguyên Ngũ chi phục nhứt, cũng là thời kỳ nhân loại nhờ văn minh khoa học, nên tất cả đều thông cảm nhau và hiểu nhau hơn. Nhân-loại sẽ đồng hưởng thụ các nền văn-minh khoa học cũng như Đạo học. Nay, Đức Chí-Tôn đến nhìn nhận con cái của Ngài và tận độ tất cả Vạn linh trở về.

C-Đại-Đạo Tam-Kỳ Phổ-Độ là gì?

Tiếng Pháp gọi là “Troisième Amnestie de Dieu en Orient” tức là cơ Đại-Ân xá lần ba. Thường gọi là nền Tân Tôn-giáo Cao-Đài, mục đích là dung-hòa triết lý Tam giáo là Nho, Thích, Đạo. Đức Ngọc-Hoàng Thượng-Đế tá danh là “Cao Đài Tiên Ông Đại-Bồ-Tát Ma-Ha-Tát” dùng Thần Cơ diệu bút lập nên mỗi Đạo nhà cho dân-tộc Việt-Nam làm khởi điểm.

“Từ cổ chí kim, tạo thiên lập địa, Đạo đều phát khởi từ phương Đông, là các nước ở miền Á Đông (Asie) như các nền chơn-giáo trước kia: Nho 儒, Đạo 道, Thích 釋 cũng đều phát khởi nơi miền Á-đông rồi lần lần truyền bá qua phương Tây như:

- Đạo Phật thì khai tại Thiên-trước là Đức Nhiên Đăng Cổ-Phật và Đức Thích-ca Mâu-Ni khai Phật-giáo.

- Đại-Đạo là Đạo Tiên thì Lão-Tử khai tại Trung Hoa.

- Sau nữa Khổng-Tử khai Đạo Thánh cũng tại Trung hoa là ở miền Á-Đông.

- Sau lần lần Đạo trải khắp qua hướng Tây, nên Đức Chúa Jêsus truyền Đạo Thánh tại hướng Tây. Kế đó Đạo mới roi truyền ra khắp năm châu.”

Thuở tiên khai Đại-Đạo Đức Chí-Tôn đến với các bậc lương sanh của Ngài bằng một giả danh là AẤẤ.

ĐẮNG AẤẤ LÀ AI ?

Đạo-sử Xây bàn của Bà Hương-Hiếu xác nhận:

“Nhớ lại hồi hạ tuần tháng bảy năm Ất Sửu (1925) ba Ông: Cư, Tắc, Sang thỉnh bàn ra (lúc này hơi in như say Đạo) ba Ông tính cầu Cô Đoàn-ngọc-Quế về dạy thì vắn, ba Ông để tay lên bàn thì bàn dờ hồng lên có một Ông giảng, tôi hỏi tên gì ?

Thật rất lạ-lùng xưng là AẤẤ, vì khi Ngài đến, Ngài gõ ba cái, chúng tôi theo cách tính xây bàn: hễ gõ một cái là A, gõ hai cái thì Ấ, gõ ba cái thì AẤ. Đấng AẤẤ duy chỉ dạy Đạo và vắn nạn mà thôi. Khi xưng tên là AẤẤ, chúng tôi hỏi nữa thì Đấng AẤẤ không nói gì hết (sau Đức Ngài mới xưng danh là Đức Chí-Tôn).

D-Tam giáo thất kỳ truyền:

Đạo Cao-Đài hôm nay phải xuất hiện, theo như lời Đức Hộ-Pháp nói, chính là do:

“Tôn-giáo thất-kỳ-truyền: Nho, Thích, Đạo, hiện nay đã trở nên phạm-giáo, chư Đệ-tử trong ba nhà Đạo không giữ giới-luật qui điều, canh-cải chơn-truyền, bày ra các điều giả cuộc làm cho Tam-giáo biến thành dị hợm.

- Đệ-tử nhà Đạo, chẳng từng pháp-giáo của Đức Thái-Thượng Lão-Quân. Tuy ở trong nhà Đạo mà tức thị mê-tín dị-đoan.

- Đệ-tử nhà Thích không thuận theo lời giảng dạy của Đức Phật Thích-Ca, thì đệ-tử nhà Thích dị-đoan mê tín.

- Đệ-tử nhà Nho chẳng thực-hành điều mục của Đức Văn-Tuyên Khổng-Thánh, thì đệ-tử nhà Nho dị-đoan bất chánh.

Tóm lại, hai chữ “Dị-đoan” nghĩa là đồ theo không trúng kiểu cái qui-giới thể-lệ chơn truyền của Tam giáo.

“Bản-Đạo tìm hiểu Nho-phong ta đoạt dạng hay đã có trước, chúng ta thấy nòi giống Việt Thường này là con cháu nước Lỗ, mà Nho-Tông xuất-hiện cũng ở nước Lỗ, nói rằng giống Lỗ lập Đạo Nho, chắc hẳn là Nho-Tông của chúng ta vi chủ. Nói vi-chủ tức là của mình, nếu có Đạo Nho sẵn trước thì ta có Đạo Nho, Đạo Lão, Đạo Phật. Ba nền Tôn-giáo mà mặt địa-cầu này cho là trọng yếu, bất kỳ là sắc dân nào hay liệt quốc nào cũng đều nhìn-nhận là do trong xứ Á-Đông này.

E- Biểu hiệu của Đạo Cao-Đài là:

CỜ TAM THANH

Tức là cờ Đạo:

Nền Đạo mới này có Danh hiệu là Đại-Đạo Tam-Kỳ Phổ-Độ, nói tắt là Đạo Cao Đài. Thế nên phần trên hết của cây cờ đề 6 chữ bằng chữ Nho 大道三期普渡 chứng tỏ là thời-kỳ Nho Tông Chuyển thế. Hội Thánh Cao Đài đặt địa điểm trung ương tại Tòa Thánh Tây Ninh. Biểu tượng của Đạo Cao-Đài là thờ Thánh Tượng Thiên Nhân tức nhiên là thờ con mắt Trời là “Con Mắt trái”.

Huy hiệu tượng trưng cho Đại-Đạo Tam-Kỳ Phổ-Độ là **hình 3 cổ pháp**:



(H.18) CỜ TAM THANH

- Bình Bát vu (tượng Thích giáo)
- Cây Phất chủ (tượng Lão giáo)
- Quyển Xuân Thu (tượng Nho giáo)

Đạo kỳ của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là Tam Thanh:

- Màu vàng biểu hiệu Thái Thanh, tượng trưng Phật giáo.

- Màu xanh (xanh da trời) biểu hiệu Thượng Thanh, tượng trưng Tiên giáo.

- Màu đỏ biểu hiệu Ngọc Thanh, tượng trưng Thánh giáo.

F-Cách thờ phượng và cúng kiếng:

Thờ: Thiên Nhân Thầy hình

“Con Mắt trái”

Cúng phẩm:

- **Bông** chỉ về Tinh,
- **Rượu** chỉ về Khí,
- **Trà** chỉ về Thần.

Tinh, Khí, Thần là Tam bửu của các Đấng Thần, Thánh, Tiên, Phật.

GIÁO LÝ - TÔN CHỈ và MỤC ĐÍCH

Giáo lý của Đại-Đạo là tinh ba của giáo lý Tam giáo (Thích, Đạo, Nho) và của Ngũ chi (Nhơn đạo, Thần đạo, Thánh-đạo, Tiên-đạo, Phật-đạo) để hoằng dương chánh pháp.

Tôn chỉ là cầu xin cứu rỗi các chơn linh khỏi sa đọa hồng trần.

Mục đích là giáo hóa nhơn sanh, lập Đại-đồng huynh đệ. Như Đức Hộ-Pháp đã nói:

“Giữa thế kỷ 20 này cả tinh thần toàn thể nhơn loại nơi mặt địa cầu này bị thuyết duy vật đã làm cho họ điên đảo cả tâm hồn, nếu Bản Đạo không nói rằng: Nhơn loại trong buổi này nếu không bị thống khổ về tâm hồn thì không buổi nào đã có Đức Chí-Tôn đến; cũng vì lẽ nhơn loại thống khổ ấy Ngài đến lấy Quốc Đạo của toàn thể mấy Em, của Tổ Phụ mấy Em để lại tức nhiên là Đạo Nho đó vậy.

Thật, Bản Đạo không có ngờ một văn hiến, một phong hóa cổ truyền quý hóa Tổ Phụ mấy Em đã để lại cho mấy Em, ngày hôm nay nó trở thành một cái báu vô giá cho nhơn loại. Thật, Qua không có buổi nào tưởng đến, rồi về phần tâm hồn, về phần trí thức tức nhiên phần hồn của nhơn loại.

Bản Đạo tưởng Đức Chí Tôn đã đến cho nhơn loại một hườn thuốc phục sinh của họ do nơi kho vô tận Tổ Phụ của mấy Em để lại tức nhiên Đức Chí-Tôn đến lấy Nho-Tông đặng Chuyển thế, ngoài ra nữa Đại Từ Phụ lại lập Hội Thánh.

Hôm nay Bản Đạo đứng đây nói rõ Hội Thánh của Ngài là gì?

Bản Đạo đã nói rằng: Vì nhơn loại thống khổ nên Đức Chí Tôn đã đến đặng chia khổ cùng con cái của Ngài. Hội Thánh đến thay thế hình ảnh xác thân của Ngài, chung khổ cùng con cái của Ngài lẽ dĩ nhiên là vậy. Biểu sao Ngài không giao Hội Thánh của Ngài? Nhứt là từ ban sơ tới giờ. Bản Đạo là người biết điều ấy hơn hết. Ngài giao cái cơ cứu khổ cho con cái của Ngài thay thế hình ảnh cho Ngài đặng chia khổ cùng con cái của Ngài.

Thầy đã nói: Dưới bóng cờ cứu khổ của Đức Chí Tôn tức nhiên cả Chức Sắc Thiên Phong, cả Cơ Quan Chánh-Tri-Đạo, Bàn Đạo đã đào tạo sứ mạng trọng yếu hơn hết là làm thế nào cho mấy Em hưởng hạnh phúc giảm khổ. Qua nói thật, có chứng Ngài Trần Khai Pháp ngồi đây: Qua buổi nọ Đạo đương nghèo khổ hèn tiện bị mọi nỗi áp bức khó khăn, biết phận hèn hạ Bàn Đạo để cả tiếng nói ngay cùng Chánh-Phủ Pháp rằng: Ngày giờ nào toàn thể con cái Đức Chí Tôn, Đạo còn nghèo khổ thì ngày giờ ấy Bàn Đạo không biết tội tình gì khác hơn là làm cho họ sống với mọi nỗi vinh quang hạnh phúc. Mấy Em trong buổi nghèo khổ kia thấy bất giác nấn hình mà Bàn Đạo còn cố làm thay, hướng chỉ hôm nay đã chung về ngôi trong lòng của Đức Chí Tôn, tức nhiên ngôi nơi Đền Thánh, chung vào trong lòng yêu ái của Ngài, phận sự của chúng Qua bảo vệ sự sống của mấy Em cho hưởng hạnh phúc là phận sự trọng yếu của cả Chức Sắc Thiên Phong Lương Đài đó vậy”.

G-Phương giải khổ của Đạo Cao-Đài

Ngài đến bỗng nhơn-loại vào tay ru rằng: “Khối đau khổ tâm-hồn của các con là tại các con đào-tạo chớ không phải của Thầy! Khổ là do quá kiếp mỗi đứa dục khổ cho nhau. Muốn giải khổ không gì khác hơn là:

- Đập đổ các đẳng cấp tâm-hồn,
- Thống nhất nhơn-loại,
- Nhìn nhau là anh em máu thịt, cùng một căn-bổn cội nguồn hầu chia vui sướng nhọc, biết tôn ti nhau: kẻ trên không áp-chế người dưới, trí không hiếp ngu, hèn sang không biệt, mực thước tâm-hồn nhơn-loại phải đồng phẩm-giá, đồng quyền-năng.

H-HỆ THỐNG TỔ CHỨC HỘI THÁNH

Đại-Đạo Tam-Kỳ Phổ-Độ gồm có 3 Đài tượng

trung hình thể Đại-Đạo tại thế.

- **Hiệp-Thiên-Đài:** thể hiện chơn thần thuộc **Khí**.
- **Cửu Trùng Đài:** thể hiện cơ thể thuộc **Tinh**.
- **Bát Quái Đài:** thể hiện linh hồn thuộc **Thần**.

1-Hiệp-Thiên-Đài.

Hiệp-Thiên-Đài là cơ quan lập pháp của Đạo, là nơi đề thông công cùng Đức Thượng Đế và các Đấng thiêng liêng bằng Cơ Bút do Chức sắc Hiệp-Thiên-Đài phò loan để tiếp các Thánh ngôn và luật pháp Đạo của các Đấng thiêng liêng giảng dạy.

Hội-Thánh Hiệp-Thiên-Đài gồm các Chức sắc Thiên phong theo phẩm trật sau đây:

- 1 phẩm Hộ-Pháp Chương quản Hiệp-Thiên-Đài và bảo hộ luật Đời và luật Đạo.

- 1 vị Thượng-Phẩm lo về mấy Thánh Thất và Tịnh Thất.

- 1 vị Thượng-Sanh lo về phần đời.

- 12 vị Thời Quân thuộc 3 Chi: Pháp, Đạo, Thế, đặt dưới quyền hành sự của Hộ-Pháp, Thượng-Phẩm và Thượng-Sanh.

2-Cửu Trùng Đài

Cửu-Trùng-Đài là cơ quan Hành-chánh của Đạo. Hội-Thánh Cửu Trùng Đài gồm các Chức sắc Thiên phong theo các phẩm trật sau đây:

NAM PHÁI

- 1 phẩm Giáo-Tông, lãnh đạo tối cao toàn Đạo, có phận sự điều dắt Đạo hữu trong đường Đạo và đường Đời.

- 3 vị Chương Pháp, lãnh nhiệm vụ nghiên cứu luật pháp Đạo trước khi ban hành cho toàn Đạo.

- 3 vị Đầu Sư, cầm quyền chánh trị đạo, ban hành luật pháp Đạo.

- 36 vị *Phối Sư*, có 3 vị Chánh Phối Sư làm đầu, dưới quyền 3 vị Đầu Sư cai trị Đạo.

- 72 vị *Giáo Sư*, có phận sự dạy dỗ Đạo hữu trong đường Đạo và đường đời, được quyền dâng sớ cầu nài về luật lệ làm hại Nhơn sanh hay là cầu xin chế giảm luật lệ

- 3000 *Giáo Hữu* chia đều mỗi phái 1000 vị, chẳng tăng thêm hay là giảm bớt, lãnh phận sự phổ thông Chơn đạo.

Lễ Sanh, không hạn định số. *Lễ Sanh* là người có hạnh kiểm tốt, được quyền đi khai đàn cho mỗi Tín đồ

NỮ-PHÁI

Đặc biệt Chức Sắc Nữ phái thì từ phẩm Đầu-sư trở xuống, quyền hành cũng y như Nam-phái, nhưng chỉ điều hành Nữ-phái mà thôi. Đầu-sư Nữ phái thì tùy thuộc vào Giáo-Tông và Hộ-Pháp. Nữ phái không giới hạn về con số cho mỗi phẩm, nghĩa là bao nhiêu cũng được do tài đức công quả.

Sau cùng là Hội-Thánh Em tức là Bàn Trị Sự, có bốn phận sinh hoạt Đạo sự trong mỗi Địa phận làng xã.

I-Cao-Đài qui Tam giáo hiệp ngũ chi:

Vào thời Trung nguon, Nhơn-sanh mỗi ngày càng thêm nhiều xu-hướng về vật chất nên Ôn Trên mới phái bốn vị Đại Thánh-nhân đến khai sáng cho Nhơn tâm, đó là:

- Đức Thích-Ca Mâu-Ni mở Đạo Phật.
- Đức Lão-Tử mở Đạo Tiên.
- Đức Thánh Khổng-Phu-Tử mở Đạo Thánh.

Thánh nơi Đông-phương gọi là Thánh Ta

Sau cùng con một Đức Chúa Trời là Đức Chúa Jê-sus-Christ. Thánh nơi phương Tây gọi là Thánh Tây. Thế nên cả hai vị Giáo-Chủ này là Thánh đạo.

Bốn vị Giáo chủ nhưng thật ra là Chưởng-giáo của ba Tôn giáo chánh yếu trên mặt địa cầu này..

Thầy dạy:

“*Nơi Bạch-Ngọc-Kinh hơn sáu chục năm trước chư Thần, Thánh, Tiên, Phật thấy đại nộ Thầy, nên ra tình nguyện hạ thế cứu đời.*

Thầy coi bọn ấy lại còn làm tội lỗi hơn kẻ phạm xa lỗi. Vậy vì có chi các con biết chăng?

Các con có cả ba Chánh Đạo là Tam-Giáo các con biết tôn trọng; ngày nay lại thêm Chánh Đạo nữa, các con biết ít nước nào đáng vậy?

Bị hàng phẩm NHON-TUỐC phải phù-hạp với hàng phẩm THIÊN-TUỐC, đáng lẽ Thầy cũng nên cho các con phải chịu số phận bản-hàn mà không nở, nên ngày nay mới có kẻ như vậy.

Thầy nói cho các con biết:

Dầu một vị Đại-La-Thiên-Đế xuống phạm mà không tu, cũng khó trở lại địa vị đáng.”

(27- 8 Bính-Dân 1926)

Nay thời-kỳ của Đại-Đạo, tức là qua thời của Tứ tượng biến hoá, là con số 4 cũng có nghĩa là 1+3, tức là do lý Thái Cực điều-hành với ba ngôi vạn hữu, nên hễ đến 4 là biến hóa ra rồi. Thầy đến để mở ra Đại-Đạo Tam-Kỳ Phổ Độ Tam giáo Qui nguyên Ngũ chi phục nhứt. Ngôi của Thầy là chúa tể Càn khôn thế giới.

J-Cao-Đài là nền VƯƠNG ĐẠO lấy LỄ làm đầu

Nhắc lại: Bấy giờ là một tối thứ bảy, nhằm lỗi thượng tuần tháng 8 năm 1925, ba Ông CƯ, TẮC, SANG đem bàn ra sân đốt nhang khăn-vải và mời các vị Tiên Nương ở Diêu-Tri-Cung.

Hôm nay có Tiên-cô Đoàn-Ngọc-Quế giáng, đàm luận một hồi, rồi ba Ông lại xin kết làm huynh-muội với Đấng Nữ-Tiên, Thất-Nương bằng lòng, bèn kính:

*Ông Cao-Quỳnh-Cư làm Trưởng-ca ———

*Ông Phạm-Công-Tắc làm Nhị-ca ———

*Ông Cao-Hoài-Sang làm Tam-ca ———

Nếu mỗi vị được biểu-tượng một vạch như vậy sẽ có được một quẻ CÀN ☰ (Nam, đó là nét dương, biểu thị bằng vạch liền ———)

Còn Cô là Tứ muội (Nữ, tượng bằng một nét âm, vạch đứt — — nếu đặt xổ xuống xuyên qua quẻ Càn thành ra chữ VƯƠNG 王. Đây chính là tên thật của Thất-Nương VƯƠNG-THỊ LỄ 王氏禮 còn cái tên Đoàn Ngọc-Quế là một giả danh.

Phải chăng Đấng Thượng-Đế đã sắp đặt cho Diêu Tri-Cung đến để báo trước cho ba Ông biết rằng Thượng đế sắp giao cho mỗi Đạo nhà là một nền Vương Đạo, lấy LỄ làm đầu, tức nhiên nền Đại-Đạo ngày nay Đức Chí Tôn dùng Nho-Tông chuyển thế:

*Phật pháp khuyến nhơn qui mỹ tục,
Nho Tông phục thế hưởng thuần phong*



CHƯƠNG III



A- PHỤC-HI TIÊN-THIÊN

LỤC-THẬP-TỨ QUÁI PHƯƠNG-ĐỒ

(64 quẻ trên đồ hình vuông của Phục-Hi)

Dù là 64 quẻ kép cũng đều do tám quẻ gốc mà ra:

Càn ☰ ☰ Đòai ☰ ☰ Ly ☲ ☲ Chấn ☳ ☳ Tốn ☴ ☴ Khảm ☵ ☵

Cấn ☶ ☶ Khôn ☷ ☷ là do sự nhân đôi lên và biến hoá mà thành.

Quẻ đơn là quẻ chỉ có 3 hào, quẻ kép là quẻ có 6 hào (tức là gấp đôi lần số nét của quẻ đơn).

Sau đây là Phương-pháp thực-hành:

1-Tám quẻ gọi là **Bát thuần**:

Đầu tiên lấy một quẻ làm chuẩn, thí-dụ là quẻ Càn ☰ nếu Càn đặt chồng lên Càn ☰ nữa, thành ra Bát-thuần Càn



(biệt số là 11). Bởi Càn là 1. Hai lần quẻ Càn đặt chồng lên nhau là 11. Những biệt số này rất quan trọng. Từ đây về sau đều dùng biệt số. Sự tế vi này người xưa mới bảo nhau rằng “luyện Bát-quái không để lậu một giọt tinh”. Tinh đây tức là cái tinh-hoa của Dịch học, chứ không riêng gì cái “Tinh” hữu hình mà thôi. Có nghĩa rằng người nghiên cứu Dịch mà bị phóng tâm hay cái tâm còn hướng ngoại thì sự nghiên cứu không đạt được kết quả cao. Phải chú ý lắm!

Tại sao gọi là **“Bát thuần”** ?

- Tức là tám quẻ tinh ròng: chỉ có tám quẻ này duy chính quẻ ấy đặt chồng lên quẻ ấy mà thôi. Như trên đã thấy ở quẻ Bát-Thuần Càn (Biệt số 11). Tương-tự còn lại 7 quẻ nữa là Bát-thuần Đòai (22), Bát-thuần Ly (33), Bát-thuần

Chấn (44), Bát thuần Tồn (55), Bát-thuần Khảm (66), Bát thuần Cấn (77), Bát-thuần Khôn (88).

Với 8 quẻ thuần này thì được gọi bằng chính tên của nó (Càn, Đoài, Ly, Chấn, Tồn, Khảm, Cấn, Khôn), quẻ kép này có được đặc-tính của hai quẻ đơn hợp lại mà thành.

Biệt số do đâu mà có?

Bởi Càn 1, Đoài 2, Ly 3, Chấn 4, Tồn 5, Khảm 6, Cấn 7, Khôn 8. Đó là số của Bát-quái Tiên thiên. Tất cả quẻ đơn này khi tạo thành quẻ kép thì cũng lấy chính số quẻ ấy ghép liền với số của quẻ kế tiếp sẽ là biệt số của hai quẻ kết hợp lại nhau. Thí dụ: quẻ Càn số 1; mà Càn (*Thiên*) 1 đặt lên Đoài (*Trạch*) 2 thành ra quẻ *Thiên Trạch Lý* có biệt số là 12.

Một ví dụ khác nếu như: Đoài vì *Trạch* số 2 đặt lên Càn vì *thiên* số 1, bấy giờ tên quẻ sẽ đọc là *Trạch Thiên Quyết*, biệt số là 21 (cách đọc quẻ thì có phương-pháp chung, tên quẻ là do Thánh-nhân đặt, căn-cứ vào ý-nghĩa của hai quẻ hợp lại (Sẽ bàn sau)

2-Sự biến-hóa thành 64 quẻ kép:

Tính-chất của mỗi quẻ là:

Càn ☰ vi *Thiên*, là trời. **Đoài** ☱ vi *Trạch*, tức là đầm ao.

Ly ☲ vi *Hỏa*, ly là lửa. **Chấn** ☳ vi *Lôi*, Chấn là sấm.

Tồn ☴ vi *Phong*, là gió. **Khảm** ☵ vi *Thủy*, là nước.

Cấn ☶ vi *Sơn*, sơn là núi. **Khôn** ☷ vi *Địa*, khôn là đất.

Khi các quẻ được phối hợp với nhau thì:

- Thứ nhất không còn gọi chính danh của nó nữa, mà phải gọi “nghĩa” của nó. Thí-dụ:

CÀN VI THIÊN ☰ {
ĐOÀI VI TRẠCH ☱ {
Đọc là THIÊN TRẠCH LÝ

Phương-pháp lập quẻ thì chung một cách thức giống nhau. Tuy nhiên, vấn đề Quẻ kép có những tính chất đặc biệt theo:

Bảng tóm lược sau đây:

Trên/Dưới	KHÔN 8	CẤN 7	KHẨM 6	TỒN 5	CHẤN 4	LY 3	ĐOÀI 2	KIẾN 1
KHÔN 8	☷	☶	☵	☴	☳	☲	☱	☰
CẤN 7	☶	☷	☴	☳	☲	☱	☰	☵
KHẨM 6	☵	☴	☷	☶	☳	☲	☱	☰
TỒN 5	☴	☳	☶	☷	☲	☱	☰	☵
CHẤN 4	☳	☲	☵	☴	☷	☶	☱	☰
LY 3	☲	☱	☴	☳	☶	☷	☰	☵
ĐOÀI 2	☱	☰	☳	☲	☵	☴	☷	☶
KIẾN 1	☰	☵	☴	☳	☲	☱	☶	☷

(H.19) 64 QUẺ KÉP ĐẶT TRÊN ĐỒ NGANG

Hàng trên cùng là tám 8 quẻ đơn.

Hàng nhì sắp theo số thứ tự của 8 quẻ hợp với KHÔN 8

Hàng ba sắp theo số thứ tự của 8 quẻ hợp với CẤN 7

Hàng tư sắp theo số thứ tự của 8 quẻ hợp với KHẨM 6

Hàng năm sắp theo số thứ tự của 8 quẻ hợp với TỒN 5

Hàng sáu sắp theo số thứ tự của 8 quẻ hợp với CHẤN 4

Hàng bảy sắp theo số thứ tự của 8 quẻ hợp với LY 3

Hàng tám sắp theo số thứ tự của 8 quẻ hợp với ĐOÀI 2

Hàng chín sắp theo số thứ tự của 8 quẻ hợp với CÁN 1

Đây là ở tám quẻ chánh phối hợp với từng quẻ một sẽ thành những quẻ mới: Kiền Dương kiện, là lúc khởi đầu Khôn âm thuận lúc cùng cuối. Khi Âm dương mới sanh thì cả hai đều ở trung-ương. Kiền đầu tiên là Kiền dị tri: dễ biết, Khôn cùng cuối là Khôn giản năng (gọn làm)

Đứng về một Trời Đất thì gọi là dị tri giản năng

3-Cách thành lập 64 quẻ kép:

Nhìn hàng ngang trên cùng thấy có tám quẻ, từ bên phải đọc qua theo thứ tự: Kiền 1, Đoài 2, Ly 3, Chấn 4, Tốn 5, Khảm 6, Cấn 7, Khôn 8. Tức nhiên đứng về quẻ kép thì những quẻ này luôn đặt ở vị trí trên hết của quẻ.

Còn phần Dưới, nhìn theo hàng dọc, từ điểm cuối đọc lên cũng có 8 quẻ theo thứ tự như trên.

Bây giờ tại góc đầu tiên: phần trên có chữ Khôn 8, phần dưới có chữ Khôn 8, nghĩa là hai quẻ Khôn đặt chồng

lên nhau, đọc là Bát-Thuần Khôn  Biệt số là 88

Nếu chiếu thẳng từ hai chữ trên và dưới thì có hai chữ giống nhau như hai chữ Cấn số 7, là Bát-thuần Cấn

Cấn  Biệt số là 77.

Tương tự sẽ có các quẻ: Thuần Khảm  Biệt số 66

Thuần Tốn  biệt số là 55. Thuần Chấn  biệt số 44.

Thuần Ly  biệt số 33. Thuần Đoài  biệt số 22.

Thuần Kiền hay là Thuần Càn  có biệt số 11.

Tóm lại: Toàn bộ 64 quẻ Dịch duy chỉ có 8 quẻ mà chính nó đặt lên nó gọi là **Bát Thuần**, tức là 8 cái tinh

ròng. Vì tính chất tinh ròng đó mà quẻ kép vẫn giữ nguyên tên gọi buổi đầu là: Kiền, Đoài, Ly, Chấn, Tốn, Khảm, Cấn, Khôn. Khi đọc thì đặt chữ Bát-thuần ở trước tên quẻ.

Tất cả các quẻ còn lại khi hai quẻ khác tên ghép với nhau thì đều lấy nghĩa của mỗi quẻ mà đặt tên mới, ví như: Nếu nhìn hàng ngang thứ nhứt hiệp với quẻ Khôn 8 ở hàng thứ nhì có các quẻ:

Trên Dưới	KHÔN 8	CÁN 7	KHẨM 6	TÓN 5	CHẤN 4	LY 3	ĐOÀI 2	KIỀN 1
KHÔN 8								
Đọc quẻ	Thuần Khôn	Sơn địa Bác	Thủy địa TỶ	Phong địa QUAN	Lôi địa DƯ	Hoả địa TẤN	Trạch địa TUY	Thiên địa BỈ
Biệt số	88	78	68	58	48	38	28	18
(H.20) Cách đọc quẻ theo hàng ngang								

Đọc quẻ theo hàng ngang:

Quẻ có biệt số là 88 tức nhiên Khôn vi Địa số 8, hai quẻ Trùng tên đặt lên nhau có tên là **Bát-Thuần Khôn**.

Quẻ có biệt số là 78, tức nhiên do Cấn vi Sơn số 7 hiệp với Khôn vi Địa số 8, đọc là **Sơn Địa Bác** (là sụp đổ).

Quẻ có biệt số 68, là do Khảm vi Thủy số 6 hiệp với Khôn vi Địa số 8, đọc là **Thủy Địa Tỹ** (so-sánh)

Quẻ có biệt số 58, là do quẻ Tốn vi Phong số 5 hiệp với Khôn vi Địa số 8, đọc là **Phong Địa Quan**. (xem xét)

Quẻ có biệt số 48, là do quẻ Chấn vi Lôi số 4 hiệp với Khôn vi Địa số 8, đọc là **Lôi Địa Dư** (vui vẻ)

Quẻ có biệt số 38, là do Ly vi Hoả số 3 hiệp với Khôn vi Địa số 8, đọc là **Hoả Địa Tấn** (tiến lên)

Quẻ có biệt số 28, là do Đoài vi Trạch số 2 hiệp với Khôn vi Địa số 8, đọc là **Trạch Địa Tuy**. (tụ hợp)

Quẻ có biệt số 18, là do Kiền vi Thiên số 1 hiệp với Khôn vi Địa số 8, đọc là **Thiên Địa Bĩ**. (thời vận xấu)

Trên Dưới	KHÔN 8	Biệt số	Tên Quẻ
KHÔN 8		88	Bát Th.Khôn
CÁN 7		87	Địa Sơn Khiêm
KHẮM 6		86	Địa Thủy Sư
TÔN 5		85	Địa Phong Thăng
CHẤN 4		84	Địa Lôi Phục
LY 3		83	Địa hỏa Minh-Di
ĐOÀI 2		82	Địa Trạch Lâm
KIÊN 1		81	Địa Thiên Thái

(H.21) Cách đọc quẻ theo hàng đứng

Cách đọc quẻ theo hàng đứng:

Quẻ đầu biệt số 88 là **Bát Thuần Khôn**.

Quẻ 87: Khôn vi Địa với Cấn vi Sơn là **Địa Sơn Khiêm**

86: Khôn vi Địa với Khảm vi Thủy là **Địa Thủy Sư**

85: Khôn vi Địa với Tốn vi phong là **Địa Phong Thăng**

84: Khôn vi Địa với Chấn vi Lôi là **Địa Lôi Phục**

83: Khôn vi Địa với Ly vi Hỏa là **Địa Hỏa Minh Di**

82: Khôn vi Địa với Đoài vi Trạch là **Địa Trạch Lâm**

81: Khôn vi Địa với Kiền vi Thiên là **Địa Thiên Thái**

Những quẻ còn lại cũng đọc như phương thức trên, nhưng có điều đáng lưu ý là những số được gọi là biệt số ấy nếu hai quẻ đặt xuyên tâm đối thì có **tổng số là 99**. Nếu trên một vòng tròn thì sẽ dễ nhận thấy hơn. Tuy nhiên trên bảng đồ vuông này cũng vẫn đọc được. Ví như :

Thuần Khôn là 88 thì Thuần Kiền là 11 tổng cộng 99. Quẻ Bĩ 18 đối qua Thái 81 cộng 99

Trên Dưới	KHÔN 8	CÁN 7	KHẮM 6	TÔN 5	CHẤN 4	LY 3	ĐOÀI 2	KIÊN 1
KHÔN 8	88 Thuần Khôn	78 Bát	68 Tân	58 Quan	48 Dự	38 Tân	28 Tuy	18 Bĩ
CÁN 7	87 Khiêm	77 Thuần Cấn	67 Kiến	57 Tiệm	47 Tiểu quá	37 Lữ	27 Hàm	17 Độn
KHẮM 6	86 Sư	76 Mông	66 Thuần Khảm	56 Hoán	46 Giải	36 Vị-tế	26 Khôn	16 Tụng
TÔN 5	85 Thăng	75 Cổ	65 Tĩnh	55 Thuần Tốn	45 Hàng	35 Đỉnh	25 Hàng	15 Cầu
CHẤN 4	84 Phục	74 Di	64 Truân	54 Ích	44 Thuần Chấn	34 Phê hợp	24 Tuy	14 Vô vọng
LY 3	83 Minh-di	73 Bi	63 Kỷ-tế	53 Gia-nhân	43 Phong	33 Thuần Ly	23 Cách	13 Đồng nhân
ĐOÀI 2	82 Lâm	72 Tôn	62 Tiết	52 Trung-phu	42 Qui-muội	32 Khuê	22 Thuần Đoài	12 Lý
KIÊN 1	81 Thái	71 Đại-súc	61 Nhu	51 Tiểu-súc	41 Đại-tráng	31 Đại-hữu	21 Quyết	11 Thuần Kiền

(H.22) TÊN 64 QUẺ VỚI BIỆT SỐ

Hai con số 9 gọi là “*Cửu cửu Càn Khôn dĩ định*” chính là thời Tam-Kỳ Phổ-Độ này.

Tương tự có Thuần Cấn 77 cộng với Thuần Đoài 22. Hợp số 99

Thuần Khảm 66 hợp với Thuần Ly 33, là 99

Thuần Tốn là 55 hợp với Thuần Chấn 44, là 99.

Nếu nhìn vào góc chéo đối nghịch lại hoặc ở tâm:

Ích 54 hợp với Hàng 45 là 99. Tất cả các số đều in như nhau. Cứ lấy tâm mà tính dần ra sẽ được hợp số là 99

Tỉnh Tây Ninh cách Thành Phố Sài-gòn 99 km như vậy có phải là một ngẫu nhiên không? Phú-Quốc có tất cả 99 hòn có phải ngẫu nhiên không?

B-KHAI TRIỂN BÁT-QUÁI BIẾN-HOÁ

TOÀN ĐỒ: Bát quái Hư vô (Bát-quái Luyện Đạo)

Trước đây là những nét căn bản để chuẩn bị bước vào việc khai triển Bát Quái biến hoá toàn đồ. Thật ra mỗi đường nét đều có một ý-nghĩa khác nhau, luôn luôn hoà quyện vào nhau mà luật Âm Dương không bao giờ vắng bóng trong Đạo pháp. Mới nhìn qua như mắc lưới, mà là lưới thật đó là lưới trời tuy thưa mà rất là nhạc nhiệm.

Tuy nhiên khả năng biết đến đâu, Soạn giả xin hầu bàn giải đến đó để trình bày những nét cơ vi của đạo pháp.

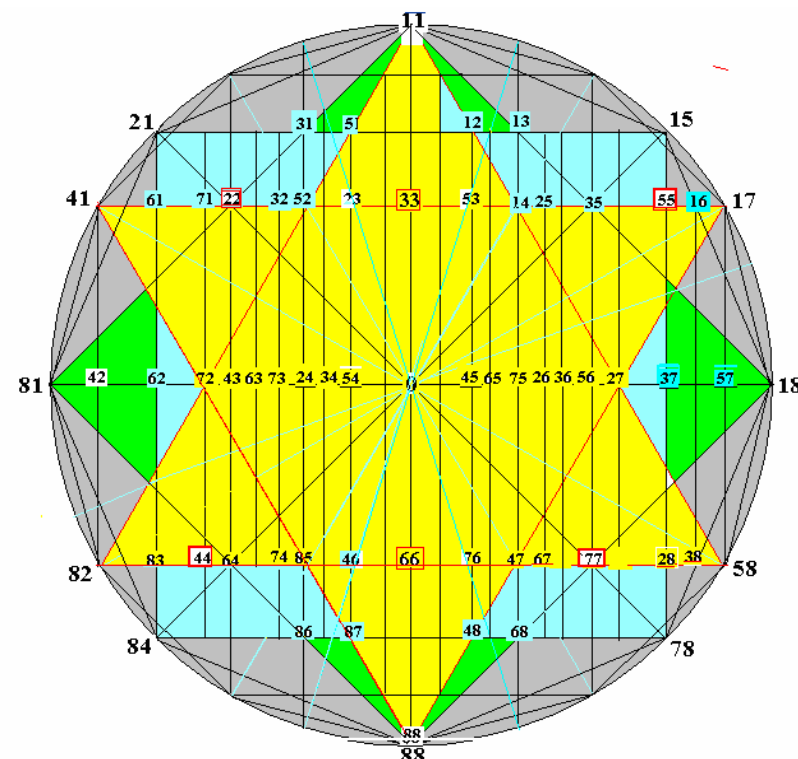
Đức Thượng-Sanh nói:

Đạo Cao-Đài như một bức khảm xà-cừ:

- Nhìn nghiêng bên phải thấy màu xanh phơn-phớt
- Nhìn nghiêng bên trái thấy màu đỏ tía.
- Nhìn xuống phía dưới thấy màu vàng nhạt.

Các màu: Vàng, xanh, đỏ chỉ là những cách thể hiện của các giai đoạn ban sơ của Đạo. Thật sự Đạo Cao Đài là màu trắng, phải hiểu Đạo Cao-Đài với tinh ba bốn nguyên triết-lý của chính nền Đạo mới này”.

Trước khi khai triển Bát-quái toàn đồ cần kiểm qua cách thức thành lập và định vị-trí cho các con số khi đặt lên Bát-quái này, thật ra đây chỉ là một bản đồ số học khá tinh vi mà thôi. Cần tìm hiểu về:



(H.23) Bát-Quái biến hoá toàn đồ

- Những con số trên đồ hình do đâu mà có?
- Những số này có tác dụng gì?
- Đồ hình này có giá trị gì đối với nền Đạo Cao Đài ngày nay?

1-Biệt số của 64 quẻ kép:

Điều lưu-ý thứ nhất là trong “Bát-quái biến hoá toàn đồ” là tất cả các con số này đều là biệt số của 64 quẻ kép. Thí dụ quẻ Càn là 11, quẻ Khôn là 88 là ngôi Chúa tể vạn loại Hai con số này nằm vào hai cực của đồ hình, tức

là trên trục đứng, xuyên qua tâm đối nên có tổng số là 99 = (11+88). Còn lại 31 đôi quẻ khác cũng nằm trong qui luật

Thế nên điều cần yếu là phải nắm vững các con số. Xin nhắc lại: **số** thì lấy theo Tiên-Thiên Bát-quái: Càn 1, Đoài 2, Ly 3, Chấn 4, Tốn 5, Khảm 6, Cấn 7, Khôn 8. Vậy nên Thuần Càn là 11, Thuần Khôn là 88.

Ví như **81 là quẻ Địa Thiên Thái** đối qua tâm là **18 Thiên Địa Bĩ**, tổng số cũng 99. Đó là phần bên ngoài.

Bây giờ trong tâm của đồ hình cũng vậy. Như số **33 là Thuần Ly hiệp với 66 là Thuần Khảm** ở giữa, tổng số 99. Ngay như hai quẻ gần tâm 0 hơn hết là số **54** tức là quẻ **Phong-Lôi Ích hiệp với 45 là quẻ Lôi Phong Hằng**, tổng số cũng là 99... Các góc cạnh xéo xiên cũng cộng như vậy.

99 nghĩa là gì? - Đó là con số:

“Cửu cửu Càn Khôn dĩ định.

“Thanh minh thời tiết hoa tàn”.

Sấm ký của Đức Trạng-Trình Nguyễn-Bỉnh-Khiêm đã nói từ xa xưa rồi, nhưng trong thời kỳ của Đạo Cao-Đài mới hiển lộ một cách rõ-ràng hơn và cụ thể hơn. Bởi đây là thời-kỳ cuối của Hạ-ngươn Tam Chuyển sắp bước qua Thượng ngươn Tứ chuyển Thầy mới đến mở ra một nền Tân Tôn giáo Cao-Đài là thời của Đại-Đồng. Mục đích Qui nguyên Tam giáo phục nhứt Ngũ chi. Nhờ qui hiệp như vậy mới có thể trấn phục hoàn cầu và phổ biến 5 Châu

Cuộc đời này hình như không có sự gì gọi là ngẫu nhiên mà chính là qui luật của Thượng-Đế đã ban một đặc ân cho Việt-Nam là một Quốc gia Thiên Định, nên từ thành phố Sài gòn đến Tây-ninh là 99 km, nhất định không phải là sự ngẫu nhiên được. Phải có sự đặt định trước!

Như đã bàn qua ở trên là giá trị của các con số đối qua tâm đều có tổng số là 99 là khi tâm còn là vô cực là 0. Nhưng khi hiện ra là Thái-cực là 1 (vì vô cực cũng là Thái cực) **“Vô cực nhi Thái cực” thì tất cả các số 99 trên cộng với tâm là 1 nữa sẽ thành số 100.** Đây là 100 trứng của Bà Âu-Cơ sản sanh ra giòng giống Tiên Rồng này từ xa xưa, được hấp thụ nền văn hiến 4.000 năm có sẵn, một truyền thống tốt đẹp trong niềm tự hào cho dân tộc và cũng đủ niềm tin cho Đức Thượng-Đế, để hôm nay chính Ngài đến đây ban cho mỗi Đạo Cao-Đài làm thí điểm gieo rắc Nghĩa Nhân cho khắp toàn thế giới.

Thầy có nói đã đưa xuống thế 100 ức nguyên-nhân. Vậy có phải con số 100 đang nằm trên đồ hình này không? Qua hai thời kỳ Thầy đã cho các Đấng Giáo-chủ đến lập Giáo. Phật độ về *6 ức nguyên nhân*, tức là bài học đầu tiên của nhân loại là cho hiểu rõ vì *lục dục* của con người nằm trong cái khám của *lục trần*, bị che lấp bởi *lục căn* mà cứ lẫn quẩn trong *lục đạo luân hồi*. Phải nhờ ánh sáng của Phật mới soi thấu tới *Lục thức* đặng. Qua Nhị kỳ Tiên độ được hai ức nguyên nhân chính là Tiên Đạo giải rõ cho biết về kiếp Nhị nguyên này là phải chịu trong luật Âm Dương: Sống chết, sướng khổ, sinh diệt.. không sao tránh khỏi. Nói chung là bài học qua đã đầy đủ lắm rồi, tức nhiên là học từng phần các yếu lý ấy để ngày hôm nay là thời-kỳ qui hiệp.

Nay lấy số tổng cộng lại là qua hai thời kỳ độ được *8 ức nguyên nhân* tức là thời-kỳ khai triển tận cùng đến cái vi diệu của *Bát Quái* (số 8 là tượng cho Bát-Quái). Trước đây bốn vị Thánh nhân là Phục-Hi, Văn-Vương, Châu Công, Khổng Tử đã làm ra hai Bát-quái cách nay 6.000

năm cũng đủ thời gian cho nhân loại nhuần thấm cái triết lý Á-Đông vô cùng sâu sắc ấy là phần Thể Đạo:

- **Bát-Quái Tiên Thiên là Bí-pháp Thể Đạo**

- **Bát-Quái Hậu-Thiên là Thể-pháp Thể Đạo**

Ngày nay, thời kỳ của Đại-Đạo Tam-Kỳ Phổ-Độ, Đức Chí Tôn đến lập Đạo và ban cho thêm hai Bát-Quái nữa tức là mở ra con đường Thiên Đạo là con đường trở về gọi là “Phản bốn hườn nguyên, Qui hồi cự vị”. Vì vậy:

- **Bát-Quái Đồ Thiên là Thể pháp của Thiên Đạo,**

- **Bát-Quái Hư vô là Bí-pháp của Thiên Đạo,** tức nhiên Ngài mở cho nhân loại một con đường trở về với Thượng-Đế trong tình yêu thương của Đấng Đại-Từ-Phụ.

Hiện nay, còn lại 92 ức nguyên nhân đang say đắm mùi trần, chính Thầy phải đến mở cơ tận độ gọi là Đại-Ân xá kỳ ba là đây. Chính nơi này nhân loại sẽ nhìn nhận nhau là cùng một gốc, là cùng một nguồn ân Thánh triết của Đức Chí-Tôn, Ngài là Cha chung của nhân loại.

Nhìn vào đồ hình “Bát-Quái biến hoá toàn đồ” này, tuy có nhiều điểm chi ly nhưng tựu trung cũng là những nét căn bản như những lần bàn bạc trước đây giờ kết hợp lại với nhau. Thật ra Đạo Cao-Đài gồm đủ yếu lý hết. Đặc biệt là có cả Kim-Tự Tháp, tức là cái tháp hình chữ **KIM** 金 chứ không có gì khác lạ (Xem hình bìa).

2-Cách cấu tạo “Bát quái biến hoá toàn đồ”:

Đầu tiên vẽ vòng tròn tượng Càn Khôn vũ trụ, tâm là ngôi Thượng-Đế Thái-Cực Thánh-Hoàng ngự trị. Kết hợp bởi hai hình Tam giác đặt nghịch chiều với nhau đó là lý tam Âm tam Dương tượng Trời.

Song song còn có hai hình vuông tức là Tứ Âm tứ Dương tượng đất, ấy là Âm Dương không xa lìa nhau. Hai hình tam giác và hai hình vuông đủ yếu tố tạo thành Bát quái rồi. Trên đồ hình có hai đường kính của vòng tròn và hai đường chéo qua các cạnh của hình vuông chia thành 8 cung bằng nhau, đó là tượng cho **Bát phẩm chơn hồn**, tám đường thẳng đi qua tâm là tám con đường đoạt Đạo.

Sáu vòng cung nhỏ chia đều vòng tròn ra là sáu nẻo luân hồi còn gọi là “Lục đạo luân hồi”.

Muốn biết những con số này từ đâu mà có và phải theo một trật tự nào để được định vị trong “Thái cực biến hoá toàn đồ” này, hãy nhìn vào đồ hình đơn giản như dưới đây mà Tiên gia gọi là “**Tân Dương hoả thoái Âm phù**”

C- TÂN DƯƠNG HOẢ THOÁI ÂM PHÙ

Giải thích phương pháp biến Dịch ở Đồ hình

Tân Dương hoả thoái Âm phù (H.24)

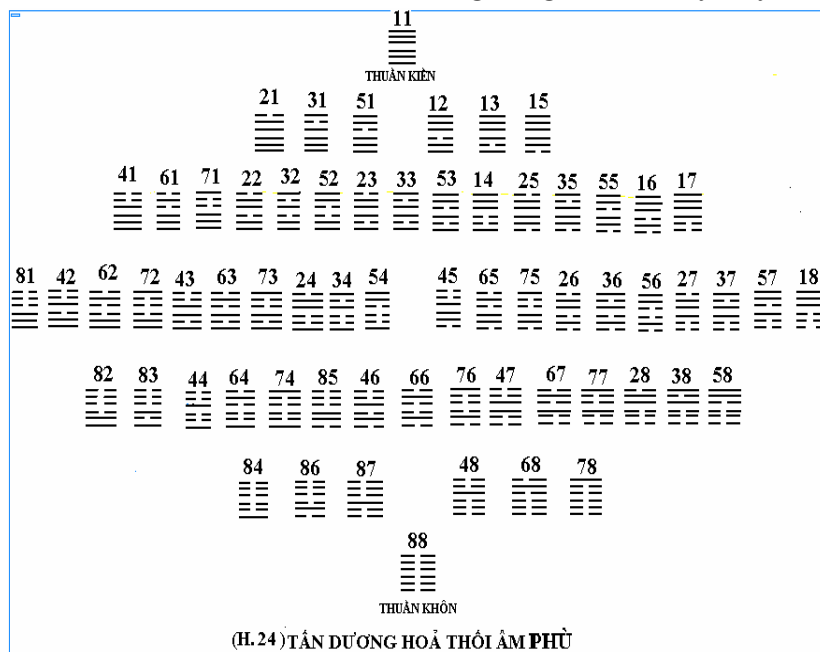
Đồ hình số 24 chỉ là một hình đơn giản của đồ (hình 23) tức nhiên chỉ ghi riêng ra những biệt số của “Bát-Quái biến hoá toàn đồ” mà thôi. Phần tiếp theo là bàn riêng về các biệt số ấy.

“Tân Dương hoả thoái Âm phù” có ý-nghĩa là trong một quẻ có sáu hào, nếu hào Dương tiến thì hào Âm thoái, ngược lại Hào Âm tiến thì hào Dương phải lui đi. Với con người cũng vậy, một khi tính tình càng trau sửa thì tính xấu tự nhiên phải biến mất, cho nên người phải TU là vậy.

TU tức là trau tâm sửa tánh ngày càng thanh cao, tốt đẹp. Nếu không tu sửa thì dù tánh Thánh trời ban mà bị nhiễm thế tình thì cũng lu mờ dần.

TU không có nghĩa hạn hẹp là tụng kinh gõ mõ mà thôi. Người học văn hoá chữ nghĩa là để trau dồi kiến

thức gọi là TU TRÍ. Học đạo đức là TU TÂM. Tất cả đều cần ích cho kiếp nhân sinh ngắn-ngủi này, tức là phá bức màn vô minh, là lau bụi trên mặt gương trí huệ này vậy.



Trong đồ hình đơn giản trên đây là chỉ nói về sự biến hoá của các quẻ từ một hào của Âm cũng như một hào của Dương, rồi lần lượt trình bày sự biến hoá của 2 Âm, 2 Dương, rồi đến 3 Âm, 3 Dương là quân bình.

Quẻ trên cùng là **Bát Thuần Kiên** và dưới cùng hết **Bát Thuần Khôn** là hai quẻ không biến đổi, bất dịch. Có nghĩa rằng hai quẻ này là cánh cửa để đi vào Đạo Dịch vậy, cũng còn tượng là cha mẹ hay Âm Dương trời đất. Người Đạo Cao-Đài ngưỡng vọng là hai Đấng cha mẹ Thiên-liêng, tức nhiên:

Kiên là ngôi Đức Chí-Tôn, Đại-Từ-Phụ.

Khôn là biểu tượng ngôi Phật Mẫu, là Mẹ Diêu-Trì.

Đồ hình này chính là những con số làm cho giản dị hoá của bức hình Bát-quái biến hoá toàn đồ ở trên đó vậy

1-Bảy chu kỳ biến hoá:

Tất cả sự biến hoá này phải qua bảy chu kỳ, cũng như những quẻ một Âm hay một Dương, khi biến từ hào Sơ đến hào Thượng cũng phải qua bảy giai đoạn mới trở về vị trí ban đầu, gọi là “Thất nhật lai phục” tức là trở đi trở lại với con số 7 ấy. Trên thực tế thì ngày Dương lịch tính ra một tuần lễ có 7 ngày, cứ xoay quanh từ Chủ nhật đến Thứ hai, Thứ ba, thứ Tư, Thứ Năm, Thứ Sáu, Thứ bảy đến Chủ Nhật tức là ngày đã hoàn tất công việc.

Khi biến hoá thì Hào Âm hoặc Dương từ hào Thượng hay hào Sơ tiến dần qua các giai đoạn đến hào cuối cùng là phải qua **bảy giai đoạn** như vậy.

2-Một Âm hoặc một Dương tiêu trưởng:

a/- **Dương tiêu Âm trưởng: Khởi là Càn**

Giai đoạn 1: Theo như đồ hình này thì nguồn gốc vốn là **Kiên số 11**. Nếu biến đổi thì hào Âm phải qua 7 giai đoạn từ hào thượng mới đến hào Sơ, theo chu-kỳ sau đây:

Giai đoạn 2: một Âm bắt đầu xâm chiếm hào Thượng,

Dương mất dần thành quẻ *Trạch Thiên Quyết (21)*

Giai đoạn 3 Âm xuống đến hào ngũ, thành quẻ *Hoả*

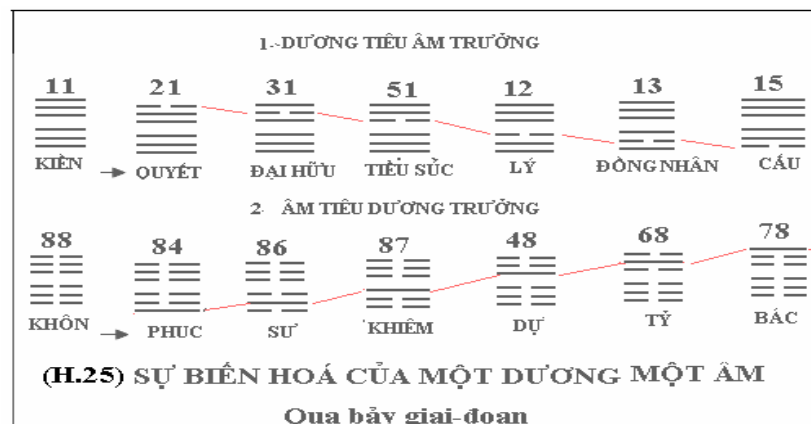
Thiên Đại-Hữu (31)

Giai đoạn 4: Âm xuống đến hào Tứ, thành quẻ *Phong*

Thiên Tiểu súc (51)

Giai đoạn 5: Âm xuống tiếp đến hào Tam, thành quẻ

Thiên Trạch Lý (12)



Giai đoạn 6: Âm xuống đến hào Nhị, thành quẻ *Thiên Hoá*
Đồng Nhân (13)

Giai đoạn 7: Âm xuống đến hào Sơ, thành quẻ *Thiên*
Phong Cầu (15)

Một âm sau cùng ở hào Sơ bây giờ là khởi điểm cho Âm bắt đầu đi lên để qua một giai đoạn mới *Đây là Dương tiêu Âm trưởng* tức là Dương đi theo chiều xuống.

b/-Âm tiêu Dương trưởng: Khởi là Khôn lại biến qua 7 giai đoạn:

Dương bắt đầu đi lên, cũng tương tự như trên:

Giai đoạn 1: Vốn là **Khôn** (88) bắt đầu biến dần đi.

Giai đoạn 2: Khởi ở quẻ (84) một Dương sanh là quẻ *Địa*
Lôi Phục, một Dương ở dưới cùng bắt đầu đi lên:

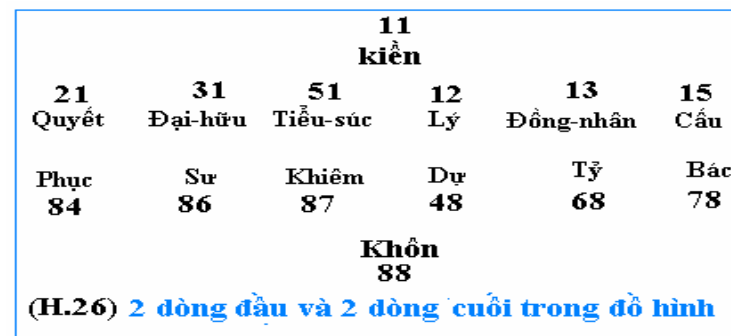
Giai đoạn 3: dương lên hào Nhị là quẻ (86) *Địa Thủy Sư*

Giai đoạn 4: dương lên hào Tam, quẻ (87) *Địa Sơn Khiêm*

Giai đoạn 5: dương lên hào Tứ là quẻ (48) *Lôi Địa Dự*

Giai đoạn 6: dương lên hào Ngũ là quẻ (68) *Thủy Địa Tỷ*

Giai đoạn 7: dương lên đến hào Thượng là quẻ (78) *Sơn*
Địa Bác. Bây giờ chỉ còn một Dương treo lơ-lửng.
Tóm tắt mục trên:



Cách đọc quẻ ở 2 dòng đầu và 2 dòng cuối:

Đây là những số thứ tự do sự biến hoá của hai quẻ Càn Khôn mà ra, cho thấy rõ vì sao có sự đặt định của các con số ấy trên đồ Bát-Quái.

Nếu đếm từ trên xuống thì cả thấy có 7 dòng: xem như dòng 1 và 2, 6 và 7 đã cho kết quả trên, tức là sự biến hoá khởi từ một Dương hoặc một Âm., theo hai chiều thuận nghịch rõ-rệt.

Còn lại những trường hợp sau cũng tương tự nhưng biến hoá từ 2 Dương hoặc 2 Âm có phần phức tạp hơn, nhưng tất cả đều theo qui luật hẵn hoi.

3- Hai hào Âm hoặc hai hào Dương tiêu trưởng: Mỗi thứ có 15 quẻ (dòng 3 và 5 trong hình)

a/-Hai hào Âm: gọi là **Âm trưởng Dương tiêu:**

Dòng thứ ba, đây vẫn gốc từ Kiến mà ra: mỗi bên phân ra bảy quẻ, *quẻ LY ở giữa*, tức là mỗi một hàng như vậy là có hai Âm Tiêu trưởng và thuận nghịch của nó:

- Lần đầu hai Âm ở trên cùng của quẻ **41**, là quẻ khởi Lôi Thiên Đại-Tráng.
- Âm lùi dần thành ra quẻ **61** là Thủy Thiên Nhu
- Quẻ **71** là Sơn Thiên Đại Súc.
- Quẻ **22** là Bát Thuần Đoài
- Quẻ **32** là Hoả trạch KHUê.
- Quẻ **52** là quẻ Phong Trạch Trung-phu.
- Quẻ **23** là quẻ Trạch Hoả Cách.



Điểm hội tụ là **LY** là quẻ **bất dịch**, đây là thời tụ.

- Quẻ **53** Phong hoả Gia-nhân- Quẻ **14** Thiên Lôi Vô vọng.
- Quẻ **25** Trạch Phong Đại Quá. Quẻ **35** Hoả Phong Đỉnh
- Quẻ **55** là Bát-Thuần Tốn. Quẻ **16** là Thiên Thủy Tụng
- Quẻ **17** là Thiên Sơn Độn

b/-Hai Dương tiêu gọi là Dương tiêu Âm trưởng tức là Dương giáng (dòng 5):

- Đây là gốc từ quẻ Khôn ở dòng thứ năm trong đồ hình này cũng có hai chiều thuận nghịch khởi từ quẻ **82** là quẻ Địa Trạch Lâm có hai Dương ở dưới.

- Quẻ **83** là quẻ Địa Hoả Minh-Di

- Quẻ **44** là quẻ Bát-Thuần Chấn
- Quẻ **64** là quẻ Thủy Lôi Truân
- Quẻ **74** là quẻ Sơn Lôi Di
- Quẻ **85** là quẻ Địa Phong Thăng.
- Quẻ **46** là quẻ Lôi Thủy Giải.

Quẻ 66 là Bát-Thuần Khảm là quẻ đối của Bát Thuần Ly, nơi đây là điểm tụ hội của 7 quẻ vừa kể trên. Tiên gia luyện cho “Chiết Khảm điền Ly phản vị Kiền” là đây, tức là trên hết là Kiền (11), giữa là Ly (33), dưới là Khảm (66).

- Quẻ **76** là quẻ Sơn Thủy Mông.
- Quẻ **47** là quẻ Lôi Sơn Tiểu quá.
- Quẻ **67** là quẻ Thủy Sơn Kiển
- Quẻ **77** Là quẻ Bát Thuần Cấn.
- Quẻ **28** là quẻ Trạch Địa Tuy
- Quẻ **38** là quẻ Hoả Địa Tấn
- Quẻ **58** là quẻ Phong Địa Quan (Quán)

4-Ba Âm ba Dương quân bình nhau (20 quẻ) ở vào hàng chính giữa của đồ hình (dòng 4):

a/- Ba Âm: Dương tiêu Âm trưởng cũng cứ tiến triển theo một định luật chung, tức nhiên lúc nào cũng hoà nhau.

Các quẻ trên hàng này đối xứng qua tâm, là hai quẻ ở đầu và cuối của đường kính là Thái và Bĩ, cộng từng đôi một có hợp số 99. Tính từ trái sang phải là 20 quẻ:

- Khởi đầu là quẻ **(81)** Địa Thiên Thái,
- Quẻ **(42)** Lôi Trạch Qui muội.
- Quẻ **(62)** Thủy trạch Tiết

Quẻ (72) Sơn Trạch *Tốn*.

Quẻ (43) Lôi Hoả *Phong*.

Quẻ (63) Thuỷ-Hoả *Kỷ-tế*.

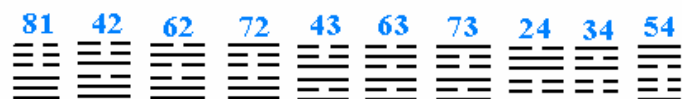
Quẻ (73) Sơn Hoả *Bí*.

Quẻ (24) Trạch Lôi *Tuyền*.

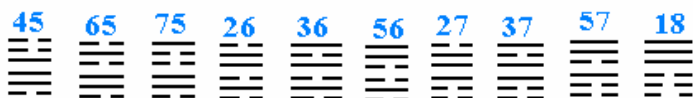
Quẻ (34) Hoả Lôi *Phệ-Hạp*.

Quẻ (54) Phong Lôi *Ích*.

1-Ba Âm : Dương tiêu Âm trưởng (là từ trái đi xuống)



2-Ba Dương: Âm trưởng Dương tiêu (đi từ trái lên dần)



(H.28) Sự biến hoá của ba hào theo vòng thuận nghịch

Tâm 0 đây là giao điểm cho vòng thuận nghịch đó:

b/- Ba Dương: Âm trưởng Dương tiêu

Quẻ (45) Lôi Phong *Hằng*.

Quẻ (65) Thuỷ Phong *Tĩnh*.

Quẻ (75) Sơn Phong *Cổ*.

Quẻ (26) Trạch Thuỷ *Khôn*.

Quẻ (36) Hoả Thuỷ *Vị Tế*.

Quẻ (56) Phong Thuỷ *Hoán*.

Quẻ (27) Trạch Sơn *Hàm*.

Quẻ (37) Hoả Sơn *Lữ*.

Quẻ (57) Phong Sơn *Tiêm*.

Quẻ (18) Thiên địa *Bĩ*.

Kết luận:- Nếu đếm từ trên xuống dưới có 7 hàng chữ số.

- Hai quẻ chánh Càn Khôn là đầu mối cho tất cả:

. Càn biến **qua 7 giai đoạn** để chuyển thành Khôn.

. Khôn biến **qua 7 giai đoạn** để chuyển thành Càn.

- Quẻ có 2 Âm hoặc 2 Dương mỗi thứ cũng biến 7 lần qua hai vòng thuận nghịch.

Cộng cả thấy có 64 quẻ, khi hai quẻ đối xứng qua tâm đều có tổng số là 99. Đặc biệt đây là Bát-Quái luyện Đạo của Cao-Đài Đại-Đạo, tức nhiên là **Bát-Quái Hư-Vô, là Bí-pháp của Thiên Đạo**.

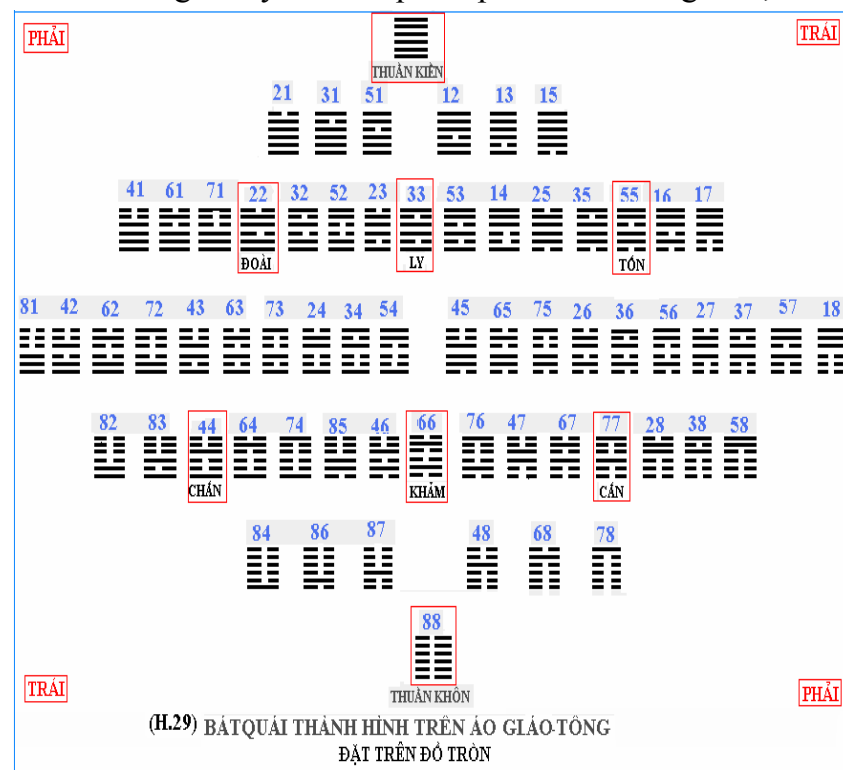
Cứ mỗi một quẻ trong 64 quẻ kép này là ứng với một vấn đề của Thiên-lý. Trong những quyển kế tiếp chúng tôi sẽ lý giải từng quẻ một, làm biểu tượng cho từng giai đoạn thời gian và từng sự việc của Đạo-pháp. Trong cái bao la vô tận ấy chúng tôi cố gắng đem những cái hiểu biết sẵn có để luận được phần nào hay phần nấy. Mong được đón nhận những ý kiến xây dựng cho bộ “Dịch-lý Cao-Đài” ngày càng dày thêm trang nhân ái và Đại-Đồng. Bởi đây là một sự lạ, vì từ trước đến giờ chưa ai làm công tác này, chứ hoàn toàn không mới.

D-BÁT-QUÁI HƯ VÔ THÀNH HÌNH

(Đây là Bát-Quái luyện Đạo trên áo Giáo-Tông)

Trên Đồ hình này đã hiển hiện đủ các con số của Bát Quái Hư vô đặt trên áo của Giáo-Tông, tức là Bát Quái luyện Đạo mà Pháp-Chánh-Truyền đã qui định. Nhưng đó là lời dạy các Quẻ xếp trên mặt phẳng.

Riêng ở đây thì các quẻ xếp trên một vòng tròn, nên



khi nhìn là phải đưa mắt hướng vào tâm, tức nhiên phía trên nhìn xuống là bên phải, còn ở dưới nhìn lên là ở bên trái, cho nên bốn góc của đồ hình có ghi các chữ **phải, trái** là lý do ấy cho dễ nhìn:

(Đây là giai đoạn biến hoá nên tất cả đã biến thành quẻ kép, nhưng tính chất và vị trí của quẻ vẫn không khác) Pháp-Chánh-Truyền dạy về **Đạo-phục của Giáo-Tông**:

“Bộ Tiểu-phục cũng toàn bằng hàng trắng, có thêm chữ Bát-Quái bằng vàng:

Cung **Khảm** ☵ ngay Hạ đơn điền.

Cung **Cấn** ☶ bên tay mặt. Cung **Chấn** ☳ bên tay trái.

Cung **Đoài** ☱ bên vai mặt. Cung **Tốn** ☴ bên vai trái

Cung **Ly** ☲ ngay trái tim

Cung **Khôn** ☷ ngay giữa lưng.

Trên Mão ngay trước trán có thêm chữ Cung **Càn** ☰

Ghi lại những lời này đã giải thích trong quyển Dịch-lý I

Từ trang 167-171)

1-Lý giải về Bát-quái Hư vô

Kinh Phật-Mẫu xác định đây là Bát-quái Hư vô:

“Chuyển luân định phẩm cao thắng,

“Hư-vô Bát-quái trị Thần qui nguyên”

Hỏi vậy người tu-hành luyện Đạo để làm gì ?

- Phải chăng là mong đoạt lý Hư-vô? Bát-quái Hư vô chính là các quẻ sắp trên áo Giáo-Tông đó.

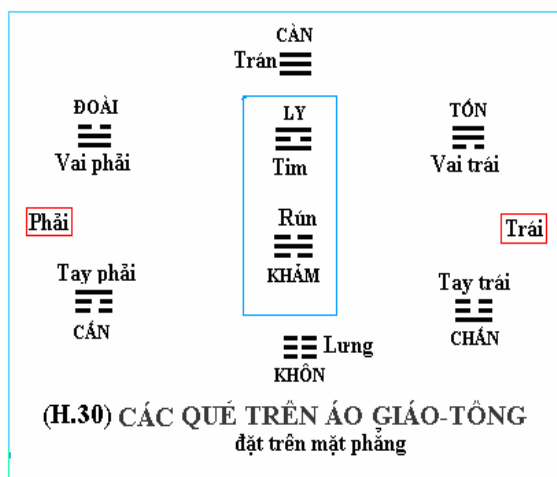
Khởi điểm vẫn hai quẻ chánh trong Bát-quái:

Càn (1) ☰ tượng cha, **Khôn (8)** ☷ tượng mẹ làm chuẩn.

Hai quẻ này giao nhau, như cha mẹ phối-hợp tạo ra 6 con:

- Lần thứ nhất Càn giao với Khôn, Càn cướp đi của Khôn một hào âm mà thành ra **Tốn (5)** ☴ đặt bên vai trái.

- Lần thứ hai Càn giao với Khôn cướp đi của Khôn một hào âm mà thành ra quẻ Ly (3) ☲ đặt nơi trái tim.



- Lần thứ ba Càn giao với Khôn và cướp đi của Khôn một hào âm, mà thành ra quẻ Đoài (2) ☱ nằm bên vai phải.

Ba hào âm: Tốn, Ly, Đoài tất cả đều nằm ở phần trên của thân người

Bây giờ:

* Khôn giao với Càn lần thứ nhất, Khôn cướp đi của Càn một hào dương thành ra quẻ Chấn (4) ☳ đặt ở tay trái.

* Lần thứ hai khôn cướp đi của Càn một hào dương thành ra quẻ Khảm (6) ☵ đặt ở hạ đơn điền, còn gọi là rún.

* Lần thứ ba Khôn giao với Càn cướp đi một hào dương của Càn thành ra Cấn (7) ☶ đặt bên tay phải.

Ba hào dương Chấn, Khảm, Cấn đều nằm ở phần dưới của thân người.

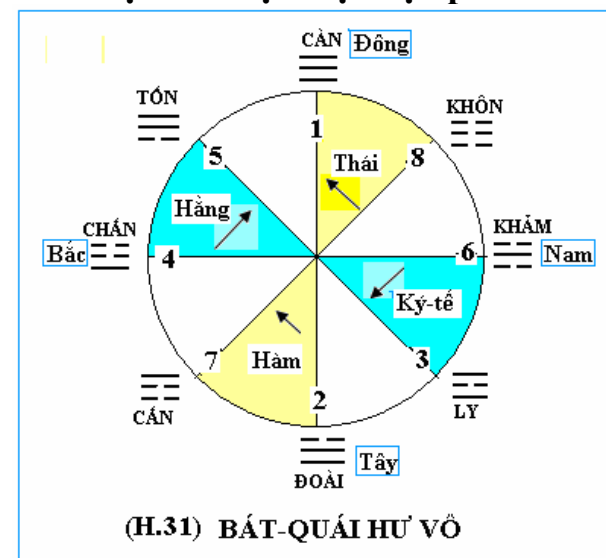
Các quẻ được sắp theo lời dạy trong Pháp Chánh truyền, đặt trên áo Tiểu-phục của Giáo-Tông, hình ảnh đó

cho thấy từng đôi một đi liền với nhau: Càn Khôn, Khảm Ly, Đoài Cấn, Chấn Tốn. Phương hướng vẫn là hướng Đông Tây làm trục đứng, Nam Bắc làm trục ngang, theo hướng của Bát-quái Cao-Đài (Bát-quái Đồ-thiên), làm tượng trưng, chứ khi đã gọi là Hư-vô thì không có phương hướng, thậm chí cũng không có quẻ làm hình ảnh nữa. Nhưng khi Người mặc phẩm-phục vào thì Càn ở trên trán tức là ở trên đầu rồi.

Đứng về số thì vẫn lấy theo số của Bát quái Tiên thiên là: Càn 1, Đoài 2, Ly 3, Chấn 4, Tốn 5, Khảm 6, Cấn 7, Khôn 8.

Đối với “Bát-quái biến hoá toàn đồ” là hình thành của 64 quẻ kép như trên đã phân tách về thứ tự biệt số các quẻ nằm trên đồ hình cũng tạo thành một Bát-Quái Hư Vô, duy chỉ khác là số của quẻ kép mà thôi.

2-Sự kết hợp các quẻ của Bát-quái Hư-vô Được thể hiện trọn vẹn phải là:



Đây là thời-kỳ đạt Đạo của người tu tức là thời mà Dịch gọi là “Vạn thù qui nhứt bôn”. Thế nên đây là hình ảnh một Bát-quái Hư vô thật sự, các quẻ từng đôi một đi liền lại với nhau, có bốn đôi một là:

a/-Hai quẻ Càn Khôn:

*Khôn ☷ vi địa số 8, đặt lên Càn ☰ vi thiên số 1 thành quẻ kép có tên: **Địa thiên Thái** ☶☰ (Thái là hanh thông). Nếu đặt ngược lại là **Thiên địa Bĩ** ☰☷ (Bĩ là xấu, thời bế tàng)

b/-Hai quẻ Khảm Ly:

*Khảm ☵ vi thủy số 6, đặt lên Ly ☲ vi Hỏa số 3, thành quẻ kép: **Thủy hỏa Ký-tế** ☵☲ (ký tế là giao nhau). Nếu đặt ngược lại là **Hỏa-thủy Vị-tế** ☲☵ (Vị-tế là chưa giao, vẫn xa lìa).

c/-Hai quẻ Đoài Cấn:

*Đoài ☱ vi trạch số 2, đặt lên Cấn ☶ vi sơn số 7, thành quẻ kép: **Trạch sơn Hàm** ☱☶ (Hàm là bao gồm). Nếu đặt ngược lại thành quẻ **Sơn-trạch Tồn** ☶☱ (Tồn là hao mòn, tồn thất)

d/- Hai quẻ Chấn Tốn:

*Chấn ☳ vi Lôi số 4 đặt lên Tốn ☴ vi phong số 5, thành ra quẻ kép **Lôi phong Hằng** ☳☴ (Hằng là thường, bền chắc). Nếu đặt ngược lại thành ra quẻ **Phong Lôi Ích** ☴☳

Ích là lợi cho riêng mình, chỉ sự chưa thành đạt.

c/-Tính chất của Bát-quái Hư-vô

- Đây là thời-kỳ qui hiệp: Lấy Âm bao Dương tức nhiên Âm ngoài Dương trong, bởi tính cách của Dương là tán mà Âm là tụ.

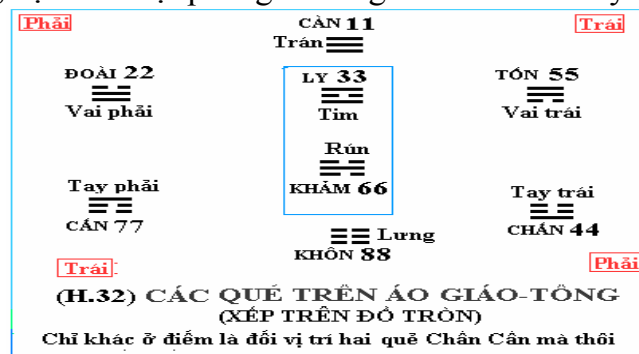
Nếu nhìn riêng về quẻ thì quả thật:

- *Càn là Cha, khôn là Mẹ đến lúc hợp lại với nhau.
- *Đoài là thiếu-nữ, Cấn là thiếu-nam hợp nhau.
- *Khảm là trung nữ, Ly là trung nam hợp nhau.
- *Chấn là trưởng nam, Tốn là trưởng nữ hợp nhau.

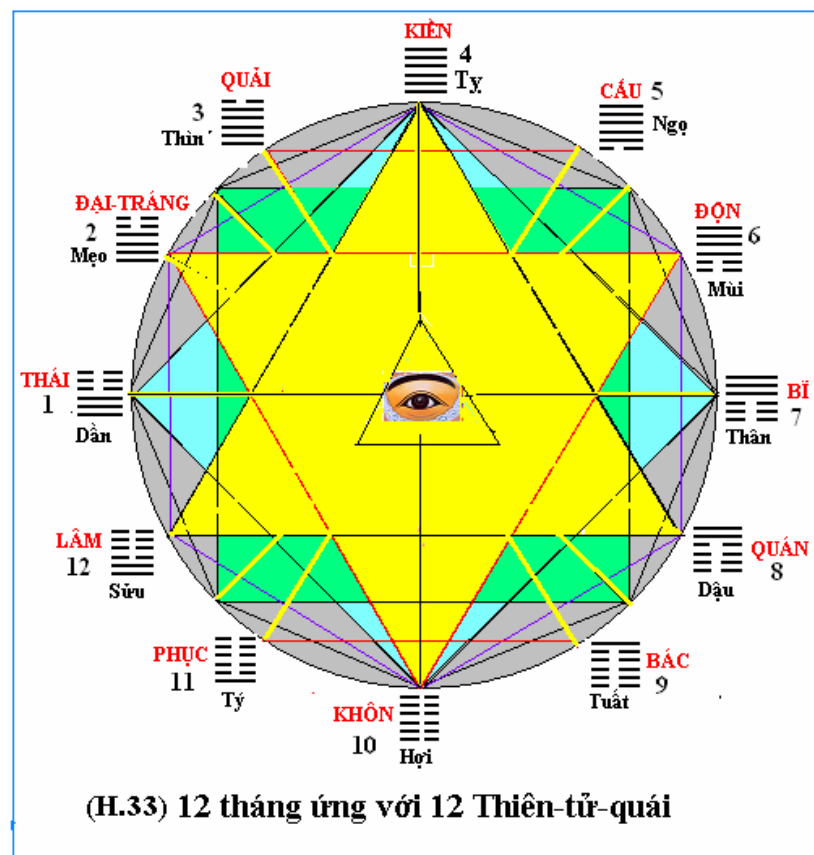
Xem như một gia-đình đoàn-tụ: hạnh-phúc, vui-vầy. Người tu đạt đến đây cũng là hoàn toàn viên mãn

**E-BÁT-QUÁI HƯ VÔ TRONG BÁT-QUÁI
BIẾN HOÁ TOÀN ĐỒ**

Lưu-ý: Các vị-trí của quẻ đây là theo Pháp-Chánh-Truyền qui định cho các cung này đặt trên áo Tiểu-Phục của Giáo Tông, đặt trên mặt phẳng. Nhưng theo đồ hình này các



quẻ đặt theo hình tròn thì LY và KHẨM phải là ở giữa, còn các quẻ còn lại đều hướng về tâm, nên Tồn ở vai trái, Đoài thì ở vai mặt là nhìn theo mặt đối diện, ở về phía trên thân mình. Chấn tay trái, Cấn tay mặt ở phần dưới thân mình phải nhìn vào tâm, nhìn đối diện mới đúng.



ĐỒ HÌNH 12 THIÊN TỬ QUÁI

12 tháng : Khởi từ tháng Tý là quẻ Phục có 1 Dương sinh

Quẻ (Phục) Tháng 11 (Tý)	(Lâm) Tháng 12 (Sửu)
- (Thái) Tháng giêng (Dần).	(Đại tráng) Tháng 2 (Mẹo)
- (Quải) Tháng 3 (Thìn)	(Kiên) Tháng 4 (Tỵ)
- (Cầu) Tháng 5 (Ngọ)	(Độn) Tháng 6 (Mùi)
- (Bĩ) Tháng 7 (Thân)	(Quán) Tháng 8 (Dậu)
- (Bác) Tháng 9 (Tuất)	(Khôn) Tháng 10 (Hợi)

CHƯƠNG IV



A-12 THIÊN-TỬ QUÁI

12 Quẻ bên ngoài vòng tròn của “Bát-quái biến hoá toàn đồ” ứng với 12 tháng.

“Thiên tử quái” có nghĩa rằng 12 quẻ là vua, tức là 12 quẻ chính yếu trong số 64 quẻ kép vừa bàn qua ở trên.

Thật ra, nếu không khai triển được “Bát-Quái biến hoá toàn đồ” này sẽ không biết căn nguyên nào mà có tên 12 quẻ lấy làm biểu tượng cho 12 tháng trong năm.

Thì đây, qua Đồ hình trên thấy tất cả các biệt số hầu hết đều ở trong vòng tròn và nằm trên một vị trí cố định của nó, tức nhiên các số này luôn luôn đặt trên các giao điểm: hoặc cạnh của tam giác với một cạnh của hình vuông... (sẽ bàn chi tiết sau) để luôn được thích ứng, nghĩa là hai số đối qua tâm phải cộng ra thành số là 99.

12 số nằm trên chu vi vòng tròn chính là 12 Thiên tử-quái tức là 12 quẻ chính yếu, các quẻ này đối qua tâm cũng có thành số 99 như các quẻ khác vậy. Những quẻ này ứng với 12 điểm thời gian (gọi là thập nhị thời Thần) có tên là Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi.

Thánh nhân đã tìm ra 12 quẻ chính yếu này để làm đại diện, biểu tượng cho 12 tháng trong năm, đây là trong số 64 quẻ kép của Dịch.

Người Đông phương thường dùng ngày tháng Âm lịch hơn trong việc tính tuổi tác, dựng vợ gã chồng cho con cái, cất nhà, động đất... Tôn giáo Cao-Đài lại càng dùng ngày tháng Âm lịch trong các cuộc cúng vía, đàn lễ, ngày kỷ niệm của các bậc tiền bối hằng năm. Riêng ngày

tháng Dương-lịch chỉ dùng trong những việc làm có liên quan đến việc hành-chánh của đời hoặc giao dịch trong công việc ngoài đời, thường thôi.

Âm-lịch là một thứ lịch chuyên căn cứ vào sự vận hành của mặt trăng xoay quanh theo trái đất mà Thánh nhân trước đây đã làm ra lịch. Theo lịch này thì một năm có 12 tháng, một tháng có 30 ngày (nhưng còn theo trăng tròn khuyết mà có tháng chỉ 29 ngày thôi, gọi là tháng thiếu), một ngày có 24 giờ (12 giờ cho ban ngày, 12 giờ cho ban đêm) và có 12 chi ứng cho từng giờ, ngày, năm, tháng cả đến Thê, Vận, Hội (mỗi chi là 2 giờ đồng hồ).

Mười hai chi đó gọi là Thập nhị địa chi là: Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi. Tức nhiên khởi là Tý và cuối cùng là Hợi.

Ngoài ra còn có Thập Thiên Can phối hợp với Thập Nhị Địa chi, tức là một cặp Âm Dương, đó là: Giáp, Ất, Bính, Đinh, Mậu, Kỷ, Canh, Tân, Nhâm, Quý. Sự phối trí này hết sức khít khao và có một giá trị siêu khoa học mà môn Thiên văn học không thể thiếu. Trong phạm vi một bài viết chỉ bàn về 12 Thiên tử quái nên rất hạn chế, xin chỉ nói về cái thời gian tiêu biểu của các quẻ kép do Bát Quái biến hoá. 12 quẻ này chủ về 12 Khí nên có tên là “12 Thiên tử quái”.

Tuy là 12 chánh quái nhưng tính cách quan trọng của mỗi quẻ có khác nhau, ở đây chỉ muốn nói lên những ngày Lễ Vía quan trọng trong Đạo Cao-Đài mà thôi.

Trong một năm thì:

Cung TÝ thuộc quẻ PHỤC  (Địa Lôi Phục) nhất Dương sinh ở hào Sơ. Tiết **Đông-chí**. Tháng 11.

Cung SỬU thuộc quẻ LÂM  (Địa Trach Lâm)

bảy giờ hai hào Dương lần 4 hào Âm ra ngoài. Tiết **Đại hàn**. Tháng 12.

Cung DẦN thuộc quẻ THÁI  (Địa Thiên Thái) bảy giờ ba hào Dương đã chiếm phần nội quái. Âm Dương được bình phân, khởi đầu mùa Xuân. Tiết **Vũ-Thủy**. Tháng giêng (1)

Cung MỆO thuộc quẻ Đại-Tráng  (Lôi Thiên Đại Tráng) nhằm vào tháng 2 Cung Mão (Mẹo) nên gọi là tháng Kiến Mão, bảy giờ Dương khí bắt đầu lần áp Âm khí. Âm chỉ còn hai hào ở ngoại quái mà thôi. Dương khí đã đến hồi sơ thịnh. Xuân đã đến giữa mùa Xuân, nhằm Tiết **Xuân phân**. Tháng hai.

Cung THÌN thuộc quẻ QUẢI  (Quyết) Trạch Thiên Quyết. Hào Dương đã đến ngôi Cửu Ngũ, tức là hào thứ năm, lần áp hào Âm đến mức cùng, chông chênh ở Thượng Lục, thuộc về cuối Xuân qua Hạ. Tiết **Cốc Vũ**. Tháng ba.

Cung TỶ thuộc quẻ KIÊN  (Bát thuần Kiên) bảy giờ Âm đã hết, Dương khí đã đến hồi cực thịnh. Cùng tắc biến. Hễ Dương cực thì Âm sinh, vào tháng tư và bắt đầu mùa Hạ. Tiết **Tiểu-mãng**.

Đây là giai đoạn THỊNH của chu kỳ biến chứng.

Cung NGỌ thuộc quẻ CẦU  (Thiên Phong Cầu) bảy giờ là Tiết **Hạ chí**. Tháng năm. Đây là Dương khí đến hồi biến, Âm khí đã bắt đầu sinh ở nội quái như quẻ Phục ở cung Tý, nhất dương sinh. Đây, Quẻ Cầu ở cung Ngọ, nhất Âm sinh, thường ở ngay trục Bắc Nam, chỗ Âm

Dương giao tiếp. Nếu Tý tháng 11 thuộc tiết Đông chí thì Ngọ tháng 5 thuộc tiết Hạ chí.

Cung MÙI thuộc quẻ ĐỘN  (Thiên sơn Độn) bảy giờ ở vào cuối Hạ. Tiết **Đại thử**. Tháng 6. Hai hào Âm ở nội quái đã lần Dương khí chỉ còn có một hào ở hào Cửu Tam quẻ Cấn. Dương tiêu Âm trưởng, tượng cho giai đoạn SUY của chu kỳ biện chứng.

Cung THÂN thuộc quẻ BỈ  bảy giờ là Tiết **Xử thử**. Tháng 7. Âm Dương bình phân, nhưng Âm thắng Dương, Âm khí ở nội quái lần Dương khí ở ngoại quái ra ngoài.

Cung DẬU thuộc quẻ QUÁN  (Quan) Phong Địa Quan bảy giờ Tiết **Thu phân**. Tháng 8 (Đối lập với Dậu là Mẹo thuộc quẻ Đại-Tráng)

Cung TUẤT thuộc quẻ BÁC  (Sơn Địa Bác) Âm khí đã đến hồi cực thịnh, Dương khí sắp bị huỷ diệt. Âm cực trưởng, Dương cực tiêu. Tiết **Sương giáng**. Tháng chín.

Cung HỘI thuộc quẻ KHÔN  (Bát thuần Khôn) thuộc Âm. Tiết **Tiểu tuyết**. Tháng 10.

Âm cực dạn đường cho Dương sinh lại ở quẻ Phục. Cứ theo một vòng tròn nối tiếp nhau không đầu mối.

Đây là một chu kỳ biện chứng đầy đủ, nhưng rồi chưa xong đó là VỊ-TẾ, cũng như Bác qua rồi Phục đến. Dương khí lại phục sinh, vòng sinh sinh tử tử vô cùng tận. Dịch nói rằng “Sinh sinh chi vị Dịch”.

Tóm lại:

Trên đây là bản đồ ghi rõ 12 tháng trong một năm, mỗi tháng ứng vào một Cung. Phân ra hai bên: Âm Dương:

- Khởi ở Tý là tháng 11 là quẻ Phục (Địa Lôi Phục).
- Tháng Sửu là tháng 12 ứng quẻ Lâm (Địa Trạch Lâm).
- Tháng 1 (giêng) Dần, ứng vào quẻ Thái (Địa Thiên Thái).
- **Tháng 2 là Mẹo ứng quẻ Đại-Tráng (Lôi Thiên Đại-Tráng)**
- Tháng 3 là Thìn ứng quẻ Quyết (hay Quải) (Trạch Thiên Quyết)
- Tháng 4 là Tỵ ứng vào quẻ Kiền (Bát thuần Kiền)
- Dương bắt đầu thắng từ 1 Dương ở quẻ Phục tiến dần đến khi thuần Dương ở quẻ Kiền có 6 hào Dương. Đây là Dương tiến, thì Âm thoái tức là Âm tiêu Dương trưởng, nghĩa là Âm lui dần.*
- Tháng 5 là Ngọ ứng vào quẻ Cấn (Thiên Phong Cấn)
- Tháng 6 là Mùi ứng vào quẻ Độn (Thiên Sơn Độn)
- Tháng 7 là Thân ứng vào quẻ Bĩ (Thiên Địa Bĩ)
- Tháng 8 là Dậu ứng vào quẻ Quán (Phong Địa Quán)
- Tháng 9 là Tuất ứng quẻ Bác (Sơn Địa Bác)
- Tháng 10 là Hợi ứng với quẻ Khôn (Bát Thuần Khôn)

Với 6 quẻ của 6 tháng sau từ quẻ Cấn trở đi thì Âm xuất hiện. Quẻ Cấn có một Âm ở dưới tiến dần lên đến Khôn là hoàn-toàn Âm, Ấy là Âm trưởng thì Dương tiêu.

Dịch gọi Âm là Tiểu-nhân, Dương là Quân-tử.

Ví dụ:

Luận về Quẻ Đại-Tráng thuộc tháng 2 trong chu-kỳ 12 tháng của một năm.

Đại-tráng  là quẻ đảo của quẻ Độn  Tức nhiên Đại-tráng có 4 hào Dương ở dưới đẩy lên 2 hào Âm ở trên ngày càng ra xa, cho nên nói quân tử đạo trưởng, tiểu nhân đạo tiêu. là vậy. (Hai quẻ này là một cặp Âm Dương cũng như ngày và đêm)

Trái lại, quẻ Độn dù có 2 Âm ở dưới nhưng sẽ đẩy lùi 4 Dương càng xa dần để chiếm toàn bộ là Âm. Đây là tiểu nhân đạo trưởng, quân-tử đạo tiêu.

Trong 12 tháng của 12 Thiên-tử quái thì Đại-Trắng nằm vào tháng 2 nhằm **Cung Mẹo** (hay Mão) nên gọi là tháng Kiến Mão cho nên Tiểu-nhân phải lui đi, trốn tránh đi vậy. Nhưng khi đã trốn tránh cùng cực thì có lúc hiện ra và lớn lên. Bởi Bĩ cực Thái lai, Âm cực thì Dương sinh. Khi Dương đã sinh thì ngày càng lớn mạnh lên soi tỏ muôn vật và lấn át cả hào Âm đến lúc chỉ còn toàn hào Dương.

Bởi mỗi một chu kỳ có khác nhau, vì khác nhau nên luôn có sự thanh, suy, bĩ, thái trong đời. Thế nên người biết được lẽ tiến thoái, tồn vong, dinh hư tiêu trưởng mà không buồn trước sự biến đổi của đất trời bởi vì đã rõ biết về sự chi phối trong định luật ấy. Đó là luật định của Càn khôn vũ-trụ mà người hiểu biết có khác hơn người không biết là chỗ đó. Sự thuận thiên an mệnh chính là chỗ hiểu biết nên tâm thân lúc nào cũng nhàn lạc.

Hiện tại những nước siêu cường như Mỹ quốc chẳng hạn, văn minh như vậy sao không thể tránh được thiên tai như động đất, núi lửa, bão lụt, cháy rừng, sóng thần chẳng hạn?

Đó là định luật của hoá công dầu tin hay không tin sự việc cũng vẫn đến, giống như không khí, dầu người biết cũng thở, mà người không biết cũng hít thở không khí ấy.

Nhận xét:

1-Dương trưởng Âm tiêu:

Với 6 quẻ của 6 tháng trước, khởi từ quẻ:

- PHỤC có 1 dương, thuộc tháng 11, quân hội **TÝ**
- LÂM có 2 dương sanh, thuộc tháng 12, hội **Sửu**
- THÁI có 3 dương sanh, tháng 1(giêng) hội **Dần**.

- ĐẠI TRẮNG có 4 dương sanh, tháng 2, **Mẹo**
 - QUẢI có 5 dương sanh, thuộc tháng 3, **Thìn**.
 - KIẾN có 6 dương (toàn Dương) tháng 4, **Tỵ**.
- Đây là dương trưởng, làm tiêu dần hết các hào Âm
- ### 2-Âm trưởng dương tiêu:

Với 6 quẻ của 6 tháng sau từ quẻ Cẩu trở đi thì Âm xuất hiện. Quẻ Cẩu có một Âm ở dưới tiến dần lên đến Khôn là hoàn-toàn Âm, Ấy là Âm trưởng thì Dương tiêu. Dịch gọi Âm là Tiểu-nhân, Dương là thời của Quân-tử.

- CẨU có 1 Âm sinh, thuộc tháng 5, hội **Ngo**.
- ĐỘN có 2 Âm sinh, thuộc tháng 6, hội **Mùi**.
- BỈ có ba Âm sinh, thuộc tháng 7, hội **Thân**.
- QUÁN có bốn Âm sinh, thuộc tháng 8, hội **Dậu**.
- BÁC có năm Âm sinh, thuộc tháng 9, hội **Tuất**.
- KHÔN hoàn toàn Âm sinh, tháng 10, hội **Hợi**.

3- 12 quẻ xuyên tâm đối cộng lại là 99:

Đặc biệt là 12 quẻ xuyên tâm đối nếu ta cộng lại sẽ có một tổng số là 99. Ví như:

Trục ngang: Quẻ 81, Địa Thiên **Thái** (Khôn vi Địa số 8, Càn vi thiên số 1) cộng với Quẻ 18, Thiên Địa **Bĩ** là 99.

Trục đứng: Quẻ **Càn** 11+ **Khôn** 88= 99

Quẻ 15, Thiên phong **Câu** 15+ **Phục** 84= 99

Quẻ 17, Thiên Sơn **Độn** + **Lâm** 82= 99

Quẻ 58, Phong Địa **Quán** + **Đại Trắng** 41=99

Quẻ 78, Sơn Địa **Bác** + **Quải** 21 = 99

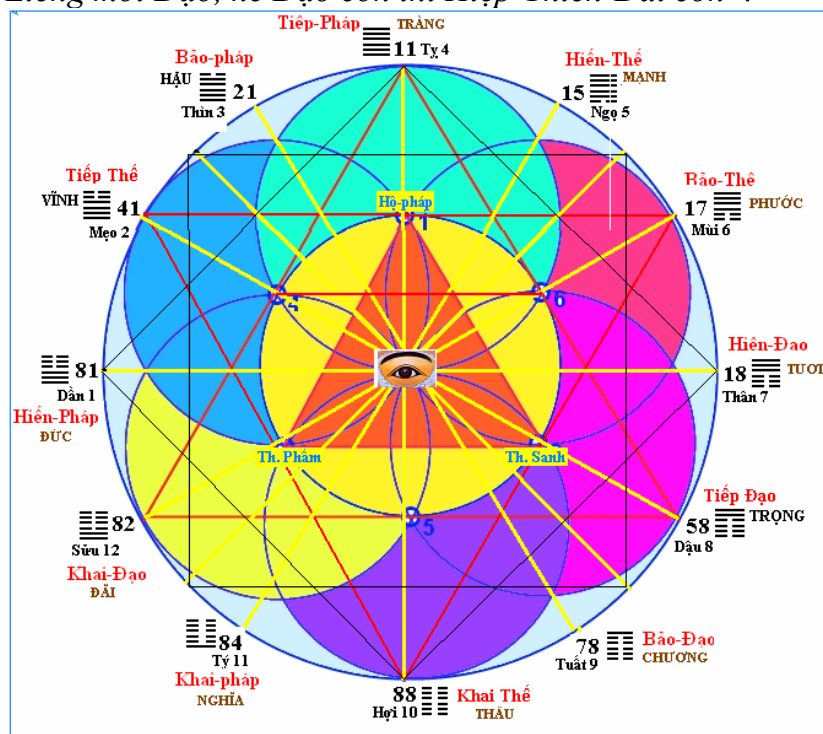
Thí-dụ: Thái là thời của Dương, Bĩ là thời của Âm.



B-Thập Nhị Thời Quân ứng với 12 Thời Thần

(Do để giữ quyền Thiêng-liêng nên mới có 12 vị Thời quân)

Thập Nhị thời Quân thuộc cơ quan Hiệp-Thiên-Đài, mà
 “Hiệp-Thiên-Đài là nơi Thầy ngự, cầm quyền Thiêng Liêng mới Đạo, hễ Đạo còn thì Hiệp-Thiên-Đài còn”.



“Hiệp-Thiên-Đài dưới quyền Hộ-Pháp Chương quản, tả có Thượng-Sanh, Hữu có Thượng-Phẩm, phần của HỘ PHÁP Chương quản về Pháp” (PCT)

(H.34) Thập nhị Thời Quân ứng với Thập Nhị Thời Thần, phân làm ba chi:

- Đức Hộ-Pháp Chương quản chi Pháp.
- Đức Thượng-Phẩm Chương quản chi Đạo

- Đức Thượng-Sanh chương quản Chi Thế

Thập Nhị Thời quân ứng với Thập nhị Thời Thần

Dưới quyền HỘ-PHÁP có 4 vị:

- Tiếp-Pháp - Khai Pháp
- Hiến Pháp - Bảo Pháp

Thượng-Phẩm thì quyền về Đạo, dưới quyền là:

- Tiếp Đạo - Khai Đạo
- Hiến Đạo - Bảo Đạo

Dưới quyền Thượng-Sanh có 4 vị Thời quân chi Thế:

- Tiếp Thế - Khai Thế
- Hiến Thế - Bảo Thế

Cả thấy 12 vị Thời-quân còn gọi là Thập Nhị Chơn quân
 Toàn nhân sanh ngưỡng nguyện công đức của các Ngài nên có đàn Vía riêng và dâng sớ cầu nguyện rằng:

NGŨỜNG NGUYỆN:

THẬP NHỊ THỜI QUÂN thể đặc hảo sanh Đại đức:
 Bác-ái, Công-bình, vận chuyển Huyền diệu Thần bút, thường giáng oai linh hộ trì bố hoá chư Đệ-tử trí não quang minh, tinh thần mãn huệ, thừa kế đại chí bảo thủ chơn truyền, thật hành NHƠN NGHĨA tế độ chúng sanh hiệp đồng chủng tộc, huynh đệ nhưt gia, cộng hưởng thái bình, thanh nhàn hạnh phúc.

(Lòng sớ dâng cúng Thập Nhị Thời quân)

Đức Hộ-Pháp nói:

“Nếu Tôi không làm, Cơ Bút đã cho Tôi biết các Bạ Hiệp-Thiên-Đài do nơi đâu sản xuất?

– Do để giữ quyền Thiêng-liêng nên mới có 12 vị Thời quân, Thập nhị Địa chi tức là cảnh Thiêng liêng vô hình của chúng ta”.

“Ngày nay từ Âu sang Á làn sóng văn minh tràn ngập khắp nơi, vật chất lấn át tinh thần, khiến cho nền luân lý cổ truyền cõi Á-Đông phải luân lạc bởi Hạ nguon

hầu môn nên Đức Chí-Tôn Ngọc Hoàng Thượng-Đế dùng Huyền diệu Cơ bút lập Đại-Đạo Tam-kỳ Phổ-Độ với Tôn chỉ Qui nguyên Tam giáo Phục Nhứt Ngũ chi.

- Lấy Nho-Tông Chuyển thế

- Lấy sự Thương-yêu làm phương-pháp thực hành Chánh Đạo.

-Đức Chí-Tôn quyết cứu vớt những kẻ hữu căn thoát vòng khổ hải, tránh đoạ luân hồi hầu vui hưởng một hạnh phúc vĩnh cửu.

Đức Ngài nói tiếp:

“Đức Chí-Tôn mở Tam-Kỳ Phổ-Độ này gọi là mở Cơ-quan tận độ chúng sanh tức nhiên là lập một khoa thi sang Tam chuyển tái phục Thiêng-liêng-vị nơi cảnh vô hình, mỗi chuyển tức nhiên mỗi khoa mục của các Đẳng chơn hồn cần phải thi đoạt vị: thăng hay đoạ.

Bởi có cho nên Đức Chí-Tôn gọi là trường thi công quả là vậy.

Đức Chí-Tôn cho Hộ-Pháp và Thập Nhị Thời Quân đến cốt yếu để mở cửa Bí pháp ấy đặng cho vạn linh đoạt vị. Cả thầy đều hiểu rằng Đức Chí-Tôn buổi mới sơ khai, chưa tạo thiên lập địa, Ngài muốn cho vạn linh đặng hiệp cùng Nhứt linh của Ngài do quyền năng sở hữu của quyền hạn Thần linh.

Ngài vừa khởi trong mình quyết định thi hành điều ấy thì Ngài nắm cái PHÁP. Trước Ngài chỉ là Pháp, vì có cho nên ta để Phật tức nhiên là Ngài, kế thứ nhì là PHÁP. Hễ nắm Pháp rồi Ngài phán đoán vạn vật thành hình, Ngài muốn vạn vật thành hình tức nhiên TẮNG. Cả vạn linh đều đứng trong hàng Tăng. Ấy vậy Pháp là chủ của vạn linh. Bởi do nơi Pháp vạn linh mới chủ tướng biến hình, do nơi Pháp mới sản xuất vạn linh; cả huyền vi hữu

hình Đức Chí-Tôn tạo Đạo do nơi Pháp. Chúng ta biết Pháp thuộc về hình thể của vạn linh, vì có cho nên Đạo giáo minh tả rõ rệt Tam châu Bát bộ thuộc về quyền Hộ-Pháp “Tam châu Bát bộ Hộ-Pháp Thiên Tôn”...

...Đức Hộ-Pháp đến cốt yếu đem Bát phẩm Chơn hồn thăng vị nhiều hoặc ít: có thể một đẳng cấp từ vật chất Hộ-Pháp đem lên thảo mộc; Thảo mộc đem lên thú cầm, thú cầm đem lên nhơn loại dĩ chí Phật-vị, Hộ-Pháp có thể chỉ định cho họ đặng. Bởi trong quyền ấy Đức Chí Tôn nói trọng quyền thì trọng phạt; quyền hành nắm chẳng phải nơi mặt thể gian này mà thôi.

Hộ-Pháp và Thập Nhị Thời Quân không phải quyền tại thể gian này, quyền nơi cửa Đạo Cao Đài này, cũng không phải tại đây nữa. Bần-Đạo nói: đây là quyền Đạo Cao-Đài cả Thiêng-liêng hằng sống.

(ĐHP: 1-9 Kỷ-Sửu)

1-Thập Nhị Thời quân là gì?

Thập Nhị Thời quân là mười hai vị Thánh bên Hiệp-Thiên-Đài dưới quyền của Hộ-Pháp, Thượng Phẩm, Thượng Sanh Chương-quân.

“Thập nhị Thời-quân đối với Thập nhị thời Thần. Các chơn-linh đến bậc nào cũng phải do nơi ấy mà xuất hiện, như Thầy nắm trọn Thập nhị thời Thần vào tay rồi mới khai thiên lập địa:

- Thiên khai ư Tý.

- Địa tịch ư Sửu.

- Nhơn sanh ư Dần.

Các chơn-linh đầu nguyên-nhân hay là Hóa nhân,

hễ chịu hữu-sanh thì đều nơi tay Thập nhị Thời Quân mà siêu đọa, cũng như Thần, Thánh, Tiên, Phật nhờ Thập nhị Thời thần mà thăng giáng.

Thập nhị thời quân tức là Thập nhị thời Thần tại thế đó vậy. Thập nhị Thời quân chia ra làm ba chi: Pháp, Đạo, Thế.

Pháp-Chánh-Truyền dạy:

***HỘ-PHÁP chương-quản về Pháp** (chi PHÁP)

dưới quyền có 4 người:

Hậu là Bảo-Pháp (Bảo-pháp Nguyễn Trung Hậu)

Đức là Hiến-Pháp (Hiên-pháp Trương Hữu Đức)

Nghĩa là Khai-pháp (Khai-pháp Trần-Duy Nghĩa)

Tràng là Tiếp-pháp (Tiếp-pháp Trương văn-Tràng)

Chi PHÁP lo bảo-hộ luật Đạo và luật đời, chẳng ai qua luật mà Hiệp-Thiên-Đài không biết.

***THƯỞNG-PHẨM lo về phần Đạo** (chi ĐẠO) dưới quyền có 4 người:

Chương là Bảo-Đạo (Bảo-Đạo Ca-Minh Chương)

Tươi là Hiến-Đạo (Hiên-Đạo Phạm-văn Tươi)

Đãi là Khai-Đạo (Khai-Đạo Phạm-Tấn Đãi)

Trọng là Tiếp-Đạo (Tiếp-Đạo Cao-Đức Trọng)

Chi Đạo lo về phần Đạo nơi Tịnh-Thất, mấy Thánh-Thất, đều xem-xét chư Môn-đệ Thầy, binh vực chẳng cho ai phạm luật đến khắc-khổ choặng.

***THƯỞNG-SANH thì lo về phần Đời** (chi THẾ) dưới quyền có 4 người:

Bảo-Thế thì Phước (Bảo-Thế Lê-Thiện Phước)

Hiên-Thế thì Mạnh (Hiên-Thế Nguyễn văn Mạnh)

Khai-thế thì Thâu (Khai-Thế Thái-văn Thâu)

Tiếp-thế thì Vĩnh (Tiếp-Thế Lê-thế-Vĩnh)

Xem cách Thầy ban Pháp-Chánh-Truyền như trên cũng đã thấy cái lý Âm Dương trong ba Chi rồi vậy. Hai

chi Pháp và Đạo (thuộc về Đạo) thì Thầy đặt tên các vị ở trước, đặt phẩm-tước sau, chỉ duy chi Thế là Đời, nên đặt tước-phẩm ở trước và tên các vị ở sau. Ấy là ngay trong một cơ-quan cũng phải đủ lý Âm Dương tương-hiệp. Có nghĩa rằng Đạo thì lo tô bồi Nhơn tước để khi đến với Thiên-Đạo thật sự chỉ là một sự hợp thức-hóa, mượn Thiên-tước làm con đường trở về Thiên-liêng-vị mà thôi.

Còn Đời trọng cái Thiên-tước mà ít khi trau dồi Nhơn-tước. Nếu bản thân không tự trau thì khi có Thiên Tước rồi, cái Nhơn Tước không trau dồi kịp. Một sự nhắc nhở thật tinh vi của Ông Thầy Trời thật là tuyệt diệu. Quả như lời Đức Nguyệt-Tâm Chơn Nhơn đã nói:

Làm Cha nuôi nấng ân cần,

Làm Thầy lại nhượng phẩm Thần ngôi Thiên

Ba chi trên cũng ứng vào Tam tài rồi vậy.

2-Thập nhị Thời quân dưới quyền Hiệp-Thiên-Đài:

Thầy dạy “Thầy khuyên các con lấy tánh vô tư mà hành đạo. Thầy cho các con biết: Hễ trọng quyền ắt có trọng phạt”.

Đức Hộ-Pháp nói:

“Còn như Phật, nhị Tiên, Thập nhị Thánh tại Hiệp-Thiên-Đài thì là các Đấng hầu-hạ bên Thầy lúc trước, nay tuy xuống thế cũng cứ giữ phận hầu Thầy mà thôi”.

Thập nhị Thời Quân đây là thuộc về cơ-quan Hiệp-Thiên-Đài, là một trong ba cơ-quan trọng yếu của nền Đại Đạo Tam-kỳ Phổ-Độ. Bởi:

“Hiệp-Thiên-Đài là nơi chuyên về Đạo pháp, bảo hộ luật Đời và luật Đạo, như Ngọc-Hư-Cung nắm Thiên Điều tức là Ngọc-Hư-Cung tại thế mà Hộ-Pháp Chương quản.

“Hiệp-Thiên-Đài là cửa Trời đó vậy. Hiệp là chung với, Thiên là trời; hiệp cùng Trời tức là cửa vào đường trời, cái thang bắc cho phàm đến cùng Trời. Trong Hiệp-Thiên-Đài có Hộ-Pháp, Thượng Phẩm, Thượng-Sanh”

Ngày khai Đại-Đạo tại Từ-Lâm-Tự khởi ngày 15 tháng 10 năm Bính-Dần (dl 19-11-1926) Thầy ban Pháp-Chánh-Truyền cho Cửu Trùng-Đài trước.

Qua ngày 12-1 Đinh-Mão Đức Chí-Tôn mới lập Pháp-Chánh-Truyền phong cho danh-sách 12 vị Hiệp-Thiên-Đài vào phẩm Thập nhị Thời-quân.

3-Thập nhị Thời-quân ứng với

Thập nhị Thời Thần

Thập Nhị Thời quân tức là tuổi 12 vị này ứng với 12 con Giáp là: Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi.

Tuy tuổi tác các vị lớn nhỏ khác nhau, nhưng đặc biệt không ai trùng tuổi với ai tất cả; xếp theo thứ-tự 12 chi là:

Trong số 12 Thời-quân thì người lớn tuổi nhất là Ngài Bảo-Đạo Ca-Minh-Chương tuổi Giáp-Tuất (1874) Ngài đứng đầu mang chữ Giáp, Giáp là chủ.

Người nhỏ nhất là Tiếp-Thế Lê-Thế-Vĩnh tuổi Quý Mão (1903) đứng cuối hàng Thiên-can mang chữ Quý.

Về Thập nhị địa chi thì Pháp là Khai, nên Khai Pháp Trần-Duy-Nghĩa đứng đầu tuổi Tý (Mậu-Tý), Khai thế Thái-văn-Thâu tuổi Hợi (Kỷ Hợi), đứng cuối hàng địa chi (Hợi)

Về phép Thiên can chuyển hóa Hiên-Thế là Giáp, Tiếp-Thế là Quý.

Về phép thu-liễm của Địa chi Khai-pháp là Tý, Khai-Thế là Hợi.

Về mặt siêu hình Đạo biến sinh ra Pháp, còn về mặt hữu-vi mỗi cái chi có trật-tự, có định-vị tức là Pháp trị, Đạo ở giữa đó là Phật.

Bảng tóm tắt:

Tam đầu chế Hiệp-Thiên-Đài (Xếp theo tuổi):

- 1-Thượng-phẩm Cao Quỳnh Cư tuổi **Mậu-Tý** (1888)
Ngày qui 1-3 Kỷ-Tỵ (1929)
- 2-Thượng-Sanh Cao-Hoài-Sang tuổi **Tân-Sửu**. Ngày sinh: 29-7 Tân Sửu (dl 11-9-1901). Ngày qui 26-8 Tân Hợi (dl 21-4-1971)
- 3-Hộ-Pháp Phạm Công Tắc tuổi **Canh-Dần**, sanh ngày 5 -5 Canh-Dần (1890). Qui ngày 10-4 năm Kỷ-Hợi (1959)

Thập Nhị Thời Quân:

- 1-Khai Pháp Trần Duy Nghĩa tuổi **Mậu-Tý** (1888-1954)
- 2-Khai Đạo Phạm Tấn Đãi tuổi **Tân-Sửu** (1901-1976)
- 3-Hiến Pháp Trương Hữu Đức tuổi **Canh Dần** (1890-1975)
- 4-Tiếp Thế Lê Thế Vĩnh tuổi **Quý-Mão** (1903-?)
- 5-Bảo-Pháp Nguyễn Trung Hậu tuổi **Nhâm Thìn** (1892-1961)
- 6-Tiếp Pháp Trương văn Trảng tuổi **Quý-Tỵ** (1893-1970)
- 7-Hiến Thế Nguyễn văn Mạnh tuổi **Giáp-Ngọ** (1894-1970)
- 8-Bảo-Thế Lê-Thiện-Phước tuổi **Ất-Mùi** (1895-1975)
- 9-Hiến Đạo Phạm văn Tươi tuổi **Bính-Thân** (1896-1976)
- 10-Tiếp Đạo Cao-Đức Trọng tuổi **Đinh-Dậu** (1897-1958)
- 11-Bảo-Đạo Ca-Minh Chương tuổi **Giáp-Tuất** (1874-1927)
- 12-Khai thế Thái văn Thâu tuổi **Kỷ Hợi** (1899-1981)

4-SỰ ỨNG HỢP GIỮA THỜI-QUÂN và THỜI THẦN như thế nào?

“Cả toàn Thánh-Thế và con cái Đức Chí-Tôn đều hiểu: Trong 12 vị Thời-quân của 12 con giáp là cơ huyền bí tạo càn khôn vũ-trụ thế nào có lẽ cả tinh thần của toàn thể con cái Đức Chí-Tôn đều hiểu thấu”.

Xem đồ hình thấy có đủ Thập nhị Thời quân ứng

với 12 con giáp, tức là tuổi của các vị này ứng với Thập nhị Thời Thân. Bát-quái đồ thiên văn có đủ số 15 là hình ảnh của 15 vị trong cơ-quan Hiệp-Thiên-Đài.

Xem như trên thì Tam đầu chế Hiệp-Thiên-Đài tức là ba vị Thượng-Phẩm, Thượng-Sanh, Hộ-Pháp có tuổi lần lượt là Tý, Sửu, Dần; tức là đứng đầu ba con giáp. Trong 12 vị Thời-quân cũng vậy, có ba vị: Khai-pháp (Tý), Khai Đạo (Sửu), Hiến-Pháp (Dần) cũng đứng đầu ba con giáp, tạo thành Tam Âm hợp với Tam Dương của Tam Đầu chế Hiệp-Thiên-Đài để điều-hòa máy Âm Dương của trời đất. Tuổi tác các vị này quan-hệ đối với cơ Đạo cũng như thời tiết bốn mùa trong một năm vậy. Tất nhiên rất trọng-yếu.

Thế nên, ngày giáng sinh cũng như ngày qui thiên của các Ngài đều ảnh hưởng đến sự thành suy bỉ thái của cơ Đạo. Ví như Ngài Bảo-Thế Lê-Thiện Phước là một bậc Thời quân đã dày công với Đạo.

“Năm 1960 tại Giáo-Tông-Đường trước sự hiện diện của Đức Thượng-Sanh, Đức Hộ-Pháp có giáng Cơ ngợi khen Ngài Bảo-Thế qua 4 câu thơ khoán thủ rằng:

BẢO trọng Vạn linh hiệp Chí-linh,
THẾ nguy chuyển loạn lập Hoà-bình
CỨU Đời mở Đạo kinh-luân sẵn,
NUỚC Việt trông chờ sách cứu tinh.

Xem qua bài thơ này chúng ta đủ thấy rằng sứ mạng của Ngài Bảo-Thế được giao phó rất lớn lao và yếu trọng trong Đạo để tâm cơ cứu khổ ấy là giai đoạn Đạo cứu Đời. Ngài BẢO-THẾ đã làm xong sứ mạng Thiêng liêng cao quý ấy, nhưng vai tuồng chi Thế còn đòi hỏi Ngài qui tụ nhơn tài trí thức hữu dụng về nghĩa vụ giúp Đạo trợ Đời, nên Ngài dốc lòng lập thành Ban Thế Đạo về nắm quyền Chương-Quản cho đến phút cuối cùng phải tay nắm

phươn về Thầy.” (trích Bài Ai-diếu của Ngài Khai Đạo)

Hai chữ “Bảo Thế” là giữ Đời, nhưng lúc sinh thời Ngài đã chịu một cơn bệnh trầm kha cũng khá lâu, nhưng vẫn chờ đợi mãi đến 17-3 năm Ất-Mão nhằm ngày 28-4-1975 tức là trước ngày biến cố của đất nước 30 tháng 4 năm 1975, hai ngày, thì Ngài mới vĩnh viễn ra đi. Phải chăng đời đã không còn thì Ngài hết nhiệm vụ vậy?

Thật ra, Đức Hộ-Pháp cũng đã nói:

“Thập Nhị Thời Quân, Thượng-Sanh, Thượng phẩm, Hộ-Pháp gọi là Ngự-Mã-Quân của Chí-Tôn. Phật Mẫu sợ Chí-Tôn tạo Đạo không nên phải tái kiếp, nên Bà phải cho theo xuống Thập Nhị Thời Quân, phẩm tước cao trọng thay!” (Ngày 01-10 Đinh-Hợi 1948)

5-Trọng yếu là thấu mấy vị Tông đồ:

Đức Hộ-Pháp nói:

“Khi Đức Chí-Tôn đến với chúng tôi, Đức Chí Tôn mở ĐẠI-ĐẠO TAM-KỲ PHỔ-ĐỘ chứ không phải mở Đạo Cao-Đài.

Tôi chừng Ngài biểu chúng tôi cầm một cây Cơ và một ngọn bút đi các nơi thấu Môn-Đệ. Trọng-yếu của Ngài là thấu mấy vị Tông-đồ có sứ-mạng trong Đại-Đạo Tam-Kỳ Phổ-Độ làm môi-giới độ Đạo sau này. Đức Chí Tôn biểu chúng tôi phò loan đặng Ngài dùng quyền năng kêu gọi mấy vị Tông đồ đó. Quả nhiên chẳng bao lâu, có đủ Thập Nhị Thời quân hiển hiện ra, trong số các vị Thời quân ấy có Cao Tiếp Đạo ở tại Kiêm biên chứ không phải ở Sài-gòn.

“Ngày nay Đức Chí-Tôn đến, Ngài không giáng thân như các lần trước, mà giáng linh bằng HUYỀN DIỆU CƠ BÚT. Vì lẽ đó Ngài phải lập Hội-Thánh để làm Thánh

Thế cho Ngài.”

Thầy dạy:

“Thầy lại nhắc cho các con hay rằng: Trong Thập Nhị Thời Quân, đâu đó đều có sắp đặt, nếu không phải mấy đũa phò-loan của Thầy đã định thì các Thánh-ngôn do nơi khác mà ra đều là không phải lời của Thầy nói. Con phải đề phòng cẩn thận, nghe à!

Thầy hằng nói cho các con biết, việc CƠ BÚT là việc tối trọng, nếu không có Chơn-linh quý trọng thì thường có Tà quái xung nhập mà khuấy rối làm cho thất nhơn tâm, lại còn một điều đáng quan phòng nữa là trong mấy đũa phò-loan cũng có đũa không dè-dặt, tưởng CƠ BÚT là việc khinh thường làm thế nào cũngặng, rồi muốn lấy đó mà cầu hỏi những điều vô vi, nên cũng có nhiều khi vì đó mà sanh biến trong Đạo.

Thầy nói cho các con hiểu bậc Chơn Thánh mà phải đọa trần nếu không đủ tánh chất để điều-dẫn nhơn sanh thì cũng chưa xứng đáng cầm bút cho Thầy truyền Đạo. Các con nghe à!”

Đi thâu Thập Nhị Thời quân rồi Đức Chí-Tôn mới mở Đạo.

Hơn nữa khi Chí-Tôn đến:

“Lập Pháp-Chánh-Truyền giao cho Hiệp-Thiên-Đài gìn-giữ trong đó có diệu-pháp của Chí Tôn đến lập vị cho con cái của Người tại thế-gian này. Ngài mượn xác thịt của con cái Ngài tổng hợp lại cho có trật-tự, có đẳng-cấp tức nhiên là lập Thánh-thể của Ngài; các phẩm-trật có liên quan với các phân-tử, tức nhiên Hội-Thánh tổng hợp lại là Thánh-thể của Ngài, mà hễ đạt quyền được tức nhiên về với Ngài được.

Ấy vậy, Pháp-chánh Hiệp-Thiên là phương định vị, lập quyền đặng hiệp một con cái của Chí Tôn cùng Chí

Tôn vậy”

“Hiệp-Thiên-Đài là hình-trạng của Ngọc Hư Cung tại thế, ấy là cửa mở cho các chơn-linh vào đặng đi đến Tam thập lục thiên, Cực-Lạc thế giới và Bạch-Ngọc-Kinh là nơi chúng ta hội-hiệp cùng Thầy hay là chỗ ải địa đầu ngăn cản các chơn-linh chẳng cho xâm-phạm đến đường Tiên nẻo Phật.

Lòng từ-bi của Thầy để cho có:

- Kẻ rước là **Thượng Sanh**,

- Người đưa là **Thượng-Phẩm** và

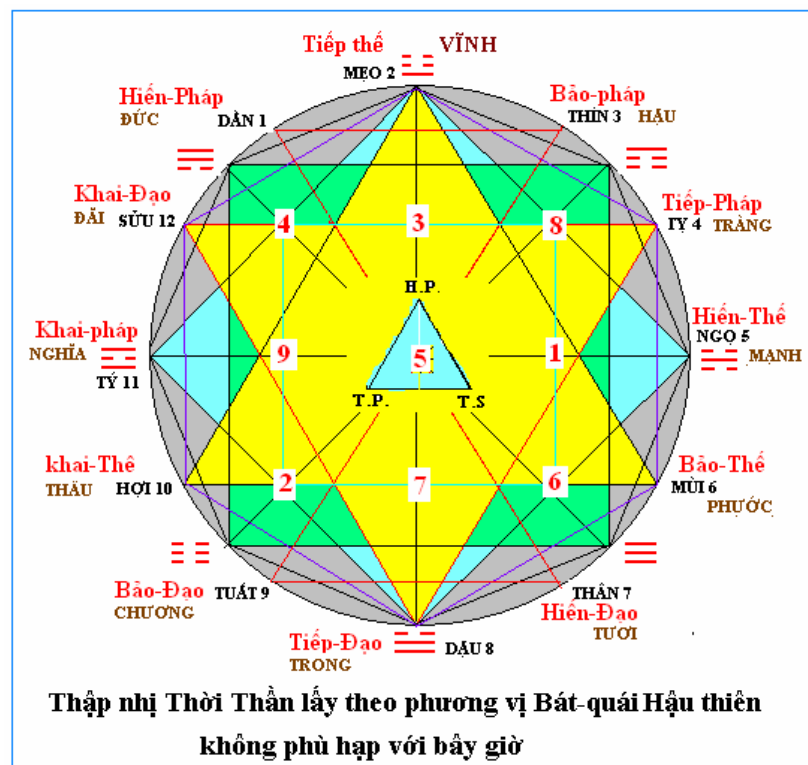
-Người dẫn nẻo mở đường cứu độ là **Hộ-Pháp** đặng đem cả con cái của Thầy về giao lại cho Thầy, kéo Thầy hằng ngày trông đợi.

Còn luận theo tính chất thì nó là một cái Tòa lựa chọn người lương-sanh đem vào hiệp làm một với Cửu Trùng-Đài, lập vị cho cả Tín-đồ; phân xác phù-hợp với phần thiêng-liêng, un-đức giữ-gìn cho các lương-sanh ấy nhớ cựu-phẩm mình hầu buổi chung-quì Hộ-Pháp mở cửa Bát-quái-đài đem tên tuổi ấy vào thờ cùng chư Thần, Thánh, Tiên, Phật cho xứng phận.

Hễ Đạo còn ắt tên tuổi cũng còn, cái cơ đặc Đạo tại thế cũng do nơi ấy vậy”

6-Pháp-Chánh-Truyền Hiệp-Thiên-Đài qui định:

Trong Pháp-Chánh-Truyền Chí-Tôn lập Hội-Thánh Cửu-Trùng-Đài, Hội-Thánh Hiệp-Thiên-Đài, mà trước khi Chí-Tôn đến gieo truyền mới Đạo là Thiên-điều đã định **mở cửa Thập nhị khai thiên** đặng đem cơ cứu khổ để tại mặt thế-gian này mà cứu vớt toàn cả Cửu nhị ức nguyên nhơn, con cái của Ngài, Chí-Tôn giao phó cho Hiệp-Thiên-Đài, mà trong **Chức-sắc Hiệp-Thiên-Đài có 15 người kể luôn Hộ-Pháp,Thượng phẩm,Thượng Sanh.**



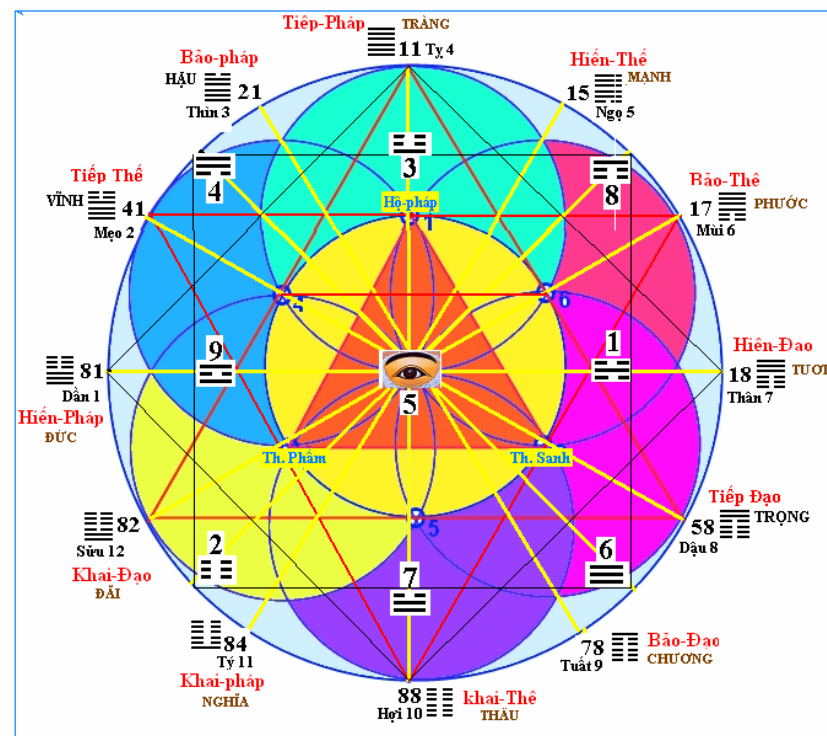
(H.35)Thập Nhị thời quân ứng với Thập Nhị Thời Thần
(Xếp theo phương vị đồ Hậu Thiên Bát-quái)

Trước đây khi chưa khai triển “BÁT-QUÁI BIẾN

HOÁ TOÀN ĐỒ” thì chúng ta lấy chuẩn là Bát-Quái Hậu Thiên để luận về phương vị của Thập nhị Thời quân ứng với Thập Nhị Thời Thần như hình ở trang 305 Dịch-ly Cao-Đài I (Hình 35 ở trên).

Nay, đã đủ cơ sở để tìm đến nguyên-ủy của các Bát-Quái mà Đạo Cao-Đài đã thể hiện một cách rõ-ràng Từ nay về sau chúng ta chỉ dùng các Bát-Quái sau đây mà thôi. Thế mới thấy Dịch là biến, biến hoá vô cùng, nhờ

biến mà nhân loại mỗi ngày mỗi tiến bộ về khoa học cũng như Đạo học. Nhưng Đạo học bao giờ cũng đi trước, như ánh sáng của tia chớp bao giờ cũng thấy trước tiếng sét nổ.



(H.36) Đây:Thập Nhị Thời Quân ứng với Thập Nhị Thời Thần theo đúng “Bát quái biến hoá toàn đồ” đã khai triển

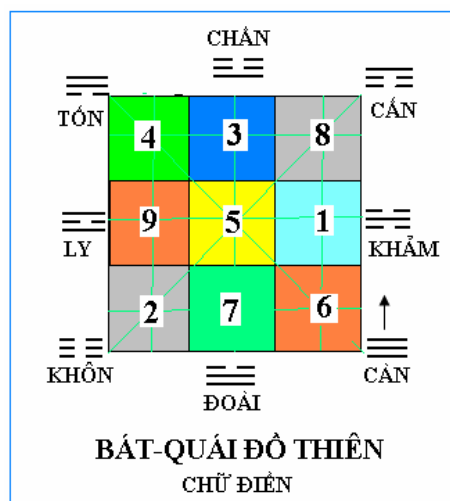
Phương-pháp vẽ:

Vẽ một vòng tròn giữa có tam giác đều nội tiếp, tượng ba ngôi: Tinh Khí thần hiệp nhưt là Hộ-Pháp (ở giữa) Thượng Phẩm (bên phải của Hộ-Pháp) Thượng-Sanh (bên trái của Hộ-Pháp) theo như ảnh ba Tượng đặt ở Hiệp-

Thiên-Đài ngự trên thất đầu xà. Tâm là Đức Chí-Tôn Ngọc Hoàng Thượng-Đế.

Vòng tròn ấy là tượng Càn khôn vũ trụ. Sáu vòng tròn xoay quanh tâm theo như trên Tượng Ngũ chi là các Đấng Giáo-Chủ qua các thời kỳ. Bên trong kết hợp bởi hai hình tam giác và hai hình vuông. Các cạnh của những hình này cũng đủ làm nên Bát quái Đồ Thiên hay Bát-Quái Cao-Đài. Bên ngoài tạo thành 12 điểm tiếp xúc với chu vi hình tròn chính là 12 tháng cũng là ứng với tuổi của 12 vị Thời Quân Hiệp-Thiên-Đài. Hai hình Tứ Tượng (hình vuông) tạo thành Bát-quái có các quẻ làm nên con số Bát Quái Đồ thiên. Như vậy thì 12 Thời quân đứng vào vị trí của tên 12 tháng gọi là Thập Nhị Thời Thần.

Nếu cộng các con số nằm trên quẻ Bát-quái đây theo xuyên tâm đối có tổng số là 10, tượng cho Thập Thiên can. Thập Thiên Can và Thập Nhị Địa chi làm nên cặp Âm Dương luôn hoà quyện vào nhau, biến đổi làm



7- Số 12 thành hình là do 9+3.

nên càn khôn vũ trụ. Nếu cộng các số ma phương như nói ở trước thì có đến tám lần tổng số là 15 tức là con số của Hiệp-Thiên-Đài ứng với Diêu-Tri-Cung.

Bên trong của Đồ hình là Bát-Quái Đồ thiên là hình ảnh Diêu Tri-Cung đã bàn qua nhiều lần rồi.

(H.37) Ma-phương-số

Tam đầu chế Hiệp-Thiên-Đài:

Nay Chí-Tôn thành lập Đại-Đạo Tam-Kỳ Phổ-Độ Ngài đã dùng lương sanh để cứu vớt quần sanh.

Trong cửa Đạo ngày nay chính ba vị Tướng-soái của Chí-Tôn đã có đủ yếu-tố để khởi-đoan cho mỗi Đạo Trời trong cái cơ-vi: “Thiên địa tuần-hoàn châu nhi phục thủy” đó; phải chăng tất cả đều có một sự sắp xếp tế-vi, nên mới nói “Đạo thành do ba người.”

- **Đức Thượng-Phẩm** Cao-Quỳnh-Cư, tuổi **Mậu-Tý** (số 1) nắm chi ĐẠO.

- **Đức Thượng-Sanh** Cao-Hoài-Sang, tuổi **Tân-Sửu** (số 2) nắm chi THỂ.

-**Đức Hộ-Pháp** Phạm-Công-Tắc, tuổi **Canh Dần** (số 3) nắm chi PHÁP.

Ba người đứng vào ba tuổi: Tý, Sửu, Dần hiệp thành quẻ Ly

Đây là ba người trong cơ khởi thủy của Hiệp-Thiên-Đài tượng trưng ý-nghĩa: Một mà ba, ba cũng là một vậy. Ba Ngài là hình ảnh của Tinh (Thượng-Sanh), Khí (Hộ-Pháp), Thần (Thượng-phẩm) hiệp nhưt. Ấy vậy ngày nay Đức Chí-Tôn đã mở Cơ tận độ là đây, tức nhiên Ngài đã mở cơ Đại-Ân-Xá cho tất cả chúng sanh, thế nên có lời rằng: “Các con chỉ có tu là đắc Đạo”.

Khởi thủy như thế nào?

Mới bắt đầu số 1, phát sinh ở hướng Bắc, tức là cái vi-dương (vi dương đây là **Đạo**). Bắt đầu có ở hướng Bắc cho nên trên quả địa-cầu lúc đó có đại-lục mà chỉ ở hướng Bắc hưởng thụ cái khí vi-dương đầu tiên của sao Bắc-đẩu. “Thiên nhưt sanh thủy”.

Rồi dần dần phát-triển qua hướng Nam, tức là số 1 tiến dần đến số 2; số 2 ở về hướng Nam thể trên, tức là đại-lục của Bắc Á-châu (chi **THỂ** xuất-hiện).

Bây giờ sang hướng Đông đến số 3. Số 3 tức là số của Thiếu-Dương (đây là lúc thịnh hành của cơ **Pháp**) cho nên trong thời thái-cổ theo sự phát triển về thời gian, vì lẽ ấy mà thời đó ở Á Đông văn-minh trước Âu-Tây, mà chính cái văn minh tinh-thần vô-cùng sáng-suốt thấu hiểu được trời đất. Kinh Dịch của các tiên Thánh cũng được khởi ở Châu Á, mở ra nền văn minh tinh thần cao đẹp.

Do lẽ ấy mới có câu:

- *Thiên khai ư Tý*
- *Địa tịch ư Sửu.*
- *Nhơn sanh ư Dần.*

Tức là Tý-hội khai thiên, qua Sửu-hội sanh địa-cầu và Dần-hội thì sanh nhơn-loại. Thiên, Địa, Nhơn gọi là Tam tài hay là Thiên-hoàng, Địa-hoàng, Nhân-hoàng.

Tại sao Đức Phật-Mẫu dạy ba ông phải cầm 9 cây nhang mà khấn-vái trong ngày Vọng Thiên Cầu Đạo?

Bởi mỗi người là một tế-bào khởi thủy cho sự trường tồn của nền Đại-Đạo.

Mà tế bào tinh-trùng ở con người cũng như con vật có chỗ giống nhau, đều cấu-tạo bởi một dương điện-tử và 9 âm điện-tử. Do vậy mà các ông phải cầm 9 cây nhang mà cầu-nguyện làm biểu-tượng ấy. Đây là lúc làm nên cái trứơng tinh thần Đại Đạo.

SỐ 9 là cơ vận-chuyển, 3 là 3 ngôi.

Lấy 3 ngôi hiệp vào cơ vận-chuyển tức là cơ qui nhứt. Nắm cả các pháp trong tay, mà người nắm pháp ấy là chúa-tể càn khôn vũ-trụ, nên Thầy có nói số 12 là số riêng của Thầy.

Số 3 cũng nằm trong qui luật: Tý, Sửu, Dần, đứng đầu trong 12 chi.

Khi trời đất chưa khai, là một khí không không. Sau

khi định hội Tý thì gọi là *Vô-danh thiên địa chi thủy*, thế nên khi tạo trời gọi là “Thiên khai ư Tý”.

Đất thành hình là thời-kỳ “Địa tịch ư Sửu” còn gọi là “*Hữu danh vạn-vật chi mẫu*” tức là có tên gọi, muôn vật có hình bắt đầu thọ nơi Mẹ hóa sanh.

Nay đến hội Tam-kỳ kết-quả của thời “*Nhơn sanh ư Dần*” do vậy mà Cao-Đài Đại-Đạo ra đời để độ hết quần-linh về cõi Niết-Bàn, chẳng để một điểm chơn-linh nào ở miền Đông-độ, gọi là thời-kỳ Đại ân xá lần ba.

Do vậy số 3 là cơ-quan hữu tướng cùng vô tướng hiện có ở trong càn-khôn vũ-trụ này, kết hợp với số 9 là một con số huyền-diệu, nó là cơ chuyển biến đến mực độ toàn thiện, toàn mỹ, toàn tri, toàn năng, để trở về cơ qui nhứt. Nó cũng là hình ảnh của ngôi Thái-cực đứng trước luật âm dương thì thấy rõ quyền-năng Chương-quản trong đó. “12 là con số riêng của Thầy”.

Nếu lấy số 1 đứng trước số 2 thì là Thái cực dẫn đầu. Nếu cộng 1 và 2 tức là ba ngôi đó vậy. Số 3 là con số huyền diệu vô cùng. (Xin đọc: Số 3 Huyền-Diệu).

8- Quyền-hành HỘ-PHÁP

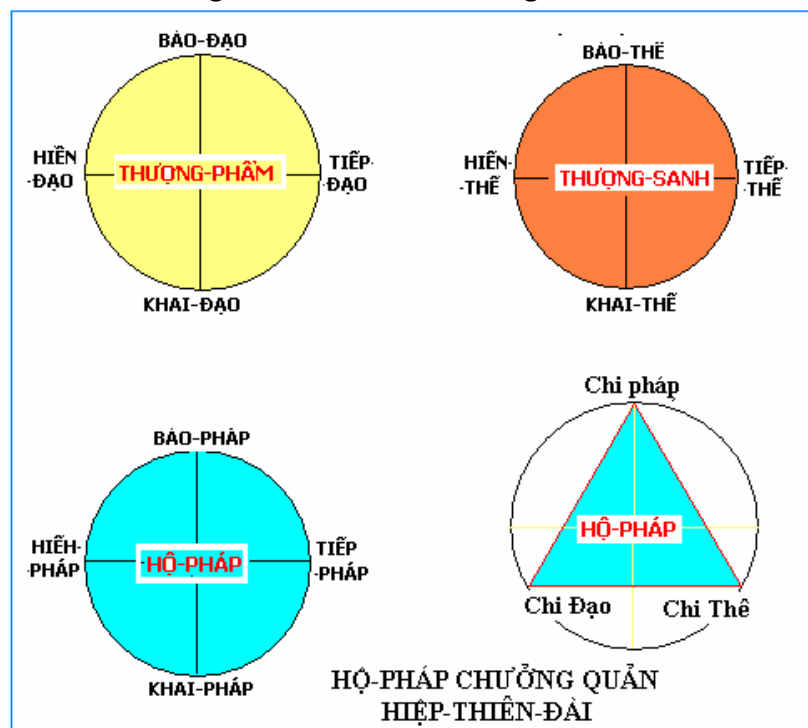
“*Hiệp-Thiên-Đài dưới quyền Hộ-Pháp Chương quản, tả có Thượng-Sanh, hữu có Thượng-phẩm, phân của Hộ-Pháp Chương-quản về Pháp.*”

“*Vậy thì Hiệp-Thiên-Đài phải dưới quyền Hộ-Pháp chương-quản, cũng như Cửu-Trùng-Đài dưới quyền Giáo Tông và Bát-quái-Đài dưới quyền Đức Chí-Tôn làm chủ.*”

Hộ-Pháp “*Là người nắm trọn cả luật Đạo và luật đời đặng xử đoán, làm chủ phòng xử-đoán. Dưới quyền Hộ-Pháp có 4 vị Thời-quân là; Tiếp-Pháp, Khai-pháp, Hiến-Pháp, Bảo-pháp*”

Mỗi một vòng tròn như vậy có 5 vị, ứng với số Ngũ

Ba vòng tròn trên có tâm mang chữ:



(H. 38) Hộ-Pháp Chưởng quản Hiệp-Thiên-Đài

-**Thượng-phẩm** là người nắm quyền chi Đạo, có 4 vị dưới quyền Ngài là: Bảo-Đạo, Hiển-Đạo, Khai Đạo, Tiếp-Đạo.

-**Hộ-Pháp** là người nắm quyền chi Pháp, có 4 vị dưới quyền Ngài là: Bảo-Pháp, Hiển-Pháp, Khai Pháp, Tiếp-Pháp.

-**Thượng-Sanh** là người nắm quyền chi Thể, có 4 vị dưới quyền Ngài là: Bảo-Thể, Hiển-Thể, Khai-Thể, Tiếp-Thể.

Như vậy 3 vị: Thượng-phẩm, Hộ-Pháp, Thượng Sanh là ba vị Tướng-soái của Chí-Tôn, 12 vị mang chữ

Đạo, Pháp, Thể là 12 vị Thời-quân. Nói chung là Ngự Mã Thiên-quân của Chí-Tôn đó vậy, cộng chung là 15 người. Con số 15 này có mặt trong Bát-quái Đồ thiên và đóng một vai trò vô cùng quan-trọng.

Số 15 là hình ảnh của:

- Trời có Tam-bửu, *Ngũ khí*.
- Đất có Tam-bửu, *Ngũ hành*.
- Người có Tam-bửu, *Ngũ tạng*.

3 lần con số 3 là 9 là con số Lão-dương chỉ quyền năng của Thượng-Đế.

3 lần con số 5 là con số điều-hoà Càn-khôn vũ-trụ là hình ảnh của Phật-Mẫu năm cơ sản-xuất Bát-phẩm chơn hồn, sanh biến vạn-linh.

Thế nên trong Bàn Hội-Yến lúc nào cũng có đủ ba: chi Pháp (Hộ-Pháp), Đạo (Thượng-Phẩm), Thể (Thượng Sanh).

Lúc các Ngài còn sanh tiền hay khi tất cả các Ngài đều qui Thiên cũng vậy, cũng biểu-tượng đủ con số 12, tức là 9 vị Nữ Tiên và 3 vị Hiệp-Thiên-Đài. Ngay trong buổi này các Ngài đã qui Thiên rồi thì trong buổi Hội-Yến Diêu-Tri-Cung có các bài thái để hiến Lễ.

9-Vấn đề xung khắc, kỵ hạp:

Tên tuổi những vị Thời quân nếu lấy theo tứ hành xung cũng vẫn theo qui luật là: Dần Thân Tỵ Hợi, Thìn Tuất Sửu Mùi, Tỵ Ngọ Mẹo Dậu.

Thìn Tuất Sửu Mùi ứng hợp với các vị Thời quân là: Thìn (Bảo-Pháp), Tuất (Bảo-Đạo), Mùi (Bảo-Thể), Sửu (Khai Đạo) ứng với Thổ. Thế nên Thổ có phận sự là chuyển tiếp. Trong cửa Đạo phận sự các Ngài thật vô cùng yếu trọng.

Tam hợp là: Thân Tý Thìn, Hợi Mẹo Mùi, Dần Ngọ Tuất, Tỵ Dậu Sửu.

(Thân) Hiến Đạo, (Tý) Bảo-pháp, (Thìn) Khai-pháp
(Hợi) Khai Thế, (Mẹo) Tiếp Thế, (Mùi) Bảo Thế
(Dần) Hiến-pháp, (Ngọ) Hiến Thế, (Tuất) Bảo Đạo
(Tý) Tiếp-pháp, (Dậu) Tiếp-Đạo, (Sửu) Khai Đạo

Nhị hợp: Tý Sửu, Dần Hợi, Mão Tuất, Thìn Dậu,
Ty Thân, Ngọ Mùi.

Nhị xung: Tý Mùi, Sửu Ngọ, Dần Ty, Mẹo Thìn,
Hợi Thân, Tuất Dậu.

Thập Nhị Thời quân nếu lấy theo tứ hành xung cũng
vẫn theo qui luật là Thập Nhị Địa chi ứng với Ngũ Hành:

Thìn Tuất Sửu Mùi (Thổ), Hợi Tý (Thủy) Dần Mẹo
(Mộc), Ty Ngọ (Hoả), Thân Dậu (Kim)

12 thời Thần có ảnh hưởng trong Y-lý:

Lục phủ Ngũ Tạng trong cơ thể con người cũng có
giờ khởi: Những giờ này Khí được vượng: Thơ rằng:

Phế Dần, đại Mão, vị Thìn cung

Tỳ Ty, Tâm Ngọ, Tiểu Mùi trung.

Thân bàng, Dậu Thận, tâm bào Tuất

Hợi tam, Tý đởm, Sửu can thông.

Giải nghĩa: Phế (phổi) bắt đầu giờ Dần vượng tức
nhiên chủ giờ Dần. Đại trường giờ Mão, bao-tử thuộc giờ
Thìn.

Tỳ (lá lách) giờ Ty. Chánh Ngọ thì tâm, Tiểu
trường trong giờ Mùi thịnh.

Giờ Thân thì bàng quang. Giờ Dậu thì Thận, Tâm
bào-lạc (lớp bao bọc tim) chủ giờ Tuất.

Giờ Hợi thì Tam tiêu, Đởm (gan) thuộc giờ Tý,
Can thì giờ Sửu tất thấy đều được thông.

10- Chơn-pháp của Đại-Đạo:

“Theo Chơn-pháp của Đại-Đạo Tam-kỳ Phổ-Độ thì
mọi cơ-cấu nơi cõi vô hình đều có cơ-cấu hữu hình đối
tượng của Đạo nơi mặt thế.

- Ở cõi thiêng-liêng có Cửu-Thiên khai-hóa thì
trong cửa Đạo Cao-Đài có đối tượng hữu-vi là Cửu Trùng
Đài.

- Còn ở vô hình có cơ-cấu tạo ra cung Trời là Thập
nhị Khai thiên, tức là Thập nhị Thời Thần, thì ở cửa Đạo
Cao-Đài có đối tượng hữu vi là Thập nhị Thời-quân.

Còn nói về **Hội-Yến Bàn-Đào** thì ở vô-hình Diêu
Tri-Cung mỗi năm đến mùa đào chín, Đức Diêu-Tri Kim
Mẫu tức là Đức Phật-Mẫu mở lễ Hội-Yến Bàn-Đào có tất
cả chư Phật, chư Tiên ở các nơi đều về châu Lễ, được ăn
một quả đào Tiên sẽ dâng trường sanh bất tử; thì ở cửa
Đạo Cao-Đài cũng có tổ-chức một cuộc lễ hữu-vi đối
tượng tại Đền Thờ Phật-Mẫu ở Tòa-Thánh Tây-ninh cho
cả Chức-sắc Thiên-phong và toàn Đạo ở các nơi về dự;
nhứt là Chức-sắc Hiệp-Thiên-Đài đều về châu Lễ để
hưởng hồng-ân điển-lực của Đức Phật-Mẫu ban cho”.

Hỏi: tại sao có mặt Thập nhị Thời-quân dự bồi tửu trong Bàn Hội-Yến?

- “Nơi cõi vô hình phải có Thập nhị Khai thiên tức
là Thập nhị Thời thần phối-hợp nhau để tạo nên cung
Trời, thì ở mặt thế này đối-tượng của Thập nhị khai thiên
là Thập nhị Thời-quân cũng phải phối-hợp cùng nhau để
giúp tạo thành hình tướng của Đạo Cao-Đài. Vì đó mà
Thập nhị Thời-quân mới có mặt bồi tửu trong buổi Lễ Hội
Yến.

Bên Cửu-Trùng-đài là hình ảnh Cửu-Thiên khai
hóa, mà nơi cõi vô hình thì Cửu-Thiên khai-hóa chỉ là sự
phân chia đẳng-cấp của cơ Trời; còn về phần hữu hình thì
Cửu-Trùng-Đài cũng chỉ là phận-sự chia đẳng cấp trong
cửa Đạo mà thôi.

Nếu bên vô hình Cửu-thiên khai-hóa không dự phần

phối-hợp để tạo ra cung trời, thì trong đối-tượng về phần hữu hình cũng không có dự phần phối-hợp để giúp tạo thành hình tượng của Đạo Cao-Đài.

Vì những nguyên-nhân trên đây mà Chức-sắc Cửu Trùng-Đài không có dự vào việc bồi tửu trong lễ Hội-Yến Diêu-Trì-Cung, lễ này đặc biệt thuộc phần tổ-chức của Hiệp-Thiên-Đài.

...Ngày ấy là ngày vui cho sự trường-tồn vĩnh-cửu của cõi trời, ngược lại cảnh đào-độn của tam thập lục thiên. Thứ nhất cũng là ngày vui cho sự trường-tồn, vĩnh cửu của Đạo Cao-Đài đến thất ức niên.

Thập nhị Thời-quân chính là Thập nhị Thời Thần nên số tuổi của các Ngài thể hiện con số thập nhị Địa chi của Đạo trời, vì vậy mà tuổi của 12 vị Thời-quân mỗi người đứng đầu một con giáp không ai trùng hợp với ai mà lại còn có sự đặt định một cách khít-khào, huyền nhiệm vô cùng.

Đức Hộ-Pháp có giải:

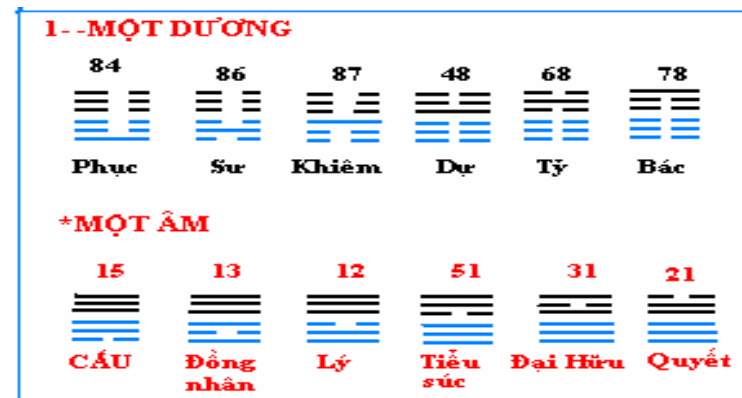
“Cả toàn Thánh-Thể và con cái Đức Chí-Tôn đều hiểu: Trong 12 vị Thời-quân của 12 con giáp là cơ huyền bí tạo càn khôn vũ-trụ thể nào có lẽ cả tinh-thần của toàn thể con cái Đức Chí-Tôn đều hiểu thấu”.

C-Kết luận về QUẾ BIẾN:

- * -Phàm quẻ có 1 Âm 1 Dương đều từ Quẻ **Phục Cầu** lại.
- * -Phàm quẻ có 2 Âm, 2 Dương đều từ quẻ **Lâm Độn** lại.
- * -Phàm quẻ có 3 Âm 3 Dương đều từ quẻ **Thái Bĩ** lại.
- * -Phàm quẻ có 4 Âm 4 Dương đều từ quẻ **Đại Tráng**, Quẻ **Quan** lại
- * -Phàm quẻ có 5 Âm 5 Dương đều từ quẻ **Phu, Bác** lại

1-Quẻ có một Âm một Dương:

*Trường hợp những quẻ có chỉ có 1 Âm 1 Dương, thì từ quẻ **Phục**; tức là **Địa Lôi Phục** có một Dương mới



(H.39) Một Âm một Dương biến

xuất hiện, như:

Quẻ chỉ có một Dương, khởi ở quẻ Phục:

Địa Lôi Phục là do quẻ **Khôn** vì Địa (số 8) hợp với **Chấn** vì Lôi (số 4) Biệt số của quẻ Phục là 84.

Ngày nay trong cửa Đạo khi đưa đám tang thì trật tự đưa đám ngoài những nghi thức Tôn giáo ra, thì người phải Nam đi sau cuối. Vì sao? – Tức là hình ảnh của quẻ Phục đó. Bởi xác chết là Âm mà khi đem chôn vào lòng đất cũng là Âm. Ngày xưa cho rằng chết là mất tất cả, nên dùng tang phục màu đen là tượng quẻ Khôn. Thân nhân người quá cố khóc than bi thiết. Nhưng nay, ngươn hội Cao-Đài cho biết sự chết là trở về để làm lại một cuộc hành trình khác. Người Nam đi sau cùng chứng tỏ còn một điểm Dương trong sáng của “Hồn Trời hoá trở về Thiên cảnh. Xác đất sanh đến lĩnh phục hồi” là như vậy. Với nền Đại-Đạo quẻ Phục tượng là **Khai ngươn chuyển thế**.

Địa Thuỷ Sư là do quẻ **Khôn** vì Địa (số 8) hợp với **Khảm** vì Thuỷ (số 6) Biệt số của quẻ Sư là 86. Sư chúng là đông người, tượng cho **Thánh Thể của Đức Chí-Tôn**

Địa Sơn Khiêm là do quẻ **Khôn** vì Địa (số 8) hợp với **Cấn** vì Sơn (số 7) Biệt số của quẻ Khiêm là 87.

Sự khiêm tốn nhún nhường để đem lại bình an cho thiên hạ, *tượng Tam Thánh ký Hoà-uớc* với Đức Chí-Tôn phải thực hiện cho được hai điều: Bác-ái, Công bình.

Lôi Địa Dục là do quẻ *Chấn* vi Lôi (số 4) hợp với *Khôn* vi Địa (số 8) Biệt số của quẻ Dục là 48.

Dục là vui vẻ của một thời tịch lạc mà cả nhân loại ngày nay mong đợi *Đức Di-Lạc* “Tái sinh sửa đổi chơn truyền. Khai cơ tận độ Cứu tuyền diệt vong. Hội Long Hoa tuyển phong Phật vị.” vào những ngày sắp tới đây.

Thủy Địa Tỷ là do quẻ *Khảm* vi Thủy (số 6) hợp với *Khôn* vi Địa (số 8) Biệt số của quẻ Tỷ là 68.

Tỷ là so-sánh, tức nhiên nói về *phẩm tước Thiên Đạo* mà trong cửa Đạo này tất cả đều muốn đến để dâng công đổi vị. Hầu có ngày đoạt được ngôi cao phẩm quý.

Sơn Địa Bác là do quẻ *Cấn* vi Sơn (số 7) hợp với *Khôn* vi Địa (số 8) Biệt số của quẻ Bác là 78.

Bác là một sự bào mòn của một thời cơ sắp đổ, tượng quẻ chỉ còn một Dương lơ-lửng như hiện tượng núi lở, đất sụp của một thời cùng cuối của Hạ ngươn mặt pháp như ngày nay cả thế giới đều rung động.

Quẻ chỉ có 1 Âm, khởi ở quẻ Thiên Phong Cầu:

Thiên phong Cầu là do quẻ *Kiên* vi Thiên (số 1) hợp với *Tốn* vi Phong (số 5) Biệt số của quẻ Cầu là 15.

Nay, ngươn hội Cao-Đài mọi nghi thức đều có ý nghĩa, như đưa đám cưới thì người Nữ lại đi sau cuối. Bởi quẻ Cầu là sự kết hợp lại có một điểm Âm dưới cùng làm khởi điểm cho “*Cơ sanh hoá Càn khôn đào tạo. Do Âm Dương hiệp đạo biến thiên*”. Trái với quẻ Phục ở trên.

Thiên Hoả Đồng nhân là do quẻ *Kiên* vi Thiên (số 1) hợp với *Ly* vi Hoả (số 3) Biệt số của quẻ Đồng nhân 13.

Đồng nhân là cùng với người. Tượng cho thời kỳ của *Đại-Đồng thế giới* đến với nhau trong tình yêu thương

của Thượng-Đế.

Thiên Trạch Lý là do quẻ *Kiên* vi Thiên (số 1) hợp với *Đoài* vi Trạch (số 2) Biệt số của quẻ Lý là 12

“Lý giả lễ dã” tức là trật tự, *nghi thức Đại-Đạo* mà ngày nay tất cả đều do Thượng-Đế an bày.

Phong Thiên Tiểu Súc là do quẻ *Tốn* vi Phong (số 5) hợp với *Kiên* vi Thiên (số 1) Biệt số quẻ Tiểu-súc là 51.

Thời kỳ của Đức Thượng-Đế đến với nhân loại bằng *Huyền Cơ diệu Bút* để phổ truyền chánh pháp, vì Ngài đến với nhân loại mà không có nhân thân phạm ngữ nên phải nhờ Bút Thánh Cơ Thần để lời giáo hoá.

Hoả Thiên Đại-Hữu là do quẻ *Ly* vi hoả (số 3) hợp với *Kiên* vi Thiên (số 1) Biệt số của quẻ Đại hữu là 31.

Đại Hữu là có nhiều. Ngày nay nhân loại đang lâm vào cảnh mất đi niềm hoà ái bởi văn minh vật chất lấn át tinh thần, chiến tranh, thiên tai, động đất kéo theo sự nghèo đói. Do đó mà phải có một “*Chính sách Hoà bình Chung sống*” để nhân loại xích lại gần nhau hơn.

Trạch Thiên Quyết là do quẻ *Đoài* vi Trạch (số 2) hợp với *Kiên* vi Thiên (số 1) Biệt số của quẻ Quyết là 21

2-Quẻ có 2 Âm hai Dương:

2-* HAI DƯƠNG									
82	83	44	64	74	85	46	66	76	47
LÂM	MINH DI	CHẤN	TRUÂN	DI	THĂNG	GIẢI	KHẨM	MÔNG	TIỂU QUÁ
67	77	28	38	58					
KIỀN	CẤN	TUY	TẤN	QUAN					

H.40) Những quẻ có hai Âm (tức là bên cạnh có 4 Dương) **quẻ hai Dương** (thì bên cạnh có 4 Âm) mỗi thứ có 15 quẻ:

-15 quẻ có hai hào Dương khởi từ quẻ Lâm:
- 15 quẻ có hai hào Âm khởi từ quẻ Độn (H.41)

*HAI ÂM									
17	16	55	35	25	14	53	33	23	52
ĐỘN	TỤNG	TỒN	ĐỈNH	Đại Quá	Vô vọng	Gia nhân	LY	CÁCH	Trung phu
32	22	71	61	41					
KHUÊ	ĐOÀI	Đại Súc	NHU	Đại tráng					

3-TAM DƯƠNG 20 QUẺ									
72	73	34	54	75	36	56	62	63	24
TỒN	BÍ	PHÊ HẠP	ÍCH	CỒ	VỊ TẾ	HOÁN	TIẾT	KÝ TẾ	TUYÊN
65	26	42	43	45	81	37	57	18	27
TỈNH	KHÔN	QUI MUỘI	PHONG	HẰNG	THÁI	LỮ	TIÊM	BỈ	HÀM

3-Tam Âm Tam Dương (H.42)

Tam Dương, Tam âm có 20 quẻ:

Những quẻ này có số Âm Dương cân bằng nhau: nghĩa là trong một quẻ có 6 hào, 3 hào Âm và 3 hào Dương nhưng chúng nằm ở vị trí khác nhau như:

Sơn Trạch Tồn là phối hợp bởi *Cấn* vi Sơn (số 7) theo Tiên Thiên Bát quái) và *Đoài* vi Trạch (Đoài số 2), biệt số của quẻ Tồn là số 72 là nghĩa như vậy.

4-TỨ ÂM TỨ DƯƠNG

Nhận xét:

Xem ra thì trong phần Tứ Âm Tứ Dương: mỗi loại 15 quẻ có 4 hào Âm và 15 quẻ có 4 hào Dương.

Theo hình vẽ trên đây phân biệt riêng từng hàng

Quẻ có những số Âm và Dương giống nhau thì nghiệm thấy rằng:

- Dương khí trên đây là thanh khí bao giờ cũng nhẹ nhàng và bốc lên trên, nên có sự tiến lên.

- Âm khí tức là trọc khí nặng, cho nên bao giờ cũng có ý lắng xuống phía dưới. Nghiệm xét về thực tế thì quả nhiên như vậy, khi khói bay tức là khí nóng thì bốc lên cao, còn khí lạnh thì lắng xuống dưới, càng lạnh càng xuống thấp.

Đó là nói về thể và tính cách của hai thể Âm và Dương. Trong 64 quẻ đều có tính cách đó. Vì vậy có thể kết luận bằng một định lý thứ nhất là:

Khí Dương nóng thì bốc lên, lạnh thì ngưng lại

1- Xét trong 64 quẻ theo những bản đồ trên thì đều có sự tương đối nhau: Trong những quẻ đối hể có Âm ắt có Dương. Trái lại có Dương thì có Âm. Âm Dương không xa lìa nhau.

2- Khi đến độ trung hoà thì bắt đầu sanh hoá. Bởi cái đức lớn của trời đất là sự sinh "*Sinh sinh chi vị Dịch*".

Quẻ có 4 Dương và 4 Âm, xem lại những quẻ có 2 Âm hai Dương, đều giống nhau.

5-Năm Âm năm Dương (H.43)

Phần này cũng giống như những quẻ một âm một Dương vậy (Xem phần một Âm một Dương ở trên)

Sự biến hoá của Dịch

Khởi đầu Dịch chỉ có 8 quẻ đơn mà thôi, khi biến hoá thì thành ra 64 quẻ kép (do $8 \times 8 = 64$) Chính nhờ sự biến hoá này mới thành ra Càn khôn thế giới, không vật gì, loài gì mà ra ngoài định luật của vũ trụ tức là sự biến dịch.

5. NĂM DƯƠNG . 5 ÂM					
21	31	51	12	13	15
QUYẾT	Đại Hữu	Tiểu súc	LÝ	Đồng nhân	CẦU
78	68	48	87	86	84
BÁC	TỶ	DỰ	KHIÊM	SƯ	PHỤC

Thánh nhân xếp Kinh Dịch ra làm hai Kinh: gọi là Thượng Kinh và Hạ kinh:

1/-Thượng Kinh: có 30 quẻ.

Duy chỉ có 6 quẻ không đổi gọi là **bất dịch**, là:

Kiên Khôn Khảm
 Ly Di Đại quá

Thế nào gọi là không đổi?

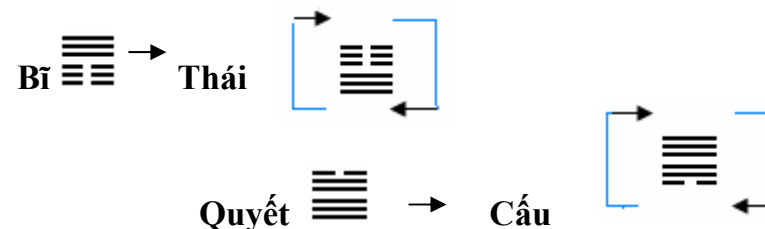
– Tức nhiên nhìn vào quẻ cho ta thấy ngay: những quẻ này dầu xoay một vòng 180° cũng không đổi, nó cũng có một dạng như vậy mà thôi. Dịch gọi đó là Bất dịch.

Còn lại 24 quẻ là phản dịch, nhưng có 12 đôi, cho nên cộng lại là có **18 quẻ** (12+6=18).

2/-Hạ Kinh có 34 quẻ:

Có hai quẻ Trung phu và Tiểu quá là không xô dịch tức nhiên cũng là **bất dịch**. Còn lại 32 quẻ gọi là phản dịch. Xếp thành đôi một thì có 16 cộng với 2 quẻ kia thành ra **18 quẻ** (16+2=18).

Thế nào là quẻ phản dịch? Ví dụ như:



Những quẻ gọi là phản dịch như quẻ **Thiên Địa Bĩ** khi ta quay một vòng 180 độ thì thành ra quẻ **Địa Thiên Thái**. Tương tự, 24 quẻ còn lại cũng như thế, mà chúng ta nói là 12 cặp Âm Dương của nó. Những quẻ này gọi là phản dịch, mà cũng còn gọi là **điên đảo dịch**.



D- TỨ TƯỢNG VÀ SỰ VẬN HÀNH BIẾN HOÁ SINH TRƯỞNG THU TÀNG TRONG TRỜI ĐẤT

Dịch nói “Nhất Âm nhất Dương chi vị Đạo” đã thành định luật. Đã là định luật thì bất di bất dịch. Tức nhiên mọi vật trong trời đất này với một Âm một Dương sẽ làm nên Đạo. Ví như người thì có Nam Nữ, vật thì có trống mái, phải đủ hai nhân tố đó mới tạo nên một hình ảnh thứ ba.

Bởi Âm Dương là hai biểu tượng tạo thành sự vận hành của vạn vật. Sự vận hành này có thịnh, có suy, có trưởng, có tàng. Người xưa đã tóm tắt các giai đoạn này thành hai giai đoạn lớn là **Túc 息** và **Tiêu 消**. Từ túc và Tiêu có thể phân làm bốn giai đoạn nữa.

4 GIAI ĐOẠN CỦA THÁI THIỂU ÂM DƯƠNG

Đã biết rằng Vô cực tiến sang Thái cực, sang Lưỡng nghi, sang Tứ Tượng, biến Bát-Quái rồi đến Lục thập tứ quái (64 quái) là thành hình sự sống trong một chu

kỳ không bao giờ ngừng dứt mà người xưa ví sự liên tục ấy như chiếc vòng ngọc không đầu mối.

Quá trình tiến triển của vũ trụ từ vô hình đến hữu hình theo Dịch-lý là như thế. Chữ “Sinh” không những có nghĩa là sinh ra, mà nó diễn tả chuỗi biến hoá của một cuộc “Sống riêng” của một vật trong toàn thể sự sống của trời đất.

BỐN GIAI ĐOẠN BIẾN HOÁ CỦA TỨ TƯỢNG KHẨM, LY, ĐOÀI, CHẤN (Theo tài liệu của Dịch lý Y-lý của G.S.Huỳnh Minh-Đức)

Sự thịnh suy của Tứ thời là do sự biến hoá của TỨ TƯỢNG. Các quẻ KHẨM, LY, CHẤN, ĐOÀI là bốn chính quái thuộc Tứ tượng, mỗi quái có 6 hào, mỗi hào sinh một tiết khí. Có thể mô tả như sau:

Đây là sự phân chia 24 Tiết trong Tứ tượng quái.

Trong một năm có 12 tháng: 6 tháng thuộc Dương, 6 tháng thuộc Âm. 12 tháng ấy được tượng trưng trong 12 Quẻ, là các Quẻ:

.PHỤC (Tháng 11) ở cung Tý, Tiết *Đông chí*

.LÂM (tháng 12) ở Cung Sửu, Tiết *Đại hàn*

.THÁI (tháng 1) ở Cung Dần, Tiết *Vũ thủy*

Thuộc về **Thiếu Dương** làm chủ

.ĐẠI TRÁNG (tháng 2) ở Cung Mão, Tiết *Xuân phân*

.QUẢ (tháng 3) ở Cung Thìn, Tiết *Cốc vũ*

.KIÊN (tháng 4) ở Cung Tỵ, Tiết *Tiểu mãn*

Thuộc về **Thái Dương** làm chủ

Trên đây là lục Dương quái gồm 6 quẻ

.CÁU (tháng 5) ở Cung Ngọ, Tiết *Hạ chí*

.ĐỘN (tháng 6) ở Cung Mùi, Tiết *Đại thử*

.BỈ (tháng 7) ở Cung Thân, Tiết *Xử thử*

Thuộc về **Thiếu Âm** làm chủ

.QUÁN (tháng 8) ở Cung Dậu, Tiết *Thu phân*

.BÁC (tháng 9) ở Cung Tuất, Tiết *Sương giáng*

.KHÔN (tháng 10) ở Cung Hợi, Tiết *Tiêu tuyết*

Thuộc về **Thái Âm** làm chủ

Kể đến là lục Âm quái gồm 6 quẻ

Tất cả các quẻ trên biến dịch đều do luật Tiêu trưởng mà lập thành:

- 6 quẻ phần Dương là Âm tiêu Dương trưởng.

- 6 quẻ phần Âm là Dương tiêu Âm trưởng

Tuy có 64 quẻ (8x8) nhưng kỳ thực rút lại chỉ có 12 quẻ kể trên gọi là Thiên-tứ-quái, tức là 12 quẻ chánh tạo thành 12 tháng trong một năm đứng đầu 12 con giáp, tức là Thập Nhị Địa Chi.

Xem đồ biểu thấy rõ lẽ: Dinh (đầy), Hư (thiếu), Tiêu (hao mòn), Tức là ngừng nghỉ để lớn lên dần. Nêu:

-Âm suy dần, Dương lớn dần (thời của Thiếu dương)

-Âm lớn dần, Dương suy dần (thời của Thiếu Âm).

12 quẻ trên còn gọi là 12 quẻ Tiêu Tức.

Như:

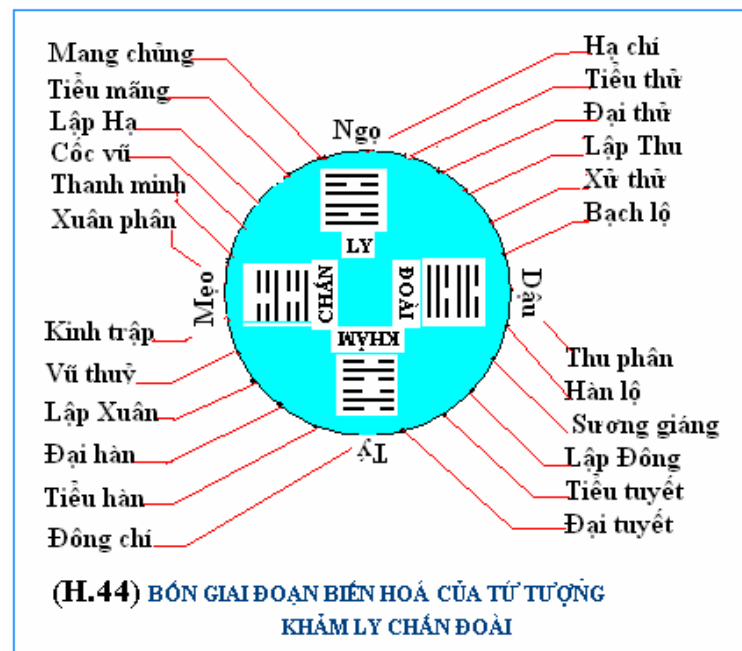
- Phục, Lâm, Thái, Đại-tráng, Quả, Kiền là “Tức quái”.

- Cẩu, Độn, Bỉ, Quán, Bác, Khôn là “Tiêu quái”.

HƯ theo liền với TIÊU, DINH theo liền với TỨC. Cho nên nói tức nghĩa là nói Dinh (doanh). Nói TIÊU là nói HƯ. Như vậy là Dinh đối với Hư, Tiêu đối với Tức.

BỐN GIAI ĐOẠN BIẾN HOÁ CỦA TỨ TƯỢNG VỀ THỜI TIẾT

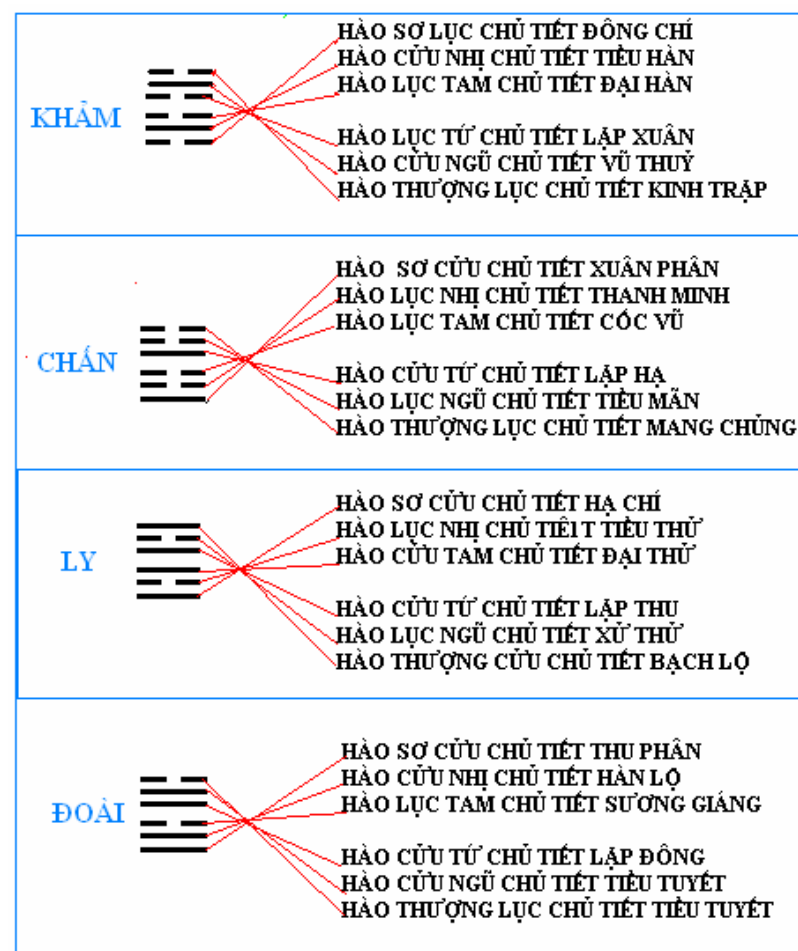
Thử xét đến các quẻ PHỤC (tháng giêng) và quẻ QUÁN (tháng 8) để tìm hiểu ý-nghĩa hai kỳ Đại Lễ của Đức Chí-Tôn và Đức Phật-Mẫu hằng năm tính theo Âm lịch.



Phục ䷗ Quẻ này ứng vào tháng 11. Ngoại quái là Khôn vi Địa, nội quái là Chấn vi Lôi, đọc là Địa Lôi Phục. Quẻ này có một hào Dương mới sanh ra (Phục là trở lại), được phục sinh lại. Ấy là chuyển tiếp của quẻ Khôn tháng 10 thuần Âm. Lý của Dịch là cùng tắc biến, biến tắc thông. Một hào Dương phát sinh nên vạn vật đều được hưởng cái Dương Xuân âm áp làm khởi điểm, tức là trong cái động đã tiềm ẩn khí Dương rồi, vạn vật như hồi sinh.

Đó là cái ngươn khí của vũ trụ cần khôn phát khởi do nhứt điểm Dương sanh của Đức Chí-Tôn tạo hoá.

Tháng giêng là tháng DẦN khởi đầu của một năm nên đứng vào Thượng ngươn số 1 được lấy làm Đại Lễ Đức Chí-Tôn, tượng trưng con số quản trị cần khôn mà Đức Ngài là Đấng Chúa Tể vũ trụ, đó là quẻ Thái.



(H.45) BỐN GIAI ĐOẠN BIẾN HOÁ CỦA TỨ TƯỢNG

E-Cơ Đạo ngày nay có 12 Thời-Quân bên cạnh có 12 Bảo-Quân, hợp lại cũng như 24 tiết khí vậy

Bên cạnh 12 quẻ chánh yếu có 12 Tiết với 12 Khí, nên gọi là 24 Tiết khí. Cũng như con người có mỗi bên 12 xương sườn, cộng chung là 24 xương sườn để đỡ lồng ngực. Trong cửa Đạo bên Hiệp-Thiên-Đài có 12 vị Thời

Quân ứng với 12 Thời Thần, lại có Thập nhị Bảo Quân là để chuẩn bị hoàn thành một Hàn Lâm Viện trong nền Đại Đạo, tất cả đều chịu dưới hệ-thống của Hiệp-Thiên-Đài.

Thập Nhị Bảo-Quân là gì?

Ngoài 12 Thời quân ra còn có 12 vị Bảo-Quân dưới quyền chỉ huy của Giáo-Tông và Hộ-Pháp. Đức Hộ-Pháp trả lời trong quyền lời phê về Thập nhị Bảo-quân là:

“Toàn thể Bảo-Quân là Hàn-Lâm-viện, mỗi vị có sở chức, sở năng ấy là điều khác nhau đặc biệt, tỷ như:

Huyền-linh-quân nghĩa là Thần linh hồn khác với Bảo-Học quân là thuộc về khoa-học hay thực tế học..

Có 12 vị gọi là Thập Nhị Bảo Quân là:

- 1- Bảo Huyền-linh-quân (Science mystique)
- 2- Bảo-Học-quân (Science physique – Instruction Publique)
- 3- Bảo Thiên-văn quân (Astrologie)
- 4- Bảo Địa Lý quân (Géologie)
- 5- Bảo Sanh Quân (Santé publique)
- 6- Bảo Cô quân (Chevalerie)
- 7- Bảo Văn Pháp quân (Belles lettres)
- 8- Bảo Y quân (Médecine)
- 9- Bảo Nông quân (Agriculture)
- 10- Bảo Công quân (Arts et Métiers)
- 11- Bảo Thương quân (Commerce et Industrie)
- 12- Bảo Phong hoá quân (Philosophie) hoặc còn gọi là Bảo-Sĩ-Quân tức là Triết-học.

Nếu một ngày một đêm có 24 giờ, thì 12 giờ ban ngày là Dương, 12 giờ ban đêm là Âm. Đó là định luật của đất trời. Giờ đây tổ chức trong cơ quan Hiệp-Thiên-Đài cũng tương tự như vậy:

- Thập Nhị Thời Quân ấy là Dương.
- Thập Nhị Bảo-Quân ấy là Âm.

Âm Dương tương hiệp mới phát khởi Càn khôn là vậy. Dù ở bất cứ trường hợp nào vẫn có Âm Dương không chia lìa nhau.



(H.48) Cửa sổ Đền trang trí hoa Sen

F-Lý biến hoá: Thể pháp trong nền Đại-Đạo:

1/- 23 Thiên Nhân chung quanh cửa sổ Đền-Thánh:

Phương ngôn Tây có câu *“Con mắt là cửa sổ của linh hồn”* cho nên chung quanh Đền Thánh có cả thảy 23 cửa sổ cao rộng. Các cửa sổ ấy trang trí bằng loài Sen và chính giữa khung là hình *“Con Mắt Trời”*.

Hai mặt trên và dưới khung trang trí hai bụi Sen đối xứng nhau, có đủ hoa, lá, bông, trái và ngó sen, sắp xếp

thật mỹ thuật với các con số đầy đủ ý-nghĩa của đạo pháp. Bên trong là một khuôn hình có 8 cạnh. Ở giữa là một tam giác đều, ở vào tâm điểm của hình có Con mắt là biểu tượng “**Thiên Nhân Thầy**” tỏa ra bằng 16 tia hào quang rực-rỡ.

Cửa sổ được trang trí cả hai mặt, thế nên tuy là 23 cửa sổ nhưng cả thấy là 46 Thiên Nhân ($23 \times 2 = 46$)

Tất cả các cửa sổ đều có một khuôn giống nhau.

Ý-nghĩa của Thiên Nhân thì không khác, tuy nhiên về hình thức thì mỗi nơi có mang một sắc thái khác nhau.

Tại sao trang trí sen chung quanh Thiên Nhân?

Sen có nhiều ý-nghĩa: là hình ảnh của Phật đạo, chứng tỏ Cao-Đài là Phật giáo chấn hưng

Sen là biểu hiệu sự thanh-cao, tinh khiết. Sống trong bùn mà không hôi mùi bùn, cũng như người tu hành chân chính thì dù có sống trong trần thế mà không nhiễm thế trần.

Hai bụi sen: đặt ở trên và dưới của chiếc khung, tượng Lưỡng nghi, tức nhiên số 2 là chỉ con người sống trong thế giới nhị nguyên, dầu muốn dầu không phải chịu trong luật luân hồi sanh tử, không ai tránh khỏi. Định luật Âm Dương chi phối toàn thể cơ cấu của càn khôn vũ trụ.

Tam giác ở giữa là lý Tam tài, bên trong là “Thiên nhân Thầy” tượng ngôi Thái cực. Thái cực sinh Lưỡng nghi là hình ảnh hai bụi sen toả ra xung quanh:

- **Bốn búp sen** hồng là hình ảnh của Tứ tượng, tức là hình vuông.

- **Sáu bông sen nở:** Trên 3 dưới 3 là tam Âm tam Dương, là hình ảnh của quẻ Càn ☰ 3 nét và Khôn ☷ 3 nét, chính là hai tam giác thuận nghịch đó.

- **Cộng chung là 10 bông sen** tượng Thập Thiên Can, tức là: Giáp, Ất, Bính, Đinh, Mậu, Kỷ, Canh, Tân, Nhâm, Quý.

- **Tám trái sen xanh** chia đều trên 4 dưới 4, tức là tứ Âm tứ Dương hợp thành *Bát-Quái thứ nhứt* ở trong.

- **12 ngó sen** là tượng cho Thập Nhị Địa chi là: Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi. Hai lý Âm Dương Thiên can và Địa chi này đã làm nên đầu mối của Càn Khôn vũ trụ trong sự biến hóa vô cùng. Kinh Phê-Mẫu có câu:

“*Thập Thiên Can bao hàm vạn tượng,*

“*Tùng Địa chi hóa trưởng Càn Khôn*”

-**Khung có hình Bát quái**, tức nhiên là có dạng chữ nhứt, xong 4 góc lại cắt xéo thành ra 8, hợp thành tứ Âm tứ Dương tạo thành *Bát-Quái thứ nhì*, làm khuôn bao bọc:

1- Bát-quái Đồ Thiên ở bên ngoài.

2- Bát-Quái bên trong là **Bát-Quái Hư vô**.

Có câu “*Hư vô Bát-Quái trị Thần qui nguyên*”.

Hiện nay Đạo Cao-Đài xử dụng đến 4 Bát-quái.

Chính hai Bát-Quái này là con đường của người tu trở về với Thiên Đạo là một con đường ngắn nhứt, chỉ Đạo Cao-Đài mới được Đức Thượng Đế đến ban cho mà thôi.

Tam giác đều nằm giữa khung hình, trung điểm của tam giác cũng là trung đoạn, trung tuyến của tam giác và trùng hợp với tâm của vòng tròn. Đó chính là ngôi Thái cực của Thầy đang ngự trị.

Chính cái tâm này là điểm đáng lưu ý là *Thầy nói rằng khi đến ngã ba đường không biết đường tới nữa thì đứng ở ngã ba chờ Thầy*. Đây là điểm hẹn!

Tức là: Thầy muốn dặn rằng: **Người Cao-Đài phải biết TRUNG VỚI ĐẠO. HIẾU VỚI CHÍ-TÔN VÀ PHẬT MẪU.**

Tại sao phải là 23 Thiên Nhân?

Bởi 23 cũng là số của Càn Khôn. Càn 3 nét dương. Khôn bằng 6 nét âm, tức nhiên số nét của Âm gấp 2 lần số nét của Dương, cho nên số 23 là ý nghĩa của Tham Thiên lưỡng địa hay còn gọi là tam thiên lưỡng địa là trời ba đất hai là thể.

2/- Luận Đạo: Về Y-lý:

Tại sao số 3 và số 5 có tính cách quan-trọng trong đạo-pháp từ xưa đến giờ?

Nhìn vào cơ thể người sẽ thấy rõ: Con người có hai tay và hai chân gọi là Tứ chi, Dịch nói là Tứ-Tượng.

Mỗi một tay cũng như chân có sự cấu-hợp giống nhau:

- Phần cánh tay trong có một xương dài, cánh tay ngoài có hai xương dài, thành ra tay cũng như chân mỗi chi đều có 3 xương dài, mỗi mỗi là 3 chiếc xương.

- Mỗi bàn tay hay bàn chân đều có 5 ngón..

Cộng cả hai con số này lại thì bằng $(3+5=8)$ 8 là con số Bát-quái. Như vậy con người có 4 chi cả thấy: hai tay, hai chân; cũng như Đạo-pháp có 4 Bát-quái vậy.

Sự cấu-hợp về tay chân của người như vậy thì dầu cho cả thế-giới đều không ai khác ai hết. Đó là tính cách quan-trọng trong cái tự-nhiên của đất trời. Nếu một người mà thiếu một bộ phận nào như trên thì gọi là sự tật nguyên, bệnh hoạn hay dị tật mà thôi chứ không phải là một con người toàn diện được.

Ba lần cái Tam-bửu $(3 \times 3 = 9)$ tức là con số 9 là số Dương cùng cuối. Bởi đến cùng cực cái động thì trở lại trạng-thái thái tĩnh nguyên-thủy, cho nên số 9 biến thành số 0 (đó là phép thử toán học) Dịch gọi là số lão Dương, lão là già, già thì biến đổi. Biến đổi để trở lại ban đầu, thì

số 1 là số khởi, là số Thái-cực, là số Dương. Lấy hai con số này làm ngày Đại-lễ Đức Chí-Tôn tức là ngày 9 tháng 1 (giêng) âm-lịch hằng năm.

Ba lần con số 5 $(3 \times 5 = 15)$ 15 là con số trung-hòa của vũ-trụ, nên lấy ngày 15 làm ngày vía Đức Phật-Mẫu. Đó là ngày 15 tháng 8. Con số 8 cũng là cơ hòa trong năm, mà cũng là ngày Tết của nhi-đồng. Vả lại số 8 định cho Bát phẩm chơn-hồn do tay của Mẹ Điều-Trì sản xuất. Ngày Hội-Yến Điều-Trì-Cung là ngày 15 tháng 8 là do đó.

Xem ra thì tổng cộng số Thiên Nhân Thầy trong Đền Thánh có 50 hình tượng cả thấy. Con số 50 này tượng cho trung Thiên-Đồ tức là Bát-Quái Đồ thiên mà Đạo Cao Đài đang sử dụng:

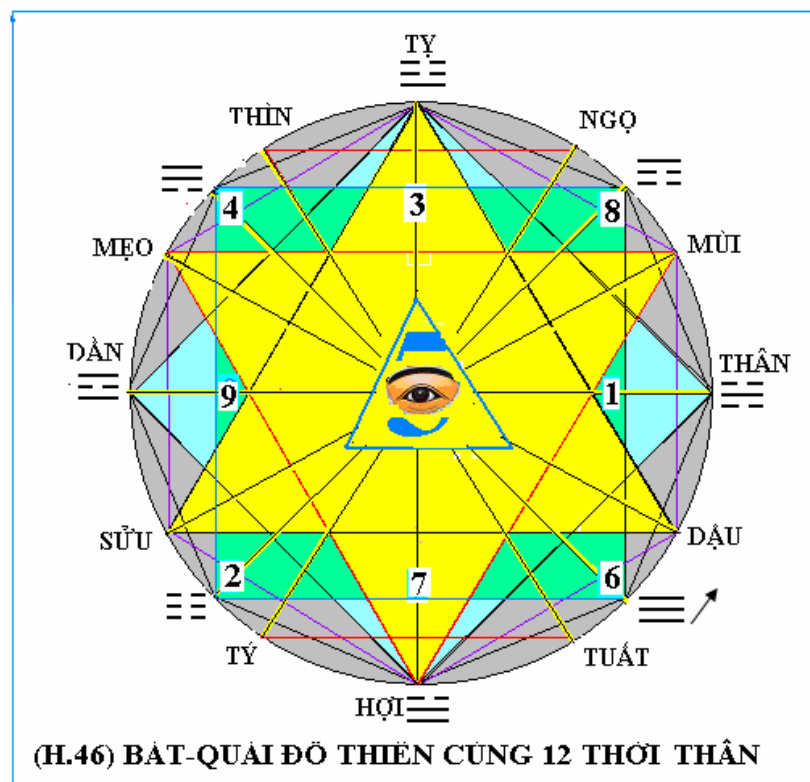
Lưu ý: Khi Đức Hộ-Pháp trần Thần 23 Thiên nhân, cũng theo một trình tự, Ngài có giải thích

...Ngài vào cửa bên tả CỬU-TRUNG-ĐÀI, đi trần Thần Thiên-Nhân chung quanh Tổ Đình, lần lượt từ từ xuống Bát-Quái-Đài, rồi sang qua hữu, hết thấy là 23 thiên Nhân ngó ra ngoài Đền. Còn 23 Thiên Nhân bên trong Ngài không trần Thần vì người Đạo quì ngang sợ ô-uế, không thể coi sóc cho tinh khiết được.

Ngài giải thích 23 “Thiên Nhân” ngó ra ngoài Đền thì để cho thiện nam tín nữ quì ở ngoài sân lạy vào, đó cũng là nêu ra cho cả thấy từ Đông, Tây, Nam, Bắc hay dầu cho nơi ven trời góc biển, bất cứ nơi nào đến giờ Lễ bái mà biết hướng về Đền Thánh mà lạy, thì đều có được hào quang Thiên-Nhân chiếu diệu cả. Ấy là Thễ-pháp tượng trưng cho bí-pháp này”

Tóm lại: Về Cách thức mà Đức Hộ-Pháp đi trần Thần trong ngày này cũng rất liên quan đến Bí-pháp của Đạo, tức là đi theo vòng Âm Dương thuận nghịch đó vậy.

Không một việc làm nào trong cửa Đạo mà không có một ý-nghĩa. Duy ta có biết đến hay không biết đến mà thôi.



3/-Phương thức trang trí về hình thể cũng từ trong “Bát-Quái biến hoá toàn đồ” này mà ra Cách vẽ (Hình 46)

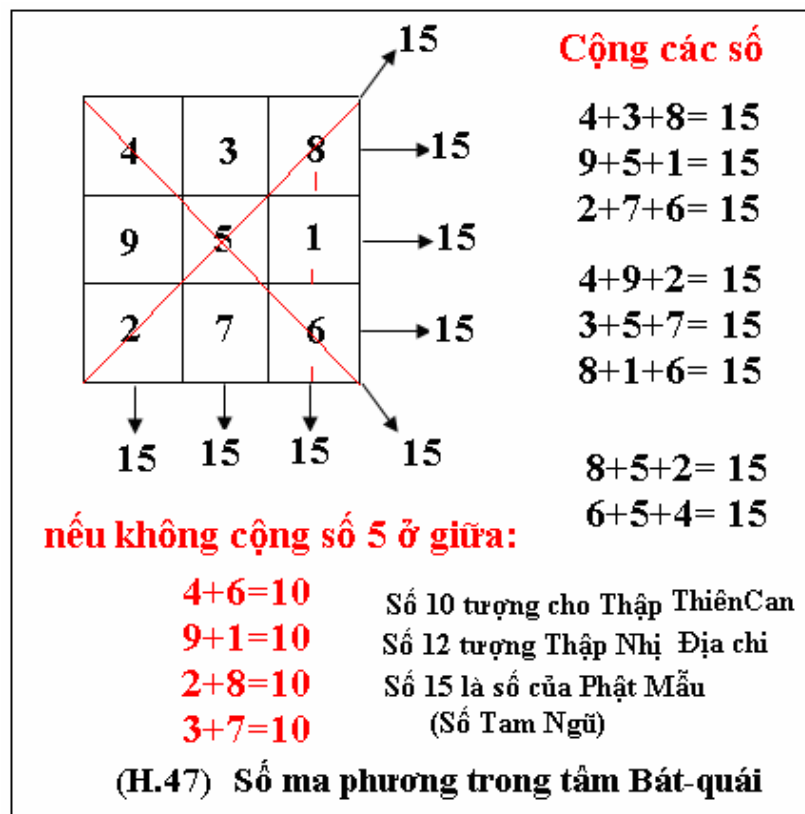
Đồ hình đây cũng là Bát-quái biến hoá, cho thấy rằng hình được cấu tạo bằng hai hình tam giác đều đặt thuận nghịch nhau cùng với hai hình vuông cũng vậy, tất cả đều nội tiếp trong vòng tròn lớn tượng trưng cân khôn vũ trụ, mà Thượng-Đế vi chủ.

Hai đường kính đi qua tâm, còn lại các đường thẳng khác nối các đỉnh của tam giác hoặc đỉnh của hình vuông và cũng nối các điểm giao hợp của hai hình tam giác và hình vuông nữa, tạo thành tám đường thẳng xuyên qua tâm, đó là tám con đường đoạt đạo mở ra cho tám phẩm cấp chơn hồn, lần bước trên con đường tấn hoá. Những đường này chia ra tám cung trên vòng tròn đó là Bát-phẩm chơn hồn vậy. Tám đường này nếu lấy từ tâm sẽ thành hai lần số 8 tượng trưng hai Bát-quái Cao-Đài tức là Bát-Quái Đồ thiên và Bát Quái Hư vô, là Thể pháp và Bí-pháp của Thiên Đạo. Nếu phân ra trên là 9 tia hào quang đó là Cửu Thiên Khai hoá, dưới có 7 tia hào quang tượng thất tình, người tu là để biến thất tình thành thất bửu, được về bằng con đường Cửu thiên khai hoá, đạt Cửu phẩm Thần Tiên.

Các đường này cũng chia vòng tròn thành 12 cung, mỗi một cung đặt trên vòng tròn là thời điểm của 12 tháng. Khởi ở tháng Tý thuộc quẻ Phục: có 6 tháng Dương và 6 tháng Âm. Bên trong vòng tròn còn tạo nên một chữ Điền là hình ảnh của Bát-Quái đồ Thiên, tức nhiên Bát-Quái này chỉ riêng Đạo Cao-Đài mới có, đó là con đường Thể pháp mà người tu phải đặt bước đi lên mới trở về được gọi là phản bốn hoàn nguyên.

Tam giác ở giữa ấy là tượng ba ngôi: Phật Pháp Tăng. Ở người là Tinh Khí Thần.

Trong đồ hình còn có các số của Bát-quái Đồ thiên nghịch chuyển với Bát-Quái Hậu Thiên, tuy nhiên về số vẫn lấy theo số Bát-quái Hậu Thiên là: Nhứt Khâm, Nhị Khôn, Tam Chấn, Tứ Tốn, Ngũ Trung, Lục Càn, thất Đoài, Bát Cấn, cửu Ly. Tâm của tam giác bao giờ cũng là 0, nhưng bấy giờ lại đứng vào ngũ trung, tức nhiên tâm là số 5. Hay cũng nói là năm con số 0 (00000)



Nếu nhìn vào cung Đoài là số 7 tượng cho người là thất tình, nhờ đạo đức giới tâm nên biết giữ *ngũ giới cấm* để cho *ngũ thường* được toàn vẹn, ấy là tâm của người được hoà nhập vào tâm của vũ-trụ. Nếu cả thế giới cũng hoà nhập trong không khí đạo pháp như vậy thì Tôn giáo mở ra sẽ bất diệt với thời gian. Thế nên Thầy nói Đạo mở ra bảy trăm ngàn năm. Phân tích ra thấy số 7 ứng với quẻ Đoài, năm con số 0 là nhập vào ngũ trung, nên lấy số 7 đặt trước 5 con số không (00000) thành ra 700.000, gọi là thất ức niên vậy. (tức là 7 trăm ngàn năm.)

Chữ Điền trong Bát-Quái hợp bởi những con số trên, thì có các kết quả sau:

Để biểu tượng cho sự biến hoá vi diệu của các Bát Quái nên những hình ảnh trang trí trong Đền Thánh hoặc dưới hình thức này hay hình thức khác cũng từ những nguyên tắc căn bản trên mà ra.



(H.48) Thiên-Nhân Thầy

CHƯƠNG V

Đặc tính các con số ứng với Thể-pháp trong nền Đại-Đạo: Từ số 0 đến 12



Số 0 ấy là cơ quan Hư-vô bốn thể.

Số 0 là con số vô thủy, tức là không có chi trước nó hết. Nó là số Chúa của chúa cả vạn-vật. Chính trong không mà sinh ra vạn hữu, nên nó hợp với số nào thì làm cho số đó tăng tiến thêm lên. Nó là cái vòng bao bọc tượng-trung chủ cả cái hữu-vi vạn-vật này.

Số 0 là số vô-vi, nó có tính-chất trung-tính, nhiệm yếu, hiền-hòa, sáng-suốt.

Vật mang số 0 là vật trung-dung, nhậm lệ, không khuynh-đảo nhưng chưa tiến-hóa. Người mang số 0 là người lưỡng tính, phần tấn-hóa chưa nhiều.

Số 0 chỉ năng-lực tiềm-ẩn nhưng chưa phát-triển đúng mức. Nhưng khi một vật chỉ được thử về 0, ấy về lẽ Đạo; nhưng qui cơ tịnh-lặng hoàn-toàn, được gặp nhiều chân phúc quý báu “Không không ấy thiết lý trường sanh”.

Phép bói toán tính đến 0 là số rất rảo vẹn toàn, viên mãn. Rồi 0 sẽ biến dịch vòng quanh thành nhiều bản thể.

Số 0 sẽ là cơ khởi đầu cũng như là cơ chót hết, nó tiếp nối giữa hai đường tấn-hóa và qui-nguyên. Hai đầu tấn-hóa và qui nguyên nó ở giữa làm mẫu chốt.

Số 0 vốn gồm nhiều cơ bí-mật cần phải tìm phương giải đáp. Số 0 chỉ vật cực đại như vũ-trụ bao la vô cùng tận mà không chi ở ngoài nó; đồng thời chỉ vào một vật cực tiểu cũng không vật chi chứa đựng bên trong nó được.” Từ trong hư vô bốn thể mới sanh ra Thái-cực là 1.

1-Hư vô là gì?

Vạn vật trong càn khôn vũ trụ chỉ có một lý duy nhất gọi là Hư-vô, Hư-vô mới chuyển biến một phẩm tối linh nguyên thủy là Thái-cực tức là Thầy, Thầy lại phân tánh ra hai lý đối nghịch lẫn nhau: tương khắc, tương hoà, tương sanh, tương diệt... Lý ấy là Âm với Dương theo danh từ Nho-gia thường gọi. Nếu gọi theo nguyên thủy của nó thì là lý Đơn nhất Thái cực.

Thái-cực là chủ tể tất cả vạn hữu thường tồn bất diệt. Thái-cực mới chiết tánh ra Pháp, tức Phật-Mẫu mà tạo cơ hữu tướng. Nhưng lý Thái-cực rất vô biên huyền diệu nhiệm-mầu. Khi chưa tạo Càn khôn thì chẳng có chi tất cả. Thái-cực mới xoay lộn vòng tròn trong khí Hư-vô. Rồi vì cái xoay lộn ấy mà do một Huyền vi mầu nhiệm tối đại tối linh: Thái cực mới cọ xát với khí thể bên ngoài mới biến sanh nhứt thể là Pháp như Thầy đã nói. Cái lý này thật mầu nhiệm vi diệu lắm, khó mong diễn tả.

Tại sao vô cực biến Thái cực? Rồi Thái cực sanh ra Pháp để cùng pháp biến tướng ra hằng hà sa số thiết là điều mầu nhiệm tối linh. Phải khá tìm cho ra chánh lý.

Bây giờ duy nói Thái cực biến tướng như thế nào.

Trước hết Thái-cực sanh tâm, tức là ở trạng thái tĩnh biến sang trạng thái động do sự vận chuyển của Khí Hư-vô mà tạo thành Pháp. Hai lý Phật Pháp mới biến sanh Tăng đó là điều dễ hiểu. Phật Pháp Tăng đã có mới biến hằng hà sa số vô tận vô biên, nhưng tất cả đều ở lý duy nhất là Thái-cực. Vì vậy Đạo gia mới nói “Nhất bản tán vạn thù, vạn thù qui nhất bản” là vậy đó. Vạn vật biến sanh do định luật đã sẵn có để nương theo đó mà hoá sanh cũng chẳng lạ gì là lẽ “Thành, trụ, hoại, không” năng hiệp, năng tan. Nhưng trong những lần hiệp và tan đó có một điểm tối linh vi chủ trong đó, luôn tăng tiến mãi

không bao giờ diệt. Điểm ấy gọi là điểm Linh quang tương tiếp với Thầy, chẳng khác chi là làn sóng điện nhỏ đối với Thầy là làn sóng điện lớn. Nên chi chúng sanh vừa sanh một niệm là Thầy đã hay biết trước. Cũng do lẽ ấy mà Thầy mới nói: “Thầy là các con, các con là Thầy”. Nghĩa là các con và chư Thần Thánh Tiên Phật đồng một bản thể đầu tiên có nguồn gốc nơi Khí Hư-vô”.



2-Thánh-ngôn Thầy dạy:

“Thầy đã nói với các con rằng: Khi chưa có chi trong càn-khôn Thế-Giới thì khí Hư-Vô sanh ra có một Thầy và ngôi của Thầy là Thái-Cực.

Thầy phân Thái-Cực ra Lưỡng-Nghi, Lưỡng-Nghi phân ra Tứ-Tượng, Tứ-Tượng biến Bát-Quái, Bát-quái biến-hóa vô cùng, mới lập ra Càn-Khôn Thế-Giới. Thầy lại phân tánh Thầy mà sanh ra vạn-vật là: vật-chất, thảo mộc, côn-trùng, thú-cầm, gọi là chúng-sanh”

Khí Hư vô tức là hư vô bốn thể là con số 0. Từ 0 lại sanh ngôi Thái-cực tức là số 1. Rồi từ đó mới biến-hóa ra. Số 1 là số đầu tiên; nhưng khởi thủy của các số là ở con số 0 là không số (nom Nombre) mà ra. Cái gì tuyệt đối là con không số.

Nguyên-lý:

Đầu tiên, Khí Hư-Vô tức là Hư Vô chi Khí hay còn gọi là Tiên Thiên Hư Vô chi Khí. Tuy nhiều danh gọi khác nhau nhưng cùng là một lý duy nhất là Đạo.

Khí Hư-vô ấy lần lần ngưng kết rồi nổ ra một tiếng thật lớn, sanh ra một khối Đại-Linh-Quang, cũng gọi là Thái-Cực, hoàn-toàn sáng đẹp, toàn tri toàn năng, thiên biến vạn hóa, vô cùng vô tận, quyền hành thống cả Càn khôn vũ-trụ.

Bắt đầu từ đây Vũ-trụ đã xuất hiện ngôi Thái Cực, duy nhất và Đấng Thống quản ấy được gọi là Ngọc Hoàng Thượng Đế mà ngày nay người Tín-hữu Cao-Đài hân hạnh được xưng tụng Ngài là Đức Chí Tôn, Ngọc-Đế, hoặc là Đại-Từ-Phụ.



3- Lòng Tín ngưỡng phát sinh:

Sự cầu nguyện

Dầu người có Tôn giáo hay không có Tôn giáo, có Tín ngưỡng hay không Tín ngưỡng cũng luôn luôn có ở trong lòng một sự tin tưởng ở Thần quyền, thể hiện bằng sự cầu nguyện.

Giá trị của sự cầu nguyện:

Đức Hộ-Pháp nói tại Báo-Ân-Từ đêm 24 tháng chạp năm Bính Tuất (1947)

“Sự cầu nguyện có cảm ứng với Chánh Trị Thiêng Liêng tức là các Đấng vô hình đều rõ biết mọi sự hành tàng nơi cõi thế, triết lý về hình thể của con người, thọ tinh cha huyết mẹ sản xuất ra, thì có sự cảm giác thiêng liêng đối cùng nhau rất mật thiết, cho nên một người con lúc đi làm ăn xa nhà, khi cha mẹ có bệnh hoạn hay xảy ra điều gì tai biến, thì thân thể của người con sẽ có điềm máy động; giựt thịt, máy mắt, hoặc là ứng mộng thấy rưng rưng và các điều khác..v.v... đó là về phần Tinh khí hình thức của con người, còn về phần linh tánh thì do nơi Đức Chí Tôn ban cho nhưt điểm lương tâm, nó có cảm giác cùng Chí Linh, cho nên khi ta hữu sự thì thành tâm cầu nguyện.

Nền Đạo là một điều cảm ứng rất mầu nhiệm vô cùng, có câu: “Nhơn tâm sanh nhưt niệm, Thiên địa tất giai tri”. Từ đây chư Chức Sắc và Chức Việc cùng Đạo Hữu nam, nữ gắng thành tâm cầu nguyện cho nền Đạo và

cơ Đồi được an ninh trật tự, kể từ ngày nay cho đến Tân Xuân đầu năm Đinh Hợi thì sẽ thấy sự tiến hóa phi thường và huyền linh màu nhiệm, nếu toàn cả quốc dân mà đủ lòng tín nhiệm với quyền hành Chánh Trị Thiêng Liêng, hiệp nhứt tâm cầu nguyện, thì cơ loạn lạc sẽ trở nên an ninh trật tự, Đồi sẽ được cộng hòa chung hưởng mọi điều hạnh phúc..”

Hộ-Pháp Cầu-nguyện với Đức Chí-Tôn cũng như hồi trước Tam- Tạng đi thỉnh kinh nơi Ấn-Độ.

Đêm 22 tháng 02 năm Kỷ-Sửu (21-03-1949)

“Bần-Đạo có những điều trọng-yếu căn dặn: Từ ngày Bần-Đạo giảng cái Bí-pháp ấy, Bần-Đạo vẫn cầu nguyện với Đức Chí-Tôn luôn, bởi vì nó có nhiều điều khó-khăn, những điều mà mình ngó thấy bằng con mắt Thần, lấy cái nhân-khẩu của mình mà tả chẳng hề khi nào đúng chắc đặng. Bần-Đạo thú thật rằng mười phần có lẽ Bần-Đạo tả đặng năm hay bảy phần là nhiều, sợ còn kém hơn nữa.

Bần-Đạo chỉ có Cầu-nguyện với Đức Chí-Tôn cũng như hồi trước Tam-Tạng đi thỉnh kinh nơi Ấn-Độ. Ngài là người Tàu mà kinh viết tiếng Phạn, muốn dịch ra rất khó lắm, lấy cả Kinh-Luật trong tiếng Phạn đem ra rất khó cho Ngài lắm, cho nên Ngài đại nguyện: Ngài làm thế nào Ngài rán sức, Ngài âm tiếng Phạn ấy ra chữ Nho. Ngài chắc ý Ngài âm tiếng Phạn ấy chưa đúng, Ngài có hứa chừng nào mà tôi qui liễu, nếu trong Kinh-luật Đạo giáo mà tôi không minh-tả ra đặng thì khi chết cho cái lưỡi tôi đen, nếu tôi tả trọn vẹn thì cho cái lưỡi tôi đỏ.

May phước Bắc-Tông được hưởng một ân-huệ của nhà Phật đã ban ân riêng cho Đức Tam-Tạng, khi Ngài chết người ta vạch lưỡi của Ngài ra coi thì lưỡi của Ngài

đỏ, vì có mà Chơn-giáo của nhà Phật là Bắc-Tông có thể nhờ Đức Tam-Tạng đã minh-tả ra trọn vẹn.

Ngày nay Bần-Đạo mỗi phen lên giảng về Bí pháp thì cầu-nguyện với Đức Chí-Tôn cho sáng-suốt, mà biết vẫn còn thiếu kém không thể gì tả bằng con mắt Thần của mình đã ngó thấy đặng trọn một bài

Nếu thoảng như Đức Chí-Tôn ban ân riêng trong nền Thánh-Giáo của Ngài có cả Thánh-Thể của Ngài đoạt Pháp đặng, thấy đặng, có lẽ cũng chính thêm, giùm giúp tay với Bần-Đạo mới toàn-thiện toàn-mỹ đặng”.



(H..49) Thiên nhãn trên Quả Càn khôn

SỐ 1

Nguyên lý:

Số 1 là số đầu tiên sau số 0, tức là cái nguồn sanh hoạt trước nhất để biến vi hữu tướng.

Số 1 chỉ về Thái-cực tức dương, người hay vật mang số này thì có tánh chuyên nhất và ưa cầm quyền vi chủ. Tánh tình cứng cỏi, ít chịu thua kém ai, hễ muốn làm là làm cho được nhưng hay nóng nảy, ít chịu đầu phục nên đôi khi hay quá mức.

Số 1 chỉ cơ động nên dễ thành công và cũng hay thất bại, khó điều hoà, hay thái quá nhưng thường là người có danh giá được đời tôn kính.

Phép toán đến số 1 là chỉ gặp điều lành nhưng không may mắn lắm, mà chỉ một tánh chất có giá trị lâu dài

SỐ 1 là số động, nó vốn là lý Thái-cực suy ra nên nó huyền-diệu, nhiệm-mầu, hiện biến, nên Đạo-gia nói “Thiên đắc nhứt linh, địa đắc nhứt minh, nhơn đắc nhứt thành”.

Ngôi số 1 thuộc về ngôi Phật, chủ quyền cai-trị và giáo-hóa vạn-linh..

Số 1 thuộc bản thể hư-linh sản-xuất nên có quyền thống-trị cả càn-khôn. Cho nên bất cứ ở đâu cũng vậy, số 1 luôn vi-chủ là quyền ấy toàn vẹn, còn nhiều chủ thì sanh phân tán, nên số 1 chỉ một uy-quyền tuyệt-đối. Người mang số 1 là người có đầy đủ đặc-tính can-đảm, ý-chí siêu-việt nên ảnh-hưởng của ngôi Thái-cực hóa sanh”.

Một số lẻ là con số 1, có nghĩa là một vật thẳng thắn, là hình ảnh của một người sống đứng thẳng, bởi vì

nó là những con vật được hưởng cái diễm phúc ấy.

Thêm cho nó cái đầu thì nó thành chữ “P” là biểu trưng về dương, đực; tượng là Cha, có cái năng lực tạo tác. Như chữ Pháp gọi cha là “Papa”, chữ Anh gọi là Father, người Bắc gọi là “Bố”, người Nam gọi là “Ba”.

Nếu lấy theo chữ Hán thì chữ “Phụ” gọi là Cha, thế nên ngày nay nhân loại kinh thờ Đấng Thượng-Đế là “Đại-Từ-Phụ” (là Đấng Cha lành, Đấng Tạo hoá).

Thông thường người miền Nam gọi đấng sanh thành là “Ba”, một danh từ hết sức cao thượng.

Suy cho kỹ phải hỏi rằng đây chỉ có ngôi “ba”. Vậy ngôi 1 và 2 là ai?. Ở đâu?

Ngày nay Đạo Cao-Đài đã phân rõ:

- Ngôi 1 là Đức Đại-Từ-Phụ là Phật.
- Ngôi 2 là Đức Phật-Mẫu là Pháp.
- Ngôi 3 là Tể là hàng sanh chúng. Trong gia

đình là người Cha của con cái được gọi “Ba” là vậy.

(Xem thêm “Số 3 Huyền diệu”. Cùng Soạn giả).

Số 1 là cái vi Dương khởi thủy biến động thành nước. Theo cội Thần linh thì nước là cội hỗn độn, tức là cội mù mù, mịt mịt, minh minh, mông mông.

Tây phương có câu “Tout part de l’unité et retourne à l’unité) nghĩa là việc chi cũng do một mà ra rồi cũng trở về một. Số 1 là số chánh của Thượng-Đế, vì vậy nên Đạo Cao-Đài chỉ thờ “Một Con Mắt” mà thôi. Ấy cũng là cơ mầu nhiệm trong phép luyện Thần.

Số 1 là ngôi Thượng-Đế. Thông thường gọi là Trời.

TRỜI LÀ AI?

“Thầy là Chúa-tể cả Càn-khôn thế-giới, tức là chủ tể sự vô-vi, nghĩa là chủ-quyền của Đạo, mà hễ chủ quyền của Đạo ngự nơi nào thì là Đạo ở nơi ấy”

Số một thể hiện trong Thể pháp Cao-Đài:

1-Thánh tượng Thiên-nhân

Đạo Cao-Đài thờ Thiên-nhân tượng ngôi Thượng Đế tức là một “Con mắt trái”. Bởi vì mắt của người thì có hai, mà mắt trái là ngôi dương, hơn nữa mắt được lấy làm biểu tượng là Thiên Nhân. Đây phải gọi là “Nhân” chứ không còn gọi là “Mục”. Nhân là con Mắt thấu thị. Con mắt thứ ba của người tu, đặc huệ nhãn, tâm nhãn, Thần nhãn, Thánh nhãn, Thiên Nhân...

Học Dịch cần phải quán-thông các lý lẽ, không chấp lời cũng không chấp từ mà phải nắm vững lý biến hoá của Dịch, là một sự linh-động.

Tuy là nhứt ngũ mà cả tượng là một điểm. Dịch gọi “thiên nhứt sanh thủy” Thủy này không phải là nước mà là thể khí, đó là khí-sanh-quang hóa sanh ra muôn loài vạn vật. Câu này ứng hợp với lời Thầy:

“Khi chưa có chi trong càn khôn Thế-giới thì Khí Hư vô sanh ra có một Thầy và ngôi của Thầy là Thái-Cực”.

Số 1 là số đầu tiên; nhưng khởi thủy của các số là ở con số 0 là số không số (nom Nombre) mà ra. Cái gì tuyệt đối là con không số.

Khí Hư vô tức là hư vô bốn thể là con số 0. Từ 0 lại sanh ngôi Thái-cực tức là số 1. Rồi từ đó mới biến-hóa ra.

Nguyên-lý:

Đầu tiên, Khí Hư-Vô tức là Hư Vô chi Khí hay còn gọi là Tiên Thiên Hư Vô chi Khí. Tuy nhiều danh gọi khác nhau nhưng cùng là một lý duy nhứt là Đạo.

Khí Hư-vô ấy lần lần ngưng kết rồi nổ ra một tiếng thật lớn, sanh ra một khối Đại-Linh-Quang, cũng gọi là Thái-Cực, hoàn-toàn sáng đẹp, toàn tri toàn năng, thiên biến vạn hóa, vô cùng vô tận, quyền hành thống cả Càn khôn vũ-trụ.

Bắt đầu từ đây Vũ-trụ đã xuất hiện ngôi Thái Cực, duy nhứt và Đấng Thống quản ấy được gọi là Ngọc Hoàng Thượng Đế mà ngày nay Tín-hữu hân-hạnh được xưng tụng Ngài là Đức Chí Tôn, Ngọc-Đế, hoặc là Đại-Từ-Phụ.

Đức Chí-Tôn đến ban cho nhân loại một nền Đạo mục đích là diệt trừ mê tín, những sự chi có ý mê hoặc nhơn sanh thì không phải là của Thầy. Do vậy mà chỉ có Lý Dịch mới làm sáng danh Đạo Thầy được.

Thầy dạy về ý nghĩa của “Thiên Nhân” (TNI/112)

NHÂN THỊ CHỦ TÂM . LƯƠNG QUANG CHỦ TẾ
QUANG THỊ THẦN. THẦN THỊ THIÊN. THIÊN GIẢ NGÃ DĨ

眼是主心 兩光主宰

光是神神是天天者我也

Giải nghĩa: Mắt chính là tâm. Hai yển sáng là chúa tể. Yển sáng đó là Thần. Thần là Trời. Trời là Ta vậy (TA tức là tiếng tự xưng của Thượng-Đế).

Bởi vì Đức Thượng Đế có giải rõ:

“Thần là khiếm-khuyết của cơ mẫu-nhiệm từ ngày Đạo bị bế, lập “Tam-Kỳ Phổ-Độ” này duy Thầy cho “Thần” hiệp “Tinh Khí” đặng hiệp đủ “Tam Bửu” là cơ mẫu-nhiệm đặng siêu-phàm nhập Thánh.

*“Các con nhớ nói vì có nào thờ con **Mắt Thầy** cho chư Đạo hữu nghe.*

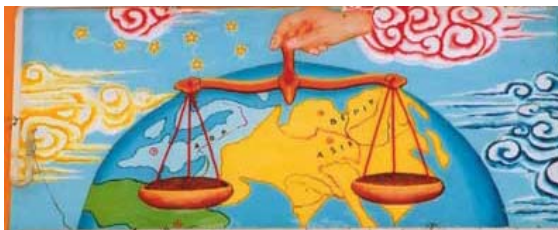
2-Cân công bình của Thiêng-liêng Tạo hóa

Khi bước vào Đền Thánh ngẩng nhìn lên ngạch cửa Tịnh Tâm Đài chánh giữa vầng mây có một bàn tay phải nắm Cán Cân Công-bình là của Đấng Tạo Hóa. Ngài chính là Đức Chí-Tôn Đại-Từ-phụ, thông truyền với chúng sanh rằng Ngài thực hiện mọi sự Công bình. Đòn cân nằm trên quả đất tiêu biểu sự Công bình Bác ái đối cùng vạn loại, kể trên có ngôi Bắc Đẩu thể hình ở trời là chủ tể. Thất Tinh

phát xuất thất diệu, sự phổ chiếu để quan sát chúng sanh mọi việc dữ lành cũng như các vị Thiên Thần Ky-Tô-Giáo

Ngôi của trời có Thất Tinh, ở người có thất tinh nó biến sinh Thiện và Ác nên đạo trời tượng thể để trước mắt nhơn sanh một Cây cân lớn của tạo hóa kể như mọi việc lành dữ, hoạ phước đều được cân nhắc rõ-ràng. Kinh rằng “Nhứt toán họa phước lập phân”. Chúng sanh hằng gọi Đức Thượng Đế là Đấng Hồng Quân, hai chữ Hồng Quân có nghĩa là “Cây Cân lớn”. Chớ Đấng toàn năng đó chẳng có hình ảnh bao giờ, nếu có là do những sắc dân nhìn vào sự phân tánh của Trời giáng sinh đến với người vì thương đời, được nhơn sanh ái mộ dựng lên một thần tượng để tâm chiêm ngưỡng, thành ra tư tưởng bất đồng về quan điểm ý thức hệ, vì đó mà buổi Hạ Nguơn trời mở đạo kỳ ba dạy thờ Thiên Nhân là Thần Thiên lương của nhơn loại để qui nhứt tín ngưỡng ở Thượng Đế trong Hoà-ước cụ thể là Bác-ái và Công-bình.

Cây cân Thiên-bình dưới bàn tay của Thượng-Đế cho ta thấy: nếu khi cả hai bên cân và vật đồng nhau thì cây kim mới chỉ vào điểm 0. Cũng như hai gánh Đạo và Đời mà Ngài sắp giao cho Ông Phạm-Công Tắc cũng phải giữ cho tương-đồng thì mới vẹn phận “Đạo Đời tương đắc” vậy.



(H.50) Cây Cân công bình Thiên lương Tạo hoá
Hiện tại Chức-sắc Hiệp-Thiên-Đài lấy biểu hiệu là
“Cây cân công-bình” đính trên mào.

Vai trò của Đức Hộ-Pháp Phạm-Công-Tắc tạo Đạo cứu Đời. Bởi vì Đức Hộ-Pháp cho biết:

“Đức Đại-Từ-phụ với lòng Đại-từ Đại-bi của Ngài không thể gì nói đặng. Hai mươi mấy năm trước Ngài đến, Ngài độ từ đũa, Ngài dụ từ người, đem cả một thể thống thiêng-liêng vô cùng vô tận, quý hóa kia đem đổi lại một tấm yêu-ái của chúng ta đặng làm cơ-quan cứu thế.

Buổi Ngài mới đến, Bần-đạo thú thật phần nhiều anh em chúng ta buổi nọ không hiểu Đạo là gì, dầu đàn anh của chúng ta có sứ-mạng nơi mình lãnh trách-nhiệm làm Thánh-Thể cho Ngài, khi ấy cũng không biết Đạo là gì cả, chỉ nhắm mắt theo Ngài mà thôi; chính Bần-Đạo buổi nọ, Đại Từ-Phụ xin Bần-Đạo, nói xin lại với một lời yếu thiết:

- “TẮC! dâng cả mảnh thân con đặng Thầy tạo Đạo cứu đời, con có chịu chăng?

Bần-Đạo trả lời với Ngài một cách quả quyết rằng:
Nời giống con còn nô-lệ, nước nhà còn lệ thuộc, thì làm thế nào con tu cho đặng !

Ngài cười nói:

Nhưng điều ấy các con làm không đặng đâu, để đó cho Thầy.

Tiếng “để đó cho Thầy” Bần-Đạo nhớ lại nói dễ như không không, mà đã hai mươi mấy năm trước rồi đó. Ngài hứa khi Ngài mới đến cùng Cao Thượng-Phẩm và Bần-Đạo cuối năm Tý đó vậy, theo phàm tánh của ta có lẽ buồn, nhưng vì chúng ta sống trong thời-gian, còn Đức Chí-Tôn sống trong không-gian; chúng ta tính từ ngày, tháng, năm; còn Ngài chỉ lấy quyết-định của Ngài làm căn-bản mà thôi. Lời hứa đơn-sơ ấy ngày nay chúng ta đã thấy rằng Ngài không bao giờ thất hứa với chúng ta đó vậy, nếu chúng ta đoán xét kỹ cơ-quan của Ngài đã thi thố,

đã giải ách nô-lệ cho nòi giống Việt-Nam, chúng ta ngó thấy một hành tàng khắc-khe khó nói, thì thố với một cách mà trí óc phàm chúng ta không thể đoán đặng và Bần-Đạo nói rằng không có một tay phàm thì thố đặng; muốn giải ách nô-lệ cho nước Việt-Nam mà dùng quyền phép vô biên của Ngài đào-độn cả vạn quốc hoàn-cầu đặng làm cho sôi-nổi một trường chiến-tranh của toàn thế-giới giục-thúc các nước còn lạc-hậu chiến-đấu lấy cho đặng quyền sở hữu của họ, giành cho được độc-lập cho nòi giống và quốc-gia của họ. Quyền sở-hữu ấy là quyền định sống của họ đó vậy.

Nơi cõi Á-Đông cả toàn thể nước nào còn lạc-hậu đều đặng giải-thoát, đều chiến-đấu đặng tranh độc-lập và thống nhất.

Nước nhà nòi giống Việt-Nam cũng tán triển theo khuôn-luật ấy mà định vận-mạng lấy mình, không coi lại sự độc-lập và thống nhất nước Việt-Nam có nhiều điều khắc-khe mà trí óc phàm này không thể làm đặng nên phải dùng tay của Đức Chí-Tôn, cả con cái của Ngài, Bần-Đạo đứng nơi tòa giảng này không nói thêm, không nói bớt:

- Khó nhứt là nước Việt-Nam,
- Nòi giống Việt-Nam,
- Quốc-gia Việt-Nam.

Đã thiếu Ngài một nợ tình, không biết giá-trị nào nói cho đặng. Thâm tâm của Ngài muốn gieo một nợ tình với quốc-dân, đặng chi? Ta nêu một dấu hỏi (?).

Thêm cho đủ yếu-lý ấy. Bần-đạo nói sự mơ-ước của Ngài rất đơn-giản, rất nhẹ mà giá-trị không cùng, chỉ muốn quốc-dân Việt-Nam làm Thánh-thể của Ngài, thay thế hình ảnh của Ngài đặng chia khổ cho Ngài, chung hiệp cùng Ngài, hầu nâng- đỡ kẻ khổ, an-ủi tâm-hồn nhơn-loại đang đau-đớn trong buổi cạnh tranh giành sống của họ,

của cơ-quan tranh-đấu cho kỳ đặng độc lập, đặng bảo-vệ sự sanh sống của họ, nếu không mực thước chuẩn-thẳng định tâm-lý của họ, dầu cho đấu-tranh để lập quyền sống của mình ít nữa phải có nhơn-đạo đặng giúp mạng sống của người, chớ đừng bảo-vệ mạng sống của mình để chiếm đoạt mạng sống của kẻ khác.

Tân-tuồng ấy Bần-Đạo chỉ nói là quá kiếp mà thôi. Đức Chí-Tôn Ngài đến lập nền chơn giáo của Ngài cốt yếu làm thế nào cho họ đừng cướp sống lẫn nhau mà an-ủi với nhau ấy là chí-hướng của Ngài đó vậy”

(ĐHP 8-1 Canh-Dần 1950)

Thiên-thơ đã định cho nước Việt-Nam này có được cán Cân công-lý do bởi bàn tay Thượng-Đế

Đức Hộ-Pháp giải rõ: Pháp-Chánh-Truyền và Tân luật tức là Thiên-điều tại thế

“Muốn cho xã-hội loài người trong thế-giới này đạt được mức quân-bình tuyệt-đối thì phải có sự công-bình được lập lại bởi cán cân công-lý, mà xã-hội loài người từ xưa đến giờ chưa có công bình thật sự.

Ngày nay Thiên-thơ đã định cho nước Việt-Nam này có được cán cân công-lý do bởi tay Thượng-Đế đến cầm đôn cân định vận-mạng cho Việt-Nam và cả nhân loại.

Cho nên khi mở Đại-Đạo Tam-Kỳ Phổ-Độ, Đức Chí-Tôn đã lập ngay Pháp-Chánh-Truyền và Tân-luật tức là Thiên-điều tại thế để điều-hành guồng máy hành chánh đạo hầu bảo thủ chơn truyền và công-bình Thiên-đạo vì nếu thiếu pháp luật thì còn gì là Đạo nữa.

Ấy vậy, Đức Chí-Tôn lập Tân Pháp là lập chủ quyền cho Đạo. Nếu chúng ta biết Đạo và ý thức rằng pháp-luật là do Thiên-ý và công-lý mà lập ra thì tự nhiên

phải tuyệt-đối tôn-trọng chủ quyền đó là tuân-hành qui điều pháp-luật Đại Đạo.

Phạm luật Đạo tức là phạm Thiên-điều, mà phạm Thiên-điều thì tội-tình kia có chi giải nổi.

Hội-Thánh hiệp nhau lập luật cũng như cả Thập nhị khai thiên lập luật.

Thập nhị khai thiên lập luật giao lại cho Thầy, còn Hội-Thánh lập luật cũng giao lại cho Thầy. Vậy thì Tân luật với Thiên-điều cũng đồng giá-trị.

Dẫu cho Hộ-Pháp phạm luật cũng bị đòi đến Tòa Tam-giáo bên Cửu-Trùng-Đài thì Thiên phẩm mình dường như không có, kể như một người đạo-hữu kia vậy.

Còn Giáo-Tông nếu phạm tội cũng phải bị đòi đến Tòa Hiệp-Thiên-Đài thì cũng chẳng khác một người tín-đồ kia vậy.

Luật Đạo thành ra Thiên-Điều thì Hội Thánh là Ngọc-Hư-Cung tại thế. Hội Thánh hiệp nhau lập luật Đạo thì cũng như chư Thần, Thánh, Tiên, Phật lập Thiên điều.

Vậy thì Hội-Thánh và chư Thần, Thánh, Tiên, Phật cũng đồng một thể”

(ĐHP diễn-văn 14-2 Mậu-Thìn 1928)

CÂY CÂN CÔNG-BÌNH



(H. 51) CÂN VÀ VẬT BẰNG NHAU
KIM CHỈ SỐ 0

Số 2

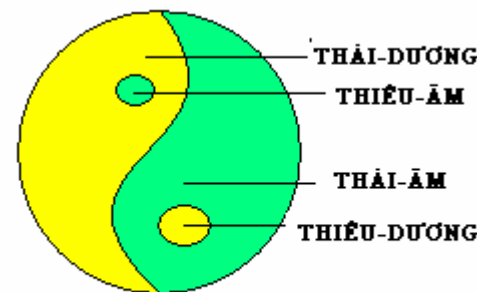
Đặc tính VỀ CON SỐ 2:

Số 2 là số biến-hóa do số 1 mà ra. Một biến thêm 1 nữa thành 2.

Số 2 là số tịnh, ấy là cơ Âm Dương thuộc về Pháp. Pháp là tương liên nên phải nhỏ-nhẹ, mềm-mỏng. Ta thấy một bà Mẹ hiền-từ, ưu-ái, dịu-dàng. Số 2 chỉ vào lẽ ấy. Tóm lại số 2 chỉ cơ hòa-hợp Âm Dương.

Với Đạo-pháp thì ngôi hai là ngôi của Phật-Mẫu gọi là 2ème Logos.

1-Nguyên-lý VỀ VŨ-TRỤ:



(H.52) **ÂM DƯƠNG BIẾN-HÒA**

Lưỡng-nghi là cơ Âm Dương phối hợp thì bất cứ vật chi chi trong trời đất này cũng đều do Âm Dương sản xuất, mà cũng gọi là lý Nhị nguyên đó vậy. Âm với Dương vốn là cơ động tĩnh, mâu-thuần nhau, tương-khắc mà lại tương hòa. Hai cái lý đối nghịch nhau để hỗ-trợ lẫn nhau chứ không phải để tiêu diệt nhau.

Trời có sáng tối, người có Nam Nữ, vật có cứng mềm, đất có nắng mưa, vạn loại có trống mái, cho chí đến loài cỏ cây, sắt đá cũng có cái lý của Âm Dương. Một cái cây mới nảy chồi thì ra hai lá đầu tiên ấy là hình tượng của Âm Dương đó. (Thậm chí đến một cái lá nhỏ-nhoi như vậy cũng có tính chất Âm Dương của nó: mặt trên lá là Âm vì nó mềm mại, bóng láng, luôn hướng về ánh mặt trời để

Âm Dương cùng hoà hợp. Mặt dưới lá là Dương vì nó có gân cứng, thô, nên nó hướng về đất để nhận lấy Âm khí). Âm Dương vốn là cơ sản xuất, luôn luôn trong Dương có Âm và trong Âm cũng có Dương. Nho-gia gọi “*Vạn-vật phụ âm nhi bảo dương trung chí dĩ nhi Hòa*” 萬物負陰而保陽中至以而和 là vậy. Tức là vạn-vật ôm ấp Âm Dương, đến mực trung dung thì gọi là hòa. Cơ hòa là cơ sanh-hóa.

Nhìn trên Đồ hình Âm Dương biến hoá thấy:

- Trong phần Dương lớn gọi là Thái Dương ☰ số 1, có phần Âm nhỏ gọi là Thiếu Âm ☷ số 2
- Trong phần Âm lớn gọi là Thái Âm ☷ số 4, có phần Dương nhỏ gọi là Thiếu Dương ☰ số 3
- Hai cái lý ấy gát chồng lên nhau gọi là Tứ tượng.
- Tứ tượng thành hình mới biến ra Bát-quái là căn bản của nhân-loại và vạn-vật.

Đầu tiên, Khí Hư-Vô tức là Hư Vô chi Khí hay còn gọi là Tiên Thiên Hư Vô chi Khí. Tuy nhiều danh gọi khác nhau nhưng cùng là một lý duy nhất là Đạo.

Khí Hư-vô ấy lần lần ngưng kết rồi nở ra một tiếng thật lớn, sanh ra một khối Đại-Linh-Quang, cũng gọi là Thái-Cực, hoàn-toàn sáng đẹp, toàn tri toàn năng, thiên biến vạn hóa, vô cùng vô tận, quyền hành thống cả Càn khôn vũ-trụ.

Bắt đầu từ đây Vũ-trụ đã xuất hiện ngôi Thái Cực duy nhất và Đấng Chương-quản ấy được gọi là Ngọc Hoàng Thượng-Đế mà ngày nay người Tín-hữu Cao-Đài hân-hạnh xưng tụng Ngài là Đức Chí-Tôn, là Ngọc-Đế, là Đại-Từ-Phụ.

Đức Chí-Tôn phân Thái Cực ra Lưỡng Nghi: Dương Quang và Âm Quang. Ngài Chương quản Khí Dương

Quang. Đức Chí-Tôn mới phân thân ra là Đức Phật Mẫu là ngôi thứ nhì để Chương quản Khí Âm Quang.

Vậy, nguồn gốc của Đức Phật Mẫu là một hóa thân

Quan niệm của Thiên Chúa giáo cũng không ngoài Lý Âm Dương. Đức Hộ-Pháp cũng nói trong đêm Giảng sinh 1-12 năm Giáp-Ngọ rằng:

“Mỗi năm Bần-Đạo đã giảng về Đạo của Chúa Jésus Christ nhiều rồi. Nhưng hôm nay Bần Đạo vẫn nhắc lại Đạo của Đấng Cứu Thế. Trong Sấm Truyền của Thiên Chúa Giáo có nói rằng: Tổ Tông của loài người là Bà Eve và Ông Adam do nơi tay Đức Chí Tôn đào tạo ra, lại còn ban thưởng một đặc ân cho ở nơi vườn Địa-Đàng. Nơi ấy Tiên Gia của chúng ta gọi là Tiên Cảnh.

Nhờ Đức Chí-Tôn ban cho một điểm linh-quang nên con người khôn hơn loài vật hữu sinh đồng chung sống với nhau, không biết chết là gì. Nhưng khi Đức Chí Tôn cho ra ở nơi Địa-Đàng, không giữ lời dặn của Đức Ngài, ăn trái Cấm nên bị Đức Chí Tôn phạt đuổi ra khỏi Địa-Đàng. Vì lẽ mất nghĩa với Đức Chí-Tôn nên phải chịu khổ não. Xét ra cho kỹ giờ phút này hơn loại khổ não là bị điều phạt của Đức Chí Tôn đuổi ra khỏi Địa-Đàng ấy. Vì có nên Ông cha ta trở nên phạm tục không còn về Tiên phong Đạo cốt nữa nên phải chịu Luật Luân-Hồi là vậy”.

2-Giữa Đạo và Dịch có gì khác nhau?

Xét giữa Dịch và Đạo thì cái nguyên-nhân của Dịch Lý là do ở sự cảm tưởng cái căn-nguyên, cái mối đầu của vũ trụ, ở cái lý tuyệt-đối là THÁI CỰC.

Lý ấy chỉ có một ở trong vũ-trụ, do động tĩnh mà thành Âm Dương, rồi sinh ra vạn-vật; vạn-vật chung qui lại trở về Thái-cực; đó là cái lý cùng về mà lắm đường, một trí mà trăm mối lo “*Đồng qui nhi thù đồ, nhất trí nhi bách lộ*” mà Đức Khổng-Tử đã nói trong Hệ từ:

Cái lý ấy bên Lão-giáo gọi là ĐẠO 道

Bên Phật-giáo gọi là Chân-như 真如

Danh-hiệu tuy khác nhau nhưng cùng một thể.

Xem ra, người xưa đã đề rất nhiều thời-gian để nghiên cứu về môn Dịch-lý này. Trước mắt thấy Ngài Khương-Tử-Nha lúc chưa gặp thời thì Ngài lập chí, tu học ở chốn non cao, hằng ngày ngồi câu trên sông Vy, tức là ngồi ở Bàn Thạch mà “câu cá”. Thật ra “con cá” mà ông đã từng câu với cần câu không lưỡi đây là nói về quẻ Âm Dương như hình ảnh trên. Trong một Thái-cực-đồ như vậy giống như hai con cá nằm nghịch chiều nhau.

Tất nhiên người chưa gặp thời thì trau dồi chí lớn là học cho nhuần nhuyễn về lý Âm Dương, nghiên cứu Bát-quái, Ngũ hành đó vậy.

Nhà thơ Nguyễn-Công-Trứ đã nói lên điều ấy:

*Lúc vị ngộ hối tâng nơi bỗng tất,
Hiêu hiêu nhiên điều Vy canh Sần.
Xe bỏ luân dù chưa gặp Thang Văn,
Phù thế giáo một vài câu thanh nghị,*

3-Thuyết Âm Dương



“Trước hết Thái-cực sanh tâm, tức là ở trạng thái tĩnh biến sang trạng thái động do sự vận chuyển của Khí Hư-vô mà tạo thành Pháp. Hai lý Phật Pháp mới biến sanh Tăng đó là điều dễ hiểu. Phật, Pháp, Tăng đã có mới biến hằng hà sa số vô tận vô biên, nhưng tất cả đều ở lý duy nhất là Thái-cực. Vì vậy Đạo gia mới nói “Nhất bản tán vạn thù, vạn thù qui nhất bản” là vậy đó.

...Sau khi luân luân chuyển chuyển biến hoá mới

tiên từ đẳng cấp mà có phân ra Phật Tiên Thánh. Sự thật là cũng một mà thôi.

Trên Ngọc-Hư-Cung cũng có hai lý tương phản ấy, nhưng lý Thái-cực mạnh hơn nên vi chủ. Luật thiêng liêng định vậy. Mỗi một chơn linh tấn hoá cao trọng thì tạo cho mình một linh đài, đó chẳng lạ chi là tạo gia nghiệp riêng của mình do các kiếp sanh của mình chất chứa từ thử. Đẳng đẳng linh đài nối tiếp nhau tạo thành một gia nghiệp chung. Tất cả chúng sanh đều có một gia nghiệp duy nhất, trên ấy vi chủ là Thầy, gần Thầy có chơn linh Cổ Phật cao trọng.

Trong vũ-trụ Chúa cả tạo-đoan ấy là Thầy nắm cả huyền-vi bí-mật trong tay. Thầy mới phân tánh Thầy ấy là Pháp, Pháp tức là quyền-năng của Thầy thể hiện ra, cũng như lý Thái-cực ở trong cõi tịnh, rồi từ trong cõi tịnh lý Thái-cực phát động mới sanh ra Pháp. Pháp tức là những định-luật chi-phối cả Càn-khôn, mà người nắm luật chi phối ấy là Phật-Mẫu.

Sao gọi là Phật-Mẫu?

- Phật-Mẫu là Mẹ, là gốc sanh ra vạn-vật. Phật Mẫu nắm cơ hữu tượng. Phật-Mẫu là Âm còn Thầy là Dương. Âm Dương tương-hiệp mới biến ra Càn-khôn, cả Càn khôn ấy là Tăng, mà người nắm quyền vi chủ hàng Tăng ấy là một vị Phật cầm quyền thế-giới. Phật và Pháp không biến đổi, còn vị cầm quyền thế-giới là Tăng ấy thay đổi tùy theo mỗi thời-kỳ.

Không Đạo-giáo nào thuyết-minh rõ-ràng cơ tạo đoan lấy thuyết hỗn độn sơ khai phân chia:

- Khí chi khinh thanh thượng phù giả vi thiên.

- Khí chi trọng trược hạ ngưng giả vi địa.

Tức là hễ khí nhẹ thì bay lên làm trời, khí nặng rơi xuống làm đất. Ấy là giai-đoạn trời đất thành hình.

Trong vũ-trụ này có hai quyền-năng vô đối:

1- Là ngôi Chí-Tôn.

2- Là ngôi Phật-Mẫu.

Người ta không nói, nhưng luật thiên-nhiên dù ở trong vật tối thiểu hay tối đại vẫn có một Luật mà thôi. Biết đâu Chí-Tôn và Phật-Mẫu theo lời của Đức Nguyệt Tâm Chơn-Nhơn thì hai quyền-năng ấy vô đối, sản sinh ra cả Càn khôn vạn loại và tạo ra ba ngôi đầu tiên đó vậy.

Đức Shiva Phật là Phật-Mẫu:

Hồi buổi Chí-Tôn phân định, phân tánh của Ngài, lấy Khí tức nhiên là Ngài dùng cái “Linh-Pháp” của Ngài biến tướng ra Phật-Mẫu. Phật-Mẫu thuộc về Âm, Chí-Tôn thuộc về Dương, Âm-Dương hiệp lại mới biến hóa Càn Khôn Vũ-Trụ, sanh ra vạn-vật.

Đức Shiva Phật, Ấn-Độ làm một cái hình phân nửa giống đàn bà, còn cái tướng thì đàn ông. Bởi hồi đó con người chưa phân rõ chắc-chắn Nam-Nữ (Âm-Dương). Đức Shiva trong huyết-khí tức nhiên là huyết, còn đào tạo chơn-thần là Đức Chí-Tôn.

- Đức Chí-Tôn là Phật.

- Đức Phật-Mẫu là Pháp.

Pháp mới sanh ra vạn-vật Càn-Khôn Vũ-Trụ, vạn vật ấy là do nơi Tinh mà ra, tức là *Tăng*.

Thần tức nhiên là Đức Chí-Tôn, Thần phân định Khí, khí mới sanh ra Tinh. Phật là Chí Tôn, Pháp là Shiva tức Phật-Mẫu, Tăng là vật-loại trên Càn-Khôn Vũ-Trụ này.

Ấy vậy, Đạo-Phật thờ Phật-Mẫu chứ không phải không biết, dầu không thờ mà Đức Phật-Mẫu vẫn ngồi từ tạo thiên lập địa đến giờ, tức nhiên là Đấng tạo ra Vạn Linh đó vậy.

Theo lý Dịch nói rằng trong Âm thì có Dương, trong Dương thì có Âm làm gốc.

Quả thật vậy, trong thân thể con người tuy phân nam nữ, nhưng dù Nam hay Nữ cũng có đủ yếu tố Âm Dương cho một cơ thể.

Ví như: trên đầu là Dương, dưới chân là Âm; đầu thì tròn, chân thì vuông. Phần trước là Âm vì có bụng mềm, sau lưng là dương vì có xương sống cứng, như vậy về hình dạng thì Dương là vật tròn, cứng; Âm thì vuông, mềm. Trong toàn thể con người: Bên trái là Dương, bên phải là Âm. Nhưng tay trái là dương thì có: cánh tay ngoài là âm (vì cánh tay ngoài có hai cái xương dài (số 2 là số âm), có 1 xương cho cánh tay trong (1 là số dương) Tổng cộng là 3, số tam tài. Ngoài có 5 ngón tay ứng với Ngũ hành. Hiệp chung thành 8 là Bát-quái (3+5=8)

Tay mặt cũng vậy (ngoài có 2 xương là âm, trong 1 xương là dương). Như vậy Âm Dương luôn đi liền nhau, chớ không bao giờ có tình trạng cô dương hay cô âm. Vì dương ở một mình thì không sanh. Âm ở một mình thì không trưởng “*cô dương bất sanh, cô âm bất trưởng*” những vấn-đề khác cũng tương-tự như vậy.

Nơi con người có 4 chi: hai tay, hai chân, có con số giống nhau, vậy nên người có 4 Bát-quái.

4-Lời Cầu nguyện Đức Phật-Mẫu:

**“Nam Mô Diêu Trì Kim Mẫu Tạo Hóa Huyền
Thiên cảm bái,**

**Nam Mô Đại Từ Đại Bi năng hỉ xả, Thiên Hậu
Chí Tôn Đại bi Đại ái”**

Phật-Mẫu là Người cảm quyền năng tạo cả Càn Khôn Thế Giới gọi là Thiên Hậu Chí Tôn là Đức Diêu-Trì Kim Mẫu Đại Từ-bi Bác-ái.

“Theo Bí-Pháp Chơn-Truyền của cơ sanh hóa phải có đủ Âm Dương, trong sanh quang chúng ta có điện quang (Positif và Négatif) cũng như vạn vật có trống mái. Nền Tôn Giáo nào có đủ Âm Dương thì mới vĩnh cửu.

Như Đức Chúa Jésus ngày trước bị đóng đinh trên cây Thánh Giá đầu thuận lên trên gọi là đạt dương. Ông Thánh Pierre là Đệ nhứt Tông Đồ bị đóng đinh trở ngược lại, gọi là phản âm. Âm Dương tương hiệp đúng theo Bí Pháp, nên Đạo Thánh lưu truyền lại hai ngàn năm, không ai dùng quyền gì tiêu diệt được.

Chí-Tôn có thể sai con của Người đến lập Đạo như: Thích-Ca, Jésus, Khổng-Tử...Trái lại Người đã xuất nguyên linh của Người đến đây độ chúng ta, thì tưởng điều ấy trọng yếu hơn hết, khi mở Đạo Cao-Đài Chí-Tôn định cho Phật-Mẫu đến làm bạn với chúng ta, bảo trọng nuôi nấng dạy dỗ chúng ta, thì không có ân đức nào bằng, vì không ai biết thương con hơn là Mẹ. Phật-Mẫu đến cầm quyền lập Đạo xong, rồi giao lại cho Chí Tôn. Phật-Mẫu làm chủ Âm quang, Chí Tôn là chủ Dương quang. Âm Dương tương hiệp, Đạo Cao-Đài nương theo năng lực của hai khối Âm Dương đó. Đối với năng lực tạo đoan Càn Khôn Thế Giới thế nào, thì Đạo Cao-Đài ngày kia sẽ có năng lực như thế đó”.

5-Tín-ngưỡng của người Cao-Đài:

Đức Hộ-Pháp nói rằng:

“Cả con cái Đức Chí-Tôn nên hiểu rằng: triết lý cao thượng của Đạo Cao-Đài lấy tính chất nó ở buổi sơ khởi khai thiên lập địa của Đức Chí-Tôn sanh hóa vạn loại nơi mặt địa cầu này. Trong tạo đoan Đạo Cao-Đài chỉ thờ kính có hai quan niệm mà thôi.

- Trên là thờ Thiên-Thượng là Đức Chí Tôn,
- Dưới là thờ Vạn-vật, mà tối linh của Vạn vật là

nhơn loại ấy là thờ Thiên-hạ.

Nó không biết trích điểm ai, dầu các Tôn giáo trích điểm hay đàm thuyết thế nào cũng mặc. Đạo CAO-ĐÀI chỉ biết nắm lấy cái căn bản, cái nguyên lý của nó mà thôi”.

Đức Ngài nói tiếp:

“Đức Chí-Tôn duy có một mình, Ngài phân ra mới có Phật-Mẫu.

Ngài phân ra đệ nhị quyền hiệp lại đệ nhứt quyền, đủ quyền-năng tạo ra Càn Khôn Vũ Trụ để lập gia đình cho loài người đó vậy. Nhờ Chí-Tôn phân tánh là Bí-pháp lập thành xã-hội đó. Chúng ta đã hằng tưởng hiểu cả, loài cầm thú phải có hiệp lại mà biến sanh được, giải rõ là trống mái, đực cái hay Nam Nữ vậy, nó tương liên trước mặt chúng ta hoặc một cách âm thầm bí mật. Vậy loài người bao giờ cũng có xã hội nhơn quần, gia đình, vì mặt luật buộc như vậy, lời chúng ta thường nói: “Chưa ai ở đất nẻ mà chun lên” tức là muốn nói đến” Cây có cội, nước có nguồn”.

6-Đạo Cao-Đài có Thể-pháp thì có Bí-pháp:

Đức Hộ-Pháp nói rằng:

“Bản Đạo nói: Đạo có Thể pháp thì có Bí-pháp.

Các vị Giáo chủ cũng phải tùng theo khuôn luật đó:

- Một nền Chơn giáo có Thể pháp là cơ quan giải khổ cho chúng sanh tức nhiên phải có:
- Bí-pháp đặng làm cơ-quan giải thoát cho chúng sanh. Hễ độ phân xác tức nhiên phải độ phần hồn cho toàn vẹn.

Một nền Tôn giáo nào đã xuất hiện tại thế gian này dầu Thể pháp cao siêu bao nhiêu đi nữa, nếu không Bí pháp làm tướng diện căn bản, thì nền Tôn-giáo ấy chỉ là Bàn môn Tả đạo mà thôi”.

(Đêm 09 tháng 04 năm Kỷ-Sửu - DL 06-05-1949)

Lại nữa:

“ Bí-pháp chơn truyền của Đức Chí-Tôn ấy là một thuyết pháp trọng yếu khó-khăn hơn hết.

Các nền Tôn giáo đương nhiên bây giờ nếu gọi là thất chơn truyền, thì thất chơn truyền do đâu?

- Do tại Bí-pháp không đúng lương tri, lương năng của loài người, lương tri lương năng của mỗi người đương thời buổi này đã đạt đến mức cao thượng, trọng hệ là những triết lý đơn sơ buổi nọ của các nền Tôn giáo để lại mặt thế này, hồi buổi Thượng cổ không cảm được quyền năng cùng tâm lý của nhân loại trong khuôn khổ đạo đức tinh thần nữa.

Ngày nay Đức Chí-Tôn đã đến, đem nền Tôn giáo của Ngài để tại mặt thế này dựng chính đốn đạo đức tinh thần từ thượng cổ đến giờ bằng Huyền diệu Cơ bút. Ngài đến không có quyền nào ngăn cản, Ngài dạy con cái của Ngài, Ngài có quyền đem cơ bí-mật huyền vi tạo đoạn giáo hoá con cái của Ngài”

Nay:

“Nhơn loại đến giữa cơ Tạo đoạn Càn khôn Vũ trụ, huyền vi bí-mật Tạo đoạn đã cho một tánh chất ly-kỳ bí mật, là khôn ngoan hơn vạn vật, do khôn ngoan ấy mà tìm hiểu rằng cả cơ thể Tạo đoạn có hai đặc điểm trọng yếu:

- Một là sống,
- Hai là linh.

Biết được hai đặc điểm ấy, thấy nhơn loại có hai chủ hướng:

- Một là nương với cái sống của mình, cho cái sống là hệ trọng tức nhiên là học thuyết cơ thể Tạo đoạn của đời.

- Hai là nương theo tinh thần nhơn loại, nương theo triết lý này cho cái linh là trọng hệ, vì có nên xu hướng theo phân hồn là tinh thần thường tại.

Bây giờ chia theo hai lẽ ấy:

- Sống tức là Đời,
- Linh tức là Đạo.

Hai lẽ sống chia nhơn loại ra hai đường làm căn bản, đứng trung tâm điểm cũng do nơi trí thức tinh thần, mà trí thức tinh thần ấy xu hướng:

- Theo học thuyết Đời tức là xu hướng theo cái sống.
- Theo học thuyết Đạo tức là xu hướng theo cái linh.

Cả hai tinh thần ta thấy không có làm lạc, nhứt là đường nào cũng có nguyên lý của nấy. Đời xu hướng theo cơ quan sống tức nhiên:

- Cơ quan Đời họ có Thể-pháp và Bí-pháp.
- Cơ quan Đạo cũng có Thể pháp và Bí-pháp. Nhưng hai lý thuyết tương đương dường như phản trắc. Về phần Đạo thì:

Trí thức tinh thần nhơn loại nhìn nơi vô biên biết càn khôn vũ trụ tức là cơ tạo đoạn, nó định luật cho khối người, thành ra Pháp chủ Luật, tức là Pháp trước Luật sau.

Còn cơ quan Đời tức là cơ quan xu hướng theo cái sống, định Luật được rồi mới tìm tòi Pháp đăng thi hành Luật, thành ra Luật trước pháp sau.”

7- Khóc, cười của nhân thế:

Đức Hộ-Pháp nói:

“Sống nơi cảnh khổ mà tìm hạnh phúc khó lắm, hạnh phúc ấy có hay chăng? Bàn-Đạo để dấu hỏi?

- Có chứ, thật ra nếu chúng ta biết tìm nó cũng có thể được.!

Chúng ta thấy trước mắt dầu cho toàn thể nhưn loại nơi mặt địa cầu này họ đã khác tánh đức, tinh thần, tâm lý với nhau, cái gì cũng khác hết; chỉ có cái cười và cái khóc là giống nhau mà thôi. Tại sao cái cười và cái khóc của con người lại giống nhau?

*Cười ấy phải chăng là tượng-trưng cho hạnh phúc.

*Khóc phải chăng là tượng-trưng đau khổ của loài người.

Bần-Đạo nói đây chỉ có cái cười giả dối là cười thì cay đắng như ớt, gừng, cũng có cái khóc giả dối là khóc cũng có nước mắt, nhưng cái khóc của họ là khóc giả dối mà thôi. Bần-Đạo nói cười thế nào mới tượng trưng hạnh phúc? Dầu hạnh phúc đó như ngọn gió thoảng qua, như giọt sương đầu cỏ, còn khóc thế nào mới đau đớn và quả quyết thống khổ? Chúng ta đã ngó thấy kiếp sống của chúng ta khóc nhiều mà cười ít. Thử hỏi một kiếp sống của chúng ta có thú vị hay chăng? Xin trả lời: Từ lọt lòng mẹ dĩ chí ngày chung qui chúng ta chỉ hưởng được hạnh phúc bóng dáng mà thôi, chớ chẳng hề khi nào chúng ta hưởng được chơn hạnh phúc.

Ấy vậy, chơn hạnh-phúc của ta, ta có thể tìm nó được, tìm nó ở trong cái cười hạnh-phúc của các bạn đồng sanh với ta nhưng họ ở trong cảnh khổ thì làm sao họ có cái cười hạnh-phúc được? Chúng ta phải làm thế nào cho họ hưởng được hạnh-phúc, mặc dầu hạnh-phúc ấy mảy mún, chúng ta phải làm thế nào cho họ có cái cười hạnh phúc ấy, chúng ta lúc nào cũng muốn cho họ hưởng được mãi mãi hạnh-phúc, tuy hạnh-phúc ấy chỉ thoảng qua như gió thổi hay một đám sương sa, mà có hưởng, còn hơn không có chi hết.

Khi chúng ta ngó thấy người bạn đồng khổ của

chúng ta hưởng được điều chi của ta đã làm cho được hạnh-phúc vui vẻ, cái đó phải chăng là cái hạnh-phúc của ta đây” (Ngày 14 tháng 9 năm Tân-Mão (dl. 14-10-1951))



8-Long-Mã phụ Hà Đồ

Ý-nghĩa: Nho-gia nói là vạn vật âm áp Âm Dương, đến mực trung dung thì gọi là Hoà, cơ hoà là cơ sanh hoá.

Trong trời đất có hai quyền năng đối kháng nhau gọi chung là Âm Dương, có đặc tính:



(H.53) Long Mã phụ Hà-đồ

- Dương thì cứng, động, phát ra ánh sáng.
- Âm thì tịnh, mềm thuận, là sự bế tàng.

Âm Dương giao phối đúng tiết, đúng thời có kết quả tốt mới sinh tồn, nhưng cũng phải có Thần minh đứng giữa làm máy tạo huyền-vi vậy.

Thường Á-Đông cho Ròng là Kiền. Âm thì lấy vật là con ngựa cái làm tượng cho Khôn. Bởi Ròng lên thẳng chỉ không gian, ngựa chạy đường dài chỉ thời gian. Thế nên, hình ảnh con “Long Mã” là biểu tượng cho lý Âm Dương của vũ trụ và vạn vật. Hơn nữa Đạo Cao-Đài quan trọng ở cái lý biến đổi tuyệt vời của đạo pháp, nên có hình của con “Long Mã phụ Hà-Đồ” là để nói lên cơ Âm Dương của tạo hoá đã điều-hành đến chỗ tuyệt đối là “Hoà”. Hoà là trọng tâm của nền Đại-Đạo.

Lý Dịch quan trọng nhất của sự khởi đầu là Âm Dương. Âm Dương, đất trời cũng từ Kiền Khôn mà ra. Kinh Phật mẫu có câu:

“Càn Khôn sản xuất hữu hình,
“Bát hồn vận chuyển hoá thành chúng sanh”

Kiền Khôn là cái cửa của đạo Dịch vậy. Kiền là Dương, Khôn là Âm. Âm Dương hợp đức mà cứng mềm thành thể, lấy sự làm ra cái thể của trời đất để thông cái đức của Thần minh.

Kiền Khôn là hai quẻ nguyên thủy tượng trưng cái Âm Dương vi thủy của Đạo Dịch.

Quẻ Kiền có thể ghi bằng ba chấm thay vì gạch dài, kéo thẳng xuống thành ra số 1 (1) là số đầu của các số là thuần Dương, quẻ Khôn thay bằng các nét chấm lại là số nguyên thủy của số (0) 0 là thể Âm gọi là số ngẫu.

Âm Dương hoà hợp thành chữ Trung 中 mà biến hoá không giây phút nào ngừng nghỉ, làm cho mỗi phút, mỗi ngày một mới thêm. Sự đổi mới có nghĩa là biến đổi vậy. Thế nên con người sống phải hiểu rằng “Một sát-na già thêm một sát-na”, nói đến sát-na là nói đến tích tắc đồng hồ! Nhưng sự biến đổi này chỉ có tiến chứ không có lùi, không có sự thoái hoá, nhờ vậy mà vũ-trụ này luôn luôn đổi mới nên phải làm sao cho ngày mới, ngày ngày mới, mỗi ngày mỗi mới, do câu “Cầu nhật tân, nhật nhật tân”..

Sự học cũng vậy là con thuyền đi nước ngược, không tiến tức là lùi. Sự mới khác có nghĩa là biến đổi. Cái luật biến đổi đó gọi là Dịch (Dịch là biến, biến theo thời gian) Thế nên khi thì nói: Dương 1, Âm 0 hoặc Âm 2.

Theo đạo Dịch cứ một Âm một Dương mà sinh sinh hoá hoá nên mới nói rằng “Sinh sinh chi vị Dịch” tức là sự sinh hoá của trời đất khởi đầu do cái Âm Dương nguyên thủy làm nền tảng, làm gốc cho sự sinh, thì Kiền Khôn tức là cửa khép mở để vào toà lâu đài Dịch vậy.

- Kiền là quẻ ba vạch liền ☰ (tượng bằng số 1)
- Khôn là quẻ ba vạch đứt ☷ (tượng bằng số 2)

Dương thì động cứng rắn, phát tán.

Âm tính thuận co rút, âm thâm.

Lý Âm Dương vô cùng tận vậy, nhưng chỉ có Hoà thì mới bình nên gọi là Hoà-bình, Hoà phải hiệp nên gọi là hoà hiệp đó là cơ đắc Đạo vậy, để rồi đi đến chỗ hoà-ái, hoà thuận. Nếu hoàn cảnh chưa tiện thì nên Hoà-hườn...

“Nguyên lý của DỊCH là do ảnh hưởng của trời đất có Âm Dương, vạn vật có thể phách, nhọn loại có xác hồn, sự sống của vạn loại trong càn khôn thế giới chỉ nhờ có vật chất và tinh thần tương hiệp mới thành hình. Xác phải phù hợp với hồn, cũng như vật chất phải phù hợp với tinh thần trở lại vô vi, vô vi cùng hữu hình phải tương đắc.”

Khi nói đến TRUNG tức nhiên là nói đến CHÁNH, hai chữ trung chánh này nắm cả then chốt của Đạo Dịch:

- Dịch khiến cho thiên hạ không trung trở về chỗ trung.
- Dịch khiến cho thiên hạ không chánh trở về chỗ chánh.

Trung chánh mà lập lại đặng rồi thì cuộc biến hoá của vạn vật được thông vậy. Nói cho đúng, trong vạn sự, vạn vật không có vật gì mà không trung, không chánh. Nghĩa là trong những sự bất trung, bất chánh, đều đã có sự trung chánh của nó rồi, cho nên mới nói là không có gì quân bình ngay trong những điều xảy ra không quân bình, thực sự là những quân bình tạm đang tìm cách lập quân bình chung của sự vật trên đời. Hay nói một cách khác, chính ngay trong những sự mất quân bình ta mới

thấy rõ luật quân bình của trời đất.

Cái TRUNG CHÁNH ấy là cái trọng tâm, cái trọng lực khiến cho cặp Âm Dương không bao giờ rời nhau được; vạn vật không bao giờ ngừng biến hoá bởi một mở một đóng gọi là biến, qua lại không cùng gọi là thông “*Nhứt hợp nhứt tịch vị chi biến, vãng lai bất cùng vị chi thông*”.

Hai chữ tiến thoái, tồn vong, vãng lai, chỉ cho ta thấy cái động của Đạo, không phải là cái động đi về một chiều, mà là cái động hai chiều thuận nghịch. Tất cả đều bị cái luật TRUNG CHÁNH nắm giữ không cho thiên hẳn một bên nào (thiên về Âm hay thiên về Dương). Đó là cái LUẬT PHẢN PHỤC, một cái luật thường hằng bất biến.

Cái luật TRUNG ấy có thể tượng trưng cái trọng tâm bất dịch của một cái đồng đưa. Nó là luật quân bình vậy”.

Vì đâu mà Thánh nhân vạch nên quẻ Dịch?

Thật ra tất cả cũng đều phát xuất từ con người mà ra. Người là một sản phẩm hoàn hảo nhất của Thượng-Đế. Điều quan trọng ở nơi một con người toàn diện; nghĩa là người phải có đủ năm giác quan, năm giác quan tương ứng với lý Ngũ hành. Nhưng trong năm giác quan này có tới sáu khiếu (khiếu là lỗ). Hay nói khác đi đó là “Ngũ quan hữu tướng Lục quan vô hình”, tức là hai tai, hai con mắt, hai lỗ mũi. Ba đôi một này hợp thành quẻ Khôn ☷ Còn lại một miệng, một bộ sinh dục, một hậu môn, biểu tượng bằng ba nét liền, hợp thành quẻ Càn ☰. Hình ảnh của hai quẻ Càn Khôn làm nên đầu mối của vạn vật, làm nên sự biến hoá vô cùng tận, mở ra toà lâu đài DỊCH mệnh mông, mệnh mông vô hạn định.

Do vậy mà DỊCH-LÝ CAO-ĐÀI được thành hình.

Giá trị của Long-Mã phụ Hà-Đồ:

Đây là Thánh nhân làm rõ nét về lý Âm Dương mà từ xưa đến giờ hầu như các nhà khoa học xem những Tôn giáo là mê tín dị đoan.

Mê tín dị đoan là gì?

Mê tín là tin một cách mù quáng, không rõ lý.

Dị đoan là không rõ đầu mối của sự việc.

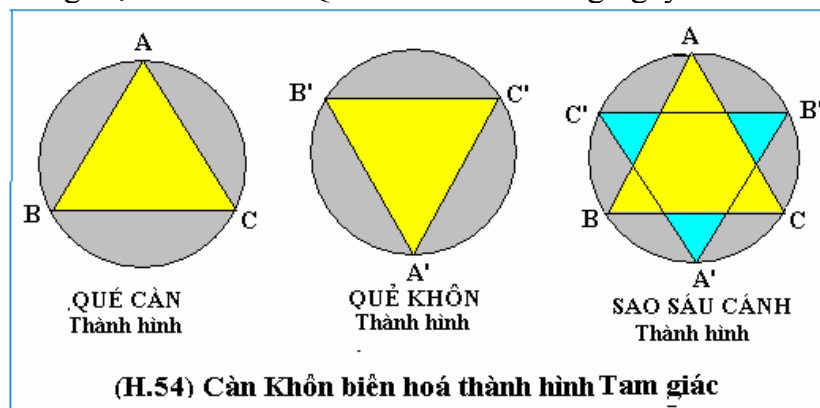
Mê tín dị đoan tức nhiên sự tin tưởng càn quấy mà không giải thích được lý do. Do đây mà có hình LONG MÃ chính là con vật đầu rồng mình ngựa. Đầu rồng bởi vì khởi từ số 1 là con số có khởi mà không có cùng, là Dương, có hướng đi như trên. Mình ngựa là nằm theo đường ngang, chiều Âm, là số 2 kế tiếp. Số 2 không có khởi mà có cùng.

Thế nên trong cuộc sống thì người đàn ông là người thường hay gọi tình cảm trước, nhưng tình dục hầu như không giới hạn. Còn người đàn bà thì tình cảm thường đến sau khi người đàn ông gợi ý, tình dục cũng có giới hạn theo tuổi đời. Nếu về đường tu thì người Nam phải vận dụng ý-chí nhiều mới thắng nổi sắc dục. Do vậy mà các vị Bồ-Tát muốn xuống trần để lập thêm một tầng Liên Hoa rất ngại, nhiều khi các vị phải vào thân một con thú như trâu bò chẳng hạn, để suốt đời làm một vật hy-sinh cho nhân loại, để rồi sau cùng tạo một tầng Liên-Hoa rực rỡ chứ không dám làm người, dễ bị mất kiếp, vì Nam thì bị sắc dục, Nữ bị mê tài mà đường trần dễ làm mê-muội. Và lại nếu làm người mà đẹp cũng khó tu vì dễ bị cám dỗ, mà nếu xấu thì lại bị tự ty. Vậy người tu nên nắm vững những yếu điểm ấy mà lướt qua, xem như những chặng đường thử thách của người tu là như thế, như thế...

Kiên Khôn biến hoá như thế nào?

1/- Về con số 3 là tam Âm tam Dương:

Quẻ Càn ☰ cấu tạo bởi 3 vạch liền, nói là *Kiên tam liên Tây Bắc Tuất Hợi*, nghĩa là Càn khôn này nằm trong Hậu Thiên Bát-Quái của Văn-Vương ngày xưa.



Ba vạch liền là hào Dương vậy.

Quẻ Khôn ☷ cấu tạo bởi ba vạch đứt. Ba vạch đứt là ba hào Âm, vậy nên có 6 đoạn, gọi là Khôn lục đoạn.

Sự biến hoá của Càn Khôn:

Từ con số ba vạch này nối lại với nhau thành một hình: đó là hình tam giác, hình tam giác chính là cái hình có trước tiên trong kỷ hà học. Vì lẽ quẻ Càn có ba vạch bằng nhau, đặt ba vạch này liền lại với nhau sẽ thành một Tam giác đều, đỉnh quay lên trên. Nếu quẻ Khôn cũng nối liền như vậy sẽ thành một tam giác thứ hai, nhưng đỉnh quay về phía dưới. Hai tam giác này đặt chồng lên nhau sẽ tạo thành hình sao sáu cánh. Các điểm giao nhau của Khôn bị cắt qua các nét của Kiên.

Thế nên khi nói đến Càn Khôn là nói đến tam Âm tam Dương, tam giác đó cũng là lý biến hoá thứ nhứt.

2/- Càn Khôn biểu hiệu bằng số:

Căn cứ theo vạch mà tính quẻ Càn Khôn bằng số:

Ví như nhìn vào mỗi quẻ đơn có ba nét, thì số của nó chính là 33. Hoặc nhìn vào Khôn có 3 nét đứt thì bằng 6 vạch, ta cũng nói là Càn Khôn biểu tượng bằng số 36, hoặc cũng nói càn khôn là số 9 bởi cộng con số vạch của hai quẻ bằng 9.

Độc Dịch không chấp lời cũng không chấp lẽ. Bởi Dịch là biến, nhờ biến như vậy mà bốn mùa thay đổi, vạn vật cũng như người có bé thì có trưởng, không bao giờ cố định. Tế bào trong người ta cũng vậy, khi còn tuổi trẻ chúng tăng trưởng không ngừng, khi về già chúng co rút và chết dần nên người mới bệnh hoạn, ốm yếu.

Hiện tại ở Đền Thánh hai lầu chuông và trống mỗi lầu cao 36 m, tức là tượng cho hai quẻ Càn Khôn là cánh cửa Đạo Dịch mở ra và gồm năm trợn máy Âm Dương của Tạo hoá.

3/- Số 2 và 3 cũng nói lên Càn Khôn:

Như đã biết Càn ba vạch liền (số 3) Khôn bằng 6 vạch đứt tức nhiên Khôn **gấp hai lần** số vạch của Càn (số 2) Thế nên khi nói đến số 23 cũng là nói đến Càn Khôn vậy.

Nhìn chung quanh Đền Thánh có 23 “Thiên Nhân Thầy” trang trí chung quanh mặt Đền ở mỗi bên của khung cửa sổ cũng nói lên Càn Khôn. Ngoài ra lý này còn gọi là tam thiên lưỡng địa, nhưng nói cho đúng là “Tham thiên lưỡng địa” Bởi duy chỉ con người mới được tham dự vào chuyện của trời đất mà thôi, vì vậy lý Tam tài: Thiên Địa Nhân vẫn đứng ngàn đời. Do vậy mà làm người phải là một con người đạo-đức mới đạt được những đức tính cao quý ấy.

4/-Hai quẻ Càn Khôn xếp thành chữ Điền:

Cấu tạo chữ Điền:

Nhưng khi bàn Lý Dịch thì phải bàn cho đến đích vì Dịch 易 là biến. Điền 田 do hai quẻ Kiền Khôn mà ra:

Quẻ Kiền ☰ có ba nét Dương có thể đặt đứng, đó là chỉ không gian 田 và quẻ Khôn có ba nét Âm ☷ đặt nằm chỉ thời gian. Hai quẻ Càn-Khôn phối hợp lại thành chữ Điền 田. Chữ Điền này chính là tâm của Bát-quái Đồ Thiên hay Bát quái Cao-Đài là một nền Chánh-giáo, là chỉ sự biến hoá của muôn loài vạn-vật, nên chỉ bậc đại nhân hay là người đạo-đức phải có được cái tâm điền ấy.



Xem kỹ trong “Dịch Lý Cao-Đài” của cùng Soạn giả sẽ thấy hai quẻ Càn ☰ Khôn ☷ là chủ của Bát-quái. Chữ Điền nếu phân tích ra sẽ thấy:

- Có 4 chữ **nhật** 日 nằm ngang dọc (*nhật nhật tung hoành nhật*). Ý muốn bảo rằng người tu phải: ngày mới, mỗi ngày mỗi mới, ngày ngày mới. “Nhật tân, nhật nhật tân hựu nhật tân” 日新日日新 又日新 (có 4 chữ nhật là vậy)
- Có 4 chữ **Sơn** 山 xoay quanh (*Sơn sơn điền-đảo sơn*)
- Có 2 chữ **vuông** 王 đặt xuôi ngược (*luồng vương tranh nhứt quốc*)
- Có 4 chữ **khẩu** 口 hợp lại chính giữa (*tứ khẩu tại trung-gian*).

Trong sách Trạng-Trình có câu: “Phá điền Thiên-tử giáng trần” hoặc “Phá điền Thiên-tử xuất, Bất chiến tự nhiên thành”. Nay là thời-kỳ phá điền đã đến vậy!

*Đặc-biệt nhất là **hai chữ Vương** 王 nằm theo chiều xuôi ngược trong một cái khung đó là hình ảnh “hai vua mà tranh một nước”. Trong con người có hai vua ấy

tức nhiên một vua tinh-thần và một vua vật-chất đang tranh đấu nhau để giành quyền thắng lợi. Vậy thử hỏi nếu vua tinh-thần thắng tức là ta đang hướng về con đường đạo đức, thì người phải năng trau-giỏi cho đến độ tận thiện tận mỹ hòng giục tấn trên con đường Thiêng liêng hằng sống mà trở về với Đại-ngã tức là về với Đức Chí-Tôn Ngọc Hoàng Thượng-Đế. Sau khi đã lặn lội với thế trần, còn gì?

Cho nên người TU là tự mình làm chủ lấy mình, nghĩa là đặt vị-trí chữ Vương cho đúng chỗ.

Bởi trong chữ Vương 王 có tàng ẩn chữ ngọc 玉 nếu một cái chấm của nét chủ 丶 ấy xuất ra ngoài thì thành chữ chúa 主 nhập vào trong thành ra chữ Vương. Có câu: *Ngọc tàng nhứt điểm, xuất vi chúa nhập vi vương* 玉藏一點出為主入为王

Tại sao người phải tu để đạt cho được cái “tâm Điền” ấy? - Đó là lý có vì sao phải tu-hành. Tu-hành chính là phương-pháp sửa đổi tâm-tánh để mình làm CHỦ được chính mình; đồng thời phải biết Trời là Đấng đang ngự trị nơi tâm linh mình, khi đã tự mình làm chủ được mình rồi thì cũng làm chủ được vũ-trụ.

Do vậy mà Đức Hộ-Pháp khi nhận được những bài thơ của Đức Thượng-Đế đã ngầm giao cho sứ mệnh mở Đạo Trời, mà mỗi Đạo này có “Bí-quyết đặc Đạo” là Thờ chữ CHỦ, tức nhiên người phải biết Trời là chủ của mình. Đặc biệt thơ mà Đức Chí-Tôn cho Ngài đều là những bài thơ mà Ngài cho là “Dị hợm”. Phải chăng là Ngài muốn thử thách lòng thiết thạch can trường, cũng đồng thời Ngài che dấu quyền-uy tối thượng mà Đức Hộ-Pháp sắp nhận lãnh. Thế mà cũng vẫn còn hậu quả chia phe phân phái.

SỐ 3 HUYỀN DIỆU

Nguyên lý:

Số 3 là do 1 với 2 hỗn-hợp lại mà biến ra 3 ($1 + 2$)
3 tức là cơ-quan hữu tướng cùng vô tướng hiện có ở Càn-khôn vũ trụ này.

Số 3 là số nửa tĩnh, nửa động, nhưng phần động nhiều hơn. Số 3 chỉ cơ biến tướng và vi-chủ vật loại thuộc quyền Tăng. Số ấy có đặc tính năng động, biến đổi. Vạn hữu mang số 3 thì chất nóng nảy nhưng vì có phần tĩnh nên cũng biết dung hòa.

Ba là cơ sở của Tam thể: PHẬT, PHÁP, TĂNG nên nó vừa có năng lực huy động mà cũng vừa có năng lực dung hòa. Vật nào có số 3 là vật ấy có bản thể cứng rắn, nhiều hoạt động, ít may-mắn, dễ thành nhưng mau bại.

Tuy nhiên con số 3 có tính cách phổ-thông lại mầu nhiệm, huyền-diệu vô cùng.

Số 3 là cơ HOÀ vậy.

1-DANH TỪ AÃÃ

Người Cao-Đài nhận biết con số 3 đầu tiên qua AÃÃ là tá danh của Đức Chí-Tôn Đại-Từ-Phụ.

Đức Hộ-Pháp nói:

“Chúng tôi thật không biết Ông AÃÃ là Đức Chí Tôn chút nào hết, bây giờ hiểu lại, Ngài xưng là Tam, mà Tam là Càn khôn vũ-trụ định thể, ba châm nói rõ là số 3, Con số thiêng-liêng tạo-đoan vạn-vật là vậy”.

Nay cơ tận độ Kỳ ba nên Đức Chí Tôn đến lần đầu tiên với tiền bối chúng ta xưng Thánh danh bằng ba chữ:

AÃÃ ám chỉ ngôi thờ Đức Thượng Đế tức là Tòa Bạch Ngọc Kinh tại thế:

- A là Phật (Bát Quái Đài).
- Ã là Pháp (Hiệp-Thiên-Đài)
- Ằ là Tăng (Cửu Trùng Đài)

Ngoài ra, ba chữ AÃÃ về đạo pháp là một triết lý uyên thâm huyền diệu.

- A là chữ đầu của 24 chữ cái tức là Đạo (Phật)
- Ã là dấu Âm như nửa vành trăng là Pháp (Pháp).
- Ằ là một dấu Dương, chứng tỏ đây là một sản phẩm toàn hảo của Đấng Chủ Tể Càn Khôn là Thế (Tăng)

Trong Kỳ ba Đức Chí-Tôn đến lập Đạo để cứu Đời, nên A là Phật, Ã là Pháp, Ằ là Tăng, hay :Tinh Khí Thần.

Buổi Tam Kỳ cơ tuần hườn phản tiền vi hậu, Thầy là Phật chủ cả Pháp Tăng, với chơn lý cơ tận độ, Thầy tức Phật là A, nhưng thờ ở sau để đưa cả chúng Tăng là Ằ trở vào Hư Vô Chi Khí, Ằ là Pháp, đó là lời của Đức Chí Tôn xưng với Môn đệ như vậy.



2-Đại-Ân-xá lần ba là gì?

Việt Nam này hân-hạnh được đón nhận trước tiên để rồi thông truyền cho cả thế giới một nền Tân Tôn-giáo với chủ-nghĩa Đại-Đồng để hưởng Cơ Đại-Ân xá lần ba của Đức Thượng-Đế.

Đại-Ân-xá là gì? Tức là một cuộc ân-xá lớn (tiếng Pháp gọi là Troisième Amnistie de Dieu en Orient).

“Mỗi ngươn hội Đức Chí-Tôn với lòng Từ-bi tha thiết thương con cái của Người không nỡ để chìm đắm nơi sông mê bể khổ, nên mỗi ngươn hội Đức Chí-Tôn có mở một kỳ Phổ-Độ để cứu vớt nhơn-sanh và rước các Nguyên

nhân tức là nguyên-linh đã xuống trần nay đem trở về ngôi vị cũ.

Như thế thì mỗi Kỳ Phổ-Độ đều có mở một cuộc Ân-xá, mở cửa dễ dàng cho các Đẳng chơn hồn có đủ phương lập vị.

Nền Đạo này là Cơ Đại-Ân-Xá tận độ chúng sanh nên Cao-Đài xưng là Đại-Đạo. Vì chủ-nghĩa tối cao của Đại-Đạo chẳng những là QUI TAM-GIÁO HIỆP NGŨ CHI mà thôi, mà phải làm thế nào dầu bậc Đế vương ngoài thế cũng phải bái phục, phải tùng Đạo, phải dò theo các cơ thể của Đạo, phải nhờ Đạo mới mong trị an thiên hạ đặng.

Vậy mới gọi là HIỆP NHỨT.!

Vậy mới gọi là ĐẠI-ĐẠO!

Đại-Đạo ngày nay cũng là Phật-Đạo vì gồm hết Tam giáo Nho, Thích, Đạo và Thích-Ca cũng là Thầy, Thầy là Thích-Ca”.



3-Tam nguồn của Trời đất:

- **Thượng-nguồn:** là nguồn tạo-hóa ấy là nguồn Thánh-đức, tức là nguồn vô tội (cycle de création c'est-à-dire cycle de l'innocence)

- **Trung-nguồn** là nguồn Tấn-hóa, ấy là nguồn tranh đấu, tức là nguồn tự diệt (Cycle de progrès ou cycle de lutte et de destruction).

- **Hạ-nguồn** là nguồn bảo-tồn, ấy là nguồn tái tạo, tức là nguồn qui cố (cycle de conservation ou cycle de reproduction et de rénovation)

Đạo có ba nguồn chính, mà nguồn Tạo-hóa là Người đã gây dựng Càn khôn vũ trụ. Vậy khi mới tạo thiên lập địa nhơn-loại sanh ra tánh chất con người rất đổi

hồn độn, còn đương thuần phát thiên lương, nên chi cứ thuần tòng thiên-lý mà hòa-hiệp dưới trên, tương thân tương ái, thời kỳ ấy người người đều hấp thụ khí Thiên nhiên, nên hằng cộng hưởng thanh-nhân khoái lạc mà vui say mùi đạo-đức thảng ngày, bởi có đời Thượng-cổ mới có danh là Thượng đức. Thượng ngươn ấy cũng kêu là đời Thượng đức nữa.

Kể đó bước qua Trung-ngươn thì nhơn tâm bất nhứt, tập quán theo thế đời, thâm nhiễm nhiều nét xấu làm cho xa mất điểm Thiên lương, nên chi nay Đại-Đạo ra đời.



4-Tam-Trấn Oai-nghiêm

Khái niệm:

“Khi lập ra mỗi Đại-Đạo này lẽ ra phải có đủ Tam giáo: Phật. Tiên. Thánh như hai lần Phổ-Độ trước để thích hợp với trình độ của dân trí, phù hợp với nhân tâm cùng sự tiến hóa vượt bậc của nhân loại trong thời kỳ nguyên-tử chuyển này. Chính vì thời buổi thay đổi, Đức Chí-Tôn mới đến lập nên Đại-Đạo chuyển Tam giáo qui nguyên Phục nhứt cho hợp với Thiên-thơ, Đức Chí-Tôn mới chọn ba vị: Phật, Tiên, Thánh cảm quyền Tam-Trấn thay mặt cho Tam giáo giảng cơ lập thành đạo đức.

Ngài lập Tam Trấn Oai-nghiêm thay cho Tam giáo lập Đạo vô-vi, không hình thể như trước, gọi là Đại-Đạo Tam-Kỳ Phổ-Độ.

TAM TRẤN OAI NGHIÊM là ba vị trấn nhậm với một quyền hành Oai nghiêm. Ba vị này thay thế ba Đấng Giáo-chủ của Thích, Đạo, Nho để phổ độ chúng sanh trong kỳ ba Đại Ân xá của Đức Chí-Tôn.

Nay bước qua Thượng ngươn Tứ chuyển là ngươn phục cổ nên thuộc về Phật, do vậy mà đại diện của:

- Phật Đạo là Đức Phật Quan-Âm chương quản về Phật giáo, quyền Nhứt trần Oai nghiêm.

- Tiên Đạo là Đức Lý Đại Tiên Chương quản Tiên giáo, quyền Nhị Trần Oai nghiêm.

- Thánh Đạo là Đức Quan Thánh Đế Quân, chương quản Thánh giáo, quyền Tam Trần Oai nghiêm, cũng gọi là Nho-Tông chuyển thế.

Như vậy Tôn chỉ của Tam-kỳ Phổ-Độ là Tam giáo qui nguyên Ngũ chi Phục nhứt. Thế nên không còn có các vị Giáo-chủ làm đầu Tôn-giáo như trước nữa, vì vậy Đức Chí-Tôn lập Tam-Trần Oai-nghiêm thay quyền Phật-vị.

Đây cũng là cơ Đại-Ân-xá của Đức Chí-Tôn, Ngài đến xưng là AÁÁ tức là Tam ngôi nhứt thể “Qui các Đạo hữu-hình làm một”.

1/-Tại sao gọi là Tam Trần Oai-nghiêm?

Tam trần tức là ba Trần. Ba Trần cũng có nghĩa là Tam giáo. Như Nhứt kỳ và Nhị Kỳ Phổ Độ các Đấng ấy giáng thân lập Đạo kêu là Tam giáo. Nay, Đức Chí-Tôn lấy Huyền-diệu lập Đạo mà chấn hưng Tam giáo, lại phải có ba vị thay thế cho: Phật, Tiên, Thánh nên kêu là Tam Trần có nghĩa là trần nhậm.

Đây cũng là Đức Chí-Tôn chọn lựa công quả Chơn thần thiêng liêng của ba vị đương lúc còn ở thế, như:

- Thái-Bạch Kim-Tinh công bình minh chánh.

- Quan-Âm Bồ-Tát tiết hạnh trinh liệt.

- Quan-Thánh Đế-Quân trung can nghĩa khí.

Ngài lập Tam Trần đặng giao trách nhiệm thế quyền cho đủ số Tam-giáo lúc Tam-Kỳ Phổ-Độ này.

2/-Quyền-hành Tam Trần:

“Tam trần Oai-nghiêm thay quyền Phật vị tại thế này. Ấy vậy, các Đấng ấy đối phẩm cùng các Đấng trọn lành của Bát-Quái-Đài” (PCT/19)

...Thầy lập đặng thay mặt cho Thầy nơi Cửu Trùng Đài cầm quyền chánh trị là Phật đó vậy. Cửu Trùng Đài phù hợp với Cửu trùng Thiên thì dầu cho cả Chơn linh trong Càn khôn cũng phải vào nơi đó đoạt cho đặng các phẩm vị giả trạng ấy mới mong mỗi tạo lập Thiên vị mình, chẳng vào cửa Đạo hiệp cùng Cửu-Trùng-Đài thì chẳng đi đường nào mà vào Cửu Trùng Thiên cho đặng”.

(Diễn văn ĐHP: 14-2 Mậu-Thìn)

3/-Ba thời kỳ Chí-Tôn mở Đạo:

Vậy thì từ trước đến giờ đã có ba lần mở Đạo:

*Nhứt kỳ Phổ-Độ	{	Phật-giáo là Nhiên-Đăng Cổ-Phật, Tiên-giáo là Thái-Thượng Đạo Tổ. Thánh-giáo là Văn-Tuyên Đế-quân
*Nhị kỳ Phổ-độ	{	- Phật-giáo: Thích-Ca Mâu-ni - Tiên-giáo: Thái-Thượng Lão-quân - Thánh-giáo: Khổng-Phu-Tử.
*Tam-kỳ Phổ-độ	{	Thay Phật-giáo: Quan-Âm như Lai. Thay Tiên-giáo: Thái-Bạch Kim-Tinh. Thay Thánh-giáo: Quan-Thánh Đế

4/-Niệm danh Tam Trần:

Trong các nghi thức lễ bái, tế tự hay lòng sốt dâng về Thiêng liêng của Đạo Cao-Đài, các Môn-đệ của Đức Chí-Tôn sau khi nguyện lấy đầu: Phật, Pháp, Tăng và niệm danh Thầy, rồi kể đến niệm danh Tam Trần:

- Nam Mô Cao-Đài Tiên Ông Đại Bồ-Tát Ma-Ha-Tát

- Nam Mô Quan Thế Âm Bồ-Tát Ma-Ha-Tát.

- Nam Mô Lý Đại Tiên Trưởng kiêm Giáo-Tông

Đại-Đạo Tam-Kỳ Phổ-Độ.

- Nam Mô Hiệp-Thiên Đại Đế Quan-Thánh Đế-Quân

- Nam Mô chư Phật chư Tiên, Chư Thánh, chư Thần.

Năm câu nguyện trên, ba câu giữa là niệm danh Tam Trấn đủ thấy quyền năng và trách nhiệm của Tam Trấn là trọng đại trong buổi Tam Kỳ Phổ Độ. Ấy là ba ngôi hiệp cùng Nhị khí Âm Dương thành ra Ngũ Khí đó vậy.

5/-Đức Chí-Tôn lập Tam Trấn:

Thánh ngôn Hiệp tuyên. Thầy dạy:

Trong Tam-Kỳ Phổ-Độ và qui Tam-Giáo này:

- Phật thì có Quan-Âm.

- Tiên thì có Lý-Thái-Bạch.

- Thánh thì có Quan-Thánh Đế-Quân khai Đạo.

“Vậy con lập cho đủ ba Trấn chứng đàn; con phải lập bàn Ngũ-Lôi, như Thầy dạy lúc trước; phải có bùa Kim-Quang-Tiên, còn con viết bùa Giáng-Ma-Xử để bàn vọng Hộ-Pháp; rồi Cư chấp bút nhang cho Thầy triệu Ngũ Lôi đến; rồi nó xuống đứng gần bàn Hộ-Pháp với Tắc và Sang; còn mấy đứa phò-loan đứng vòng theo đó.

Con biểu Tương, Kim, Thơ thể y như buổi trước; chư Môn-đệ thể như buổi Thiên-Phong. Con phải nhớ dặn chúng nó tịnh tâm mới đặng, vì có cả chư Thần, Thánh, Tiên, Phật chứng đàn.

Các con nghe Tịch Đạo, thì:

THANH ĐẠO tam khai thất ức niên,

Thọ như Địa huyền thanh hoà Thiên.

Vô-hư quy phục nhơn-sanh khí,

Tạo vạn có đànng chiếu Phật duyên.

THANH là tịch các con.

Đây là Tịch Đạo cho Nam-phái. Ngay trong buổi Giáo-Tông này thì Tịch Đạo cho Nam là chữ THANH

Nhưng vào thời Giáo-Tông kế nữa đây, thì Nam phái sẽ lấy chữ ĐẠO.

Vậy thì theo lời Thầy dạy. Ví dụ Chơn-thần như:

Tương là Thượng-Tương-Thanh,

Kim là Thượng-Kim-Thanh,

Thơ là Thái-Thơ-Thanh.

Phải dùng tên ấy mà thể”.

(Nếu như ngày sau đổi Tịch Đạo thì ví như:

Tương là Thượng Tương Đạo

Kim là Thượng-Kim-Đạo

Thơ là Thái-Thơ-Đạo)

6/-Tam Trấn cũng là Tam Bửu: Tinh Khí Thần:

Nay Đức Chí-Tôn lập Tam-Trấn thì:

- Đức Phật Quan-Âm tượng cho Thần, là đức BI.

- Đức Lý Đại-Tiên tượng cho Khí, là đức TRÍ.

- Đức Quan-Thánh tượng cho Tinh, là đức DŨNG.

Ba đức BI. TRÍ. DŨNG chính là Tam bửu mà chính người Môn đệ Cao-Đài học hỏi nơi Tam Trấn rồi dâng lên cho Chí-Tôn, phải có đủ Bi, TRÍ, Dũng như vậy.

7/- Tại sao thờ Tam Trấn?

- Tại thời kỳ khai Đại Đồng Tam giáo: Nho, Thích, Đạo qui nguyên, Đức Chí-Tôn làm chủ cầm quyền Chương pháp cho phù hợp trong buổi Hạ nguơn tuần hoàn chuyển thế. Ba vị Tam Trấn chấp chương cơ quan mẫu nhiệm, trấn nhậm quyền hành, lập luật pháp, Đạo Nghị Định cho hiệp với Thiên thơ.

Vì thọ mạng linh Đức Chí Tôn nên trong toàn bốn Đạo phải để tâm thành kính và phụng thờ Tam Trấn”.

Thế nên Kỳ Phổ-Độ này Đức Chí-Tôn lập Tam trấn Oai-Nghiêm thay quyền cho Tam-giáo.

Hết Tam-kỳ Phổ-Độ thì nguyên-căn qui nhứt trở lại mở Nhứt-kỳ Phổ-độ nữa sẽ có vị Phật nữa ra đời cầm quyền vì chủ định-luật Càn-khôn. Đó là cơ-quan quản-trị Càn khôn vũ-trụ vậy.

8/-Dâng Tam Bửu cho Đức Chí Tôn:

Đức Hộ-Pháp nói:

“Quyền hành của các Ngài trong Tam Trấn Oai Nghiêm có liên quan với cái Lễ tối trọng tối yếu của chúng ta là phải dâng Tam Bửu cho Đức Chí Tôn. Bản Đạo đã có dịp giảng về Tam Bửu ấy.

Tỷ như một người kia tìm Đạo, người ta thấy mình dâng ba món ấy mà mình gọi là ba báu, rồi người ta để mắt thấy **Bông, Rượu, Trà** người ta để dấu hỏi, ba món ấy báu lắm hay sao? Báu ấy là báu gì ?

Bản-Đạo đã giảng ba cái đồ tượng trưng cho báu vật của ta là:

- **Thứ nhứt thân phàm xác thịt** của chúng ta đây, thuộc về Tinh, Bông tượng trưng xác thịt.

- **Thứ nhì là trí não** của ta, khôn ngoan hơn vạn vật gọi là Khí, Rượu tượng trưng cho trí não.

- **Thứ ba là Trà tượng trưng cho linh hồn** của chúng ta là cái hằng sống thiêng liêng của chúng ta, nó mới gọi là ba cái báu.

Thật ra chúng ta suy nghĩ coi không có gì quý hơn xác thịt ta, trí óc ta và linh hồn ta hơn hết.

Đức Chí Tôn đến biểu chúng ta dâng ba báu vật ấy cho Ngài, Ngài không đòi hỏi dâng cho Ngài cái gì khác.

Giả tỷ như đời Thượng Cổ như loại dâng cho Ngài tới sanh mạng con người, nên người ta phải giết người để làm tế vật. Sau đó thay thế mạng sống con người, như loại lại dâng Tam sanh tức nhiên bò, trâu, heo và sau nữa bên Âu Châu theo Đạo Do Thái thì dâng cho Đức Chí Tôn một con chiên trắng, con chiên ấy phải trắng như tuyết mà thôi.”

9/-Giờ phút này Đức Chí Tôn đến biểu chúng ta dâng Tam Bửu : Bông, Rượu, Trà:

“Trường đầu là gì, thiên hạ nói báu gì đâu ba món ấy gọi là báu. Ai ngờ ba món báu ta dâng cho Ngài là báu vật, bởi vì Ngài là Chúa của ta, Ngài tạo sinh ta, Ngài là Cha của ta về phần hồn và phần xác, Ngài đòi ba món quyền sở hữu của Ngài cho ta, lấy ba món báu của ta đó.

Bây giờ nếu như người tâm Đạo kia nói: Tôi không biết Ông đòi ba món ấy để làm gì? Và tôi không biết Ông dùng ba món báu ấy là xác thịt, trí não và linh hồn của mình để Ông làm gì? Người ta để dấu hỏi, tức nhiên ta phải trả lời:

- Chúng ta đã thấy hiện tượng Đức Chí Tôn đến qui Tam Giáo: Nho, Thích, Đạo, lấy cả tinh thần đạo đức của ba nền Tôn Giáo ấy dựng làm môi giới chuẩn thẳng, rồi lập thêm làm gì Tam Trấn Oai Nghiêm? Có phải chẳng lập Tam Trấn Oai Nghiêm là để bảo vệ ta và Tam Trấn Oai Nghiêm có bốn phận dâng lên cho Đức Chí Tôn, sự thật như vậy. Nếu không phải vậy Đức Chí Tôn chẳng hề khi nào sắm Tam Trấn Oai Nghiêm ra làm gì cho chúng ta thờ phượng.”

10/-Thánh thể Dâng Tam bửu:

“Ấy vậy, cái lời của Chí-Tôn để trên mặt thế gian này có hai phương pháp, siêu hình cũng trong đây, mà siêu vật cũng trong cửa Đạo này.

Tại sao? - Tại vì có một Đạo Giáo Ngài đến một thân Ngài mà thôi. Cả con cái của Ngài đã cho đầu kiếp dưới thế gian này trước, rồi Ngài mới đến sau, Ngài chung hiệp lại làm Thánh Thể của Ngài, Ngài biểu nó dâng Tam Bửu là dâng xác thịt, trí não, dâng cả tâm hồn tức nhiên dâng cả sanh mạng của nó cho Ngài để làm chữ Khí, rồi

Ngài trả chữ Khí của Càn Khôn Vũ Trụ, tức nhiên cái sống của nhơn loại đi đến mục đích chữ Tu, Ngài biểu cả toàn thể dâng xác thịt cho Ngài, Ngài trả lộn lại cái sống của Càn Khôn Vũ Trụ, trong mình nó sống dậy mà làm Thánh Thể của Ngài. Chúng ta tưởng tượng một ngày kia, toàn cả nhơn sanh đứng làm phần tử Thánh Thể của Ngài phụng sự cho Vạn Linh, tức nhiên phụng sự cho nhơn loại, hiệp trí não tâm hồn dâng cho Ngài hết, còn trở lực nào ngăn cản nữa, nhơn loại sẽ đến một cái tối trọng và thiên hạ nhứt gia như Đức Chí Tôn đã muốn”.

11/-Tam Trấn Oai Nghiêm tượng trưng ba báu vật ấy:

Đức Hộ-Pháp nói:

a/-Đức Quan Thánh tượng trưng Tinh: tức nhiên tượng trưng xác thịt của chúng ta, vì cái sống trong xã hội nhơn quần của chúng ngày nay không có cái giá trị nào bằng giá trị Tinh, Khí, Thần. Quả vậy, tôi tưởng chắc rằng: Nếu chúng ta có mảnh thân phàm này mà muốn cho nên, đứng cho vững vàng, đáng giá nơi thế này, kiếp sống ta không có một kiểu vớ nào, không một nền Tôn Giáo nào có tôn chỉ đặc biệt về xã hội nhơn quần của chúng ta hơn là Nho Giáo.

Ấy vậy hôm kỳ Vía của Ngài, Bàn-Đạo đã có nói Quan-Thánh, Ngài tượng trưng Tinh, tức nhiên Ngài là đại diện của Nho Tông Chuyển thể đó vậy.

b/-Bây giờ nói Đức Lý: tức nhiên Anh cả Thiêng Liêng chúng ra giờ phút này, **Đấng Thiêng Liêng đến cầm quyền Giáo-Tông trong Đại-Đạo Tam-Kỳ Phổ-Độ mà cũng là Nhứt Trấn Oai Nghiêm nữa**, Ngài đại diện cho Tiên Giáo đó, mà Tiên Giáo chúng ta đã thấy gì? Thấy kiểu vớ Tiên Giáo trong tinh thần chữ Đạo.

Ấy vậy Đức Lý tượng trưng cho cả trí não tinh thần chúng ta, bảo vệ Đạo tức nhiên bảo vệ sống còn của nhơn loại vạn linh. Thuộc về Khí.

c/-Đức Quan Thế Âm Bồ Tát: Ngài tượng trưng cho linh hồn chúng ta, phải chăng chúng ta sanh ở thế gian này đương mang nặng thi hài xác thịt này, cả toàn nhơn loại trên mặt địa cầu có mặt nơi đây, phải chăng do quả kiếp của họ, Bàn Đạo không nói trọn hết thấy bị quả kiếp, cũng có những Đấng lãnh sứ mạng của Đức Chí Tôn đến giáo Đạo dìu dắt Vạn linh.

Hại thay! Chín mươi hai ức nguyên nhân cũng vì sứ mạng tối yếu tối trọng ấy thay vì lãnh sứ mạng của mình trọn vẹn, lại quá ham sống, gây nên tội tình phải bị sa đoạ. Thành ra một ông Thầy đến giáo Đạo lại trở thành một học trò quá tệ hơn trò nữa.!

Chín mươi hai ức nguyên nhân, giờ phút này có một điều thắc mắc hơn hết, chúng ta thấy trong Vạn linh, con người tối linh hơn vạn vật, mà ta ngó thấy có thứ người không phải người, họ đã mang xác thịt làm như người mình, họ tàn ác dối trá gian ngược, làm cho các Đấng Thiêng Liêng hay là người đạt Đạo ở thế gian này cũng vậy để dấu hỏi, đến phẩm người mà vậy, hỏi họ có đáng làm người không? Họ có đáng ngồi trong phẩm vị Đại-hồi này, hay Tiểu-hồi vật loại? Nếu chúng ta để nhóm người đó ở trong Tiểu-hồi vật loại thì bất công, chính mình người ta đã đạt tới nhân phẩm, nếu để trong Đại-hồi, trong nhân phẩm thì không đáng vị, bởi vì cơ cho nên Đạo giáo để phẩm Maya, tức nhiên quý vị, phẩm vị riêng biệt là “quý vị”.

Ấy vậy Đức Quan Âm Bồ Tát là một Đấng Thường Du Nam Hải, các cửa Phong đô nơi Cửu tuyền đài kia, là

con đường của Ngài đi lên đi xuống không biết mấy lần, không biết thế kỷ nào dứt, để tận độ cho thiên hạ, Ngài tượng trưng cho một cơ thể thiêng liêng giải cả oan nghiệt tội tình, giải cả Nhơn quả cho chúng sanh đạt vị, tức nhiên đạt cơ giải thoát. Hỏi có người nào tượng trưng cho Đấng đó hơn Quan Thế Âm Bồ-Tát không?

Ba cái gương, ba kiểu võ kia đặc biệt chúng ta không thể gì làm được. “Đức Quan-Âm tượng THẦN.”

Tóm lại:

1-Đức Phật-Quan-Âm tượng cho THẦN, là Nhứt Trán.

2-Đức Lý Đại-Tiên tượng cho KHÍ, là Nhị Trán.

3-Đức Quan Thánh Đế tượng cho TINH, là Tam Trán

Đức Lý là Nhị-Trán Oai-nghiêm, nhưng trong các lòng Sớ dâng về Thiêng-liêng thì lại nói là “Nhất Trán Oai nghiêm.”

12-Tại sao Đức Lý lại là Nhứt Trán Oai nghiêm?

Bởi quyền-uy của Đức Lý là Đấng Đại Tiên trưởng ngoài ra còn là Giáo-Tông Đại-Đạo Tam-kỳ Phổ-Độ nữa, cũng như Đức Hộ-Pháp Phạm-Công-Tắc chỉ là Hộ-Pháp đứng đầu của cơ quan Hiệp-Thiên-Đài mà thôi, nhưng khi Ngài là Chương-quản cả Hiệp-Thiên và Cửu Trùng thì Ngài là Giáo-chủ của nền Đại-Đạo, bởi khi hai quyền Giáo-Tông và Hộ-Pháp hiệp một là quyền Chí-Tôn tại thế, nhưng chỉ là Giáo-chủ về phần hữu hình, chứ phần Thiêng liêng vẫn là quyền tối thượng của Chí-Tôn đó vậy.

Bây giờ thì Phật Quan Âm là quyền Nhứt trán mà khi thi hành thì là Nhị trán, còn Đức Lý quyền là Nhị Trán mà hành sự thì là Nhứt Trán.

Trong quẻ Trạch Lôi Tuý  tượng trưng Tam Trán Oai-nghiêm, tức là quẻ Tuý hấp thụ đầy-đủ đức tính

của Càn Khôn Thiên địa. Hơn nữa Tùy là từ quẻ biến là Thiên Địa Bĩ  Thế nên hào Dương quẻ Kiền xuống ở dưới hết của quẻ biến, nên Khôn biến thành Chấn . Hào Âm của Khôn lên đến tận cùng quẻ Kiền, biến thành Đoài .

Như vậy thì các Vị Đại diện của Tam Trán Oai nghiêm hiện giờ thay quyền Tam-giáo:

- Phật Quan-Âm thay quyền Phật-giáo.

- Đức Lý Đại Tiên thay quyền Tiên giáo.

- Đức Quan Thánh Đế Quân thay Thánh giáo.

Nếu xếp thành quẻ thì:

Phật Quan-Âm tượng hào Âm	--	{	ĐOÀI
Đức Lý Đại Tiên tượng hào Dương	—		
Đức Quan Thánh tượng hào Dương	—		

Nhưng khi hành quyền thì Đức Lý Đại Tiên kiêm thêm chức Giáo-Tông vô vi trong Đại-Đạo Tam-Kỳ Phổ-Độ, do vậy mà Đức Lý hành quyền Nhứt Trán Oai Nghiêm và Đức Phật Quan Âm hành quyền Nhị Trán Oai nghiêm.

Vả lại ba Ngài là Tượng trưng Tinh, Khí, Thần hiệp nhứt của nền Đại-Đạo. Quẻ trên biến thành:

Đức Quan Thánh là Tam Trán, Tượng Tinh, hào Âm	--	{	CHẤN
Đức Phật Quan Âm là Nhị Trán, Tượng Khí, hào Âm	--		
Đức Lý Đại Tiên là Nhứt Trán, Tượng thần hào Dương	—		

Quẻ Tùy kết hợp bởi Đoài trên, Chấn dưới là do sự trao đổi quyền hành của hai vị thay quyền Phật và Tiên vị. Vì vậy mà Đức Lý làm chủ quẻ Chấn, tượng cho Hào Sơ Cửu, tức là con trai trưởng của Thượng-Đế.

Đức Phật Quan-Âm làm chủ quẻ Đoài, là con gái út của Thượng Đế. Tất cả đều khế hợp với Dịch vậy.

(Xem tiếp quẻ Tuỳ số 17 Quyển Dịch-lý Cao-Đài VI)



(H.55) TRUYỀN KÝ TƯỢNG TAM THÁNH

5- TAM THÁNH KÝ HÒA-ƯỚC

***Cù NGUYỄN BÌNH KHIÊM:** Nhà tiên tri danh tiếng lớn ở đời Mạt Lê, thi đậu Trạng nguyên, tước vị là Trình Quốc Công, tục gọi là Trạng-Trình, giáng cơ tự xưng là Thanh Sơn Đạo Sĩ, tức là Sư Phò của Bạch Vân Động.

***Cù VICTOR HUGO:** Nhà thi gia trứ danh của Pháp quốc, giáng cơ tự xưng là Nguyệt Tâm Chơn Nhơn, tức là đệ tử của Cù Nguyễn-Bình-Khiêm ở Bạch-Vân-Động.

***Cù TÔN DẬT TIÊN:** Đại-cách-mạng-gia nước Trung Hoa, nhũ danh là Tôn-Văn, giáng cơ tự xưng là Trung Sơn

Chơn Nhơn, tức là đệ tử Cù Nguyễn-Bình-Khiêm ở Bạch Vân Động.

Ba vị Thánh-nhơn trên đây là Thiên-sứ đặc lệnh làm Hướng đạo cho nhơn loại để thực hành Đệ Tam Thiên Nhơn Hòa Ước”

Trên đây là Bức hình “Truyền ký Tượng Tam Thánh” đặt tại Tịnh-Tâm-Đài thuộc phạm vi Hiệp-Thiên-Đài của Đền-Thánh Toà-Thánh Tây-ninh. Bên cạnh bức Tượng Tam Thánh, tấm bia này để giải thích về bức tranh.

1/-Tượng Tam Thánh



(H.56) Tượng Tam Thánh ký Hoà-ước

Bức tượng Tam Thánh này do vị Hiền Tài Lê Minh Tông vâng lệnh Đức Hộ-Pháp truyền họa, khuôn khổ:

2 m 80 X 1 m 90. Hình tượng bằng người thường.

- Đức Thanh Sơn cầm bút lông thỏ.
- Đức Nguyệt Tâm cầm bút lông ngỗng
- Đức Tôn Trung Sơn cầm nghiên mực.

Hai Đấng đang viết trên bia đá chữ Hán và Pháp:

*** 8 chữ Hán văn:**

Thiên thượng - Thiên hạ - Bác ái - Công bình

天上 天下 博愛 公平

***4 chữ Pháp-văn:**

DIEU et HUMANITÉ- AMOUR et JUSTICE

2/-Đức Hộ-Pháp trấn Thần Tượng Tam Thánh:

Đức Hộ-Pháp nói:

“Trấn Thần ba vị Thánh rất khó, vì phải kêu Chơn linh họ đến nhập vào tượng ảnh, mà muốn Chơn-linh họ đến phải thấu đáo cả căn kiếp của họ mới được. Còn 9 cây nhang dùng để trấn Thần là 9 cái thang bắc lên Cửu Trùng-Thiên cho các Chơn-linh nương theo đó. Chẳng biết họ ở tầng Trời thứ mấy mình cứ đưa lên đủ, họ gặp họ tới ngay. Quan hệ là trước khi trấn Thần, phải xem lại coi có tắt cây nhang nào không. Thảng như họ ở tầng thứ 7 mà cây nhang thứ 6 rụi tắt đi, thành ra bị cách khoảng, họ không thể tới được. Bây giờ chúng ta chỉ thông công với các Đấng trong Cửu Thiên Khai Hóa, rồi đây cũng có ngày Bần đạo kêu lên Đức Di-Lạc ở tầng thứ 11 chưa biết chừng, khi ấy sẽ phải dùng đến 11 cây nhang, chớ không phải 9 cây nữa.”

Khi Đức Hộ-Pháp trấn Thần tượng ảnh Tam Thánh xong, cả nhân viên từng sự lui theo cửa hông trở ra, vòng ra cửa trước, đi vào Hiệp-Thiên-Đài, thỉnh Thánh tượng đặt lên vách tường, ngó mặt ra trước cửa Đền-Thánh.

Đức Hộ-Pháp giải thích: Ba vị:

1. Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn.
2. Đức Thanh Sơn Đạo Sĩ.
3. Đức Tôn Trung Sơn.

Là đại diện của Hội-Thánh Ngoại-Giáo, các Ngài là những Thiên mạng truyền giáo Ngoại quốc

(Missionnaires étrangers) cho nên tượng ảnh để ở Hiệp-Thiên-Đài, day mặt ra ngoài cho thiên hạ đều thấy mà hưởng ứng theo tiếng gọi Thiêng liêng của các Ngài..

Cả 3 vị Thánh đều mặc cổ phục.

Cải nghiên mực trên tay Đức Tôn Trung Sơn có hào quang chiếu diệu, tượng trưng sự rực rỡ của nền văn minh tối cổ Trung Hoa.

Cải khuôn xi măng đúc trên vách Hiệp-Thiên-Đài, từ ngày tạo tác Tổ đình, là để dành ngày nay đặt tượng ảnh Tam Thánh lên đó. Trước kia, Bần đạo cũng không hiểu để làm gì, chỉ biết tạo theo lệnh của Đức Lý Giáo Tông.

Ngày nay thời cuộc biến thiên, vị Hiền Tài LÊ MINH TÔNG ở Hải đảo trở về đây, Đức Lý truyền lệnh cho vẽ tượng ảnh này, mới hiểu rằng Đức Lý chờ người mà Ngài cần dùng đến.

Trước tượng ảnh không có bàn thờ chi hết vì Chơn linh đã nhập vào đó như người sống vậy.

Kể từ ngày 10-7 Mậu-Tý (dl 19-8-1948) tượng ảnh Tam Thánh đã đặt lên vách tường Hiệp-Thiên-Đài là biểu hiệu cho Chủ nghĩa Đại Đồng của Đạo Cao Đài, mở đầu một giai đoạn tiếp dẫn chúng sanh Vạn quốc vào cửa Đại Đạo, mà cũng là ngày khởi đoan sự bành trướng ngoại giáo”.

Cuộc lễ bế mạc lúc 9 giờ cùng ngày.

Tòa Thánh, ngày 10-7 Mậu-Tý (dl 19-8-1948)

Luật Sự VÕ QUANG TÂM tường thuật.

3/-Ý-nghĩa Tam Thánh ký Hòa-ước:

Đức Chúa Jésus-Christ thương nhơn loại một cách nồng nàn thâm thúy. Bởi Ngài đã ngó thấy:

- **Nhứt Kỳ Phổ-Độ** nhơn loại ký Hòa-ước với Chí

Tôn mà đã bội ước, nên phạm Thiên-Điều, nhân-quả nhơn loại gớm ghiết. Do nhân-quả ấy mà tội tình nhơn loại lưu trữ đến ngày nay, Thánh-Giáo gọi là “tội Tổ tông”.

- Chính mình Ngài đến, đến với một xác thịt phạm phu, Ngài đến giờ tay để ký đệ nhị Hòa ước với Đức Chí Tôn chịu tội cho nhơn loại, ký đệ nhị Hòa-ước đặng dùm dất chúng sanh trở về cùng Đấng Cha lành của họ tức nhiên là Đức Chí-Tôn, là Đại Từ-Phụ chúng ta ngày nay đó vậy.

Đấng ấy vô tận vô biên, thấy nạn của nhơn loại đã đầy-dẫy, Ngài chỉ xuống tại mặt thế này làm con tể vật đặng chuộc tội tình cho nhơn loại, mà lại còn đem quyền của Chí-Tôn để nơi tay của nhơn loại, bàn tay đó đã ký đệ nhị Hòa-ước cho nhơn loại, nó làm cho Ngài thế nào?

Do tay Ngài ký tờ hòa ước với Chí Tôn, nên hai tay của Ngài bị đóng đinh trên cây thập tự giá. Hai chân của Đấng ấy đã đi trước nhơn loại dùm đường hằng sống cho họ, rồi hai chân của Đấng ấy cũng bị đóng đinh trên cây Thánh-Giá, còn trái tim yêu ái nhơn sanh vô hạn ấy bị một mũi kiếm vô tình đâm ngay cạnh hông của Ngài, lấy giọt máu cuối cùng đó đặng cứu nhơn loại, một tình ái vô biên ấy để lại cho loài người một tôn chỉ yêu ái. Tôn chỉ nhìn nhơn loại là anh em cốt nhục và khuyên nhủ nhơn loại coi nhau như đồng chủng.

“Đức Chúa Jêsus Christ đã lấy máu thịt đặng chuộc tội cho loài người. Giờ phút này là giờ hiển Thánh của Ngài dùng quyền hành yêu ái vô biên của Đức Chí Tôn mà tha tội cho nhơn loại đó vậy”.

Thế gian người ta thường nói chúng ta chết là hết, chúng ta thử suy đoán: với một kẻ mà đã đem trọn kiếp sanh mình làm con tể vật cứu thế như Đức Chúa Jêsus Christ đem thân ra chịu khổ hạnh truyền giáo thật ra chỉ

vỗ vện có hai năm thôi, kẻ bị dân Do-Thái đóng đinh trên cây Thánh-Giá như kẻ thường tình kia mà Đức Chí-Tôn phải đền trả đến vô cùng. Nay ngôi vị của Ngài đã hoà nhập cùng Thượng-Đế, tức là đi vào tâm vậy.

4/-Tam Thánh đứng đầu Bạch Vân Động:

1-Đức Thanh Sơn Đạo Sĩ: Ngài giảng trần ở Việt-Nam là Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm (1491-1585).

2-Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn: Ngài giảng trần tại nước Pháp là Đại văn hào Victor Hugo (1802-1885).

3-Đức Trung Sơn Chơn nhơn: Ngài giảng trần ở Trung Hoa là nhà Cách mạng Tôn Dật Tiên, tức là Tôn Văn (1866-1925)

Ba vị Thánh kể trên là Người của Bạch Vân Động

BẠCH VÂN ĐỘNG là gì?

Đức Hộ-Pháp giải thích về Bạch Vân Động :

“Xưa nay người ta vẫn coi Nguyệt cầu (Mặt Trăng) là nơi dừng chân của những vị Thánh, Thần, trước khi xuống trần giới (Địa cầu) đầu thai. Các vị đó phải ở lại Nguyệt cầu ít lâu để liên lạc với Địa cầu, để quen lặn với đời sống ở thế gian này.

Từ cổ, Thần thoại đã mệnh danh Nguyệt cầu là Bạch Vân Động (Quảng Hàn Cung). Cơ giảng ở Âu Châu, mệnh danh là LOGE BLANCHE (Bạch Động). Giáo chủ của Bạch Vân Động là Bạch-Vân Hòa-Thượng, miêu duệ của Tìr-Hàng Đạo-Nhơn, dòng dõi Đức Phật Quan-Âm. Bạch Vân Hòa Thượng đã hai lần giảng trần ở Pháp và một lần ở Việt-Nam.

- Một lần là Hồng Y Giáo Chủ Richelieu,

- Một lần là Quận Công La Roche Foucault.

- Ở Việt-Nam, Ngài giảng trần là Trình Quốc Công Nguyễn Bỉnh Khiêm, tức gọi Trạng Trình”.

5/-Luật Bác-ái và pháp Công-bình

Đức Hộ-Pháp nói trong con đường Thiêng liêng hằng sống:

“Nếu như các Ngài còn chối cãi, dầu cho chỉ muốn đường ngàn nẻo mà các Ngài chối không từng con đường của nhơn loại đi là con đường Tín-ngưỡng Trời và Người đặng diu dắt nhơn-loại trong Luật Thương-yêu và Pháp Công-chánh, đến trước mặt Tòa Tam Giáo đặng cầu rỗi, tôi dám chắc chẳng hề khi nào chối tội đặng. Dầu có cượng lý bao nhiêu các Ngài cũng không chối sự chơn thật đó đặng.

Nếu các Ngài muốn chối, tôi xin để bằng có hiển nhiên là Đạo Cao Đài đã xuất hiện. Đức Chí Tôn đã đến, chính mình Ngài đến mở Đạo 24 năm trường nay. Ngài đã ký kết với nhơn loại bản Hòa-uớc thứ ba.

Hai Hòa-uớc kỳ trước nhơn loại đã phản bội, không giữ sở tín của mình vì có cho nên phải thất Đạo, nhơn loại đi trong con đường diệt vong tương tranh, tương sát nhau. Vì lòng Bác-ái Từ-bi Chí-Tôn đến ký Hòa-uớc thứ ba nữa để trong luật điều. Chúng ta thấy các Đấng Thiêng-Liêng chỉ tâm Tượng Tam-Thánh biểu nhơn loại tín-ngưỡng; Thiêng thượng, Thiêng hạ (Dieu et Humanité) về luật có Bác-ái, Pháp có Công-bình, ngoài ra dầu luật pháp muôn ngàn hình tướng, Hội-Thánh Đạo Cao-Đài diu dẫn tâm lý nhơn sanh, chỉ dẫn họ vô mặt luật tối cao là Luật Bác-ái và vô một nền chơn pháp tối trọng là Pháp Công-bình.

Luật pháp của Đạo Cao Đài, ngoài ra luật Bác-ái và pháp Công-bình, tất cả luật điều khác, đều là phương pháp lấy giả tạo chơn mà thôi.”

6/-Đức Chí Tôn muốn dành để cho họ phẩm vị gì? Và phận sự của họ phải làm gì?

“Từ tạo Thiên lập Địa đến giờ chúng ta đã rõ được nguồn sử của nhơn loại tiềm tàng khảo cứu, chúng ta đã ngó thấy tinh thần của con người, dầu ai có muốn chối cái tinh thần ấy là chủ quyền cái sống của họ cũng không được. Tại sao? Tại họ đã thọ lãnh cái điểm linh về tinh thần của họ nơi Đấng Tối-linh kia. Đấng Tối-linh ấy ban cho họ, muốn cho nhơn-loại từ từ đi từ phẩm-vị con người đạt cho đến quyền năng, đạt cho tới cái địa vị làm Trời hữu hình tại thế này đó vậy.

Ngày giờ nào không lấy Luật Thương-yêu thiên nhiên của Đức Chí-Tôn để trong tâm não của họ, thì họ chưa hề có can đảm làm phận sự tối tở của họ mà phụng sự nhơn loại một cách đặc lực, một cách vui vẻ, một cách hữu hạnh, hữu phước, một cách làm cho mình có thể chung lại với nhau đặng hưởng hòa bình yêu ái của toàn nhơn loại nơi mặt địa cầu này.

Muốn làm Chúa thời phải thiệp hiện Hòa-bình tâm lý trước đã và Hòa-bình hình chất sau. Nhưng chỉ có Đức Thương-yêu của Đức Chí-Tôn để nơi tâm khảm của chúng ta làm khí cụ, làm môi giới diu dắt và nâng đỡ họ, thì họ mới có thể hưởng cái hạnh phúc ấy mà thôi”.

7- Thầy là Cha của sự thương-yêu:

Đức Chí-Tôn có dạy:

“Thầy thường nói với các con rằng: Thầy là Cha của sự thương-yêu, do bởi thương yêu Thầy mới tạo thành thế-giới và sanh dưỡng các con.

“Vậy thì các con sản-xuất nơi sự thương-yêu. Đã sản-xuất nơi sự thương-yêu, các con tức là cơ thể của sự thương-yêu.” (xem thêm “Số 3 Huyền diệu” cùng Soạn giả)

Đức Chí-Tôn thể hiện đức thương yêu ấy đối cùng vạn linh, là các vật trang trí trong cửa Đạo ngày nay ngoài việc làm tăng mỹ thuật mà còn là thể hiện cơ Đại ân xá của Chí-Tôn nữa. Rồng là con vật đứng đầu hết, nên các giống thú cũng phải nương theo Tứ linh này chuyên-hóa để thăng tiến. Nay Cao-Đài Đại-Đạo mở ra là để cho các chơn-hồn tiến-hóa, tức là kể cả vật-chất, thảo mộc, thú cầm, nhơn loại gọi chung là chúng-sanh và bốn phẩm-cấp cao hơn là Thần, Thánh, Tiên, Phật, gồm chung là Bát phẩm chơn hồn vậy.

Chân tượng Rồng (chân vi long). Rồng là con vật linh, đứng đầu trong Tứ linh: Long, Lân, Qui, phụng. Con vật linh ấy khi đầy lên để rồi sẽ được yên-tĩnh, nghỉ-ngoi, từ dưới chỗ âm-u thì rồng dậy. Nay là Cơ Đại-ân-Xá của Chí-Tôn nên mở rộng cửa cho vạn linh thoát vị, do đó mà Tứ linh là bốn giống thú linh cũng được dự vào cơ Đại-Ân xá này và tất cả đều hả miệng, chính là cơ phổ độ vậy.

- **Đạo-pháp:** nhắc về khi làm 7 cái ngai cho các Chức-sắc Cửu-trùng-đài Thầy cũng bảo chạm Tứ linh, nhưng ngai của Giáo-Tông “*chỗ hai tay dựa phải chạm hai con Rồng*” ấy là lý âm dương biến hóa vô cùng.

Theo lý vạn-vật xuất ra ở cung Chân là nơi huy động đầu tiên sinh ra muôn vật. Từ đó người Á-Đông ta cảm nhận lý biến-hóa của vũ-trụ nên lấy vật Tổ là Rồng để biểu-dương một tinh-thần bất-khuất của dân-tộc-tính. Từ xưa đến giờ đều tự-hào là “con Rồng cháu Tiên”. Ngay trong Đền-Thánh cũng đều trang-trí hình ảnh Tứ linh, nhiều nhất là Rồng đủ màu sắc và là rồng hả miệng để nói lên thời kỳ Phổ-độ chúng-sanh trong kỳ ba đại-ân-xá, tận độ chúng-sanh qui nguyên-vị

8-Lý Dịch trong tượng Tam Thánh:

Ba vị Thánh hiệp thành số 3 tròn đầy, tức nhiên đủ

Tinh Khí Thần hiệp nhưt. Vả lại ba người là đại diện của các nước: Pháp (Victor-Hugo), Trung-Hoa (Tôn Dật Tiên) Việt-Nam (Trạng-Trình), nhưng Đức Trạng-Trình lại là Sư phó của Bạch-Vân-Động, tức nhiên là Thầy của hai vị kia. Đúng như lời Đức Chí-Tôn đã nói là:

Một nước nhỏ-nhoi trong vạn quốc,

Ngày sau làm Chủ mới là kỳ.

Thấy rõ mỗi Đạo này là của nhân loại tức là Tôn Giáo Đại-Đồng, đi từ: Đại-đồng nhân chủng, Đại-Đồng xã hội đến Đại-Đồng tư tưởng.

Về mặt Thiên Thơ, Việt-Nam làm Thầy của Vạn quốc rồi vậy, cũng là luật Công bình của Đức Chí-Tôn đã thể hiện trong thời buổi này giữa người và người. Xưa Việt-Nam chịu sự đô hộ Tàu hàng ngàn năm, nô-lệ Tây 81 năm, ngày nay Việt-Nam được nhận mỗi Đạo Trời để làm khởi điểm cho nền văn-minh tinh thần của toàn nhân-loại, của thời-đại nguyên-tử-chuyển này trong luật Bác-ái và phép Công bình. Hơn nữa Thầy còn ban ân huệ đến toàn vạn linh, tức nhiên vạn loại cũng được hưởng công bình ấy

Trên tượng Tam Thánh Đức Victor-Hugo tay cầm lông ngỗng (chỉ loài chim) viết lên 4 chữ Pháp: DIEU et HUMANITÉ - AMOUR et JUSTICE. Bốn chữ nói lên Tứ tượng là chỉ văn minh vật chất, đến giờ này phải biến hoá, nghĩa là phải biết thương yêu loài vật như Thượng cầm, cả đến việc không ăn thịt chúng nữa, chúng là bạn đồng sanh.

Đức Trạng-Trình tay cầm bút lông (lông thỏ hoặc lông mèo) chỉ hạ thú, viết lên tám chữ Nho là chỉ văn minh tinh thần đã đến Bát-quái rồi. Tám chữ ấy là:

Thiên thượng - Thiên hạ - Bác ái - Công bình.

天上 天下 博愛 公平

Để thể hiện đức hiếu sanh của Trời bấy nhiêu hình

ảnh ấy nói lên ý-nghĩa là người phải Công bình và Bác-ái cả với loài thượng cầm và hạ thú. Kinh sám hối nói:

*Thượng cầm, hạ thú lao xao,
Côn trùng, thảo mộc loài nào chẳng linh?
Nó cũng muốn như mình đứng sống,
Nỡ lòng nào tuyệt giống dứt nòi,
Bền công Kinh sách xem coi,
Vô can sát mạng thiết-thời rất oan...*

Nay là thời kỳ tất cả phải được tiến hoá trong khuôn luật Công bình ấy nên chúng nó đã tự giải thoát khỏi lưỡi dao oan nghiệt của người lúc nào cũng kè cổ, nòi nước sôi và khỏi chịu nỗi da nấu thịt nữa. Cái cảnh “Dịch bệnh” là phương giải thoát để loài vật sớm được tiến hoá.

Lại nữa “Vật dưỡng nhơn” đã chấm dứt, tức nhiên nhân loại đã cơ-giới-hoá trong nông nghiệp, không còn phải cày bừa, kéo xe như ngày nào nữa. Do vậy mà bò trâu cũng chết vì lở mồm long móng, ấy là sự tự giải thoát.

Còn về kích thước khung hình là 2m80 X 1m 90. Nếu cộng các số ấy lại có tổng số là 10 ($2+8=10$) và ($1+9=10$) Mười là con số tượng trưng thập Thiên can. Còn hai chữ số của chữ Nho và chữ Pháp hiệp lại là 12, tức là số Thập Nhị địa chi. Trong một bản như vậy có đủ Thập Thiên can và Thập Nhị địa chi cũng đã rõ sự biến-hoá rồi.

Như thế mỗi mỗi hình ảnh trong cửa Đại-Đạo là một Bát-quái có liên hệ và ăn khớp nhau như tế bào trong cơ thể đó là tinh thần nhứt quán trong lý Đạo đó vậy.

Lại nữa Đức Tôn Văn trên tay cầm nghiên mực toả hào quang sáng chói là nói lên tinh thần của Đạo Cao-Đài ngày nay lấy nền tảng là NHO TÔNG CHUYỂN THỂ.



Nguyên lý về SỐ 4

Số 4 là cơ-quan hữu tượng biến hình, tức là Âm Dương biến sanh. Nho-gia gọi là Lưỡng-nghi sanh Tứ tượng là vậy. Số 4 cũng có nghĩa là $1+3$, tức là do lý Thái Cực điều-hành với ba ngôi vạn hữu, nên hể đến 4 là biến hóa ra rồi.

Số 4 tức là 2 thành số với 2 là 4, là con số biểu trưng sự bất diệt. Đó là tượng cái tháp, vì cái tháp đứng ở trên cái nền: chóp đỉnh là hình tam giác trên đầu nhọn tượng là số 3 và dưới chân tháp là số 4. Nó là con số giao tiếp giữa Thần và các số. Hơn nữa cái linh hồn người ta là một số tự động có số 7 tức là do 3 và 4 hợp lại. Con người là Thất nguyên hòa hợp, mới tạo ra thất tình. Như vậy người tu để biến thất tình thành thất bửu.

Tinh-thần của Đại-Đạo là Dịch-lý luôn gắn liền với NHO, Y, LÝ, SỐ.

NHO là dạng-thức của chữ Nho, cũng là triết-lý của Nho-Tông chuyển thể.

Y là dựa trên căn-bản của con người làm đối-tượng cho sự lý-luận. Đạo là mục-đích giải khổ cho con người trong kiếp sống hiện tại và giải-thoát cho kiếp thác ở ngày mai. Bởi nhân thân là một Tiểu-thiên-địa đối với trời đất là đại-thiên-địa; xem ra như bóng với hình, cho nên người không bao giờ xa Đạo là vậy.

LÝ là theo trật-tự của thiên-lý lưu-hành; là biết thuận Thiên an mệnh.

SỐ là theo triết-lý các con số uyên-nguyên đi đúng theo nguyên-lý của trời đất.



THỂ PHÁP ĐẠO CAO ĐÀI ỨNG VỚI SỐ 4

I-Cúng Tứ thời:

Người Tín hữu Cao-Đài trong một ngày Cúng bốn thời, tức là bốn lần châu Lễ Đức Chí-Tôn, mục đích là tập cho thân tâm an lạc, luyện tánh xét mình, lần lần sẽ nên người chí Thánh.

1-Ý nghĩa:

Đức Hộ-Pháp giảng qua lời Thuyết Đạo rằng:

“Bản-Đạo tưởng thấy trong trí cần phải buộc cả thấy Đi cúng” Đi cúng tức là Cúng Tứ Thời vậy.

Về việc Cúng tứ thời:

Tân Luật: Điều thứ hai mươi qui định Chức sắc giữ Thánh Thất mỗi ngày phải làm Tiểu Lễ bốn lần theo Tứ Thời: Tý, Ngọ, Mẹo, Dậu. Mỗi thời phải cúng đúng vào 12 giờ khuya, 12 giờ trưa, 6 giờ sáng, 6 giờ chiều. Ở tư gia, dầu cúng một thời nào trong Tứ Thời cũng phải giữ đúng theo những giờ đã qui định trên đây mà hành lễ.

Sở dĩ phải cúng đúng vào các giờ qui định trên là vì Đạo Cao-Đài lấy **hai chữ chính trung làm cơ bản**, nghĩa là chánh Tý, chánh Ngọ, chánh Mẹo, chánh Dậu vậy.

Một ngày có 24 giờ, chia làm hai thời điểm: ngày và đêm ấy là Âm Dương. (Lưỡng nghi) Mỗi một thời điểm là 12 giờ, tượng là Thập Nhị Thời Thần, mỗi thời có 2 tiếng đồng hồ, chia làm bốn khoảnh-khắc (Tứ tượng).

- Thời Tý: từ 11 giờ (đêm) đến 1 giờ khuya.
- Thời Mẹo: từ 5 giờ (sáng) đến 7 giờ sáng.
- Thời Ngọ: từ 11 giờ (trưa) đến 1 giờ trưa.
- Thời Dậu: từ 5 giờ (chiều) đến 7 giờ tối.

Thời Tý cúng đúng 12 giờ (khuya) là chính giữa của thời Tý, là trung hòa chi Đạo. Thánh Nho có câu: *“Trung giả dã, thiên hạ chi đại bản dã, hòa giả dã, thiên hạ chi đạt Đạo dã. Chí trung hòa, thiên địa vị yên, vạn vật*

dục yên”. Có nghĩa rằng: Trung là cái gốc lớn của thiên hạ, hòa là cái đạt Đạo của thiên hạ. Cùng cực cả trung và hòa, thì Trời Đất định vị, vạn vật hóa dục.

Đây là cái giờ giáp giới, ngày cũ hết, ngày mới bắt đầu, nên 12 giờ đêm 30 tháng 12 (chạp) gọi là giờ giao thừa.

Còn lại ba thời: Mẹo, Ngọ, Dậu cũng cúng đúng chính giữa thời như vậy, tức là 6 giờ sáng, 12 giờ trưa, 6 giờ chiều.

Đức Chí Tôn phân định thời Tý, Ngọ cúng Rượu. Mẹo, Dậu cúng Trà là một ý nghĩa huyền-bí cao siêu để cho con cái của Ngài được hưởng Bí-pháp vô vi là một đặc ân vô giá của Ngài ban cho đó vậy.

2-Về Lý Dịch:

***Thời Tý:** Là thời cực Âm sanh Dương, là thời Ngươn Khí của Đức Chí-Tôn phát khởi, do nhứt điểm Dương sanh chi thủy, vận chuyển Càn Khôn hóa sanh vạn loại, nên dạy *hiển rượu* là mượn cả khí phách, năng lực của toàn Môn-đệ giúp hay cho phần điển lực của Đức Chí Tôn. Hiên lễ Đức Chí-Tôn giờ này, chúng ta hưởng khí sanh quang của Đức Chí-Tôn làm cho khí phách được mạnh mẽ, trí não sáng suốt.

Theo Dịch-lý là **quẻ Phục** (Địa Lôi Phục)  tức nhiên quẻ trên là Khôn vi *Địa*, dưới là Chấn vi *Lôi*. Đọc là Địa Lôi Phục. Có một Dương chịu dưới 5 Âm. Dương bắt đầu tiến dần lên gọi là Dương tiến, tất nhiên Âm phải thoái, hay cũng nói là Âm tụt Dương sinh.

***Thời Ngọ:** Là thời Ngươn Khí của Đức Chí-Tôn đến buổi cực thịnh, đầy đủ ánh Dương quang, soi thấu cả nguồn sanh khí của toàn thể vạn loại, tức là cực Dương sanh Âm, là nguồn tịnh dưỡng Ngươn Khí, nên dạy *hiên*

rượu. Hiến lễ Đức Chí Tôn giờ này, chúng ta được hưởng khí sanh quang của Đức Chí-Tôn, hàm dưỡng khí phách của chúng ta cho được an tịnh. Thế nên dạy hiến rượu cũng như Thời Tý vậy.

Dịch-ly ứng vào quẻ Cẩu (Thiên-phong Cẩu)  tức nhiên quẻ trên là Càn vi *Thiên*, quẻ dưới là Tốn vi *Phong*, đọc là *Thiên Phong Cẩu*. Quẻ này có một Âm dưới 5 Dương, là thời Dương tiêu Âm trưởng, nghĩa là Âm lần lần Dương ra ngoài.

***Thời Mẹo:** Là thời Ngươn Thần của Đức Chí Tôn sau những giờ định tĩnh mà phát khởi biến hóa, sanh trưởng muôn loài, do Âm Dương vắng lai giao thối, gọi rằng Thủy Hỏa Ký tế, vạn loại hữu sanh, nên dạy *hiến trà* dùng Âm Dương thủy là mượn cả linh-hồn yên tĩnh điều hòa của chư Môn-đệ giúp hay cho phần Bí-pháp của Đức Chí-Tôn. Hiến lễ Đức Chí-Tôn giờ này, chúng ta hưởng được Thần lực của Đức Chí-Tôn mà làm cho Chơn Thần chúng ta được tráng kiện.

Theo như lời của Đức Hộ-Pháp có nói: “*Con người ban ngày ăn uống vật thực để nuôi lấy xác thân, ban đêm ngủ là tịnh dưỡng, nuôi nâng Chơn Thần. Dầu người có ăn cao lương mỹ vị, sau ba đêm không ngủ, thì người ấy mất Thần, sẽ kém sút đi mà chớ!*”.

Dịch-ly ứng vào quẻ Đại-Tráng  (Lôi Thiên Đại-Tráng) tức nhiên quẻ trên là Chấn vi *Lôi*, quẻ dưới là Càn vi *Thiên*, đọc là *Lôi Thiên Đại-Tráng*. Quẻ này 4 Dương ở dưới đã lần dần hào Âm ra ngoài, đó là thời Dương tiến Âm thoái, hay là Dương thịnh Âm suy.

***Thời Dậu:** Là thời Ngươn Thần của Đức Chí Tôn giáng hạ và tịnh dưỡng, cũng do Âm Dương vắng lai

giao thối, Thủy Hỏa Ký tế, vạn loại toại sanh, nên dạy *hiến trà*. Dùng Âm-Dương-thủy cũng như thời Mẹo vậy. Hiến lễ Đức Chí-Tôn giờ này, chúng ta được hàm dưỡng Chơn Thần an tịnh.

Dịch-ly ứng vào quẻ Quan (Phong Địa quan)  Tức nhiên quẻ trên là Tốn vi *Phong*, quẻ dưới là Khôn vi *Địa*, đọc là *Phong Địa Quan* (có khi đọc là Quán). Tất nhiên quẻ này là quẻ đảo ngược của quẻ Đại-tráng, có nghĩa là quẻ này có 4 Âm đã lần hai Dương ra ngoài là thời của Âm trưởng thì Dương tiêu.

Thánh-ý của Đức Chí-Tôn mượn cả khí phách, năng lực và tánh chất điều-hòa của chư Môn đệ mỗi ngày trong bốn thời Cúng đều phải đến trước mặt Thầy đăng Cầu nguyện và Xét mình.

3-Giá trị của việc Cúng Tứ thời:

Có khi nào ta nghĩ rằng tại sao phải cúng Đức Chí Tôn và Phật-Mẫu mỗi thời, mỗi ngày không? Giá trị của sự Cúng kính ra làm sao? Và khi nào được nghỉ Cúng?

Thuở Đức Hộ-Pháp còn sanh tiền Ngài cũng lo ngại cho loài người vì sự văn-minh tuyệt đỉnh bị “*giục thúc bởi phương sống vật chất, họ tìm hạnh phúc trong cái sống vật hình, vì có Đạo-giáo mất quyền*”.

Ngài vẫn nạn Đức Lý Giáo-Tông:

“*Đương thế kỷ hai mươi này văn-minh cực điểm đã đi quá cao rồi, đem đạo-đức tinh thần làm thuyết cứu thế sợ chẳng có kết quả. Tôi công nhận rằng trước hai ngàn năm có lẽ hơn loại còn bảo thủ được khỏi thiên lương, biết xu-hướng đạo-đức; tinh thần đạo-đức buổi ấy dường như gặp một mảnh ruộng có nhiều phân nên hạt giống mới mọc dặng, còn thế-kỷ hai mươi này là thời-kỳ văn-minh vật chất, nếu đem đạo-đức ra làm môi giới cứu văn tình*

thể cho đời e vô hiệu quả.

Đức Lý Ngài than, nói quyết đoán rằng:

- Theo lẽ Hiền-hữu nói nhơn loại ngày giờ này không cần đạo-đức có phải?

Bản-Đạo trả lời:

- Thật vậy! Nhơn-loại buổi này không cần đạo-đức, chỉ tìm hạnh phúc nơi văn-minh khoa học cũng có thể được chứ?

Ngài cười:

- Văn-minh khoa-học chỉ nuôi phần xác thịt mà thôi, còn phần linh hồn chắc-chắn họ sẽ đói!

Bản-Đạo vấn nạn tiếp:

- Tại sao Ngài nói linh-hồn đói? Linh-hồn có ăn sao mà đói?

- Phải! Phải có vật-thực để dưỡng bảo dưỡng nó như thi hài vậy, nếu không vật thực nó sẽ tiêu-tụy rồi chết mà chớ!

Bản-Đạo lại hỏi:

- Đạo-đức tìm nơi đâu mà có để?

- Tức nhiên tìm nơi cửa Thiêng-liêng hằng sống mới có, mà tìm nơi cửa Thiêng-liêng hằng sống tức là cửa Đạo. Buổi ăn của linh-hồn là buổi ta vô Đền thờ cúng đấy! Ta không thấy mùi của nó tức chưa hưởng được, tưởng vô Đền thờ là bị luật buộc, không dè mỗi phen đi cúng tức là cho linh-hồn ăn vậy! Bản-Đạo tưởng thấy trong trí cần phải bắt buộc cả thầy đi cúng. Vì trong thâm tâm Bản-Đạo định mấy người chưa biết mùi của nó, cũng như kẻ nhà quê đưa cho gói bánh ăn chẳng được, rồi khi đã biết mùi rồi bán cả áo quần mà mua ăn” (TĐ II/152).

Vì tính cách trọng-yêu đó mà Đức Phật Quan-Âm nhắc nhở rằng:

Phải năng cúng kiến thường:

Thánh Giáo của Đức Quan Âm Bồ-Tát dạy:

“... Các Em phải lo cúng kiến thường:

1-Một là tập cho Chơn Thần được gần gũi các Đấng Thiêng Liêng cho đừng xán lạn.

2-Hai là cầu khẩn với Đức Đại Từ Bi tha thứ tội tình cho các Em và cả chúng sanh.

3-Ba là có tế lễ thì tâm mới có cảm, cảm rồi mới ứng, ứng là lẽ tự nhiên.

4-Bốn là tâm có cảm thì lòng bác ái mới mở rộng, mà nhứt là khiếu lương tri, lương năng của các Em cũng nhờ đó mà lần hồi thành ra mãn huệ. Các Em nhớ à! ...”

(Thánh Ngôn Hiệp Tuyển Q.2, ngày 08--05-1933).

Cúng phải nghiêm trang:

Thánh Giáo Đức Chí Tôn dạy:

“Thầy hằng nói với các con rằng: “Thà là các con lỗi với Thầy, thì Thầy vì lòng từ bi mà tha thứ, chớ chẳng động đến oai linh chư Thần, Thánh, Tiên, Phật, vì họ chẳng tha thứ bao giờ.”

Thầy lại cũng đã nói:

“Mỗi khi Chơn linh Thầy giáng Đàn, thì cả vòn vòn muôn muôn Thần, Thánh, Tiên, Phật theo hầu hạ. Các con nếu mắt phàm thấy đặng, phải khứng khiếp kinh sợ vô cùng! Nhưng thấy chẳng đặng, nên tội cũng giảm nhẹ đó chút.

Thật lẽ là đại tội trước mắt các Đấng Chơn linh ấy! Thầy phải thẳng cho các con khỏi hành phạt. Thầy chẳng buổi nào chấp trách các con, bởi lòng thương yêu hơn chấp trách rất nhiều. Sợ là sợ cho các con mất đức với chư Thần, Thánh, Tiên, Phật.

Xem đó, thì các con khá dè dặt, kính Thần, Thánh cho lắm! Vì Thầy là bậc Chí Tôn, lòng hay quảng đại mà tha thứ, chớ Thần, Thánh hễ các con có lỗi, thì cứ Thiên điều mà quả phạt các con nghe à!” (TNHT II, 15-10-1926)

4/-“Không có một điều gì mà Chí-Tôn định trong Chơn giáo của Ngài, dầu Bí pháp dầu Thể-pháp mà vô ích đâu”

“Đáng ấy là Đáng tung tiu, yêu ái con cái của Ngài lắm, chẳng có điều gì không cần ích mà con cái của Ngài nói rằng không muốn, Ngài cũng bỏ nữa đã !

Từ ngày Khai Đạo: Kinh kệ, Lễ bái, sự chi sắp đặt về đạo-đức cũng chính Chí-Tôn tạo thành, không phải do các Đáng khác. Ngài buộc mình làm, tức có cần yếu, hữu ích chi chi đó Ngài mới buộc. Vì có nên thời giờ này, thấy Bần-Đạo bó buộc nghiêm-khắc có lẽ những kẻ biếng nhác cũng phàn-nàn lén lút. Ngày cuối cùng các bạn gặp mặt Bần-Đạo nơi Thiêng-Liêng, Bần-Đạo sẽ hỏi các bạn coi khi còn ở thế Bần-Đạo buộc cả thấy đi cúng là có tội hay có công? Công hay tội ngày giờ ấy Bần-Đạo hỏi rồi chúng ta sẽ có một tấn tuồng tâm lý ngộ-nghĩnh với nhau vô cùng tận, chừng đó mới biết lẽ nên hư.

Ngày nay, giờ phút này, Bần-Đạo đứng tại Giảng đài này để lời khuyên nhủ: Còn biếng nhác quá! Xác thịt đã hư rồi đến Linh hồn, phải coi chừng cho lắm, kéo ngày kia ăn năn quá muộn.

(thời Tý đêm mồng 1 tháng 11 năm Mậu Tý
(dl. 01-12-1948)

-Cúng là một hình thức xét mình

Thầy dạy:

“Trước khi vào lạy Thầy buổi tối phải tự hỏi mình coi phận sự ngày ấy xong chưa? Nếu phận-sự chưa rồi, lương tâm chưa an tịnh thì phải biết cải quá, rán sức chuộc lấy tội lỗi của mình đã làm thì các con lo chi không bị bức chí Thánh. Thầy mong cho mỗi đứa đều lưu ý đến

sự sửa mình ấy. Đặng vậy thì may-mắn cho Đạo và các con cũng sẽ đặng thung dung nêu gương cho kẻ khác”.

Hiện nay có nhiều vị niên cao kỷ trưởng muốn được nghỉ đi cúng, vậy có đúng chơn pháp không?

Sau đây là lời phê của Đức Hộ-Pháp vào năm 1951qua tờ xin của Chí-Thiện Lê-văn-Trường xin nghỉ cúng thời Tý vì tuổi già bệnh hoạn.

Đức Hộ-Pháp phê rằng:

“Hễ càng già lại càng Cúng nhiều đặng dâng mạng căn số kiếp của mình cho Chí-Tôn định, ấy là bí-mật giải thoát của Chí-Tôn để nơi Cơ tận độ. Dầu đương giờ mình cúng mà chết trước mặt Người lại càng hay. Phải tuyên truyền cho ai cũng đều thấu đáo nghĩa lý bí-pháp này.

Khi đau ốm nằm dưỡng bệnh, hễ nghe thời Cúng là dậy dâng Tam bửu cho Chí-Tôn”.

Đi Cúng quả là hữu ích, nên Thầy ân cần dặn bảo:

“Phải chịu khó cúng Tứ thời và nhìn Thiên-Nhân cho thường. Mỗi lần Cúng cho được lâu, lâu đặng cảm lòng giảng hóa hết đau mắt.

Luôn dịp Thầy nói cho các con biết: Cúng Tứ thời có ích cho các con lắm, chớ không phải ích chi cho Thầy. Nếu Cúng được thường thì lòng dạ mở-mang, tứ chi luân chuyển, có nhiều khi tật bệnh tiêu diệt. Con nên biết việc Cúng Tứ thời nghe! (ĐCT 10-11 Bình-Dần dl 14-12-1926)

Đức Hộ-Pháp thường nhắc:

Điều trọng-yếu là cả bí-pháp Đạo-giáo có liên quan mật thiết với Thể-pháp rồi cả thấy đều nghĩ, từ thử tới giờ Hộ-Pháp buộc phải đi Cúng, phải hành Đạo thế nào, không phải Ngài buộc mà Ngài hưởng một quyền lợi gì riêng hết, thử suy đoán chơn pháp ấy rồi mới biết.

Bần Đạo vì phận sự muốn cho con cái của Đức Chí Tôn tạo cơ giải thoát nên mới buộc gắt-gao như vậy thôi”

II- SỰ THÀNH HÌNH TRONG VŨ-TRỤ

-Kiền là Trời có 4 đức: Nguyên, Hanh, Lợi, Trinh:

(Trích từ quẻ Kiền vi Thiên số 1. Dịch Quyển III)

- Nguyên là muôn vật bắt đầu.
- Hanh là muôn vật lớn lên.
- Lợi là muôn vật được thoả.
- Trinh là muôn vật đã thành.

Bốn đức này đã thể hiện trong bài Kinh Ngọc Hoàng: Đại La Thiên Đế.

Thái-cực Thánh-Hoàng.

Hoá dục quần sanh.

Thống ngự vạn vật

Diệu diệu “Huỳnh-Kim-khuyết”.

Nguy nguy “Bạch-ngọc-Kinh”

Nhược thiệt nhược hư.

Bất ngôn nhi mặc tuyên đại hoá,

Thị không thị sắc.

Vô vi nhi dịch sử quần linh

Toàn 64 quẻ chỉ có hai quẻ KIỀN KHÔN có đủ 4 đức ấy, các quẻ khác thì tùy việc mà thay đổi:

-Nguyên 元 là chuyên làm những việc thiện lớn.

-Lợi 利 là chủ về những sự chính bền.

-Thẻ của Hanh 亨 Trinh 貞 việc nào xứng với việc ấy. Nghĩa của 4 đức bao gồm hết cả vũ-trụ.

1-Nguyên là gì? Về mặt chữ: Nguyên 元 hợp bởi

chữ ngọt 兀 là cao chót vót, thêm vào nét nhứt 一 ở trên để chỉ cái lý duy nhất, cao cả như nước nguồn đổ ra trăm sông, ngàn mạch, như một chủng-tử lưu truyền theo mỗi loại. Nguyên là bao gồm cái nguồn phát xuất đầu tiên.

Theo dạng chữ thì chữ ngọt 兀 giống như một cái Đài cao mà từ xưa các bậc tiền bối thường lập nơi thanh vắng và tinh-khiết để cầu chư Thần, Thánh, Tiên, Phật. Nét nhứt ở trên chỉ sự chí diệu, chí linh, tối đại, tối cao, duy tinh, duy nhất. Nói rộng ra Nguyên bao gồm cái nguồn phát xuất đầu tiên do đức háo-sanh của Đấng Tạo đoan để mỗi loại được cái sống lưu truyền với cái giác, cái linh huyền-nhiệm mà lưu tồn. Nguyên tượng cho mùa Xuân, ở người là đức Nhân.

2- Hanh là gì? Hanh 亨 gồm có bộ đầu 亓 ở trên hết là chỉ sự khởi điểm, liễu 了 ở phía dưới là chỉ sự kết cuộc, khẩu 口 ở giữa hàm chứa điều lành. Vậy Hanh là sự thông suốt, thuận-tiện, sự lớn lên của vạn-vật, chính nhờ có đức Nguyên mà khi vạn vật bắt đầu sinh dục mới được nguyên-khí mà ngày càng phát triển, ví như có mây mới biến hoá mà làm ra mưa cho khắp nơi được nhuần thấm, loại nào theo loại nấy, thứ nào theo thứ nấy, tất thảy thành hình, thành sắc, trưởng dục mãi cho đến vô cùng. Hanh tượng cho mùa Hạ.

3- Lợi là gì? Lợi 利 là sự có ích của mùa thu hoạch, gồm bộ đao 刂 là con dao, hoà 禾 là cây lúa. Chữ Lợi là chỉ về mùa gặt hái, như lúa tới mùa thu-hoạch thì thợ đem liềm hái ra ruộng cắt đem về. Mùa thu là mùa thu gặt nên có lợi.

Nhờ đức tính hoá-dục được xuyên suốt mới hanh thông tức là có lợi cho nhau, vạn-vật theo nhau mà phát huy toàn diện, lại giữ được nguyên khí thái hoà như lúc đầu trời đã phú cho. Như vậy mọi vật khởi đầu bằng hành động đúng, đưa đến công dụng tốt. Lợi là sự hài-hoà của

phẩm-vật. Lợi chỉ về mùa thu. Với người “Lợi là sự hài hoà của việc Nghĩa” (*Lợi giả, nghĩa chi hoà dã*).

Với trời đất Lợi ở chỗ ban thí ra cùng khắp mà không kể công, tức là Trời không thấy làm, mà không một việc gì không làm “*Vô vi nhi vô bất vi*”

4- Trinh là gì? Trinh 貞 là sự chính đính, bền chắc cho đến cùng. Hợp bởi chữ bốc 卜 là bói và bồi 貝 là đồng tiền, tức là chỉ sự bói toán dùng tiền gieo quẻ, mong được ứng điều lành. Trinh, mang ý-nghĩa sự chính bền cũng là sự thành tựu, giai đoạn thành hình. Trinh ứng vào mùa Đông.

-Người có Bốn đức : Nhân Nghĩa Lễ Trí:

Giữa Trời và Người có liên quan mật thiết nhau:

Nguyên là khởi đầu của sinh-vật, là đức của trời đất, không có gì có trước nó, nên về thời tiết là mùa Xuân, ở người là đức Nhân, là đầu mối các điều thiện. Con người là gốc, nên Thầy có dạy về chữ Nhân rằng:

Nhân là đầu mối các hành tàng.

Cũng bởi vì Nhân dân hoá quan.

Dân trí có nhân nhà nước trị

Nước nhà nhân thiết một cơ quan.

Hanh là sự thông suốt của vạn-vật. Bốn mùa thời-tiết điều hoà, hoa quả tốt tươi, thịnh-mậu. Ở người là Lễ.

Lợi là sự toại thông của sinh vật. Vật nào được cái sơ-nghi của vật ấy, không hại lẫn nhau. Lợi vào mùa thu. Ở người là việc Nghĩa.

Trinh là sự thành đạt của sinh vật, ứng vào mùa Đông. Ở người là Trí.

Có thông suốt được các đức tính cao cả của Trời để nghiêm giữ được lòng mình là Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí vậy.

Tất cả các yếu-lý để làm một con người toàn thiện là phải đủ 4 đức: Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí. Có thể gồm thâu vào một mối. Ở người tu theo Đạo Cao-Đài ngày nay là đoạt đức làm Chủ, làm Chúa. Phật Thích-Ca cũng nói: *Thắng một vạn quân không bằng tự thắng lấy mình* là vậy. Thắng lấy mình là làm chủ mình trước tiên. Dầu một bậc vua quan công hầu khanh tể đi nữa mà không thắng lấy mình được thì mọi việc sẽ hư hỏng về sau.

Lịch-sử nhân-loại đã cho ta thấy điều ấy.



III- Bốn vị Đại Thánh-nhân đến khai sáng nhơn tâm:

Cũng may, chính vào “Cái thời Trung nguyên ấy mà nhơn-sanh mỗi ngày càng thêm nhiều xu-hướng về vật chất nên Ông Trên mới phái bốn vị Đại Thánh-nhân đến khai sáng cho nhơn tâm, đó là:

- Đức Thích-Ca Mâu-Ni mở Đạo Phật.

- Đức Lão-Tử mở Đạo Tiên.

- Đức Thánh Khổng-Phu-Tử mở Đạo Thánh.

Thánh nơi Đông-phương gọi là Thánh Ta

- Sau cùng con một Đức Chúa Trời là Đức Chúa Jê-sus-Christ. Thánh nơi phương Tây gọi là Thánh Tây. Thế nên cả hai vị Giáo-Chủ này là Thánh-đạo.

Ngoài ra, còn có các bậc Hiền-nhơn dụng đạo đức để cảm-hóa nhơn-sanh bằng các lý lẽ: không tham danh, trục lợi; đem Đạo-đức của Thánh Hiền mà Phổ-độ nhơn sanh; thế nên, bên phương Đông, Xuân Thu chiến-quốc trở lại êm dịu.

Bên phương Tây, nhờ Chúa Jê-sus-Christ dạy đời, khuyên chúng-sanh thức tỉnh trở về với Trời đặng sống, sống cái lẽ thanh-cao, liêm-khiết.

Từ Thượng ngươn, Trung ngươn, Hạ ngươn đều ở trong Tam chuyển. Trong Nhơn-hoà từ buổi Tam chuyển được tán hoá thêm bốn phẩm nữa là Thần Thánh Tiên Phật.

-Nhơn hồn nào đã được trọn trung ấy đã vào *Thần vị*.

-Biết được nghĩa chánh bồi bổ đạo nhơn luân tức là *Thánh-vị*. Đến Thánh-hồn thì lẽ tự nhiên phải thông suốt phần Thể đạo.

- Trong phần Thể đạo mà tạo được Bí-pháp đăng bước qua mặt Thể pháp Thiên đạo tức là *Tiên vị*.

- Đã lập được Thiên-đạo mà tâm nên Bí-pháp Thiên Đạo tức gọi là đặc pháp ấy là *Phật-vị*.

Trong Nhơn hồn lại chia ra: Thần hồn, Thánh hồn, Tiên hồn, Phật hồn.

Nếu đoạt được Thể pháp tức là Thần hồn, tạo được phẩm người gọi là Thánh hồn. Trả xong Nhơn đạo tạo nên Bí-Pháp là Tiên hồn, đoạt pháp tức là Phật hồn đó vậy.

Đời là một sự biến dịch không ngừng:

Thế mà: Đức Hộ-Pháp buột lời than cho nhơn-loại rằng:

“Ngày giờ nào nhơn-sanh cũng tìm phương an-ủi cho bớt thống-khổ, kiếm phương an-ủi; tìm cùng đáo-đẽ như tìm gió theo mây chạy đến gõ cửa Đức Khổng-Phu Tử:

“Ông có thuốc gì an-ủi nỗi thống-khổ tâm hồn của tôi không ?”

Đức Khổng-Phu-Tử trả lời:

- *Phương chuyển thế không cùng, dầu đoạt được Bí-pháp lấy Trung-dụng cũng chưa thỏa mãn.*

Sang gõ cửa **Phật Thích-Ca:**

“Phật có thuốc gì chữa nỗi thống khổ tâm hồn của tôi chăng?”

Phật đem chơn-lý trước mắt là Sanh, Lão, Bệnh, tử, ấy là chơn-lý. Người mới tự xét: Tôi không muốn sanh mà

ai sanh ra tôi chi, để tôi phải chịu khổ thế này?

Sống, tôi không muốn sống, vì sống là gốc sản xuất tứ khổ. Cái khổ ấy chẳng phải của tôi mà ai làm cho tôi khổ. Cũng không thỏa-mãn tâm hồn. Tìm nơi Phật không thấyặng gì !

Đến gõ cửa **Lão-Tử:**

- *Bạch Ngài, có món thuốc gì an-ủi tâm hồn tôi không ?*

- *Bảo, cứ giữ đạo-đức làm căn-bản, thoát mình ra khỏi thúc-phược thất tình, lên non phủi kiếp oan-khiên, tìm nơi tịch-mịch an-nhàn thân tự-toại. Nếu không thế ấy thì đừng mơ-mộng gì thoát khổ được.*

Nghe lời, lên núi ở, mà ngặt nổi hễ mỗi lần đem gạo lên ăn, thì khó nhọc trần-ai khổ nhặng. Đói, tuột xuống, thất chí nữa, thành phương an-ủi cũng ra ăn trót.

Đến gõ cửa **Thánh Jésus De Nazareth**, hỏi:

- *Đấng Cứu-Thế có phương thuốc nào trị thống khổ tâm-hồn tôi không?*

-*Trả lời: Nếu các Ngươi quả-quyết nhìn nhận làm con cái Đức Chúa Trời, tức là Đức Chí Tôn, làm như Người làm, mới mong an-ủi tâm hồn được. Trong khuôn khổ, phương-pháp làm con cái của Đức Chí-Tôn thì lắm kẻ nói được mà làm không được, cũng như tuồng hát viết hay mà không có kép tài dựng hát.*

Cả thầy không chối, cũng có kẻ an-ủi được nhờ đức-tin vững-vàng, còn phần nhiều ngược dòng đi ngã khác, không ở trong lòng Chí-Tôn chút nào tất cả. Thất chí nữa, hết tìm ai!”

Nhờ Đức Hộ-Pháp nắm pháp Thiên điều nhơn sanh mới rõ Tứ Đại Bộ Châu:

Tứ Đại Bộ Châu là 4 Bộ Châu lớn được phân chia theo 4 hướng: Đông, Tây, Nam, Bắc , có tên là:

- Đông Thắng Thần Châu,
- Tây Ngưu Hóa Châu,
- Nam Thiệm Bộ Châu,
- Bắc Cù Lư Châu.

Thất thập nhị Địa (72 Địa cầu) được chia ra ở trong Tứ Đại Bộ Châu này. Địa cầu 68 của nhơn loại chúng ta thuộc Nam Thiệm Bộ Châu.

Ở phần dưới của vũ trụ, Đức Chí Tôn chương quản 72 Địa cầu và 4 Bộ Châu lớn.



IV- Đức Chí-Tôn khai Đạo buổi ban đầu đặc biệt chọn 4 cặp Cơ:

1- Đức Hộ-Pháp Phạm Công-Tắc với Đức Thượng phẩm Cao Quỳnh-Cư: *cặp Cơ phong Thánh.*

2- Bảo-Pháp Nguyễn Trung Hậu với Hiến Pháp Trương Hữu Đức: *cặp Cơ về Chơn pháp.*

3- Khai Pháp Trần Duy Nghĩa với Tiếp Pháp Trương văn Trảng: *cặp Cơ về Bí-pháp.*

4- Đức Thượng-Sanh Cao-Hoài Sang với Bảo-Văn Pháp quân Cao Quỳnh Diêu: *cặp Cơ Phổ Độ.*

Còn các vị Hiến-Đạo, Khai Đạo, Tiếp Đạo, Tiếp Thế tùy trường hợp sẽ nâng loan cho Cơ truyền giáo.

Nhờ huyền-năng khai sáng của Đức Chí-Tôn mà người lãnh đạo tinh thần như một Giáo-Hữu chẳng hạn phải có đủ bốn điều kiện này mới được nhơn sanh mến phục và xứng đáng là bậc dẫn Đạo độ đời.

Đức Thượng-phẩm dạy rằng:

“Người ngoại Đạo trông vào mà yêu mến chơn Đạo của Đức Chí-Tôn khai dựng. Mỗi vị Giáo-Hữu cho đăng các điều này:

1- Một là phải thông việc Đạo.

2- Hai là phải thạo việc Đời.

3- Ba là trau-giỏi đức hạnh.

4- Bốn là giữ chánh dạy người.

Muốn đăng bốn điều ấy phải tìm-tòi hỏi-han cho mở rộng thêm ra chỗ học thức của mình, phải năng đọc Thánh ngôn cùng năng xem sách Đạo”.

Tất cả lời hay ý đẹp đều do Cơ bút của Thần Tiên Thánh Phật giảng dạy



V- ĐẠO XUẤT Ứ ĐÔNG

Trong trời đất phân ra bốn phương chánh là: Đông, Tây, Nam, Bắc và ngoài ra còn bốn phương phụ là Đông Nam, Tây Nam, Đông Bắc, Tây Bắc, nhưng chính Đông vẫn là khởi điểm.

Theo nguyên-lý của trời đất thì Đạo luôn luôn phát khởi từ phương Đông.

“Từ cổ chí kim, tạo thiên lập địa, Đạo đều phát khởi từ phương Đông, là các nước ở miền Á Đông (Asie) như các nền chơn-giáo trước kia: Nho 儒, Đạo 道, Thích 釋 cũng đều phát khởi nơi miền Á-đông rồi lần lần truyền bá qua phương Tây như:

- Đạo Phật thì khai tại Thiên-trước là Đức Nhiên đăng Cổ-Phật và Đức Thích-ca Mâu-Ni khai Phật-giáo.

- Đại-Đạo là Đạo Tiên thì Lão-Tử khai tại Trung Hoa.

- Sau nữa Khổng-Tử khai Đạo Thánh cũng tại Trung hoa là ở miền Á-Đông.

- Sau lần lần Đạo trải khắp qua hướng Tây, nên Đức Chúa Jésus truyền Đạo Thánh tại hướng Tây. Kế đó Đạo mới roi truyền ra khắp năm châu.

Câu “Ánh thái-dương gọi trước phương Đông”. Ánh Thái-dương là Đạo đó vậy. Nay đã đến hạ-nguơn mặt

kiếp, cuối cùng nên Đức Chí-Tôn mới chuyển Đạo nơi vùng Á-đông, đây là nơi nguồn Đạo phát ra, lại khai nơi Nam-kỳ (một trong ba kỳ nơi cõi Á-đông). Vì cõi Đông dương đây cũng về miền Đông của Á-châu nên ngày nay phải khởi khai nơi hướng Đông trước rồi mới truyền lần ra hướng Tây.

Như Đức Chúa Jêsu khai Đạo bên Âu châu, thì cũng khởi khai nơi miền Đông của Âu châu, rồi mới loan truyền khắp cả Âu-châu, ấy là luật tự-nhiên từ cổ chí kim, hễ Đạo phát khai thì cứ bắt đầu từ phương Đông truyền ra.

Ngày nay là giáp một vòng nên khởi lại điểm ban đầu gọi là “Thiên địa tuần-hoàn châu nhi phục thủy” do đó nên Đại-Đạo phải khai tại Á-Đông này nên Thầy mới mở Đạo nơi Đông dương là cực Đông của Á-châu mà lại khai nơi xứ Nam-kỳ là xứ thuộc-địa, dân-tộc yếu hèn, kém cõi, ấy là do nơi Thiên-cơ tiền định cả muôn năm, lại là thưởng cái lòng tín-ngưỡng của người Nam từ thử.

Tuy khai Đạo tại nước Nam mà cũng khởi từ Đông, do cái lý từ Bàn-cổ sơ khai: “Thiên khai ư Tý, Địa tịch ư Sửu, Nhơn sanh ư Dần” 天開於子地藉於丑人生於寅. Do vậy mà Đạo khởi khai tại Tây-ninh lần lần truyền ra Gia định, Biên-Hòa, Thủ-Dầu-một, Chợ-lớn là mấy hạt ở hướng Đông. Qua năm thứ nhì, thứ ba Đạo mới truyền ra mấy hạt hướng Tây”.

Đó là Thầy đã chuẩn bị cho dân tộc Việt-Nam này từ lâu rồi nên Thánh giáo có nói:

“Khai Đạo muôn năm trước định giờ”

SỐ 5

Nguyên-lý:

Số 5 là do 1 và 4 kết thành hay là 2 và 3 hiệp lại. Hai ấy là Âm Dương, 3 ấy là ba ngôi chủ tể đầu tiên của vạn hữu. Số 5 tức là càn-khôn đã an-vị rồi, xong xuôi hết, đã sắp đặt đâu đó có thứ-tự an-bày.

Số 5 là số ở giữa 10 con số, tức là số tiêu-biểu sự thăng-bằng, trung chánh, không nghiêng-lệch, Dương không thái-quá, Âm không bất cập. Vừa-vận dung-hòa nhau mới có thể cấu-tạo thành bào thai được.

Các Thánh bên Á-Đông dùng con số 5 để tóm thâu tất cả các lý lẽ cao sâu, huyền-bí của tạo-hóa và sự cấu hợp của muôn vật lại, có cả sự dung-hòa để duy-trì sự cần thiết tức là con số thiêng-liêng bao gồm cả một lý-thuyết tinh-vi của thiên-lý.

NHỮNG THẺ PHÁP ỨNG VỚI CON SỐ 5

1-Ngũ chi đến trước khi Đạo Cao-Đài xuất hiện:

Thánh ngôn dạy rằng:

“Khi khai Thánh giáo bên Thái Tây thì Chí-Tôn đã nói trước còn nhiều chuồng chiên Người sẽ đến đem về làm một. Lời tuyên ngôn ấy nghĩa là còn nhiều Đạo đương nuôi nấng ung đúc tinh thần của con cái Chí-Tôn đợi chờ ngày Người đến hiệp chung lại Một, lời ấy ngày nay đã quả. Các chuồng chiên Thiêng liêng của Chí-Tôn là:

1-Phật đạo thì có Bà-La-Môn (Brahmanisme), Thích ca Mouni (Caky-Mouni), Pythagore giáo.

2-Tiên Đạo thì là Lão-Tử-Giáo, Dương Châu, Mặc Dịch, Vạn pháp, Bàn Môn cho tới thầy pháp, thầy phù, bóng, chàng, đồng cốt...

3-Thánh Đạo thì Thiên Chúa giáo (Christianisme) Gia Tô (Catholicisme), Tin lành (Protestantisme), Hồi Hồi (Mahométantisme)

4- Thần Đạo thì là Trung Huê phong Thần, Hy-lạp Phong Thần và Ai-Cập Phong thần (Mytologie Chinoise, Grecque et Égyptienne).

5- Nhơn Đạo thì là Socrate, Esobe, Platon...ở Hy Lạp, Khổng Phu Tử (Confucianisme), Mạnh-Tử (Mentius), Nhị Trình giáo...chung cộng cùng cả Hón phong, Đường thi, Tấn Tục tại Trung-Huê từ trước.”



2-TU LÀ ĐẠT ĐỨC LÀM CHÚA

Chữ CHỦ 主 LÀ CHÚA CÓ 5 NÉT

Ngày nay Đức Chí-Tôn đến mở Đạo Ngài cho Thờ trên Thiên bàn hình chữ CHỦ 主. Tức nhiên điều cần yếu nhứt là mình phải tự làm chủ lấy mình. Đây cũng là câu quyết định: “Ngũ nguyện Thánh Thất an-ninh” vậy.

Dù ở một con người có Tôn-giáo hay một người ngoại Đạo mà có đủ Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín thì cũng là một mẫu người đáng kính, đáng nể phục.

“Thế nên Triết-lý của nền Tôn-giáo Cao-Đài mục đích là làm cho cả nhân-loại đến học đức làm Chúa, làm chủ toàn cả gia-đình:

- Được làm **Chủ của một tiểu gia-đình**, tức là một Tông-tộc, là một vị Hiền tại thế rồi.

- Được làm **Chủ một trung gia-đình** là quốc gia, là một vị Thánh-nhơn.

- Được làm **Chủ một số quốc-gia hiệp lại** như Hiệp Chúng quốc tại Mỹ châu như Washington, Lafayette

chẳng hạn là một vị Tiên.

- Được làm **Chủ tới đại-gia-đình** tức nhiên làm chủ cả toàn tâm-lý thiên-hạ, một nền Tôn-giáo là một vị Phật.

Thế-pháp của Đạo Cao-Đài có khuôn-khổ tập cho nhơn-loại đi đến mục-đích trong luật-pháp của một nền Chánh-giáo”.



3-Đạo Cao-Đài là chung cả Ngũ Châu:

“Nay Tam-giáo, Đức Chí-Tôn Ngài vị chủ năm châu hiệp Tín-ngưỡng lại, qui nhứt mà thôi. Năm cả Tín ngưỡng của loài người, chính Chí-Tôn là Chúa-Tể Càn Khôn Thế-Giới, làm CHÚA nền chánh-giáo tại nước VIỆT NAM, vi-chủ tinh-thần loài người tức đủ quyền năng lập QUỐC-ĐẠO nên mới có câu “*Chủ quyền chơn Đạo một mình TA*”.

Thế nên trong Toà-Thánh các hình ảnh trang trí gồm cả thấy 5 Quả địa cầu, biểu tượng Ngũ châu:

- 1 nơi Quả Càn Khôn ở Bát-Quái-Đài.

- 1 Quả nơi Nghinh-phong-Đài có hình Long-Mã phụ Hà đồ đứng trên địa cầu.

- 1 Quả địa cầu có bàn tay Thượng-Đế cầm cân Công bình, nơi Tịnh Tâm đài.

- 1 Quả địa cầu nơi lầu chuông, Đức Quyền Giáo Tông đứng trên ấy.

- 1 Quả địa cầu nơi lầu trống, Đức Bà Lâm Hương Thanh đứng trên ấy.

Hình ảnh năm Quả địa cầu biểu dương tinh thần Tôn giáo hiệp năm Châu, qui Tín ngưỡng của toàn nhơn loại mà chính Đức Chí-Tôn làm Chủ.

Pháp-Chánh-Truyền nói rõ lý do Đức Chí-Tôn đến:

“Chí-Tôn đã đến thế, hạ mình đặng làm Thầy dạy dỗ chúng ta, hằng trông mong giờ nào chúng ta biết hoà hiệp nơi lòng Bác-ái từ tâm của Người, là hiệp làm một cùng Người, mới có đủ quyền hành độ tận chúng sanh qui hồi cựu vị, mà đã sáu năm chầy rồi, thân thể hời còn rời rã ngất ngơ, Chơn thần hời còn dật dờ mê muội, thì thế nào các Đấng Thiêng-liêng hiệp một cùng đời cho đặng hầu mong sửa cải Thiên thơ, tụ hội các Nguyên-nhân đem vào cửa Đạo?”

Vì năm Đạo phân chia làm cho nhơn tâm bất nhất, nhơn loại nghịch lẫn nhau, Chí-Tôn đến đặng hiệp lại một nhà, ước cho con cái của Người biết thương yêu hoà thuận.”

Thể pháp nơi Đền Thánh là nói lên các ý-nghĩa ấy:

- Số 5 Quả địa cầu trên đây là tượng phần ĐỊA
- Số 5 dạng Thiên Nhân tượng cho phần THIÊN.
- Số 5 cấp của bậc thềm tượng cho phần NHÂN

Đó là ba con số Ngũ: Trời có Ngũ khí. Đất có Ngũ hành. Người có ngũ tạng, ấy là thể hiện đủ cả Tam tài.

Về Thiên Nhân có 5 dạng thức:

1- Một dạng thức là QUẢ CÀN KHÔN trên ấy vẽ đủ 3072 ngôi sao, Thiên-Nhân Thầy ngự nơi ngôi Bắc đẩu. Thiên nhân là tượng ngôi Thái-cực nên không có tia hào quang nào cả. Quả Càn Khôn này đặt trên Bát-Quái đài

2- Dạng thức thứ nhì là Thiên Nhân trên Cung Đạo có cả thấy 36 tia hào-quang sáng chói và nhiều hình thức để thông công với các Đấng vô hình từ xưa đến giờ, biểu tượng hai quả Càn Khôn.

(Chi tiết xem Huyền Diệu Cơ bút I. cùng Soạn-giã)

3- Dạng thức thứ ba là Thiên-Nhân đặt ở mặt tiền Đền-Thánh, nơi Thông-Thiên-Đài, Thiên Nhân này có 35

tia hào-quang, tượng cho Tam giáo Qui nguyên Ngũ chi phục nhứt, ấy là tôn chỉ của Đại-Đạo.

4- Dạng thức thứ tư là một Thiên nhân đặt trên bàn thờ, phía trong của Thông Thiên Đài, nơi đây Đức Giáo Tông đến thông công cùng các Đấng Thiêng-liêng.

5- Dạng thức thứ năm là Thiên-Nhân có 16 tia hào quang đặt trên các khung cửa sổ chung quanh Đền-Thánh, có cả hai mặt trong và ngoài. Mỗi bên như vậy là 23 Thiên Nhân. Hai lần như vậy là $(23 \times 2) = 46$. Cộng với 4 Thiên nhân vừa kể trên là 50 Thiên Nhân cả thấy. Số 50 là tượng trưng Bát-Quái Đồ thiên hay còn gọi là Trung-Thiên-Đồ.

(Về Thiên nhân xem quẻ Ly số 30. Quyển VIII)

- Năm bậc thang trước Tịnh-Tâm-Đài.

Đây là ngay cửa chính đi vào Đền-Thánh. Bất cứ một ai khi bước vào Đền đều phải qua năm bậc thang này, cũng như một Đấng làm người dù muốn dù không cũng phải qua:

Năm bước khổ:

PCT: “Cái khó đời lại còn gây thêm lắm điều tăng khổ, đời càng khó phận càng gay, đời càng hay càng sanh nổi khó; nếu chúng ta không khảo duợt tận tâm cái vấn đề cơ sanh hóa chúng ta, mà quyết định lấy một chương trình, hầu nương theo mà điều độ cái hành vi thân thể, thì là tránh sao cho khỏi hại bởi lạc lầm, vì vụng trí.

Cái chương trình ấy là những cơ chỉ sanh ra bởi các tư tưởng của cả Tôn giáo đã lập thành nên Đạo. Chữ Đạo là đường đặt ra bởi đó, đặng dìu-dắt nhơn sanh khỏi bước đời gay trở; cốt yếu là lập mục đích, định chuẩn thẳng cho kẻ trước hiệp người sau, kẻ kim hòa người cổ, tóm cả trí lự của nhơn loại, đặng làm ngọn Huệ-quang soi rọi khắp nhơn gian, mượn cả sự tội tình sâu thẳm của thế mà tạo Bát-nhã-thuyền đặng vớt người nơi khổ hải.

*Phật vì thương đời mà tìm cơ Giải khổ.
Tiên vì thương đời mà bày cơ Thoát khổ.
Thánh vì thương đời mà dạy cơ Thọ khổ.
Thần vì thương đời mà lập cơ Thắng khổ.
Hiền vì thương đời mà đặt cơ Tòng khổ.*

Chữ “KHỔ” là đề mục của khoa học trường đời, phẩm vị: Hiền, Thần, Thánh, Tiên, Phật là ngôi vị của trang đặc cử.” (PCT)



(H.57) Năm bậc thang là lý Ngũ hành

Người Môn đệ Chí-Tôn phải làm những gì?

Người có thấu rõ những Thể pháp đã hiện hình Bí pháp thì đây là số 5 chỉ về người biết nhìn vào đó mà sửa đương cho cuộc đời mình có đủ Ngũ đức, đó là Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín đó vậy. Tuy nhiên trước kia thời Mạnh Tử ông chỉ qui về 4 đức mà thôi, tức nhiên Nhân Nghĩa Lễ Trí. Về sau thì các Thánh mới thêm đức Tín nữa. Bởi **Tín** 信 là sự tin cậy, tin tưởng nhau, nên dù là Nhân cũng

phải có Tín, Nghĩa cũng cần có Tín. Lễ, Trí cũng phải có Tín. Các đức này cần có sự hỗ tương lẫn nhau: Kinh rằng:

*Cang Tam thường Ngũ phải gìn,
Chứa đức làm lành, làm phước, làm doan.*

4- PHỤC NHỨT NGŨ CHI ĐẠI-ĐẠO

Lời Đức Thích-Ca giảng nói như vậy chúng ta hoàn toàn tin tưởng. Vì Thầy đã quyết định:

“Vốn từ trước Thầy lập ra Ngũ chi Đại-Đạo là:

Nhơn-đạo, Thần-đạo, Thánh-đạo, Tiên-đạo và Phật-đạo.

Tuỳ theo phong hoá của nhân loại mà gây Chánh Giáo, là vì khi trước Càn-vô đắc khán, Khôn vô đắc duyệt, thì nhơn-loại duy có hành đạo nội tư phương mình mà thôi

Còn nay thì nhơn-loại đã hiệp đồng, Càn-Khôn dĩ tận thức, thì lại bị phản nhiều đạo ấy mà nhơn-loại nghịch lẫn nhau: nên Thầy mới nhứt định Qui nguyên phục nhứt. Lại nữa, trước Thầy lại giao Chánh-Giáo cho tay phàm, càng ngày lại càng xa Thánh-Giáo mà làm ra Phàm Giáo. Thầy lấy làm đau đớn, hằng thấy gần trót mười ngàn năm, nhơn-loại phải sa vào nơi tội lỗi, mặt kiếp chón A-Tỳ.

Thầy nhứt định đến chính mình Thầy độ rồi các con, chẳng chịu giao Chánh Giáo cho tay phàm nữa. Nhưng mà buộc phải lập Chánh Thể, có lớn nhỏ đặng dễ thể cho các con dìu dắt lẫn nhau, anh trước em sau mà đến nơi Bồng Đảo.

Vì vậy Thầy mới lập ra có một phẩm Giáo-Tông nghĩa là Anh cả ba phẩm Đầu-Sư, nghĩa là Giáo-Hữu. Chẳng đặng một ai dưới thể này còn đặng phép nói rằng thể quyền cho Thầy mà trị phần hồn của nhơn-loại. Ai có đức hạnh lớn thì mới ngồi đặng địa vị Thầy ban thưởng. Còn cả Môn-đệ ai cũng như ai, không đặng gậy phe, lập

đăng; những kẻ nào phạm tội thì Thầy trực xuất ra ngoài, cho khỏi điều rối loạn. (Ngày 24 Avril 1926)

Đức Hộ-Pháp nói về:

Ngũ chi Đại-Đạo:

“Chúng ta phải tưởng tượng lại coi Ngũ chi Đại Đạo là: Phật-giáo, Tiên-Giáo, Thánh-giáo, Thần-giáo và Nho-giáo bấy chừ chẳng khác nào như Ngũ mã tranh Tiên, còn Thầy đến bảo ta làm chủ khảo.

Ông chủ khảo không phải là Mã-Ôn thế nào làm chủ khảo, nên chúng ta không từng một Đạo-giáo nào, mà hành chánh-pháp của Chí-Tôn, chỉ nắm chắc chủ quyền ngôi phán đoán, đặt nâng cao giá-trị của Phật-pháp hợp chơn-truyền, mới vẹn tiếng chấn hưng Phật-Đạo.

Dầu hồi buổi chưa tu, chúng ta đã chán thấy sự hay dở của Ngũ-chi Đại-Đạo là thế nào và cũng thấu rõ lẽ chánh tà của kẻ cầm quyền hành Đạo. Chẳng cần để luận những chi Tả-đạo bàn môn, dầu chánh-pháp chơn truyền, mà đời chế giám sửa đương cũng đã thành phạm giáo.

Ta đã lãnh vai làm chủ khảo thì buộc:

- Mắt của ta phải xét cho chánh,
- Miệng ta phải nói cho chánh,
- Thân ta phải làm cho chánh,
- Trí ta phải định cho chánh,
- Tâm ta phải giữ cho chánh;

Có như vậy thì mới đủ quyền hành cầm cân Công bình thiên-liêng thưởng phạt, hiệp tâm lý đặng qui nguyên phục nhứt” (diễn văn ĐHP 15-8-Quý-Dậu)

Đức Hộ-Pháp đến thay trời mở Đạo hiệp Ngũ Chi Qui Tam giáo làm cơ tậ độ:

Nơi “Bao lam thần vọng” ở cung Đạo ví như ngôi trường có 5 lớp để đưa cả chúng sanh vào con đường lập

vị Thiên liêng, ấy là thể hiện Tam Giáo qui nguyên Ngũ Chi phục Nhứt, tức là gồm cả:

Tam Giáo:

- Đức Thích Ca là ngôi Phật.
- Đức Thái Thượng là ngôi Pháp.
- Đức Khổng Tử là ngôi Tăng.

Kỳ Ba Phổ độ này Tam Trân Oai nghiêm đại diện cho Thích, Lão, Nho:

- Phật Quan Âm thay quyền Phật-Đạo.
 - Đức Lý Đại-Tiên Thái-Bạch thay quyền Tiên Đạo
 - Đức Quan Thánh Đế Quân thay quyền Thánh Đạo
- Vào cửa Đại-Đạo phải qua năm cấp:

1-Nhơn Đạo là cánh cổng để vào cửa Đại-Đạo thì có Giáo Tông đón rước, là bậc Hiền. “*Hiền nhân vô kỷ*” ấy là **cơ Tùng khổ**.

2-Thần Đạo là của Khương Tử Nha, là vị Thái Công Tướng phụ quân pháp Thiên Tôn, Ngài mặc áo Bát quái để trừ dẹp bạo loạn giúp nước an dân nơi mặt thế. Con người đủ tâm trung Bác-ái mới xứng là Thần. Hễ Thần thì làm mà không kể công. “*Thần nhân vô công*” cũng là **cơ Thảng khổ**.

Đức Khương-Tử-Nha vốn học trò Đức Nguơn-Thi đến thế làm nhiệm vụ, kỵ vật của Ngài là Tứ Bất Tướng. Biểu tượng một chí khí đại hùng, đại lực, làm gương cho nhân loại phải tránh xa bốn sắc tướng tức là làm chủ được cái thân “tứ đại giả hợp” này.

3-Thánh Đạo là hình ảnh của Chúa Cứu Thế thay thân Thượng-Đế ngồi giữa đúng như Sám Truyền: Ngài đến để “Phán xét lần cuối cùng” trong cơ “*Thưởng phạt đến cùng Thánh-Đức thôi*” ấy là **cơ Thọ khổ** đó. Ngài không còn ham danh. Ấy vậy “*Thánh nhân vô danh*”.

Trên Tượng Ngũ-Chi thì ảnh của Ngài đứng giữa, tức là giao điểm của chữ Thập, là tâm, tức là Ngài đã hoà nhập cùng Thượng-Đế. Thế nên người tu phải thọ khổ mới về gần với Đức Chí-Tôn Đại-Từ-Phụ được.

Có thực hiện những điều trên tức là thực thi ba ngàn (3.000) công quả với Chí-Tôn, là Phụng sự Vạn linh đó vậy, mà phụng sự Vạn-linh là Phụng sự Chí-linh.

Ấy là:

- Chí nhân vô kỷ (0) Người nhân không nghĩ đến mình.
- Thần nhân vô công (0). Bậc Thần không kể công.
- Thánh nhân vô danh (0). Bậc Thánh không ham danh.

Có làm được như vậy tức là đạt được ba ngàn công quả, Tức là số 3 đặt trước ba con số không (000) là 3.000 vậy.

Đề thi buổi hôm nay của người Cao-Đài đến dự Hội Long-Hoa là:

Bác ái là đề thi tiến hóa,

Nghĩa Nhân ái định phép duy tân.

Bác-ái, Nghĩa-nhân chính là hai trục tung hoành trong một hình tròn hiệp lại chính là chữ Thập đó, chung qui cũng đi vào tâm của vòng tròn, nghĩa là phải thông suốt lý đạo và Phụng sự vạn linh.

4-Tiên Đạo ở giữa là Đức Lý Đại Tiên với ngôi Nhứt Trấn Oai Nghiêm nêu tấm gương cao cả, trọn kiếp sanh thể hiện bản tánh uy-linh nơi ngọn bút để trừ khử giặc ngoài cùng đám gian thần làm cho phải khiếp oai mà không hao tổn binh lực. Ngài không ham danh lợi, tức nhiên bậc Tiên-vị thì **Thoát khổ** rồi.

5-Phật Đạo là gương Từ ái của Đức Phật Quan Thế Âm Bồ-Tát đủ làm cho nhân loại soi chung kim cổ. Chính Ngài là Đấng đã **Giải khổ** vậy.

Về mặt Bí-pháp:

Đức Hộ-Pháp cũng có nói:

“Chí-Tôn đã dạy rằng: phải tùy phong hóa của các sắc dân sanh mà truyền giáo, thì người cũng tùy như đạo lập chơn truyền, bởi ta tham trọng thể lớn quyền, Thầy mới tạo ngôi Tiên vị Phật.

Đại-Từ-Phụ một hôm kia than cùng Bản Đạo rằng: Thầy không phương nào đến cùng các con hơn là Cơ bút. Thầy còn trụ tinh ba chơn-truyền của Ngũ chi Đại-Đạo mà làm cho chúng sanh hiểu Đạo đặng dễ dàng, nên phải dụng Cơ Bút đặng giáo-hóa.

Hễ mọi điều chi có hữu ích thì hữu hại. Sau này Thầy e-ngại cho Cơ bút sẽ hại cho nhưn sanh mê tín dị đoan, cũng bởi vì ưa ham phẩm vị. Nào là thành Tiên, hiển Phật, nào là xưng Thánh, hô Thần, xúi giục tánh ham gần mong mị. Lời tiên tri này ngày nay kết quả”.

Đạo Cao-Đài thành hình được như ngày nay đều do Huyền diệu Cơ bút. Nhưng cái siêu tuyệt của Cơ Bút bao nhiêu mà nếu bị tà quyền lạm dụng thì sự thiệt hại cũng nặng nề bấy nhiêu. Vì vậy:

5-Thánh Linh Đức Hộ-Pháp cấm Cơ bút có 5 điều:

Điều thứ nhứt: *Mỗi người trong bốn Đạo được phép dùng Cơ Bút học hỏi riêng mà thôi, nhưng cấm nhắc truyền bá ra ngoài.*

Điều thứ nhì: *Sự truyền bá ra ngoài có nghĩa là chép Thánh giáo của người học hỏi riêng rồi phân phát ra cho người khác xem hoặc tuân hành theo.*

Điều thứ ba: *Những người nào phạm lệnh trên đây (điều thứ nhứt và điều thứ nhì) sẽ bị nghiêm trị như sau:*

1-Nếu bài Cơ nào để học hỏi riêng mà truyền bá ra ngoài thì Quân đội và cơ Thánh vệ được phép truy nã người tuyên truyền và đồng tử, giam cả thầy lại cho tới khi có cơ của Hiệp-Thiên-Đài định phân thiết giả.

2-Nếu giả thì đồng tử và người tuyên truyền sẽ bị giao cho Quân đội tùy ý sung vào cơ binh theo linh hoặc Cơ Thánh vệ cho tới ngày nào tiên tri hay huyền linh nói trong Cơ bút ấy thiết hiện ra có thật cho đủ lẽ.

Điều thứ tư: bất kỳ Cơ Bút nào mà ra lệnh cầm quyền Hội-Thánh không có mặt đủ Thiên phong Nhị hữu hình Đài và nơi Cung Đạo Đền Thánh xuất hiện, thì Hội Thánh liền ra lệnh bắt đồng tử và người tuyên truyền Cơ Bút ấy giam lại rồi đệ nội vụ ra Pháp chánh kết án trực xuất ra khỏi Đạo.

Điều thứ năm: Vị Bảo Thế thơ ký Chánh trị Đạo, chư vị Chức sắc Hiệp-Thiên-Đài, vị Khai pháp Chưởng Quản Bộ Pháp-chánh, chư vị quyền Thái Chánh Phối Sư, quyền Thượng Chánh Phối sư, quyền Ngọc Chánh Phối sư, Đạo-Nhơn Chưởng quản Phước Thiện, quyền Tổng tư lệnh Quân Đội Cao-Đài chỉ huy Cơ Thánh Vệ, Khâm Thành Thánh Địa, Nữ Chánh Phối sư hành chánh và Nữ Chánh Chưởng quản Nữ phái Phước-Thiện, các tư kỳ phận lãnh thi hành Thánh Lệnh này.

Toà Thánh ngày 22 tháng 2 năm Tân Mão.

(dl: 29-3-1951)

HỘ-PHÁP Chưởng quản Nhị Hữu hình Đài:

Hiệp-thiên và Cửu Trùng

Ấn ký.



6- Nghĩa lý của các cúng phẩm:

Xem thể người Tín hữu Cao-Đài phải thông suốt các Bí-pháp của Đạo nhất là việc cúng kính hằng ngày.

Cúng phẩm: Ngũ hoa, Ngũ Quả và Ngũ phần hương (đốt 5 cây hương)

Hoa, Quả là hai món cúng phẩm trên Thiên bàn. Hai món này có tác dụng hỗ tương, hòa quyện vào nhau như vậy là do bốn mùa sản sinh, tức là Lưỡng Nghi sinh Tứ Tượng. Tứ Tượng còn có nghĩa là thành hình chữ (+) Thập ấy do Âm Dương gác lên nhau mới lộ ra bốn cánh mà gọi rằng “Tứ Tượng thành hình”. Bốn cánh ấy phân ra Đông, Tây, Nam, Bắc. Điều ấy cho thấy rằng nền Đạo Cao Đài phát-huy ra cả toàn cầu đều được hiểu biết:

Năm thứ bông: tức là 5 thứ hoa là ngũ hoa. Hoa là tượng trưng cho Tiên Thiên Ngũ Khí.

Năm thứ Trái cây tượng trưng cho Hậu Thiên: ngũ vị, ngũ sắc là năm sắc hoa và năm cây hương đốt cháy.

Trái cây còn biểu hiện cho người tu hành được thành công đắc quả.

Bình bông nói chung là biểu-hiện cho cả toàn sắc dân tộc toàn cầu, tượng sự xanh tươi tốt đẹp, chỉ về **Tinh** là hình thể con người. Năm sắc là tượng trưng cho năm giống dân trên thế giới: Vàng, Xanh, Đỏ, Trắng, Đen.

Dâng hiến Bông là dâng hiến thể xác của chúng ta cho Đức Chí-Tôn tùy phương sử-dụng và cầu xin Đức Chí-Tôn ban ân lành cho thể xác chúng ta được tươi tắn như hoa kia vậy.

Bởi thế, Đạo Cao-Đài không phân biệt màu da sắc tóc, coi nhau là con chung của Đấng Thượng-Đế, là anh em một nhà. Ngày nào năm sắc dân trên quả địa-cầu này biết nhìn Đức Ngọc-Hoàng Thượng-Đế là Chúa Tể cả Càn khôn vạn loại là Cha chung, đồng dâng hiến Lễ lên Ngài,

thì ngày ấy là ngày Đại đồng Huynh Đệ được hưởng thái bình thanh-trị vậy. Bài dân Hoa có câu:

"Năm sắc hoa tươi xin kính lễ,

"Cúi mong Thượng Đế rưới ân thiên."

***-Lư hương và 5 cây hương:** Lư hương tượng trưng Càn-khôn vũ-trụ và sự sanh biến vô cùng, tức là *"Tứ Tượng biến Bát-Quái, Bát-Quái biến-hoá vô-cùng mới tạo ra Càn Khôn thế giới"*.

Đạo làm người khi đối xử với nhau phải có trật tự, có phân định lớn nhỏ thứ bậc hân-hoi, tất cả phải coi là trọng, để tạo sự điều hòa trong cuộc sống.

Đạo Cao-Đài lấy nền tảng là Nho-Tông chuyển thể. Hỏi tại sao Đạo Cao-Đài mỗi một hành động đều có qui định, khuôn phép hân-hoi?

Thí-dụ: như việc thắp hương trên bàn thờ cũng phải đúng theo phép tắc, không như các Tôn-giáo khác, mỗi lần thắp hương là nguyên một bó dù lớn dù nhỏ.

Tất cả mọi nghi thức của Tôn giáo đều có ý-nghĩa:

Đạo Cao-Đài kính Tổ-tiên thì thắp ba cây hương, vì ông bà cha mẹ còn đứng trong hàng Tam tài: thiên, địa, nhơn. Chỉ duy kính Đức Chí-Tôn và Đức Phật-Mẫu mới thắp đủ năm cây hương mà thôi. Đó là sự liên-quan từ trong Đạo Nhân-luân mà ra đến Thiên-đạo.

Trong Kinh Nhựt Tụng có dạy:

"Khi cúng Thầy phải đốt cho đủ 5 cây hương, cắm hàng trong ba cây gọi là: Án Tam Tài; thêm hàng ngoài hai cây nữa gọi là Tượng Ngũ Khí".

Theo lời dạy trên đây, hằng ngày cúng Đức Chí Tôn đốt đủ năm cây hương thật là một huyền-vi mẫu nhiệm vô cùng. Như cắm hàng trong ba cây gọi là: Án Tam Tài.

Tam Tài là: Thiên, Địa, Nhơn (Trời, Đất, Người) hay Phật, Pháp, Tăng.

Cắm nhang hàng ngoài hai cây là tượng Nhị khí Âm dương hiệp với Tam tài nói trên gọi là Ngũ Khí:

- Bát quái sanh Ngũ-hành.
- Ngũ-hành biến Ngũ khí.
- Ngũ khí biến Ngũ sắc.
- Ngũ khí tức là *Ngũ-hành chi khí*

Trong Vũ Trụ: Tam Tài là Thiên, Địa, Nhơn. Riêng về bản thân con người thì Tinh, Khí, Thần cũng được xem là Tam Tài. Đức Hộ-Pháp dạy:

"Năm cây hương tượng Ngũ khí mà biến thành ngũ-hành vận chuyển cả càn khôn thế-giới tức là Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ."

"Mỗi chất đều có mỗi sắc, mỗi sắc đều có mỗi khí, mùi vị và sanh quang của nó chúng ta không thể hưởng được, nghe được, nên khi làm Lễ đốt đủ năm cây nhang là đúng theo phép tín-ngưỡng là qui pháp lại, mọi vật trong Ngũ khí dâng lễ cho Chí-Tôn chỉ có Người vui hưởng qui pháp ấy mà thôi, cốt nghĩa rõ-rệt là NGŨ KHÍ đó vậy."

"Đúng hơn nữa là trong Bát hồn vận-chuyển được phải nhờ đến Ngũ-khí cùng một ý-nghĩa "Vạn-vật đồng thanh niệm Chí-Tôn"."

Cách cắm hương.

Khi đốt năm cây hương, xá ba xá, xong thì:

- Cắm cây thứ nhứt ngay giữa bình hương, tượng trưng cho Ngôi Thiên là *Phật*.

- Cắm cây thứ nhì vào bên trái của chúng ta, tượng trưng cho Ngôi Địa hay là *Pháp*.

- Cắm cây thứ ba về bên phải của chúng ta, tượng trưng cho Ngôi Nhơn hay là *Tăng*.

Trở lại cầm cây thứ tư bên trái gọi là Âm. Cầm cây thứ năm trở về bên phải gọi là Dương; hiệp với ba cây hàng trong mới là tượng Ngũ Khí.

Bây giờ phân ra Ngũ Khí, chúng ta sẽ thấy:

Ba cây hàng trong:

- Cây ở giữa thuộc về *Hỏa khí*, tức là Trời (Thiên).
- Cây ở bên trái ta thuộc về *Thổ khí*, tức là Đất (Địa).
- Cây ở về bên phải thuộc về *Kim khí*, là Người (Nhơn).

Hai cây hàng ngoài:

- Cây ở bên trái ta thuộc về *Thủy khí*, tức là Âm.
- Cây ở bìa bên phải ta thuộc về *Mộc khí*, là Dương.

Trong quyển Thiên Đạo của Ngài Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu, có đoạn nói về năm cây nhang như:

“Luận về phép tu tĩnh, năm cây nhang (hương) ấy biểu tượng năm giai đoạn tu hành, tùy theo công đức mà nên đạo quả. Năm cây nhang ấy gọi ngũ phần hương (*ngũ* là năm, *phần* là đốt cháy, *Hương* là cây nhang)

Giới hương: Nghĩa là giữ trọn giới cấm cho tâm mình trong sạch. Chúng ta có sợ Luật Luân hồi Quả báo của Trời, chúng ta mới dần thân vào đường tu niệm. Khi vào đường tu niệm thì phải trọn giữ giới cấm cho tâm chúng ta được trong sạch, tức là cây hương ở giữa. (*Phật*)

Định hương: Nghĩa là thiền định cho tâm thần an tịnh. Bây giờ, đã trọn giữ giới cấm rồi, phải học về Thê Pháp và Bí Pháp của Đạo. Chừng ấy, chúng ta mới thiền định cho tâm thần an tịnh được, tức là cây hương ở phía bên trái của ta, thuộc về (*Pháp*).

Huệ hương: Nghĩa là thiền định rồi phát huệ. Khi đã thiền định rồi thì trở thành người có huệ sáng suốt, ấy là đạo Pháp, tức là cây hương ở phía bên phải của ta, thuộc về (*Tăng*).

Tri kiến hương: Nghĩa là phát huệ rồi gia công thêm nữa thì sẽ biết cái lẽ mầu nhiệm của Tạo Hóa, tức là đắc Lục thông. (Tri kiến, nghĩa là biết và thấy).

Khi đoạt Pháp rồi, bấy giờ ta thấy rõ qua bên thế giới vô hình và biết được sự mầu nhiệm của Đức Chí Tôn, ấy là chúng ta đã đoạt Đạo, tức là cây hương hàng ngoài bên trái của ta.

Giải thoát hương: Nghĩa là giải thoát Luân hồi Quả báo. Được giải thoát Luân hồi Quả báo tức là đoạt đến phẩm vị Phật, là cây hương ở phía bên phải của ta.

Hai cây hương *Tri kiến* và *Giải thoát*, thì đến đây là người đã được trở về với nguyên thủy của người, là “*Âm Dương biến tạo Chơn Thần*”, hay nói “*Âm Dương hiệp nhứt phát khởi Càn Khôn sanh sanh hóa hóa, tức là Đạo*”.

Khi cúng Thầy, đốt đủ năm cây hương là một sự đại nguyện, sự nhiệm mầu vô giá. Nghĩa là: Trên thông Thiên văn, dưới đạt Địa lý, giữa quán nhân sự. Một khi:

- Ngũ khí điều hòa.
- Ngũ hành an tịnh.

Ngày nay, pháp tu của người Tín-hữu Cao-Đài đã thể hiện tinh thần của Tam giáo cùng một lúc:

*Cao-Đài Tam-giáo qui nguyên Ngũ chi phục nhứt.

*Người giữ trọn Tam Càng Ngũ Thường.

*Hằng ngày Dâng Tam Bửu, Ngũ nguyện.

*Người tu hành gìn Tam Qui Ngũ Giới. Một Thê pháp nữa làm điển hình:

7-Thờ “Thiên nhân Thầy” hình Con mắt

Con mắt tượng là chữ MỤC 目 có 5 nét, là lấy lý Ngũ hành thuộc THỔ, thổ là ở trung ương, nếu nói về màu thì sắc vàng, dân tộc thì chỉ về châu Á. Nay là buổi thiên địa tuần hoàn châu nhi phục thủy, Tam giáo Qui nguyên

Ngũ chi phục nhứt nên Thiên Thơ định cho Việt-Nam này làm chủ mỗi Đạo, ấy là Huỳnh-Đạo, hay là Đạo vàng, mà người lãnh đạo trong việc khai sáng thì chính là Phật-Mẫu. Kinh dạy rõ: *“Phái Vàng Mẹ lãnh dắt dìu trẻ thơ”* Bởi Cao Đài là Phật-giáo chân hưng. Nhưng thực sự không phải là con mắt thường mà là con mắt thấu thị, vì vậy mới nói là **Nhãn** 眼 nghĩa là phải có chữ Cấn 艮 là núi ghép với chữ mục 目 thành ra chữ Nhãn. Nhãn là con mắt nhìn vào trong mà vẫn thấy rõ mọi việc. Muốn có được Nhãn thức, nhãn quang phải luyện mới thành ra Thánh Nhãn, Thần Nhãn, Huệ Nhãn. Đạo Cao-Đài phải cùng kiến thường và hiểu thấu cả kinh nghĩa Đại-Đạo là cách luyện Thiên Nhãn đó vậy. Xưa các vị tiền Hiền phải khổ công luyện Đạo gọi là *Thập ngoạt hoài thai, Tam niên nhũ bộ, Cửu niên diện bích* tức nhiên là mười tháng còn là thai nhi, ba năm bú mớm, chín năm nhìn vào vách núi, tức là thời gian học Đạo Dịch đó vậy. Có khổ công tu luyện như thế mới thuần thành. Các con số trên gồm có **số 10** (thập ngoạt) và **số 12** (3 năm +9 năm). Chính là hai **con số thập Thiên can và**

thập nhị địa chi. Nay, Kinh Phật-Mẫu có chỉ rõ:

Thập Thiên can bao hàm vạn tượng,

Tùng Địa chi hoá trưởng Càn Khôn.

Nhưng ngày xưa các Ngài quá khổ công tịnh luyện tìm nơi thanh vắng để nghiên ngẫm lý Âm Dương, Bát quái tức là tự sáng chế ra ngọn đèn huệ rồi mới tìm ra công thức để tu hành. Ngày nay Đức Chí Tôn đã cho sẵn công thức tu rồi tức là lý Đạo sẵn có, cúng kính là đốt lên ngọn đèn cũng sẵn có, nhưng tiếc vì nhân sanh không sử dụng mà cứ noi theo cách xưa nói là “đi tìm Pháp”. Thật sự Pháp mà chúng ta mong tìm chính Đức Đức Hộ-Pháp

đã khai rồi. Đó là Ngài **“Khai-pháp Trần-Duy-Nghĩa”**. Khai pháp tức nhiên là mở Pháp. Trần là bày ra, Duy là chỉ có, Nghĩa là kinh nghĩa, nghĩa lý, tức nhiên. Thầy có chỉ rõ:

“Thần là khiếm khuyết của cơ màu nhiệm từ ngày Đạo bị bế. Lập Tam-Kỳ Phổ Độ này duy Thầy cho “Thần” hiệp “Tinh Khí” đặng hiệp đủ Tam Bửu là cơ màu nhiệm siêu phàm nhập Thánh” (TNI/12.)

Cũng là mắt mà khi gọi Mục 目 khi gọi Nhãn 眼 ?

Chữ Nhãn gốc ở chữ Mục mà ra.

Mục là con mắt. Mục 目 (5 NÉT) là mắt nhìn ra để thấy mọi vật bên ngoài, khoa-học gọi đó là cơ quan thị giác. Mắt có hai mí thấy rõ sự vật. Về lý Dịch thì đó là Ngũ hành Âm và ngũ hành Dương.

Mục là chỉ hình thể hữu vi, hữu tướng. **Nhãn** là con mắt vô vi, vô tướng nên còn gọi là con mắt thứ ba.

Năm nét của chữ Mục 目 là tượng trưng lý Ngũ hành thuộc Thổ. Thổ là đất có màu vàng. Thổ nằm ở trung ương. Với thể giới thì chỉ châu Á sắc da vàng, lại là châu lớn nhất trong Ngũ châu. Việt-Nam cũng thuộc sắc dân da vàng ấy.

Về Đạo-pháp thì Đạo Phật khai trước tiên ở Ấn-độ, kế đến là Trung Hoa, như: Khổng, Mạnh, Lão, Trang. Rồi truyền qua Tây phương, Đạo Chúa Cứu thế ra đời. Nay đã giáp một chu kỳ gọi là “Thiên địa tuần hườn châu nhi phục thủy” thì Đạo trở lại khai tại Việt-Nam, mà Tây ninh lại là miền Đông của đất nước Việt-Nam, cũng theo một định luật là “Đạo xuất ư Đông”. Tất cả đều hợp với lý của Trời đất. Việt-Nam có đủ điều kiện Tam tài: Thiên Địa

Nhân đề đứng ra chủ trương một môi Đại Đạo, mà Đạo này sẽ dẫn độ toàn nhân loại trên mặt địa cầu với chân lý Đại-Đồng.

Các Thiên Nhân chung quanh và nằm bên ngoài Đền Thánh, Đức Hộ-Pháp đã trấn Thần và có giải thích:

“Thiên-nhân ngó ra ngoài Đền thì để cho Thiện Nam Tín nữ quì ở ngoài sân lạy vào, còn Thiên Nhân ngó vào Đền vì người Đạo quì ngang sợ ô-úế, không thể coi sóc cho tinh khiết được.

Và từ đây dù ở chân trời góc bể nào mà nhân sanh biết hướng về Toà Thánh Cầu nguyện cũng sẽ được hồng ân của Đức Chí Tôn chiếu giám”.



8-Vần Quốc ngữ có đủ yếu tố của các số trong Đạo Dịch

Tiên Thánh có câu:

*Văn hiến bốn ngàn năm có sẵn,
Chi cần dị chủng đến dăng công*

Việt-Nam là cửa ngõ tiếp nạp các luồng tư tưởng từ Đông sang Tây, cho nên tương lai văn hóa cũng như chữ viết của Việt-Nam sẽ trở thành quốc-tế-ngữ hay thế-giới ngữ cũng không phải là chuyện lạ. Có vậy mới truyền bá Đạo trời khắp cùng thế giới, tức là văn-chương chữ Việt sẽ chờ Đạo đi khắp các nơi, gọi là “Văn dĩ tải Đạo”.

Nói rõ hơn thì chữ viết của Việt-Nam là gốc từ tiếng La-tinh, nên cách viết từ trái sang phải, tạo thành một đường ngang của nét nhất — còn tinh thần tiếng Việt thì chịu ảnh-hưởng tiếng Trung-hoa cho nên nó đi theo đường thẳng đứng | hai nét này hợp lại thành ra chữ thập

⊥ chứng tỏ tinh thần Đông Tây hòa-hiệp, cả đến văn-hóa cũng vậy, đó là về hình thức.

Nếu nói về vần quốc-ngữ thì tiếng Việt có đủ cả nguyên-âm và phụ-âm ấy là lý Âm Dương trong chữ Việt:

1/-Nguyên Âm:

Kể từ gốc thì có 5 nguyên-âm là: A, E, O, (I-Y), U tượng cho Ngũ hành. Gọi là 5 vì có hai chữ I, Y cùng đồng âm với nhau. Nhưng là 6 vì lý Dịch là biến, mới bao quát cả càn khôn được. Đặc biệt nguyên âm là có tính cách trung-tín; nghĩa là một vần đơn phương đọc lên có đủ nghĩa, ví như Trò A, Trò E.

Có 6 vần tức là Tam Âm, tam Dương.

2/-Phụ Âm:

Phụ âm là những vần còn lại như: B, C, D, G, H... Những vần này phải ghép với một nguyên âm, mới có nghĩa, như: Ba, Be, Bê...

3/-Lý Âm Dương gắn liền trong mỗi từ.

Như đã biết vần Việt-Nam có hai loại: Nguyên âm và Phụ âm. Nguyên âm là Dương, phụ âm là Âm.

Trong các nguyên-âm phải kể đến 5 vần chánh, tượng là NGŨ-HÀNH khi biến thái từ vần Tây-phương qua Đông phương, có 5 nhóm:

* AĂĂ, OÔÔ là hai nhóm, mỗi nhóm có 3 vần (con số 2 mà 3)

* EÊ, IY, UU là ba nhóm, mỗi nhóm có hai vần (con số 3 mà 2), cộng chung là 5 nhóm.

Con số 2 là Thiếu âm, số 3 là Thiếu dương; cộng chung cũng là 5. Như trên đã nói về nguyên âm đơn có 5 nhóm. Nguyên âm biến thể có 5 nhóm; chính là ngũ-hành âm và ngũ hành dương đó vậy. Hai con số 5 này còn gọi là cơ nhị ngũ.

Nếu cộng hai nhóm ba vắn ở trên thì có 6 vắn và ba nhóm dưới cũng có 6 vắn. Như vậy có đến hai lần số 6 tức là 6 Âm, 6 Dương hợp chung là 12. Số 1 đứng trước số 2, ấy là Thái cực đứng trước Lưỡng nghi, chứng tỏ một quyền-năng tối thượng trong đó. Vả lại số 12 là con số riêng của Thầy, như lời Thầy xác định:

“Thập nhị khai Thiên là Thầy, Chúa cả càn khôn thế giới, nắm trọn Thập Nhị Thời Thần vào tay. Số 12 là số riêng của Thầy”

Trong các dấu, cũng có 5 dấu, tượng là NGŨ KHÍ. dấu sắc (/), dấu huyền (\), dấu nặng (.), dấu hỏi (?), dấu ngã (~). Chỉ với 5 dấu này đã biến đổi ý-nghĩa của chữ một cách nhanh chóng, không như tiếng Pháp hay tiếng Anh phải có tiếp-đầu-ngữ hay tiếp-vỹ-ngữ; còn tiếng Việt chỉ xê dịch một dấu là chuyển cả âm lẫn ý.

Tóm lại: Có 3 con số Ngũ cũng hội tụ đủ trong qui luật Tam tài:

- Năm dấu tượng cho cơ thiên là Ngũ khí.
- Năm nhóm nguyên âm đơn là cơ Địa, là Ngũ hành.
- Năm nhóm nguyên âm kép là cơ Nhân, Ngũ tạng.

Như vậy ba giai đoạn thành hình số ngũ:

Nhứt ngũ là do (1+4) tức là Thái Dương 1 hợp với Thái Âm. 4.

Nhị ngũ tức là (2+3) là do Thiếu Âm 2 cộng với Thiếu Dương 3.

Tam Ngũ (3x5) là 15, do Ngũ khí (5) hợp với Ngũ hành (5) và ngũ tạng (5)

4/-Sự giản dị của chữ quốc ngữ:

Thí-dụ: BA là cha, là giống đực (Masculin), muốn chuyển sang giống cái (Féminin) thì chỉ thêm một dấu huyền là đủ: BÀ. Nói chung, tiếng Việt-Nam đủ yếu-tố

của một thứ chữ được hình thành bằng lý Âm dương, ngũ hành, tam tài, tứ tượng, Bát quái để cho Đông Tây hòa hợp nhau trong lý-tượng Đại-Đồng không phải là sự khó-khăn.

Lý Âm Dương còn thể hiện ở các từ ngữ nữa, như:

Đạo-đức: Đạo là dương, vì nó còn ẩn tàng trong tâm của người. Đức là Âm: vì nó được thể hiện ra ngoài bằng tình thương, lòng nhân-ái, làm việc nghĩa...

Thế nên, các từ ngữ kép của tiếng Việt ngày xưa phải viết có dấu gạch nối (gọi là Trait d'union). Thật ra dấu gạch nối này nó có một giá trị rất cao quý, chứng tỏ rằng âm dương không xa lìa nhau. Có rất nhiều từ ghép: Hoặc danh-từ, hoặc Tĩnh-từ, hoặc động-từ...vì thật ra có những từ ghép này nếu đứng riêng thì không có nghĩa, như: Trẻ con là âm-ĩ. Mặt giấy phẳng-phiu. Thân hình tròn-trịa, trắng-trẻo, bóng-loáng... Nếu không có dấu nối thì những từ theo sau sẽ không có ý-nghĩa gì cả.

Tóm lại văn hoá Việt-Nam sẽ là Đại-Đồng:

Thế nên Thầy cũng đã dùng Quốc ngữ làm chính tự
Đức Hộ-Pháp còn giải rõ thêm:

“Trừ ra các Kinh-diễn Hán-văn hay là Pháp văn cùng của các nước khác, xưa để lại, rõ hữu ích cho Đạo lược dịch ra, thì Tôi chẳng luận chi, chớ Tôi thấy phần nhiều sách vở của nhiều người Đạo-hữu viết ra chẳng dùng văn-từ lý-lẽ giản-dị, làm cho phần đông coi không hiểu thấu nên không bỏ ích chi cho Đạo hết.

Rất đổi là Thầy còn phải dùng tiếng nói dễ dàng, rõ-rúng mà làm Thi dạy Đạo thay! Nhờ vậy mà văn-từ của Thầy ai coi cũng hiểu. Tôi dám chắc rằng tuy vậy mặc dầu mà cái ngòi văn tuyệt bút rõ-ràng, hể càng thấu từ lại càng thâm-thúy nơi lòng.

Tôi nhớ có một phen kẻ nghịch Đạo để lời dèm pha biếm-nhẽ rằng văn-từ của Thầy xem rất thường tình. Tôi chấp bút phân-phiền cùng Thầy. Thầy dạy rằng:

“Con ôi! Trong anh em của con phần dốt nhiều hơn phần hay chữ, đũa ám-muội đông hơn đũa thông minh, Thầy đến chăm-nom dạy-dỗ đũa ngu-dốt hơn là đũa hay giỏi; thà là đũa sáng khôn quá hiểu mà chê Thầy hơn là đũa dốt nghe Đạo Thầy không rõ lý. Thầy cười rồi tiếp nữa rằng:

- Thầy muốn Đạo của Thầy làm thế nào cho trẻ con nên ba tuổi cũng hiểu đặng, con nghĩ sao con? Lại cười nữa! Tôi hiểu lòng nhơn-từ quá lễ của Thầy cũng bắt tức cười theo” (Phương tu Đại-Đạo)



9-Ngũ Giới cấm

Từ Phật-giáo đến Cao-Đài Đại-Đạo đều dạy Ngũ Giới cấm là năm điều răn cấm:

1/-Nhứt bắt sát sanh: là chẳng nên sát hại sanh vật. Người không sát sanh thì biết tu tâm, Hỏa khí không bị hao mòn và giữ được lòng Nhân. Giới tâm kinh rằng:

Làm người Nhân Nghĩa giữ tròn.

Muôn năm bóng khuất tiếng còn bay xa

Bởi trong sự tiến hoá của Bát hồn thì vạn vật chính là em út của mình chưa tấn hoá, ta ăn thịt chúng tức là phạm điều Nhân.

Thánh ngôn Thầy dạy:

Vì sao phải cấm sát sanh?

“Thầy đã nói với các con rằng: Khi chưa có chi trong Càn Khôn Thế Giới thì Khí Hư Vô sanh ra có một Thầy và ngôi của Thầy là Thái Cực.

Thầy phân Thái Cực ra Lưỡng Nghi, Lưỡng Nghi phân ra Tứ Tượng, Tứ Tượng biến Bát Quái, Bát Quái biến hóa vô cùng, mới lập ra Càn Khôn Thế Giới. Thầy lại phân tánh Thầy mà sanh ra vạn vật là: Vật chất, thảo mộc, côn trùng, thú cầm, gọi là chúng sanh.

Các con đủ hiểu rằng:

Chi chi hữu sanh cũng do bởi chơn linh Thầy mà ra, hễ có sống ắt có Thầy. Thầy là cha của sự sống, vì vậy mà lòng háo sanh của Thầy không cùng tận.

Cái sống của cả chúng sanh Thầy phân phát khắp

Càn Khôn Thế Giới, chẳng khác nào như một nhánh hoa trong cội, nó phải đủ ngày giờ Thầy nhứt định mới trở bông và sanh trái đặng trồng nữa, biến hóa ra thêm; nếu như ai bẻ hoa ấy nửa chừng thì là sát một kiếp sanh không cho biến hóa.

Mỗi mạng sống đều hữu căn hữu kiếp, dầu nguyên sanh hay hóa sanh cũng vậy, đến thế này lâu mau đều định trước, nếu ai giết mạng sống đều chịu quả báo không sai; biết đâu là cái kiếp sanh ấy chẳng phải là Tiên, Phật bị đọa luân hồi mà ra đến đời ấy.

Cái mạng sống là Thầy, mà giết Thầy thì không phải dễ, các con gắng dạy nhơn sanh điều ấy.”

2/-Nhị bắt du đạo: là cấm trộm cướp. Người mà lòng không trộm cướp, tham lam của người, thì Can (gan) không bị xao động, Mộc khí không bị hao mòn, tức nhiên giữ được chữ “Nghĩa” là người có Nghĩa.

Vì sao không được gian tham? Trộm cướp?

“Ôi! Thầy sanh các con thì phải yêu trọng các con chẳng cùng, mà Thầy cho các con đến thế giới này với một

Thánh thể thiêng liêng, y như hình ảnh của Thầy, không ăn mà sống, không mặc mà lành, các con lại không chịu, nghe điều cấm đồ mê luyến hồng trần, ăn cho phải bị đọa, dâm cho phải bị đày, nên chịu nạn áo cơm, dục quyền cầu lợi.

LỢI, Thầy cũng đã dành cho các con chung hưởng cùng nhau mà cũng vì tham, đũa chứa nhiều, đũa chịu đói.

QUYỀN, Thầy cũng ban cho các con in như Thầy đã ban cho chư Thần, Thánh, Tiên, Phật, hầu cho đủ thể kèm thúc lấy nhau đặng giữ vẹn Thánh chất yêu sanh của Thầy, mà quyền ấy trở nên một cơ thể buộc trói như sanh trong vòng tội mọi. Ôi! Thảm thay! Cái thất vọng của Thầy nên ghê gớm, các con có hiểu vì sao mà cả nhưn sanh gian tham chẳng?

Thì cũng muốn cho nhiều sanh mạng chịu phục dưới quyền thế lợi lộc đó, vậy sự yếu trọng của con người là nạn cơm áo, nắm chắc quyền phân phát cơm áo, thì chưa ai đã chịu thọ sanh nơi thế này lánh khỏi.

Muốn cho đặng quyền hành ấy thì làm thế nào?

Dùng hết mưu chước quỷ quyệt, thâm đoạt cho đặng lợi lộc quyền thế cho nhiều, vì vậy mà đời trở nên trường hỗn độn, tranh tranh, đấu đấu, giựt giựt, giành giành, gây nên mối loạn, nhưn loại nghịch lẫn nhau giúp cho phép tà quyền, mạnh hơn, yếu thiệt, mất phép công bình thiêng liêng tạo hóa; cái trường thảm khổ của thế gian cũng do nơi đó mà ra.

Vậy gian tham đã thâm nhập vào lòng, thì lòng hết đạo đức.

Tham gian nhập vào nhà, thì nhà **không chánh giáo**.

Tham gian đã nhập vào nước, thì **nước hết chơn trị**.

Tham gian đã lộng toàn thế giới, thì **thế giới hết Thánh Thần**, Thầy không cần nói sự gian tham có thể giục các con lỗi đạo cùng Thầy mà bị lăm điều tội lỗi. Ấy vậy gian tham là trọng tội.”

3/-Tam bất tà dâm: là cấm lấy vợ người, thả theo đàn đĩm, xúi giục người làm loạn luân thường; hoặc thấy sắc dậy lòng tà, hoặc lấy lời gieo tình huê nguyệt. Người không tà dâm, thì không bị bại Thận, Thủy khí không bị hao mòn, tức nhiên giữ được chữ “Lễ” là người có Lễ. Nhưng chẳng phải chỉ bao nhiêu ấy mà đủ.

“Vì sao tội tà dâm là trọng tội?”

Phàm xác thân con người, tuy mắt phàm coi thân hình như một, chứ kỳ trung nơi bốn thân vốn một khối chất chứa vắn vắn, muôn muôn sanh vật. Những sanh vật ấy cấu kết nhau mà thành khối (la formation des cellules). Vật ấy có tánh linh. Vì vật chất nuôi nấng nó cũng đều là sanh vật; tỷ như rau, cỏ, cây, trái, lúa gạo, mọi lương vật đều cũng có chất sanh.

Nếu nó không có chất sanh thì thế nào tươi tắn và chứa sự sống, như nó khô rũ thì là nó chết. Mà các con nào ăn vật khô héo bao giờ. Còn như nhờ lửa mà nấu, thì là phương pháp tẩy trược đó mà thôi, chứ sanh vật bị nấu chưa hề phải chết.

Các vật thực vào tỳ vị, lại biến ra khí; khí mới biến ra huyết. Nó có thể hườn ra nhưn hình, mới có sanh sanh tử tử của kiếp nhưn loại. Vì vậy một giọt máu là một khối chơn linh.

Như các con dâm quá độ thì là sát mạng chơn linh ấy. Khi các con thoát xác thì nó đến tại Nghiệt-Đài mà kiện các con. Các con chẳng hề chối tội đặng.

Vậy phải giữ gìn giới cấm ấy cho lắm!”

4/-Tứ bất tử nhục: là cảm say mê rượu thịt, ăn uống quá độ, rối loạn tâm thần, làm cho não động xóm làng, hoặc miệng ước rượu ngon, bụng mơ đồ mỹ vị. Người không ăn uống quá độ, thì không bị phạt Tỳ, Thổ khí không bị hao mòn, tức nhiên giữ được chữ “Trí”, là người có Trí sáng suốt.

Vì sao phải Giải Tửu?

Thầy đã dạy rằng: Thân thể con người là một khối chơn linh cấu kết, những chơn linh ấy đều là hằng sống; phải hiểu rằng: Ngũ tạng, lục phủ cũng là khối sanh vật mà thành ra, nhưng phận sự chúng nó làm, chẳng hiểu biết hay là không hiểu biết, đều do nơi mạng lệnh Thầy đã phán dạy.

Vậy Thầy lấy hình chất xác phàm của các con mà giảng dạy. Trước Thầy nói vì cơ nào rượu làm hại cho thân thể con người về phần xác. Hình chất con người vẫn là thú, phải ăn uống mới nuôi sự sống, như rượu vào tỳ vị, nó chạy vào ngũ tạng lục phủ hết, thì trái tim con người chẳng khác nào như cái máy chánh để trừ sự sống, cũng phải bị thâm nhập vào làm cho sự lao động quá chừng đôi thiên nhiên đã định, thôi thúc huyết mạch phải vận động một cách vô chừng, mà làm cho sanh khí nơi phổi chẳng đủ ngày giờ nhuận huyết tinh sạch cho đặng. Trước huyết ấy thôi lại cùng trong thân thể, để vật chất ô trược vào trong sanh vật, mỗi khối ăn nhấm phải bệnh, một ngày thêm một chút, hết cường tráng, cốt tủy lần lần phải chết thì thân thể các con phải chết theo.

Nhiều kẻ phải bị chết nửa thân mình vì rượu, nên ra đến đỗi.

Thầy dạy về cái hại phần hồn các con.

Thầy nói cái chơn thân là nhị xác thân các con, là khí chất (le sperme évaporé), nó bao bọc thân thể các con như khuôn bọc vậy, nơi trung tâm của nó là óc, nơi cửa xuất nhập của nó là lỗ ác, gọi tiếng chữ là Vi Hộ, nơi ấy Hộ-Pháp hằng đứng mà gìn giữ chơn linh các con, khi luyện thành đạo, đặng hiệp một với Khí, rồi mới đưa thâu đến chơn thân, hiệp một mà siêu phàm nhập Thánh.

Vậy thì óc là nguồn cội của Khí mà óc cũng bị huyết vận động vô chừng, làm cho đến đôi loạn tán đi thì chơn thân thể nào đặng an tịnh điều khiển, thân thể phải ra ngầy dại, trở lại chất thú hình, mất phẩm nhơn loại rồi, còn mong chi đặng phẩm Thần, Thánh, Tiên, Phật. Lại nữa, buổi loạn thân ấy để cửa trống cho tà mị xung đột vào, giục các con làm việc tội tình mà phải chịu phạt luân hồi muôn kiếp.

Vậy Thầy cấm các con uống rượu, nghe à!”

5/-Ngũ bất vọng ngữ: là cảm xảo trá, lão xược, gạt gẫm người, khoe mình, bày lỗi người, chuyện quấy nói phải, chuyện phải thêu dệt ra quấy. Nhạo báng, chê bai, nói hành kẻ khác, xúi giục người hờn giận, kiện thưa xa cách; ăn nói lỗ mãng, thô tục; chửi rủa người, hủy báng Tôn Giáo, nói ra không giữ lời hứa. Người không nói dối, nói nhiều lời thất đức, thì cái phổi được yên tịnh, Kim khí không bị hao mòn, tức nhiên giữ được chữ “Tín”, là con người có “Tín”, đáng tin cậy.

Tại sao cấm Vọng Ngữ?

Thầy đã nói rằng nơi thân phàm các con, mỗi đứa Thầy đều cho một chơn linh gìn giữ cái chơn mạng sanh tồn. Thầy tưởng chẳng cần nói các con cũng hiểu rõ rằng: Đấng chơn linh ấy vốn vô tư, mà lại đặng phép giao thông cùng cả chư Thần, Thánh, Tiên, Phật và các Đấng Trọn Lành nơi Ngọc Hư Cung, nhứt nhứt điều lành và việc dữ

đều ghi chép không sai, đăng dăng vào Tòa Phán Xét, bởi vậy nên một mảy không qua, dữ lành đều có trả; lại nữa, các chơn linh ấy, tánh Thánh nơi mình đã chẳng phải gìn giữ các con mà thôi, mà còn dạy dỗ các con, thường nghe đời gọi là "lộn lương tâm" là đó.

Bởi vậy chư Hiền, chư Thánh Nho nói rằng:

"Khi nhơn tức khi tâm."

"Hoạch tội ư Thiên, vô sở đảo dã."

Như các con nói dối, trước chưa dối với người, thì các con đã nói dối với lương tâm, tức là chơn linh.

Thầy đã nói chơn linh ấy đem nạp vào Tòa Phán Xét từ lời nói của các con, dầu những lời ấy không thiệt hành mặc dầu, chớ tội tình cũng đồng một thể.

Nơi Tòa Phán Xét, chẳng một lời nói vô ích mà bỏ, nên Thầy dạy các con phải cẩn ngôn, cẩn hạnh, thà là các con làm tội mà chịu tội cho đành, hơn là các con nói tội mà phải mang trọng hình đồng thể.

Các con khá nhớ."



10- Năm trái địa-cầu có nhơn-loại ở:

Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ.

Đức Hộ-Pháp nói trong Con đường Thiêng liêng Hằng Sống:

"Mỗi người đều có một phẩm-vị đặc-biệt của mình, mỗi kiếp sanh đều tán, khi tán tới có một sở định địa-vị của mình, mỗi một bước là một đẳng-cấp, đẳng-cấp định giai-cấp của mình, giai-cấp không phải giống nhau như ở thế-gian này. Bởi địa-vị không giống nhau, phẩm-vị chỗ nào thì đứng chỗ nấy, không ai xô đuổi không ai giành giật được, từ chối gì cũng không được, bởi không có danh từ, mà danh-từ dường như để sẵn, bởi có địa-vị sẵn. Đức

Chí-Tôn đã nói: "Đại-nghiệp của mỗi đứa Thầy có sẵn sẵn cho đó".

Bây giờ nói về tánh-chất tôn-ti của mình, hàng phẩm của mình đã không có, biết lấy chi mà định lấy nó, lấy gia-tộc của mình?

Bần-Đạo ngó thấy gia-tộc của các Đấng có mặt tại thế-gian này, thế-giới nghiệt oan của chúng ta, tức nhiên có năm trái địa-cầu có nhơn-loại ở, tức nhiên có tên của kẻ đoạt Đạo được là: Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ.

- Ngoài ra nữa chúng ta ngó thấy đại gia-đình của Đức Phật Thích-Ca,
- Đại gia-đình của Đức Lão-Tử,
- Đại gia-đình của Đức Khổng-Phu-Tử,
- Đại gia-đình của Mahomet,
- Đại gia-đình của Jésus-Christ.

Đại gia-đình vinh-hiến hơn hết là đại gia-đình của Quan-Âm-Bồ-Tát, tức nhiên Từ-Hàng-Bồ-Tát vinh-hiến hơn hết là gia-đình ấy.

Ấy vậy gia-đình nào thì có phần trong gia-đình ấy, xây chuyển họ có tương-thân với nhau một cách mật-thiết, như một chơn-linh Kim-Thanh-Quan xuống thế này, có lẽ đầu-kiếp trong gia-đình của Từ-Hàng-Bồ-Tát, hay là của Khổng-Phu-Tử, hay là của Mahomet, hay là của Phật Thích-Ca, cho nên các chơn-linh ấy họ đã liên-quan mật thiết; vì lẽ ấy cho nên Càn-Khôn Vũ-Trụ có tên mình, dầu mà chúng ta muốn biết số trái địa-cầu thì chúng ta không thể gì biết được, chỉ có năm trái của chúng ta ở thì chúng ta biết mà thôi, chúng ta không biết cho hết."

Đức Hộ-Pháp nói rằng:

“Chúng ta phải biết các Đấng nhập vào Ngọc-Hư Cung, tức nhiên các Đấng Linh-Hồn ấy đã đoạt kiếp được. Có những kẻ đến thế nhập vào pháp-thân mà họ đã tạo căn quả, thì cả Tông-Đường họ khổ não lắm.

Bản-Đạo nói Tông-Đường Thiêng-Liêng thường ở tại Ngọc-Hư-Cung:

- Cao trọng hơn hết là Tông-Đường của Quan-Âm Bồ-Tát tức nhiên Từ-Hàng Bồ-Tát.

- Tông-Đường cao trọng thứ nhì là Tông-Đường của Địa-Tạng-Vương-Bồ-Tát,

- Tông-Đường thứ ba là Đức Di-Lạc.

Ba Tông-Đường cao trọng hơn hết, còn nhiều Tông-Đường khác nữa. Mỗi người đều có Tông-Đường đang ngồi ở đây là chờ ta.



11- Ý nghĩa về số 5 trong Đạo Dịch:

Số Ngũ ở giữa của 9 con số tức là tiêu-biểu cho sự thăng bằng, trung chính, không nghiêng lệch, Dương không thái quá, Âm không bất cập, vừa-vận dụng hòa nhau trong việc hóa sanh vạn-vật. Các Thánh bên Á-Đông dùng con số 5 để tóm thâu tất cả lý lẽ cao sâu huyền-bí của tạo hóa và sự cấu hợp của muôn vật loại, có cả sự dung hòa để duy trì sự cần thiết tức là con số thiêng-liêng gồm cả một lý-thuyết tinh-vi về thiên-lý.

Như trên đã nói: sở dĩ người tu-hành phải thấp hương nơi Tôn-nghiêm là tạo sự dịu-dàng, thom-tho; gây sự cảm ứng với các Đấng huyền linh, là Đạo; mà trước nhất người phải định cái tâm là chỗ đứng của mình, **con số 5 là con số chỉ cái tâm** đó vậy.

Người không làm lệch lẽ yêu-ái của trời đất đó là biết đến **mệnh**, cho nên hai chữ số mệnh đi liền nhau.

Số mệnh là gì ?

- Bởi nó có tác dụng như một linh truyền, vì trời lấy khí mà giao hội, lấy tinh huyết mà sinh ra người.

Năm thường trong tính người và năm vận của trời đều có hợp nhau (vậy thì tính người há không phải là tính trời giao phó hay sao?). Thế nên nói rằng trời phú cho gọi là Tính. Cái tính ấy ở trong thì có Ngũ-thường (Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín) hiện ra ngoài thì có Ngũ-luân. Trong

Ngũ luân thì:

- Cha con chủ điều **Nhân**.

- Vua tôi chủ điều **Nghĩa**.

- Vợ chồng chủ điều **Lễ**.

- Anh em chủ điều **Trí**

- Bạn bè chủ điều **Tín**

Nhưng trong điều Nhân thì có đủ cả Nghĩa, Lễ, Trí, Tín mới gọi là NHÂN được và bốn đức còn lại cũng tương tự như vậy.

Đạo là gốc ở Âm Dương. Âm Dương là mạng trời. Trời lấy âm dương phú mạng cho người, mà trời có năm hành để phân hoá năm vận. Người có Ngũ thường để suy ra Ngũ luân. Vậy thì làm người là gánh cái gánh luân thường, là để nối cái đức lớn của trời đất sinh ra cho nên **nhân-luân là đạo trọng**.

Khởi đầu là vợ chồng, mới sinh ra tình cha con là giếng mối giữ đạo nhà. Ngoài nước thì vua tôi, vào có anh em, ra có bè bạn không lúc nào là không có sự huân tiếp của Ngũ-luân.

Nguyên-lý về NGŨ-HÀNH:

Nguồn gốc sinh ra Ngũ hành cũng bởi Thái-cực có hai thể động và tĩnh:

- Động thì sinh ra Dương, động cực rồi lại tĩnh.
- Tĩnh thì sinh ra Âm, Tĩnh cực rồi lại động.

Cứ một động, một tĩnh thay đổi nhau, cái nọ lấy cái kia làm gốc, chia ra Âm Dương lập thành Lưỡng-nghi.

Dương động là sự động-tác của Thái-cực.

Âm tĩnh là cái lập thể của Thái-cực.

Dương động thì biến-hóa ra, Âm tĩnh thì đông hợp lại. Bởi sự biến-hóa, sự đông hợp ấy mà sinh ra Ngũ-hành: Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ. Năm khí ấy tiết ra mà thuận thì 4 mùa lưu-hành vậy.

Ngũ-hành hợp lại là Âm Dương. Âm Dương hợp lại làm một là Thái-cực. Thái-cực vốn là Vô cực. Dịch nói:

“Vô-cực nhi thái-cực”

Vậy: Ngũ-hành là lý biến-chuyển của Âm Dương để lập thành cơ hữu-tượng đó là năm nguyên-tố chánh để tác thành vũ-trụ càn-khôn.

Ở trong vũ-trụ dù phẩm-vật thấp hèn hay phẩm-vật cao-trọng nào mà có hình thể cũng đều do năm nguyên-tố ấy chi-phối và điều-hợp mà nên.

Năm nguyên-tố ấy là: Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ. Tuy nói theo thứ-tự ấy là cơ sản-xuất sau trước khác nhau. Thật sự thì:

Đầu tiên là **Hỏa**, ấy là ngôi Thái-cực biến tướng là Thái-thượng ấy là ngôi có trước hết. Thái-Thượng là đóm lửa được phân-hóa đầu tiên vắn-vắn xoay lộn trong không khí và nguội dần để thành ra ngôi thứ hai ấy là Thái Thượng Nguơn-Thủy, rồi hai nguyên-tố ấy mới cấu-tạo ra.

Nay xét về 5 nguyên-tố phối-hợp nhau sản xuất ra vạn-linh.

Trong một nguyên-tố chánh thấy đều có 4 nguyên tố kia kết-hợp vào, không nguyên-tố nào hiện-tượng ở

trần-gian là thuận-túy được cả, bởi nếu thuận-túy thì không có cái sống của vạn-linh:

-**Hỏa** chất hăng mãnh-liệt, nóng-nảy, chủ động, sáng-suốt.

- Biến sang **Thủy** là trạng-thái tĩnh-lặng, êm dịu,

-Rồi đến **Kim** sáng chói, hiền-hòa, nó có đặc-tính của Hỏa và Thủy, chịu ảnh-hưởng của Hỏa nhiều;

- Đến **Mộc**, chịu ảnh-hưởng của Thủy nhiều hơn.

- Rồi **Thổ** là ảnh-hưởng của 4 nguyên-tố kia nhưng chịu ảnh-hưởng của Hỏa nhiều nhất.

Trong vũ-trụ đều có lý Ngũ-hành ấy:

- Ở trời ấy là Ngũ-khí, là ở giai-đoạn từng cao: đậm khí, khinh-khí, dưỡng-khí, thán-khí, Hạo-khí và Ngũ vân.

- Ở đất có Ngũ phương: Đông, Tây, Nam, Bắc và trung-ương.

- Ở người ấy là Ngũ tạng: tâm, can, tỳ, phế, thận.

Cơ vận-chuyển của Ngũ-hành rất linh thiêng, màu nhiệm và đều có ảnh-hưởng trực-tiếp đến sanh mạng vạn vật, chính nó là nguồn sống thể hiện ở Càn-khôn. Nó thuộc về cơ hữu-vi thuộc quyền của Pháp hay Phật-Mẫu.

Tóm lại: Ngũ-hành là năm nguyên-tố chánh để cấu tạo muôn loài vạn-vật.

* Ở thể thanh nhứt là thuộc Khí, ở thể thứ nhì thuộc thể lỏng, ở thể thứ ba thuộc thể đặc.

* Ở thể khí là ngũ khí, ngũ vân, ngũ phương, ngũ sắc.

* Ở thể lỏng chất thuộc ngũ tạng, ngũ dục..

Ngũ-hành có sanh, có khắc; hễ sanh và khắc đến độ trung-dung là Hòa. Tương khắc, tương sanh rồi lại tương hòa.

*Màu trắng thuộc kim, ấy là sao Thái Bạch trên trời thuộc về hướng Tây. Ở nơi người nó thuộc về tạng phế (phổi). Ở can chi nó thuộc Canh, Tân.

*Màu đen thuộc Thủy, ấy là sao Thần-tinh trên trời, thuộc về hướng Bắc. Nơi người nó thuộc tạng thận. Ở can chi nó là *Nhâm, Quý*.

*Màu xanh thuộc Mộc, ấy là sao Tuế-tinh trên trời, thuộc về hướng Đông. Nơi người nó thuộc tạng gan. Ở can chi là *Giáp, Ất*.

*Màu đỏ thuộc Hỏa, ấy là sao Vinh-hoặc thuộc về hướng Nam. Nơi người thuộc Tâm. Ở can chi là *Bính, Đinh*.

*Màu vàng thuộc Thổ, thuộc sao Tấn-tinh ở vào trung-ương. Nơi người thuộc tạng Tỳ. Can chi thuộc *Mậu, Kỷ*. (xem thêm ngũ hành sinh khắc)

Ngũ Nguơn là khí của Ngũ-hành, ngũ Đức là tánh của Ngũ-hành. Ngũ nguơn, ngũ-đức sanh tại lúc Tiên thiên ẩn trong khí Hậu-thiên.

Đương lúc con người ta thai bào còn hỗn độn; một khí hỗn-luân, hình tích tuy chưa lộ, mà cái lý của nó có sẵn đủ rồi, chỗ gọi “vị sanh xuất” nghĩa là chưa sanh ra như trong đồ hình ở chính giữa có số 5. Năm điểm tụ lại một chỗ mà tượng hình Thái-Cực.

Cổ nhân dạy người phải tìm giữ cái diện mục của mình trước khi cha mẹ sanh ra là chỉ vào đây, do bởi việc này xảy ra trước khi sanh thân, nên gọi là Tiên-thiên.

Lúc ban sơ mới sanh, Hậu-thiên Ngũ-hành với Tiên-thiên Ngũ-hành hai cái hiệp chung làm một. Ngũ-vật nhờ ngũ-nguơn dẫn dắt, còn ngũ-tặc nhờ ngũ-đức kèm chế, mỗi khi cử-động đều là Tiên-thiên làm chủ-tể, Hậu thiên chẳng qua là tay sai mà thôi.

Cho nên hồi anh-nhi vô-thức, vô-tri thì tốt lành, chẳng có một mảy dũ là **chí Nhân** (nhân cùng cực). Nhân ấy là mối manh của nguơn-tánh.

Nhân ngã đều quên là **chí nghĩa**, nghĩa ấy là mối manh của nguơn-tinh. Thế nên, sách Tam tự kinh khởi đầu bằng câu “*Nhơn chi sơ tánh bản thiện*” (con người mới sinh ra thì bản tánh vốn hiền lành).

Thinh sắc chẳng mê là **chí Trí**, ấy là mối manh của nguơn Tinh.

Tâm-khí bình-hòa là **chí Lễ**, Lễ ấy là mối manh của nguơn Thần.

Một lòng thành chẳng đổi thay là **chí Tín**. Tín ấy là mối manh của nguyên khí.

Lúc nó tịnh là Ngũ nguơn khí, nó động là Ngũ đức. Mà động tịnh đều là Tiên-thiên hành sự. Trong lúc đó dầu mừng, giận, buồn, vui cũng đều vô-tâm cả.

Mừng mà không giữ lâu (bám chặt)

Giận mà không đòi đặc (giận lâu)

Buồn mà không xót-xa (đau đớn)

Vui mà không thái-quá (dâm dật).

Mừng, Giận, Buồn, Vui chưa phát thì gọi là TRUNG, chừng nó phát ra rồi trúng tiết (nhâm lễ) thì gọi là HÒA. Trung với Hòa có ý-nghĩa là không dục-vọng, không dục-vọng ắt là tinh, thần, hồn, Phách, ý, mỗi thứ đều yên ngôi, vâng theo mạng lệnh Tiên-thiên.

Đức Hộ-Pháp có dạy “*Vui cũng vui, buồn cũng buồn, nhưng đừng để nọc vui buồn thấm vào chơn tánh*”.

PHÂN TÍCH VỀ SỐ 3 VÀ 5

Theo nguyên lý của Ngũ hành biến hoá, thì nói:

- Trời số 3 biến sanh Mộc, mà 8 hoá thành nó,

- Trời số 5 biến sanh Thổ, mà 10 hoá thành nó.

Như vậy số 3 và số 5 là hai số Dương thuộc Thiên thể mà sự biến hoá của nó thành Mộc và Thổ. Mộc lấy để biểu dương nguyên hình về thiên thể mà nói, thì Thổ Mộc tượng của Ether và sinh linh khí, bắt đầu là cái gốc của

một cái cây lớn ở trên trời mà ngành gốc của nó mọc trong trước hết tất cả, cái sinh linh khí đó nhuần thấm vào tất cả muôn loài mà từ cõi vô hình thành hữu hình là nhờ cái THỔ số 5 tức là sự biến số 5 là Thổ, là đất

Xét cho kỹ bất cứ loài nào, vật nào, từ vàng bạc cho đến thịt xương, gỗ đá, đều cũng biến thành đất tất cả, cho nên số thứ 5 là số tượng hình của cái sinh khí là thiên thể trong cõi vô vi ở trên cõi hữu vi phải thành hình.

Thế nên số 3 trên cõi vô vi biến thì cũng có sự biến ứng đối của số 5 trên cõi hữu vi này, sự biến hoá thì vô cùng nên mới nói là rối ren; mà thấy được sự biến hoá của muôn loài tức là cách vật thì mới trí tri, nghĩa là mới đến được chỗ biết, như thế mới toại lòng thấy sự thành tựu các văn vẻ của trời đất.

Khi số đã biến hoá đến cùng cực thì trên trời có văn vẻ, dưới đất có cái lý của đất mà đến con số cùng tốt thì toại lòng, định được cái tượng hình của thiên hạ.

Hoá cho nên DỊCH-LÝ đã được uyên thâm ắt sự biết có thể bao gồm cả Thiên văn, địa-lý và những tượng hình đã xảy ra hay sắp xảy ra trong thiên hạ.

Đây Thánh nhân muốn dạy ta hiểu biết cái công dụng của sự hợp số 3 và 5. Một khi am hiểu sự biến hoá của nó thì cái văn vẻ biến đổi của trời đất, cái tượng hình của vũ trụ nằm trong tay ta cả thấy vậy. Điều ấy mới rõ cái diệu dụng của Đạo DỊCH mà phải đến thời-kỳ này Đạo TRỜI mới soi rõ sự cao siêu, mầu nhiệm của Dịch.

Hai con số này có giá trị nhiệm mầu lắm vậy!



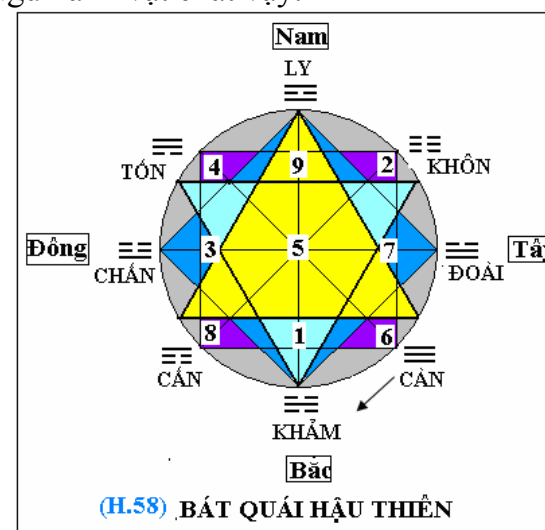
12-LẠC THU

Lạc-thư lấy theo hình tượng của con Rùa, nên số của nó: trên là 9, dưới là 1, bên trái là số 3, bên phải là số 7, số 2 và 4 ở trên vai, số 6 và 8 ở dưới chân.

Lạc Thư là thời vua Võ trị thủy có thần qui phụ văn ở trên lưng có đến số 9 (từ 1 đến 9). Vua Võ toại lòng nhân thể mà đặt ra Cửu trù. Thật là hai Kinh này, tức là Hà đồ để nói cái chính, Lạc thư để nói cái biến. Sự cần yếu trong trời đất chỉ một Âm, một Dương làm đôi một, biến hoá đến vô cùng “Nhất Âm nhất Dương chi vị Đạo”.

Trên đã nói Hà-đồ tức là cái nguyên nhân của Phục Hi Bát-quái sau này có ghi rằng: “Trời 1 biến thành nước mà đất số 6 biến thành nó. Đất số 2 hoá thành Hoả mà trời số 7 hoá thành nó.”

Trời đất và Kim, Mộc, Thủy, Hoả, Thổ ở đây tức là chỉ tượng cái nguyên hình của vòm trời hiện tại mà trái đất ta ở và Ngũ hành vật chất vậy.



Có thể nói Dịch của Phục-Hi tóm thâu tất cả cái nguyên hình và căn bản của những vật hữu và vô tri. Tuy Phục-Hi Bát-quái có một quan điểm rất đúng với cõi thứ hai này là *Quẻ Càn ở cung Ngọ* cũng như theo Thiên văn thì gọi là cõi kiến tạo liên lạc với thời kỳ sương mù lửa.

Dịch của Phục-Hi còn hình tượng cõi kiến tạo các cơ thể và Ngũ quan nữa vậy. Nếu lấy hình Hà đồ theo hình vòng tròn thì ta thấy đường đi của các số liên tiếp nhau giống như bộ máy trong người. Nếu lấy sự phân biệt Lương nghị, Tứ tượng thì đều thấy cái vi dương bắt đầu từ trong phát ra ngoài và dần dần lớn lên. Đó là sự tượng trưng cái nguyên hình của sự vận chuyển của muôn vật hữu hình sau này và trước khi sanh ra thành Ngũ quan của con người và vật như ngày nay thì những nguyên hình của nó đã sinh ra theo những cõi vô hình ở trong Tiên Thiên đã sinh ra trước vậy.

Trong những Tôn giáo Công truyền cũng như trong Triết học Tâm truyền những hình thể chất là lửa, Nước và Khí tượng trưng nguyên nhân của các quan năng vật chất của chúng ta và có sự liên quan trực tiếp với các quan năng một cách bí mật thiêng liêng. Phàm những ngũ quan cho biết là kiến tạo thứ hai.

Như vậy muốn hiểu rõ Hậu Thiên Bát-quái, tất nhiên phải hiểu rõ-ràng Tiên Thiên Bát-quái.



13- Câu Kinh Nho giáo:

“Chí như ý từ tường ư Ngao trụ” là gì?

Kinh Nho giáo có câu này: *chí* là đèn, *như* là giống, ví như; *ý* là ý nghĩ, suy nghĩ, *từ* là lòng thương yêu của người trên đối với kẻ dưới, *tường* là rõ ràng, đẹp đẽ, may

mắn. *Ngao trụ* là chỉ sự bền chắc vững vàng, không lay chuyển được.

Cả toàn câu có nghĩa là khi một tư tưởng lành được phóng ra thì sẽ được một tác dụng tốt đẹp cho mọi người.

Ngao trụ: điển tích này do theo sách Thần Dị kinh của ông Đông Phương-Sóc là một vị tu Tiên đắc Đạo, ông kể rằng Ở phía Đông biển Bột-Hải có 5 hòn núi:

- 1- là núi Đại dư.
- 2- là núi Viên kiều
- 3- núi Phương-hô
- 4- Núi Dinh châu.
- 5- núi Bồng-lai.

Năm hòn núi này các vị Thánh Tiên thường ở tại đó. Núi không chum nên thường cứ trôi theo dòng nước khi lớn, khi ròng. Vì vậy nên các vị Tiên Thánh mới tấu trình lên Đức Ngọc-Đế. Đức Ngọc-Đế ngại rằng nếu để như vậy thì núi cứ trôi khắp tứ phương nên mới sai làm 15 con Cự ngao cát đầu đội năm hòn núi ấy cho đứng vững lại chẳng cho trôi nữa, mà lại phân làm ba phiên, mỗi sáu muôn năm thì đổi một lần.

Về sau hễ ai đỗ Trạng Nguyên thì theo điển tích này gọi là “độc chiếm Ngao đầu”. Ý muốn nói rằng các vị này là người tài cán sẽ ra gánh vác non sông như các con Cự ngao đưa đầu đỡ núi vậy.

Ngày nay trong cửa Đạo Cao-Đài nói đến Ngao trụ là chỉ người ý thành, tâm chánh, nhân từ, đạo đức, biết thương Đạo mến Thầy, ngoài biết thương dân mến nước, đó là bậc đứng trên tinh thần Nhân Nghĩa.

Tuy nhiên qua điển tích trên đã đầy đủ yếu lý cơ bản để nói lên một triết lý về vũ-trụ-quan quá cao siêu, quá mầu nhiệm là một Bát-quái Hậu Thiên. Nay qua Hội Cao Đài Đức Chí-Tôn đã chuyển ngược lại thành Bát-Quái Đồ Thiên như chúng ta đã nhiều lần bàn qua. Những ý nghĩa trên cho ra các con số như:

- Năm trái núi bồng bồng trên nước,

- 15 con Ngao đầu đỡ vững trái núi.
- Chia là 3 phiên để canh giữ.
- Mỗi phiên là 6 muôn năm.

Bấy nhiêu con số này đủ tạo thành trước nhứt là:

- Một **Bát-Quái Hậu-Thiên**
- Sau nữa chuyển ngược lại sẽ là **Bát-Quái Cao-Đài**

Lý giải:

Năm hòn núi bênh bồng trôi trên nước:

Số 5 trước nhứt là chỉ người có năm giác quan: Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân. Bên trong thì Ngũ tạng: Tâm, can, Tỳ, phế, thận. Sự hiểu biết để đối đãi lẫn nhau là Ngũ thường. Nhờ những quan năng này con người mới làm cho cuộc đời tiến hoá về mọi mặt tùy theo hướng tâm tư mỗi người chọn lựa mà tiến đến thành công.

Sự tích-chứa nơi tâm mình nói chung là tạng thức. Tạng thức có thể ví như kho báu chứa các hạt giống gọi là chủng tử. Mỗi cá nhân đều có một tạng thức riêng biệt lưu trữ những kinh nghiệm học hỏi qua nhiều kiếp. Nay trong kiếp sanh này nếu may duyên gặp được Đạo Trời khai mở cũng như giống tốt được gặp phân đất màu mỡ thì phát triển mau (số 5 là cái tâm an trụ).

Số 5 là số Ngũ trung của Bát-quái Hậu-Thiên. Tức nhiên là chỉ cái tâm, mà tâm nếu không trụ thì cứ mãi phiêu bồng, cũng như người sống ở đời mà không tìm cho mình một điểm tựa bình an cho tâm hồn thì rất là có hại:

- 1-Một là lạc lỏng trên đường đời
- 2-Hai là chơi voi trong bước đường trở về (chết)

Thế nên người trước hết phải định cho được cái Tâm. Nếu không thì có khác nào “năm trái núi bênh bồng nổi trôi trên mặt biển mà Thánh Thần đang ngự”.

Đức Thượng-Đế cho 15 con Ngao-đầu ra chống đỡ

Với mục đích là chống đỡ quả núi cho trụ lại để Thần Tiên ngự trên ấy không còn nổi trôi nữa. Chính là thời kỳ các Đấng Thần Thánh ra đời kể ra là bốn vị Thánh nhân là Phục-Hi, Văn-Vương, Châu-Công, Khổng-Tử đã hoàn thành Bộ Kinh Dịch làm túi khôn cho loài người mới hiểu được lẽ dinh hư tiêu trường cùng những sự biến thiên của vũ trụ. Người nhờ noi theo đó mà sống một đời sống Thánh Thiện, đó là Tiên Thiên và Hậu Thiên Bát-Quái, mà Hậu Thiên Bát Quái chính là diệu dụng cho mọi hành vi xử lý tiếp vật, định lại kỷ cương theo nhân luân chi đạo.

Con số 15 này chính là con số ma phương đó vậy.

Ngày nay người muốn thành Tiên tác Phật không thể không theo những công thức sống Đạo mà Đức Chí Tôn đã đền mở ra cho một nền Tân Tôn giáo này, Ngài lập thêm cho hai Bát-quái nữa là:

- 1- Bát-Quái Đồ Thiên (hay Bát-Quái Cao-Đài)
- 2- Bát Quái Hư vô (Bát-quái luyện Đạo)

Đây là con đường trở về tức là phản bản hườn nguyên, là ngược dòng với Bát Quái Hậu Thiên. Đây là Thầy đã mở ra con đường Thiên-đạo cho chúng sanh về với Thầy nên có câu “*Cửu thập Ngũ hồi chưởng thiện quả ư thi thơ chi phổ*” đó là Bát-Quái Đồ thiên.

Chính thời kỳ này Đức Cao-Đài giảng thế mở Đạo mà quyền hữu hình thì giao cho Phật-Mẫu độ dẫn:

“*Giờ phút này Đức Chí-Tôn quyết định tận độ con cái của Ngài thay vì Bí-pháp ấy độ con cái của Ngài về nơi Kim-Bàn Phật-Mẫu đang hưởng đặc ân thiêng liêng của Đức Chí-Tôn.*”

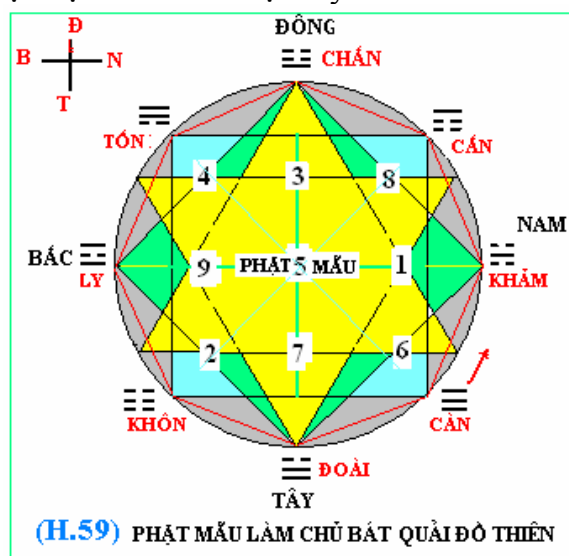
Đức Chí-Tôn buộc Phật-Mẫu phải đến tại thế gian này để Bí-pháp Hội-Yến Diêu-Trì tại cửa Đạo này cho con cái của Ngài giải thoát ấy là một Bí-pháp thiêng liêng duy có tay Ngài định pháp ấy mới dựng.

Hôm nay là ngày Phật-Mẫu đem Bí-pháp đặng giải thoát cho chúng sanh, tận độ toàn vạn linh sanh chúng. Ngài để tại mặt thế này trong cửa Đạo Cao-Đài này mà thôi”.

Bàn Hội-Yến chính là hình ảnh Bát-Quái do Đức Phật-Mẫu làm chủ, nếu cộng các chiều ngang dọc chéo xiên đều có tổng số là 15, ấy là 15 con Ngao-đầu của Thượng Đế cho xuống đó vậy.

Chia làm 3 phiên để canh giữ tức là hình ảnh của tam Âm tam Dương là yếu tố để làm nên Bát-Quái.

Mỗi phiên 6 muôn năm. Con số 6 chính là “lục đạo luân hồi” nếu không tu thì không thoát vòng sanh tử được. Nhưng nếu chỉ niệm “lục tự Di-Đà” làm sao giải thoát, vì thời Phật Đạo đã mãn nhiệm kỳ 2.500 năm rồi.



Nay Thầy mở cơ Phổ độ phải bằng hai lần con số “lục” ấy tức là thời-kỳ của Cao-Đài là Phật giáo chân hưng, câu chú của Thầy phải là 12 chữ tức là gồm 6 Âm 6 Dương, là “**Nam Mô Cao-Đài Tiên Ông Đại-Bồ-Tát**

Ma-Ha-Tát”. Chỉ có Đức Thượng-Đế mở cơ tận độ mới độ toàn cả thiên hạ được, tức nhiên: độ sanh và độ tử, độ nữ và độ nam, độ hồn và độ xác, độ cả toàn vạn linh sanh chúng là do đó.

Tóm lại nền Đại-Đạo này, Thầy cho biết:

“*Thầy là Chúa sự vô vi, nghĩa là Chúa các việc vô hình, Thầy lại ban cho người đủ khôn ngoan trí thức thiêng liêng đặng làm Chúa của sự hữu hình, nghĩa là Chúa cả của vạn vật*”.

Xem thế, thì những điển tích từ xưa đến nay, khi tiền nhân nói ra đều có dụng ý dạy khuyên một cách nhẹ nhàng, sâu sắc và kín đáo, tùy theo trình độ tu tập cao thấp mà dùng những lời lẽ, luận điệu khác nhau. Tôn giáo thường bị người đời chỉ trích, phỉ báng cũng vì lý do đó.

14- Sự tích Trương-Lương dâng dếp ba lần

Người Á-Đông nói chung hay là người Việt-Nam nói riêng vốn sẵn có tinh thần siêu thoát nên xưa Thánh nhân muốn dẫn-dụ một việc gì đều có ngụ một ý nghĩa:

Để chứng minh một sự kiên nhẫn và tận tụy qua câu chuyện Trương-Lương dâng dếp ba lần. Hỏi vậy Trương Lương là ai? Có gì đặc biệt?

- Ông là người nước Hàn, sau khi nước Hàn bị Tần Thủy-Hoàng tiêu diệt, Trương-Lương bèn đem tất cả gia tài bán đi để tìm cho được một dũng sĩ làm thích khách ám sát Thủy-Hoàng báo thù cho nước Hàn. Dũng-sĩ cấp theo một cái chùy rất nặng, núp ở bãi cát Bắc-Lãng, chờ vua Tần Thủy Hoàng đi qua là thích khách. Nhưng lại đánh lầm phải xe tủy tùng nên không thành công. Trương Lương bị vua Tần truy nã nên phải thay đổi danh tánh và trốn tránh qua ở Hạ bì.

Có lần đi dạo chơi trên cầu Hạ bì, Trương-Lương thấy một cụ già đi ngang qua cầu đánh rơi chiếc dép xuống sông, ông cụ lại bảo Trương-Lương xuống lượm giúp. Một lần, hai lần, ba lần cụ vẫn đánh rơi, rồi lại bảo Trương Lương xuống lượm. Trương Lương tuy khó chịu, nhưng vẫn ngoan ngoãn lượm lên rồi lễ phép trao cho cụ. Lần này Trương Lương cẩn thận đặt vào chân cụ, ông cụ thông thả bước đi, rồi quay lại mà rằng:

- Thằng bé này dạy được! Năm ngày sau vào lúc tinh mơ cháu sẽ đến gặp ta tại gốc cây này!

Y hèn, đúng năm ngày sau Trương Lương đến thật sớm, nhưng đã thấy cụ già chờ sẵn ở đây rồi, cụ già trách sao Trương Lương đến muộn để cho Lão phải đợi!

- Cụ hẹn cho năm ngày sau hãy đến đợi thật sớm.

Trương Lương chuẩn bị đến sớm hơn nhưng vẫn thấy cụ đã ngồi trước đợi ở đây rồi.

- Lần này Trương Lương đã bị trách mắng rằng “Vẫn để Lão phải ở đây đợi nữa. Ta chờ mi năm ngày nữa”

- Năm ngày sau Trương Lương dậy ra đi từ lúc nửa đêm và ngồi chờ ở đó, một lát sau thì cụ già đến thấy Trương Lương đã có mặt nên rất hài lòng. Cụ liền trao cho Trương Lương một quyển sách bảo học trong đó, học hết sách này sẽ làm Thầy thiên hạ. Mười năm nữa sẽ ứng nghiệm. Mười lăm năm sau người hãy đến gặp Ta. Trương Lương quì lạy tạ và xin được biết tánh danh, cụ già nói:

Hòn đá màu vàng dưới chân núi Cốc thành ở phía sông Bắc-tế là TA đó! (chính ông cụ già là Huỳnh Thạch Công, một bậc tu Tiên đã đắc Đạo).

Sau đó Trương Lương theo phò Hớn Bái Công làm quân-sư, bày mưu chước giúp Hán đánh Tần, đuổi được Hạng Võ gồm thiên hạ. Hớn Bái-Công lên làm vua

hiệu là Hớn Cao-Tổ, còn Trương Lương về núi tu Tiên, không màng công danh phú quý theo Hoàng Thạch Công học Đạo tu Tiên sau cùng đắc vào Tiên-vị.

Bà Đoàn ca tụng chí khí của Trương Lương rằng:

“Trương-lương dâng dép ba lần,

“Chút công ấy định Hớn Tần nên hư”

Luận Đạo:

Qua câu chuyện trên luận thành một Bát quái Hậu thiên là thành quả của những người tu Tiên đạt Đạo Dịch. Đây cũng đủ cho thấy rằng Ông Hoàng Thạch Công là người đắc Đạo, muốn độ Trương Lương tu Tiên luyện đạo, bởi thấy Trương Lương là người có tinh thần yêu nước, có chí khí cao, nhưng chưa toại nguyện trong cái nghiệp sát của ông, hơn nữa chơn mạng của Tần Thủy Hoàng không dễ gì sát hại được. Nhưng còn phải phò vua giúp nước tức là nợ non sông phải hoàn thành. Trước khi nhận sự dạy dỗ ông phải thử sức kiên nhẫn cho đến ba lần.

Ông Hoàng-Thạch Công chính là cái tâm tượng cho cục đá màu vàng. Vàng thuộc thổ ở trung ương là vậy.

Số ba đã tròn đầy là đủ tam tài rồi.

Qua ba lần năm ($3 \times 5 = 15$) đây là con số của Hậu Thiên Bát quái đã thành hình. Bát quái Hậu Thiên có tam Âm tam Dương là biểu tượng cho Tam tài, bằng có là có trong đây hai hình tam giác đặt thuận nghịch. Âm Dương luôn đi liền nhau, nên khi có Tam Âm tam Dương thì sẽ có tứ Âm tứ Dương, tức nhiên hai hình vuông nội tiếp trong vòng tròn này. Bấy nhiêu đó đủ kết hợp thành Bát Quái Hậu Thiên, bởi thời buổi ấy chỉ có hai Bát quái Tiên Thiên và Hậu Thiên. Bát quái này thuận theo chiều kim đồng hồ: Càn, Khảm, Cấn, Chấn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài. Số của Bát quái Hậu Thiên là Nhứt khảm, nhì Khôn, tam Chấn, tứ Tốn, ngũ trung, lục Càn, thất Đoài, bát Cấn, cửu Ly.

Việc cụ già hẹn cứ năm ngày một lần, mà ba lần như vậy, cho nên làm bài toán: $3 \times 5 = 15$. Ở đây có đến 8 lần tổng số 15 khi cộng các chiều ngang dọc, xiên chéo đều có **tổng số là 15**:

Cộng chiều ngang:	Cộng chiều dọc:
$4+9+2=15$	$4+3+8=15$
$3+5+7=15$	$9+5+1=15$
$8+1+6=15$	$2+7+6=15$

Cộng hai đường chéo: **$4+5+6=15$ và $2+5+8=15$**

Nếu không cộng số 5 ở giữa thì tổng số sẽ là **10**. Số 10 tượng cho Thập Thiên can.

Bên ngoài vòng tròn luôn luôn có số ứng với 12 tháng gọi là 12 Thiên tử quái, hợp lại cũng đủ Thập thiên can phối hợp với Thập Nhị địa chi của Bát-Quái Hậu thiên. Thế mới thấy lời nói của các bậc Thánh-nhân mỗi mỗi đều sâu sắc lắm vậy. Và quyển sách mà Ông Hoàng Thạch Công trao cho Trương Lương đó là bộ sách Dịch-lý



Số 6

Nguyên lý:

Số 6 do lý Thái-cực hợp với cơ-quan an-vị này ($1+5=6$); cũng có nghĩa là Lưỡng-nghi hợp cùng Tứ tượng ($2+4$) tức là hai lý Âm Dương độn đẩy nhau để biến sanh những cái đã sanh ra. Nó cũng có nghĩa là $3+3$ tức là ba ngôi đầu tiên hỗn hợp nhau để hóa thành ba ngôi nhỏ nữa; cũng có nghĩa là 3×2 tức là tam ngôi ở cấp bậc thứ nhì do luật Âm Dương biến tướng với ba ngôi đầu tiên.

THỂ-PHÁP ĐẠI-ĐẠO ỨNG VÀO SỐ 6

I- Quả Càn 6 nét gọi là Bát-Thuần Càn:

Trong lý Dịch hai quả Càn Khôn là cánh cửa để đi vào Đạo Dịch. Khi đã am tường các định-lý này thì 64 Quả còn lại cũng giải quyết một cách dễ-dàng.



Nhưng **Càn** ☰ (Kiền) là quả chính yếu nhất, Càn có đầy đủ ba thể Dương, vì chủ vận hữu thường tồn này. Kinh nói: “Càn kiện cao minh vạn loại thiện ác tất kiên”.

Càn là trời, là quẻ đơn có 3 nét, khi thành quẻ kép tức là số nét gấp đôi lên hóa ra 6 nét, vẫn có đủ tánh cách của Tam tài, tức là Thiên, Địa, Nhân.

Trên đây là Quẻ **Bát thuần Càn**. Càn hạ là nội Càn. Càn thượng là ngoại Càn. Quẻ này 6 nét tất thấy là Dương, tượng trời, mà lại hoàn toàn thuộc về tính cương kiện, đặt tên bằng Bát thuần Càn.

Cách đọc: - Đọc Quẻ thì đọc từ trên xuống
- Đọc Hào thì đọc từ dưới lên.

Quẻ (Quái) là gồm tất cả các Hào. Quẻ có quẻ đơn chỉ có 3 vạch và Quẻ kép có 6 vạch.

Trong một quẻ kép thì 3 hào ngoài gọi là ngoại quái hay là thượng quái.

Ba hào trong gọi là Nội quái hay là Hạ quái.

Hào là chỉ có mỗi một vạch mà thôi: Hào có hào Dương — và Hào Âm --

Một gạch liền — của hào Dương là ám chỉ sự toàn (đầy đủ), còn gạch đứt của hào Âm -- cũng vẫn là hào Dương nhưng bị phân chia nên chưa toàn, chưa đầy đủ vậy thôi. Cũng như trong đời chỉ có thiện, còn ác chẳng qua là chưa toàn thiện, chớ cũng chưa phải là nghịch hẳn với thiện, nên mới nói “toàn tức là chưa phân chia”.

Về thứ tự Hào từ dưới tính lên thì:

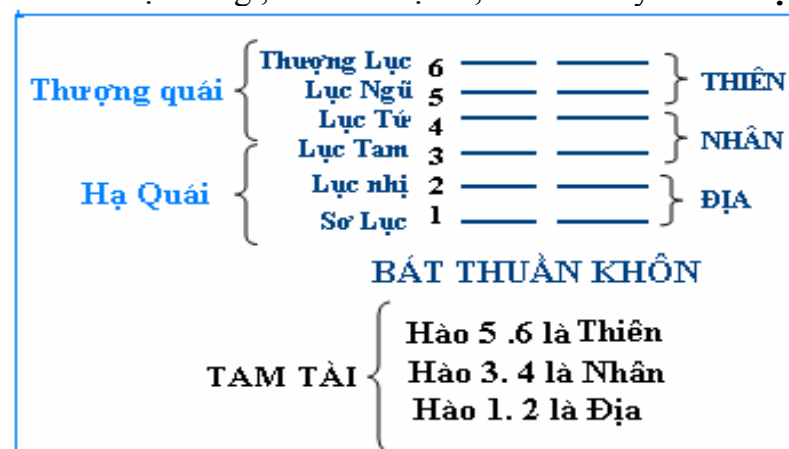
- 1- Hào dưới cùng thì gọi là Hào SƠ
- 2- Hào thứ nhì gọi là Hào Nhị
- 3- Hào thứ ba gọi là Hào Tam
- 4- Hào thứ tư gọi là Hào Tứ
- 5- Hào thứ năm gọi là Hào Ngũ
- 6- Hào thứ sáu gọi là Hào Thượng

Tên hào cũng có hai loại: Nếu là hào Dương thì gọi là Hào CỬU 九. Hào Âm gọi là Hào LỤC 六

Đó cũng là lý Âm Dương trong một quẻ, giống như một nam châm, đầu phân tích nhỏ đến độ nào cũng có hai cực Nam và Bắc vậy.

Tóm lại: Trong vũ-trụ vạn-vật này Lý Âm Dương chi phối toàn bộ phận, không đâu là ra ngoài được lý Âm Dương ấy.

Lưu ý: Những số lẻ vẫn là Dương, số chẵn vẫn là Âm. Gọi là Hào lục tức là hào Âm, Hào Cửu là hào dương, nhưng ở vị trí 1, 3, 5 tức là **vị Dương**, còn ở vị trí 2, 4, 6, là **vị âm**. Bởi mỗi mỗi đều có Âm Dương từng đôi một: hào 1 là vị dương, hào 2 là vị âm, hai hào này chỉ về **Địa**.



Hào 3 là vị dương, hào 4 là vị Âm, hai hào này chỉ về **Nhân**. Hào 5 là vị Dương, hào 6 là vị Âm, hai hào này chỉ về **Thiên**. Đặc biệt hào 5 (Ngũ) là hào tốt nhất trong quẻ, gọi là ngôi vua. Xưa gọi một vị vua lên ngôi gọi là ngôi **Cửu ngũ** chính là hào này, tức là hào Dương ở vị dương.

***Bát Thuần Khôn:**

6 Hào của quẻ Khôn cũng có những đặc tính như quẻ Càn. Tuy nhiên chỉ đổi tên gọi. Nếu Âm gọi là Lục (Sơ Lục, Lục Nhị, Lục Tam, lục Tứ, Lục Ngũ, Thượng Lục).

Tuy nhiên, khi đoán quẻ tốt xấu...thì hoàn toàn do Thánh nhân đã tìm thấy mà định vị một cách tinh vi, uyển chuyển, nên qua 6.000 năm mà giá trị vẫn được xem là định thức rồi biến thành công thức, chưa một ai có khả năng đánh đổ được. Duy chỉ có sự kém hiểu biết như Tần Thủy-Hoàng-Đế xưa chê là sách bói toán tầm thường nên không đốt sách Dịch cùng với năm hoang mô cùng học trò trong nạn “Phản thư khanh Nho” mà thôi.

2-Sáu Hào của Quẻ Càn gọi là sáu Rồng tượng 6 phẩm cấp Cửu-Trùng-đài.

Kinh Ngọc Hoàng nói:“Thời thừa Lục Long du hành bất tức”時承六龍 游行不息.Kinh Dịch thì lại nói rằng “Thời thừa lục Long dĩ ngự thiên” hai câu này ý nghĩa giống nhau.Có nghĩa rằng: Thánh nhân lúc nào cũng cỡi 6 Rồng ngự trên Trời. Nay chính Đấng Thượng Đế xác nhận rằng lúc nào cũng có 6 Rồng luôn di chuyển đó đây không bao giờ ngừng nghỉ.

Bởi lẽ, Đạo Cao-Đài ngày nay Đức Chí-Tôn không giáng trần bằng xác thân nên phải lập Thánh-Thể của Ngài là Hội-Thánh để thay thân cho Ngài mà giáo hóa nhân sanh trong con đường hành thiện.

Vì vậy:

Cơ quan Cửu-Trùng-Đài Thầy đã lập Thánh-Thể của Thầy có 6 phẩm cấp cũng như quẻ Kiền có 6 hào vậy: Mỗi hào tượng cho một phẩm như bảng dưới đây:

Quyền hành của mỗi phẩm cấp hoàn toàn ứng hợp với tinh thần mỗi hào mà Thánh nhân đã đặt ra trên sáu ngàn năm nay, mới thấy điều vi-diệu giữa Dịch và Đạo không nơi nào mà không ứng hợp với nhau một cách khít khao, trật tự và điều hòa.

Thế nên quẻ Càn tượng ngôi Chí-Tôn:

Sáu Hào của quẻ kép này cũng phân Thượng, hạ; nội, ngoại ứng với hai cấp của Cửu-Trùng-Đài là hàng Tiên-vị và Thánh-vị. Mỗi cấp như vậy có ba phẩm. Nội là Âm, ngoại là Dương. Tuy cả hai cấp này có 6 phẩm tước nhưng thực tế lại có bảy phẩm, vì có một phẩm Chánh Phối-sư nữa.

Cái diệu dụng của Dịch là biến, biến-hoá một cách tuyệt vời, không một nơi nào mà không ăn khớp với nhau.

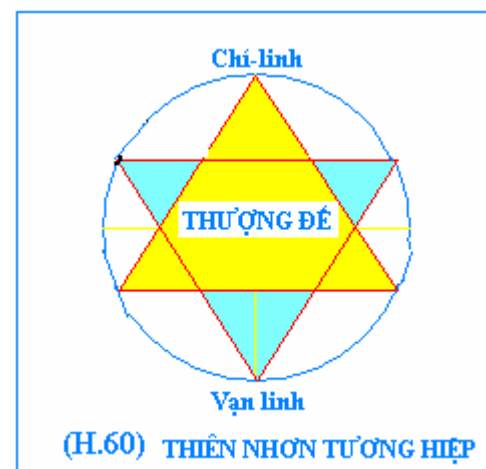
(xin đọc quyển“Càn Khôn Thiên địa” Quyển III)

3-Biến hóa của Càn Khôn thành hình Tam giác:

Quẻ Kiền đơn có ba hào Dương tức là 3 đoạn thẳng bằng nhau, từ đó xếp thành một hình Tam-giác đều, tức là có ba cạnh bằng nhau và ba góc bằng nhau, bằng 60o. Hai quẻ Kiền Khôn đặt theo chiều thuận nghịch, nếu vẽ thành hình sẽ có dạng như hình ngôi sao sáu cánh.

Thầy dạy:

“Ấy là Đạo. Bởi vậy một chơn-thần Thầy mà sanh hoá thêm chư Phật, chư Tiên, chư Thánh, chư Thần và toàn cả Nhơn-loại trong Càn-khôn Thế-giới, nên chỉ các con là Thầy, Thầy là các con” (Ngày 13-6 Bình-Dân- 22-7-1929)



Đó là một sanh ba, ba sanh vạn-vật, thuộc về cơ Chương-quản. Hai hình tam giác gát chồng lên nhau là chỉ Âm Dương hiệp nhứt, quyền Chí linh đối phẩm với quyền Vạn linh. ĐẠO CAO-Đài chủ trương Trời Người

đồng trị: Người trị xác, Trời trị hồn.

Tất cả vạn vật, vạn loại đều do quả Kiền mà ra! Do vậy mà khi đối phẩm thì cả chúng sanh là đối phẩm với Trời, nên Thầy nói “*Thầy là các con, các con là Thầy*”. Thế nên Trời là Chí-linh, người là Vạn linh.

Quẻ Khôn ☷ cũng do quả Kiền mà bị chia hai, chớ không phải ngoài quả Kiền có quẻ Khôn. Các quẻ còn lại “Đoài, Ly, Chấn, Tốn, Khảm, Cấn” cũng đều do từ Kiền mà biến sanh ra khác nhau, chứ không phải ngoài quả Kiền ra mà có được 6 quẻ ấy. Cả thầy đều do sự tấn hoá của Kiền biến hoá.

Quẻ Khôn có đủ 4 đức Nguyên Hanh Lợi Trinh cũng như Kiền, nhưng mỗi mỗi đều có vai trò khác nhau cùng làm chung một nhiệm vụ là sanh biến vạn linh.

4-Cửu-Trùng-Đài là gì?

Cửu-Trùng-đài: 九重臺 Tiếng Pháp là Corps Exécutif.

Cửu-Trùng-Đài là cơ-quan giáo-hoá, hiệp thành Hội Thánh Cửu-Trùng-đài, xem như phần thừa hành giảng viên hội các môn, các khoa do Cơ Bút giảng truyền đề giáo-huấn người đời nên gọi là Thể Thiên hành-hoá.

Bởi do theo Tôn-chỉ Đạo, nghĩa là xu-hướng về phần giáo dục mà thôi. Pháp-Chánh-Truyền dạy:

“*Thầy đã xưng là Thầy dạy-dỗ, còn tên các Chức sắc đủ chỉ rõ-ràng phận-sự giáo-hoá là chánh vai của mỗi người, như: Giáo hữu, Giáo-sư, Phối-sư, Đầu-sư, Giáo Tông. Xem rõ lại thì tên mỗi vị chẳng mất chữ “Giáo” hay là chữ “Sư”.*

Thế nên:

Giáo-Tông (1vị) là người đứng đầu Tôn giáo có trách-nhiệm hữu hình là “*Anh Cả của con cái Đức Chí*

Tôn”. Phẩm này chỉ có một mà thôi đứng vào hàng *Nhứt Phạt*. Đối phẩm với Thiên Tiên (xem như một Thái-cực)

THƯỢNG CỬU 6	=====	GIÁO-TÔNG	đối phẩm THIÊN TIÊN
CỬU NGŨ 5	=====	CHƯƠNG-PHÁP	đối phẩm NHƠN TIÊN
CỬU TỬ 4	=====	ĐẦU-SƯ	đối phẩm ĐỊA TIÊN
CHÁNH PHỐI SƯ			
CỬU TAM 3	=====	PHỐI-SƯ	đối phẩm THIÊN-THÁNH
CỬU NHỊ 2	=====	GIÁO-SƯ	đối phẩm NHƠN-THÁNH
SƠ CỬU 1	=====	GIÁO-HỮU	đối phẩm ĐỊA-THÁNH
SÁU HẠO LÀ LỤC LONG TƯỢNG-TRUNG 6 PHẨM-CẤP CỬU TRÙNG-ĐÀI			

Đầu-sư (3vị) là người đứng đầu của các vị Thầy, đứng vào hàng *Tam Tiên*, đối phẩm với Địa Tiên.

Phối-Sư (36 vị) là người phối-hợp với các vị Thầy đối phẩm với Thiên Thánh, đứng vào hàng *Tam thập lục Thánh*. (Trong số 36 vị Phối sư được đề cử ra 3 vị *Chánh Phối sư*).

Giáo-sư (72 vị) là Thầy có bốn-phận giáo-hoá nhơn sanh, đối phẩm với Nhơn-Thánh, đứng vào hàng *Thất thập nhị Hiền*.

Giáo-hữu (3.000 vị) là người chỉ có bốn phận dạy Bạn mà thôi, đối phẩm với Địa Thánh, đứng vào hàng *Tam thiên đồ đệ*.

Riêng ngôi **Chương-Pháp** (3 vị) là Chức-sắc Hiệp-Thiên-Đài hành quyền bên Cửu-Trùng-Đài. Bởi Cửu Trùng Đài vẫn là chánh-trị mà Chương-Pháp lại thuộc về luật lệ. Vậy thì Chương-pháp là người thay mặt Hiệp-Thiên-Đài nơi Cửu-Trùng Đài. Ấy là cơ Đạo cổ kim hân hữu (PCT)

Xem như 3 ngôi Chương-Pháp là Dương, 3 ngôi Đầu-sư là Âm.

Như vậy Cửu-Trùng-Đài là một Hội-Đồng Giáo-sư

dạy-dỗ nhơn-sanh cả Đời lẫn Đạo, chính:

- Đức Chí-Tôn là Viện trưởng.
- Các giáo-khoa là Triết-lý của Đức Phật Thích Ca, Đức Lão-Tử, Đức Khổng-Tử, Đức Chúa Jê-sus Christ.
- Các phụ-tá khoa trưởng là Tam-trần và hằng hà sa



số chư Phật là Giáo sư chuyên khoa.

- Đặc biệt hơn hết là Hội-Thánh Lương Đài (Hiệp Thiên và Cửu Trùng) là hình thể hữu vi của Đức Chí Tôn, thay thế phần hữu hình bất di bất dịch, truyền nói thất ức niên theo Pháp-Chánh-Truyền qui

định, trước qua sau tới luôn luôn đủ thành phần.

Hội Thánh hai Đài là Thánh-Thể Đức Chí Tôn tại thế; không có ai là người độc nhất được gọi là Giáo-chủ của Đạo Cao Đài cả.

Tuy nhiên khi nào hai ông Chủ của hai Đài hữu hình tức là Giáo-Tông và Hộ-Pháp hiệp một sẽ là quyền Vạn-linh. Chỉ có quyền Vạn-linh mới đối quyền với Chí Linh của Thượng-Đế mà thôi.

Các con số của phẩm cấp được Đức Chí-Tôn chọn lựa không ngoài con số 3 làm chuẩn:

Ngôi Giáo Tông 1 mà 3 (thay trời tạo thế)

Chương-Pháp, Đẩu sư, mỗi phẩm ba vị tức là Tam Âm tam Dương, tạo thành ngôi sao sáu cánh.

Những phẩm khác: 36 vị, 72 vị, 3.000 vị đều là bội số của 3. Số 3 là căn bản. Số 3 có một giá trị lớn lắm vậy!

Các con số phẩm tước này do đâu mà có ?

Thầy dạy:

“Trước khi chưa phân Trời đất, KHÍ HU-VÔ bao quát Càn Khôn, sáng-soi đầy vũ-trụ. Đó là một cái Trung Tâm-điểm tức là ĐẠO. Rồi **Đạo ấy mới sanh ra Thái cực**. Hồng-mông sơ khởi, huyền huyền hạo hạo khối lại thành ngôi Thái-cực, rất đậm-ấm lưng-chùng trong đó toàn là một khối, đứng mấy muôn năm bùng nổ ra tiếng dưng như thiên khuyh địa khúc, thì đã có THẤY ngự trong ngôi THÁI-CỰC; rồi có một tầng ÂM và một tầng DƯƠNG gát chồng nhau thành hình chữ thập lộ ra bốn cánh gọi là LƯƠNG-NGHI sanh ra TỨ TUỆNG. Chữ thập mới dần dần quay lộn chạy lẫn tròn như chong-chóng, lẫn tủa ra muôn ngàn quả tinh-cầu thế giới, chữ thập ấy dưới có bốn cánh bông kều là TỨ ÂM, TỨ DƯƠNG tác thành Bát quái là Càn, Khảm, Cấn, Chấn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài.

Bát-quái mới biến-hóa vô cùng, phân định Ngũ hành, Càn Khôn muôn vật. Thái-cực sanh Lương-nghi tức **Tam thiên-vị** (ba ngôi Trời). Dưới ba ngôi ấy có **Tam thập tam thiên** (ba mươi ba tầng trời) cộng với ba ngôi trên là ba mươi sáu tầng trời, nên gọi là Tam thập lục Thiên. Trong mỗi tầng Thầy chia Chơn-linh, có một vị Đại-La Thiên-Đế Chương-quản.

Chỗ Thầy ngự gọi là **Bạch-Ngọc-Kinh**, là kinh toàn ngọc trắng, rộng cao vòi-vọi, ngoài có **Huỳnh-Kim Khuyết** là cửa ngõ bằng vàng ròng cực kỳ mỹ-lệ.

...Rồi tới Hạ tầng Thế-giải, **Tam Thiên thế giới**, Ba ngàn quả tinh-cầu phân làm Tứ đại bộ châu rồi nối theo **Thất thập nhị địa**, tức là Đệ nhứt cầu cho đến địa-cầu các con ở là địa-cầu 68.”

Chính những con số này mà Đức Chí-Tôn đã lập thành hệ thống Chức sắc Cửu Trùng Đài đó vậy.

Tính từ dưới lên tức là hàng Thánh vị thì:

- **3.000 Giáo Hữu** ứng với số Tam thiên thế giới.
- **72 vị Giáo-sư** ứng với con số Thất thập nhị địa.
- **36 vị Phối-sư** ứng với con số tam thập lục thiên

Nhưng trong số này có ba phái (Thái, Thượng, Ngọc) được chọn ra mỗi phái một vị làm Chánh Phối sư ứng với con số **Tam thiên-vị** (ba ngôi Trời). Dưới ba ngôi ấy có **Tam thập tam thiên** (ba mươi ba tầng trời) tức là số 33 vị Phối-sư còn lại đều “là người lãnh quyền của Chánh Phối sư ban cho, đặng đồng quyền, đồng thể cùng Chánh Phối sư khi Người giao trách nhiệm cho mình” cộng với ba ngôi trên là ba mươi sáu tầng trời, nên gọi là **Tam thập lục thiên**.

Về hàng Tiên vị thì do con số biến hoá từ **Đạo ấy mới sanh ra Thái cực**, là 1. Về hữu hình tức là **một ngôi Giáo-Tông** là số của Tiên Thiên, khi qua Hậu Thiên thành ra 3, nên chỉ một mà ba, mà ba cũng như một, chính nó cũng có Âm Dương. Thế nên **ba ngôi Chương Pháp** thuộc về Đạo là Dương, **ba ngôi Đầu sư** thuộc về Đời trong Đạo là Âm.

5-Giáo Tông nghĩa là Anh Cả ba phẩm

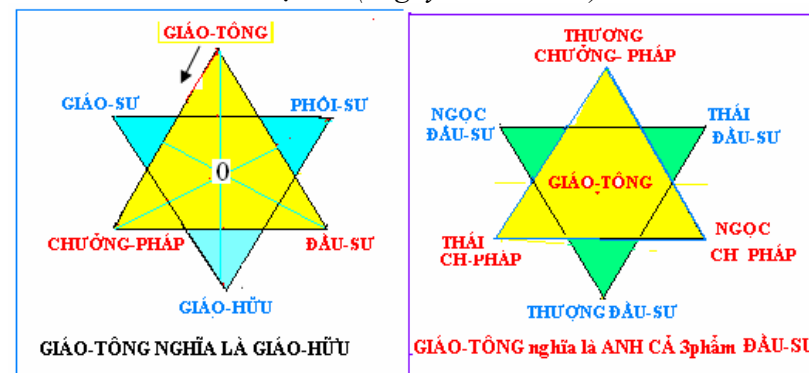
Đầu-Sư, nghĩa là Giáo Hữu

Riêng ở cơ-quan Cửu-Trùng-Đài thì Giáo-Tông là Chương-quản, dưới có 6 phẩm cấp là ba Chương-pháp và ba Đầu-sư. Đó là cơ-quan quản-trị cần khôn vậy.

Thánh ngôn có dạy:

... “Vậy Thầy mới lập ra có một phẩm Giáo Tông nghĩa là Anh Cả ba phẩm Đầu-Sư, nghĩa là Giáo Hữu. Chẳng đặng một ai dưới thế này còn đặng phép nói rằng thế quyền cho Thầy mà trị phần hồn của nhơn-loại. Ai có

đức hạnh lớn thì mới ngôi đặng địa vị thầy ban thưởng. Còn cả Môn-đệ ai cũng như ai, không đặng gây phe, lập đảng; những kẻ nào phạm tội thì Thầy trục xuất ra ngoài, cho khỏi điều rối loạn”. (Ngày 24- 4-1926)



(H.62) Vạn linh hiệp Chí-linh

Theo hình vẽ cho thấy rõ, như vậy có nghĩa là hàng Tiên-vị có 3 phẩm: Giáo Tông, Chương Pháp, Đầu-sư đặt trên Tam-giác có đỉnh quay lên, tượng Chí linh.

Đồng thời hàng Thánh-vị có 3 phẩm là: Phối-sư, Giáo-sư, Giáo-hữu, tượng cho Vạn linh. Tam-giác này đỉnh quay xuống dưới: Cho thấy ngôi Giáo-Tông và Giáo hữu cùng nằm trên trục đứng xuyên tâm đối.

Thế nên đỉnh trên là *Giáo-Tông*, đỉnh dưới là *Giáo hữu*, đặt thẳng hàng xuyên qua tâm.

-Tại sao nói Giáo-Tông... nghĩa là Giáo hữu?.

PCT: “Đã nói Giáo-Hữu là người thân mật với nhơn sanh hơn hết, mà kể từ phẩm Giáo-Hữu đổ lên cho tới Giáo-Tông thì xa lắm. Ấy vậy Giáo-Hữu thì gần với nhơn sanh, còn Giáo-Tông thì xa nhơn sanh. Nếu Giáo Tông muốn gần với nhơn sanh thì phải cần gần gũi thân cùng Giáo-Hữu. Giáo-Hữu là người biết nhơn sanh hơn hết, nếu Giáo-Tông muốn biết nhơn sanh, thì phải nghe lời

Giáo-Hữu.

Thánh ý muốn cho Giáo-Tông đăng gần như sanh cũng như Giáo-Hữu, cho nên dặn Giáo-Tông phải để ý cần mẫn, xét nét mỗi điều của Giáo-Hữu cầu xin hơn hết song mỗi điều chi Giáo-Hữu cũng không được phép loạn đẳng cấp trên mình mà dăng sớ”.

- Tại sao nói: “Giáo-Tông nghĩa là Anh Cả ba phẩm Đầu-sư”?

PCT: Đầu-sư có quyền cai trị “phần Đạo” và “phần Đời” của chư Môn-Đệ Chí-Tôn.

Tức nhiên:

“Đầu-sư có trọn quyền về phần Chánh trị của Cửu Trùng-Đài và phần Luật-lệ của Hiệp-Thiên-Đài. Vậy thì Người đăng quyền thay mặt cho Giáo-Tông và Hộ-Pháp, tức là người của Cửu-Trùng-Đài và Hiệp-Thiên-Đài; bởi vậy Đầu sư phải tòng cả hai mà hành chánh, chẳng được phép tự ý riêng mình mà thi thố điều chi không có lệnh của Giáo-Tông và Hộ-Pháp truyền dạy”.

Về phần Hội-Thánh Em, thì:

Đầu-sư Em là phẩm Chánh-Trị-sư cũng vậy, người nắm cả hai quyền Chánh trị và Luật lệ, nhưng chỉ có quyền trong một địa phận mình mà thôi.

Đức Hộ-Pháp nói:

“Cái phẩm vị Thiêng Liêng của mấy em nơi mặt thể, **Phó Trị Sự, Thông Sự đối với Ngôi Giáo Tông, Hộ-Pháp**, trong khi tuổi của mấy em đã tri thiên mạng rồi, rất ngộ nghĩnh thay Đức Chí Tôn lấy công bình ấy đăng lập Thánh Thể của Ngài, Ngài để một kiểu võ, một khuôn luật Tạo đoan hay là một gia đình kia không khác gì hết. Mấy em đã ngộ thấy trong Đạo, Đức Chí-Tôn đã để:

- Hàng Tín-Đồ đối với Đại-Từ-Phụ.

- Phó-Trị-Sự và Thông Sự đối với Phẩm Giáo Tông và Hộ-Pháp.

- Chánh-Trị-Sự đối với Phẩm Đầu-Sư.

Thì mấy em thử nghĩ coi khuôn khổ Thánh Thể của Ngài không có một cái gì sơ sót hết.”

6- Tại sao lại mượn 6 phẩm cấp của cơ quan Cửu Trùng Đài làm biểu tượng cho 6 hào của quẻ Kiền?

Gọi là “Thời thừa lục Long dĩ ngự Thiên” Ấy là lúc nào cũng có 6 Rồng ngự trên trời. Sáu Rồng này luôn đi lại đó đây không bao giờ ngừng nghỉ. Bởi 6 hào của quẻ Kiền là quẻ thuần Dương, năng động, nên:

- Trước hết có sự ứng hợp với cơ-quan Cửu Trùng Đài là một cơ-quan trọng-yếu của nền Đại Đạo là giáo-hoá nhưn-sanh. Phải là năng động, linh hoạt

- Những phẩm tước này là Thánh-thể của Đức Chí Tôn tức nhiên thay thân cho Thầy mà lo phần dạy-dỗ nhưn-sanh.

- Thánh-thể Chí-Tôn có quyền làm Cha khi Cha vắng mặt. Làm Thầy khuyên dạy đám trò yêu của Chí-Tôn mà Chí-Tôn đã giao phó. Đó là “quyền huynh thế ngôn” hoặc là “quyền huynh thế phụ”.

-Sáu hào biến của quẻ Càn gọi là “Lục vị Thời thành”

Lục vị 六位 là sự kết hợp của quẻ Kiền do 6 vạch Dương mà thành, tức nhiên 6 vạch này là 6 con của Kiền Khôn mà ra.

Bát-quái có tám quẻ mà Kiền Khôn là đầu mối của vạn vật hay nói khác đi thì Kiền Khôn là cha mẹ sinh ra 6 con là “Đoài, Ly, Chấn, Tốn, Khảm, Cấn” làm khởi thủy. Tuy vậy mà lúc nào cũng hoà-hợp...

Theo hình vẽ thì lúc mới sinh ra: hai quẻ *Kiên Khôn* nằm ở đầu và cuối trên một đường thẳng, như một sự đi ra để ấp-yêu con đại. Sáu con nằm giữa lòng cha mẹ để có được sự bảo trì.

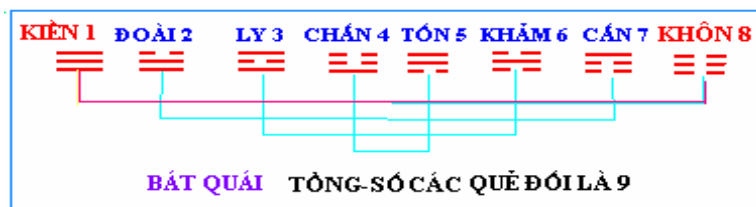
- Lần đầu *Kiên* hợp với *Khôn*, cướp một âm của *Khôn* mà sinh ra một gái trưởng (Trưởng Nữ) là *Tôn* ䷂ *Khôn* hợp với *Kiên* mà lấy một dương của *Kiên* rồi sinh ra một trai trưởng (Trưởng Nam) là *Chấn* ䷲ đây là hàng con trưởng.

- Lần nhì *Kiên* hợp với *Khôn* cướp một âm của *Khôn* mà sinh một gái giữa (Trung nữ) là *Ly* ䷄ đồng thời *Khôn* giao với *Kiên* cướp 1 dương của *Kiên* mà sinh một trai giữa (Trung Nam) là *Khảm* ䷜ là hàng trung.

- Lần ba *Kiên* giao với *Khôn* cướp một âm của *Khôn* mà sinh ra một gái út (Thiếu Nữ) là *Đoài* ䷫ đồng thời *Khôn* giao với *Kiên* và cướp một Dương của *Kiên* sinh ra một trai út (Thiếu Nam) là *Cấn* ䷂ đây là hàng *Thiếu* là trẻ, hình thành sau hết.

Ở đây có một sự hài hoà rõ-rệt từ số đến thứ bậc như: *Kiên* 1 là Cha hợp với *Khôn* 8 là Mẹ, do vậy mà hợp số là $1+8=9$

Tôn 5 là trưởng nữ hợp với *Chấn* 4 là trưởng nam, hợp số là $4+5=9$



Ly 3 là trung nữ hợp với *Khảm* 6 là trung nam, hợp số là $3+6=9$

Đoài 2 là Thiếu-nữ hợp với *Cấn* 7 là Thiếu nam, hợp số là $2+7=9$

Như vậy đủ thấy Đạo chủ-trương là hoà hợp dù bất cứ ở phương-diện nào. Có hoà-hợp mới có yêu thương trong đức hạo-sanh của Trời. Sáu hào của quẻ *Kiên* đã nói lên tinh-thần thân thiết của một gia đình trong đó có cha mẹ, anh em từ lớn chí nhỏ đều sống trong cộng-đồng yêu thương nhau. Khi đã thành *Lục thân* (phụ mẫu, huynh đệ, phu phụ) thuận hoà thì làm bất cứ việc gì cũng thành công một cách mỹ-mãn.

Với Đạo-pháp thì ngôi thứ đã rõ-rệt như thế:

- *Kiên* là tượng ngôi của Đức Chí-Tôn.
- *Khôn* là tượng ngôi của Đức Phật-Mẫu.



II- Phật độ 6 ức nguyên nhân là nghĩa gì?

Con số 6 ấy là nói phép tu theo Phật là cho hiểu nguồn gốc khổ của con người là do *lục căn*, bởi khi tiếp xúc với *lục trần* thì sinh ra *lục dục*. Nếu nhờ biết tu thì biến tất cả thành ra *lục thức* để đến chỗ cao thượng hơn là đạt cho được *Lục thông* để khỏi phải bị đoạ vào *Lục đạo luân hồi*.

Chính ra những con số LỤC này nó đã nằm ngay trong chân tính của con người, nhưng khi đến trần là bị nhiễm trần, lâm phạm rồi thì cái gì cũng phạm. TU chính là lau bụi trên mặt gương, nào phải lau gỗ mà thành gương được. Thế nên chỉ có người TU mới được viên mãn mà thôi. Cho nên Đạo-pháp nói lý là “Phật độ được 6 ức nguyên nhân” là vậy:

-LỤC CĂN: Sáu gốc rễ có sức nảy sanh.

Lục căn (lục là 6; căn là rễ) chính là sáu giác quan của con người để nhận biết sự vật, như:

- 1-Nhãn (Mắt) 2-Nhĩ (tai) 3-Tỷ (mũi)
- 4-Thiệt (lưỡi) 5-Thân (da thịt) 6-Ý (Tư tưởng)
- LỤC THỨC (thức là biết) Sáu điều hiểu biết của

con người. Lục thức có được là do Lục căn.

Lục thức gồm:

- 1/-*Nhãn thức*: sự biết do mắt nhìn thấy
- 2/-*Nhĩ thức*: Sự biết do tai nghe
- 3/-*Tỷ thức*: Sự biết do mũi ngửi
- 4/-*Thiệt thức*: Sự biết do lưỡi nếm
- 5/-*Thân thức*: Sự biết do da thịt cảm nhận
- 6/-*Ý thức*: sự biết do tư tưởng

-LỤC TRẦN: (Trần là bụi), chỉ cõi trần. Lục trần là sáu cảnh nơi cõi trần diễn ra trước Lục căn, làm cho Lục căn sanh ra Lục thức. Lục trần gồm

- 1/-*Sắc*: cảnh vật có màu sắc xinh đẹp.
- 2/-*Thinh*: âm thanh êm ái, lời nói ngọt ngào.
- 3/-*Hương*: mùi thơm của hoa, của món ăn.
- 4/-*Vị*: thức ăn ngon béo bở.
- 5/-*Xúc*: trang sức lụa là, da thịt mát mẻ.
- 6/-*Pháp*: Tư tưởng mưu tính thực hiện cho thoả ý muốn

- LỤC DỤC (dục là muốn) Sáu điều ham muốn. Lục trần kêu gọi Lục căn, Lục căn sanh ra Lục thức, Lục thức sanh ra Lục dục. Lục dục gồm:

- 1/-*sắc dục*: ham muốn nhìn thấy sắc đẹp
- 2/-*Thinh dục*: ham muốn nghe âm thanh êm tai.
- 3/-*Hương dục*: ham muốn ngửi mùi thơm dễ chịu
- 4/-*Vị dục*: ham muốn món ăn ngon miệng
- 5/-*Xúc dục*: ham muốn xác thân sung sướng.
- 6/-*Pháp dục*: ham muốn ý nghĩ được thoả mãn.

Con người có Lục căn nên mới có Lục thức. Lục thức bị Lục trần cám dỗ mới sanh ra Lục dục. Bốn thứ ấy liên hệ mật thiết nhau, tương tác nhau làm cho con người lẫn lộn như bị trong cơn lốc của cuộc đời.

“Thất tình Lục dục là mối loạn hằng ngày trong tâm trí, không phương trừ khử. Một đám giặc liệt cường tài trí đánh phá ruộng trong núi cao rừng thẳm còn dễ trừ dẹp đặng, chớ mối loạn nơi tâm khó mà diệt đặng cho yên, nhứt là Lục dục: Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân và Ý dục, chúng nó phá hại hằng ngày.

Nhãn thì ưa màu sắc tốt đẹp.

Nhĩ thích nghe những giọng nói tao nhã thanh bai.

Tỷ thì ưa mùi thơm hơi ngọt.

Thiệt thì ưa nếm vật lạ món ngon.

Thân: mến vợ đẹp hầu xinh, cả dục tình dâm loạn.

Ý lại tư tưởng vất vợ quấy phá.

Nhứt là Ý là mối đại hại cho con người. Nó tư tưởng sự này sang sự nọ. Chuyện nọ hết đến chuyện kia. Nó ra vô lệ làng không chỉ ngăn đón đặng, nên mới cho nó là đưa ăn trộm tài nghệ, xách món này, lấy vật nọ trước mắt muôn người mà chẳng ai thấy.

Còn thân, cái thân thể muốn sự dâm dục quá độ, mới hao tán nguon Tinh, nguon Khí, nguon Thần.

Thiệt là lưỡi, miệng ham ăn món ngon vật lạ, đồ mỹ vị cao lương, phạm tội sát sanh, bị sa đọa vào *Lục đạo*.

Tỷ là mũi ưa thơm tho mới khiến lòng ham muốn.

Nhĩ là tai, tai nghe điều phi lễ.

Nhãn là mắt ngó thấy sắc đẹp thì lòng dục dấy lên.

Vậy thì, mắt thấy, tai nghe, mũi ngửi, miệng nếm, thân ham, đều xúm làm cho thân xao động, sanh lòng quấy

Vả lại, Lục dục là sáu con quỉ, tức là sáu đứa con đồ, nhưng biết cách thâm phục chúng nó đặng thì sáu con quỉ ấy trở nên Lục thông là đắc đạo.

Muốn thâm phục sáu con quỉ ấy thì phải làm chủ cái Tâm, tâm cho thanh tịnh, định cái trí, trí phải tự nhiên. Lục dục được an, Lục thần đầy đủ.

Hễ có Lục dục thì có Lục trần, mà hễ có Lục trần thì mới sanh Lục tặc. Có Lục tặc thì hại Lục căn, Lục thức, Lục thần, nên sa vào Lục đạo.

Ấy là kiếp con người không có Nguơn Thần chấp chánh, để cho Thức Thần đương quyền, thì dầu có sống, sống một cách vất vả như bò nhìn trơ trơ để gió lay người đây” (tham khảo Tự điển ông Nguyễn văn Hồng)



III- Đền-Thánh có LỤC LONG PHỒ ÁN

Khi du khách đến viếng Toà Thánh, điều mà lôi cuốn đầu tiên là hai **lầu chuông** và **lầu trống** cao ngất.



Một hệ thống kiến trúc kiểu Pháp nằm giữa hai khu rừng Thiên nhiên màu xanh biếc.

Jeanine Anboyer trong quyển: **Mỹ thuật Viễn Đông** nhận định rằng: Người Việt Nam đã biết chọn những cảnh thiên nhiên đẹp nhất để xây dựng những công trình thờ cúng của họ (Les arts de

L' Extrême Orient. Pario (H.63)

Đền Thánh Tây-ninh 1948

trang 83). Đó là lối kiến trúc cổ Việt-Nam theo lối kiến trúc cảnh vật hóa.

Một tu sĩ Nhật-Bản cũng cho rằng Toà Thánh được xây cất trên suối ngầm chảy qua 6 cửa gọi là “Lục long phồ án” hay “Lục long kết tụ”. Vùng đất này rất phát triển về Đạo pháp và nhân tài (Huỳnh Minh, Tây Ninh xưa và nay)

Về phương hướng xây dựng Đền Thánh.

Thầy dạy:

“Toà-Thánh *day mặt* ngay **hướng Tây**, tức là *chánh cung* Đòai **≡≡** ấy là *Cung Đạo*, còn *bên tay trái* Thầy là **cung Càn** **≡≡** *bên tay mặt* Thầy là **cung Khôn** **≡≡** *đáng lẽ phải để bảy cái Ngai của phái Nam bên tay trái Thầy, tức cung Càn mới phải, song chúng nó vì thể Nhơn-đạo cho đủ Ngũ chi cho nên Thầy buộc phải để vào Cung Đạo là cung Đòai cho đủ số.*

Nơi đây có đủ Tam Tài ứng hợp:

1-Phản Thiên:

Đức Lý giảng dạy đêm 23-1 Đinh-Mão (Dl 24-2-1927) tại chùa Gò Kén

THÁI BẠCH.

“Hy chư Đạo hữu, chư Đạo muội. Lão khen Thái Thợ Thanh, phải đó đã không, tưởng chư Hiền hữu không thấy nữa.

Lão cắt nghĩa vì sao cuộc đất ấy là Thánh địa?

Sâu hơn 300 thước, như con sông, giữa trung tim đất giáp lại trùng giữa 6 nguồn, làm như 6 con rồng doanh nhau. Nguồn nước ấy trùng ngay đỉnh núi, gọi là LỤC LONG PHỒ ÁN. Ngay miếng đất đó đặng 3 đầu: Một đầu ra giếng mạch Ao hồ, hai đầu nữa bên cụm rừng bên kia.

Người Lang-sa chỉ đòi 20 ngàn, nói rồi trả đúng có 15 ngàn, Lão dặn thì thành trả 17 ngàn, 18 ngàn thì đặng Còn xin khai khẩn miếng đất rừng bên kia nữa mới trọn.

Đất nay còn rẻ, miếng đất chung quanh Thánh địa ngày sau hóa vàng. Chư Hiền hữu biết lo lập, ngày sau rất quý báu.” THĂNG (Đạo-Sử II/ 225).

Khi phá đám rừng này thì đàn Thổ (người Miên) xuống cả ngàn người để phá rừng, làm cho ông Chánh Tham Biện (Tỉnh Trưởng Tây Ninh) người Pháp nghi ngờ, mời Đức Thượng Phẩm ra Tòa Bó.

Ông hỏi Đức Thượng Phẩm: Chớ làm cái gì mà đông đảo như vậy?

Đức Thượng Phẩm trả lời rằng: Tôi mua miếng đất đó để trồng cao su.

Ông Tham Biện hỏi: Trồng mấy mẫu?

Đức Thượng Phẩm trả lời:

Tôi trồng hết sở đất tôi mua, phá tới đâu tôi trồng tới đó. Nên ngày nay, trong Nội Ô có cây cao su là do đó”
(trích Đạo-Sử I/52)

Tất cả những phương hướng trên qui kết vào một Bát-Quái Đồ Thiên thật là ngoạn mục và vi diệu vô cùng. Mỗi mỗi đều ăn khớp nhau như những mắc lưới đều-đặn, mà phải do bàn tay của Đấng Tạo công mới làm nên bức tranh tuyệt sắc như vậy (Xem thêm Dịch-lý Cao-Đài I. Cùng Soạn giả có giải thích kỹ về Bát-Quái)

2-Phần Địa: Viễn cảnh Toà Thánh Tây Ninh

- Về phía Đông: cung Chấn ☳ gồi lên giồng Sân Cu (ý là đất lành chim đậu)

- Mặt trước là phía Tây Cung Đoài ☰ trông ra sông Vàm Cỏ Đông.

- Phía tả: Nam (đứng theo phía Tòa-Thánh) có dòng sông Cẩm Giang và Bến Kéo nước chảy quanh cuộc đất. Đó là điểm kết long mạch, sách Lỗ Ban Kinh gọi là Hàm rồng. Phong-thủy là Âm Dương hội đủ.

Cận Cảnh, hồ Động Đình (Bàu Cà Na) nước chảy không ngừng (pháp luân thường chuyển) vào rạch Ao Hồ Tây Nam. Hai bên trái phải Toà Thánh là hai cánh rừng Thiên nhiên xanh biếc hài hòa cảnh trí.

- Phía Bắc là cung Ly ☲ suối Lâm Vô.

- Phía Đông Bắc là cung Tốn ☴ là Suối Đá, Suối Cái chảy về Phía Đông là cung Chấn ☳

- Phía Nam cung Khảm ☵ qua Đoạn Trần Kiều, Suối Con lươn ra Giải khổ Kiều, bốn suối hợp sức tưới mát và bao quanh vùng Thánh địa, hợp với sông Vàm Cỏ Đông, Cẩm Giang mà kết tụ Lục Long Phò Ấn. Biểu hiện Tay Long (Dương), Tay Hồ (Âm) không đối lập nhau mà còn hòa hợp lẫn vào nhau nhiều lần viễn cảnh cũng như cận cảnh. Bên trái (Thanh Long), bên phải (Bạch Hổ) thế sông núi châu đầu vào nhau như hình móng ngựa (đại kích!). Địa thế Lục Long phò Toà Thánh đó, không đâu tốt đẹp bằng! Như vậy trên Plafond là có Lục Long doanh nhau, dưới có Lục Long phò ấn, đủ 6 Âm, 6 Dương là 12.

3-Về Nhân: Biểu tượng Thánh Thể Đức Chí-Tôn:

☰☷ Quẻ Càn gọi Lục Long: nghĩa 6 hào của quẻ Thuần Càn tượng 6 rồng. Đạo-pháp: Xem như 6 phẩm cấp của Cửu-Trùng Đài tượng trưng Thánh Thể của Chí-Tôn.



IV- Luận về 6 chữ

ĐẠI-ĐẠO TAM-KỲ PHỔ-ĐỘ

Đức Hộ-Pháp nói:

“Khi Đức Chí Tôn đến với chúng tôi, Đức Chí-Tôn mở ĐẠI-ĐẠO TAM-KỲ PHỔ-ĐỘ chớ không phải mở Đạo Cao Đài. Với danh-hiệu “Đại-Đạo Tam-Kỳ Phổ-Độ”

大道三期普渡 có 6 chữ; đứng về số-học thì số 6 là do 3+3 hay là 3x2.

Trước nhất nó có nghĩa là 3+3 tức là 3 ngôi đầu tiên hỗn-hợp nhau để hóa thành 3 ngôi nhỏ nữa, cũng có nghĩa là 3x2 tức là 3 ngôi ở cấp thứ nhì do luật Âm dương biến tướng với 3 ngôi đầu tiên. Quả thật, nhìn vào từ-ngữ thì 6 chữ “Đại Đạo Tam-Kỳ Phổ-Độ” là do 3 từ kép, mỗi từ có 2 chữ.

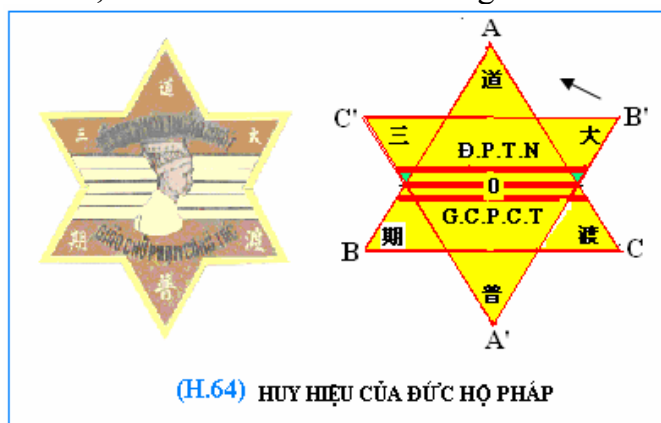
Con số 2 là con số Thiếu-âm, con số 3 là con số Thiếu dương, tất cả đều là nằm trong số của Tứ tượng. Tức nhiên trong Tứ tượng có 4:

1 là Thái Dương ↗ 2 là Thiếu Âm
3 là Thiếu Dương ↘ 4 là Thái Âm

Nếu hiệp hai số Thái lại với nhau thành ra $1 + 4 = 5$

Nếu hiệp hai số Thiếu lại với nhau cũng ra $2 + 3 = 5$

Trong sáu chữ này đã có đủ Ngũ hành Dương và ngũ hành Âm, từ đó mới biến hoá vô cùng.



Điều này có luận trong “Dịch lý Cao-Đài” quyển I

Đây xin luận về chữ Hán: 大道三期普渡

Với 6 chữ Hán này cũng chia ra làm Tam Âm Tam Dương như đã nói ở trên, tức là chính nó đã làm nên một

ngôi sao sáu cánh. Đỉnh Dương quay lên. Đỉnh Âm quay xuống. Ấy là một sanh ba, ba sanh vạn vật, chỉ âm dương hiệp nhứt, thuộc về cơ quan Chương-quản, đó là quyền Chí linh đối phẩm với quyền Vạn-linh:

- Chí-linh là TRỜI, cơ qui nhứt (đỉnh A)

- Vạn-linh đại diện là NGƯỜI, cơ tấn-hóa (đỉnh A')

Ngôi sao sáu cánh này Đức Hộ-Pháp lấy làm biểu tượng là một huy hiệu.

Hỏi vì sao chỉ riêng Đức Hộ-Pháp có hình ngự trên huy hiệu này mà không vị Chức sắc nào được ?

- Bởi Ngài là Giáo-Chủ hữu hình, tức nhiên Đức Ngài nắm quyền Chí-Tôn tại thế, là làm chủ nền Đại Đạo. Ngài là Chương quản Nhị hữu Hình đài: Hiệp-Thiên và Cửu Trùng, nghĩa là Ông TRỜI dưới thế này.

Sáu chữ đặt trên sáu cánh ngôi sao:

- Chữ Đại 大 (3 nét) đặt ở cánh bên mặt, chữ B'

- Chữ Tam 三 (3 nét) đặt ở trái, tức là đối xứng nhau qua chữ Đạo ở giữa (C')

Hai chữ có số nét bằng nhau, tức nhiên cân bằng lý Âm Dương để điều hòa vũ trụ. Cũng như về quyền hành Đức Hộ-Pháp Chương quản cả hai cơ quan Hành chánh và Phước thiện, tức nhiên cơ quan hành pháp và luật pháp của Đại Đạo. Ngài là Chương quản cả nhị Hữu hình Đài, tức nhiên kiêm quyền Giáo-Tông và Hộ-Pháp. Các chữ này đặt nghịch chiều kim đồng hồ, gọi là nghịch chuyển. Đó là con đường trở về tức là phản bổn hườn nguyên mà Thầy đã dạy “Tu hành vẫn trái với thế tục, mà trái với thế tục mớiặng gần ánh thiêng liêng”.

Lại nữa Hộ-Pháp bây giờ là hiện thân của số 1 mà ba, mà ba cũng là một. Vì:

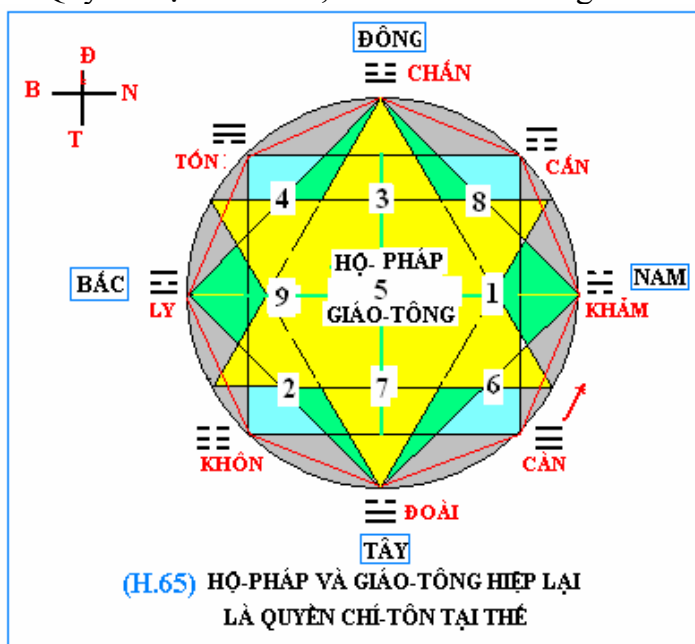
- Hộ-Pháp hiệp với Lý Giáo-Tông là quyền Chí-Tôn.

- **Hộ-Pháp hiệp với Quyền Giáo-Tông cũng là quyền Chí-Tôn tại thể, là quyền Trời đó vậy.**

- Chữ **Đạo** 道 (12 nét) đặt ở đỉnh cao, tượng trưng một uy quyền tuyệt đối, là quyền chúa tể Càn khôn vũ trụ này. Thánh ngôn rằng:

“Thập Nhị khai thiên là Thầy, Chúa cả càn khôn thế giới nắm trọn Thập Nhị Thời Thần vào tay. Số mười hai là số riêng của Thầy”.

Quyền Đạo có vô vi, có hữu hình tương đắc.



Như trước đây quyền Dịch-lý I đã chứng minh rằng Giáo-Tông làm chủ Bát-Quái Đồ Thiên mà Hộ-Pháp cũng làm chủ Bát-quái Đồ thiên. Đó chứng tỏ rằng khi Giáo Tông hữu hình thì Hộ-Pháp vô vi. Khi nào hai quyền này hiệp một đó là Quyền Chí-Tôn tại thể. Đây là một Bát

Quái đồ thiên có đầy đủ tính chất trời người hiệp một: tức là đủ tính chất Âm Dương.

Trong khi đó nếu Đức Hộ-Pháp hiệp với Đức Lý Giáo-Tông cũng là quyền Chí-Tôn. Như vậy một mà ba, mà ba cũng như một. Ấy là Tam tài.

Nhưng Đức Quyền Giáo-Tông là chủ Cửu-Trùng Đài mà trước đây là Đầu sư Thượng-Trung-Nhật, là một trong ba Bửu của Trời, vậy phải kể đến ba vị

- Thái Nương Tinh
- Thượng Trung Nhật.
- Ngọc Lịch nguyệt

Còn Hộ-Pháp là chủ Hiệp-Thiên-Đài mà là Chủ chi Pháp. Bên cạnh còn có Thượng-Phẩm chủ chi Đạo và Thượng-Sanh làm chủ chi Thể. Để thấy rằng những chức vị mà các Đấng ấy lãnh một vai trò yếu trọng trong nền Đại-Đạo này.

Khi vẽ hai hình Tam giác và hai hình vuông đặt chồng lên nhau tức là Âm Dương tương hiệp cho ra một hình ảnh mới đó là hình có tám cạnh gọi là Bát-Quái. Chính Bát quái này Đức Hộ-Pháp làm chủ.

Thể pháp này áp dụng trong các Đạo phục của chư Chức-sắc Thiên phong

Dịch nói “Thiên Nhứt sanh Thủy, Địa lục thành chi”

Số 6 chính là tượng cái thể nước thành hình ở cõi hữu hình, tức là cõi dưới cho nên 1 hợp với 6. Mà 6 là do 5+1. Số 5 là số tượng trưng một vòng cõi khác, vì vậy mà số 1 biến sanh ra Thủy theo Thần linh, mà số 6 hoá thành nó là chất nước hữu hình. Cũng vì lẽ ấy nếu lấy số 5 để giải sự khác nhau của hai cõi: hữu hình và vô hình thì những số 1,2,3,4,5, tức là 5 số đầu thuộc về Thần linh và 5 số sau là 6,7,8,9,10 thuộc về cõi hữu hình là cõi đất. Nói

là cõi vô hình thành tượng tức là 5 số trên là tượng mà 5 số dưới là hình: $6=5+1$, $7=5+2$, $8=5+3$, $9=5+4$, $10=5+5$

Trên đã nói: 1 biến sanh Thủy mà 6 thành nó. Đây giải cái sơ khai sinh Ngũ hành và thành hình ở trái đất.

Nhìn chung vào tám huy-hiệu này có 7 điểm (6 cánh + 1 tâm) mà điểm giữa là hình ảnh của Hộ-Pháp ngự trị. Số 7 chỉ về người, ứng với số của trời là 1. Trước đây đã nói Giáo-Tông cũng đứng chủ trung con số 7 ấy là cơ hiển tức cơ Âm, giờ này Hộ-Pháp cũng nắm con số 7 là cơ ẩn, ấy là cơ Dương. Trên tám huy hiệu còn có 4 chữ “Đảng phái thống nhất” ngoài ý-nghĩa là một nền Tôn giáo Đại Đồng ra, thì con số 4 là chỉ Tứ âm Tứ dương, để hiệp vào các con số Tam ở trên mới tạo thành Bát-quái, mà 5 chữ “Giáo-chủ Phạm-Công-Tắc” vừa xác-định ngôi vị của Ngài trong nền Đại-Đạo, mà con số 5 cũng để xác định là con số “ngũ trung” tức là Tâm của Bát-quái nữa.

Hộ-Pháp làm chủ Bát-quái Đồ Thiên

Tam Âm tam Dương và Tứ Âm Tứ Dương hiệp lại sẽ thành Bát-quái Đồ thiên mà Hộ-Pháp vi chủ. Giáo-Tông làm chủ Bát-quái hữu-hình, Hộ-Pháp làm chủ Bát-quái vô vi. Âm dương không xa lìa nhau. **Khi Giáo-Tông và Hộ-Pháp hiệp một là quyền Chí-Tôn tại thế.** Nay Đạo Cao Đài dùng Bát-quái Đồ thiên. Tám huy hiệu của Hộ-Pháp tuy 6 cánh mà có 7 điểm. Ngài ngự vào tâm: vì lẽ đó số 7 cũng chỉ về quyền-uy của Hộ-Pháp đứng trên Thất Đầu-xà tức là làm chủ Thất tình của nhân loại. Ngài nói: *Vui cũng vui, buồn cũng buồn, nhưng đừng để nọc vui buồn thấm vào chơn tánh.*



SỐ 7

Số 7 là số ngưng kết do $1+2+4$

Tức là Thái-cực cộng Lưỡng-nghi và Tứ tượng.

Thái-cực là dương, Lưỡng-nghi là cơ biến tướng, tứ tượng là cơ sanh-hóa. Nhưng cơ biến tướng và cơ sanh hóa chạm nhau lại khắc nên số 7 trở thành số riêng biệt không có biến động; có nghĩa là trong trạng-thái yên-tĩnh ngưng nghỉ. Nên nó cũng ám chỉ vào thể âm. Số 7 cũng chỉ vạn-vật hữu tướng thành hình; trong thân người là thất khiếu ở trên đầu. Số 7 ấy tức là 3 ngôi cộng 4 biến; hay là $1+2+1+2+1$ nên vô cực là vi-chủ.

Số 7 cũng là thành số của $(2+2+2)+1$, hoặc $3+3+1=7$ như vậy Thái cực cũng vi chủ.

Người hoàn toàn là một Tứ nguyên-tổ cùng một tam nguyên tổ kết hợp. Nghĩa là 4 thể chất và 3 thể khí Tức nhiên là $(3+4)$. Ba là tượng cho ba thể chất: không khí, nước và đất và 4 thể chất là: Kim, Mộc, Thủy, Thổ.

Người ta quyết đoán rằng không có một thể lục giác nào mà không có số thứ 7 làm trung tâm điểm. Số 7 có đủ tính chất như số 1 đầu, tức là số của các số. Vì số 1 không gì có thể tạo ra nó, thì số 7 cũng không có một số nào ở trong thập tuần có thể sanh ra nó.

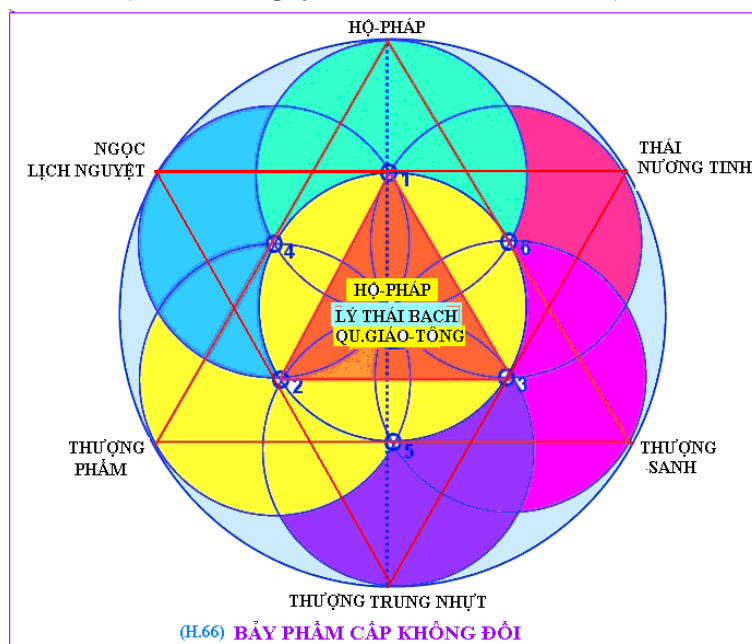
“Chúng ta ngó thấy hành tàng tạo-đoan trước mắt ta là sự điều-hòa trong thân thể và triết-lý đạo-giáo ta biết rằng: nếu ta không đoạtặng bảy khối sanh quang thiêng liêng kia dựng tạo thành xác thịt thì ta không có. Ta không sanh ở đây: nói gần hơn nữa nhứt điểm tinh thần của Cha ta không hiệp với huyết bôn của Mẹ ta, thì tức nhiên không có sự hiệp-hòa cả khuôn luật tạo đoan này.

-BẢY PHẨM CẤP KHÔNG ĐỔI

Đức Lý có dạy rằng:

Đại hỉ! Đại hỉ!

“Cười...Lão cũng nên cắt nghĩa phẩm vị của Chư Hiền-Hữu: Tỷ như ngôi của Thượng Đâu-sư, Ngọc Đâu sư, Thái Đâu-sư, Hộ-Pháp, Thượng-Phẩm, Thượng Sanh hay là Giáo-Tông của Lão đi nữa, dầu ngày sau có nhượng cho ai, thì họ ngôi địa vị của mình, chớ chẳng hề ở thế này có hai Thái-Bạch, hai Thượng-Trung-Nhật, hai Ngọc-Lịch Nguyệt, hai Thái Nương Tinh, hai Hộ-Pháp, hai Thượng Phẩm, hai Thượng-Sanh bao giờ. Hiểu à!?” (TNII/49 ngày 19-3 Mậu-Thìn 1928)



1- Đây: Lò luyện nguyên tử của Cao-Đài:

Lời giảng truyền trên là một sự khẳng định của Đức Lý Giáo-Tông cho biết quyền hành của các Đấng tiền bối này là người mà Đức Chí-Tôn đã chọn để thay thân cho Đức Ngài làm nòng cốt, điều hành nền Đại-Đạo Cao-Đài từ hữu hình cho đến vô vi trong một viễn trình bảy trăm ngàn năm, chứ không chỉ riêng ở một giai đoạn thời gian các Ngài còn sanh tiền ở đây mà thôi. Vì tính cách quan trọng của con số 7 không thể thiếu trong cửa Đạo Cao-Đài, ví như thất tình của con người được tu luyện thuần thực đã biến thành Thất bửu vậy.

Bảy nhân vật đây là tượng trưng cho cái sống vĩnh cửu, là bảy Thái cực của nền Đại-Đạo, như nguyên-tử được tách rời ra. Nhưng đây chỉ là yếu tố về NHÂN mà thôi. Đồng thời tìm đến các yếu tố về THIÊN và ĐỊA nữa.

1/- Về cơ Nhân.

Đức Lý Đại Tiên nhấn mạnh rằng:

...Chẳng hề ở thế này có hai Thái-Bạch, hai Thượng Trung Nhật, hai Ngọc-Lịch Nguyệt, hai Thái Nương Tinh, hai Hộ-Pháp, hai Thượng Phẩm, hai Thượng-Sanh bao giờ. Hiểu à!?”

Tức nhiên mỗi vị được chọn lựa đây là duy tinh duy nhứt, như một nguyên-tử được tách rời ra vậy.

Các yếu tố ấy được vẽ thành hình như trên đây:

Tất cả có 7 vị ứng với 7 vòng tròn, đứng vào 7 Thái cực, tạo thành hai tam giác đều đặt nghịch chiều nhau. Tam giác đỉnh quay lên thuộc về Đạo là ba vị Hiệp-Thiên-Đài:

- **Thượng-phẩm** Cao-Quỳnh-Cư
- **Thượng-Sanh** Cao-Hoài-Sang
- **Hộ-Pháp** Phạm Công-Tắc; mà Hộ-Pháp đặt vào

đỉnh cao. Bởi ngoài quyền Chương quản chi Pháp, Ngài còn là Chương-quản cả Hiệp-Thiên-Đài nữa.

Tam giác có đỉnh quay về phía dưới thuộc về Đồi, tức là cơ quan Cửu Trùng Đài là có 3 vị Đầu-sur:

- Thái Đầu-sur Thái Nương Tinh
- Thượng Đầu sur Thượng Trung Nhựt.
- Ngọc Đầu-sur Ngọc-Lịch nguyệt

Chỉ duy ba vị Đầu-sur này có mang Tam bửu của Trời là Nhựt, Nguyệt, Tinh mà thôi..

Theo như lời dạy của Đức Lý Giáo-Tông là Giáo Tông vô vi, thì trong cửa Đạo có hai Đài hữu hình thì:

***Cửu Trùng đài là quả Khảm ☵ bởi:**

Tinh có hai vị là: Thái-Minh Tinh bị Đức Lý cách chức, sau mới phong cho ông Thái Nương Tinh. Chữ Thái là đứng đầu có hai (số 2 thuộc Âm)

- TINH là sao có hai vị là Âm (tượng nét đứt) --
- NHỰT là mặt trời là Dương (tượng nét liền) —
- NGUYỆT là mặt trăng là Âm (tượng nét đứt) --
- . Theo thứ tự thì Thái (phái Phật) đứng trước.
- . Thượng (phái Tiên), đứng giữa là sự trung chính.
- . Ngọc là (phái Thánh), sau cùng.

Trong Cửu trùng Đài chỉ có một Dương-điện-tử là người mang chữ NHỰT tức là Thượng Đầu sur Thượng Trung Nhựt cũng là Quyền Giáo-Tông đó vậy (vì kiêm hai chức phẩm)

***Hiệp-Thiên-Đài thì có ba vị thuộc về ĐẠO:**

- Cao-Quỳnh-Cư, sau đặc phong là THƯỢNG-PHẨM, tuổi Mậu-Tý (1888)
- Cao-Hoài-Sang, sau đặc phong là THƯỢNG-SANH, tuổi

Tân-sửu (1901)

-Phạm-Công-Tắc, sau đặc phong là HỘ-PHÁP, tuổi Canh-Dần (1890)

Như vậy Hiệp-Thiên-Đài theo thứ tự là quả LY:

- Thượng-Phẩm Cao-Quỳnh Cư —
- Thượng-Sanh Cao Hoài Sang --
- Hộ-Pháp Phạm Công Tắc —

Bởi ba vị này là ba vị Đệ-tử đầu tiên được Đức Chí Tôn chọn lựa cho xuống trước để đứng ngày giờ Ngài mới qui tụ lại, Ngài dùng “*Lương sanh để cứu vớt quần sanh*”.

Ba vị là Tam đầu chế Hiệp-Thiên-Đài có tuổi lần lượt là Tý, Sửu, Dần, tức nhiên là Thiên khai ư Tý, Địa tịch ư Sửu, Nhơn sanh ư Dần. Xin xem lại Dịch-lý Cao Đài I để thấy tính cách quan trọng của các Địa chỉ ấy.

***Hiệp-Thiên-Đài là quả Ly ☲**

Xem như đây là một tế bào của Đại-Đạo hay nói theo khoa học thì đây là một phân tử có đủ ba thành phần:

Đức Thượng-Sanh Cao-Hoài-Sang là hào Âm, nằm trong thời-kỳ khởi thủy của Đạo-Cao-Đài.

- Hộ-Pháp nắm chi Pháp vừa là Chương quản Hiệp-Thiên-Đài là một Dương điện tử (Proton)

- Thượng-Sanh nắm chi Thế là một Âm điện tử (Électron)

- Thượng-Phẩm nắm chi Đạo là một Trung hoà tử (Neutron)

***Về Cửu Trùng Đài là quả Khảm ☵**

Theo thứ tự của Cửu Trùng-Đài là Thái, Thượng, Ngọc, thì phái Thái là Âm, phái Thượng là Dương, phái Ngọc là Âm. Cửu trùng Đài đã đủ tính chất trong sáng của

Nhật, Nguyệt, Tinh là Tam bửu của trời ở thời khởi thủy. Cơ quan này cũng đủ tính chất của một tế bào hay là một phân tử, vậy:

- **Thái Nương Tinh** là Âm điện tử (Électron)
- **Thượng Trung Nhật** là Dương điện tử (Proton)
- **Ngọc Lịch Nguyệt** là Âm điện tử (Électron).

Nay qua thời kỳ kiến tạo thì xem như thời-kỳ công quả của nhơn sanh chính là thời-kỳ mà Chí-Tôn chiết khảm điền Ly phản vị Càn bằng sự dâng công đổi vị.

Đây là hình ảnh của quả Càn thành hình:

- **Hộ-Pháp** Chương quân Hiệp-Thiên-Đài —
- **Thượng Trung Nhật** Giáo-Tông Đại-Đạo —
- **Thượng-Phẩm** Chương quân chi Đạo —

Người Tín hữu Cao-Đài nhìn vào đây mà lập công cùng Đức Chí-Tôn trong phép Tam lập là lập đức, lập công, lập ngôn như ba vị trên đây, chắc chắn sẽ về được với Đức Chí-Tôn là hoàn thành được ba nét Dương đó.

Riêng bảy Đấng Thiên mạng của Chí-Tôn là hai cơ quan Hiệp-Thiên và Cửu Trùng thì sáu vị là Tam Âm tam Dương biểu tượng cho hai phân tử tròn đầy. Riêng Đức Lý Giáo-Tông là vai trò trung lập (Neutron)

- Khi phối hợp với Quyền Giáo-Tông là đủ âm dương.
- Khi phối hợp với Hộ-Pháp là quyền Chí-Tôn tại thế.

Do vậy mà công thức mới sẽ thành hình:

- **Hộ-Pháp** Chương quân Hiệp-Thiên-Đài —
- **Lý Giáo-Tông là Giáo-Tông vô vi** —
- **Thượng Trung Nhật** Qu.Giáo-Tông ĐĐ. —

Đây là cơ NHÂN đã thành hình

Kết luận:

Vì tính cách quan trọng và cần yếu như vừa phân tích trên thì 7 phẩm cấp này không bao giờ thay đổi, mà nhất là khi ba vị: **Hộ-Pháp, Lý-Giáo-Tông, Quyền Giáo Tông Thượng Trung Nhật phối hợp lại là QUYỀN CHỈ TÔN TẠI THẾ biểu tượng là một khối nguyên-tử**, tức là ba Dương-điện-tử đã tinh luyện đến một mức độ cao không gì có thể phân tách ra được. Vì lẽ đó mà Đức Lý mới nói...*Chẳng hề ở thế này có hai Thái-Bạch, hai Thượng-Trung Nhật, hai Ngọc-Lịch Nguyệt, hai Thái Nương Tinh, hai Hộ-Pháp, hai Thượng Phẩm, hai Thượng-Sanh bao giờ.*

Xem như Đức Chí-Tôn đã chọn lựa các Đấng có đủ công quả chơn thần để tạo Đạo cứu Đời trong ngươn hội này không khác gì Chí-Tôn đã chọn lựa các nguyên tử gốc mà các Bác-học-gia đã gia công tinh luyện nguyên-tử vậy. Nhưng nguyên tử của thời-đại này là nguyên tử đe dọa Hoà bình, còn Nguyên-tử của Chí-Tôn mới thật sự là nguyên tử phụng sự Hoà bình cho cả nhân loại vậy.

2/- Về cơ Địa:

Xét về Đền-Thánh này có dạng chữ **Sơn 山** mà người là **Nhơn 人** đến đây thành tâm bái lạy, cúng kính hoá ra chữ **Tiên 仙** (Sơn nhơn hiệp lại là chữ Tiên) cho biết người Đạo Cao-Đài hằng ngày đến cúng tại Toà Thánh là luyện phép tu Tiên. Đền Thánh là một Thiên đường như vậy thì không còn duyên cớ gì mà chúng ta phải chạy “đi tìm pháp trường sanh” nữa!

Theo như trước đây Dịch lý I có nói rõ ba Đài

tượng trưng Tinh Khí Thần có dạng thức như sau đây:

- Bát-Quái-Đài thuộc quẻ CÀN ☰
- Hiệp-Thiên-Đài thuộc quẻ LY ☲
- Cửu-Trùng-Đài thuộc quẻ KHẨM ☵

Nói lại việc Chí-Tôn chiết Khảm điền Ly cách nào?

Nhìn ba Đài trên có ba quẻ tương ứng tức là tuần tự Càn, Ly, Khảm: Càn có ba nét liền, Ly ở giữa là nét đứt, Khảm ở giữa có một nét liền. Nếu đem nét liền của Khảm thay vào nét đứt của Ly thành ra quẻ Càn. Khi kiến tạo Đền Thánh lễ ra sự sắp xếp cũng theo thứ tự trên, nghĩa là:

- Bát-Quái-Đài ở trên cùng tượng cho THẦN
- Kế là Hiệp-Thiên-Đài tượng cho KHÍ,
- Sau cùng Cửu-Trùng-Đài tượng cho TINH.

Nhưng Đức Chí-Tôn lại sắp đặt hai Đài hữu hình này nằm theo lối chiết Khảm điền Ly phản vị Càn. Tức nhiên Ngài cho Cửu-Trùng-Đài ở giữa, Hiệp-Thiên-Đài ở ngoài. Xem như Ngài đã đặt Ly lên Khảm và đặt quẻ Khảm lên quẻ Ly để tất cả thành quẻ CÀN. Đó là về hình thể của Đền Thánh.

Người Tín hữu ngồi trong lòng Đền-Thánh cúng kính tức là ngồi trên một huyền-linh-pháp mà Chí-Tôn đã đặt định:

Xưa nay người tu Tiên luyện pháp trường sanh là cốt ý *luyện Tinh hoá Khí, luyện Khí hoá Thần, luyện Thần hườn Hư, luyện Hư hườn Vô*.

Nhưng trước nhất là làm công việc “chiết Khảm điền Ly phản vị Càn”. Thì hôm nay đây chính Thượng-Đế đã Chiết khảm điền Ly để cho nhơn sanh bớt được thời gian khổ công tu luyện, thay vào đó người Tín hữu Cao

Đài chỉ có mỗi một tinh thần Hiến dâng và Phụng-sự theo tinh thần NHÂN NGHĨA. cho Đức Chí-Tôn mà thôi

Hiến dâng là qua Tứ thời nhứt tụng cầu nguyện là dâng Tam bửu Ngũ-nguyên để tạo một đức tin tuyệt đối.

Phụng sự Đức Chí-Tôn chính là phụng sự cho Vạn linh, hay nói khác đi phụng sự vạn linh là phụng sự cho Chí-linh đó vậy.

3/-Về cơ Thiên:

Quyền năng luyện phép tu Tiên thì có những bước chuẩn bị của Thượng-Đế là Ngài trấn Thần trên tượng Ngũ Chi có bảy vị tức nhiên Tam Trấn, Tam giáo, Ngũ chỉ là quẻ Thuần Càn mà Gia-Tô Giáo-chủ lại đứng vào Tâm của vòng tròn, tượng cho Thượng-Đế (xem hình trang 61).

Tức nhiên:

Tam giáo là: Phật Thích Ca, Đức thái Thượng, Đức Không Thánh là một tam giác đỉnh quay lên.

Tam Trấn: Đức Phật Quan Âm, Đức Lý Đại Tiên, Đức Quan Thánh hiệp thành một tam giác cũng có đỉnh quay lên, đây là quẻ **Thuần Càn**, Càn vi Thiên, là Trời.

Các Đấng đây là những vị đã qua một thời gian tu luyện nay đã thành Tiên tác Phật rồi là **thuần Dương**.

Tóm lại: Mỗi mỗi một hình thức trong cửa Đạo Cao-Đài ngày nay đều đi vào qui tắc, luật lệ rõ-rệt, nhịp nhàng như những nguyên tử mà khoa học đang thành hình với mục đích “Nguyên tử phụng-sự Hoà-bình”. Nhưng nguyên tử bên ngoài hầu như nhân loại đang hoảng hốt nhiều hơn.

Như vậy Đức chí-Tôn đã làm cho tất cả đều là Thuần Dương, tức nhiên mỗi mỗi đều có sự sống vĩnh cửu

Vừa qua hai trái bom của Mỹ ném xuống hai thành phố Nhật bản vẫn còn làm bàng hoàng, chẳng những cho dân Nhật mà còn làm chấn động cả thế giới loài người nữa. Theo thống kê chính thức thì sự tổn thất vô cùng khốc hại như sau đây:

2-Tác hại của hai quả bom nguyên-tử ở Nhật:

*Trái bom đầu tiên ném xuống Hiroshima (Quảng Đảo) ngày 6 tháng 8 năm 1945:

- Số người chết liền tại chỗ: 60.000 người.
- Số người bị thương: 100.000 người.
- Số người không có nhà ở: 200.000 người

* Trái bom thứ nhì cách ba ngày sau: 9-8-1945, ném xuống Nagasaki (Tỉnh Trường-kỳ) gây thiệt hại:

- Số người chết trên 10.000 người
- Số người bị thương trên 20.000 người
- Số người không nhà ở trên 90.000 người.

Bom nguyên-tử khi ném cách trên mặt đất ước chừng 800 thước, máy bay ném bom phải bay ngay. Sau khi ném trái bom xuống chừng độ 100 giây thì bom nổ. Những người mục kích sự tàn phá nói rằng: sức nổ mãnh liệt của bom trong độ 2 giây đồng hồ, những nhiệt tuyến cháy mạnh phóng ra bốn phương. Trong lúc đó không có cái gì có thể ngăn cản, áp lực của nguyên tử không thể tưởng tượng được.

Những luồng chớp lửa và áp lực của nó đến đâu là tàn phá đến đấy bằng một cách mãnh liệt.

Một khi bom đã nổ cái áp lực của nó bắn tung ra và theo không khí làm môi giới và sự tung hoành như vậy thì những vật trên mặt đất làm sao có thể tránh được.

Trái bom ném ở Hiroshima có một hiệu lực như:

Khi ném xuống độ 2 giây thì nổ rất mãnh liệt, lửa tung ra đốt cháy nhà cửa. Sau thời gian 5, 10 phút áp lực của nó làm sập đổ những cơ-sở kiến trúc trong đường bán kính là 15 ngàn cây số. Sau ít phút thì bầu trời âm-u như mưa đen tối. Lúc trời sáng ra thì tưởng như là nguyên-tử hoá tất cả làm thành một cõi toàn bằng chất lỏng (sức nóng đến nỗi làm chảy cả xương thịt biến thành chất lỏng hết).

Đương lúc bom nổ thì tỉnh Hiroshima như bay cả lên không trung. Vừa chất đen âm-u, vừa khói trắng lẫn lộn nhau lên cao ước chừng 12 cây số ngàn. Trên đây là sự báo-cáo độ một phần về sự nguy hiểm của nguyên-tử chứ thực tế sự tàn phá kéo theo thời gian do nhiễm phóng xạ làm mù mắt và còn ảnh hưởng đến thai nhi về sau khó mà diễn tả hết được.

Điều chính yếu là làm sao để tránh nguyên-tử giết người và liệu Thế chiến thứ ba có thể tránh khỏi không? Đó là những điều mà chúng ta cũng nên dành chút thời gian để lăm bàn sơ qua về nguyên-tử.

1/-Thuyết nguyên-tử:

Theo thuyết “Thiên-địa vạn-vật đồng nhất thể” Nguyên-tử nói theo Triết-học là những trái cầu nhỏ bé vô cùng, nó là những vật liệu căn-bản vô cùng nhỏ để cấu tạo thành các phân tử, rồi phân tử thành tế-bào, các vật trong trời đất. Xưa kia các nhà Triết-học đưa ra một ý-tưởng là các vật tuy bề ngoài khác nhau, chỉ là bởi do sự cấu hợp khác nhau của Nguyên-tử.

Các nhà Bác học đã phân tách nguyên-tử ra nhiều tiểu nguyên-tử tức là điện-khí đó vậy. Điện tử chia ra làm hai loại: 1) Dương điện-tử. 2) Âm điện-tử.

Âm điện-tử là một nguyên-liệu để hợp thành thể

chất, đó là những trái cầu nhỏ vô-cùng, phải có 2.000 âm điện-tử mới cân nặng bằng nguyên-tử của khinh-khí.

Mọi vật thể đều ở trong trạng thái bình thường là do sự hoà-hợp chắc-chẽ của nguyên-lý âm dương khó mà tách rời nhau được. Nhưng dưới sức mạnh của luồng Quang tuyến Alpha, các nguyên-tử vỡ tan và có thể phát ra một vật nặng gọi là dương điện-tử.

Dương điện-tử có thể phân-tách riêng biệt ra được bằng một áp-lực mãnh-liệt làm cho nguyên-tử phải nổ tan tành làm biến-cải ghê-gớm các nguyên-tử. Cho nên lúc bom nguyên-tử nổ, Dương điện-tử tung-toé ra theo không khí mà biến-cải các vật từ đơn chất này thành ra đơn chất khác bằng một cách mau chóng và mãnh-liệt.

NHÂN CỦA NGUYÊN-TỬ:

Theo các nhà Bác-học thí-nghiệm thì trong trung tâm của nguyên-tử có một cái nhân gọi là điện-hạch rất bé nhỏ giống hình một trái cầu tròn là phải có 10^{-13} lần đường kính của nó mới thành một phân tây (cm). Cái điện hạch đó là dương điện có tánh chất đẩy bật quang tuyến Alpha mà các nhà Bác-học dùng để phá nguyên-tử. Vì lẽ đó sự phân-tách dương điện-tử là một cách rất phức-tạp, khó khăn và đặc-độc. Sau nhiều cuộc thí-nghiệm đã tìm ra số dương điện-tử hợp thành điện-hạch, số đó là một nguyên bội-số của số âm điện-tử chạy chung-quanh.

Điện-hạch thành bởi những dương điện-tử, mà Dương điện-tử lại phân ra có Proton và Neutron.

Proton là dương điện tử toàn chất dương và Neutron là một thứ cũng nặng bằng Proton mà không có một chút điện nào, nó ví như những con đê mê để hoà, ta gọi nó là trung-hoà-tử là neutron vậy.

Dương và âm điện-tử mà bật ra cũng bởi ảnh hưởng

quang-tuyến Alpha, khi neutron mất một âm điện-tử thì thành ra dương điện-tử.

LỚP NGOÀI CỦA NGUYÊN-TỬ:

Âm điện-tử là những trái cầu nhỏ li-ti chạy chung quanh điện-hạch, tức là những Électron tuy nó không quan trọng bằng dương điện-tử, nhưng cũng nhờ nó mà các nguyên-tử có tính cách hoá-học hay lý-học khác nhau; nó có tính cách bồi thêm cho những nguyên-tử bị mất âm điện-tử trong khi nó quay thật nhanh chung quanh điện hạch và nhờ có cái tính âm mềm và thuận-theo của nó, cho nên các nguyên-tử có thể phối-hợp với nhau thành phân tử và phân-tử cũng nhờ sự giao-chuyển nhanh của nguyên-tử mà thành sinh tế bào (cellules) và tế-bào thành các tổ-chức (tissus) như nhục tổ-chức (tissu musculaire), cốt tổ-chức (tissu osseux), tỷ tổ-chức, hay thực-vật tổ-chức (tissu végétal).

Âm điện-tử rất nhẹ, nặng bằng $1/2.000$ một dương điện-tử hay là dương điện-tử cân nặng gấp 2.000 lần âm điện-tử.

Biết rằng cái dương điện-tử một khi đã bị phân-tách riêng ra thì nó có sức tàn-phá mãnh-liệt, vì rằng dương điện theo Kinh-Dịch mà giải có đức tính là mạnh bao giờ cũng “biến-động” để dung-hoà cùng âm-điện, một âm và dương điện khi gặp nhau mạnh thì bật ra lửa. Cũng bởi có đó mà các nhà Bác-học khi chế tạo ra bom trước hết phải phân-tách nguyên-tử để lấy riêng ra phần dương điện-tử hay là những điện hạch, mà muốn tách ra được để lấy riêng phần dương thì phải dùng đến quang tuyến Alpha như đã nói trên. Một khi dương điện-tử đã phân-tách ra được thì nó đã tích lũy một sự tàn phá khủng-khiếp các vật mà nó gặp để cướp lấy âm điện-tử. Cho nên khi lấy được dương điện-tử rồi thì phải nghĩ cách chứa riêng nó. Theo

những thí nghiệm của các nhà Bác-học thì sự dịch chất từ quang chất đến Hélium, rồi đến chất Chì (Plomb), như vậy thì quang-chất ngưng lại ở chất chì. Có lẽ vì lý ấy mà người ta lấy chì để ngăn đựng dương điện-tử.

SỨC TÀN PHÁ CỦA NGUYÊN TỬ

Một khi đã tìm được chất chì thì người ta ép rất nhiều dương điện-tử vào trong một trái cầu rỗng bằng chì dày, ngoài bọc gang, có thể chứa được dương điện-tử không cho thoát ra ngoài và có ngòi mồi để kích nổ. Khi nổ dương điện-tử bị kích động mạnh, tức lên và nổ tung ra theo một áp-lực ghê-gớm của từng dương điện-tử. Dương điện-tử thoát ra được thì lan rộng ra một cách rất nhanh chóng, phi thường theo không-khí và trong khi gặp các vật đều đốt cháy để cướp lấy âm điện-tử. Trong khi các nguyên-tử vật chất bị mất hết âm điện-tử chỉ còn dương điện-tử, cái dương điện-tử mới thành ấy lại cướp lại của vật gần hơn nhất là phần âm điện, hiện tượng này cứ tiến mãi, trong một khoảnh khắc rất ngắn-ngủi mà có thể tàn phá được những vật xa hàng bao nhiêu cây số.

Sự ảnh-hưởng xa hay gần là ở sức ép nặng hay nhẹ của trái bom và những người ở xa chỗ nổ dù bị thương nhẹ ở chân tay rồi sau cũng chết là vì: Một khi đã nhận được một dương điện-tử thì tất nhiên có sự tàn-phá của các tế bào các nguyên-tử gần nhất chỗ bị thương, rồi dương điện tử này cướp âm điện-tử kia và dương điện-tử mới thành lại phát triển đi tàn phá thêm lên là cướp các âm điện khác, cứ lưu-chuyển như vậy đến khi người ta chết nếu không có cách hay thuốc trừ cái phóng xạ năng của dương điện-tử.

Không những người ta bị ảnh-hưởng mà thôi, đến các thú vật, thực vật và kim khí, loại đá hay tất cả muôn vật trong khu-vực hoành-hành của trái bom đường kính 30 cây số cũng đều bị ảnh-hưởng một cách thảm khốc vậy.

Trên đây là tài liệu thu thập được về bom nguyên-tử mà Mỹ đã thả xuống hai hòn đảo Hiroshima (ngày 6 tháng 8) và Nagasaki (ngày 9 tháng 8) của nước Nhật vào những ngày sắp kết thúc của thế chiến thứ II năm 1945. Thế kỷ thứ 19 khoa-học chưa được phát triển lắm, hình thức về nguyên-tử mới là cái bóng mờ trong cõi âm-u, có quan niệm nguyên-tử nhưng nó mới cho ta một bóng mờ trên vòm trời khoa-học. Sau dần đến thế kỷ 20 khoa-học tiến bộ thì sự khảo-cứu về nguyên-tử học cũng nhờ sự tận-tâm nghiên-cứu mà nguyên-tử được phát-hiện dần dần. Sự tiên-bộ về khoa-học của con người đến trình-độ này cũng có thể nói là cướp quyền Tạo-hoá.

PHƯƠNG-PHÁP TÁCH RỜI HẠT NHÂN:

Muốn phân-tách để lấy ra hạt nhân nguyên-tử, các nhà Bác-học phải dùng đến một năng-lương (Énergie) rất lớn mới tách ra được một gram hạt nhân vật chất (m). Nhà bác-học Albert Einstein tính được năng lượng đó theo công-thức như sau: $E = m.C^2$

E: Năng lực tính bằng đơn-vị ergs

m là trong khối của vật chất tính bằng gram.

C: Tốc-độ của ánh sáng tính bằng centimètre (phân tây) .

-Biết rằng tốc-độ ánh-sáng là 300.000 Km một giây hay là 30.000.000.000 Cm (ba mươi ngàn triệu phân tây).

Nếu ta lấy một khối vật-chất nặng 1 gram để làm biến ra năng-lực, theo phương-trình-thức trên thì ta có được một năng-lượng là:

$E = 1 \times 30.000.000.000^2 = 900.000.000.000.000.000$ ergs.

Xem đó, chúng ta thấy được rằng:muốn có được một gram hạt nhân nguyên-tử, người ta phải dùng đến một năng-lượng có số-lượng đã tính như trên. Đó là năng

lượng dùng để tách hạt nhân ra khỏi các âm điện-tử, khi bom nguyên tử nổ thì năng lượng của nó phóng ra cũng tương đương như thế. Thử hỏi có vật-chất nào còn tồn-tại được trong một môi-trường nhiệt-năng như thế?

Con đường cứu thế của Đạo Cao-Đài.

Trong phạm-vi bài viết này, chúng tôi chỉ khai-triển công-thức luyện nguyên-tử của Einstein và mượn công thức này để luận về pháp tu luyện Tam-bửu của Đạo Tiên mà thôi. Điểm quan-trọng của công-thức này là m (Maté riel). Ở Trời thì $m=1$ nhưng ở con người hậu-thiên thì $m=3$. Con số 3 này tức là tam-bửu của con người là Tinh-Khí-Thần. Người tu-luyện sao cho Tinh-khí-thần hiệp nhất được thì mới trở về ngôi vị (ngôi thái-cực). Như vậy ta phải giải phương thức này: $m=1$ Ta có công-thức:

$m=1+2$. Hoán-vị công thức này thì ta được: $m-2=1$. Theo nghĩa của lý số thì 1 là cung Càn, thái-cực; số 2 là lưỡng nghi. Muốn cho $2=0$ thì ta phải tu Tâm để đạt đến trạng thái hoàn-toàn thanh-tĩnh.

2/-Có cách nào hoá giải được phóng xạ Nguyên-tử?

Ngày nay có khá nhiều quốc gia đua nhau sản xuất ra vũ-khí nguyên-tử như Mỹ, Nga, Ấn-Độ, Iran... chắc hẳn họ là những người hiểu biết hơn ai hết về tác-hại khủng-khiếp mà bom nguyên-tử đã gây ra cho muôn loài, nhưng chúng ta chưa nghe thấy nước nào đưa ra được phương cách để cứu nguy cho nhân-loại hầu phòng bị khi có xảy ra chiến tranh nguyên-tử. Điều này là nỗi lo-lắng và sợ-hãi nhất của hầu hết các quốc gia tôn-trọng hoà-bình trên thế-giới, nhất là các Tôn-giáo đã đưa ra nhiều giải pháp hay, nhưng chưa được toàn vẹn. Thử hỏi người ta sản-xuất ra bom nguyên tử để làm gì? Câu hỏi này chắc không ai là không trả lời được ! Nhưng có điều là khuyên mọi người hãy bình tĩnh và tin-tưởng, vì từ xưa đến giờ

chưa có kẻ nào qua được thiên-ý, cũng như chưa có bệnh nào mà không có thuốc trị, chỉ sợ người bệnh không chịu dùng thuốc mà thôi.

Trước khi Đức Hộ-Pháp nhập tịnh vào Trí-Huệ Cung có cho bài thi sau, có tính cách khuyên chúng sanh nên “Chay lạt để ngừa loài khí độc”.

THI

Gắng tu cho kịp Hội-Long-hoa,
Đạo-đức không chuyên khổ lắm mà,
Chay lạt để ngừa loài khí độc.
Mê-mạn bất tỉnh trận kỳ ba,
Người hiền cứu sống ra phò Chúa,
Kẻ dữ bạo-tàn xác quạ tha.
Thân Dậu tới đây rồi sẽ biết,
Định-ninh vẹn giữ mấy lời ta.

Sau đây là lời chỉ dạy cách thức tu-thân, luyện Tam bửu của Đức Hộ-Pháp ngày 14 tháng giêng năm Đinh-Hợi (1947).

-PHƯƠNG LUYỆN KỶ

ĐẠNG VÀO CON ĐƯỜNG THỨ BA ĐẠI-ĐẠO

Phải biết thân-thích cùng cả nhân vật tức là tìm nguyên-do của Vạn-linh cùng Chí-linh.

Phải ân-hậu và khoan-hồng.

Phải thanh-nhàn, đừng vị-kỷ.

Phải bình-tĩnh, nghĩa là đừng chịu ảnh-hưởng của hoạ, phước, buồn, vui (Tập tánh không không đừng nhiễm, vui cũng vui, buồn cũng buồn, nhưng đừng để nọc vui buồn thấm vào chơn Tánh).

Phải độ-lượng, khoan-dung, tha thứ.

Phải vui-vẻ, điều-hoà, tự-chủ và quyết-đoán.

Giữ Linh-tâm làm căn-bổn, Hiếu-hạnh với Chí Tôn và Phật-Mẫu.

PHƯƠNG-PHÁP TRỊ TÂM VÌ TÂM LÀ HÌNH-ẢNH THIÊN-LƯƠNG

Đức-tin và khôn-ngaoan là kho chí bửu ngoài ra là của bỏ, là đồ vô-giá.

Ai đã cố oán kẻ thù của mình thì khó giữ thanh tâm công-chánh choặng.

Ai chẳng oán-hận mới thắngặng kẻ thù-nghịch cùng mình.

Sự cừu-hận là khối thảm-khổ đệ nhứt của nhơn sanh, nên người Hiền thì không biết đến, hay là từ bỏ cừu hận oán-ghét.

Thắngặng khí nộ mình, thì không chọc ai giận-dữ.

Lấy thiện mà trừ ác.

Lấy nhơn-nghĩa trừ bạo-tàn.

Lấy lòng quảng-đại đặng mở tâm-lý hẹp-hòi.

Lấy Chánh trừ tà.

Ấy là đường thương huệ-kiếm.

LUYỆN THÂN, LUYỆN TRÍ.

Ấm-thực tinh-khiết

Tư-tưởng tinh-khiết.

Tín-ngưỡng mạnh-mẽ nơi Chí-Tôn, Phật-Mẫu..

Thương-yêu vô-tận, ấy là chìa khoá để mở cửa Bát Quái Đài tại thế này.”

Trên đây là những lời tâm-huyết của Đức Hộ-Pháp, Đấng thay Trời cứu-thế kỳ ba, ai có niềm tin thì xem đó là đường hướng chân-chính và cố noi theo trên bước đường lập-đức tu-thân, thực-hành cho đúng thì sá gì phóng xạ của nguyên-tử..Nhưng đã tin nơi Đức Hộ-Pháp thì hãy tin:

Đức Hộ-Pháp có cho biết:



3-Nguyên-tử cứu người:

Với một kho tàng đạo-pháp bao la như thế, một triết-lý siêu nhiên như thế, mà Thượng-đế đã gieo giống lành từ lâu đời rồi, mỗi người làm một phần hành trong cái vô cùng tận ấy. Các nhà Bác-học, nhà nguyên-tử-học đã dày công nghiên cứu, công trình này cũng đứng vào hàng Địa Tiên, nhưng có những thứ không được ơn ích mấy cho nhân loại là nguyên tử lực đe dọa Hoà bình, chứ thực sự chưa thấy phụng sự cho Hoà bình. Vậy thì hôm nay những nhà đạo học đang tìm những thứ “nguyên tử phụng sự hoà bình thực sự” là tìm đến chân lý của đạo mầu. Vì không một Tôn giáo nào qua chân lý. Ấy là các nguyên-tử đạo học đang nằm rải rác trong kho tàng Dịch lý Cao-Đài, nó sẽ là “Nguyên tử cứu người” vậy.

Đức Hộ-Pháp nói tại Đền Thánh, đêm 29 tháng 3 năm Đinh Hợi (1947)

“Tiếp khai các nền Tôn Giáo hiện hữu không một nền Tôn Giáo nào nói mực thước và có một chơn lý cao siêu hơn là Phật Giáo, nhưng cũng chưa giải rõ. Ta chẳng cần tìm đâu xa xuôi làm chi, chúng ta thấy hiểu con người có tâm linh, chúng ta có quan sát cả chơn lý của Phật Giáo từ buổi sơ khai, nên chúng ta dám nói chắc rằng: Chúng ta có một Tôn Giáo mà Tôn Giáo ấy là Chúa Tể các nền Tôn Giáo khác, vì bởi nó là nguyên căn của Tôn Giáo và chính nó là một Tôn Giáo tự hữu, từ buổi Trời Đất biến sanh đã có, cái khối chơn linh ấy là Cha của chơn linh, Cha của nhứt điểm linh quang, làm sao chúng ta hiểu linh quang ấy?

- Vì ta xét từ trước **Đức Chí Tôn dùng cái thanh khí ấy mà tạo ra loài người với đất, do thanh khí ấy mà biến thành vạn vật.** Loài người đến nay nhờ tấn hóa mà khôn ngoan, cũng như vạn vật nhờ tấn hóa mà được toàn

năng toàn tri vậy. Các nhà triết học luận bàn đã nhiều, nhưng xét ra cũng chưa hiểu rõ cái nguyên căn ấy.

Phật Giáo nói: Cái khối linh ấy phân tán của mình ban bố ra cả vạn vật, khối linh ấy trước khi phân tán thì gọi là Brama là Phật, đến khi phân tán rồi thì Đấng thứ nhì Civa chủ về Pháp, Đức Chí Linh cầm quyền năng biến chuyển chớ không cầm quyền năng tạo đoan. **Pháp vận hành mà sanh khí** nên ta thấy mệnh mông trước mắt ta ấy là Khí, vậy Khí là gì? **Khí là khối sanh quang vạn vật nhờ thở khí ấy mà sống, cho nên chữ Khí là sự sống của vạn vật, do Khí là Pháp biến tướng ra vạn vật.** Nên Đấng thứ nhì chương quản cái sanh khí thường gọi là "2è Logos" thuộc Âm ấy là Phật Mẫu chương quản cả cơ quan tạo đoan này vậy.

Như chúng ta thấy cơ quan sanh hóa vạn vật và loài người là do Âm Dương phối hợp mà biến tướng, Phật chiết tán biến ra Pháp là Ngôi thứ nhì thuộc Âm, là Phật Mẫu, nhưng chúng ta không biết cái bí mật ấy là khí âm dương phối hiệp biến hình, mà Phật Mẫu dùng gì để tạo nên cơ quan hữu vi này, vì bởi Phật Mẫu dùng khối sanh quang có năng lực vận hành trong không khí, chúng ta không thể thấy được. Khí biến ra hữu tướng là nước, lửa, gió; rồi nước, lửa, gió vận hành biến ra vạn vật, đi từ Hồn ngươn khí, Hư vô khí đến Huyền ảnh khí rồi mới biến ra vạn vật, tức là Huyền ảnh khí biến ra như hình vậy.

Khí mà khoa học gọi là Nguyên tử khí (Atome) Nguyên tử khí có năng lực vô biên mà loài người đã đoạt được để dùng, chớ không biết nguyên căn và nguyên tánh của nó đi đến mức nào. Kể từ ngày loài người tìm được nguyên tử chất và dùng được cái Nguyên tử khí ấy là cái khí sanh của vũ trụ, mà họ có biết đâu một ngày kia phàm thể sẽ nương nhờ Nguyên tử khí ấy mà qui nguyên Thánh

Thế. Thử hỏi Đức Chí Tôn cho nhơn loại đoạt Nguyên tử khí ấy để làm chi? Chúng ta cũng nên tìm hiểu cái huyền vi bí mật ấy, mà dầu cho Đạo Giáo nào cũng vẫn còn đương mơ tưởng để kiếm hiểu. Ngày hôm nay Nguyên tử khí dùng để giết người, thì biết đâu sau này nó sẽ là phương cứu tử hườn sanh cho người và nó sẽ đem loài người đến địa vị trường sanh bất tử.

Vì bởi Nguyên tử khí là căn nguyên sự sống của vạn loại, nếu nó đã làm chết được thì nó cũng sẽ làm sống được. Cái khí ấy sanh trước hết là nước, lửa, gió vận hành tạo ra hữu hình là vạn vật, vì có mà con người đối với vũ trụ hình ảnh thế nào thì tạo đoan cũng thế ấy, nên mới lấy Càn Khôn làm Đại Thiên Địa và lấy con người mà làm Tiểu Thiên Địa. Mạng sanh của con người đồng thể cùng Càn Khôn, tức là sự sống phải tương liên với Chí Tôn mà Chí Tôn lại cầm quyền năng vô đối.

Hỏi vậy Chí Tôn tạo ra cái đại nghiệp ấy để cho ai? Để cho Vạn Linh, mà đứng đầu Vạn Linh lại là loài người, mà loài người có hưởng được thì Đức Chí Tôn mới dành cho, **nếu chúng ta một ngày kia hoặc nam hay nữ chẳng hạn, cũng sẽ có một đũa hưởng được cái quyền năng ấy. Đức Chí Tôn lập ra đại nghiệp thì Ngài cũng muốn chúng ta làm được như Ngài, tức là đem Tiểu Thiên Địa đến Đại Thiên Địa.**

Ấy vậy về cơ quan đoạt lấy đại nghiệp, Chí Tôn chỉ dặn chúng ta có một tiếng **Tu**. Tu cho hiện mới hưởng được, nhưng thế gian lại chưa hiện, thế gian còn dử quá thì chừng nào mới đoạt được?."



Nhắc lại bài thi của Chí Tôn nói về chữ Hoà:

Chẳng quản đồng Tông mới một nhà,

Cùng nhau một đạo tức một cha.
 Nghĩa-nhân đành gửi thân trăm tuổi,
 Dạy lẫn cho nhau đứng chữ Hoà.
 Và bài thi chữ Tâm của Đức Phật-Mẫu:
 Gắng-sức trau-dồi một chữ **Tâm**,
 Đạo đời muôn việc khỏi sai lầm,
Tâm thành ắt đạt đường tu vững,
Tâm chánh mới mong mỗi đạo cầm,
Tâm ái nhơn-sanh an bốn biển,
Tâm hoà thiên-hạ trị muôn năm,
 Đường **tâm**, cửa Thánh dầu chưa vẹn,
 Có buổi hoài công bước đạo tầm.

Luat nhân-quả

Thánh-ngôn cũng dạy rằng:

*Biến-chuyển Trời Nam cuộc đảo huyền,
 Trả vay cho sạch vết oan khiên.
 Trường Đời đem thử gan anh-tuấn
 Cửa Đạo mới ra mặt Thánh-hiền
 Đau khổ ráng gìn NHƠN-NGHĨA vẹn,
 Tang thương chờ hưởng huệ ân riêng.
 Non sông Việt-chúng ngày êm lặng,
 Chung sức cùng nhau đức lập quyền*

Bởi lẽ, tất cả đều nằm trong luật vay trả của nhân loại mà thôi. Đức Hộ-Pháp có thuyết về Luật nhân-quả mà chính nhân loại đang chịu trong luật nhân quả ấy, ngày hôm nay “Ông Thầy Trời hát từ màn”. Chắc như vậy! Nên những màn hát hoàn toàn khác nhau, chứ ít khi trùng hợp!



4-Muôn trốn bom nguyên-tử phải chun trong đám đậu nành mà trốn

Đức Hộ-Pháp nói:

“Hôm nay, Bản-Đạo giảng về Luật nhân quả vay trả của nhân-loại trong thời-kỳ Hạ-nguơn hầu mãi bước sang thời kỳ Thượng-nguơn Thánh-Đức.

Các con ráng ấn-nhấn để Ông Trời hát từ màn cho các con coi; các con trông cho đời mau tới, tới chừng tới các con khóc mẹ, khóc cha luôn.

Bản-Đạo nói thật cái quyền năng vô đối của Đức Chí-Tôn một nháy mắt không còn một sanh mạng nơi quả địa cầu này, không cần một tích-tắc đồng hồ, những nhân nào quả ấy trả cho rồi dựng lập đời Thánh-đức mà thôi.

Một ngày kia Trung-Cộng và Căm-bốt (Cambodge) chết không còn một con đở, bởi vì Cambodge nghe lời xúi giục của người ta thành ra phải chết hết.

Các con biết sau này sắc tộc, sắc tộc đánh nhau; Tôn giáo, Tôn giáo đánh nhau. Đài-loan từ Hồng-Kông tản cư qua Việt-Nam trước, bởi vậy người hành ác mà mình theo họ, mình ôm eo ếch họ rồi họ trật chân, sút tay, họ té chết thì mình cũng chết theo họ mà thôi, thành ra người Miên (Campuchia) còn có bao nhiêu giống bên Việt-Nam đó thôi, các con ráng thương giùm họ.

Nói về Trung-Cộng là đứa con cưng của Đức Chí-Tôn, nên Đức Chí-Tôn mới cho Lão-Tử, Khổng-Tử và Mạnh-Tử giảng trần dạy Đạo: làm lành lánh dữ, nhưng **hiện nay Trung-Cộng theo cái thể sắc thủ đắc nguyên tử**, sức mạnh là trên hết, tất cả mòng làm bá chủ hoàn cầu nên phải tiêu diệt.

Các con nhớ rằng: dữ tận hiền thắng, mạnh thua yếu được, nhu-nhược trường tồn “xi cương tắc chiết” nhơn-loại trả quả với nhau, các con chịu cái nạn chung, trả từ đời Hồng-bàng đến giờ. Tổ-phụ ta khi xưa cũng ác tâm lắm, ý mạnh hiếp yếu, diệt chủng những nước yếu hèn nên phải chịu **LUẬT NHƠN-QUẢ** ngày nay.

Bản-Đạo lấy làm mừng cho nước Việt-Nam trả hết món nợ tiền khiên mà Tổ-tiên chúng ta vay từ thuở bị nô lệ, nay không còn nô-lệ nữa. Vậy thời oan trái đã trả xong. Các con để tâm suy nghĩ; ngó thấy ở dưới thế-gian này ai mạnh cho bằng Tàn-Thủy-Hoàng, Thành-Cát Tư Hãn? Có ai mưu sĩ cho bằng Tào-Tháo ?

Còn Đức Thích-Ca, Đức Chúa Jésus-Christ không có một tác thép trong tay để bảo vệ lấy thân mà làm bá chủ hoàn cầu mới là lạ cho chớ !

Hành ác trả ác, hành thiện trả lại thiện mà thôi, “Thiên võng khô khô sơ nhi bất lậu” (tuy lưới Trời lồng lộng mà chẳng lọt một mảy lông) không bao giờ sai chạy.

Bản-Đạo nói ra đây các con ráng mà nhớ: các con đừng có mộng làm giàu cho mắc công; **các con bây giờ sống trên nắp thùng nổ của bom nguyên tử, dù muốn dù không các con phải chịu ăn bom nguyên-tử mà thôi, các con muốn trốn bom nguyên-tử phải chun trong đám đậu nành mà trốn chớ không trốn đâu khỏi hết.**

Sau này nước Việt-Nam còn sống nhiều nhờ biết chạy lạt tu-hành, còn các nước khác chỉ còn sống lư thừa mà thôi vì họ hành ác chạy đua võ-trang giết người hàng loạt, nên Đức Chí-Tôn mới phạt họ.

Năm ngàn năm trở lại đây, biết bao nhiêu Đấng xuống trần dạy Đạo, khuyên nhủ cho người ta biết làm lành lánh dữ, nhưng tánh nào tật nấy, dữ cũng vẫn dữ mà thôi. Họ không có hiền bảo người ta hiền làm sao cho được ?

Trước khi dạy người, ta phải hiền trước để làm gương mẫu; hiền lành trước đi thì người khác mới noi theo, nên Đức Chí-Tôn mở Đạo lấy THƯƠNG-YÊU làm gốc: CÔNG-BÌNH, BÁC-ÁI.

Ngày nào cả nhân-loại trên mặt địa cầu này biết nhìn-nhận Đức Chí-Tôn là Đấng Cha chung thời ngày ấy mới được Hoà-bình vĩnh-cửu.

Tóm lại ai hành ác mặc họ, Tín đồ Cao-Đài ráng lo tu, chạy lạt, đi cúng hằng ngày, phải nhiều thời, nhiều pháp, nhiều kinh, cầu xin Đức Chí-Tôn giảm tội cho họ. Nếu họ biết ăn-năn hối cải mà làm lành lánh dữ, bằng không phải trả giá rất đắt.”

(ĐHP thuyết 15-6-Mậu-Tý 1948)



5-Lý do phải học Đạo:

Học Đạo là luyện TÂM mình tức là luyện nguyên tử để tự cứu mình và cứu người.

Từ bấy lâu nay chúng ta phân tích, chứng minh từng Thể pháp trong cửa Đạo Cao-Đài này đầu đầu cũng có ý-nghĩa là một Bát-quái, là một Thái-cực, có đủ Âm Dương, Tam tài, Tứ tượng, Ngũ hành, là tất cả đều nằm trong định luật sinh tồn của vũ-trụ, chứng minh rằng đây là những tế bào sống, phát xuất từ trong một cơ thể của Chí Tôn, là một sự kết hợp hài hoà với sự sống của trời đất..

Cả Hội-Thánh: Hiệp-Thiên, Cửu Trùng là hai Đài hữu hình hoà hợp với Bát-Quái-Đài của Chí-Tôn hiệp thành ba ngôi. Rồi từ đó Đức Hộ-Pháp mới biến tạo thêm nào là Phước Thiện, Phạm-môn...Nói chung là dù bao nhiêu cơ quan, bao nhiêu thành phần, ban bộ đi nữa cũng là từ những cơ thể hữu vi đều có chứa sự sống, mà khi đã có chứa sự sống thì sự sống này bất diệt với thời gian, tức là nó không bao giờ chết. Vì sao vậy? Vì chính Đức Chí Tôn đã trần Thần vào đó rồi, chính Đức Hộ-Pháp là quyền Chí-Tôn tại thế này cũng đã trần Thần ở mọi nơi, mọi chỗ rồi, nên cái huyền-linh cũng đã có ở mọi nơi, mọi chỗ, tức

là Ngài đã thổi lần sinh-linh-khí vào đó. Nhất định nó không chết, tức nhiên các vị Thần này phải kế tiếp nhau làm nhiệm-vụ giữ gìn cho nó sống mãi với thời gian. Cũng như thân thể ta có sức sống đây là do khí huyết vẫn mãi luân lưu trong trái tim, trong lồng ngực này, nhưng sự sống của con người còn nằm trong cơ thể là còn có hạn định. **Nếu khi sự sống đã hoà nhập cùng vũ trụ là sự sống đó bất diệt, do đó người tu là tạo cho mình một sự sống bất diệt cho linh hồn,** là tạo cho mình được hoà nhập cùng Thượng-Đế, là tạo cho mình hiệp cùng vũ trụ đó. Hiên nhiên là **phải đủ cả ba yếu tố Tam tài** vậy.

Với nền Đại-Đạo này đâu đâu cũng có bàn tay của Thượng-Đế đặt để vào cả, đó là một điều hạnh phúc cho Việt-Nam làm khởi điểm và cho cả nhân loại cùng hưởng nhờ. Là một đặc quyền mà cũng là đặc ân trong cơ Đại-ân xá lẫn ba mà chưa có một Tôn-giáo nào trên toàn cầu này hưởng đáng diễm phúc ấy:

1/-Yếu tố THIÊN:

Đức Hộ-Pháp nói:

Nếu có kẻ hỏi: Hiên đã có Đạo Lão, Đạo Gia Tô, Đạo Thích là ba chánh Đạo, thế thì Tam giáo đã có rồi hà tất phải cần lập Đạo khác mà làm gì ?

- “Nếu nói Đạo thì đã có sẵn từ tạo thiên lập địa. Hễ có Trời tức nhiên có Đạo. Hư-vô là Đạo, Âm Dương là Đạo, trời đất là Đạo, nhơn vật là Đạo.

“Tam giáo là Đạo chánh thuở nay, song bị tay phàm canh cải, càng ngày càng xa Thánh-giáo mà hoá ra phàm giáo. Thượng-Đế lấy làm đau-đớn, hằng thấy nhơn sanh phải bị sa vào tội lỗi, mặt kiếp chốn A-Tỳ, nên nhứt định chuyển Tam giáo Qui nguyên Phục nhứt, chấn hưng Tôn giáo lại cho hoàn-toàn, rồi khêu sáng ngọn đèn

Thiên lương lên để dìu-dắt bước đường cho kẻ có công tu hành mà khỏi phải sa chân lạc bước”

(Chùa Gò Kén: 12-Giêng, Đinh Mão (13 Fevrier 1927)

“Thầy đã lập Đạo nơi cõi Nam này, là cốt để ban thưởng một nước từ thuở đến giờ hằng bị lăm con thạnh nộ của Thầy. Thầy lại tha thứ, lại còn đến ban thưởng một cách vinh diệu. Từ tạo Thiên lập Địa, chưa nước nào dưới quả địa cầu 68 này đáng vậy. Cốt để ban thưởng các con thì các con hưởng phần hơn đã đáng, lẽ nào Thầy đã để phần nhiều cho các nước khác sao!”

“Nền Đạo Cao Đài Đức CHỈ TÔN đến lập, do nơi chơn lý tối cao, chính mình Đức Chí Tôn đến để diệt mê tín dị đoan, Ngài chỉ đem đến nền Đạo chơn chánh này mà thôi.”

Ngày 19 tháng Giêng Đinh Mão (20-2-1927)

Chính Thầy đã đến nói:

“Đạo Trời khai ba lượt, nguồn Thánh độ muôn người, thìn lòng để bước vào nẻo thẳng đường ngay, mà kiếm cho thấu đáo mỗi huyền vi. Tạo Hóa đã sắp bày độ dẫn, nhuần gọi ân huệ cho sanh linh, đương buổi hạ nguơn này.

Ai là khách hữu phần, ai là người vô quả, tánh thiên lương đã vì công lý mà ra tay tế độ, vớt kẻ giữa bến trần, khá biết thời thế lần vào nương dựa bóng Thái Dương, để bước vào con đường minh huệ, tìm suối lặng, non Thần rửa chút bợn nhơ đã vì phong trào mê muội, mà cam chịu lấp kín gót trần.

Ta vì lấy đức háo sanh, mượn giọt từ bi, hội Tam Giáo mà rưới khắp càn khôn, để độ rước những bậc chí Thánh đọa trần, trước kỳ Thiên điều hành phạt.

Họa Âu, tai Á, sẽ vì nơi Thiên thơ mà sát phạt, gieo sâu để thăm cho những giống dân nào đã vì hung bạo mà gây nên điều thán oán khắp cả càn khôn này.

Ai mau bước đặng gặp mới chánh dẫn truyền, mà lần lập công chiết quả, để lánh cả muôn điều phiền não về sau. Chúng sanh khá biết cho!”.

Nay, Đức Hộ-Pháp thay quyền Chí-Tôn lập nền chánh Giáo. Đức Hộ-Pháp nói:

Bần-Đạo may duyên được Đức Chí-Tôn chọn làm Ngự-Mã-Quân của Ngài để thay Ngài lập nền Chánh giáo, tức là nền Đạo Cao-Đài này để thay thế tất cả Tôn Giáo đã có từ trước. Vì lẽ các Tôn-Giáo ấy ngày nay không phù hợp với lương-tri lương-năng của loài người nữa. Hay nói một cách khác là các nền Tôn-Giáo ấy ngày nay đã bị bế.

Đây là Thiên-Thơ đã định “*Khai Đạo muôn năm trước định giờ*”.

Nền Đại-Đạo này tức là Tôn-giáo toàn cầu vậy! Tôn giáo, Ngài vì chủ năm châu hiệp tín-ngưỡng lại, qui nhứt mà thôi với tôn-chỉ: ***Tam-giáo qui nguyên Ngũ chi phục nhứt đó!***

Tuy nhiên những hành động sai trái của con người chắc rằng Thiên liêng không phải không thấy, nhưng Cơ ngưng nghỉ cũng là thời gian phân phàm lọc Thánh đó vậy

Đức Hộ-Pháp khẳng định:

... “Từ Tín Đồ đến Hội Thánh chẳng hề khi nào tiêu diệt nó được, kẻ nào muốn tiêu diệt Đạo Cao Đài tốt hơn đừng sanh ra bởi chẳng hề khi nào muốn tiêu diệt Đạo đặng, khuôn luật vẫn vậy.

Hôm nay Qua giảng một điều thiết yếu cho mấy Em nghe quyền siêu thoát. Mấy em xét coi nơi mình mấy Em từ chân, tay trong xác thân cho tới cả tinh thần đầu óc mấy Em nó đều có linh cảm cả.

Khôn nạn thay! Con người không biết thương nhau mà lại ghét lẫn nhau, mà hễ ghét lẫn nhau tức nhiên ghét Thánh-Thể Đức Chí-Tôn, nếu ghét Thánh Thể Đức Chí Tôn rồi, thì ngày Qua về cảnh Thiên Liêng đứng trước Cực Lạc Thế Giới, mấy em chẳng hề khi nào chối tội đặng. Nếu mấy em thương nhau không được thì không được phép ghét nhau.”

(Đền Thánh, đêm 29 tháng 10 năm Quý Tỵ)

2/-Yêu-tố ĐỊA:

a/-Việt-Nam là Thánh-Địa:

Chính đây là một nền tảng quan-trọng về vật-chất nữa, là đất nước Việt-Nam:

Toàn dân Việt-Nam có chung một niềm kiêu-hãnh về dân-tộc, về đất nước. Vì đất nước Việt-Nam thân yêu của chúng ta có những nét đặc thù khả kính.

Lời tiên-tri của Thầy là:

“Một nước nhỏ-nhoi trong Vạn quốc,

“Ngày sau làm chủ mới là kỳ”.

Tuy nhiên cũng nên điểm lại trên thực-tế Việt-Nam có được những yếu-tố nào mà được chọn là nước CHỦ của Vạn quốc trong kỳ Thượng-nguơn Tứ chuyển? Vì sao nước Việt Nam được gọi là Thánh-địa?

(Ghi lại từ Dịch-ly Cao-Đài I. Sự lập lại cũng vì tinh thần giáo dục và niềm kiêu hãnh về đất nước mà thôi)

Xét về ba phương-diện:

*** Về mặt triết-ly văn-minh:**

Nước Việt-Nam thọ ba ảnh-hưởng của ba nền Tôn giáo: Thích, Đạo, Nho từ Ấn-độ và Trung-hoa truyền sang. Ba nền Tôn-giáo ấy đã được đồng-thời phát triển dưới thời nhà Lý và nhà Trần bằng sự bình-đẳng của ba nền Tôn giáo nói trên.

Kịp đến khi văn-minh Âu-châu tràn vào thì Việt Nam lại được hưởng thụ thêm nền văn-minh Cơ-đốc-giáo nữa. Như vậy, Việt-Nam là mảnh đất gieo Đạo giáo từ lâu; và lại Việt-Nam ít tạo oan báo, nên nghiệp quả của nó cũng nhẹ nhàng. Việt-Nam có đủ điều-kiện để làm cơ qui nhứt toàn thế-giới vì lý-do ấy.

*** Xét về hình thể địa-lý thiên-nhiên:**



Việt-Nam nằm vào vị-trí đặc biệt của Á-châu, mà Á-châu lại nằm vào vị trí trung-tâm của quả đất và Á-châu là châu lớn nhất thế giới. Châu Á thuộc sắc da vàng, theo lý của Ngũ-hành thuộc Thổ, mà Thổ chính là ở trung-ương.

Việt-Nam là cửa ngõ để tiếp nạp các luồng tư tưởng từ Đông sang Tây cũng là cửa ngõ để phòng-vệ đất nước cho các giống dân miền Đông Nam châu Á.

*** Xét về hình thể địa-lý huyền-bí:**

Việt-Nam có con sông dài vào bậc nhất thế-giới tất sẽ tạo nên linh-khí thiêng-liêng. Linh-khí ấy tạo nên Long mạch Cửu-Long và dãy Thất-sơn nơi Châu-đốc đó vậy.

Miền Nam là nơi đất mới khai-khẩn nên những quả báo chưa gây nhiều, lại có luồng nước nóng và nước lạnh từ các miền đại-dương hòa-hợp để tạo nên một khí-hậu điều-hòa.

Tóm lại, Việt-Nam có đủ điều-kiện: Thiên, Địa, Nhân tức là Tam tài để đứng ra chủ trương một mối Đại-Đạo.

Tam-tài ứng với lý Tam ngôi. Tam ngôi ba điểm đều vẹn thì làm chủ thiên-hạ là lẽ thường chớ có gì đâu khác lạ! Nhưng Thầy cũng thường dạy rằng:

“Làm chủ đây là chủ về tinh-thần chớ không phải mang binh hùng tướng mạnh đi chiếm đất như các con làm tướng. Cái chủ tinh thần mới trường-cửu, còn làm chủ theo thói đời thì nó lỏng-lẻo, bấp-bênh nào có bền chắc, nào có nghĩa lý gì!”

Cái lý Tam ngôi như thể biến sanh Tam-giáo, Tam nguơn, Tam bửu...Số Tam là chu-kỳ của trời đất để thực hiện cơ vận chuyển hóa sanh, qui hợp.”

Việt Nam cũng là một Bát-quái Đồ thiên có đầy-đủ các con số ấy, tức nhiên là một Thái-cực-đồ trọn vẹn.

b/-Việt-Nam là một Quốc gia Thiên định:

Với đất nước Việt-Nam đã có đủ yếu tố Âm Dương như trong một cơ thể con người toàn vẹn. Nhờ Việt-Nam được kết tinh tú khí Âm Dương điều hòa mới được đứng vào hàng địa linh. Khi đã là địa-linh tất nhiên xuất nhân-khiết.

Việt Nam là một Thái cực đồ chia hai phần rõ rệt:

- Phần đất liền là Thái Dương
- Phần biển là Thái Âm.

Trong đất liền có biển Hồ (thuộc Cambodge) là nước trong đất tức là Thiếu Âm.

Trong biển có đất (đảo Hải Nam ở Trung-Hoa là đất trong nước) là Thiếu Dương.

Như vậy bốn yếu-tố trên hợp thành Tứ tượng:

Giữa dãy đất có núi Ngũ hành-sơn (số 5) để định cái tâm của vòng tròn tạo thành một Hậu-Thiên Bát-Quái mà núi này đứng vào ngũ trung. Việt Nam là một Thái Cực Hoàn đồ.

*Miền Bắc có Thăng Long thành (kinh đô nhà vua)
*Miền Trung có Cố-Đô Huế (kinh đô nhà Nguyễn)
*Miền Nam có Tòa-Thánh Tây-Ninh là (Thiên-triều của Thượng-Đế).

Ba kinh-đô này đã chấm đậm 3 nét Dương hùng-vĩ lập thành Tam Tài (Thiên Địa Nhân) là quẻ CÀN ☰ càn vi thiên (Càn là trời). Chính vì vậy mà Đức Chí-Tôn mới mở cho Việt-Nam một nền Vương Đạo lấy Nho-Tông chuyển thể. Hơn nữa bờ biển Việt-Nam chạy suốt từ Bắc đến Nam như một gạch đứng xuyên qua Quẻ Càn ☰ biến thành chữ VƯƠNG 王 mà thành chữ Chủ 主 vì nơi Tòa-Thánh Tây Ninh ở miền Nam Việt-Nam, do Đức Chí-Tôn ngự là một Thiên triều của Thượng-Đế, có một CHỦ quyền, tức nhiên Việt Nam là một quốc gia thiên định, như lời Ngài có tiên tri từ thữ:

Trong đất nước Việt-Nam còn có nhiều thắng cảnh nổi tiếng, đó là:

Châu-Đốc có **Thất Sơn là 7 núi**; đối với người là thất khiêu dương ở mặt, người tu biến thất tình thành Thất khiêu sanh quang để suốt thông trời đất.

Miền Nam có Cữu Long giang, phát-nguyên từ ngọn núi cao nhất thế giới là nguồn phát xuất, là dãy Hy Mã Lạp Sơn (Hymalaya) đổ ra sông Hoàng-Hà chảy dài từ Ấn độ, Trung-Quốc qua Lào, Miên, rồi ra 9 cửa tạo thành Cữu-Long-giang chín khúc, đối với người là *Cửu khiêu* (Do 7 khiêu ở trên mặt và hai khiêu ở hạ bộ hợp lại là 9).

Địa thế miền Nam Việt-Nam như một mình rồng uốn khúc, dài từ mũi Cà-Mau đến ải Nam-Quan thật linh động. Thế đất Việt-Nam là một con Rồng khi ẩn khi hiện có đỉnh đầu là dãy Thất Sơn (Châu Đốc) có hai mắt là núi

Dương đông (Phú-Quốc) và núi Thạch Động Hà-Tiên, vùng Cần-Thơ có miệng là các cửa sông Cửu Long, có chót lưỡi là núi Côn lân (Côn Đảo). Chấm đậm 12 huyết sáng-suốt, 6 huyết chánh, 6 huyết phụ và huyết trung ương là huyết hội các huyết, mà số 12 huyết lại thuộc về Tâm điền-huyết, cho nên khiến các hạng dân trong nước lần lần xu-hướng vào đường đạo hạnh. Các huyết vừa kết tụ thì các Tôn-giáo, giáo-hội lần lần phát triển, nhân dân mở rộng tâm thiện biết hướng về đạo pháp, biết tín-ngưỡng tu trì. Dân Việt-Nam theo thời cơ thiên-định, tinh-thần rất thông-minh, tài trí, đức hạnh; các hồn linh chuyển kiếp làm con người trong nước, vì mảnh đất Việt-Nam được coi như là một thí điểm. Nam phần Việt-Nam là nơi địa huyết, thích-hợp với sự tiến hóa của các linh-hồn ấy. Cho nên các linh hồn tốt đẹp, ưu tú khắp nơi hội hiệp tại Nam phần Việt-Nam do luật trời biến động “*nguồn ân thánh triết*” lâm phạm sẽ thu các linh hồn ấy vào hàng Môn Đệ của Đức Thượng Đế đúng vào địa-cầu này vậy: Quả đúng như lời tiên-tri của Đức Chí-Tôn về Thượng Nguơn Thánh Đức. Nói đúng ra Việt-Nam là một Thái-cực-đồ trọn vẹn. Việt-Nam là Thánh địa trong toàn thế giới.

c/-Đền Thánh Cao-Đài đặt trong vùng Thánh Địa Việt-Nam

Ngôi Đền Thánh ở tại Tòa Thánh Tây ninh rất nhiều kỳ bí, huyền diệu, nhiệm mầu:

Những sự kỳ diệu của Tòa Thánh:

Tòa Thánh Tây Ninh là một công trình kiến trúc vĩ đại và kỳ-diệu của Đạo Cao-Đài. Nó kỳ diệu về phương diện vị trí xây cất, kỳ diệu về kiểu cách hình dáng và kỳ diệu về phương pháp kiến trúc.

*Kỳ diệu về vị trí xây cất:

Tòa Thánh được cất ngay trên cuộc đất Lục Long Phò Ân. Đó là Thánh địa, là đất linh trổ sanh các bậc Phật, Tiên, Thánh, Thần, là nơi mà Thượng Đế lựa chọn để làm Đền thờ cho Ngài đến ngự. Tức nhiên Đức Thượng-Đế có cho biết đây là Bạch-Ngọc-Kinh tại thế. Qua bài thơ sau

Tân tả Bạch-Ngọc-Kinh:

*Một Tòa Thiên các ngọc lâu lâu,
Liên bắc cầu qua nhấp nhóa sao.
Vạn trượng then gài ngăn Bắc Đẩu,
Muôn trùng nhịp khảm hiệp Nam-Tào
Chư Thần chóa mắt màu thường đối,
Liệt Thánh kinh tâm phép vẫn cao.
Dồi dồi chớp giăng doanh đồ nổi.
Vững bền muôn kiếp chẳng hề xao.*

b/- Kỳ diệu về kiểu cách hình dáng:

Bởi vì Đức Chí Tôn có nói: Đức Lý Thái Bạch cất Tòa Thánh theo kiểu vở của Thiên đình.

Kiểu cách hình dáng của Tòa Thánh là một sự phối hợp hài hòa về văn minh kiến trúc của các nền Tôn giáo lớn trên thế giới.

Khi mới thoát nhìn vào Tòa Thánh, chúng ta thấy nổi bật 2 lầu chuông, trống cao chót vót, tương tự như những tháp chuông của các nhà thờ Thiên Chúa giáo. Ở giữa 2 tháp có tượng Đức Phật Di-Lạc ngự trên nóc với những mái ngói đỏ cong cong chập chùng, tương tự như kiểu dáng của các chùa Phật giáo Trung Hoa.

Nghinh Phong Đài thì bên dưới hình vuông, bên trên hình tròn, chóp tròn, có dáng như những cái tháp của những ngôi Đền Á Rập của Hồi giáo. Ngoài ra còn gọi cho chúng ta hình ảnh Trời tròn Đất vuông, là nơi chứa một kho tàng Vũ Trụ Quan về Kinh Dịch của Nho giáo. Đây là nền tảng cho các nhà Dịch học nghiên cứu sâu vào các con

số về kích thước của Tòa Thánh, những cách thức bày trí bên trong, sẽ thấy được những điều kỳ diệu bất ngờ trên những phương-thức về Nho, Y, Lý, Số.

Hình dáng **Bát Quái Đài** chính là Bát Quái Đồ của Đạo Tiên và trên nóc Bát Quái có 3 pho tượng của 3 vị Phật mà Đạo Bà-La-Môn tôn thờ. Nơi đây là sự phối hợp hài hòa của hai nền triết lý Đông Tây, cổ kim hân hữu.

Trong Cửu Trùng Đài có 9 cấp bậc từ thấp dần lên cao, giống như 9 bậc phẩm của quan lại trong triều đình Vua chúa theo Nho-giáo thời xưa ở nước Trung Hoa. Tất cả những hình thức trên thể hiện rất rõ tôn chỉ của Đạo Cao Đài là: Qui nguyên Tam giáo Phục nhứt Ngũ Chi.

* Kỳ diệu về cách thức kiến trúc:

Bởi vì sự tạo tác Tòa Thánh không giống với bất cứ một công trình xây dựng lớn lao của người đời. Thông thường, trước khi xây dựng một công trình to lớn nào, người đời phải nhờ kiến-trúc-sư vẽ kiểu dáng tổng quát, những sự trang trí chi tiết, nghiên cứu nền móng và những kết cấu bê tông, tính toán chọn lựa các thứ vật liệu xây dựng đúng chất lượng cần thiết...rồi phải xin phép cơ quan nhà nước cấp phép xây dựng.

Đối với Tòa Thánh Tây Ninh, Đức Hộ-Pháp xây dựng không có một đồ án chi tiết nào vẽ ra trên giấy hết, cũng như không có sự tham dự của một kiến-trúc-sư hữu hình hay một công ty xây dựng nào, cũng không có một thứ máy móc nào giúp đỡ, chỉ toàn trông cậy vào hai bàn tay với sức lực của con người không chuyên môn. Những người thợ nam nữ làm không lãnh tiền công, ăn chay trường với cháo rau đạm bạc và đặc biệt phải lập thệ là không được cưới vợ hay lấy chồng trong suốt thời gian xây dựng Tòa Thánh, để có đủ Âm Dương tinh khiết trong việc xây dựng Đền thờ, cũng không xin phép xây dựng với

một Chánh quyền nào hết. (Tương tự như khi lập Tờ Khai Đạo), bởi vì đây là mỗi Đạo Trời, mỗi Đạo của Thượng Đế, chỉ có Thượng Đế cho phép mà thôi.

Đức Lý Thái Bạch giảng cơ dạy Đức Hộ-Pháp về vị trí xây cất Tòa Thánh, về kích thước tổng quát: bề dài, bề ngang, bề cao. Đức Hộ-Pháp cứ theo đó mà chỉ bảo lại cho công thợ làm, chỉ tới đâu làm tới đó, không biết gì thêm. Hết phần đó rồi, Đức Lý Giáo-Tông giảng cơ dạy tiếp, hoặc Đức Hộ-Pháp ban đêm xuất Chơn thần đi lên gặp Đức Lý để nhờ Đức Lý chỉ dạy trực tiếp, hay Đức Hộ-Pháp vào Bạch Ngọc Kinh quan sát tỉ mỉ kiểu vở, ghi nhớ để về bắt chước làm giống theo. Làm như thế suốt trong sáu đợt, công trình mới hoàn tất. Tòa Thánh trở thành một kỳ quan về kiến trúc của nước Việt Nam.

Sau khi xây dựng Tòa Thánh xong, Ban Kiến Trúc mới đo đạc kích thước, vẽ lại họa đồ kiến trúc Tòa Thánh theo đúng qui định của khoa Đại học Kiến trúc ngoài đời. Tòa Thánh Tây Ninh là một công trình kiến trúc độc đáo, duy nhất, có sự phối hợp giữa Trời và Người, Thiên khiến Nhơn tạo, nên được mệnh danh là Bạch Ngọc Kinh tại thế, xứng đáng tiêu biểu cho nền Đại-Đạo của Đức Chí Tôn Thượng Đế cứu thế kỳ ba đến bảy trăm ngàn năm..

Thế nên Tòa Thánh là một nơi rất thiêng liêng huyền diệu, hấp dẫn được các bậc chơn tu khắp nơi trên thế giới đến chiêm ngưỡng và lễ bái. Quý vị này, sau khi Thiên định trong Tòa Thánh một khoảng thời gian ngắn để dùng huệ nhãn quan sát sự thiêng liêng của Tòa Thánh, họ đều nhìn nhận rằng hồng ân của Thượng Đế bao phủ đầy đủ Tòa Thánh và diễn lành từ cõi thiêng liêng ban rải xuống cho Tòa Thánh liên tục không ngớt, như sương sa. Tất cả đều hơn hẳn các Tòa Thánh khác làm Đền thờ Đấng

Thượng Đế trước đây như ở Jérusalem, ở La Mã, hay ở Tây Tạng.

d/-Chương trình xây cất Đền Thánh:

Lập lại lời Đức Lý Đại Tiên dạy ngay từ lúc khởi đầu rằng:

“Phải cất Thánh-Thất cho xong y như lời dạy, chớ Đạo hữu phải hiệp sức nhau dựng lập thành Tòa-Thánh, chỉ chỉ cũng ở tại Tây-ninh này mà thôi. Vì là Thánh Địa. Và lại phong thổ tốt cho nhiều nước ngoại quốc đến đây học Đạo. Lão muốn nơi khác mà Chí-Tôn không chịu.

Thượng-Trung-Nhứt, phải làm thế nào chừa đất dư ra ít nữa là 50 mẫu là trọn cả bản đồ Bạch-Ngọc-kinh và cho đủ Thánh-địa ấy. Hiền hữu đi chọn đất về cho Lão hay, cầu khẩn Chí-Tôn nghe!” (19-01 Đinh-Mão)

Thầy dạy tiếp:

“Các con nghe! Nơi nào Thầy ngự thì nơi ấy là Thánh Địa. Thầy đã ban cho Thần Hoàng Long-Thành thăng lên chức Văn-Xương vào trấn nhậm làng Hiệp-ninh dạy dỗ dân vô Đạo. Thầy ban tặng quyền thưởng phạt đáng răn làng ấy cho đến ngày chúng nó biết ăn-năn cải hối. Vậy thì làng Long-Thành các con khá an lòng.

Còn Tòa-Thánh Thầy muốn để cho có nhơn lực hiệp cùng Thiên ý là hạnh của Thầy, các con nên xem gương mà bắt chước. Từ khi Thầy đến lập Đạo cho đến giờ Thầy chưa hề một mình chuyên quyền bao giờ. Các con lựa chọn nơi nào mà Hội-Thánh vừa lòng thì là đẹp lòng Thầy. Các con phải chung hiệp nhau mà lo cho hoàn toàn Tòa-Thánh, chỉ chỉ cũng tại Tây-ninh này mà thôi”.

(Ngày 20-01 Đinh-Mão)

e/- Đức Hộ-Pháp nói về sự huyền linh:

(Đền Thánh, ngày 8 tháng giêng năm Đinh Hợi (1947))

“Ngày nay đã dờn quả Càn Khôn về Đền Thánh, Đức Chí Tôn đã ngự nơi Ngai của Ngài, chúng ta nên mừng cho nhơn loại được ảnh hưởng nơi Đền Thánh này mà tiến hóa mãi lên.

Đền Thánh kể từ đây không còn ai xem nó là vô, cát, xi măng nữa, mà là một khối Đức-tin của toàn con cái của Đức Chí Tôn đã tượng nên hình vậy.

Nhờ những bàn tay khéo léo của mấy em, mấy con, thợ hồ, thợ mộc đã chịu đói rách khổ cực hơn 10 năm trường mới dày công đào tạo nên. Từ đây một sắc dân nào có đủ Đức tin nơi Chí Tôn là Chúa Tể vạn loại thì dầu ở nơi phương trời nào, họ sẽ hướng về Đền Thánh mà cầu nguyện hàng ngày hàng giờ để mong hưởng phước lành của Ngài.

Đền Thánh làm xong, nền Đạo đã vững vàng, chúng ta sẽ dẹp hẳn cái bạo tàn của đời để dịu dặt như loài đi vào con đường gây dựng lại trật tự hòa bình cho cái năng lực Nhơn Nghĩa, chúng ta sẽ đem hạnh phúc lại cho thiên hạ trong buổi chuyển thế này.

Chúng ta nên mừng vì nhơn loại sẽ nhờ khối đức tin của chúng ta mà hưởng ân huệ của Đấng Chí Tôn.

Bản Đạo nhắc lại, Đức Chí Tôn đã hứa với con cái của Ngài những gì ngày nay chúng ta đã thấy, Ngài cho chúng ta y theo lời hứa. Bản Đạo đứng tại tòa giảng đây chứng chắc như thế, bởi những công nghiệp phi thường tạo thành trong thời gian qua để làm bằng chứng.

Vì quốc dân Việt Nam ta còn kém đức tin nơi Ngài, nên cơ quan cứu khổ để giải thoát cái ách nặng nề của chúng ta phải còn muộn màng đến ngày nay, mà trước mắt chúng ta còn thấy cái thảm trạng tương tàn tương sát rất đau đớn thương tâm, phải chi quốc dân ta tin thử và cầu

nguyện thử đi, rồi coi Đức Chí Tôn sẽ cho chúng ta y như lời hứa không”!

f/-Toà thánh nơi Thiên đình:

Tất cả nhân sanh đều rõ biết Đền Thánh này là tượng cho Bạch-Ngọc-kinh tại thế, thì tức nhiên nó cũng phải có một cái gì gọi là tương đương với Bạch Ngọc Kinh trên trời tức là Ngọc-Hư-Cung Linh Tiêu Điện, mà Đức Hộ-Pháp có dịp diện kiến rồi:

Đức Ngài nói:

“Kỳ trước Bản-Đạo điều-dẫn chư Hiền Hữu vào Linh-Tiêu-Điện (Ngọc-Hư-Cung). Ngày nay Bản Đạo giảng tiếp khi vô Linh-Tiêu Điện.

“Lúc mới tới ngoài, chúng ta ngó thấy lầu các nguy nga, Bản-Đạo có nói dầu cho vị Kiến-trúc-sư nào mà ngó thấy nó rồi thì mơ-mơ mộng-mộng hoài, mơ-mộng cái vẻ đẹp ấy, sợ tới điên chết mà thôi, không thể gì tưởng-tượng được cái đẹp cái khéo của nó dựng.

Lầu các cát bằng ngọc muôn hình ngàn tượng, hễ chúng ta muốn tưởng-tượng cái gì thì có hiện-tượng ra cái nấy, quyền-phép vô biên của Đức Chí-Tôn từ trước đã thành tượng, nó là vạn pháp thành hình, nó huyền-diệu vô biên vô đối, không thể gì tả được. Khi chúng ta bước vô dóm lên thấy càn-khôn vũ-trụ minh-mông đại-hải, chúng ta thấy từ trên dài tới dưới, một triều-chánh không có miệng lưỡi nào tả cho được, oai-nghiêm huyền-bí làm sao đâu ! Trên hết chúng ta ngó thấy Đức Chí-Tôn ngự với cái triều-nghi của Ngài là Huỳnh-Kim-Khuyết (Lát nữa Bản Đạo sẽ tả cái hình ảnh của Ngài).

Nơi Huỳnh-Kim-Khuyết trên đầu của Ngài nơi xa xa chúng ta thấy vọi vọi, xa nữa chúng ta thấy ba vị Phật

mà hiện giờ ta thấy tượng hình trên nóc Bát-Quái-Đài là Brahma Phật, Civa Phật và Christna Phật.

Ngự trên nữa, xa hơn nữa cao vọi-vọi xa-xăm hơn nữa chúng ta không thể gì tưởng-tượng được. Con mắt mình ngó thấy như một đạo hào-quang chớp nhoáng mà không có hình-ảnh gì hết, chiếu-diệu trên cái triều-nghi của Ngài là Huỳnh-Kim-Khuyết, mà dưới Huỳnh-Kim Khuyết là Cửu-Phẩm Thân-Tiên đương ngự triều với Đức Chí-Tôn, oai nghiêm, chúng ta không thể gì tưởng-tượng được.

Oai-nghiêm huyền-bí làm sao, làm sao! Không miệng lưỡi nào tả hình ảnh ra được. Nếu may duyên mà chúng ta đoạt Pháp đăng, đoạt-vị đăng, thì dầu chúng ta hàng phẩm dưới cũng không cần gì mơ-mộng tưởng-tượng gì hết, Pháp-thân của chúng ta cũng đến mức đoạt-vị đăng. Còn nếu chúng ta dòm lên thì thấy địa-vị của chúng ta không thấm vào đâu hết, mà hể dòm lên cao nữa mà so sánh thì địa-vị chúng ta không có nghĩa lý gì hết.!

Còn nếu chúng ta bị dọa thì hại thay, khổ thay, đau-đớn thay, chúng ta thấy cái Triều-nghi xa tuốt mùt khỏi con mắt ta rồi nó biến mất. Chúng ta thấy đứng bơ thờ, không biết thân hình đến mức nào hay địa-giới nào, hay mình đến đâu, chỉ đứng đó mà chịu một tấn-tuồng thảm khổ vô đối. Hại thay, cả tội tình đều hiện ra trước mắt chúng ta không thể gì chối cãi được, đứng chịu một cách thảm khổ, mình xử lấy mình, hể xử rồi thì từ từ hạ lần xuống cho tới cửa trần-gian, ấy là cửa Phong-đô đó, chúng ta tự-xử chúng ta đó vậy.

Bây giờ luật triều-nghi của Cửu-Phẩm Thân-Tiên chúng ta ngó thấy khi chúng ta may duyên lập được một địa-vị khả quan, đừng suy đoán, chúng ta sẽ thấy các

Đấng ấy cao sang vinh-hiến đường đó. Có nhiều Đấng đến gần Đức Chí-Tôn xấp-xỉ cùng Đức Chí-Tôn cao sang vinh hiến đường ấy, họ đã đoạt đăng huyền-bí mà chúng ta ngó thấy những vinh-quang đều hiện ra một chữ khổ. Các Đấng ấy lập vinh-quang cao trọng là thắng khổ đó vậy. Họ đoạt được cái quyền-năng vi-chủ của họ mà cái khổ muôn triệu vô số trong kiếp sanh của họ, họ đã chịu mà lập-vị vinh-quang. Chính mình ngó thấy ngay Đức Chí Tôn thấy chữ khổ mà Ông là càn-khôn vũ-trụ, bởi vì Ông có quyền-năng vi-chủ cái khổ của chúng ta, tưởng-tượng lại coi cái khổ tại sao thắng hơn mình? Tại sao mình không thắng nó nổi? Xét đoán là tại mình không đủ can đảm, không đủ tinh-thần chịu khổ, sợ khổ rồi không biết vi-chủ cái khổ”. (Con đường Thiêng-liêng Hằng sống)

Yếu tố tam tài rất quan trọng, tuy nhiên trong ba yếu tố này duy chỉ yếu-tố về Nhân là yếu thiết hơn cả. Vì sao? Vì hai phần Thiên và Địa thì Đức Chí-Tôn đã toan liệu, sắp sẵn đâu đó. Chỉ có ở con người phải tự chúng ta chuyển cái tâm cho phù hợp với vũ trụ, với đất trời là được toàn vậy. Các vị Thánh nhân đã nói:

Thiên thời, địa lợi đôi điều sẵn,
Chỉ thiếu hoà Nhơn để hợp quần

3/- Yếu-tố NHÂN:

Trước khi làm Môn đệ, Đức Chí-Tôn đã chọn lựa cả rồi, đã tắm rửa từ xác đến hồn cho người được trong sạch cả rồi.

Vì sao ta dám khẳng định?

Bởi Chí-Tôn đã chuẩn bị ngay từ buổi ban đầu:

Khi một người muốn làm Môn đệ của Chí-Tôn phải lập Minh thệ. Hỏi khi đã thệ như vậy mà chúng ta giữ đúng có được thặng vào Tam thập lục thiên không? Tất nhiên phải có! Còn nếu phạm tội có bị xử phạt không?

Nhứt định cũng có! Vì đây là Thiên điều, là luật. Đối với Pháp-luật đời khi đã ra lệnh, ra án rồi mà người công dân có phạm tội thì Toà án chẳng lẽ không xử nghiêm minh! Huống chi đây là Thiên luật! Mặc dầu Đức Chí-Tôn không bao giờ phạt, không bao giờ giết, mà còn yêu ái vô tận vô biên, nhưng vì người không chịu làm một đứa con ngoan để xứng đáng hưởng sự yêu ái ấy, chứ nào phải Chí-Tôn thương riêng hay ghét riêng một đứa con nào!

Điều này tất nhiên Chí-Tôn khởi ở con người, chuẩn bị ngay từ khi còn là trứng nước kia mà. Ngài cũng đã nói rằng:

(Dimanche 30 Mai 1926. 19 tháng tư (Bính Dần))

Thầy chẳng hiểu thế nào chư Môn đệ ám muội đường ấy?

"Chiêu kỳ trung độ dân hoài sanh" là nghĩa gì?

Dầu cho trẻ con trong bụng cũng phải độ; sao các con lại đuổi thiện nam tín nữ?

Rồi Thầy còn ân cần nhắc nhở tiếp:

Dạy trẻ con toan trước dạy mình,

Cải công giáo-hoá cũng đồng sinh.

Đạo Đời tua biết Đời rằng trọng,

Một điểm quang minh một điểm linh.

Nghĩa là sắp nhỏ của con dạy sau cũng nên người ở đời. Ấy là Đời. Nếu biết trọng Đời thì gắng dạy nó nên hiền. Một điểm quang minh là một hồn người; là vật tối linh của Thầy trân trọng. Nếu con muốn làm lành thì gắng dạy mấy hồn ấy đặng hiền (Lời giải hai câu thi sau)

(Thánh ngôn I/ 10)

Tức nhiên làm bậc cha mẹ của con cái, thì chính người làm cha mẹ phải hiểu biết trước, phải tu học trước để rồi dạy dỗ cho con cái nên người hữu dụng, đạo đức, nhân nghĩa hoàn toàn. Đây là một quyết tâm.

Nhưng khi nhập vào trường của Đức Chí-Tôn là phải hứa, phải thề. Nghĩa là không dám lơ-là khi đứng trong lòng Thượng-Đế.

a/-Người Cao-Đài lập minh thệ:

Lời Minh thệ tức là lời hứa cùng với Thiêng liêng, với Chí-Tôn không bao giờ dám sai lời.

"Lời Minh thệ đối với vô vi là Luật Thiên-điều rất quan hệ cho Chức-sắc Thiên-phong, Chức Việc, Bàn-trị-sự cũng như lời Minh thệ của người mới nhập môn cầu Đạo là lời hứa trọn vẹn tín thành cùng các Đấng Thiêng-liêng và Hội-Thánh "không dối dạ dối lòng". Nếu giữ tròn lời Minh thệ cho đến ngày thành công đắc Đạo được ghi tên vào Tiên-tịch, nhược bằng trái lại thất thệ vì "lòng một dạ hai" thì rất uổng một kiếp sanh may duyên gặp Đạo".

Tính cách quan trọng của lời Minh thệ:

Vì tầm mức quan trọng của lời Minh thệ đường ấy nên Hội Thánh lúc nào cũng ân-cần nhắc nhở.

Đến khi lâm chung bài Kinh cầu hồn khi hấp-hối có câu này và chính đây là sự quyết-định do lời Minh-thệ:

Ở, Tên họ ...Thành tâm cầu nguyện,

Nguyện Chí-Tôn linh hiển độ sanh.

Ấn-nấn sám hối tội tình,

Xét câu Minh thệ gởi mình cõi thăng.

Lời Thầy cũng dạy bảo trong buổi khai Đạo rằng:

"Chư Môn-đệ đã lập Minh Thệ rồi, ngày sau tùy Âm chất mỗi đứa mà thăng, hay là tội lỗi mà giáng, song buộc mỗi đứa phải độ cho đặng ít nữa mười hai người".

(TNII/12)

Bởi Cao-Đài Đại-Đạo ngày nay Đức Chí-Tôn có dạy rõ: trên có Tam thập lục Thiên (36 tầng trời), dưới có Tam Thập Lục động (36 cõi đất) đó là tượng trưng hai cảnh đọa thăng của con người. Vì vậy mà lời Minh thệ có

36 chữ. Điều ấy chứng tỏ rằng ai giữ đúng chơn truyền của Đại-Đạo thì đường Tiên thông-thả:

Ba mươi sáu cõi Thiên-tào,

Nhập trong Bát-quái mới vào Ngọc-Hư.

Còn nếu người nào thất thế với Đức Chí-Tôn thì Tam thập Lục Động lại mời.

Đức Hộ-Pháp cũng nói:

“Về phần Môn-đệ của Đức Chí-Tôn từ buổi đem thân vào cửa Đạo, trong lúc Nhập môn đã quì trước Bửu điện có Bàn Ngũ-Lôi mà lập Minh thế. Vậy mà:

Than ôi! Cho những người thế như vậy mà cũng không để trọn Đức tin nơi Đức Chí-Tôn lại thôi bước ngã lòng, cởi áo Đạo đẹp khăn tu, mong mỗi xu-hướng theo con đường tục lụy, cho nên mới gây ra con đường lẩn sủng mũi dạn ngày nay.

Vậy thì ai là người thất thế với Chí-Tôn thì phải sớm thức tỉnh tâm hồn, ăn-năn sám hối cầu xin Đại-Từ Phụ cùng các Đấng Thiêng-Liêng Từ bi ân xá tội-lỗi tiền khiên thì họa may được chung hưởng ân huệ của Chí-Tôn ban cho sau này” (ĐHP: 15-9 Bính-Tuất 1946)

Do đó mà phải xét mình trước khi vào Đạo để chính mình nhận định cho kỹ, hầu tạo cho được Đức tin và sự chí thành. Kinh có dạy: “Đạo gốc bởi lòng thành tín hiệp”

Khi vào Đạo rồi tự mình nâng cao phẩm giá mình vào lối cao thượng. Cao thượng hơn người thường hơn còn nhiều hèn kém và lao khổ này.

b/-Trong các bí-pháp có mẫu nhiệm đặc Đạo,

Pháp-Chánh-Truyền có dạy rằng:

...Nhờ Ngài và Hội-thánh cầu khẩn, Thầy mới giảng bút truyền các Bí-pháp ấy cho Hộ-Pháp:

“Mừng thay cho nhân loại chút ít rồi. Hội-Thánh chơn truyền Tân pháp đã đạt đẳng như phép “Giải-oan”,

phép “Khai sanh môn”, Ban Kim quan...lại còn nhiều Bí pháp nữa mà Hộ-Pháp chưa có lệnh truyền và lại bị chúng sanh và Hội-Thánh còn mờ hồ không nạp dụng. Ngày nay chẳng biết các Đấng Thiêng-liêng và chư Thần, Thánh, Tiên, Phật tại Bát-Quái-Đài đã thọ lệnh của Thầy mà hành pháp vì thuộc về quyền hành của các Đấng ấy; ngày nay mới tính sao? Trong các bí-pháp có mẫu nhiệm đặc Đạo, bây giờ các Đấng ấy cho hay là không? Thảm!...Cười. Nếu Lão có phương chính đốn nền Đạo lại thì đẳng, bằng chẳng vậy, thì không có một người đặc Pháp, Cửu Trùng Đài cũng đã yếm quyền Bát-Quái-Đài mà chớ! Thật vậy đó chút”

c/-Đạo mở tức là Cơ Đại-Ân-xá của Đức Chí-Tôn:

Ngài Bảo-Đạo Hồ-Tân-Khoa có nói:

“Người mới Nhập môn vào Đạo Cao-Đài lập Minh thế thì đẳng hưởng hồng-ân là thọ phép Giải oan. Phép này rửa sạch tội tiền khiên của mình từ trước.

Phép này cũng là một Đại Ân xá những tội tình, nhưng từ ngày Nhập môn về sau thì phải gìn giữ đừng gây thêm tội mới cho đến ngày chết tức là ngày trở về với Đức Chí-Tôn (Đại-Từ-Phụ) thì được nhẹ nhàng rất nhiều rồi.

Ngoài Bí-Pháp giải-oan này Đức Chí-Tôn còn ban cho Pháp Tắm Thánh, pháp làm Hôn phối và đặc biệt nhất là phép xác và phép độ thăng.

Người Tín-hữu Cao-Đài nào giữ được 10 ngày chay trong mỗi tháng đổ lên được thọ truyền bửu pháp tức là hưởng được phép xác, cắt hết 7 dây oan-nghiệt. Linh-hồn không còn bị ràng buộc với thi hài bởi 7 dây oan-nghiệt nữa nên được xuất ra nhẹ-nhàng về cõi Thiêng-liêng hằng sống.

Còn phép độ thăng là để giúp cho linh hồn những Chức-sắc được nhập vào Bát-Quái-Đài dễ-dàng hơn”.

Cho chí đến Thiên-phong Chức-sắc như hai vị Đầu-sur khi lãnh nhiệm vụ cũng phải thề. Thánh ngôn dạy:

*“Cả thầy Môn đệ phân làm ba ban, đều quì xuống, biểu **Tắc** leo lên bàn, con chấp bút bằng nhang, đến bàn Ngũ Lôî đặng Thầy triệu nó đến, rồi mới tới trước mặt Tắc, đặng Thầy trục xuất Chơn Thần nó ra, nhớ biểu **Hậu, Đức** xông hương tay của chúng nó, như Em có giựt mình té thì đỡ.*

Rồi biểu hai vị Đầu Sur xuống ngai, quì đến trước mặt Ngũ Lôî, hai tay chấp trên đầu, quì ngay bùa Kim Quang Tiên mà thề như vậy:

“Tôi là Lê Văn Trung tự Thiên Ân là Thượng Trung Nhựt và Lê Văn Lịch tự Thiên Ân là Ngọc Lịch Nguyệt, thề Hoàng Thiên, Hậu Thổ, trước Bửu Pháp Ngũ Lôî rằng làm trọn Thiên Đạo mà dui dặt cả mấy em chúng tôi đều là Môn đệ của Cao Đài Ngọc Đế; nhứt nhứt do lệnh Thầy phân định chẳng dám chuyên quyền mà lập thành tá đạo; như ngày sau hữu tội thì thề có Ngũ Lôî tru diệt.”

Đến bàn Vi Hộ-Pháp cũng quì xuống, vái y vậy, đều câu sau thì như vậy:

“Như ngày sau phạm Thiên Điều thề có Hộ-Pháp đọa Tam Đồ bất năng thoát tục.”

Rồi mới biểu Giảng xướng lại nữa “Phục vị”, thì nhị Đầu Sur trở lại ngồi trên ngai. Chư Môn-đệ đều đến lạy mỗi người hai lạy.

Tới phiên các Môn đệ, từ người đến bàn Ngũ Lôî mà thề rằng:

*Tên gì? Họ gì? **“Thề rằng: Từ đây biết một Đạo Cao Đài Ngọc Đế, chẳng dối dạ dối lòng, hiệp đồng chư Môn đệ,***

gìn luật lệ Cao Đài, như sau có lòng hai thì Thiên tru Địa lục.”(36 chữ)

Tới trước bàn Hộ-Pháp cũng thề như vậy, rồi mới đến lạy nhị Đầu Sur.”

d/-Cơ khảo thí:

Qua bao sự dẫn chứng trên để thấy rằng mỗi mỗi đều được Đức Chí-Tôn tắm gội bằng nước Ma-Ha cả rồi. Nhưng chưa khi nào được toàn như lời Thầy mong ước. Cũng bởi đó mới có cơ khảo thí lọc lừa của Chí-Tôn trong buổi này mà thôi: “*Khảo thí lọc lừa tường hắc bạch*”.

Thầy dạy:

Như Nhân, con nghe Thầy:

Khi giảng trần “Chí Tôn Phật Tổ”, Thầy duy đặng có bốn Môn đệ, chúng nó đều chối Thầy.

Khi giảng lập Đạo Tiên, Thầy có một trò là Nguơn Thi.

Khi lập Đạo Thánh, thì đặng 12 môn đệ, song đến khi bị bắt và hành hình, thì chúng nó đều trốn hết, lại còn bán xác Thầy nữa.

*Còn nay, Thầy đã sắm sẵn Môn đệ cho con cũng đã nhiều, con đừng thôi chí. Thầy thường than rằng: Đạo phát trễ một ngày là một ngày hại nhơn sanh, nên Thầy nôn nóng, nhưng thiên cơ chẳng nghịch đặng, **ma quỷ hằng phá chánh mà giữ tà**, chư Tiên Phật trước chưa hề tránh khỏi. Còn cái địa vị cao trọng nó làm cho nhơn tâm ganh gố, con phải lấy Phật-Tâm con mà dùm ngó đám sanh linh bị phạt, luân hồi chưa dứt thì tưởng đến Thầy mà cam chịu nhục nhã, lòng từ bi có vậy mới xứng đáng là tôi con Thầy.*

Nếu Thầy dùng quyền pháp Chí Tôn thì mất lẽ công

bình thiên liêng tạo hóa. Con cứ lo lập luật, để công phổ độ cho chư Đạo hữu con hưởng chút ít.

Lâm thị ái nữ, nếu Thầy phải đổ tội cho ai thì Thầy phải nói vì con phổ độ trễ, con nêu ra sự ngăn cản ấy, con hiểu tại sao chẳng?

- Tại lời dèm pha của phái phụ nữ mà ra nỗi ấy!

Các con phải gắng sức, Thầy hằng ở bên các con, chẳng hề bỏ các con buổi nào, **thì tưởng chưa ai phá Đạo đặng**.

Như Nhãn, con nhớ lời tiên tri của Thầy, đọc Thánh Ngôn lại.”



6- ĐẠO LÀ SỰ SỐNG TRONG CÀN KHÔN VŨ TRỤ

Đức Hộ-Pháp thuyết tại Đền Thánh, thời Tý mùng 9 tháng giêng năm Mậu Tý (dl. 19-02-1948)

“Vì có nào đã 23 năm mà Nhơn loại chưa hưởng được hồng ân của Chí Tôn chan rưới nơi mặt thế này?

...Bản Đạo đã thuyết mấy kỳ trước: Một nền Chánh giáo dầu Bí-pháp, dầu Thể-pháp phải có thiết tướng như thế mới ra một nền Chánh giáo. **Ngày nay là ngày Chí Tôn đến cùng ta, kỷ-niệm này, bất tiêu bất diệt**. Bản Đạo đã thuyết vì có nào từ tạo Thiên lập Địa đến giờ, Nhơn loại vẫn khư khư tâm Đạo. Chúng ta chán thấy rằng, Nhơn loại trên địa cầu này thay đổi nhiều lớp mà nay chúng ta còn tồn tại đây, theo Chơn pháp để lại tính ra đến nay là 3 lần 36 ngàn năm. Thành ra từ mặt địa cầu có Nhơn loại đến giờ là 108.000 năm. Trong 108.000 năm biết bao nhiêu thay đổi, đáng lẽ Nhơn loại đã quên Chí Tôn mà chớ, sao vẫn nhớ mãi mà thôi? Bởi chẳng nhớ Ngài chẳng đặng.

Tại sao không nhớ Ngài không đặng?

Nhơn loại đang đi tìm, khao khát cái danh từ, tên tuổi của Ngài. Các dân tộc đang tìm tòi vì biết nhìn Ngài là người chủ quyền tạo đoan Càn Khôn Thế Giới. Ai đã dạy họ, ai chỉ cho họ, ai buộc họ, mà họ biết chơn lý chỗ nào mà theo, một điều là người nào cũng vẫn tìm tòi mãi điều ấy mà thôi. Bản Đạo không nói riêng về loài người, dầu vật loại vô tri vô giác hay hữu tri hữu giác cũng vẫn tìm Người mãi mãi.

Ta thấy vật vô tri vô giác như đá, sắt là bất động vật, rõ ràng không âm thanh, chỉ có sắc tướng ta thấy chắc trí giác đã thế nào. Bản-Đạo xin hỏi đá tìm ai? Kiếm ai mà cục này chồng chất lên cục kia, leo trên nhau mà thành ra hòn núi?

- Đặng tìm kiếm khối sanh quang của nó.

Vật hữu sanh, chúng ta thấy cây lúa mới cấy nó nằm nghiêng, sau khi sống nó đứng thẳng đầu lên. Hỏi nó tìm ai? Tìm Đấng Tạo Đoan. Cây trong rừng hoặc trong vườn bị che khuất còn biết nghiêng mình, nẩy chồi đâm tược. Hỏi tìm ai? Tìm Đấng Tạo Đoan. Ấy là vật vô tri vô giác. Còn người tại sao bỏ không đặng? Hễ không bỏ Đấng Tạo Đoan đặng thì phải tìm tòi mãi, gọi là tâm Đạo. Đạo là cơ quan bí mật làm cho Trời Người hiệp một trong sự sống của Càn Khôn Vũ Trụ, nên con người vẫn đi tìm nguyên do sự sống ấy, xem thế tức là đi tìm Đạo đó.

Chúng ta buổi mới sanh ra còn anh hài không đủ trí thức xét đoán, chúng ta đã thấy gì? Thấy trước mắt vạn vật hữu sanh, đó chẳng qua là những bạn đồng sanh với chúng ta mà thôi. Khi được năm ba tuổi rồi, cả vạn vật đối với sự sống của ta rất hữu tình như thế nào, ấy là mức đầu tiên làm cho tinh thần con người tự tỉnh. Quan niệm của vạn vật đối với con người rất nên mật thiết, dầu vật ấy hung tàn đối với con người, tình thân ái giao hảo vẫn liên

quan mật thiết. Chúng ta thấy cạp beo, sấu, hùm, gấu làm cho ta sợ sệt sự hung-dữ của nó có thể hại sanh mạng của ta được, nên mới kiêng sợ như vậy. Ngoài ra toàn vạn vật đều có tình hữu ái đối với ta “Khuyến thủ dạ, kê tư thần, tâm thổ tư, phong nhượng mật”. Ta thấy cả vạn vật ấy đối với ta rất có cảm tình, bởi lẽ đồng sanh, như đứa con nít thấy con bướm đẹp-đẽ thì mê lắm, tìm bắt, đến khi gặp con ong chích thì sợ sệt, mấy điều ấy làm cho con người tự tỉnh, đi tìm nguyên do của sự sống ấy, đó là khởi bước đầu sự tầm Đạo.

Lớn lên chút nữa, biết ái-tình chung trong gia đình hay xã hội, biết thân danh chung. Phận-sự của người giữ Đạo là giữ sự đồng sống trong khuôn khổ xã hội, tức nhiên tìm mối đồng sanh của cơ tạo đoan ấy. Thân danh ta đối với xã hội như quần, ta thấy xã hội đối với ta như thế nào và ta phải đối lại như thế nào? Thật sự là tìm phương thế để sống cùng sự sống chung của nhau mà thôi. Vì sự sống của vạn-vật, của loài người sản xuất do Đấng Tạo đoan là Chí-Tôn, nên chữ Đạo nó liên hệ mật-thiết với loài người thế nào thì nó liên hệ mật thiết với Chí-Tôn dường ấy, nên Ngài mới đến để thức tỉnh chúng ta biết, hiểu. **Ngài là chủ của sự sống, đến đem sự sống lại, trừ diệt cho tiêu tan ác nghiệt.** Ngài đem đến sự sống để trước mắt nhơn loại, như nhắc nhở họ phải tôn sùng cái sống chung của nhau. Hễ tôn sùng, tức nhiên phải nhìn Đấng Tạo-đoan đã ban cho chúng ta mạng sống, cho ta nhưt điểm linh quang, mới biết phân biệt hiền với ác, chánh với tà, để làm biểu hiệu cho con người thức giấc mê, tìm hiểu chơn lý của sự sống như thế nào, để trở lại sống theo tinh thần của Thánh Hiền hay sống theo tánh hung bạo tàn ác của con vật? Cốt yếu đem cái sống Thánh Hiền

ấy là cái sống của Chí-Tôn ban cho, là vật báu để trong mình, vật ấy quý hóa không phải hèn hạ.

Giờ đây Chí-Tôn đến mặt thế này, để làm cho nhơn loại biết tôn trọng sự sống ấy trong khuôn khổ của Chí-Tôn định, hiệp tâm lý trở lại làm một trong tinh thần ái Đại-đồng. Chơn-pháp của Chí-Tôn đem đến với chúng ta đã 23 năm nay là vậy, nếu chúng ta đã mang danh thế của Ngài, trước chúng ta chẳng tự mình lập phương pháp làm kiểu mẫu cho thiên hạ nhìn **Đạo Cao-Đài là Chánh giáo, thế nào làm khuôn mẫu cho cả toàn tâm lý loài người đồ theo thì chúng ta thất hiếu cùng Chí Tôn lắm vậy !”.**



7-Văn-Vương ở Dữu Lý chịu bảy năm ngồi ngục

Đức Hộ-Pháp là người nắm Pháp của Tam-Kỳ Phổ-Độ, tức nhiên là Giáo-Chủ của nền Đại-Đạo ngày nay.

Xưa Vua Văn-Vương ở Dữu Lý chịu bảy năm ngồi ngục mà làm nên bộ Kinh Dịch truyền lại cho đời, rồi gây dựng sự nghiệp nhà Châu buổi nọ.

Nay Đức Hộ-Pháp Giáo-chủ Đạo Cao-Đài thọ nạn để giải ách nô lệ cho dân tộc Việt Nam vào ngày 25-6 Tân Tỵ (1941) Đức Ngài chịu 5 năm 2 tháng (5+2=7) bị lưu đày sang Hải Đảo Madagascar ở Phi châu như Văn Vương bị giam ở Dữu-Lý vậy, nhưng Đức Ngài còn kém hơn Vua Văn Vương những 1 năm 10 tháng kia mà!

Đức Hộ-Pháp, Ngài nói rằng:

“Thọ lãnh thiên mạng với chơn lý chánh đáng là một Giáo-chủ hướng dẫn con cái Đức Chí-Tôn với một tinh thần đạo-đức trong phạm vi đạo giáo mà thôi.

Lấy một thiên tài, phận sự một công dân tạo hạnh phúc cho giống nòi Việt-Nam, gây dựng lập trường vững

chắc và mới mẻ, chờ tiếp rước bậc hiền nhân, chí sĩ do giọt máu con Hồng cháu Lạc tức là dòng dõi của tiền đồ lưu lại, thành lập quốc gia công bình, chơn chánh, vị tha, không ham danh, chẳng màng lợi, mới có thể thuần túy được.”

Nhưng, nợ trả vay xương máu chưa dứt sớm được là bởi số kiếp của dân tộc Việt-Nam, ách tương tàn cốt nhục vốn mãi kéo dài, khiến cho Pháp sớm đưa Đức Ngài về Tổ đình Tây-ninh vào ngày 22 tháng 8 năm Bính-Tuất (1946) tức là sau 5 năm 2 tháng. Sau khi bị lưu đày nơi Hải đảo Madagascar Ngài than rằng:

“Còn thiếu 1 năm 10 tháng mới may ra giải khổ, chấm dứt được, lẽ dĩ nhiên luật công bình tạo hóa, ta đâu muốn cũng không hề sửa cải được”.

Khi đến Mã Đảo (Madagascar) Ngài và chư Chức Sắc bị giam đến ngày 24-11-1944, mới được ra ngoài làm lụng. Trong những năm tháng bị lưu đày khổ sở, Đức Phạm Hộ-Pháp luôn luôn được các Đấng thiêng-liêng che chở, thoát khỏi được nhiều tai nạn hiểm nghèo, mà người Pháp muốn dùng cách đó để gián-tiếp giết chết Đức Hộ-Pháp.

Trong khi bị lưu đày, Đức Ngài ra ngồi trên bãi biển, tay cầm một que nhỏ và tay kia khỏa cát cho bằng, thì liền có một Đấng giáng tâm để an ủi và báo tin cho biết tình hình chuyển biến của thế giới và Việt-Nam, đồng-thời cũng có tiên tri như bài thi của Linh Sơn Thần Nữ núi Bà Đen vâng lệnh Thất-Nương đến thăm Đức Phạm Hộ-Pháp.

NOSY-LAVA một đảo nhỏ ở về phía Tây Bắc của Madagascar, nơi mà Đức Hộ-Pháp bị lưu đày ở Hải Đảo.

Trong thời gian đó các Đấng có giáng Cơ thăm hỏi

Như vậy hình thức Cơ bút là một sự cảm ứng với huyền diệu Thiêng-liêng, cho nên dù bất cứ nơi nao, miễn

có tâm thành là tiếp nhận được, nhưng việc này chỉ dành cho bậc Thiên mạng mới không ngại tà quái xung nhập.

Vai trò của Hộ-Pháp:

“Điều cần biết là khi đến lập giáo, trước tiên Đức Chí-Tôn lập Pháp-Chánh-Truyền tức Hiến-Pháp của Đại Đạo Tam-Kỳ Phổ độ rồi mới tạo Hội-Thánh lương đài, như thiết đều do Cơ phong Thánh.

Cơ phong Thánh của Hiệp-Thiên-Đài do Đức Hộ-Pháp và Đức Cao Thượng-Phẩm phê loan là “Cơ Đạo Pháp” trong khi đó cũng có nhiều cặp Cơ Phổ độ, dạy Đạo của chư vị Thập Nhị Thời quân.

Nhưng *“Đức Hộ-Pháp là một chơn linh siêu việt mới đủ năng lực xây dựng nền Đại-Đạo Tam-Kỳ Phổ-Độ, tạo tác Tổ Đình đồ sộ với nhiều sự nghiệp bất hủ không còn ai phủ nhận được.*

Việc cơ bút trong Đạo, Người đáng kể là bậc Sư Tổ”

Tất cả công việc làm nào của Ngài cũng đi vào qui tắc luật định, nên việc thọ khổ của Ngài cũng là một việc hy sinh để phụng sự cho Chí-Tôn, tức là hy sinh để cứu giống nòi như Chúa chịu thọ hình đóng đinh trên Thánh giá ngày xưa, vào thời tiền kiếp của Ngài là Chúa Jésus Christ.

Con số 5 năm 2 tháng chính là số Ngũ hành hợp với Âm Dương mà làm nên con số 7 ($5+2=7$) tức là 5 thể chất là: Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ và Nhị khí.

Số 7 có đủ tính chất như số 1 đầu, tức là số của các số. Vì số 1 không gì có thể tạo ra nó, thì số 7 cũng không có một số nào ở trong thập tuần có thể sanh ra nó.

Chúng ta ngó thấy hành tàng tạo-đoan trước mắt ta là sự điều-hòa trong thân thể và triết-lý đạo-giáo ta biết rằng: nếu ta không đoạt đặng bảy khối sanh quang

*thiên liêng kia dựng tạo thành xác thịt thì ta không có.
Ta không sanh ở đây: nói gần hơn nữa nhứt điểm tinh thần
của Cha ta không hiệp với huyết bôn của Mẹ ta, thì tức
nhiên không có sự hiệp-hòa cả khuôn luật tạo đoan này.*

*Số 7 cũng chỉ vạn-vật hữu tướng thành hình; trong
thân người là thất khiếu ở trên đầu.*

Thế nên mới có sự so-sánh với Vua Văn Vương
ngồi ngục Dữu-Lý 7 năm còn Ngài chịu nạn 5 năm 2 tháng
cũng đi vào con số 7 là vậy.

8- Đức Chí-Tôn cho 7 bài thi nói về Đồ Thơ

Xem trong Thi văn dạy Đạo đã ghi chép về sự quan
yếu của Hà đồ và Lạc Thơ (nói chung là Đồ Thơ):

THI

*1-Người đâu biết dựng tác lòng mình,
Hoạ hỏi đến Trời mới biết linh.
Thiệt thiệt hư hư vì mất thật.
Thôi thì đợi chết biết tiền trình.*

*2-Tiền trình Thầy dạy trước con tường,
Đội hạ sang năm mới tuyển lương.
Năm bảy năm sau nên nghiệp lớn,
Đến chừng ấy khá Đạo lo-lường.*

*3-Lo-lường cho rõ thấu Thiên cơ.
Biết dựng thì tua tính kịp giờ,
Khuyến thiện đã nhiều công cực nhọc.
Toan lo cho vẹn **Đạo Đồ Thơ**,*

*4- **Đồ Thơ** oằn-oại gánh nghiêng vai,
Mặc khách làng văn nhọc chớ nài.
Nghiệp nước nổi nhà còn bận bịu,*

Thanh nhàn chưa phải buổi xem mai.

*5-Xem mai trông gặp trở hai lần,
Như Đức Khổng xưa muốn thấy Lân.
Hồn gió, giận mưa hoài trí tỉnh,
Thâu niên chẳng đoái chút tinh thần.*

*6- Tinh thần đầy xác mới tinh anh,
Đừng vương nẻo Công với mối Danh.
Thường hướng gió Đông tua biết gió,
Đừng trương cánh nhận chịu tan tành.*

*7-Tan tành khó nổi kết làm nguyên.
Như chỗ non cao muốn quá thuyên.
Mình biết phận mình an thú vị,
Chẳng phen bằng Phật cũng là Tiên.*

Nhất là hai câu thơ:

Đội hạ sang năm mới tuyển lương.

Năm bảy năm sau nên nghiệp lớn.

Hai câu này cũng là đề tài để đoán vận mệnh cho cơ
Đạo cơ Đồi một phen thật là sôi nổi, nhưng đã “Cơ” thì nó
là máy tạo huyền vi, đoán đúng khi nào sự việc được hiển
lộ. Nhưng có điều cho ta một niềm tin lớn là vào ngày 01
tháng giêng năm Mậu-Tý (dl. 10-02-1948)

Đức Hộ-Pháp nói rằng:

“Ngày hôm nay, giờ này chúng ta vui một tí, năm
Tý đến với chúng ta, nếu Bản Đạo nhớ không lầm thì buổi
Chí Tôn hành pháp có cho **Bản Đạo biết rằng 3 con chuột
hiệp lại là ngày thành Đạo**. Năm nay đủ 3 con chuột rồi
đó vậy. Ta chắc rằng năm nay Đạo sẽ kết quả lời hứa của
Chí Tôn với con cái của Ngài, thành Đạo tức thành Đồi
nơi nước Việt Nam đó vậy”.

Nếu tính từ ngày khởi khai Đại-Đạo là:

3 con chuột	Giáp-Tý (1924) Bính-Tý (1936) Mậu-Tý (1948)	→ 24 năm
Đủ 3 con chuột là thành Đời nơi nước Việt-Nam		
Giáp-Tý (1924) Mậu-Tý (1948) Mậu-Tý (2008)		
24 năm 60 năm		
đủ 3 con chuột cộng chung 84 năm		

Nhưng nếu lấy mốc thời gian là Giáp Tý (1924) là 1, Qua Mậu-Tý (1948) là điểm thứ nhì. Nay là Mậu Tý là điểm thứ ba (2008) thì cũng đủ ba con chuột rồi vậy.

Lấy số thời gian 84 này chia cho 12 tháng của một năm thì được con số 7 “Thất phản cửu hoàn” tượng 7 bài thi. Hơn nữa “ba con chuột trước” là 24 năm (2+4=) là 6 Âm.

Từ Mậu-Tý (1948-2008) là một hoa giáp 60 năm lại là 6 là sáu Dương, bởi số 0 phía sau là đi vào Hư vô. Hai lần 6 cũng đủ 12, có phải là “năm bảy năm sau nên nghiệp lớn” không? (5+7=12) Số 0 trên cũng là tâm tức ứng với ngũ trung, chính là chữ “năm sau” đó vậy. Dem 1+2=3 là tam tài vẹn vẻ. Đoán vui tí mà!



-Giá trị số 7=3+4

9- Thất đầu xà” (là rắn bảy đầu)

Thất đầu xà đây là chỉ về 7 thứ tình của con người, mà khi làm người thì ai ai cũng có 7 thứ tình ấy, duy khác

nhau là do trình độ tiến hoá về tâm linh mỗi người thôi.

Số 7=3+4 chỉ về Người hoàn toàn là một Tứ nguyên tố cùng một tam nguyên tố kết hợp. Nghĩa là 4 thể chất và 3 thể khí. Tức nhiên là (3+4). Ba là tượng cho ba thể chất: không khí, nước và đất và 4 thể chất là: Kim, Mộc, Thủy, Thổ.

Đạo là lý, cho nên học Đạo thì phải suy lý, vì vậy nếu không am tường chơn lý, vô tình làm đầu đề cho sự mỉa-mai Tôn-giáo và làm hoang-mang cho những tâm hồn nặng mang tinh thần khoa học rồi không biết nghe ai !

Ngày nay Đạo Cao-Đài có giải rõ: người có bảy thứ tình, mà tình cảm nếu không biết chế ngự thì nó hung hăng, dữ tợn, nguy hiểm và độc hại không khác nào rắn độc; nhưng nếu rắn độc thì chỉ có một đầu, còn người mà ác độc thì sự nguy-hiểm gấp đến bảy lần như vậy, vì thế tượng trưng bằng “Thất đầu xà” (là rắn bảy đầu)

1/-Diễn tả:

Hình ảnh thất đầu xà được đặt ngay “Bán nguyệt Ngũ Lô-đài” của Hiệp-Thiên-Đài Tòa-Thánh Tây ninh. Nơi đây, có hình tượng của ba vị Tướng-soái của Chí-Tôn là Hộ-Pháp, Thượng-Phẩm, Thượng-Sanh. Bảy đầu rắn quấn vào chiếc Cầm đôn, mà thân tượng của các Ngài đứng trên Cầm đôn ấy.

Từ phía dưới cầm đôn của Hộ-Pháp ngóc lên ba đầu mang chữ: HỈ, ÁI, LẠC; bốn đầu còn lại cúi xuống, cái đuôi quấn vào Ngai của Đức Thượng-Sanh, choàng cái mình qua quấn vào Ngai của Đức Thượng-Phẩm. Bốn đầu còn lại mang chữ: AI, Ó, NỘ, DỤC.



Khi Hộ-Pháp ngồi trên Ngai thì hai chân đạp lên hai đầu rắn có chữ “AI, NỘ” hai tay đè lên hai đầu rắn có chữ “Ồ, DỤC” ý-nghĩa là chế ngự Thất tình; khác với Phật giáo là chủ trương “diệt Thất-tình”.

Còn “chữ KHÍ” đặt phía sau lưng Hộ-Pháp tượng trưng “khí sanh quang” của vũ-trụ. Vạn vật nhờ khí sanh quang mà sống, nếu dứt thì vạn-vật phải chịu hủy-hoại.

Đền-Thánh là nguồn cội của Khí-Sanh-quang của vũ-trụ và vạn vật.

BẢY MỐI TÂM-LÝ (thất tình) ấy tạo nên hình tượng loài người, lúc chưa phát ra gọi là TRUNG, phát ra đều và trúng tiết gọi là HÒA .

- TRUNG là gốc lớn trong thiên-hạ,
- HÒA là con đường đạt Đạo trong thiên hạ.

Đạt được đến mực TRUNG HÒA thì thiên địa sẽ vận hành đúng ngôi vị của mình, vạn vật sẽ được sanh hoá cũng như cái tình cảm của nó. Sự việc ấy diễn tả rõ đến cái lẽ biến hóa từ gốc đến ngọn.

Thất tình đã tạo nên hình tượng của loài người. Chính bảy mối tình ấy cũng là bảy mối dây oan-nghiệt.

- Hễ có HỈ mới có NỘ
- Hễ có LẠC mới có AI.
- Hễ có ÁI mới có Ồ.

Duy có mối DỤC đứng chủ-trung quyết định mà thôi. Nó có lập trường căn bản đặc sắc đủ quyền điều khiển; ấy là hình tượng thiên nhiên của tạo-đoan, nên Chí Tôn nói có Âm ắt có Dương, có nóng ắt có lạnh.

Nếu có Âm mà không có Dương là mặt trời, thì bảy trái địa cầu và cả nhơn loại đều chết hết. Nếu có mặt trời mà không có mặt trăng, là không Âm; thì cả vạn-vật và loài người không còn; nghĩa là không có Âm Dương thì không có càn khôn vũ-trụ.

Bảy đầu rắn quán ba Cẩm-đôn của các Ngài (Thượng-Phẩm, Hộ-Pháp, Thượng-Sanh) là tượng trưng cho TINH, KHÍ, THẦN hiệp nhưt. Người tu cũng đến mục-đích là hiệp TAM-BÚU mà thôi. Như vậy tu theo Đạo Cao-Đài là chế ngự thất tình, phải nêu cao ba Tình: Hỉ, Ái, Lạc và đè xuống bốn tình còn lại là Dục, Ai, Ồ, Nộ

Thế nên, Đức Hộ-Pháp nói: *“Vui cũng vui, buồn cũng buồn, nhưng đừng để nọc vui buồn thấm vào chân tánh”*.

Chính cái tình DỤC nó khiến ta làm nhiều điều tội lỗi cũng do ăn, uống, ở, mặc mà ra.

Hằng ngày sát hại bao nhiêu sanh vật, ăn vào chất chứa trong bao tử khác nào một “nghĩa-địa” của loài cầm thú, vì vậy nên mới gọi đây là “nhứt tỳ”. Khi xác thân này chết thì đem chôn nơi đất “nhị tỳ” tức là nghĩa-địa thứ hai, hay là nghĩa-trang; là nơi chôn xác con người đó vậy. Đã gọi là đất để chôn thân thì có còn chăng là những hồn hoang phảng-phất gọi là “MA” hay là “quỉ”. Thử hỏi nếu

ta ăn những thức ăn động vật thì hằng ngày có phải ta sống với “ma” hay không? Chính tư-tưởng ta cũng bị ảnh hưởng về sự nóng giận không ít, nhưng gần đây nhứt là nhiễm nhiều thứ dịch bệnh do các thứ động-vật mà ra.

Cuộc đời này lắm bệnh mới phát sanh, hỏi tại sao? Câu “Bệnh tông khẩu nhập, họa tông khẩu xuất” cũng không còn chuyện lạ nào nữa. Bệnh tật là do bởi ăn uống. Hằng ngày người miền ngoài thường kêu lên bởi ăn thức ăn ngộ độc, khi mà món ăn thông dụng không thể bỏ được. Giờ này bị độc phải bị bệnh như tiêu chảy cấp chẳng hạn. Bệnh này tái diễn mãi, cũng bởi cứ ăn mãi thì nguy cơ khó tránh. Thầy đã nói: Vì ăn cho phải bị đọa, vì dâm cho phải bị đày là vậy

Với người Cao-Đài chắc không quên lời thơ của Đức Hộ-Pháp đã cho trước khi Ngài nhập tịnh nơi Trí Huệ-Cung, ngày 16-01 năm Tân-Mão (1951) như trên đã nói “Gắng tu cho kịp Hội-Long-Hoa” (trang 324).

2/-Nguyên căn sản xuất Thất tình:

Các Bạn có biết Phật Mẫu là ai?

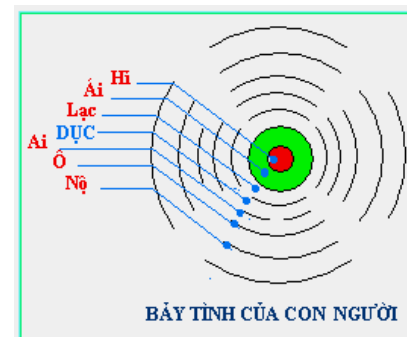
Ngài dùng bảy ngọn khí tạo Chơn-thần ta, tức nhiên tạo phách ta. Nhà Phật gọi là thất phách. Kỳ thật khí phách ấy làm Chơn-thần, tức là Nhị xác thân chúng ta; khi chúng ta bỏ xác trần, xác Thiêng-liêng ấy vẫn còn tồn tại. Hình hài thay đổi đặng, văn-hóa của ta mỗi kiếp mỗi tăng thêm, nhà Phật có nói: Nó có thể tấn tới hoặc trở lại hay đứng dừng mà thôi.

Chơn-thần là đệ nhị xác thân tạo hình bằng ngọn khí của bảy tầng thiên. Bồ Táo Hóa-Thiên là tầng thứ chín, linh hồn đến tầng thứ 8 trụ thần quyết định đến thế gian này làm việc gì, kể từ tầng thứ 7 mới tạo xác thân. Ta chia 7 tầng làm 7 phách, Đạo-Giáo nói là 7 cái thi hài

hữu tướng, 6 cái thuộc về khí chất, cái thứ 7 là xác thú này đây. Bảy tầng có liên quan lạ lùng với thất tình:

- Tầng thứ 7, 6, 5 là ba tình: Hỉ, Ái, Lạc.
- Tầng thứ tư là Dục (muốn)
- Tầng thứ ba là Ai (Buồn)
- Tầng thứ nhì là Ố (ghét)
- Tầng thứ nhứt là Nộ (giận)
- Tới tầng chót này thì xác thật là hiện tượng của Nộ giác.

Mỗi linh-hồn đều mơ ước tấn tới mãi, tới đạt địa vị Thân, Thánh, Tiên, Phật. Nếu ngày nào ta tận thiện, tận mỹ và linh-hồn ta có thể đạt vị đặng thì Phật-Mẫu đủ quyền năng bình vực con cái của Người nơi cõi Hư-linh vậy”.



Dẫu cho về đạo-lý-học, ta ngó thấy khởi đầu nếu cái ngọn-linh của Đức-Chí-Tôn không hòa-hợp với ngọn-âm của Phật-Mẫu thì Thái-cực chưa ra tướng; Hể Thái-cực chưa ra tướng tức nhiên càn-khôn vũ-trụ này không ra gì hết.

“Chúng ta ngó thấy hành tàng tạo-đoan trước mắt ta là sự điều-hòa trong thân thể và triết-lý đạo-giáo ta biết rằng: nếu ta không đoạt đặng bảy khối sanh quang thiêng liêng kia đặng tạo thành xác thật thì ta không có. Ta không

sanh ở đây: nói gần hơn nữa nhứt điểm tinh-thần của Cha ta không hiệp với huyết bồn của Mẹ ta, thì tức nhiên không có sự hiệp-hòa cả khuôn luật tạo đoan này.

“Dầu cả nhơn sanh hay chúng ta cũng vậy, đều chịu ảnh hưởng của Thất tình.

Hình ảnh thật hiện con Thất Đầu Xà mà ta thấy là hình ảnh của người đó vậy, bầy mỗi tâm lý ấy tạo nên hình tướng loài người, là do bầy mỗi tình”

Con người có bảy thứ tình cảm, tuy nhiên chỉ có mỗi một tình DỤC là nguy hiểm hơn hết, cho nên mới nói là Lục dục mà Thất tình; 6 cái tình dục là có thể: *dục Hi, dục Ái, dục Lạc, dục Ai, dục Ố, dục Nộ*. Ba cái dục sau này gọi là Tam độc: tham, sân, si. Nhà Phật nói ba con “ma lục tặc” chính là nó vậy.

Nếu người mà thường xuyên biết kiểm-soát tư tưởng và hành-động của mình, không cho thất tình khuấy động và kèm chế được tánh nóng giận, tức là làm chủ được tình dục, đưa tư-tưởng hướng thượng; nghĩa là dục lên hay nói rõ hơn là chỉ lấy sự thương-yêu, vui-vẻ, mừng rỡ, làm phương châm cho cuộc sống hằng ngày, đồng thời diệt đi sự ghét-ganh, buồn, giận... thì đương nhiên chuyển được cái tâm hướng thiện và hướng thượng.

3/-Một biểu tượng của Thất tình:

Đức Shiva-Phật thối ông Tiêu bảy lỗ:

Trên bức tượng Tam Thế Phật nơi đỉnh của Bát Quái-Đài Toà-Thánh: Đức Shiva-Phật mình trần quay về chánh Bắc, đứng trên Thất-đầu-xà tức là Thần hủy diệt, ngó qua phía hữu, ấy là ngôi thứ nhì tượng trưng phần Âm Dương, cơ sanh hoá cũng là cơ hủy diệt, ấy là ngôi Bảo tồn.

Phật Shiva cũng như Hộ-Pháp ngự trên Thất Đầu Xà để trừ bốn mầm độc trong bản thân nhơn loại, đó là Ai,

Nộ, Ố, Dục. Nhìn vào thực tại Đấng đó cũng là hiện thân của Hộ-Pháp, nhưng thối ông tiêu để thức tỉnh quần linh, hướng miệng ông tiêu để đưa sinh khí vào cung Chấn chánh Đông tức là cung Pháp, nơi tụ nguồn Thần. Nếu những tư tưởng khuấy ở con người có dấy lên sẽ bị ngự trị phần Ai, Nộ, Ố, Dục của nhơn sanh, để giữ còn cái nguơn Linh của Thượng Đế,

Ông tiêu có bảy lỗ tượng cho Thất tình, nếu con người khéo tu biến thành Thất bửu cũng thể hiện cho Thất khiêu sanh quang, nhưng đặc pháp rồi thần khí phục hồi mở được Cửu khiêu nhờ kết tụ Tam-diệu sẽ chiếu ngân ánh Xá lợi. Nên Thích Lão định danh là Mậu Ni Bửu Châu hoặc Thử Mễ Huyền Châu hay Cửu Khúc Minh Châu.

Điều-Trì-Cung là nơi ngự của Đức Phật-Mẫu, ngày nay Ngài đến tại mặt thể gian này đã tượng-trung bên Ấn Độ: Phật-Giáo Ấn-Độ gọi Ngài là Shiva-Phật, là cái hình ở trên Bát-Quái-Đài chúng ta để trên nóc, thấy có “Tinh Nhũ” nơi ngực của Ngài đó.

Hồi buổi Chí-Tôn phân định, phân tánh của Ngài, lấy Khí tức nhiên là Ngài dùng cái “Linh-Pháp” của Ngài biến tướng ra Phật-Mẫu. Phật-Mẫu thuộc về Âm, Chí-Tôn thuộc về Dương, Âm-Dương hiệp lại mới biến hóa Càn Khôn Vũ-Trụ, sanh ra vạn-vật.

Đức Shiva Phật, Ấn-Độ làm một cái hình phân nửa giống đàn bà, còn cái tướng thì đàn ông. Bởi hồi đó con người chưa phân rõ chắc-chắn Nam Nữ (Âm-Dương). Đức Shiva trong huyết-khí tức nhiên là huyết, còn đào tạo Chơn-thần là do Đức Chí-Tôn.

Như trên đã nói người mà không chuyển được ba thứ tình: Ai, Ố, Nộ thì sẽ biến thành Tam độc

4/-Tam độc là gì? Tham Sân Si do đâu mà ra?

Tức nhiên là ba thứ tình cảm không tốt đó là “Tham, Sân, Si”. Nguyên nhân sinh ra Tam độc này là do AI là buồn cho đời mình thiếu thốn, nghèo khó, rồi không kèm giữ được lòng ham muốn, nên sinh lòng “Tham”, muốn cướp của người khác, nhiều khi gây tội lỗi như các vụ án giết người, cướp của chẳng hạn.

Khi có người nói đúng nhược điểm rồi sinh giận (Nộ) Từ chỗ “Giận mất ngon” nên “Sân” hận đời rồi trả thù, cũng nguy hiểm lắm vậy.

“Si” là đam mê, ham muốn quá mức không kèm chế được, cũng do lòng ganh ghét, tỵ hiềm đủ thứ mà nên thế. Như vậy ba thứ tình cảm này phải được điều chỉnh cho hay đẹp, chỉ có gia công tu luyện, sửa đổi mới nên thôi.

Trong cửa Đạo Cao-Đài ngày nay Đức Phật-Mẫu đến nhìn con cái của Người và cho biết quyền-uy tối thượng của Người là tạo cả Chơn Thần, Thể phách chúng ta. Phật-Mẫu còn tạo ra tám phẩm cấp chơn hồn nữa.

Màu sắc tượng trưng cho Phật-Mẫu là màu vàng. Kinh xác nhận: “*Phái Vàng Mẹ lãnh dắt dìu trẻ thơ*”.

Con người thì có bảy tình gọi là thất tình nhưng chỉ có Lục dục, mà ba tình cảm tốt đẹp được phát huy là HỈ, ÁI, LẠC; còn ba tình cảm chưa tốt là AI, Ồ, NỘ cần phải trau dồi, hướng thượng, đó là phong cách của người TU. Vì vậy Dịch nói là “Săn được ba con cáo” tức nhiên nếu không trau dồi ba tình cảm ấy thì nó sinh ra Tam độc là “Tham, sân, Si” thì mỗi hiểm nó cũng nguy như “Ba con cáo” gian ngoa này vậy.

Nhưng nay nhờ có bàn tay Phật-Mẫu đến giáo hóa, khỏi phải bơ vơ, vì:

Trước kia trẻ vẫn mịt mờ,

Từ nay mới hẳn Ôn nhờ Mẫu Nghi.

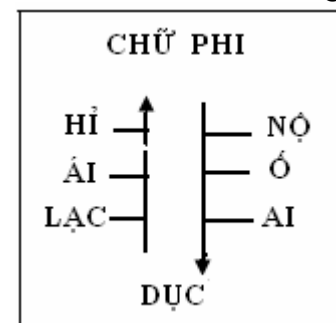
Đắc truyền khai mới Tam Kỳ,

Dưới tay cây có Diêu-Trì Cửu Nương...”

5/-Tượng Thất tình bằng hình ảnh chữ Phi 非

là không. Tại sao Phi là không?

Chữ Phi 非 chính nghĩa của nó là không. Nếu xếp bảy thứ tình này vào hai bên của chữ Phi thì bên trái có ba tình: Hỉ, Ái, Lạc, tượng phần Dương.



Bên tay phải có ba tình: Ái, Ồ, Nộ, tượng cho phần Âm.

Chữ Dục đứng ở giữa. Như vậy thấy rõ nếu người tu là tự mình biết khai thông các đức tính tốt vì nó ở tận thâm cung của đầu óc. Còn nếu thiếu tu tức nhiên hay giận, buồn, ganh ghét, vì những tính này tận bên ngoài dễ xuất hiện. Thử nhìn bên ngoài xã hội, người nóng nảy, la lối, thì nhiều, mà người điềm tĩnh thì ít. Vì sao?

Nếu người tu là biết cho thất tình này dục lên, nên thành cao thượng; trái lại dục xuống thì thấp hèn là vậy. Do vậy Đức Hộ-Pháp có lời khuyên: “*Vui cũng vui, buồn cũng buồn, nhưng đừng để nọc vui buồn thấm vào chân tánh*”.

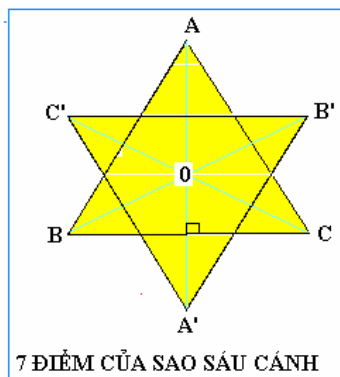
Có nghĩa là không thái quá cũng đừng bất cập, với sự vui buồn thường tình, tức nhiên coi như trở về không, có nghĩa là đã cân bằng nhau rồi, vì vậy hình ảnh chữ Phi trên mới có nghĩa “Không” là vậy.



10- Bảy bước đến thành công.

Tiền nhân thường nói là “Bảy bước đến thành công” hay là “Đi hia bảy dặm” là do ở lời của Phật nói.

Truyền thuyết rằng khi Phật vừa sinh ra đời, Ngài bước tới bảy bước, mỗi bước đi của Ngài nở hoa sen, xong một tay chỉ trời, một tay chỉ đất nói **“Thiên thượng, thiên hạ duy Ngã độc tôn”**, câu nói này có nghĩa rằng con người vốn có đủ thất tình, nhưng phải biết hướng thất tình thành thất bửu, bởi mỗi bước đi có nở hoa sen, tức là thất tình này hoàn toàn được trong sáng như sen. Bảy giờ người mới xứng đáng vào ngôi Tam tài, sánh cùng trời đất. Vì trên là trời, dưới là



đất, giữa là người, chỉ có con người duy nhứt mới được tham dự vào chuyện của trời đất mà thôi, chứ câu này thường bị hiểu lầm. Lời trong triết, trong Phật thường rất sâu xa, “ý tại ngôn ngoại” là vậy. Hơn nữa chữ **Phật** 佛 chính là nhơn và phật là người hoàn toàn.

Tại sao phải là 7 bước?

Vì con người khi đã được đứng vào hàng phẩm Tam tài là Thiên Địa Nhân rồi nên biết rằng tất cả đều có lý Âm Dương của nó luôn hoà quyện vào nhau:

- Đạo Trời là do Âm Dương kết tụ .
- Đạo người là Nhân Nghĩa.
- Đạo đất là Cương Nhu.

Nếu lấy quẻ Kiền làm biểu tượng cho Tam tài, thì mỗi tài cũng đủ cả Âm Dương của nó.

Nhưng dù là trời, đất hay là người đều chung chịu trong một quyền năng của Thượng-Đế cho nên khi hai quẻ Kiền Khôn hợp nhau dưới hình thức một ngôi sao sáu cánh tức là Tam Âm tam Dương gát chồng lên nhau thì luôn có một cái tâm để định cho vòng tròn ngoại tiếp của nó tức nhiên là có 7 điểm. Như vậy tâm 0 ở giữa đây là xác định cho điểm thứ bảy là quyền năng của Đấng Thượng-Đế luôn chi phối mọi nơi, mọi chỗ để nhắc nhở cho nhân loại biết rằng dù ai tài giỏi đến đâu cũng không qua luật của đất trời, như câu chuyện xung là Tề Thiên mà cũng không qua phép Phật là vậy. Những kẻ chống trời sau cùng thì chịu hạn hán, lũ lụt thất mùa đói khổ thì mới kêu lên rằng Thiên tai!. Khi nhận biết là Thiên tai thì đã muộn quá rồi! Đáng tiếc vậy!

Số 7 do $1+2+(2+2)$

Số 7 là số ngưng kết do $1+2+(2+2)$

Tức là Thái-cực cộng Lưỡng-nghi và Tứ tượng.

Thái-cực là dương, Lưỡng-nghi là cơ biến tướng, tứ tượng là cơ sanh-hóa. Nhưng cơ biến tướng và cơ sanh hóa chạm nhau lại khắc nên số 7 trở thành số riêng biệt không có biến động; có nghĩa là trong trạng-thái yên-tĩnh ngừng nghỉ. Nên nó cũng ám chỉ vào thể âm. Số 7 cũng chỉ vạn-vật hữu tướng thành hình; trong thân người là thất khiếu ở trên đầu. Số 7 ấy là $1+2+1+2+1$ cũng là thành số của $(2+2+2)+1$ nên vô cực là vi-chủ,

11- Đặc biệt là nghi thức cúng Đàn dâng Lễ Chí-Tôn Đòn Bảy bài

Trong các thời Đại-đàn dâng lễ Đức Chí Tôn có Đòn bảy bài, do Thánh-giáo Đức Chí-Tôn dạy về ý-nghĩa của bảy bài đàn ấy, bởi trong các bài đàn này là thể hiện

đủ tám món Nhạc khí của dân-tộc Việt-Nam. Chỉ duy hiến lễ cho Chí-Tôn Ngọc-Hoàng Thượng-Đế mới có bảy bài ấy là:

1-Xàng xê là khi trời đất mới sơ khai, chưa phân thanh trực, thuở còn hỗn độn.

2-Ngũ Đối thượng hay là bài Thượng, là khí thanh bay lên làm trời.

3-Ngũ đối hạ hay là bài Hạ, là lúc khí trực lắng xuống thành đất.

4-Long đằng là mặt nhật chiếu sáng, sức nóng làm cho nước bốc lên thành mây.

5-Long ngâm là lúc mây gặp khí lạnh nên tụ lại thành mưa, từ trên trời rơi xuống.

6-Vạn giá là muôn vật đã định rồi, ấy là lúc nước hợp với đất biến sanh, khiến sản-sanh ra vạn-vật, gọi chung là chúng-sanh.

7-Tiểu khúc là những vật nhỏ-nhất đều có định luật của nó, khi đất biến ra Ngũ-hành sanh ra kim-thạch, thảo mộc, thú cầm đến loài người ...

Đức Hộ-Pháp thỉnh giáo: Vì sao phải đờn bảy bài ?

Đức Chí-Tôn dạy:

“Thầy thích nghe những bản ấy, vì nó có ý-nghĩa của sự Tạo thiên lập địa, là buổi mới có Trời đất. Còn Đảo ngũ cung có ý-nghĩa là qui trở lại, tức là qui cổ: đó là Vạn thù qui nhất bốn”.

Đức Hộ-Pháp bạch tiếp:

Nếu lấy những bài đó hiến lễ thì Thầy tư-vị dân tộc Việt-nam sao ?

Đức Chí-Tôn phán dạy rằng:

“Trên thế-gian này chưa có nền Âm-nhạc cổ nào để rước Thầy mà đủ ý-nghĩa như Âm-nhạc cổ của Việt-Nam;

nên Thầy chọn nó làm tiêu-biểu cho toàn câu, cho nhân loại noi theo” (18-5-Bính-Dần 1.926)

Đức Hộ-Pháp giảng về Âm nhạc có lời rằng:

“ĐẠO CAO ĐÀI là nền Đạo qui pháp cả cái sống của Bát hồn mà dưng lễ trả cái sống. Khi mới phối thai dưng lễ trọng cho CHÍ-TÔN tức là qui pháp cho khối sanh-khí ấy, tức là CHÍ-TÔN vui và duy nhứt mà thấy sự sống trả lại cho Ngài.

Toàn đạo nên trọn tâm xét hiểu nhiệm mầu đạo lý ấy mà lần lần đạt cho được chơn pháp của CHÍ-TÔN.

NHẠC là hưởng ứng của cả khối sanh-quang của càn-khôn vạn-vật đồng thanh. Nơi Á-đông có câu “Biểu, thổ, cách, mộc, thạch, kim, dữ tư, trước nãi bát âm”. Các vật vô năng mà nói dặng, có trật-tự niêm luật hòa nhau là đạt ĐẠO, hiệp lại với tiếng kinh mình đọc là âm thanh, nghĩa là con người cùng vạn vật đồng thanh hiến-lễ.

(TĐII/80)

Chú thích

Bát âm là tám loại âm thanh phát ra từ tám nhạc khí cổ ở Đông phương. (Bát: Tám, thứ tám. Âm: Tiếng, âm thanh. Tám thứ âm thanh vang ra từ Nhạc)

Bát âm tương ứng với Bát Quái, là:

1-Biểu 𪛗 là cái bầu, tức là dùng quả bầu khô (Tiếng sên) tiếng sinh, kèn thuộc cung Tốn.

2-Thổ 土 (tiếng trồng đất) Trồng đất thuộc cung Khôn.

3-Cách 革 (tiếng trồng da) Tiếng trồng da thuộc cung Càn.

4-Mộc 木 (Tiếng mõ gỗ) Tiếng mõ cây thuộc cung Chấn.

5-Thạch 石 (tiếng đá) Tiếng khánh thuộc cung Cấn

6-Kim 金 (tiếng chuông đồng) chuông thuộc cung Đoài.

7-Ty 絲 (tiếng dây đàn). Tiếng dây đàn thuộc cung Ly.

8-Trúc (Trước) 竹 (tiếng ống sáo tre) Tiếng sáo tre thuộc cung *Khảm*. (dữ 與 nghĩa là và, với. Câu “dữ ty, trước”)

Bát âm là chỉ chung về âm nhạc:

“*NHẠC cũng là một việc cần yếu, vì là phương làm cho đầm ấm tao nhã cốt để dìu dẫn giúp cho thành Lễ ra vẻ long trọng, vì đã che lấp các việc xao động trong cơn hành Lễ, trên thì hiển cái vẻ tiêu tao phù trầm cho các Đấng, dưới là làm cho chúng ta, vì nghe đặng cái giọng tao nhã, nhất khoan, hoặc có lúc vì tiếng nhạc trôi mà lòng ta vẫn hân hoan mà quên bằng cái mệt mỏi trong cơn hành Lễ hoặc có khoản vì cái thức phù ba của giọng đàn mà làm cho ta yên tịnh, mới có thể thiền tâm vọng cầu các Đấng cho thấu đáo.*”

Có câu phương ngôn của bậc hiền triết miền Âu châu rằng: “*La musique adoucit les moeurs*” lại có nói Nếu muốn biết sự tấn hóa của một sắc dân, sau sẽ trở nên thế nào, thì duy có xem trong nét văn-chương và nghe giọng Nhạc của sắc dân ấy cũng đủ hiểu trước.

Hướng chỉ Đấng Chí-Tôn ra công khó nhọc khai sáng cho ta một nền Đại-Đạo như vậy, lại dìu dẫn ta từ bước, mà ta lại chẳng để hết tâm chí chân-chính nghề Nhạc cho hoàn toàn hầu gìn giữ đường tấn hóa cho nền Đạo sao ?” (Tiếp Lễ Nhạc Quân Mỹ Ngọc)



12- Bấy từng không gian:

Đây là giải về Không gian và Thời gian:

Không gian là một khoảng giới hạn vật chất hữu vi trong đó vạn vật đang sống, đang tiến triển như thế nào.

Không gian là cái vòng chứa đựng vạn vật trong đó. Như vậy có rất nhiều không gian khác nhau:

1-Phàm thể không gian: tức là cõi mà nhân loại đang sống và trông thấy đây.

2-Thần trí không gian: là cõi mà chúng ta sẽ thấy trong lúc ngủ, ở cảnh trí.

3- Nhận chân không gian: là cõi của linh hồn.

4-Chân không không gian là cõi cao hơn nữa.

5-Chơn như không gian.

6-Thái hư không gian.

7-Hư-vô không gian.

Đó tức là cơ hữu tướng của càn khôn vũ-trụ.

Còn **thời gian** là cái thời khắc chuyển biến của vạn vật tức là cái sự lâu mau để sinh hoá hay tiêu diệt Càn khôn.

Thời gian là cái lệ định cho vạn vật phải diễn tiến như thế nào trong một khuôn khổ đã sắp đặt trước cho vạn vật. Ấy chẳng khác nào hai cái lý tương tiếp gát chông lên nhau, Âm Dương hỗn hợp, hữu hình và vô hình theo tiếng gọi của người đời thường vậy.

Không gian ấy là Dương, Thời gian ấy là Âm

Bà Bát-Nương giải thích:

Trong không gian lẫn lộn bóng thời gian để làm gì?

“*Vậy thì cõi vô hình tức là Không gian ấy là Đạo đó vậy. Trong Không gian có lẫn lộn thời gian tức nhiên Thế nằm trong Đạo. Vậy thì Thế ở trong Đạo để làm gì? Có phải chẳng là để cho thời gian trau giồi mà mở cơ tấn hoá đó chăng?*”

Bây giờ nói về Đạo-pháp thì thời gian nảy sanh từ Khí Lưỡng-nghi phân tách, tức là cơ tạo đoạn phát diễn hành tàng. Vậy thì Thời gian lẫn lộn trong không gian như bóng với hình..

Khí Ngũ hành là cơ Thể tạo nên hữu vi sắc tướng lấy KIM MỘC THỦY HOẢ THỔ mà tạo nên trường công quả cho không gian.

Lẫn lộn thế nào?

Trong Thế có Đạo, trong Đạo có Thế. Thời gian toả bóng ấy không gian, không gian tạo hình là Thời gian, tức nhiên là Thế Đạo cùng Thiên Đạo đó.

Thiên Đạo phải do nơi Thế Đạo làm hạ tầng cơ sở, còn Thế đạo phải nhờ Thiên đạo làm thượng tầng đoạt vị, đôi đàng phải nương nhau. Vậy thì thời gian do không gian chế ngự và Không gian do thời gian mà biến hoá.

Lẫn lộn rồi đến đâu?

Ấy là cơ siêu việt tấn hoá mà tạo nên Hư vô thanh khí, tức là cơ tạo đoạn tấn hoá đến chỗ tận thiện, tận mỹ vậy.” (Trích: Luật Tam Thể của Đức Cao Thượng-Phẩm)



13- Về Y-lý

Thiên lý là con đường đi của từng sự vật, nên mới nói là gần Đạo: Biết được sự vật tức là ta thường nói biết được cái số mệnh của sự vật, là bậc quang minh sáng láng đắc Đạo vậy. Bất cứ sự vật gì xảy ra trong thế hệ đều theo những luật định của thiên nhiên ảnh hưởng bởi những tinh tú, ví dụ như:

1- Những thiên tượng và sinh lý của đàn bà như kinh nguyệt thường từng tháng theo Âm-lịch là 28 ngày (hay là 4 tuần lễ, mà mỗi tuần lễ là 7 ngày=28).

2- Sự động của thai nghén bắt đầu trong hạn từ 126 ngày (hay là 18 tuần lễ, mỗi tuần 7 ngày).

3- Cái thời hạn mà người ta gọi là thời có thể sống được là cái hạn độ 210 ngày (là 30 tuần lễ, tuần 7 ngày)

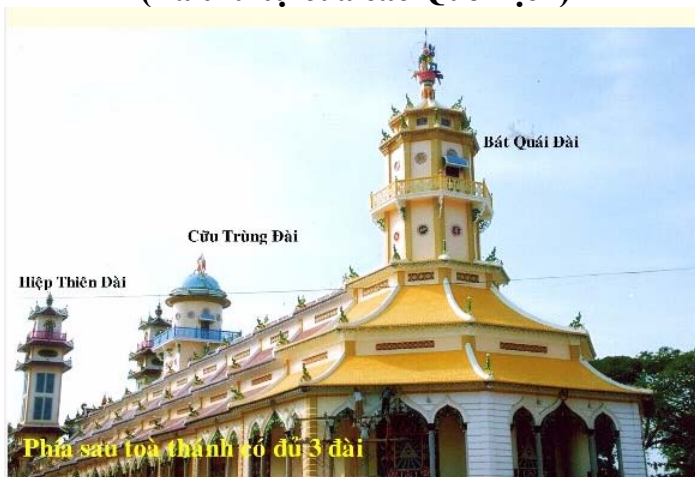
4- Thời hạn khai hoa nở nhụy thì phải 280 ngày (hay là 40 tuần, mỗi tuần 7 ngày, hay là 10 tháng âm lịch là 28 ngày, hay là 9 tháng theo dương lịch, 30 ngày mỗi tháng và 10 ngày).

Xem như vậy thì những thời hạn nghiệm xét như trên là một dấu chấm, đánh dấu sự thành tựu từ đầu của sự sinh dục có thể thành cái căn bản để tính toán về Thiên văn-học mà phần nhiều, nhiều nước dùng theo sự hành động trực hay gián tiếp của nó vậy.

(Các số còn lại đọc tiếp Quyển Tổng luận :XV)

DỊCH TỰ QUẢI

(Là thứ tự của các Quẻ Dịch)



Khi làm Dịch Thánh-nhân đã khảo sát rất kỹ về ý nghĩa của từng sự việc có liên đới với nhau: cả về sự tiến thoái, tồn vong, âm dương ngũ hành sinh khắc, theo vòng thuận nghịch rất là chắc chắn. Nghiên-cứu Dịch cần phải am tường về thứ-tự của các quẻ. Vì mỗi một chi tiết về Dịch có một tầm quan trọng vô cùng. Thử tìm hiểu 64 quẻ ứng với 64 thời điểm của Cao-Đài Đại-Đạo. Xưa nay các nhà nghiên-cứu về Dịch thì rất nhiều, như:

- Ông Nguyễn Mạnh Bảo được Đức Hộ-Pháp đề lời khen tặng, nhưng Ông chuyên về khoa học chỉ lấy thuyết Nguyên-tử để dẫn chứng Dịch-học.

- Ông Phan-Bội-Châu thì chỉ bàn về Chánh trị.

Còn rất nhiều nhà Dịch-học như Ngô Tất Tố, Nguyễn Hiến Lê, Nguyễn-Duy-Cần...nhưng mỗi mỗi bàn về một vấn đề khác nhau. Nay Soạn giả muốn xiển dương chơn lý chánh truyền của Cao-Đài Đại Đạo nên mạo muội

đem chơn lý của Đạo Cao-Đài ra dẫn giải, mong được góp nhặt những ý kiến hay, nhưng chắc chắn sự khởi điểm bao giờ cũng còn nhiều thiếu sót và rất cần nhiều ý-kiến bổ túc cho ngày được dồi-dào hơn.

Trong 64 quẻ đặt theo thứ tự thì chia làm 2 Kinh:

-Thượng Kinh có 30 Quẻ, mà Càn Khôn ở đầu hết, *Khảm Ly là cuối của Thượng kinh* tức nhiên là ở trung gian của toàn bộ Kinh Dịch.

-Hạ kinh có 34 Quẻ mà *Hàm, Hằng* ở đầu Hạ Kinh, *Thủy Hoả Ký tế, Hoả Thủy Vị tế* đặt cuối hạ Kinh.

1-Thượng kinh có 30 quẻ:

Trước hết là ngôi Thái-cực tức ngôi cao cả, tượng trưng ngôi của Đức **CHÍ-TÔN Ngọc-Hoàng Thượng Đế** là **quẻ KIÊN** (quẻ 1) đồng thời có **ngôi PHẬT-MÃU** là Thái cực sanh Lưỡng nghi tượng **quẻ KHÔN** (quẻ 2). Hai ngôi đã đủ, là Âm Dương hoà hợp mới biến sanh hằng hà.

Ngay buổi ấy Chí-Tôn đã định “*Khai Đạo muôn năm trước định giờ*” nên khiến các bậc tiền bối trong cửa Đạo họp nhau Xây bàn cầu Cơ thỉnh Tiên gọi là thú tiêu khiển giữa lúc vận nước đang chịu lệ nô, muôn dân đồ thán. Các Ngài mang sẵn bầu nhiệt huyết muốn làm gì để cứu lấy non sông và đồng bào, đúng vào ý muốn của Thượng-Đế nên thừa dịp nhờ Diêu-Trì-Cung đem văn thơ giáng bút để dẫn dụ các Ngài vào con đường đạo-đức, hầu mở đường xuất Thánh, ấy là lúc Thượng-Đế chuẩn-bị cho dân-tộc Việt-Nam một mối Đạo Nhà, đó là **Thời-kỳ Tiền khai Đại-Đạo**. Vạn sự khởi đầu nan mà! Bao nhiêu truân khó buổi đầu mấy ai tránh khỏi là thời **TRUÂN** (quẻ 3).

Đáng đầu công là Đức Hộ-Pháp, một trong ba người Đệ-tử đầu tiên là ba ông Cư, Tắc, Sang. Sách nói “Ba người lập thành Đại-Đạo”. Đó là thời **Đại-Đạo Tam Kỳ Phổ-Độ** ứng với **quẻ MÔNG** (quẻ 4), vì Đạo mới hình

thành như một cây non nớt vừa nhú mầm trong đất thì phải chịu truân khó đến bực nào! Ngày khai Đại-Đạo Tam-kỳ Phổ-Độ chính thức vào ngày 15-10 năm Bính-Dần (dl 19-11-1926) Đức Chí-Tôn lập Pháp-Chánh-Truyền và dạy các chư Thánh hội nhau lập Tân luật để phân quyền các Chức sắc cho khỏi tranh quyền nhau là **Pháp Luật Đại-Đạo**, đó là thời **NHU (quẻ 5)** là một nhu-cầu thiết yếu.

Tuy nhiên bao giờ những cái khấn thiết nhứt thì nó sẽ trở thành con dao hai lưỡi. Bấy giờ sự Thương yêu bắt đầu rạn nứt vì có người nghĩ rằng sao người nhỏ lại được giao cho việc lớn, mà người lớn chức ngoài đời đôi khi lãnh phần khiêm tốn hơn. Nhưng quên rằng quyền Chí Tôn là tối thượng. Với người nhỏ mà cao ngời ở Thiêng liêng vị. Trẻ tuổi mới dùng lâu bền, vì đó mà bất đồng chánh kiến rồi sinh **chia phe phân phái** nhau làm nên **thời TUNG (quẻ 6)**. Mười hai chi phái khởi từ đây, “*gà cùng một mẹ bơi mây đá nhau*”. Tất cả những vị không tùng theo Hội Thánh Cao-Đài Toà-Thánh Tây-ninh đều tự ý chia thành phe nhóm lấy tên này tên nọ lập riêng theo ý của mình có tên là phái Bến tre, Minh chơn-ly, Minh chơn Đạo, Ban Chính Đạo... Người muốn vậy trời cũng cho toại nguyện để thử xem có bao nhiêu Ông Trời xuống thế?.

Mỗi mỗi đều tự phong Chức tước cho nhau kẻ lên Đầu sư, người thì Hộ-Pháp, Giáo-Tông. Riêng nơi Toà Thánh còn lại những bậc nghe theo tiếng gọi của Chí-Tôn lập thành Hội-Thánh Đại-Đạo Tam-Kỳ Phổ-Độ y như Pháp-Chánh-Truyền mà Chí-Tôn đã ban cho ngay từ buổi đầu, thời của **quẻ SU (quẻ 7)** Tượng **Thánh-Thể Chí Tôn**.

Khi hoàn thành Hội-Thánh Đại-Đạo thì phải có trật tự đẳng cấp hẳn hoi. Các Chức sắc tu-hành được mang áo mào ra vào Điện Thánh tức là Chí-Tôn ban cho Thiên Tước mà người mặc vào mình với một Nhơn-tước cho cả

hai cùng đồng giá trị đó là thời **Quẻ TỶ (Quẻ 8)**. Tức nhiên làm sao cho trọng giá Đời nêu cao giá Đạo, mà áo mào này chỉ là Đức Chí-Tôn cho mượn khi nào thực sự hoàn thành nhiệm vụ thiêng liêng phú thác mới được đổi phẩm cùng Thiên tước. Đó là **phẩm tước Thiên Đạo**.

Sự phân quyền hạn đẳng cấp này quan trọng là do **Huyền-Điệu Cơ Bút** của Các Đấng Thiêng-liêng giảng Cơ ban cho, quí hay chăng là chỗ đó ấy là thời của **Quẻ TIỂU SỨC (quẻ 9)**. Chính Cơ bút là điều quan yếu để lập thành Đại Đạo tuy giản đơn mà sâu kín nhiệm mầu. Thầy đã dạy đủ lễ nghi phép tắc, lập Tam Trán Oai-Nghiêm thay quyền Tam giáo, *Các nghi thức về Hôn, tang, tế, sự*, mỗi mỗi đều do Đức Chí-Tôn phân định đó là thời của **Quẻ LÝ (quẻ 10)**. Lý giả lễ dã. Lý là trật tự nghiêm minh không thể thiếu là **Nghi thức Đại-Đạo**.

Sở dĩ nhân-loại ngày nay hạnh hưởng phước duyên như vậy là vì nay là **Cơ Đại Ân-Xá của Chí-Tôn**, đó là một điều hanh thông của thời **Quẻ THÁI (Quẻ 11)** vậy. Nhưng cái chu kỳ Thái Bĩ xoay vần, nào ai tránh khỏi. Cũng như trời đang quang đặng bỗng đổ trận mưa giông, nước đổ tràn đồng, làm cho mọi người chơi với mất hết niềm tin, thời của **Bĩ (quẻ 12)** vậy ôi! Đó là học xong khoá trường cũng phải ra ứng thí chứ! Đâu tiếp tục thăng tiến, rớt ở lại Địa cầu 68 này nào ai biết được. Nếu không phải là quyền năng Thượng-Đế Chúa cả càn khôn năm số 12 là Thập nhị khai Thiên của thời Bĩ làm cho **Đạo bế** như vậy thì không ai xoay chuyển nổi cơ Trời để đưa nhân loại đến **Đại-Đồng thế giới** để ứng vào quẻ **ĐỒNG-NHÂN (quẻ 13)** trong Thánh-ý của Người. Tinh thần Đại Đồng ấy thực hiện được nhờ Đức Chí-Tôn đã dạy cho có đủ tinh thần cao sâu mà Đức Hộ-Pháp mới lập ra **Chính sách Hoà bình Chung Sống**, ứng vào quẻ **ĐẠI HỮU (quẻ 14)**.

Khi đã thông nhất được tinh thần Tôn giáo thành một khối Đức tin, tức là nhân-loại biết nhìn nhau một Đấng Cha lành, thì Ngài buộc **Tam Thánh ký Đệ Tam Thiên Nhơn Hoà ước** với Ngài. Trong Tam Thánh thì Đức Nguyễn Bình-Khiêm là bậc Sư phó Bạch-Vân Động xứng đáng vào thời **KHIÊM (quẻ 15)** phải thực thi cho được hai điều Bác-ái, Công-Bình. Có được vậy thì nhân loại mới vui sống trong cuộc đời an lạc mà từ xưa đến giờ hằng mong ước đời Thánh đức, sống trong cảnh Thảnh Thuần, ngày Nghiêu, thì nay chính là **thời-kỳ của Đức Di Lạc Vương Bồ Tát** là thời Đạo trị, Ngài đến mở Hội-Long Hoa làm nên **thời DỤ (quẻ 16)**.

Thời Tịch lạc muốn thể hiện trong cõi đời này, trong chu-kỳ 700.000 năm của Đại-Đạo không thể hoàn toàn là cơ hữu hình như Tam giáo trước đây, nên Đức Chí Tôn mới lập ra Tam Trấn thay quyền Tam giáo, gọi là **Tam Trấn Oai nghiêm của thời TUỖ (quẻ 17)**. Bởi tuy theo trình độ của nhơn sanh mà tùy duyên hoá độ: nếu tu thì thành dữ thời đoạ. Đạo khai Tà khởi, thế nên các Bậc tiền bối phải chịu **Án-nạn-pháp**, mà nhứt là Đức Hộ-Pháp phải chịu thời gian trấn Thánh Phi châu, chịu nạn cho nhơn sanh trong **thời CỔ (quẻ 18)** ấy cũng vì không phân biệt được hai lẽ Chánh tà nên Ngài đã lãnh nạn cho dân tộc Việt Nam đồng thời Ngài đã nâng cao tinh thần của **Hiệp-Thiên-Đài** mà Ngài đang Chương-quản, ứng vào **quẻ LÂM** (quẻ 19) “Lâm giả đại dã”. Hiện Toà-Thánh có hai Đài hữu hình là Hiệp-Thiên và Cửu Trùng, mà **Cửu Trùng Đài** là cơ quan giáo hoá nhơn sanh, ứng vào **quẻ QUAN** (Quán. Số 20). Nhưng **Hộ-Pháp Chương quản Nhị hữu hình đài**, nên Ngài nắm pháp Thiên điều tức là **quyền Chí Tôn tại thế**, ứng vào **quẻ Phệ-hạp** (Quẻ 21). “Hộ-Pháp là người nắm cơ mầu nhiệm của Đạo nắm luật của Đời” nên

Ngài nắm **Bí pháp của Đạo** ứng với **quẻ BÍ** (quẻ 22). Cuộc đời vẫn xoay vòng theo lẽ dinh hư tiêu trưởng, nay là lúc Đạo đi vào **thời Khai ngươn chuyển thế** tức là thời kỳ thử thách của Chí Tôn để phân Thánh lọc phàm ứng vào thời của **BÁC** (quẻ 23).

Nhưng chẳng lẽ Bác hoài như quẻ này 5 Âm đã lần hết ra ngoài chỉ còn 1 Dương lơ lửng, nên khi qua thời này **Đại-Đạo phục hưng** đó là quẻ **Phục** (số 24). Đứng lúc Đạo Cao-Đài ra đời là Đức Chí-Tôn đã **Qui Tam hiệp ngũ**, nay chấn chỉnh lại tức là cơ qui hiệp đó là quẻ **Vô vọng** (quẻ 25). Thử hỏi nơi qui hiệp là đâu? Tất nhiên là Tổ đình, là Toà Thánh. Thầy cũng đã nói “Chi chi cũng tại Tây ninh mà thôi”. Vậy **Toà-Thánh Tây ninh** là nơi chứa đầy Bí-pháp của Đại-Đạo, là quẻ **Đại-súc** (Quẻ số 26).

Nhưng trong cửa Đạo thì kẻ rước là Thượng-Sanh, người đưa là Thượng Phẩm, trách nhiệm của **chỉ Đạo** vô cùng trọng hệ đó là thời **DI** (quẻ 27). Chính nơi đây là đức tin của nhân loại, là lò giáo hoá nhơn sanh được thành Tiên tác Phật mới mong trở về **Con đường Thiêng liêng Hằng sống**, mà Phật-giáo gọi là Niết Bàn, ứng với **quẻ Đại quá** (quẻ số 28). Nay là cơ tận độ toàn vạn linh sanh chúng nên Thầy mở ra Đạo Cao-Đài chỉ vì **Tứ khổ** của nhân loại đến giờ này cũng chưa giải quyết được ấy là thời của **Khảm** (quẻ 29) là một sự hiểm nghèo chưa một ai trong cõi trần này tránh khỏi. Duy chỉ có Đại-Đạo ra đời, ánh linh quang của Thượng-Đế soi sáng dưới “Con Mắt Trời” tức là **Thiên Nhân Thấy** làm biểu hiệu của nền Đạo này ấy là **quẻ Ly** (quẻ 30) “Ly vi mục” là thế.

Đến đây là xong phần Thượng kinh 30 quẻ đầu. Cuối cùng của phần này là hai quẻ Khảm Ly

Diệu dụng của hai quẻ Khảm Ly:

Nghĩ kỹ mới thấy chỗ ý-tứ thâm-diệu của Thánh nhân khi đặt Ly ở giữa 64 quẻ, nguyên do có thâm ý lắm, bởi vì **hai quẻ Khảm Ly là cái tâm của Trời đất**

Nguyên về Dịch-lý chỉ có nhất Âm nhất Dương phối nhau mà làm nên vạn-vật với muôn hình ngàn vẻ trong vũ trụ này. Càn Khôn giao phối không có gì khác hơn là Thuỷ Hoả, mà **Thuỷ Hoả là trung tâm điểm của Càn Khôn, là cái dụng của Càn Khôn**. Thuỷ Hoả làm nên cuộc sanh tử của vạn-vật mà con người đứng phẩm tối linh. Không có Thuỷ Hoả thì không có vật gì được sanh tồn trong vũ-trụ này. Khi Càn Khôn giao phối nhau thì:

- *Khôn cướp được điểm chơn dương của Càn biến thành **Khảm***
 - *Càn đoạt được điểm chơn âm của Khôn mà thành ra **Ly***.

Vì thế mà **Khảm Ly trở thành trung tâm điểm của trời đất**, theo về phương-vị thời *Khảm ở phương chính Bắc làm chủ giờ Tý, Ly ở phương chính Nam, làm chủ giờ Ngọ*.

Khảm Ly là cái tâm của trời đất hay là cái gốc của tạo-hóa. Quẻ Khảm có cái Dương của mặt trời ở giữa thu được ánh sáng mà thành mặt trăng.

Quẻ Ly có cái Âm ở trong làm đẹp cõi đất bao hàm sự sáng thành mặt Nhật. Thế nên:

Khảm là Thuỷ, cơ bản của nó là lạnh, là hàn.

Ly là hỏa, cái gốc của nó là nóng, là nhiệt.

Khảm là mặt trăng, là nguồn ánh sáng trong đêm.

Ly là mặt trời là nguồn ánh sáng phát ra ban ngày.

Cái dụng của Thuỷ, Hỏa, nhật, nguyệt là cái vận hành của nóng lạnh, ngày đêm, đó là sự nhiệm-mầu của tạo-hóa, muôn sự vật từ đó mà đem lại nguồn sống cho muôn loài. Sao trên trời là tượng của quẻ Ly.

Ly là hơi nước (*Đoài*) kết lại thành mưa tuyết, rồi tan ra nước (*Khảm*). Khí nóng ở nội tâm quả đất làm rung

động (*Chấn*). Lớp vỏ quả đất có ngày do sự nứt nẻ mà phun ra ngoài thành Hỏa Diệm-sơn. Nét chấp ở trên quẻ *Chấn* đổi thành nét liền chỉ lửa đỏ ra ngoài hay ở giữa lớp vỏ trong ngoài đều có lửa.

Trong đồ **Tiên Thiên Kiền ở phương Nam**. Kiền là lửa ngọn có màu xanh, trắng, vàng tùy theo nhiệt-độ cao thấp. Ly là lửa than hồng màu đỏ. Lửa ngọn tắt còn lưu lại đồng than hồng nên **Kiền thành Ly ở về phương Nam**.

Dịch là một bộ sách đủ cả Thiên-Đạo và Thê Đạo:

*Thiên Đạo thuộc về phần Hình nhi thượng.

*Thê Đạo hay Nhân-sự là thuộc phần Hình-nhi hạ
 Hình nhi thượng gọi bằng Đạo đủ cả hết ở trong 8

quẻ đơn. Hình nhi hạ gọi bằng Khí, **khí** 器 là dụng, là đồ dùng, cần yếu nhất là đồ dùng để ăn uống.

2-Về phần Hình nhi hạ Dịch nói rằng:

Có trời đất rồi mới có vạn-vật. Có vạn-vật rồi mới có trai gái. Có trai gái rồi sau mới có vợ chồng, có vợ chồng rồi mới có cha con, có cha con rồi mới có vua tôi. Có vua tôi rồi mới có trên dưới. Có trên dưới rồi mới phân lễ nghĩa. Đạo vợ chồng không thể không lâu bền được. Nay một người Tín-đồ trung kiên của Cao-Đài đến với Đạo như tìm người yêu, thế nên **Đạo Hàm (Quẻ 31)** mở đầu quyển Hạ Kinh, đây là người biết tìm đến mà Nhập môn cầu Đạo làm **Môn đệ của Đấng Chí-Tôn**. Điều trọng yếu là phải biết giữ Đạo cho bền tức nhiên **Hằng (quẻ 32)** là người Đạo phải hành **Tam Lập**. Có như thế mới về được với Đức Chí Tôn trong buổi Chuyển thế này. Tu trong buổi này không những tụng kinh gõ mõ mà còn phải Phụng sự cho vạn linh nữa.

Vật không thể ở một nơi lâu được, cũng như người

tu mà bị cường quyền bức hiếp, buộc phải có được sự bảo vệ là **Cơ quan Bảo-Sanh Nhơn-Nghĩa Đại-Đồng** là Quân Đội Cao-Đài được thành hình, nhưng thời gian thụ được đức đó chính là **thời Độn (Số 33)** Độn là lui, chỉ một thời gian ngắn rồi cũng giải tán. Nhưng nhờ nương nơi **Việt Nam Thánh Địa** là vùng đất Thiêng mà Đức Chí-Tôn đã chọn làm chiếc nôi tình thương để bảo bọc người tu được sống yên lành mà kế kinh sớm tối nên đây là cuộc **Đại Tráng (số 34)** tức là sự mạnh-mẽ. Đã có sự cứng mạnh tất phải tiến lên trong tinh thần của người **Phước Thiện – Phạm Môn** để giúp đỡ người tu, tức là **thời Tấn (số 35)**. Nếu tiến mãi mà không biết dừng ắt bị thương tổn ấy là cuộc **Minh-Di (số 36)** là lúc phải nghĩ đến những người đã một thời gian hy sinh cho Đạo nghiệp, giờ này yếu tha già thối phải được cho vào **Hội-Thánh Hàm phong** mà lo báo bổ ơn xưa. Những người này dù không làm việc trực tiếp như ngày cũ, nhưng là người gương mẫu, nhắc nhở cháu con giữ tròn Đạo nghĩa là **quẻ Gia nhân (số 37)** tức là trở về với **Quốc-Đạo Nam phong**. Gia đạo ắt cũng có lúc trái lòng nên thụ được đức ấy thì đến **cuộc Khuê (38)** Khuê là trái lìa hoặc hỗ trợ nên có **Tam Hội Lập Quyền** để giải quyết những sự bất trắc trong Đạo. Dù là trái tất phải khó khăn nên thụ được đức ấy sẽ đến thời **Kiến (39)** Kiến là nạn khó vì nam nữ không sống chung trong những lúc tu hành nên Đức Hộ-Pháp phải lập ra nhà Tịnh riêng cho Nam Nữ nên đó là **Tam Cung Cứu Viện** đồng thời phân biệt về Hành chánh nữa. Dù khó đến đâu cũng giải quyết được. **Giải** là quẻ (40) Dịch nói “Giải giả hoãn dã” giải là chậm, từ từ, ấy là cách giải khổ về phần xác và giải thoát cho phần hồn, đó là **Giải pháp cứu thế của Đạo Cao-Đài**.

Rồi tiếp theo là **Tồn (41)** là một sự mất mát thiệt thòi như người Mẹ tạo ra người con đã tốn bấy nhiêu công,

lớn lên rồi con cái ít khi làm theo lời khuyên của cha mẹ cũng lại là sự mất mát nữa, ấy là tinh thần của **Phật Mẫu Diêu-Trì** phải đến dần độ. Trong rủi cũng có điều may là Chí-Tôn đến mở Đạo là một ơn ích, là đến **quẻ Ích (42)** tức nhiên đời người muốn sống hữu ích chỉ còn mỗi việc **Tu hành** mà thôi. Việc tu-hành là một quyết định. **Quyết (43)** hay **Quải** tức nhiên con người tu không những kinh kệ mà phải học lý Đạo để triển khai kho tàng văn hoá của Đại-Đạo: Ấy là **Văn hoá tương lai lập Đại Đồng** vậy. Khi quyết được tất có **Cấu (44)** hợp được với lòng từ bi tha thiết của Đức Chí-Tôn là áp dụng **Nho Tông chuyển thế**. Sau đó gặp-gỡ mà tụ hội tức nhiên đến **Tụ (45)** là khi Nhơn Đạo thành tức nhiên Thiên Đạo rành là ngày đoàn tụ với mẹ Diêu-Trì trong ngày **Hội-Yến Diêu Trì-Cung**. Tụ để theo chiều hướng cao hơn tức nhiên là **Thăng (46)** là trở về với Niết bàn, **về với Đức Chí-Tôn Ngọc-Hoàng Thượng-Đế**. Nhưng cái gì cũng có biến đổi, nếu không biết dừng thì nó quay ngược lại, trào cao té nặng ắt **Khổ (47)** chính là lúc **Đạo khai Tà khởi**, nên biết bao kẻ đã chịu luân hồi sanh tử.

Bấy giờ trung gian lọt vào giữa hai quẻ Tĩnh và Đĩnh là quẻ Cách.

TĨNH là đồ cung cấp cho người ta về việc UỐNG.

ĐĨNH là đồ cung cấp cho người ta về việc ĂN.

Vì thế mà hai quẻ cặp liền nhau. Thánh-nhân muốn cho người ta biết ở phần lưỡng gian có Đạo mới sanh KHÍ. Có Khí mới chờ được Đạo.

TĨNH, ĐĨNH chẳng qua mượn hai giống Khí để hình dung Đạo-lý thuộc về nhân sự. Nhưng mà Nhơn sự thường tất phải thay đổi, nên trung gian quẻ Tĩnh, quẻ Đĩnh đặt vào quẻ Cách đó là ý tứ sắp đặt có công phu.

Nếu Đạo Cao-Đài ngày nay dưới cái nhìn **NHÂN NGHĨA** đặt vào quẻ **Tĩnh** (số 48) thì điều Nhân-Nghĩa được thực thi ở mọi tầng lớp, mọi Tôn-giáo, mọi giới. Đối với người đã nằm xuống, hy-sinh cho Đạo pháp làm về vang cho nền Đại-Đạo được thờ nơi **Báo-Ấn-Từ**, người hy-sinh cho Quốc tổ thì có Báo-Quốc-từ thiên thu phụng tự. Cho nên tuy **Cách** (49) mà lòng không cách. **Đĩnh** (50) muốn cho khấn-khít nhau, hoà đồng tư-tưởng, Tôn giáo, Tín-ngưỡng lại thì Thượng Đế mới dựng nên mỗi Đạo Trời: **Đóng Địa ngục mở từng Thiên**. Người mình hay nói “nhất của nhì con” thế nên phải nghĩ đến con trai trưởng là **Chấn** (51) Chấn có nghĩa là động, đó là hình ảnh của **hai vị Đầu sư: Đức Quyền Giáo-Tông và Bà Lâm Hương Thanh**, được tạc tượng trước lầu chuông và lầu trống của Đền Thánh, đón rước người Đạo từ muôn phương trở về nguồn cội. Nhưng vật không thể động đến cùng nên khi thụ được đức ấy đến là dừng ở **Cấn** (52) như bị núi chắn trước mặt, nên người tu là tự làm sáng cho mình bằng phương pháp **Tu chơn tức là con đường thứ ba Đại-Đạo** là tìm đường về với cội Hằng sinh. Làm sao phải thoát từ từ ấy là **Tiêm** (53) là tiềm ẩn, là một **tinh thần Phụng sự** cao của người Cao-Đài ngày nay như một gái về nhà chồng là cái chót của cuộc đời con gái nên là **Qui-muội** (54) đó là chỉ **Tam giáo thất kỳ truyền** được có nơi về ấy là một quyết định lớn trong đời nên thụ đức ấy đến cuộc **Phong** (55) là lớn, là thịnh, thì trong các Tôn giáo từ trước đến giờ không tôn giáo nào qua **Phật giáo**. Ngày nay Đạo Cao-Đài các Chức sắc phải đi xa để làm nhiệm-vụ là đến cuộc **Lữ** (56) như một **Chức-sắc hành Đạo ở địa phương** là cách **Phổ-Độ chúng sanh**. Ấy là lúc Người vào khuôn viên đạo-đức “tri hành hiệp nhất” là thời **Tôn** (57) Tôn là vào, là xiển dương **Văn minh tinh thần** cho nhân loại. để

sau được đẹp lòng mới đến **Đoài** (58) tượng trưng cho người con gái út của Thượng-Đế, chính là **Phật Quan Âm** tới trong ngươn hội này đỡ đầu cho Nữ phái. Rồi cũng phải theo dòng thời gian mà làm hoán cải tà tâm của nhân sanh ấy là thời **Hoán** (59) nay Đức Chí-Tôn cho làm **Thuyền Bác Nhã** để đưa người qua bến Giác, nghĩa là mỗi người tự biết tiết giảm hạn chế những thói quen không tốt ấy là cuộc **Tiết** (60) là sự tiết giảm, hạn chế từ trong lòng mỗi người đó là **Ngũ giới cấm, Tứ đại điều qui**. Bởi lòng người đã đặt hết niềm tin tưởng với Người đàn Anh có đủ uy-tín là đến **Trung-phu** (61) là **Đức Tin** mà Hộ-Pháp nói “Đức tin là kho chí bửu ngoài ra là của bỏ là đồ vô giá”. vậy. Vật thì có lớn nhỏ, nhưng vật trước mắt còn phân biệt cái nhỏ, chí ư vật vô hình thì khó mà phân biệt được nên đến cuộc **Tiểu-quá** (62) là một vật nhỏ không còn gì nhỏ hơn nó nữa, đó là **Nguyên tử cứu người** như Đức Hộ-Pháp đã nói. Trong cuộc đời mãi là một vòng tròn không đầu mối, Dịch gọi là “như hoàn vô đoan”, nên khi vừa giáp một vòng rồi tức nhiên **Ký-Tế** (63) là Âm Dương tương hiệp là cảnh **Thiên thai kiến diện**. Người khó nhứt là sửa cái tâm, nếu không tu hành chính chắn thì phải chịu cuốn theo một chu-kỳ mới nữa là **Vị tế** (64) tức nhiên con đường **Luân hồi sanh tử** mãi còn tiếp diễn không bao giờ dứt, như con người cứ luân chuyển trong định mệnh. Thật là nếu chúng ta không biết quay về với Chân, Thiện, Mỹ, có khác nào:

Cái vòng danh lợi cong cong,

Kẻ hồng ra khỏi người mong chen vào.

Tìm ra được cái bản-nguyên, đặt cái tâm mình ở Hư-vô, dưỡng tâm ở một khí, tuy rằng có Lương-nghi, Tứ Tượng, Bát quái, 64 quẻ nhưng cả thấy đều vận dụng tại chỗ căn bản là HU-VÔ, chẳng hề sanh ra bao giờ, muôn

hình đều không, duy có một chữ KHÔNG mà thôi.

Trong một Khí Hư-vô thì làm sao kiết hung gia cho mình, hồi lần gần bên mình được? Cách sanh quẻ và sắp quẻ của Phục-Hi rất hay. Ngày nay:

“Chí-Tôn đến đặng hiệp con cái lại một nhà của Ngài, trong Thánh-ngôn Ngài còn quả-quyết đó. Ngài đến tạo ra Tân-Thế-giới làm cho nhơn-loại Đại-Đồng. Nếu sự tìm-tàng sắp xếp không đặng kết liễu thì Chí-Tôn sẽ thất hứa với con cái của Ngài mà chớ! Nhưng quả quyết rằng Ngài không bao giờ thất hứa, vì đã được 99 điều rồi Ngài đã thật hành vện hứa, không lẽ còn một điều nữa Ngài làm không đặng” (TN I /81)



MỤC LỤC DỊCH LÝ CAO-ĐÀI

Phần Cơ bản. QUYỂN II



Triết-lý và con người	Trang 2
Lời nói đầu	3

CHƯƠNG I

A-Đại cương về nền Dịch-lý Cao-Đài	5
B-Toán học qua Hà-đồ và Lạc Thư. Vấn đề xuất hiện của Hà-đồ	9
C-Những con số trên bàn tay và sự vận hành:	
1-Số Hà-Đồ	10
2-Luận về 100 trứng của giòong giòong Rồng Tiên và 100 ức nguyên nhân có khác nhau không?	13
3-Tại sao khi nhập môn làm Môn đệ của Đức Chí-Tôn mà còn bất lập minh-thệ nữa?	17
4-Chín mươi hai ức nguyên-nhân bị đoạ trần	20
5-Lý do nào có các con số trên?	22
D-Số biến hoá của Tứ tượng:	
1-Nguyên-tắc	26
2-Những trường hợp biến đổi của các số	28
3-Dịch là đi nghịch số	30
4-Vì sao Dịch nói từ quẻ Tồn đến Khôn là chưa sanh?	31
5-Nhìn tượng của Bát-Quái về thể hữu hình	32
6-Thánh Thể Đức Chí-Tôn	38
7-Thử tìm hiểu cách Bất Ấn Tý	40
8-Cách lạy qua ba thời-kỳ	44
9-Con người cũng đủ bốn Bát-Quái	45
E-Bát-Quái Tiên-thiên và phương vị: khởi điểm từ 8 quẻ đơn đến 64 quẻ kép	47
1-Số của bát-quái Tiên Thiên có giá trị khi thành quẻ kép	48
2-Kiên Khôn là cánh cửa đi vào Đạo Dịch	51
3-Thứ tự vận hành của Hà-Đồ	52
4-Luận về Y lý	54

CHƯƠNG II: ĐÂY LÀ THÁI CỰC ĐỒ

A-Đồ hình này biểu tượng cả Tam giáo, Tam Trấn, Ngũ chi.	59
1-Phương pháp vẽ	59
2- Đạo Cao-Đài thờ “Thánh Tượng Ngũ chi”	61
B-Ba thời-kỳ khai Đạo	66
C-Đại-Đạo Tam-Kỳ Phổ Độ là gì?	67
D-Tam giáo thất kỳ truyền	68
E-Biểu hiệu của Đạo Cao-Đài: Cờ Tam Thanh	69
F-Cách thờ phượng và cúng kiếng	70
G-Phương giải khổ của Đạo Cao-Đài	72
H-Hệ-thống tổ chức Hội-Thánh	72
I-Cao-Đài qui Tam giáo hiệp Ngũ chi	74
J-Cao-Đài là nền Vương Đạo lấy Lễ làm đầu	75

CHƯƠNG III

A-Phục-Hi Tiên thiên: Lục thập tứ quái phương đồ	77
1-Tám quẻ gọi là Bát-Thuần	77
2-Sự biến hoá thành quẻ kép	78
3-Cách thành lập 64 quẻ kép	80
B-Khai triển Bát-Quái biến hoá toàn đồ	84
1-Biệt số của 64 quẻ kép	86
2-Cách cấu tạo “Bát-quái biến hoá toàn đồ”	89
C-Tân Dương hoá thoái Âm phù	89
1-Bảy chu kỳ biến hoá	91
2-Một Âm một Dương tiêu trường	91
3-Hai Âm hai Dương tiêu trường	91
4-Ba Âm ba Dương quân bình nhau	95
D-Bát-quái Hư vô thành hình	98
1-Lý giải về Bát-Quái Hư vô	99
2-Sự kết hợp Bát-quái hư vô được thể hiện trọn vẹn	101
E-Bát-Quái hư-vô trong Bát-Quái biến hoá toàn đồ	103

CHƯƠNG IV

A- 12 Thiên-Tử-Quái	105
B-Thập Nhị Thời quân ứng với 12 Thời Thần	112
1-Thập Nhị Thời quân là gì?	115

2-Thập Nhị Thời Quân dưới quyền Hiệp-Thiên-Đài	117
3-Thập Nhị Thời quân ứng với 12 Thời Thần	118
4-Sự ứng hợp giữa Thời quân và Thời Thần thế nào?	119
5-Trọng yếu là thấu mấy vị Tông đồ	121
6-Pháp-Chánh-Truyền Hiệp-Thiên-Đài qui định	123
7-Số 12 thành hình do 9+3	127
8-Quyền hành Hộ-Pháp	129
9-Vấn đề xung khắc kỵ hạp	131
10-Chơn pháp của Đại-Đạo	132
C-Kết luận về Quẻ biến	134
D-Tứ tượng và sự vận hành biến hoá, sinh trưởng thu	
Tàng trong trời đất	141
Bốn giai đoạn biến hoá của thời tiết	144
E-Cơ đạo có 12 Thời-quân bên cạnh có 12 Bảo-quân,	
hợp lại cũng như 24 tiết khí vậy	146
F-Lý biến hoá: Thể-pháp trong nền Đại-Đạo	147
1-Ýnghĩa 23 Thiên Nhân chung quanh Đền-Thánh	148
2-Bát-quái bên trong là Bát-Quái Hư vô	151
3-Phương thức trang trí về hình thể cũng từ trong	
“Bát-quái biến hoá toàn đồ” này mà ra	153

CHƯƠNG V

Đặc tính các con số ứng với Thể-pháp trong nền	
Đại-Đạo từ 0 đến 7	
A-Số không (0) Nguyên lý	156
1-Hư vô là gì	157
2-Thánh ngôn Thầy dạy	158
3-Lòng Tín ngưỡng phát sinh: Sự cầu nguyện	159
B-Số 1: Nguyên lý	162
1-Thánh Tượng Thiên-Nhân	164
2-Cây Cân Công bình Thiêng liêng tạo-hoá	165
C-Số 2: Nguyên lý	171
1-Nguyên lý về vũ-trụ	171
2-Giữa Đạo và Dịch có gì khác nhau	173
3-Thuyết Âm Dương	174

4-lời cầu nguyện Đức Phật-Mẫu.....	177
5-Tín-ngưỡng của người Cao-Đài.....	178
6-Đạo có Thể-pháp và Bí-pháp	179
7-Khóc cười của nhân thế.....	181
8-Long Mã phụ Hà Đồ.....	183
D-Số 3: Nguyên-lý	
1-Danh-từ AẤẤ.....	192
2-Đại-ÂN-xá lẫn ba.....	193
3-Tam ngươn của trời đất.....	194
4-Tam-Trần Oai nghiêm.....	195
5-Tam Thánh ký Hoà-ước.....	206
E-Số 4. Nguyên lý.....	217
I-Cúng Tứ thời.....	218
II-Sự thành hình trong vũ-trụ: Kiền có 4 đức Nguyên Hanh Lợi Trinh.....	226
3-Bốn vị Thánh-nhân đến khai sáng nhơn tâm.....	229
4-Đức Chí-Tôn khai Đạo buổi đầu có 4 cặp Cơ.....	232
5-Đạo xuất ư đông.....	233
F-Số 5: Nguyên lý	
1-Ngũ Chi đến trước khi Đạo Cao-Đài xuất hiện.....	235
2-Tu là đạt đức làm Chúa.....	236
3-Đạo Cao-Đài là chung cho cả Ngũ Châu.....	237
4-Phục nhứt Ngũ chi Đại-Đạo.....	241
5-Thánh lịnh cấm Cơ bút có 5 điều.....	245
6-Nghĩa lý của các Cúng phẩm.....	246
7-Thờ Thiên Nhân Thầy hình con mắt.....	251
8-Văn Quốc ngữ có đủ yếu tố của các số trong Dịch.....	254
9-Ngũ giới cấm	258
10-Năm trái địa cầu có nhơn loại ở.....	264
11-Ý-nghĩa về số 5 trong Đạo Dịch.....	266
12-Lạc thư.....	272
13-“Chí như ý từ trường ư Ngao trụ” là gì?.....	274
14-Sự tích Trương Lương dâng dép ba lần.....	279
G- Số 6. Nguyên lý.....	282

I-Quẻ Càn 6 nét gọi là Bát thuận Càn.....	282
II- Phật độ 6 ức nguyên nhơn nghĩa là gì?.....	296
III- Đền Thánh có Lục Long phò ấn.....	399
IV-Luận về 6 chữ Đại-Đạo Tam-Kỳ Phổ Độ.....	302
H-Số 7. Nguyên lý.....	308
-Bảy phẩm cấp không đổi.....	309
1-Đây: lò luyện nguyên-tử của Cao-Đài.....	310
2-Tác hại của hai quả bom nguyên-tử ở Nhật	317
3-Nguyên-tử cứu người.....	326
4-Muôn trốn bom nguyên-tử phải chun trong đám đậu nành mà trốn.....	330
5-Lý do phải học Đạo.....	332
6-Đạo là sự sống trong Càn Khôn vũ trụ.....	355
7-Văn Vương ở Dữu-Lý chịu 7 năm ngồi ngục.....	358
8-Đức Chí-Tôn cho 7 bài thi nói về Đồ Thơ.....	361
9-Thất Đầu xà.....	363
10-Bảy bước đến thành công.....	372
11-Đại Đàn Cúng Đức Chí-Tôn đàn bày bài.....	374
12-Bảy tầng không gian.....	377
13-Về Y lý.....	379
Dịch tự quái	382-393

Mục lục quyển II



Kỷ-niệm lần Sinh-nhật thứ 66 vào
ngày 3 tháng 5 năm Mậu-Tý (Đl 6-6-2008)
(Hoàn thành quyển II)



Sáu mươi sáu tuổi ngự lưng **voi**
Nặng nợ non sông quyết trở **mòi**.
Quả gánh ĐỒ THỔ bình giặc loạn,
Phổ truyền DỊCH-LÝ rít hơi **còi**
Huoi gươm Thần huệ hoà sanh chúng,
Mài bút Thi văn cũng múa **roi**.
Cảm nghĩa đồng bào, đồng Đạo khắp...
Ngưỡng ân Thượng Đế tặng vàng **thoi**

Nữ Soạn-giả
NGUYỄN THUY

Sách biểu không Xin làm quà tặng các Bạn bốn phương trong tinh thần xiển dương Đạo học và văn hoá Việt
